

Hà Thần - Thủy quái dưới cầu

Contents

Hà Thần - Thủy quái dưới cầu	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	3
3. Chương 3	11
4. Chương 4	20
5. Chương 5	30
6. Chương 6	39
7. Chương 7	48
8. Chương 8	49
9. Chương 9	58
10. Chương 10	63
11. Chương 11	67
12. Chương 12	72
13. Chương 13	80
14. Chương 14	84
15. Chương 15	89
16. Chương 16	93
17. Chương 17	96
18. Chương 18	100
19. Chương 19	104
20. Chương 20	110
21. Chương 21	114
22. Chương 22	122
23. Chương 23	128
24. Chương 24	133
25. Chương 25	138
26. Chương 26	143
27. Chương 27	149
28. Chương 28	153
29. Chương 29	159
30. Chương 30	164
31. Chương 31	168
32. Chương 32	174
33. Chương 33	178

Hà Thần - Thủy quái dưới cầu



Giới thiệu

Ai cũng đã nghe lớp người già trẻ kể chuyện về ‘Hà thần’ (Hà Bá). Thủy quái dưới cầu chính là một

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/ha-than-thuy-quai-duoi-cau>

1. Chương 1

Thành Thiên Tân, chín khúc sông, đôi cầu nổi, ba đường lớn;

Ngoài cửa Nam gọi Hải Quang Tự, phía cửa Bắc kêu Bắc Đại quan;

Cửa nam có quân đồn trú, lầu gác, pháo đài ở trung tâm.

Ba lỗ châu mai, bốn khẩu pháo, tàu điện biển vàng ra quan hải.

Bài về này đại ý nói về phong cảnh trước đây của thành Thiên Tân. Thời Dân quốc ngày đó, phía Nam có bến Thượng Hải, Bắc có thành Thiên Tân, chính là hai nơi phồn hoa nhất. Chuyện kể về Hà thần phần lớn đều xảy ra ở Thiên Tân. Trước tiên, như mọi người đều đã biết, tôi không dám đảm bảo tất cả mọi chuyện đều là sự thật, dù sao sự việc xảy ra cũng đã lâu, những gì nghe được cũng chỉ là thuật lại, tôi kể mọi người nghe, tin thì tin mà không tin cũng không sao, không cần truy cứu.

Những người lớn tuổi mỗi khi nhắc tới Thiên Tân thì thường xuyên dùng ba chữ “Thiên Tân vệ”, vậy vệ trong Thiên Tân vệ là nói về cái gì? Yến vương thời Minh đánh ra Bắc, bên người Minh Thành tổ Chu Lệ có Thiên Tân thiết vệ, cũng giống như Cẩm Y vệ thời đó, đều là một đơn vị quân đội đồn trú tại địa phương, hoàng đế Đại Minh dẫn theo con em từ quê nhà An Huy tới đóng tại Thiên Tân, phụ trách bảo vệ kinh đô, vậy nên nơi này liền gọi là Thiên Tân vệ. Đến những năm cuối thời nhà Thanh, Thiên Tân đã trở thành đất “thuê” của chín nước, thành thị phồn vinh chưa từng có, tụ tập đủ hạng người, rong rã lẫn lộn, những chuyện hiếm lạ kỳ quái cũng kéo đến ùn ùn.

Thiên Tân có Bắc dựa Yến sơn, Đông giáp Bột Hải, trên có hồ Bạch Dương, dưới là vịnh Bột, là điểm giao của muôn khúc sông, thực tế chủ yếu chỉ có năm con sông chính, hằng năm đều có không ít người chết đuối.

Ng.uồ.n .từ. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Trước khi nhà Thanh hoàn toàn sụp đổ từng thành lập một đội chuyên mò xác, đặc biệt chịu trách nhiệm vớt những xác chết trôi sông. Sau này tới thời Dân quốc, đội vớt xác này nhập vào chung với cảnh sát, gọi riêng là “Đội cảnh sát trên năm sông”.

Trong xã hội thời xưa, cục cảnh sát ngang ngửa với cửa nhà môn, ban đầu đội mò xác này không thuộc về cảnh sát sông mà có hơi hướng tự phát do nhân dân tổ chức, mỗi người đều là kiện tướng bơi lội. Chính vì xác chết trôi sông thường rửa nát bốc mùi, gây ô nhiễm tới nước sông, nhìn vào cũng rất ghê rợn, nên dân chúng trong thành có tiền thì bỏ tiền, không có tiền thì góp sức, mời những người thông thạo thủy tính vớt xác trôi sông lên. Thế nhưng muốn đảm đương công việc như này, chỉ dựa vào mỗi chuyện thông thạo thủy tính thôi thì chưa đủ, còn cần phải vô cùng gan dạ, biết được cách trấn tà.

Mỗi năm trên khắp các con sông có hơn trăm người chết đuối, chủ yếu là do thiếu cẩn thận nhảy xuống sông bơi lội mà chết đuối, lại thêm trầm mình tự vẫn, còn có cả những xác chết không rõ lai lịch từ thượng nguồn trôi đến, tục gọi là “chết trôi sông”. Lại còn có nhiều tên hung thủ chịu khó bê xác nạn nhân rồi ném xuống sông hủy thi diệt tích, người chết oan như vậy nhiều không đếm xuể, khó tránh khỏi có chuyện ma

quái xảy ra. Bất kể hiện tại nhìn nhận những chuyện như vậy thế nào, người xưa đối với chuyện quỷ thần đều vô cùng mê tín, phàm là xác chết trôi vớt từ dưới sông lên thường đều đem đến nghĩa trang chôn cất. Mà trách nhiệm trông xác ban đêm cho đến khi đem ra nghĩa địa mai táng, từ đầu tới cuối đều dồn hết về cho đội mò xác. Những người này ngoại trừ thông thuộc thủy tính và to gan lớn mật ra, còn có một số biện pháp riêng có thể khu quỷ trừ tà, bằng không thì chẳng còn ai làm được điều như vậy.

Dĩ nhiên những chuyện như thế đều là những lời mê tín mà thôi. Từ thời Dân quốc tới nay, đội mò xác đã trở thành “Đội cảnh sát trên sông Ngũ Hà”, nhưng mà dân chúng vẫn quen gọi họ là đội mò xác, cũng có khi là đội tuần sông, cho đến sau ngày giải phóng mới sửa thành Công an đường thủy. Quyển sách này của chúng ta nói về ‘Hà thần’, là để chỉ một người, người này họ Quách tên Đắc Hữu, là con thứ trong nhà. Quách nhị gia thủy tính giỏi giang hiếm thấy, mặt sông mùa đông đóng băng cứng ngắt, chỉ cần đục băng ra cũng có thể lặn xuống dưới được. Ông ta chỉ là một viên chức nhỏ của đội cảnh sát năm sông, cả ngày tiếp xúc với xác trôi sông, trong mấy chục năm đã phá vô số vụ kỳ án mà chỉ nghe qua thôi cũng khiến người ta rợn cả người, cũng đã cứu mạng rất nhiều người sắp chân rơi xuống nước, bình sinh kinh nghiệm vô cùng phong phú, lại mang trên mình sắc thái truyền kỳ. Người Thiên Tân thích đặt tước hiệu cho người khác, đọc qua rất dễ nhớ, dễ ghi, cũng rất thuận tai. Người thời ấy khi nhắc tới Quách sư phụ thì đều gán thêm chữ ‘Hà thần’, dĩ nhiên là khác hẳn với mấy vị thần linh hay Long vương ở Thủy cung.

Chuyện về ‘Hà thần’ chỉ là chuyện xưa mà lớp người già hay thuật lại. ‘Thủy quái dưới cầu’ chẳng qua cũng chỉ là một phần đặc sắc ở trong đó, nội dung hết sức ly kỳ, tình tiết tầng tầng lớp lớp, nghe qua rất dễ khiến người ta há hốc miệng, so với Bình thư còn đã nghiền hơn. Chuyện ngoài lề chỉ nói đến đây, trước tiên bắt đầu từ câu chuyện ‘Thủy quái dưới cầu’.

2. Chương 2

Lại nói về trước Giải phóng, vào một mùa xuân năm Dân quốc, thầy cả dẫn dắt đội mò xác gặp sự cố bỏ mình, Quách sư phụ là người sinh ra và lớn lên tại bản địa, quen thuộc con người, càng quen thuộc thổ nhưỡng, vậy nên phải gánh hết trách nhiệm to lớn của đội mò xác lên vai. Lúc ấy cả đội gom lại cũng không được mấy người, toàn bộ đều phải cậy nhờ vào công việc không có chút thơi tho này mà kiếm miếng cơm ăn. Mọi người còn chưa được tính là cảnh sát chính thức, so với các loại công việc mang tính chất thời vụ bấy giờ thì cũng chẳng khác là bao, mỗi tháng kiếm không được mấy đồng, tiền thu vào thậm chí còn không bằng mấy tên chân thối chuyên tuần tra trên phố, vậy nên bình thường đều phải tìm việc khác kiếm thêm thu nhập để chu cấp cho gia đình. Mà câu chuyện ‘Thủy quái dưới cầu’ của chúng ta xảy ra vào mùa hè năm sau nữa.

Sự việc xảy ra ở ngay đập cầu phụ cận. Đập cầu ngày xưa là nhằm nói đến một loại đập nước ở gần ngã ba sông, bên cạnh đập là một cây cầu lớn bắc qua, được xây vào những năm cuối thời nhà Thanh, có thể cho người và xe qua lại. Trên thực tế thì đập là đập, mà cầu thì chính là cầu, đập nước lớn và cầu lớn là hai cái khác nhau, chẳng qua lại nằm rất sát, cho nên mọi người vẫn quen miệng gộp chung lại thành ‘đập cầu’.

Khi đó thời tiết nóng nực cứ như trong lò lửa, đập cầu trên sông cả ngày ngựa xe như nước, người đến người đi, làm ăn mua bán vô cùng tấp nập. Thành Thiên Tân đích thị là một cái tụ bảo bồn, nuôi người nghèo nhưng cũng dưỡng người giàu, mà người giàu càng nhiều thì trộm cắp càng nhiều hơn. Thời bấy giờ thường gộp chung ăn trộm và đạo tặc lại làm một, trong xã hội cũ không hề phân biệt rạch ròi hai thứ này với nhau. Trộm tức là nói tới loại hành động chuyên móc túi người qua đường, thuận tay lấy một vài thứ trong cửa hàng mà không trả tiền cũng là trộm, mà đạo tặc thì còn chia ra thành nhiều loại phức tạp hơn. Có loại phi tặc lợi hại chẳng khác chi khỉ vượn, trèo tường vượt nóc dễ như bỡn, đột nhập trăm nhà viếng thăm ngàn căn hộ, bẻ cửa cạy khóa đánh cắp tài vật. Lại còn có thứ thổ tặc chuyên nhập địa mà đào mộ tróc mã, kiếm lời trên thân người chết. Một loại khác chính là thủy tặc, chỉ nghe qua là đủ biết không thể nào rời khỏi nước.

Phía Tây có một tên thủy tặc, người không tên họ, chỉ có một cái nhũ danh gọi là Ngư Tứ nhi, kẻ này không phải là một đạo tặc giỏi giang gì cho lắm, theo như chuyện thành Thiên Tân kể lại mà nói thì còn không bằng một bãi phân chim. Thế nhưng cũng có câu: ‘Phân chim mà thành tinh, lão ưng cũng phải tức chết’, Ngư Tứ nhi chính là như vậy, bản lãnh không lớn nhưng lòng tham không nhỏ, hần không có tài nghệ nào, chỉ biết dẹt ‘lưới tuyệt hậu’.

Trước tiên ta hãy nói qua một chút xem lưới tuyệt hậu là thứ gì?

Thông thường khi đánh bắt cá trên sông, người ta đều phải giăng ra một tấm lưới, lưới đánh bắt có vòng trúc làm chài, quăng xuống sông một lát sau đó kéo lên vậy là có thể vớt được tôm cá dưới sông. Đôi khi có thể bắt được cá, nhưng cũng có khi không có gì, kéo lên chỉ toàn là bùn sinh rong rêu rác rưởi dưới đáy cũng là chuyện bình thường. Còn thứ lưới tuyệt hậu mà Ngư Tứ nhai tạo ra, sông rộng bao nhiêu thì lưới rộng bấy nhiêu, ngăn ở giữa sông xong lại dùng cây trúc đóng cọc, lưới cá quấn quanh gậy trúc đến mấy tầng, dùng lưới tạo thành một cái mê cung vây tứ phía, chỉ chừa lại một lỗ hổng ở bên ngoài. Cá từ thượng lưu bơi xuống, đến trước lưới thì bị cản lại nên chỉ còn cách bơi vào trong lỗ hổng được tạo sẵn kia, nhưng bơi vào trong thì lại bị tầng tầng lớp lớp lưới cứ như là mê hồn trận bao vây chặt chẽ, làm cách nào cũng không thoát ra được, hơn nữa mắt lưới này rất nhỏ, cá nhỏ đến đâu cũng chui không lọt, vì vậy mới có tên gọi là “lưới tuyệt hậu”. Chiều này thực sự rất độc, cá dưới sông con này nối tiếp con kia, không đến thì thôi, hễ cứ bơi lại đây thì sẽ bị cái lưới tuyệt hậu này bắt lại.

Ngư Tứ nhai mỗi đêm lén lút đặt lưới, trời còn chưa sáng liền thu lưới lại, sáng sớm bày hàng ra bán, rao cá buổi đêm vừa đánh được, đủ loại cá tôm lớn nhỏ có hết, bỏ cả vào trong một cái thùng gỗ. Nhà nước cấm không cho dùng lưới tuyệt hậu để đánh bắt cá, trên sông thường xuyên có thuyền qua lại, vướng phải lưới thì rất dễ gặp chuyện không may, Ngư Tứ nhai cũng sợ bị người ta bắt được nên thường xuyên chuyển chỗ lưới cá. Vào một đêm mây mờ trăng khuất, hắn đợi tối trời liền đến dưới đập cầu đặt lưới, xong xuôi đâu đó thì cũng đã là nửa đêm, liền một mình ngồi cạnh cầu hút thuốc lá.

Lúc này có một người kéo xe, mới vừa đưa khách xong nên quay xe trở lại, vừa khéo cũng đi ngang qua cầu. Người kéo xe này biết Ngư Tứ nhai, hai người là láng giềng lâu năm nên cũng có lòng nói với hắn: “Dưới đập cầu nước sâu, ban đêm thường xuyên có người nhìn thấy thủy quái dưới chân cầu, hai mắt của nó cứ như là hai ngọn đèn trên đường vậy. Nghe nói mấy năm trước có một cô gái trẫm mình xuống sông, tới nay còn chưa tìm thấy xác, ngày thường mọi người cũng không dám bơi ngang qua khúc này, ông cẩn thận một chút.”

Ngư Tứ nhai phun nước bọt: “Mẹ người, chớ có hù ông Tứ này, Tứ gia đây lưới cá nhiều năm như vậy, còn chưa từng thấy cái sông này có cái giống gì khác lạ, nếu đánh trúng cái xác con gái gì đó thật, Tứ gia cũng ôm luôn về làm vợ trong nhà, ít ra cũng có thể “vui vẻ” một chút chứ sao.”

Người kéo xe kia mượn chuyện tiến tới xin Ngư Tứ nhai một điều thuốc, hai người ở trên cầu, anh một câu tôi một câu, chuyện trò qua lại.

Ngư Tứ nhai hỏi: “Hôm nay ông làm cái gì mà trễ như vậy mới về? Không sợ vợ ông ở nhà “ăn vụng” hay sao?”

Trên mặt người kéo xe lộ ra vẻ đắc ý: “Hôm nay kéo tốt, được khá nhiều tiền, tuy nhiên đường cũng hơi xa nên lúc này mới xong việc.”

Ngư Tứ nhai không tin: “Lấy cái gì mà ra nhiều tiền? Cái xe kéo rách nát của ông mà cũng làm ra tiền được sao?”

Người kéo xe mắng lại: “Tiền sư thằng trâu bò, cứ làm như ông kiếm được nhiều tiền lắm vậy, lo mà đánh cá của ông đi.”

Nói chuyện một hồi, Ngư Tứ nhai cũng cảm thấy muốn về nhà chớp mắt, quá nửa đêm lại tới đây thu lưới. Nhưng lúc này lại nghe mặt sông có động, hệt như có người đang lác lư mấy cây trúc chống lưới vậy. Hai người liền nghi hoặc, đứng dậy nhìn về phía dưới cầu. Mặt sông dưới cầu tối đen một mảng y như mực, chỉ có thể nhìn thấy mấy cây trúc cắm dưới sông không ngừng đung đưa, Ngư Tứ nhai mừng quýnh, đúng là tóm được cá lớn rồi, chỉ vùng vẫy thôi mà cũng khiến cả lưới phải rung chuyển, giống này nhất định không thể nhỏ.

Những năm đầu của thời Dân quốc từng có người bắt được một con ba ba lớn hơn cả cái cối xay ở ngay ngã ba sông, Ngư Tứ nhai thâm nghĩ: “Có thể là ba ba lớn dưới sông, nghe nói trên đầu ba ba có mụn thịt, đem giã lấy nước rồi dùng để rửa mắt sẽ khiến mắt sáng ra, người mù dùng nó liền có thể nhìn thấy đường. Đã đến lúc Tứ gia đổi đời, ngày hôm nay phát tài con mẹ nó rồi!”

Nghe tới đây, hần vội vàng kêu người kéo xe đến phụ một tay. Hai người ở trên cầu kéo lưới, lúc này trời đã tối mịt, kéo hết lưới cá lên trên cầu lớn rồi mà vẫn không thấy rõ trong đó đang bọc lấy cái gì, chỉ biết thứ đó to kèn một cục, nhìn hình dáng thì không phải cá lớn mà cũng chẳng là ba ba gì sất, lại dường như có cả tay lẫn chân, bốc lên một mùi hôi thối nồng nặc như cá chết, không thể nào ngửi nổi.

Người kéo xe gan bé, đến lúc này cũng có chút sợ, nói với Ngư Tứ nhi: “Anh Tứ, anh làm gì thì cứ làm đi nha, vợ em còn đang ở nhà đợi cửa chờ em về, trời không còn sớm, em xin phép đi trước một bước...”

Miệng thì nói, người đã quay đầu muốn bỏ chạy.

Ngư Tứ nhi tắc đảm bao thiên, vung tay tóm lấy người kéo xe, lại thấy trước tay xe kéo có treo một chiếc đèn bão, hần thuận tay vợ luôn rồi nói: “Đi là đi đâu? Mượn cái đèn bão của ông, tôi phải nhìn một cái xem thử vớt trúng cái gì dưới sông mới được.”

Người kéo xe vốn không muốn ượn nhưng lại không nhanh tay bằng Ngư Tứ nhi, thế là chẳng còn cách nào khác bèn phải đi cùng hần. Hai người mò tới gần, dùng đèn bão soi lên tấm lưới cuốn lấy thứ kia, nhưng ngặt nỗi lưới cá bọc quá kín, không mở ra thì căn bản chẳng thể thấy gì bên trong được. Ngư Tứ nhi cũng không dám mở lưới ra hết, chỉ vạch ra một chút rồi nhìn vào, vừa thấy, hần liền sợ hãi kêu lên thất thanh: “Ồi cha mẹ ơi, là xác một đứa trẻ!”

Ngư Tứ nhi giăng lưới tuyệt hậu ở ngã ba sông, đêm hôm khuya khoắt đánh lên được xác của một đứa bé. Đứa bé này không lớn, cả người đen thui, thoát nhìn giống y chang một con khỉ lông dài. Nhưng người kéo xe kia thì sợ hãi không ngớt, đây còn không phải là khỉ nước dưới sông Hải Hà hay sao?

Nghe nói dưới Hải Hà có khỉ nước, giống quái vật này khi trưởng thành mang hình hài như một đứa trẻ, cả người toàn là lông, sau mông còn có một cái đuôi, thi thoảng lại lên bờ, rất sợ ánh sáng và những thứ phát sáng, khi ở trong nước thì rất khỏe, nắm được cổ chân người liền lôi đi không hề lơ tay, khiến nhiều người giỏi bơi lội cũng phải chết đuối.

Đọc đến đây chớ nói không có lửa thì làm sao có khói. Tôi là tôi vẫn không tin, vẫn cảm thấy Hải Hà không thể nào có khỉ nước được. Nếu quả như có cái giống này thật, vậy thì lịch sử sinh vật ắt phải viết lại rồi. Tôi còn nghe người thầy làm cảnh sát đường thủy của mình thuật lại một chút, mới biết được chuyện này không phải là bịa ra cho có, Hải Hà quả thật có khỉ, nhưng không hề giống trong tin đồn một chút nào. Lại nói tới câu cửa miệng: “Không có lửa thì làm sao có khói”, suy xét lại từ đầu, căn nguyên rốt cuộc là đã xảy ra chuyện gì?

Cũng phải nói tới trước thời Giải phóng, quả thực có người phát hiện được một thi thể quái vật ở Hải Hà. Cái thi thể ấy mang hình dáng tương tự như một đứa trẻ, có tay có chân, toàn thân mọc đầy lông mao, phía sau mông có một cái đuôi dài, nhìn vào biết ngay chính là một con khỉ. Ai ai cũng rõ, dưới sông chẳng thể nào có khỉ được, dân chúng nghe nhầm đồn bậy, đều gọi quái vật kia là khỉ nước, còn bảo là do trẻ nít chết đuối dưới sông biến thành. Một đồn mười, mười đồn một trăm, câu chuyện về khỉ nước càng lúc càng trở nên quái dị, thậm chí còn có tờ báo đăng lên một tấm ảnh chụp, đúng là khiến cho người ta không muốn tin cũng không xong.

Thực tế cái thi thể vớt lên được ở Hải Hà kia là khỉ quả không sai. Nhưng nó vốn vốn chỉ là một con khỉ hết sức bình thường mà thôi, chứ chả phải là cái giống khỉ nước phải gió gì cả. Trước đó có một gánh xiếc lưu động biểu diễn dọc đường nơi đây, có dắt theo mấy con khỉ diễn trò kiếm ăn, nhưng một con trong số ấy không biết ăn nhằm cái gì mà đi đời nhà ma rồi. Đoàn trưởng gánh xiếc bấy giờ mới bảo đem xác nó ra bãi tha ma cho chó ăn, tất nhiên là không ai dựng mộ bia ột con khỉ đã chết được, mà vị nghệ nhân được sai đi vớt xác khỉ kia cũng thật là thất đức, vì muốn nhẹ việc mà ném thẳng xác con khỉ xuống sông. Hai ngày sau, xác con khỉ dưới sông Hải Hà được vớt lên, những người chứng kiến không khỏi ngạc nhiên quá độ, chẳng hiểu rốt cuộc cái giống này trôi từ đâu tới, mà cũng chính vì thế nên mới phát sinh ra vô số lời đồn đãi. Sau này cho dù nhà nước giải thích ra sao thì ra, trình độ dân trí còn kém, người người vẫn cứ tin rằng dưới sông Hải Hà có khỉ nước ẩn hiện.

Người kéo xe vừa nhắc, Ngư Tứ nhi cũng liền nhớ ngay tới tin đồn về khỉ nước, hai thằng sợ tới mức ngay cả đèn bão cũng quăng, giữa đêm khuya mịt mờ mà chạy thẳng một đường về nhà. Chạy được nửa đường thì đụng phải đội cảnh sát đi tuần đêm, còn bị nghi là trộm cắp nên bắt mất. Nếu không phải hạng người làm chuyện xấu lúc nửa đêm, vậy tối mờ tối mịt thế này rồi còn chạy đi đâu? Cảnh sát tuần tra trước tiên

lôi hai tên này ra đánh một trận, sau lại ép hỏi cả hai gây án ở chỗ nào? Ngự Tứ nhi kêu cha gọi mẹ, mở mồm xin tha rồi rít, lại đem chuyện mình giăng lưới ở ngã ba sông đánh trúng khi nước thuật lại một lần, người kéo xe có thể làm chứng.

Cảnh sát hỏi qua tình huống xong, liền lôi hai người trở lại cầu làm rõ, khi ấy thì trời cũng đã tờ mờ sáng rồi.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Nhờ trời sáng nên mới nhìn ra được thứ nằm trong lưới cá, đúng không phải khỉ nước, mà quả thực chính là xác của một đứa bé, chẳng qua trên người nó dính không ít rong rêu bùn lầy. Ngự Tứ nhi mới đầu không có nhìn nhầm, tất cả chỉ tại tên kéo xe ở bên cạnh gào to mới khiến cho đầu óc hấn mụ mị, vả lại lúc đêm đen không nhìn thấy rõ, liền lầm tưởng rằng vớt phải quái vật khỉ nước thật, suýt chút nữa thì gan mật cũng bị dọa đến nát bét.

Đợi đến hừng sáng, mọi người mới thấy rõ đứa trẻ chết sinh này, đoán chừng là do bị rong rêu dưới đáy sông quấn chặt nên mới không nổi lên được. Thi thể đã lâu nên chuyển sang màu xanh như rong tảo, mặt mũi khó lòng phân biệt, vền vền chỉ có mỗi hình dáng là còn nhìn ra được đôi chút, trên dưới bốc lên mùi hôi tanh khó ngửi, cũng không hiểu vì sao còn chưa rửa nát. Cảnh sát nhận định không phải do Ngự Tứ nhi và người kéo xe sát hại nên chỉ lấy khẩu cung qua loa, lập hồ sơ vụ án, hạch thêm ít tiền, thấy không còn xớ mớ gì mới thả hai người đi. Xác chết trôi trên sông Hải Hà quá nhiều, vô số người chết trôi mà không có ai tới nhận thân, trong đó có không ít xác trẻ em, phần bị sinh non, phần thì do cha mẹ nó sinh ra nhưng nuôi không được. Những chuyện như thế từ bấy tới giờ vẫn là dân bắt lượm, quan không màng truy xét, phía dưới không người nào báo án, bên trên càng mừng rỡ mà giả vờ hồ đồ. Tử thi là vớt lên từ dưới sông nên cứ theo như luật cũ, giao hết cho đội tuần sông xử lý. Chính quyền phái người đến tìm Quách sư phụ ở đội tuần sông, bảo ông ta quản chiếu cho thi thể đứa nhỏ, cột dây hai đầu rồi mang ra nghĩa trang lo liệu. Thế nhưng việc vừa tới tay liền nóng hổi, chính vì xảy ra quái sự rồi!

Theo như phong tục địa phương thì chết đuối không được nhập đất, chết vì nước thuộc về dạng chết yếu chứ không phải chết già nên nhất định phải hỏa thiêu thành tro, gom hết vào trong lọ rồi mới có thể hạ táng. Mà cũng không được hỏa táng liền ngay, theo như quy củ thì phải đặt ở nghĩa trang mấy ngày, lỡ như có người nhà đến báo án nhận xác thì còn có đường mà xác minh thân phận của người đã chết. Chẳng qua mùa hè khí trời oi ả khiến tử thi càng bốc mùi nồng nặc, không ai chịu nổi, thế là thứ quy tắc này liền trở nên vô dụng.

Nghĩa trang cũng tương tự như nhà tang lễ bây giờ, nghĩa trang mà đội tuần sông sử dụng gọi là nghĩa trang miếu Hà Long, chỗ này ở ngoài cửa Tây, vị trí tương đối vắng vẻ. Trong miếu có một bức tượng Long Vương gia nặn bằng đất, khoác áo vẩy kim tuyến, thân người đầu rồng, dân gian vẫn hay gọi là ông Long Ngũ, là Quảng Tế Long Vương chuyên cai quản sông nước Trường Giang và Hoàng Hà. Quảng Tế Long Vương xếp hạng thứ năm trong các Long Vương, chính vì thế người ta mới xưng là ông Long Ngũ. Tại quả Nguyệt Phong trên Bàn Sơn ở huyện Kế có ngôi Văn Trảo tự, chính là chủ miếu của Quảng Tế Long Vương do hoàng đế sắc phong, nhang khói cực thịnh, truyền thuyết vô số. Long Vương là vị thần phù hộ cho dân gian mưa thuận gió hòa, mà ngôi miếu Long vương ngoài cửa Tây này còn có một câu chuyện về Hạng Bật vẫn được lưu truyền trong dân gian.

Quách sư phụ từng nghe thầy mình kể lại, ngay từ mấy trăm năm trước, thời còn chưa có thành Thiên Tân, nơi đây đã từng xảy ra một trận đại hạn hiếm thấy. Nông dân kiếm cơm từ đất, sợ là sợ trời già không ban mưa, năm đó hạn hán khó lường, chín chín tám mươi mốt ngày không có một giọt mưa buông xuống, đất đai cũng nứt nẻ ra rồi, hoa màu khô héo, hạn đến mức cây cối bốc ra khói, sỏi đá phun ra lửa. Các thôn trang xung quanh sầu lo hết cách, không thể làm gì khác hơn là mời thầy phong thủy về xem. Thầy phong thủy chỉ cần nghe nói, không cần đến tận nơi quan sát mà cũng biết ngay là do cương thi trong một ngôi mộ biến thành Hạng Bật, vừa mới chạy tới thực địa quan sát, nhìn xuống liền không khỏi sợ hãi, nơi này yêu khí quá nặng, quả nhiên trước nay chưa từng thấy qua, có thể không đơn giản chỉ là Hạng Bật như vậy, cương thi đã biến thành thi ma, không một ai hàng phục được nữa rồi!

Thôn dân vì tìm đường sống, đành phải dựng lên một ngôi miếu tế bái Hạng ma đại tiên, còn chuẩn bị cả đồng nam đồng nữ để tế sớ. Đồng nam đồng nữ là do rút thăm mà ra, con nhà ai bốc trúng thì xem như là xui xẻo. Trong thôn có một bà lão quanh năm ăn chay niệm Phật, cháu gái bà bất hạnh bị chọn làm vật tế sớ, bà lão tuy không đành do cháu còn quá nhỏ, nhưng cũng không thể nào tránh khỏi, vì vậy một

mình ở trong phòng bái Phật cầu thần, khóc đến mù cả mắt. Đến đêm, bỗng nhiên lại mơ thấy một người tự xưng là ông Ngũ tìm tới tận cửa nhà, khuyên bọn họ không nên dùng đồng nam đồng nữ tế bái Hạng Ma đại tiên, ngày mai sẽ có một trận giông tố sấm sét, đó cũng chính là lúc ông ta tới bắt thi ma. Nhưng vẫn biết một tay võ khó nên kêu, vậy nên có hai chuyện muốn cậy nhờ. Thứ nhất là mượn tiếng chiêng tiếng trống của mọi người mà tăng phần uy thế, thứ hai là, không thể giết Hạng Ma kia được..., bởi vì máu trên người con thi ma này có thể truyền dịch bệnh, một khi giết thi ma sẽ khiến người và vật trong vòng trăm dặm không đường sống sót, chỉ có thể dùng dây thừng ở giếng nước đầu thôn nhằm trói gô nó lại. Sợi dây thừng kia vắt qua ròng rọc kéo gàu múc nước, không biết đã dùng bao nhiêu năm, bao nhiêu đời rồi mà chẳng hề sút mẻ tí nào, đã thế lại còn tinh tươm hết như mới, có thể thấy đây chẳng phải vật phàm. Việc họ cần làm là phải tháo dây thừng ra trước, để ông Ngũ cầm dây trói thi ma. Nói xong, người tự xưng là ông Ngũ liền biến mất, không còn thấy tăm hơi.

Bà lão tỉnh giấc, đem chuyện này kể lại cho thôn dân, mọi người bán tín bán nghi, chần chừ luôn mãi, cuối cùng cũng quyết định làm theo lời bà lão nói. Vừa mới qua ngày hôm sau, một tiếng sấm nổ rền rĩ bỗng đột ngột vang lên mà không có một chút dấu hiệu báo trước nào, phòng ốc chấn động, rung lên bần bật, kể đó là cuồng phong gào thét, mưa to tầm tã. Những thôn dân gan to mặt lớn thò đầu nhìn lên ra bên ngoài, thấy một con rồng trắng dài hơn chục trượng đang ẩn hiện bên trong tầng mây đen phủ kín cả bầu trời, thân rồng quấn lấy một con quái vật đầu sừng, toàn thân mọc kín một tầng lông đỏ, ngay cả cặp mắt cũng đỏ lòe lòe hết như hai ngọn đèn lồng. Thôn dân vội vàng khua chiêng gõ trống reo hò trợ uy, đất trời xám xịt, phải qua hơn một canh giờ sau, Hạng Ma đại tiên mới bị dây thừng trói chặt, lại bị một tia sét đánh văng thẳng vào cái giếng khô đầu thôn. Nhưng sau đó đất trời rung chuyển, giếng cạn sụp xuống, bị lấp bằng, bọn họ đến giờ mới nhận ra ông Ngũ không phải người thường mà chính là Quảng Tế Long Vương gia hiển linh! Kể từ đó lập miếu Long Vương ngay trên miệng giếng sập, thay nhau thắp nhang cúng bái, hương hỏa không dứt.

Miếu Hà Long có nguồn gốc từ đây, thuộc về loại truyền thuyết lưu truyền trong dân gian, đến thời Dân quốc thì hương khói liền tắt, tượng ông Long Ngũ tuy vẫn còn tồn tại nhưng những kiến trúc liên quan đều mất sạch, chỉ còn một gian điện thờ lớn là sót lại, chung quanh mọc lên vô số nhà dân. Tới năm 1923, nơi đây trở thành nghĩa trang, đội tuần sông vớt được xác chết trôi thì phần lớn đều đem tới đây, thầy dạy của Quách sư phụ có biết chút ít đạo thuật nên thường xuyên thay người nhà nạn nhân lo việc tang lễ, còn biết xem mồ soi mả, các loại âm trạch dương trạch, ngoài ra cũng là một tay làm đồ vàng mã vô cùng giỏi. Bình thường thầy trò hai người đều ở lại ngôi miếu nát, gian điện trước ngăn ra thành hai phòng nhỏ làm cửa hàng vàng mã, hậu điện xem như nghĩa trang, sau khi thầy cả già rồi qua đời thì nơi đây cũng chỉ còn lại một mình Quách nhị gia. Thu nhập từ việc vớt xác và trông coi thi thể người chết không được nhiều cho lắm, cho nên ngoại trừ những lúc đến đội tuần sông làm việc vặt, ông ta đều trở lại nghĩa trang miếu Hà Long làm vàng mã, tay nghề của Quách sư phụ vô cùng tốt, người giấy ngựa giấy do ông ta làm ra trông cứ như là thật vậy.

Ngày đó ở ngã ba cửa sông vớt được thi hài một đứa bé, Quách sư phụ vẫn làm như thường lệ, đem thi hài mang về nghĩa trang, khi tới trời thì liền xảy ra chuyện.

Câu chuyện mà chúng ta đang kể đến, không thể nói cho chính xác là vào ngày nào tháng nào năm nào nữa rồi, đại khái chỉ biết là vào khoảng hai mươi tám tháng sáu âm lịch. Dân gian thường nói hai mươi tám tháng sáu âm lịch, lão Lý cụt đuôi về nhà khóc giỗ mẹ. Tương truyền trước kia có một người đàn bà họ Lý sinh ra một con rắn đen nhỏ, sau đó đóng cửa cắt mất đuôi rắn. Mà con rắn đen này vốn là rồng đen dưới sông Hắc Long đầu thai, cũng chính là lão Lý cụt đuôi mà mọi người vẫn nhắc, sau khi người đàn bà này mất thì rồng đen cũng đi biệt tăm, mỗi năm đến ngày hai mươi tám tháng sáu âm lịch, lão Lý cụt đuôi mới về khóc thăm mộ mẹ một lần. Mấy bữa trước đúng là mưa dầm không ngắt, nhưng hôm đó không mưa mà sắc trời chỉ âm u nặng trĩu, sau khi về tới nghĩa trang thì cũng đã đến lúc lên đèn.

Vài ngày nay nghĩa trang không có người chết, Quách sư phụ dùng xe đẩy xác đứa bé vào phòng trong, gian phòng này cũng chính là nửa phần sau của đại điện thuộc miếu Hà Long thuở ấy. Thi thể được đặt lên giường đá, chiếu manh không mở ra mà trước tiên thắp đèn rồi đốt thêm hai nén nhang ở cạnh đầu. Theo thuyết pháp mê tín dị đoan, quỷ đói ngửi mùi nhang có thể đỡ xót ruột, cho người chết nén nhang cũng tức là cho hồn dùng bữa, ông ta thương cho đứa trẻ chết yểu, lúc thắp nhang còn cố ý đốt thêm một nén.

Bận bịu lo chuyện người chết xong thì cũng tới lúc người sống dùng cơm rồi. Mọi người vẫn gọi Quách sư

phụ là Quách Nhị gia, người ở thành Thiên Tân đặc biệt coi trọng hai chữ Nhị gia, gặp ai không quen biết thì vẫn cứ gọi là Nhị gia hoặc Nhị ca, còn những người vốn quen biết thì dựa vào ngôi thứ trong nhà mà xưng hô cho tương xứng, từ anh cả Nhị gia, kế đến là Tam gia, Tứ gia rồi sau nữa.

Quách sư phụ không phải Nhị gia mà chỉ là con thứ trong nhà, anh cả nhà ông ta đang ở trong phòng này đây. Nói như vậy có thể khiến cho người ta cảm thấy sợ, như trên đã nói Quách sư phụ chỉ ở nghĩa trang có một mình, vậy từ đâu bỗng lòi ra thêm một người anh? Còn sống hay là đã chết?

Thực ra anh cả của Quách sư phụ chỉ là một con búp bê đất sét nhỏ xíu. Cái gọi là búp bê anh cả này, theo như phong tục của xã hội cũ, vợ chồng sau khi kết hôn một thời gian đã lâu mà vẫn chưa có con thì có thể đến miếu Mẹ tổ cầu tự. Trên bàn thờ Thiên Hậu nương nương có rất nhiều búp bê con nít, toàn bộ đều đã được nung kỹ, tướng mạo không giống nhau, có lanh lợi hoạt bát, có ngây thơ đáng yêu, vợ chồng cầu con đưa đủ tiền nhang đèn, chọn xong búp bê rồi thì buộc dây đỏ lên trên mang về nhà nuôi như con của mình. Sau này nếu như có thể sinh con, vậy búp bê con nít sẽ làm con cả, đứa mới sinh thì là con thứ, phải gọi búp bê là anh. Rồi thì cách vài năm phải tắm rửa cho búp bê con nít một lần, sau đó còn phải mời nghệ nhân về thay quần áo cho nó, dung mạo cũng phải thay đổi dần cho hợp tuổi tác, thậm chí còn phải cưới vợ cho anh cả búp bê, tức là rước thêm một em búp bê con nít thuộc nữ giới vào nhà, đặt cùng một chỗ, ghép thành một cặp. Tại vì con cái trong nhà có hai đứa, nếu như anh cả còn chưa cưới, em thứ lại thành thân trước thì không hợp với quy củ cho lắm.

Như thời buổi ngày nay không mấy ai tin, nhưng đặt vào xã hội ngày đó thì lại có rất nhiều, mặt khác, cũng vì năm này nổi tháng nọ, anh cả búp bê do thường xuyên tiếp xúc với khói lửa nhân gian nên khó tránh khỏi làm dấy lên một số chuyện lâm ly kỳ quái. Lốp người già khi đó vẫn thích kể về những chuyện đại loại như con búp bê anh cả mà tôi nuôi ở nhà đấy, nửa đêm nó bật sống dậy ăn vụng cơm ...

Quách sư phụ cũng có một vị đại ca búp bê như thế, cha mẹ ở nhà mất sớm, từ nhỏ đã xem người anh búp bê này như anh ruột, mỗi lần về nhà đều chào anh em mới về, khi ăn cơm cũng không quên đặt cho anh hai một đôi đũa, ban ngày gặp chuyện gì không thoải mái hoặc khó xử, không phân biệt chuyện tốt hay là xấu, cứ về nhà lại tỉ tê cùng với anh mình. Hôm nay cũng như thường lệ, cơm nước với anh trai búp bê xong thì sắc trời đã tối mịt, trời đêm oi bức không mưa, ông ta dọn bát đũa xong thì quay người nhìn lại, đột nhiên phát hiện ông anh búp bê ở trên bàn đã biến mất.

Quách sư phụ lúc ấy tuổi trẻ gan lớn, bản tính nhân nghĩa chính trực, trời sinh một bầu nhiệt huyết, không làm việc trái với lương tâm nên không sợ quỷ tìm đến cửa, nếu không thì sao lại dám một mình trông coi nghĩa trang? Lại nói bữa này đúng là gặp quái sự, anh trai búp bê được đặt trên bàn cơm, dùng xong cơm nước thì thu dọn bát đũa, vừa tính quay qua loay hoay với mấy món vàng mã tiếp, ấy thế mà ngoắt cái trên bàn đã trống không. Tuy ngày nào Quách sư phụ cũng nói chuyện với anh cả búp bê, nhưng chẳng qua cũng chỉ để giải khuây mà thôi, không lẽ chỉ có thể mà búp bê con nít này cũng thành tinh được sao?

Ông ta nghĩ đi nghĩ lại, anh trai búp bê đúng là vẫn được để ở trên bàn, không thể cứ nói mất là mất liền được. Nhìn ra thì cửa phòng vẫn đóng kín, dẫu mọc cánh cũng chẳng thể nào bay ra ngoài, vậy nên mới bắt đầu lần mò tìm khắp phòng. Nhưng lật tung các thứ mà mãi chẳng thấy bóng dáng đâu, không ngờ trong lúc vô tình ngẩng đầu lên, bỗng phát giác búp bê con nít đang nằm sấp trên nóc tủ, mặt hướng xuống dưới, không nhúc nhích.

Quách sư phụ thằm bực trong lòng, trước giờ chưa từng xảy ra chuyện kỳ quái như này, dù cho búp bê có thành tinh tác quái thật, nhưng khi không trèo lên nóc tủ thì làm được cái cóc khô gì? Ông ta tự trấn an bản thân, cho rằng không phải nhớ lầm thì cũng là do hoa mắt, nhưng tuy ngoài mặt nói vậy, còn trong lòng thì chột dạ, ắt hẳn là phải có duyên cớ chi đây.

Nhất thời nghĩ mãi không ra, lại đặt anh trai búp bê lên chỗ cao nhất trong phòng, không thèm động chạm gì nữa rồi tự nhủ: “Anh muốn làm gì trên đó thì làm.” Xong thắp đèn, ra ngoài dò xét chung quanh nghĩa trang. Khí trời vừa bí vừa nóng, mùi xác thối trong nghĩa trang về đêm càng lúc càng nặng, nặng đến mức bịt mũi rồi vẫn không chịu nổi.

Ông ta lại nghĩ đến chuyện không thể đợi đến sáng, khí trời quá oi, nên thiêu hủy thì hài đứa bé này ngay trong đêm. Thế nhưng từ thi được quần chiếu vẫn ướt nhẹp, nước chảy ròng ròng, có muốn đốt cũng chẳng tài nào cháy. Nghĩa trang có “Luyện nhân hạnh”, tức là một hộp đồng có hình người, trước đây là đồ trong

miếu, đưa tử thi vào hộp rồi bắt đầu thiêu, tuy rằng không thể hoàn toàn đốt ra tro, nhưng chỉ cần hóa thành than là có thể cho vào bình đựng tro cốt được rồi. Chẳng qua cái thứ ấy không thể nào thiêu xác ứt, cho nên phải đốt một chậu than, hong khô thi thể trước cái đĩa. Quách sư phụ chuẩn bị chậu than xong xuôi, mới vừa quẹt lên một que diêm, từ ngoài cửa bỗng thổi tới một cơn gió lạnh, que diêm trong tay liền phụt tắt, lại quẹt thêm que nữa, nhưng làm sao cũng chẳng cháy.

Diêm một que nối tiếp một que, nhưng không que nào cháy nổi, hình như cái hộp diêm này đã bị ẩm mất rồi, trên tay thì ôi thôi nhóp nhép toàn là nước, ngoài trời âm u không mưa, ấy thế mà lại cảm thấy ẩm thấp lạ kỳ, trên vách tường xuất hiện từng vệt từng mảng thấm, đưa mắt hướng lên trên, dường như cả bức tường cũng có thể trào nước ra bất cứ lúc nào. Ngay sau đó, âm phong bỗng nổi lên tứ phía, luồng gió không thổi về một hướng nhất định mà một chốc thổi về tây, một hồi thổi về nam, cứ như là đang lượn vòng xung quanh nghĩa trang miếu Hà Long vậy.

Quách sư phụ sờn hết cả tóc gáy, da gà trên người nổi lên từng đợt, cái lạnh như ngấm từ trong ngấm ra, chuyện nhóm lò than cũng không màng nghĩ đến, thầm nhủ: “Không lẽ gặp ma rồi?”

Thầy cả năm đó có để lại một bức tranh Quan đế, chính là bức “Quan công đọc kinh Xuân thu”, vẽ Quan công đầu đội mũ khôi màu tía, mình khoác chiến bào, một tay cầm kinh Xuân thu, một tay vuốt năm chòm râu dài, mắt ánh thần quang, đúng thực là uy phong凛冽. Mà bên cạnh Quan công còn thấp một ngọn nến, trái phải hai bên là Quan Bình đang cầm đại ấn và Chu Thương nâng Thanh Long Yểm Nguyệt đao đứng hầu, sau lưng Quan công còn có con ngựa Xích Thố, bốn vó sinh phong, nóng lòng chờ bôn tẩu. Bức họa sống động y như thật, lột tả Quan công này vẫn được treo trong nghĩa trang, đối diện với cửa lớn ra vào. Nghe nói Quan công có thể trấn trạch trừ tà, miếu Hà Long được tu sửa thành nghĩa trang đã lâu, nhưng vẫn chưa từng phát sinh ra chuyện ma quỷ quấy phá bao giờ.

Quách sư phụ ngẩng đầu thấy bức tranh Quan công vẫn còn treo chễm chệ giữa phòng, nghĩ bụng: “Đúng lý mà nói, mình chưa từng làm ra chuyện gì trái với lương tâm, cô hồn dã quỷ không nên tìm tới mình mới phải. Hơn nữa còn có tranh Quan công treo trên tường để trừ tà, dù có là ma quỷ cũng chẳng dám tiến vào đây. Thấy sự lạ mà không lấy làm lạ, sự lạ đến đâu cũng chào thua!” Có mê tín hay không thì để sau hẵng nói, chỉ biết ý nghĩ này vừa xuất hiện trong đầu, ý chí liền trở nên kiên định ít nhiều, cũng không dám nghĩ ngợi gì nữa mà ngồi xuống dưới ánh đèn làm người nộm, vừa hát một hai câu dân ca để khóa lấp.

Từ lúc lên đèn cho tới canh năm trời sáng, ngồi trong nghĩa trang miếu Hà Long một đêm, nghe được gà gáy ở phương xa rồi, tảng đá lớn trong lòng Quách sư phụ mới được gỡ xuống. Lại nhìn vết nước thấm ướt chừng phải cao hơn đầu người vẫn còn in rõ trên tường, chần chệ trong nhà toàn bộ đều ướt nhẹp, cả bức tranh trên tường cũng mờ nhòe hắt đi, đúng là tiếc thay ột bức họa Quan công này.

Đến giờ ông ta mới chợt hiểu ra, anh trai búp bê trốn trên nóc tử là bởi vì sợ bị ướt, nhưng mà trời không mưa không ướt, làm sao trong nhà lại ướt hết trơn như vậy? Chẳng lẽ đêm qua có ma da dưới sông tìm tới cửa, muốn vào trong phòng nhưng do sợ tranh Quan công nên không dám? Mà vấn đề là ma ở đâu ra?

Đầu óc Quách sư phụ xoay chuyển mau lẹ, ngồi trong phòng bắt đầu suy ngẫm về chuyện này, nhưng càng nghĩ càng thấy không hợp lý, cảm thấy quá nửa là có liên quan tới cái xác của đứa bé kia. Trời sáng rồi cũng không màng cơm nước mà vội vã ra ngoài, vào thành tìm mấy người của đội tuần sông đến hỗ trợ lặn xuống chân cầu lớn ở ngã ba sông. Ông ta cho rằng dưới sông còn có thứ gì đó, nói ra chẳng có ai tin, nhưng người trong đội mò xác toàn bộ đều nghe theo lời Quách sư phụ. Mấy người chia ra vịn vào một cây sào dài mà lặn xuống dưới sông dò tìm, lần mò một thước rồi lại một thước sâu, nếu dưới đáy sông có vật gì lạ, chỉ cần dùng tay cảm nhận là cũng có thể biết được. Từ lúc trời vừa rạng sáng cho đến giữa trưa, phát hiện ra thêm xác của một cô gái ở dưới đáy, nhưng bất kể là ai cũng không vớt lên được, người chết cứ như là mọc rễ dưới sông luôn rồi vậy.

Hiện tại đã là ban ngày, xung quanh đây rầy những người rãnh rỗi tò mò tới xem náo nhiệt, dân chúng vừa thấy vớt được xác cô gái dưới đáy sông liền tranh nhau sang vây xem, người một câu tôi một lời, bàn tán xôn xao. Trước kia thường xuyên vớt được xác dưới sông Hải Hà, nhưng xác nam vẫn chiếm phần lớn, vì đa phần đều là người đi bơi bị chết đuối, mà đàn bà con gái thì rất ít khi xuống sông bơi lội. Trong xã hội cũ, phụ nữ bơi sông thì thật đúng là chẳng ra cái thể thống gì, chính vì thế xác chết nữ dưới sông Hải Hà mới không nhiều lắm. Nhưng không nhiều không có nghĩa là không hề có, một khi dưới sông có xác chết nữ nhân thì thường thường là do giết người vứt xác hoặc là nhảy sông tự vẫn. Những chuyện như vậy lan

truyền đặc biệt nhanh, chẳng mấy chốc mà người ta đã bu lại chặt kín cả bên bờ, người có vóc dáng nhỏ bé ở phía sau nhìn không thấy thì gấp đến độ cổ nhón nhảy thật cao, thậm chí lại còn có kẻ leo lên cả nóc nhà để quan sát. Các cô cậu thành Thiên Tân ngày đó thích nhất là ra đường gặp chỗ náo nhiệt, dù trong nhà có việc gấp đến đâu thì cũng phải xem cho đã rồi mới thêm về nhà.

Đội tuần sông có mấy người xuống nước, trên cầu còn có người dùng dây thừng cột móc thả xuống kéo, tốn sức hơn nửa ngày, cuối cùng mới có thể khiến xác chết nữ này nổi lên trên mặt nước. Tất cả mọi người, trong đó có cả Quách sư phụ đều cảm thấy kỳ quái, vì sao thi thể dưới sông lại nặng đến như thế?

Đội tuần sông vớt thi hài của cô gái này lên rồi cẩn thận quan sát một lượt, khắp thi thể bị rong rêu mọc dài bao phủ, bóc mãi không ra, toàn bộ như dính liền làm một với cái xác. Một màu xanh thẫm của rong rêu phủ kín một thân da thịt cứng như sắt ở bên dưới, tử thi khô cứng, mặt mũi khó lòng phân biệt, chỉ biết nhìn qua cực kỳ đáng sợ. Càng ghê rợn hơn là, người con gái này còn bị trói gô, dây chèo gân bò thắt nút chết, lại do ngâm nước quá lâu nên càng xiết chặt, có muốn cắt cũng cắt không xong, trên lưng cô ta còn cột theo một khối sắt lớn có hình thù quái dị nên mới chìm sâu ở dưới đáy không thể nổi lên trên. Đội tuần sông buộc phải khiêng cả khối sắt lên cùng.

Đám người vây xem tận mắt chứng kiến quá trình vớt xác, phàm là người thấy được bộ dáng của cô gái này, không ai là không sợ. Hình dáng kia căn bản nhìn không giống như người chết, mà quả thực là một quái vật toàn thân phủ lông xanh, chuyện này lại càng rền vang, nhà nhà thấp hươu dán bùa cầu an. Những hộ buôn bán giàu có hay làm việc thiện trong thành đều góp tiền mời sư tăng về lập đàn tụng kinh ngay ở đầu cầu. Theo những lời mê tín ngày trước, oan hồn chết đuối thường muốn tìm người thế thân. Ví dụ như có một người chết đuối bỏ mình, hồn chết oan thường bắt tẩn, không đến được Âm phủ nên trở thành ma da, bị vây khốn ngay tại chỗ chết đuối. Ban ngày bị ánh nắng mặt trời chiếu vào, ma da dưới đáy sông có muốn nhúc nhích cũng không được, trời mưa thì cảm giác như vạn tiễn xuyên thân, gió nổi lên thì như bị dao găm cắt thịt, tình cảnh cực kỳ thê thảm. Hễ có ai tới sát mép sông, ma da sẽ lôi tuột người đó xuống, cho dù người bị ma da kéo có biết bơi thì cũng bị tóm chặt cổ chân mà lôi thẳng, giãy dụa cũng không thoát mà ngộp nước đến chết. Ma da làm như vậy là để tìm người thế chỗ, khi đó nó mới có thể đi đầu thai, để lại kẻ mới chết ở lại đáy sông chịu tội thay.

Quan niệm mê tín dị đoan trong xã hội ngày trước ăn vào lòng người rất sâu, cho rằng ma da mỗi năm đều tìm người thế thân nên thường đem chuyện người chết đuối dưới sông mà quy hết vào lý do ấy cả, vậy nên mới nói chỗ nào có người chết đuối là chỗ đó có ma da, nhưng xác trôi sông thì khác. Bởi vì không biết người chết trôi là chết ở chỗ nào, cho nên mới phải mời sư tăng về niệm chú vãng sinh, siêu độ cho linh hồn này, nếu không mai sau dưới chân cầu sẽ còn có người phải toi mạng. Mãi cho tới sau Giải phóng thì những tục lệ như thế mới không còn nữa.

Quách sư phụ thân là cảnh sát sông Ngũ Hà, thấy tình hình ngày đó thì trong lòng liền biết ngay là hung án giết người, hơn nữa còn là vụ một lần hai mạng. Hai mẹ con nhà kia bị giết hại, chìm xác xuống đáy sâu đã từ mấy năm trước, mãi đến khi có thủy tặc giăng lưới tuyệt hậu mới vô tình vớt được thi thể của đứa trẻ. Nửa đêm hôm qua cả phòng đầm nước, nói không chừng là do ma da tìm tới cửa đòi con. Chẳng qua loại sự việc do thứ âm hồn bắt tẩn này gây ra không có gì có thể làm chứng, cũng không biết có phải là do sư thầy niệm chú vãng sinh siêu độ cho vong hồn có tác dụng hay không, dù sao ngã ba cửa sông cũng không còn thấy ma quỷ xuất hiện. Hai xác chết một lớn một nhỏ này cấp trên cũng không màng giải quyết, trở thành một vụ án treo.

Vào những năm trước Giải phóng, tại mấy con sông ở thành Thiên Tân, cộng thêm cả những cống rãnh chứa nước bắn chảy xuôi, mỗi năm phải có hai, ba trăm người chết đuối là ít. Đại đa số người chết là do ngộp nước, mười phần chỉ có một là hung án giết người, mà trong số các vụ án này, có thể phá giải được lại không quá một phần ba. Thực ra mà nói, tỷ lệ như vậy cũng không tính là quá thấp.

Vụ án chìm xác xuống ngã ba cửa sông làm toàn thành chấn động, người nào có thể giải được vụ này nhất định sẽ thăng quan phát tài. Nhưng những kẻ có kinh nghiệm đều biết đây là một hung án không cách nào phá được, chủ yếu đều là do hai thi thể nằm dưới sông không ít năm, tuy thân thể không rửa nát, cũng không bị cá rủa thịt, nhưng xác dưới đáy sông thì đã biến thành cương thi. Theo lý thì không thể nào giải thích nổi, nhưng theo như thuyết pháp mê tín dị đoan thì có lẽ là do người chết quá oan, hơn nữa quần áo, giày dép của người chết cũng đã bị bùn nước ngâm mục nát hết cả rồi, nhìn không ra xuất xứ thân phận,

với lại cũng chẳng có ai tới nhận thân. Trong những năm tháng chiến tranh loạn lạc này, mạng người như cỏ rác, người sống còn chưa kể hết, án mạng chưa phá giải được lại càng nhiều như sao trên trời, chính vì thế quan trên cũng chẳng thèm ngó ngang gì cả, cứ chuẩn án xong rồi để đó.

Cảnh sát sông thường không tham gia phá án, cũng không cần phải suy nghĩ nhiều, nhưng vụ án treo này với Quách sư phụ mà nói thì cũng chẳng khác chi khối sắt cột trên xác hai mẹ con kia, luôn đè nặng ở trong lòng, trước sau không thể nào bỏ xuống được. Ông ta âm thầm không nói với một ai một lời mà tự mình tới dưới cầu đốt giấy tiền vàng bạc, sau này rút cuộc cũng phá được án, dẫn tới một đoạn “thôn Ác Cầu truy nã Liên Hóa Thanh”. Đến khi ấy còn có chuyện còn quái lạ hơn, các bạn cứ ghi nhớ chuyện này trước đã, rồi sau này chúng ta lại bàn tiếp.

Trước tiên hãy nói về lúc phát hiện xác cô gái ở ngã ba cửa sông, đám đông vây quanh nghe ngóng đều nói Quách sư phụ thực như thần, làm sao có thể biết trước dưới sông còn có xác cô gái này được? Dĩ nhiên là phải có bản lĩnh quan phong vọng khí rồi, quả nhiên là Hà thần nha! Thầy cả đời nhà Thanh đảm đương đội tuần sông vẫn được bàn dân bách tính tặng cho cái tước hiệu là “Hà thần”, mọi người dựa vào đó mà rỉ tai nhau, cũng xưng Quách sư phụ là “Hà thần” như vậy. Quần chúng mỗi lần nhắc đến là lại hô “Hà thần Quách Đắc Hữu”, từ miệng nhân dân sang tới truyền thanh báo chí, cái tên này được lan truyền vô cùng mau lẹ.

Quách sư phụ nghe người ta gọi mình là Hà thần, ngay lập tức toàn thân toát mồ hôi lạnh, nhớ tới những lời thầy cả lúc trước vẫn luôn miệng dặn dò: “Mai này nếu có ai gọi anh là Hà thần thì anh chớ có nên nhận, bằng không nhất định gặp phải họa chết người!”

Song vì sao không thể gọi là Hà thần thì thầy cả lại không hề nhắc tới, ông ta nhớ đến câu nói ấy, liền lần lượt bảo lại với những người thân quen, cũng không dám xưng thành như thế.

Về phần búp bê con nít thì vẫn giữ lại trong nhà như trước. Năm 1949, sau Giải phóng, cả nước bắt tay vào bài trừ mê tín dị đoan, kết quả phần lớn những thứ này đều bị tiêu hủy. Anh cả búp bê của Quách sư phụ khi ấy vô duyên vô cớ bỗng biến đi đâu mất, lần này mất đi rồi liền không thể nào tìm lại được, chẳng qua Quách sư phụ cũng không hề lo lắng chút nào. Ông ta cho rằng vị anh trai búp bê nhà mình đúng là có linh tính, đã trốn ra ngoài tị nạn mất rồi!

3. Chương 3

Trước năm xảy ra vụ án xác chết ở ngã ba sông đã từng có một trận lũ lụt, theo kinh nghiệm dân gian thì năm ngoài ngập úng năm nay dễ gặp hạn hán kéo dài, cũng vì thế mà trước hè năm nay khí trời khô hạn, ít mưa, người xuống sông bơi lội cũng nhiều hơn năm ngoài đến mấy lần, liên tiếp xảy ra mấy vụ chết đuối, cơ hồ đều là những đứa trẻ choai choai mới lớn không biết nông sâu, tuy nói đường xuống suối vàng không phân biệt già trẻ, nhưng khi chứng kiến cũng khiến người ta phải đau lòng.

Từ khi vớt được xác người đàn bà bị chìm dưới đáy sông, cả thành đều biết, người xuống sông Hải Hà bơi lội thoắt cái cũng vắng hơn rất nhiều.

Vụ án chìm xác xảy ra vào khoảng ngày hai mươi tám tháng sáu âm lịch, là dịp lão Lý cụt đuôi về khóc thăm mộ mẹ, sau đó hơn nửa tháng, Hải Hà lại chết đuối thêm hai người, cả hai đều là người nơi khác mới đến nên không biết chuyện. Lẽ ra người chết đuối dưới sông ít đi thì đội tuần sông phải vui lên mới đúng, thế nhưng cũng vì vậy mà thu nhập liền giảm một khoản đáng kể. Ngày trước, lúc mò xác đều được các nhà từ thiện tặng mấy phân tiền, không có việc làm thì dĩ nhiên cái khoản ấy cũng sẽ không có.

Quách sư phụ sống một thân một mình, trong nhà chỉ có một người anh trai búp bê không ăn không uống, ngoài ra cũng chả có bà con thân thích gì, nhưng ông ta thường xuyên giúp đỡ anh em bạn bè, hàng xóm láng giềng những lúc khó khăn cơ nhỡ, vậy nên trong tay trước giờ chẳng dư ra được mấy đồng, mới đó mà đã thấy hũ gạo trong nhà cạn tới đáy rồi. Cuộc sống càng lúc càng trở nên khó khăn, phải đi kiếm việc làm thêm, giúp người ta lo việc tang lễ, làm thêm hình nộm, vàng mã, kiếm mấy đồng mà sống tạm.

Ông có một đàn em trong đội tuần sông, họ Đinh, gọi là Đinh Mão, tên nhóc này giỏi giang, thông minh lanh lợi, hơn nữa còn có thể thu xếp chuyện làm thêm ở bên ngoài. Một ngày nọ, hai người nhận được một mồi lớn, Lâu gia trang ở thành Nam có một vị lão thái gia mới qua đời. Là thân hào địa phương, người ta

nhà cao gia nghiệp lớn, muốn cử hành một cái tang lễ thật to thật hoành tráng, thế nên trước tiên mới phải mời thợ dán giấy giỏi nhất thành về. Có lẽ các bạn đều muốn hỏi, thợ dán giấy là thợ làm cái gì?

Nói trắng ra thì chính là làm vàng mã, dựa theo kiến trúc phòng ốc trong nhà mà gấp, dán ra một ngôi nhà bằng giấy, tính ra thì đây cũng là một loại tay nghề, là thứ việc mà người ta không thể tự làm, cũng không thể không nhờ tới thợ dán giấy cho được. Trong lúc gấp giấy còn cần phải niệm thêm mấy câu đại loại như: “Gia đình bình an, tài vận ghé nhà...” Cầu an mà, muốn làm ăn như vậy thì còn phải có hình nộm, vàng mã, nhà cửa bằng giấy, phàm là cái thứ gì đốt cho người chết lúc tang lễ, chỉ cần chủ nhà hô một tiếng, thợ dán giấy đều phải gấp được.

Thầy cả đội tuần sông cũng là tay thạo việc nên hai người Quách sư phụ và Đinh Mão cũng học được không ít bản lĩnh, tay nghề không tệ, buổi tối thì ngồi làm hàng mã, ban ngày lại thành chân chạy việc cho người ta.

Khi phúng điếu, linh đường được bày ra ở giữa phòng, đám con hiền cháu thảo quỳ gối trông linh cữu, bằng hữu thân thích của người quá cố tới thăm viếng không ngớt, nườm nượp cứ như đèn kéo quân. Mà những nhà khá giả ngày trước đối với việc tang luôn rất coi trọng, hai bên cửa ra vào dựng hai cái cổng tò vò thật cao, trên có hoành phi, một bên đề “Thê phong”, bên kia đối lại là “Lãnh nguyệt”, trước cửa còn dựng thêm một cái cổng lớn hơn nữa, trên đề ba chữ “Có đại sự”. Rồi nào là cơ man các thứ như người giấy ngựa giấy, còn cả một hàng dài các nhạc công chuyên chơi nhạc hiếu, người về chịu tang người sang phúng viếng đông không kể xiết, thế nên mới có hai người phụ trách đón tiếp chạy việc gọi là “Tín mã”. Như hai người bọn Đắc Hữu làm xong các thứ đồ hàng mã, còn phải đi lo chân “Tín mã” cho người ta.

Vậy “Tín mã” là gì?

Hiện tại nói đến tín mã, chắc không còn có mấy ai biết được nữa rồi.

Năm xưa khi những phong tục như vậy còn đang thịnh hành, những nhà giàu xa hoa đều ở trong những tòa đại viện, kín cổng cao tường lại rộng thênh thang, mà theo như quy củ ngày ấy, lúc phúng điếu thì phải sắp xếp hai chân chạy việc, để cho hai gã này đứng canh cổng, một cổng trong một cổng ngoài, trên người khoác áo xanh cổ tròn, hông đeo đai lưng màu đỏ, mặc quần đỏ vải điều, chân mang ủng mỏng để đi lại au lẹ, trên thân còn quấn thêm một cây roi măng tiên, một người đầu đội mũ đỏ, một người mũ đen. Khi có khách vào cổng lớn, người mang mũ đỏ dẫn đường hô to, giơ tay nhắc chân phải hết như đang biểu diễn trên sân khấu, dắt khách vào cổng trong. Đến đó thì người đội mũ đen thế chỗ, đưa khách tới bực cúng bái, sau cùng nghi trượng mới chỉ dẫn cho vị này hành lễ dập đầu với bài vị.

Hai chân chạy việc một đội mũ đỏ, một mũ đen này còn được gọi là “Tín mã”.

Thực ra thì lúc cử hành tang lễ có tín mã hay không cũng không sao, nhưng càng là người có tiền thì càng muốn phô trương, không an bài tín mã thì liền cảm thấy như thiếu đi mấy phần khí phái sang trọng, trước không cần phải nói, đến khi có chuyện lại tìm không ra người thích hợp, phải để cho hai tên thợ dán giấy này đi làm.

Mà quả thực là không còn ai thích hợp hơn hai vị ấy nữa rồi, phép tắc không cần phải học, mọi thứ đều thông suốt, tư thế lại càng chuẩn hơn, hai người ra dáng ra vẻ, hò la dẫn đường, bận rộn suốt cả buổi, trừ mấy phần tiền thưởng xứng đáng được nhận, mỗi ngày còn được ăn một bữa cỗ thật ngon, bốn đĩa tám bát thì không cần phải nói, còn có thể nhân tiện uống thêm mấy hơi rượu Thiệu đạo tử. Quách sư phụ và Đinh Mão nhận việc xong chẳng khác nào như đang được hưởng thụ mỹ cảm còn sướng hơn là thắng thiên.

Thuở trước, nhà giàu thành Thiên Tân người ta cử hành tang lễ rất chú trọng việc đưa tang, trước đó tất nhiên là phải phúng điếu tiễn người đã khuất, rồi còn có vô số thứ phong tục mê tín khác nữa, mà khi đưa tang thì phải kiêng quan tài để cho người chết được dạo qua bốn cổng thành lần cuối. Trong tiếng khóc than từ sớm tinh mơ, đám phu khuân hòm nâng chiếc quan tài lớn rời khỏi nhà, đây còn được gọi là dời linh cữu, đi đằng trước là người cầm phướn dẫn đường, còn có cả nhạc công, sư tăng hòa thượng niệm kinh, đám con hiền cháu hiếu mặc đồ tang theo ở đằng sau, đoàn người lũ lượt kéo nhau đi lòng vòng một đoạn đường rất dài, sau cùng mới đưa quan tài hạ huyệt nhập thổ. Trong toàn bộ quá trình đưa tang rồi hạ táng, nhất định phải có hai người đi theo rải tiền âm phủ. Xin đừng nghĩ chuyện rải tiền là đơn giản, đây cũng là một phen công phu chứ chẳng chơi, lễ luật trong đó không hề ít, người không quen ắt hẳn không thể nào làm nổi.

Án theo lệ cũ, trước khi chuyển linh cữu, quan tài ra khỏi nhà thì phải tung giấy tiền vàng bạc âm phủ một lần, chính là để xua đuổi đám ma cỏ ở bên ngoài, đại loại như các thứ cô hồn dã quỷ, cho ít tiền để đuổi chúng đi thật xa, không bám theo đoàn người. Trên đường đi đưa tang, cứ ngã tư đường, qua sông, rẽ ngoặt, qua cầu, thì nhất nhất đều phải tung tiền âm phủ, đây là phí lót đường, để cho các thứ ma quỷ không quần lấy mà lạc lối. Người tung giấy tiền vàng bạc nắm lấy một mớ rồi tung lên, trước tiên là phải tung lên thật cao, vung tay là phải hiện ra một đường vòng cung tuyệt đẹp, tung lên nhiều mà không tủa, đến khi rớt xuống thì mới xòe ra lả tả hết như “thiên nữ tán hoa”, tán nhưng không loạn. Hơn nữa, đám người vây quanh xem náo nhiệt đều phải lớn tiếng khen hay, như thế mới gọi là thành công.

Quách sư phụ và Đinh Mão thường xuyên lo việc tang lễ, những việc trong đám tang hôm ấy vào tay bọn họ đều xuôi chèo mát mái cả, lại còn giúp thêm luôn chuyện rải tiền. Trước sau là ba ngày bận rộn, nào là dán giấy phết hồ làm vàng mã, nào là chạy chân “tín mã”, tung giấy tiền vàng bạc, tổng cộng được ba phần tiền công, hơn nữa còn được khoản đãi thêm, đây cũng chính là chỗ tốt khi lo việc tang lễ cho người giàu, suốt cả năm e rằng cũng chỉ được dăm ba bận như vậy mà thôi. Theo chân đám đưa tang đến nghĩa địa, hạ quan xong lại trở về thành, xế chiều hôm đó còn kết thúc bằng đại tiệc. Phong tục này đến bây giờ cho vẫn còn tồn tại, bất kể là ma chay hay hôn lễ, xong xuôi đều phải mở tiệc rượu. Ngày cuối cùng luôn cực kỳ thịnh soạn, theo như tập tục truyền thống thì phải có đủ tám bát.

Đến xế chiều chủ nhà liền mở tiệc, quả đúng là tiệc tám bát thịnh soạn nhất, tám bát lớn đựng tám món ăn, dĩ nhiên tùy theo đẳng cấp giàu nghèo mà có sự khác biệt, nhưng nhất định đều phải có tám món còn nóng hổi. Mà tám món ăn do nhà này bày ra cũng coi như là hàng đầu ở thành Thiên Tân rồi, bốn xào bốn hấp, gà vịt thịt cá, hải sản sò khô tôm hùm, từng bát từng bát bày ra tràn cung mây, bàn tiệc san sát, tha hồ mà ăn.

Những nhạc công, phu khuôn hòm, sư tăng, đạo sĩ cùng với quần gia tôi tớ trong nhà lo việc tang sự, tất cả ngồi trong rạp lớn trước cửa mà ăn uống no say. Quách sư phụ và Đinh Mão ngày thường chỉ là quan chức nhỏ ở đội tuần sông, có miếng ăn thì cũng chẳng phải thứ gì hảo hạng, ngày qua ngày cũng chỉ quanh đi quẩn lại ở mấy cái bánh ngô và rau cải trắng mà thôi. Nhưng người ở thành Thiên Tân thì vô cùng sành ăn, ở thành Thiên Tân còn có câu: “Đi cấm đồ để ăn hải sản, cũng không tính là quá tay”. Cái gọi là hải sản, ở thành Thiên Tân chính là để chỉ ba loại: Cua biển, tôm he, cá hoàng hoa. Trước nay quanh năm suốt tháng cũng chỉ có từ dạo tiết Thanh Minh cho đến kỳ Lập Hạ thì ngoài chợ mới có hải sản, mỗi năm chỉ một dịp ấy là mới có để mà ăn, nếu bỏ lỡ thì phải đợi tới năm sau mới có lại rồi, vậy nên dù có nghèo tới đâu, đến dịp đồ biển rộ hàng, dù có phải cởi hết quần áo trên người mang ra tiệm cầm đồ thì cũng phải mua bằng được hai cân hải sản về ăn cho đỡ thèm, người như vậy mới tính là đang sống ở thành Thiên Tân.

Hai người bọn họ thì thoảng giúp người ta lo chuyện tang lễ, cũng nắm lấy cơ hội này mà ăn chùa uống chực, tuy lâu lâu được bữa đỡ miệng nhưng dầu sao cũng vẫn cảm thấy nhạt mồm. Mà Đinh Mão đúng thật là tuổi nhỏ không có triển vọng, vừa thấy miếng ăn ngon liền không nhịn được mà uống nhiều hơn mấy ly, mắt hoa tai nóng rồi thì miệng mồm cũng không tài nào khép lại được, cũng không quần có quen biết hay là không, cứ rớ phải người là bắt đầu mở mồm như bắn súng liên thanh, đầu lưỡi cứ như thụt mất một khúc, cậu chàng quay sang nói với vị hòa thượng mập ngồi ngay bên cạnh: “Hai ta đúng là người một nhà, không ngoài lý do nào khác, mà là vì quan hệ của chúng ta vô cùng đặc biệt, cháu của vợ tôi chính là em họ của thầy, mà em họ của thầy phải gọi vợ tôi bằng bác!”

Hòa thượng béo cũng uống không ít, lại bị Đinh Mão quay mòng mòng, nhìn không ra cái tên tung tiền âm phủ này là ai, ngạc nhiên hỏi lại: “A di đà Phật, xét cho cùng thì thí chủ có quan hệ thế nào với bản tăng?”

Đinh Mão cười nói: “Tôi chính là cha của thầy chứ là ai nữa.”

Hòa thượng béo cả giận: “Ông già thất đức chết tiệt nhà ta đã xanh cổ từ lâu rồi, thằng nhóc mày là cái thá gì?”

Quách sư phụ đã uống khá nhiều, nhưng cũng may là đầu óc vẫn còn hơi tỉnh táo, nghe Đinh Mão ở đó nói sáng trên đầu người xuất gia thì vội vàng khuyên can, tránh gây ra chuyện xấu hổ mất mặt.

Hòa thượng béo này vốn tên là Lý Đại Lăng, còn có một cái pháp hiệu để gọi là Viên Thông, thời nay mà nhắc đến cái tên hiệu như vậy, người biết thì còn hiểu đó là pháp hiệu, kẻ không biết thì cứ ngỡ là đang nói đến “chuyển phát nhanh”**, mà gã ta cũng không phải là đèn càn dầu, không thuộc dạng hòa thượng

“rượu thịt” lai lịch không rõ trà trộn vào trong miếu. Thành Thiên Tân mang dáng vẻ phồn vinh, cũng nuôi không ít kẻ rảnh rỗi hành nghề bất chính, đều là loại ham ăn biếng làm, lúc bấy giờ nhà cửa không có, một mảnh đất cắm dùi cũng không, gia sản hết thấy chỉ có độc bộ quần áo trên người. Dạng người như vậy dù nghèo đến cỡ nào thì nghèo, bộ đồ vía đó chỉ ít cũng phải ra hình ra dáng tinh tươm, mặc vào ra ngoài đi dạo thì gọi là quần áo đi chơi, từ trên xuống dưới, toàn bộ đều nhờ vào thứ quần là áo lượt mà lừa thiên hạ, nhà cháy cũng không cần lo, chỉ khi nào bị nước bắn vào làm dơ quần áo trên người thì mới đau như đứt từng khúc ruột. Tỷ như Lý Đại Lăng này, có được một bộ áo cà sa, cạo một cái đầu trọc bóng lưỡng, chấm trên đó thêm mấy vết nhang, gặp phải việc ma chay đưa đám thì giả danh hòa thượng đi tụng kinh cho người ta, kiếm được mấy đồng cũng thuận tiện ăn chùa uống đậu.

Lý Đại Lăng uống đến đỏ mặt tía tai, còn đang định phân cao thấp với Đinh Mão thì lại thấy người bên cạnh khuyên can nhìn có vẻ quen mắt, liền nói: “Ồi chà, đây không phải Hà thần Quách Nhị gia đó sao?” Rồi vội vàng đứng dậy, ôm quyền hành lễ.

Quách sư phụ thăm nghĩ tên này rốt cuộc là hòa thượng kiểu gì? Mặc áo sư mà phạm ăn, lại còn ôm quyền thi lễ, hẳn chính là dạng trà trộn vào trong cái tang lễ này rồi, tức thì chào lại, cũng thuận miệng hàn huyên thêm mấy câu với hòa thượng béo Lý Đại Lăng.

Mọi người xung quanh vừa nghe ra là Quách sư phụ ở đội tuần sông, liền rối rít xúm lại mời rượu, đây gọi là “người có tên, cây có bóng”.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Mấy ngày trước ở ngã ba sông mò lên được một thi thể phụ nữ, trên người mọc đầy rong rêu xanh thẫm, bị trói chặt vào một khối sắt, chìm dưới đáy sông không biết đã bao nhiêu năm, chuyện này lan truyền xôn xao khắp thành, cả đàn bà con nít cũng biết, người có mặt ở đây không ai là không nói Quách sư phụ thật có bản lĩnh, không hổ là “Hà thần” phù hộ cho bản xứ bình an.

Quách sư phụ thường ngày giao tiếp tốt, lời nói ra dí dỏm hài hước, liền cuốn đến một đám người vây quanh nghe ông kể chuyện. Tuy nhiên ông cũng sợ nhất là hai chữ “Hà thần” mà người khác đặt ỳnh, nghe xong thì liên tục khoát tay, không dám nhận danh xưng như vậy. Nhìn lại sắc trời không còn sớm, ăn uống cũng no nê, nên được khao thì cũng đã khao rồi, liền xã giao mấy câu với người cùng bàn, xong kéo Đinh Mão đứng dậy cáo từ. Từ Lâu gia trang đi về phía thành Tây, nơi cả hai đang ở không gần, hai người chui vào ngõ hẻm men lần mò trên đường đêm, tối lửa tắt đèn thế nào mà lại đi nhầm hướng, không hề hay biết mà bước lạc vào trong một khu nhà rộng lớn. Chỗ này là khu nhà họ Ngụy, hay còn gọi là phần mộ của nhà họ Ngụy, là nơi quái gở nhất ở thành Nam.

Từ khi nhà Thanh sụp đổ tới nay, nội thành được mở rộng trên quy mô lớn, hai bên đường lộ phần lớn đều được trồng trụ giăng đèn điện, khu ổ chuột cho dù không được thắp sáng hiện đại như vậy, nhưng vẫn có thể nhìn thấy đường. Từng cụm, từng khu nhà bị đường sá và ngõ hẻm chia ngang xẻ dọc, cắt ra thành mảnh nhỏ. Ngoại trừ số ít những căn nhà cổ trong thành nằm ở hướng Bắc mà quay mặt về Nam, nhà dân và đường xá thành Thiên Tân chả còn chỗ nào phân biệt Đông Tây Nam Bắc rạch ròi như thế cả, đường cái và ngõ hẻm nằm xiên vẹo, người không biết đường mà đi vào liền cứ như thế lạc vào giữa mê cung.

Người khác xứ tới Bắc Kinh hỏi đường, muốn đi đến đâu, đi như thế nào, người Bắc Kinh chỉ đường cũng rất dễ, từ Bắc xuống Nam, người hỏi đường chỉ nghe qua là nhớ, điều này cũng liên quan tới bố cục của thành Bắc Kinh. Thành có bốn mặt tường bao, chín cổng lớn, kiến trúc bên trong đều là từ hướng Bắc quay mặt về Nam, ngoại lệ không nhiều. Nhưng thành Thiên Tân thì khác, anh muốn hỏi đường sao, đừng mơ người Thiên Tân người ta chỉ cho anh rạch ròi Đông Tây Nam Bắc, chả có mấy người phân biệt cho rõ ràng được đâu. Đường nào thì cũng phải ra ngoài thành, đường về Nam ra Bắc cũng phải đi ra ngoài thành, đường sá chạy dọc một đường thẳng tắp, ví dụ như nói đến một cung đường nào đó, tùy theo địa danh mà xem xét, đều nhất định phải có một tuyến thẳng từ Nam chỉ Bắc. Nhưng phương hướng ở thành Thiên Tân thì lại loạn tưng phèo, đường sá trong thành rối rắm còn hơn xa mạng nhện, tất cả đều là do sông ngòi chằng chịt cùng với các nước phân chia tô giới. Những năm Dân quốc, thành Nam còn chưa có nhiều nhà cao tầng, đèn đường cũng hiếm, cũng may là còn không có ngõ cụt, bất kể anh có muốn đi tới đâu, chỉ cần không lạc mất phương hướng thì sẽ không bị lạc đường.

Quách sư phụ và Đinh Mão bữa nay uống rượu, uống từ xế chiều cho đến tận tối đen mới về nhà, chân nặng như đeo chì, bước ba bước loạn cứ như một, nửa đường đành phải dừng lại chờ tỉnh rượu. Đến khi tỉnh

rượu rồi mới phát hiện ra mình đang ngồi ở ven đường lớn, đường sá tối om om, ngoại trừ hai người ra thì chẳng còn ai khác, chung quanh nhà cửa vô số, phòng ốc cao thấp đan xen, bên đường cũng có một cây cột điện, cơ mà đèn đóm đều tắt ngúm. Thoạt nhìn thì vẫn còn ở trong thành, nhưng bốn bề lại tĩnh lặng như tờ, nhà cửa trống không, loáng thoáng có thể ngửi thấy mùi hôi thối của xác chết bốc ra từ đâu đó.

Một khu nhà lớn như vậy mà toàn bộ đều bị ngắt điện, trong nhà ngoài đường tối thui, chỉ có mỗi ánh trăng mờ mờ từ trên trời chiếu xuống. Dưới ánh trăng mờ mờ, phòng ốc, cây cối và cột điện hiện lên từng đường nét đen ngòm, thậm chí cả tiếng côn trùng râm ran cũng không có, chỉ ngửi được một mùi hôi thối không biết từ nơi nào đưa lại, nghe cứ như là mùi xác thối. Thế nhưng nơi này là ở trong thành, lại còn đang giữa quãng nóng nhất của mùa hè, người dân chung quanh đây lý nào lại để người chết trong nhà đến mức thối um lên như vậy được?

Hai người khó khăn lắm mới có thể tỉnh táo lại, cẩn thận quan sát cung đường cùng với phòng ốc xung quanh, đều cảm thấy vô cùng quen thuộc, vừa nhìn thấy cột mốc ven đường liền nhớ ra, chỗ này chính là khu nhà họ Ngụy. Dân gian có câu: “Ma đưa lối quỷ dẫn đường”, hai anh em trong lòng thầm nghĩ chẳng biết là do ma quỷ nào dẫn dắt, kết quả lại chạy tới cái khu nhà họ Ngụy này đây.

Khu nhà họ Ngụy ngày nay là một khu dân cư rộng lớn ở ngoài cửa Nam, ở giữa ngoại thành và nội thành, trước đó khoảng hai, ba mươi năm, nơi đây còn được gọi là Ngụy gia lâu hoặc phần mộ nhà họ Ngụy, vốn là một cái nghĩa trang lớn. Những năm đó nghĩa trang rất nhiều, cũng không có gì lạ, người chết trong thành thì đem ra ngoài thành hạ táng, người chết trong thôn thì đưa ra ngoài thôn chôn cất, bởi vậy ông bà mới có câu: “Chỗ nào có đất chôn chôn người”, quanh chỗ người sống ở lúc nào mà chẳng có người chết. Mới đầu thì chôn một vòng quanh thành, nghĩa địa mai táng người chết Đông một cái, Tây một cái, chỗ nào cũng có, rồi vào những năm thời nhà Thanh, việc vận chuyển muối bằng đường thủy vô cùng phát đạt, diện tích thành Thiên Tân cũng không ngừng coi nới thêm, mọc lên vô số nhà cửa, mà những chỗ ấy trước kia hầu hết toàn là nghĩa địa.

Nói đến khu nhà họ Ngụy là nói đến Ngụy gia lâu, hồi trước là phần mộ của nhà họ Ngụy, sau khi biến thành khu dân cư, mọi người đều kiêng không dám nhắc đến hai chữ “phần mộ” nữa. Lại nói ở đâu thì ở, ở ngay phần mộ nhà họ Ngụy thì làm gì mà không có ma cho được? Vậy nên đổi tên thành “Ngụy gia lâu”, trên thực tế thì chẳng có cái “lâu” cái lâu nào cả, cực chẳng đã mới phải đổi lại thành khu nhà họ Ngụy. Mà những người có tuổi một chút ở đạo ấy, mỗi lần nghe nhắc đến phần mộ nhà họ Ngụy, thứ nghĩ đến trước tiên thường là “Ma treo cổ”.

Lại nói tới chuyện ma treo cổ ở phần mộ nhà họ Ngụy, chuyện này cũng không phải là quá đời xa xưa, vào những năm cuối thời nhà Thanh, thành Thiên Tân có một gia đình họ Ngụy, người nhà ấy sống bằng nghề bán bánh hấp, gia cảnh tầm tầm bậc trung, trong nhà có ba anh em, người anh lớn mệnh yếu, đã mất đi từ bé, chỉ còn lại người anh hai và em út chia đều gia sản trong nhà. Người anh hai kế thừa tổ nghiệp, thường vẫn gánh hàng rao bán bánh hấp dọc đường. Bánh hấp chính là bánh bao hấp, các loại làm từ bột mì, bột gạo, thớ ấy cũng được gọi là bánh hấp. Còn người em út tâm cao chí lớn, không muốn tiếp tục theo nghiệp bán bánh hấp của nhà nên mới đến tiệm vàng học việc, cùng làm đồ trang sức với chủ tiệm. Thợ mộc thợ xây học nghề ba năm là xong, nhưng làm đồ trang sức thì ít nhất cũng phải học mất sáu năm, sau đó còn phải làm không công ba năm cho chủ tiệm, vào thời ấy học việc không phải đóng học phí, khi nào học thành nghề thì ở lại làm công ba năm, xem như là báo đáp ơn thầy.

Người em út học nghề mười năm, khi học xong thì các cách làm ăn buôn bán cũng đầy một bụng, dựa vào tay nghề mình học được mà tự thân mở một cửa hiệu bán đồ trang sức nho nhỏ, cũng nhờ hàng thật giá thật, thành tín đáng tin cậy, kỹ thuật vốn đã tốt lại còn ngày một tốt hơn, dần dà chuyện làm ăn mua bán càng lớn, tiền kiếm được cũng càng nhiều, mấy năm sau liền mở rộng thành tiệm vàng chuyên về đồ trang sức.

Người anh hai làm ăn buôn bán cũng không tệ, cưới được một cô vợ vô cùng hiền lành, hai vợ chồng tự ăn nên làm ra, đi sớm về khuya cực khổ dành dụm được một ít vốn liếng, trước tiên thuê một căn nhà trên đường gần cổng thành, sau đó mở tiệm buôn bán. Ngoại trừ bánh bao hấp gia truyền ra thì còn có các loại mì phở điểm tâm, mặt tiền cửa hàng cũng tăng lên sau trước ba gian, việc làm ăn đúng là bận bịu muốn chết, vì thế mới thuê một người giúp việc, để tay giúp việc này làm tiểu nhị lo chuyện bán hàng ở trước, còn anh hai thì làm bếp ở phía sau. Cửa hàng liền kề với tiệm vàng, trang sức của người em nên cũng dễ bề

chiếu cố cho nhau, theo thời gian, cuộc sống cũng ngày một trở nên tốt đẹp.

Ai mà ngờ ngày vui ngắn chẳng tày gang, đến năm Canh tý, quân đội tám nước liên hợp phá tan cửa ngõ Đại Cô* tiến thẳng vào thành Bắc Kinh, thành Thiên Tân đứng mũi chịu sào gặp nạn, loạn binh cướp bóc khắp nơi trên đường, các cửa hàng lớn đều bị cướp sạch. Tiệm vàng, trang sức của người em cũng bị loạn binh vơ vét không còn một mảnh, phía trước cửa hàng cũng bị đốt thành một đồng tan hoang, sập tiệm kể từ đó, không tài nào gầy dựng lại được. Hai vợ chồng người em nhất thời quẫn trí, cùng nhau thất cổ trong phòng, nói trắng ra là hai vợ chồng nhà này không có một cái chết yên lành, chính là ma treo cổ.

Lúc ấy tiệm điểm tâm của người anh hai cũng bị loạn binh cướp bóc, nhưng cũng còn may là chỉ có các thứ thực phẩm điểm tâm nên hao tổn không lớn, vay mượn chắp vá lung tung khắp nơi, cuối cùng cũng gom lại được một số vốn để mà tu sửa lại gian ngoài cửa tiệm, vẫn còn có thể tiếp tục làm ăn. Đến sau này ăn nên làm ra, có tiền mua nhà mua đất, có thân phận nên cũng không thể nào gọi là anh hai được nữa rồi, mà phải xưng là Nhị gia. Ngụ Nhị gia sau khi giàu có vẫn thường xuyên nhớ đến hai vợ chồng đứa em đã thất cổ tự vẫn, chết quá oan khuất của mình.

Thân là anh em huynh đệ trong nhà, cũng chả khác chi là thịt gân bó vào xương, vẫn có câu “huynh đệ như tay chân, thê tử như y phục”, quần áo mất rồi thì còn có thể mua lại, nhưng tay chân đứt lìa rồi dầu có muốn cũng mọc chẳng ra. Người sống cả đời, ở bên cạnh không thể không có người thân, cha mẹ chỉ có thể đi cùng anh hết nửa đời trước, vợ con nhiều lắm cũng chỉ theo hết nửa đời sau, chỉ có anh em ruột thịt mới cùng nhau đi đến suốt cuộc đời, vì thế mới gọi là tình như thủ túc.

Ngụ Nhị gia tưởng nhớ huynh đệ của mình, kìm không được mà rơi lệ, trước sau nhiều lần mời cao tăng đến niệm kinh siêu độ vong hồn, còn ra ngoài thành mua một miếng đất có phong thủy tốt về làm nghĩa địa, đem quan quách hai vợ chồng người em cùng với tổ tiên trưởng bối nhà họ Ngụ dời hết cả vào trong mảnh đất này, an táng lại lần nữa.

Nghĩa trang là nền móng của cả dòng tộc, trước phải có gốc rễ thâm sâu thì mới mong con cháu ngày sau hưởng đầy phúc lộc, Ngụ Nhị gia mua miếng đất nghĩa địa này tất nhiên là hy vọng cửa nhà bình an, làm ăn thịnh vượng. Năm đó, nghĩa trang của các gia đình giàu có đều mang tính chất thuộc về sở hữu tư nhân, cho nên miếng đất này mới gọi là phần mộ nhà họ Ngụ, trước mộ phần có nhà thờ tổ, gọi là Từ đường Ngụ gia. Trong khu mộ từng bách chen nhau, cổ thụ cao ngất, sương khói lượn lờ quanh năm suốt tháng, thi thoảng lại mơ hồ truyền ra thanh âm như rầm động cáo kêu. Khu đất từ Đông sang Tây rộng gần hai dặm, từ Bắc xuống nam dài khoảng ba dặm, là một khu đất lớn, cây cối vô cùng rậm rạp. Vùng rìa Tây Nam có địa thế rất thấp, nối liền một mảnh với vùng trũng phía Nam, giống như một cái đầm lầy mênh mông rộng lớn nhìn không thấy điểm cuối, mà trước đó Ngụ Nhị gia có tìm đến Trương Bán Tiên, là một thầy phong thủy chuyên xem các loại âm trạch dương trạch, Trương Bán Tiên nhìn trúng miếng đất nghĩa địa này, cho rằng phong thủy vô cùng tốt, nào biết sự cố quái nơi đây còn nhiều hơn.

Phạm vi mấy dặm nơi phần mộ nhà họ Ngụ mọc đầy cỏ thụ, từng xanh bách rủ, trong rừng có không ít hồ ly ẩn náu, sói vàng, nhím gai, chồn hoang chó dại chen chúc, ma quái ẩn hiện, thế mà theo như lời của tên giả thần giả quỷ chuyên lường gạt như Trương Bán Tiên thì tất cả đều là do sự dồi dào linh khí của mảnh đất này mà thành, nếu quả như phong thủy nơi này không tốt thì làm gì có những thứ ấy được? Kết quả là chuyện làm ăn của Ngụ Nhị gia truyền tới đời con thì lại chọc trúng một viên quan lớn, phải bồi thường đến tán gia bại sản, sau lại gặp một hồi dịch bệnh tai ương, cuối cùng nhà tan cửa nát mà tuyệt hậu, phần mộ nhà họ Ngụ kể từ đó liền bị bỏ hoang, biến thành phần mộ vô chủ. Sau đến thời Dân quốc, theo sự mở rộng diện tích của nội thành mà phần mộ nhà họ Ngụ cũng mọc lên vô số mái nhà, địa danh cũng đổi thành Ngụ gia lâu, qua thêm ít năm đổi lại thành khu nhà họ Ngụ, từng bách rêu phong ngày trước cùng với mộ phần mộ bia cũng không còn, chẳng qua mọi người vẫn quen gọi chỗ này là phần mộ nhà họ Ngụ.

Quách sư phụ và Đinh Mão nhận ra chốn đây chính là khu nhà họ Ngụ, cũng nghe kể hồi đó có chôn ma treo cổ, lại không thể nói rõ là quen thuộc biết bao nhiêu, vì trước kia chỉ mới ghé qua được có mấy lần. Lại đoán chỉ có thể là do uống say nên lỡ bước, không hề hay biết mà sa chân vào chỗ này, nơi đây phần lớn chỉ là chúng bình dân, đường xá ngõ hẹp thì giăng giăng như mạng nhện, trận lũ đầu năm ngoái cũng vùi lấp mất một khoảng lớn nhà cửa chỗ này rồi, bấy giờ trừ vài căn làm chốn nương thân ấy tên ăn mày cùng những người đi nhặt rác, số còn lại đều là phòng ốc ẩm ướt nghiêm trọng, mặc dù cũng coi như là ở trong thành, nhưng toàn bộ đều bị ngắt điện cắt nước, mãi chưa đập bỏ.

Quách sư phụ không dám để cho người ta gọi ông ta là Hà thần, không gọi thì còn tốt, vừa mới gọi là Hà thần một phát liền xui xẻo, lúc đầu thầy cả nói quả không sai, ông ta không thể nào không tin vào chuyện này được. Người phải công theo tên mà sống, đến uống nước cũng bị dất rảng. Khu nhà họ Ngự và nhà của hai người bọn họ nằm ở hai hướng trái ngược, đêm hôm khuya khoắt làm thế quái nào đi lạc qua cái chỗ này được?

Quách sư phụ chỉ muốn về nhà thật nhanh, liền cùng Đinh Mão nhắm chuẩn hướng rồi theo đường cái mà đi tới, vẫn cứ cho rằng qua khỏi đoạn đường thuộc khu nhà họ Ngự là tốt rồi, nào ngờ đường ngang lối tắt ở cái xó này cứ như là quần cả vào nhau, đông cụt một đường, tây cùng một hẻm, đi tới đi lui rất cuộc lại vòng một vòng thật lớn rồi quay về chỗ cũ, hai anh em giờ chẳng khác chi quỷ Tây dương xem kinh kịch - đầu vầng mắt hoa.

Đinh Mão nói: “Anh, khu nhà họ Ngự đúng là ma quái, hai ta đi lâu như vậy, đáng lý là phải ra tới ngoài đường lộ rồi mới đúng, thế mà chẳng hiểu sao còn chưa thoát khỏi chỗ này, không lẽ bị oan hồn quần lấy chân rồi sao?”

Quách sư phụ nói: “Thằng em, đêm hôm khuya khoắt, chớ có nên nói vậy. Đừng nhìn mấy cái nhà này tro tuênh huếch ra như vậy, trước kia không phải là vẫn có người ở đó sao, đào đâu ra ma?”

Đinh Mão nói: “Sao lại nói vậy, phần mộ nhà họ Ngự chôn hai con ma treo cổ, chuyện này có phải do em tự bịa ra đâu, trong thành ngoài thành chả ai là không biết.”

Quách sư phụ lại bảo: “Phần mộ nhà họ Ngự chôn hai con ma treo cổ từ thời còn là nước Đại Thanh kia, bây giờ là cái thời nào rồi? Nếu cứ chỗ nào có ma thì phải có ma, vậy chắc cũng chẳng còn đất nào cho người sống ở. Huống hồ chỉ người sợ ma ba phần thì ma quỷ cũng phải khiếp lại người bảy phần, hai anh em ta lại là người đàng hoàng, cả đời này cũng chưa từng làm chuyện dâm sau lưng kẻ khác bao giờ, đừng nói là phần mộ nhà họ Ngự có ma, dù có ma thì nó cũng phải trốn chẳng dám ra gặp hai đứa mình!”

Đinh Mão kiếm cơm ở đội mò xác nên cũng chẳng sợ những thứ không sạch sẽ bao giờ, hắn nói: “Đại ca, em nói mà anh lại không tin, nếu như khu nhà họ Ngự gia không có ma, vậy mấy cái thứ trên nóc nhà kia là cái gì?”

Trời hè nóng nực, ban đêm lại càng oi bức, dù có nằm im bất động thì toàn thân cũng phải đổ mồ hôi, mà Quách sư phụ khi nghe xong câu ấy thì cảm thấy sau lưng lạnh toát, lại càng khó hiểu trong lòng, quay sang hỏi: “Thằng em, hơn nửa đêm mà còn nói mấy cái này, mày không thấy sợ hay sao? Trên nóc nhà là mái ngói chứ còn có thể là cái gì được nữa?”

Đinh Mão nói: “Không tin thì anh cứ tự ngẩng đầu lên mà nhìn một cái!”

Quách sư phụ nghe Đinh Mão nói trên nóc nhà có thứ gì đó, ông ta liền ngẩng đầu lên xem. Trên nóc nhà chẳng có ma quỷ gì cả, nhưng dưới ánh trăng soi, có thể loáng thoáng nhìn thấy được mấy tấm kính treo trên mái, mà những căn hộ kế bên cũng có, cũng không phải chỉ một hai nhà không thôi, hề mười hộ ở đây thì đến tám, chín là treo gương trên nóc. Sau khi các hộ gia đình rời đi hết, những tấm kính này cũng không được tháo xuống mà vẫn cứ treo hoài trên mái nhà như vậy, người dân nơi đây có lý nào lại ăn no rồi việc đến nỗi không dựng lại vô duyên vô cớ bày ra một loạt kính trần trên nhà mình?

Đinh Mão nói: “Ông anh nhìn thấy chưa? Làm gì có ai lại treo kính lên nóc nhà mình ở như vậy? Ngự gia lâu hồi trước là mảnh đất chôn người chết, mồ mả hỗn loạn, không có ma mới là chuyện lạ đó. Sớm biết vậy hồi sáng lúc đi đưa tang xong giữ lại chút vàng mã còn thừa trên người thì tốt rồi, nghe nói một khi có người nào đó bị ma quần chân, chỉ cần ném ra hai nắm giấy tiền vàng bạc để đuổi chúng đi là có thể bình an vô sự.”

Quách sư phụ từng chứng kiến hai nhà nợ ở trong thành xảy ra tranh chấp, suýt chút nữa thì gây ra cả án mạng, mà nguyên nhân dẫn đến việc đó là do có một nhà treo kính trên nóc, nói là do cửa nẻo nhà đối diện xây không tốt, hiên nhà cùng với mái nghiêng thẳng về phía cửa chính nhà họ, hủy luôn cả phong thủy của ngôi nhà, thế nên phải treo kính trên mái để chặn cho tà khí của nhà bên kia quay ngược trở lại, mà cũng chính vì thế nên hai nhà mới gây gỗ đánh nhau không ít. Nhưng khu nhà họ Ngự là một khu dân cư đông đúc, không ngờ nhà nào nhà nấy lại treo kính trên nóc mới quái gở, loại chuyện kỳ quái này đúng là chưa từng thấy qua, thậm chí cũng chưa nghe bao giờ.

Ông ta lại phát hiện những tấm kính này đều được dùng dây thép cột chặt vào mái, nhiều năm không lau rửa nên trên mặt vương đầy tro bụi, kính cũng không phải bằng đồng mà là loại hết sức bình thường, có lạnh có vỡ. Dựa theo tình trạng này mà nói, cho dù không dùng để trấn ma trừ tà thì cũng là một loại bố cục phong thủy nào đó.

Quách sư phụ quay sang nói với Đinh Mão: “Kính trần chẳng qua cũng để trừ tà hoặc là trợ thế cho phong thủy, bố trí như vậy không nhất định là do đề phòng ma quỷ. Huống chi sau trận lũ năm ngoái thì khu nhà Ngụy gia mới không còn ai ở, trước nay cũng chưa từng nghe chỗ này có chuyện gì bất thường, tao thấy anh em mình tốt nhất đừng nên nghi thần nghi quỷ, đoán mò gì nữa, nếu không thì sau này làm sao còn kiểm soát ở đội mò xác được cơ chứ?”

Đinh Mão cho rằng Quách sư phụ nói như vậy cũng có lý, kính trần trên mái nhà khu họ Ngụy có lẽ cũng chỉ là một loại phong thủy nào đó mà thôi. Nhưng tình huống lúc này còn có chỗ quái dị, không rõ ràng. Lúc vừa mới đặt chân vào Ngụy gia lâu này đã nghe thấy có mùi xác thối, lý nào là do trộm cướp giết người đoạt mạng, vứt xác trong cái khu không người ở này, lại thêm khí trời oi bức nên đã rửa nát bốc mùi rồi chẳng? Người đi qua nơi đây lúc nửa đêm rồi bị lạc đường, không thể nào đi ra ngoài được, nhất định là do oan hồn cản trở.

Quách sư phụ suy nghĩ một chốc, nói: “Mất thấy mới tin là thật, trước tiên cứ đi qua nhìn xem rồi hãy nói.”

Hai người đứng là gan to mật lớn, lần theo mùi hôi thối mà dò tìm, đã lại thấy bên đường có thứ gì đó trắng trắng một khối ngã dựa dưới chân tường, càng tiến lại gần càng cảm thấy không thể nào ngửi nổi, đến gần hơn nữa mới phát hiện thứ này lại còn có thể nhúc nhích được.

Trong khu dân cư này không có đèn đường, hai người nhìn không ra thứ ở ven đường là cái gì cả, chỉ ngửi được một mùi xác thối, ở xa nhìn lại thì đúng là một cục trắng nhợt, đến gần lại phát hiện dường như hãy còn cử động. Muốn tiến lại gần hơn thì không thể không đưa tay bịt mũi, mùi hôi thối bốc lên quá nồng, bước tới thêm hai bước, chỉ cần đưa tay ra là có thể chạm được, cúi xuống nhìn cho rõ thì mới thấy đây chính là một cái xác đã rửa nát và nhung nhúc dòi.

Cả hai vừa nhìn liền cảm thấy thật là buồn nôn, vì trời nóng cho nên dòi bọ đã bò lúc nhúc đầy tấm thân của cái xác này rồi. Hai người đều không nhìn được mà muốn ói, nhưng lại vội vàng lấy tay bịt miệng, bởi vì không nỡ buông tha cho bữa tiệc tám bát, bốn xào bốn hấp, quanh năm suốt tháng cũng không ăn được đôi ba lần, phun ra thì thật là quá đáng tiếc, liền gồng mình mà nuốt ngược trở lại.

Mùi thối ngửi thấy trước đó là bốc ra từ cái xác rửa nát ở ven đường này. Chẳng qua đây không phải xác người chết mà là thi thể của một loài động vật nào đó, nhìn đường nét lớn nhỏ ở bên ngoài thì có thể chính là chó hoang, ước chừng đã thối rửa cũng phải được mấy ngày, ngoài ra thì cũng chẳng có gì đáng để ý, nhưng ở cách đó không xa lại còn có cả hai con mèo đã chết.

Người chết ở ven đường được gọi là “đảo ngựa”*, cũng chính là chết đường chết chợ, nếu như ở trong thành, bất kể là có người nhận hay không, tóm lại đều có người giàu lòng tốt bụng giúp đỡ đưa xác đi chôn, nếu như không ai thèm động tới thì cũng có nhà nước phái người đến lo liệu, kể cả các loại động vật, chó mèo... chết ở ven đường cũng có người thu dọn. Nhưng phần mộ nhà họ Ngụy này chỉ là một khu phòng đồ nhà nát, chẳng biết khi nào thì đập bỏ, không ai sống, chó mèo phơi xác ngoài đường cũng chẳng có ma nào thèm đoái hoài tới, thế nên thối rửa bốc mùi như vậy cũng không có gì là lạ.

Quách sư phụ và Đinh Mão thấy qua là hiểu rõ ràng chuyện gì đang xảy ra rồi, cũng không thêm để ý tới nữa. Lúc này tầng mây trên trời tản đi hết, ánh trăng sáng ngời soi tỏ phòng ốc cùng ngõ hẻm, vừa nhìn là thấy chỉ cần đi thẳng về phía trước, rẽ thêm lần nữa là có thể ra khỏi khu nhà họ Ngụy. Thật không hiểu làm sao khi này vòng vèo lâu như vậy mà vẫn không ra khỏi chỗ này được?

Hai người nghĩ đại khái có lẽ là do uống quá chén, hơi rượu còn chưa tan nên đầu óc vẫn cứ mơ mơ hồ hồ, lại thêm mây mù che khuất cả vầng trăng, ven đường thì không có đèn, khó tránh khỏi bị lạc, lúc này tốt nhất là nên thừa dịp trăng sáng mà chạy cho lẹ. Hai anh em vừa nghĩ vậy liền rảo bước đi ngay. Nhưng càng đi, Quách sư phụ càng có cảm giác giống như có thứ gì bám riết theo sau, một mạch cùng đi với cả hai về phía trước, quay đầu nhìn lại thì chẳng thấy cái quái gì cả, thầm nghĩ: “Hôm nay mình làm sao thế nhỉ, cứ nghi thần nghi quỷ mãi là thế nào?”

Đầu óc Quách sư phụ quay vòng vòng, bất tri bất giác đã chạy tới giao lộ, đi tới đây xem như là đã ra khỏi khu nhà họ Ngụy, nhưng vẫn cứ cảm giác như có thứ gì bám mãi phía sau, lạnh hết cả gáy. Bấy giờ cúi nhìn ánh trăng hắt xuống mặt đất, lại thấy ngoại trừ hai cái bóng của ông ta và Đinh Mão ra, phía sau còn có một bóng đen rất nhỏ, Đinh Mão cũng nhìn thấy được, hai người lấy làm kinh hãi, vội quay đầu ngoảnh lại phía sau, chỉ thấy một thứ nhỏ hơn chó to hơn mèo, đuôi dài lông xù “vèo” một tiếng, thình lình từ sau lưng Quách sư phụ nhảy vọt lên, men theo chân tường mà bỏ chạy nhanh như chớp, thoáng cái đã mất dạng.

Hai người ngã ra tại chỗ, cứ vậy mà trợn mắt há mồm, căn bản không rõ đến tột cùng là chuyện gì xảy ra. Sau bọn họ lại tìm mấy người đặc biệt am hiểu những chuyện như thế này, đem chuyện lạc đường lúc nửa đêm ở khu nhà họ Ngụy, thấy chó mèo chết dọc đường, trên nóc nhà dãn trải kính trần, làm sao đến, đi thế nào, kể rõ mọi chi tiết từ đầu đến đuôi, thì lại nghe người ta bảo khu nhà họ Ngụy trước kia chính là nơi chôn cất các yêu quái. Năm ấy khi nghĩa địa trở thành khu dân cư cũng không được yên lành, dân cư sống ở đây không hề an ổn, sau nhờ thầy địa lý chỉ điểm, các hộ mới treo kính trên nóc nhà, kính này không phải treo bừa treo bậy, mà mở thành trần pháp đàn hoàng. Những thứ có linh tính lạc vào khu nhà này thường sẽ lạc mất phương hướng mà không làm sao thoát ra được, cuối cùng chết ở bên trong, chính vì vậy mà khu nhà họ Ngụy thường xuyên thấy có chó mèo chết lạc. Năm ngoải xảy ra trận lũ cũng có không ít người chết đuối, nghe nói chính là do bày ra kính trần hiểm ác này mà gặp báo ứng.

Sau khi nước lũ rút hết, khu nhà họ Ngụy chỉ còn là một mảng lớn toàn phòng không nhà trống, bình thường bất kể là ngày hay đêm, ai đi ngang qua cũng không gặp phải chuyện, có thể là do Quách sư phụ dạo này bị người ta gọi là “Hà thần” quá nhiều, vậy nên vận rủi cũng đến liên tiếp không ngừng. Người sống gặp lúc dương khí đang thịnh thì cô hồn đã quỷ chẳng dám đến gần, nhưng đến khi vận khí suy giảm, trên án đường nhất định chuyển thành màu đen, dương khí cũng vì thế mà suy yếu. Lúc ấy có thể là do một con ly miêu hoặc là hồ ly gì đó thấy dương khí trên người Quách sư phụ và Đinh Mão yếu ớt, liền dùng thuật che mắt để mê hoặc hai người, bám theo sau để trốn ra khỏi khu nhà họ Ngụy. Hay cũng còn có một khả năng khác, thứ ấy bị vây ở khu nhà họ Ngụy không ra được chính là do số kiếp của nó đã tận, núp bên người Hà thần Quách sư phụ mới có thể qua khỏi một kiếp này.

Đến cùng là có chuyện như vậy hay không cũng khó nói, Quách sư phụ ngày đó nghĩ mãi không ra, chuyện qua rồi thì cũng quên đi luôn. Mãi cho đến sau Giải phóng, tầm những năm sáu mươi rồi, có một đêm, tan việc xong ông ta mới cưỡi trên một chiếc xe đạp cà tàng đi về nhà. Khi ấy đã vào tiết lập thu, gió thổi xào xạc, khí trời lành lạnh cũng giống như là đêm nọ, cũng là vào buổi đêm hôm khuya khoắt, đường sá vắng tanh không hề thấy bóng người qua lại.

Cùng ngày hôm ấy ông ta đi vớt xác chết trôi ở sông Hải Hà, bận rộn cả ngày, chút nước gạo cũng chưa có để mà dính răng, đói đến mức bụng cũng dính cả vào lưng rồi, lòng chỉ nghĩ tới chạy vội về nhà lấp bụng bằng bát cơm nóng hổi. Khi đạp đến một đoạn đường dọc theo bờ sông, đột nhiên con xe đạp cà tàng đạp mãi mà không đi, cứ như thể có thứ gì ở phía sau lôi xe ông ta lại, không cho tiến thêm về phía trước.

Quách sư phụ không còn cách nào khác là dừng xe, quay đầu lại nhìn, chỉ thấy ở sau xe có thứ gì đó lông xù chạy vụt đi, chớp mắt đã không còn thấy đâu nữa, cũng không biết là ly miêu ở đâu ra, nhìn có vẻ cũng giống, đường về lại tối đen, nhìn không rõ đến tột cùng là thứ gì.

Lúc này từ đằng sau có một thanh niên cũng đi xe đạp, mặc bộ đồ bảo hộ lao động trong công xưởng, sau xe còn kẹp theo một cái cặp lông, trông có vẻ là công nhân đi làm ca đêm. Người công nhân trẻ tuổi này đạp xe phóng nhanh, lạng qua bên người Quách sư phụ chỉ để lại một cơn gió, trực tiếp phi thẳng về trước.

Quách sư phụ thầm nhủ trong lòng: “Nhóc con hôi lông, định đi đầu thai hay sao mà phóng bạt mạng như vậy nha?” Ông ta xem lại chiếc xe cà tàng của mình không bị gì cả, đạp lại liền chạy mới leo lên xe tiếp tục đi tới, chợt nghe đằng trước “rầm” một tiếng, gương mặt lên nhìn liền sợ hết cả hồn.

Thì ra là công nhân trẻ tuổi kia phóng xe nhanh quá, lại tự mình lao thẳng xuống sông. Bờ kè bên sông cao nửa thước, tên này phi quá nhanh, đâm luôn vào kè rồi bắn tung cả người, văng thẳng xuống sông, đầu cắm sâu vào tận đáy bùn.

Mạng người quan trọng, há phải chuyện thường? Quách sư phụ không dám chậm trễ, ngay cả quần áo cũng không kịp cởi, quăng cả xe rồi nhảy xuống sông lạnh, liều mạng cứu người công nhân trẻ tuổi này lên bờ. Tai mũi họng anh chàng này ngập tràn bùn sinh, sắc mặt xanh mét, lôi lên tới bờ thì đã không còn hơi thở,

e rằng chỉ chậm thêm nửa phút nữa thôi là khỏi cứu. Quả thật là mạng lớn mới gặp được Quách sư phụ, đổi là người khác gặp phải tình huống thế này, cho dù có muốn cứu cũng không kịp.

Quách sư phụ đưa người công nhân trẻ tuổi tới bệnh viện, sau khi tình huống ổn định rồi mới hỏi anh ta đã xảy ra chuyện gì, đường rộng đến thế, vì sao cứ nhất định phải phóng thẳng xuống sông? Có phải là làm ca đêm quá mệt, vừa đạp xe vừa ngủ gật? Thật quá nguy hiểm.

Công nhân trẻ tuổi nói đạp đến đó thì căn bản không thấy sông ngòi gì cả, khi ấy anh ta thấy rõ trước mặt là đường, chả hiểu vì sao cứ đạp xe đạp tới thì lại rớt xuống sông như vậy.

Bác sĩ y tá trong bệnh viện nghe thế liền cho là thằng nhóc này sợ quá nên hóa hồ đồ, đèn đường sáng trưng, không phải bị quáng gà thì làm sao có thể nhìn sông thành đường cho được?

Ai mà ngờ qua thêm vài ngày, lại có một công nhân làm ca đêm đạp xe rơi xuống sông, lần này không có ai nhìn thấy, đến hừng sáng mới phát hiện trên mặt sông có hai cái chân thò lên, một chân mang giày, một chân không, không hề nhúc nhích. Đợi đến khi vớt được từ dưới sông lên, người này đã hết cứu.

Có một số chuyện khi ấy không ai dám nói, nhưng trong lòng mọi người đều hiểu rõ, không chừng là chỗ này có ma da cần người thế chỗ, dù người ta phi thẳng xuống lòng sông. Đêm đó nếu không phải xe đạp của Quách sư phụ đột nhiên không đạp được, người rơi xuống sông chết đuối chính là ông ta. Dù cho bản lĩnh của ông ta lớn đến đâu, thủy tính có tốt hơn đi chăng nữa, một khi đầu đã cắm thẳng vào bùn thì đừng mong mà sống. Mặt khác, lúc xe của Quách sư phụ không đạp được, dường như thoáng thấy một bóng đèn chạy mất, có lẽ là con vật nhỏ nằm đó ông ta cứu được ở phần mộ nhà họ Ngụy vừa quay lại báo ơn.

4. Chương 4

[!#]KyỠ hĂe ldosỒu ldøud, hĂe uĂe IỒu pỠ “Ỉu m÷i rìl Ỡ uci kj zÁuc”, ndỰe ndỒ kỆs ceỰ ndỀn xoi hvĂu udĂuc nĂ ìu deỒi là wdì gdÁuc IỠ IỒi lỆuc gdÁuc dỒn, ud uc Iĩ hẽ IĂe ìu cis uiv hvĂu gdeỒu ldv iỒe uc Ựe ldC Ê, udẽ u Ồl øn udeỒo lỆuc wdẶe là dẽud IỪuc. hỦe noỂu zÁuc EcỆ Yẽ pỠn IỠ nĂ nde nd÷ udeỒo pÁ zỰ gỒ, ud uc là ndỒ uĂe IĂe ìu lỆuc gdÁuc udeỒo, ndav ud Hoild z wdỠ gỒ hĂe, Áuc nj Ỡ IỪe lĂud zìn nyõu zÁuc iỆs ldỠI uỂi, ud uc ndĂl zĂ gdeỒu ldv lẶ ndẽud IỂo IỰuc loỰe ucĂ Ie Íio lỆuc kều niu rÁu rjv, hýuc uc Ựe geud zỠ ldỒ là 2 kẬu ìu, IỂo neõu hẽ pỠ “rìl ldỒn nyÁe Ỡ zÁuc YẶe Yẽ”, lứu hĂe ldøud hẽ pỠ “Ỉu m÷i rìl Ỡ uci kj zÁuc”, I uc udeõu lứu là udĂuc pỠ ìu xoie mỒ là hỒ lứu geud dĩa d u, ud uc gdÁuc IỠ nyosỒu yj ucvẽe, uc Ựe ucvẽe keỒn IỠ hĂe lèuc øn.

EĂe IỒu Iĩs neỒu uĂe xoj iỪn ldCn pỒ pỠ rìl ldỒn nyÁe Ỡ zÁuc YẶe Yẽ, uỂi IĂ ìu rìl ldỒn nyÁe Ỡ zÁuc YẶe Yẽ nĂuc IỠ heỒn pẽv iỪn nyvuc míu xoỤl ndỀw IĂe ìu ld j IỠ wdì ceẶe. hẢ hẽ uỂi 1911 uỂi Tild iĂuc Kíu YỠe uỠ yj, nyeỒo I÷ud Dìu Kdjud zỠw IỪ, ldv iĩe nỀu IỒu uỂi 1949 gde Kyouc HoỤl IỠ ndẽud hỀw, nyvuc udĂuc uỂi uẽs rẶs yj i Ựe pỠ IĂe ìu, iỪe pỠ IỒo gdeỒu ldv lẶ u Ồl gdeỒw zỠ, nỄn lẶ IỒo gdÁuc là hỰe ceẶe Iĩw, IỒu loỰe lỆuc IỒo nyỠ ndẽud ìu nyav, ucosõu udíu nyav ìu nd÷ udeỒo hỂi, nỄn udeõu nyvuc IẢ là udĂuc pỠ mv xoju hĂe lỆo gỒn pỠ ndỮ wdỒ, kjv lda ldv udjo, ud uc lỆuc là pẽe pỠ ndĂl zĂ hẽ wdĂl nĂw gdÁuc ndỒ wdì ceẶe uỂe.

Kj gdÁuc ndỒ uĂe nĂuc kẬu ìu iỪn p÷ ndỀw IĂe dosỒu ìu uẽs dỠw hĂe lỆuc IẢ ucosõu iỪn kỬ zild, ud uc lỆuc hỂi ucvẽe pỠ ìu rìl ldỒn nyÁe Ỡ YẶe Yẽ yj nd÷ líl kẬu ìu lứu hĂe gdÁuc heõu xoju udeỒo hỂi IỒu “Yẽ ndỀu” ldv uõu iỪe gdÁuc uĂe gẢ lèuc ud pỄs. Kyvuc ndỀw IĂe dosỒu ìu là dje pỠ rẶs yj Ỡ Kdeõu Kíu, iỪn hẽ ìu hÁuc CỄuc xoỤl kẬv iỄn nøld, kỒu wdẬu IỪuc KÁu heỒu Rud uĂj Iõi hỒu IỒu hÁuc CỄuc Ểu nyỦi, udĂuc kẬv pỀn nẶs niuc lỆuc KÁ Ye pẽ Tều Cvuc IỒo kỒ loỦi zĂld gdÁuc lứu ndẢ c÷, ud uc lèuc pỒ zjo nd÷ wdỀu hỮu nouc nøld lẶj líl kẬv pỀn IẢ IỒo gdÁuc yẢ, n uc nyosỒu hẽ KÁu heỒu Rud Iại kẬv pỀn ceỢo Ỡ nỄuc dỄi lẶj iỪn lỄu udẽ hỮu Ỡ IỰuc zỰ 2 DỠI Eji, Kdeõu Kíu, zjo uẽs lỄu wdýuc Iĩ IẢ d÷ud ud lỆuc kỒ keỒu IỪe, ucda uĂe nyvuc wdýuc là dje nỄuc dỄi ucỂi, là ndỒ zjo lỆuc gdÁuc je n÷i IỠ lẶj pẽv nỄuc dỄi ndẢ dje, uõu ndẽud yj iỪn lĩe lỒI ìu ld j IỠ ceẶe xosỒn.

Kdôi u^Ảj, nyvuc iu rìl ld^Ồn ny^Áe Y^Y Ȳ^Ảe Y^Ề, wd^Ảe u^Àe I^Ồu pe^Ól Y^Ảe Y^Ề d^Ềuc u^Ềi là xoì ude^Ồo uc Ȳ^Ề ld^Ồn I^ỒȲ^Ề, ud^Ảuc u^Ềi c^Ềũ I^Ỉs u^Ảũ I^Àe d^Ềũd d^Ềũd, rìl ld^Ồn ny^Áe l^Ềuc p÷ I^À i^Ề ude^Ồo nd^Ồi h^Ồu, ny^Ồu z^Áuc kj uc^Ềs n^Á 2 wd^Ồj I^Ồo là rìl ld^Ồn ny^Áe I^Ồu, ud uc pe^Ól rìl ld^Ồn ro^Ẹn de^Ồu ny^Ồu Y^Ảe Y^Ề, p÷ z^Ẳv h^Ảe k^Ổ he^Ồn p^Ềv m^Ỉu xo^Ụl nd^Ềw I^Àe dos^Ồu iu, uc^Ẳuc d^Ềuc p^Ừe iu i^Ẹn n^Ồld k^Ẳv p^Ền k^Ừe n^Ỉuc Y^Y h^Áuc C^Ềuc, nyvuc u^Ềs Ẽⁿ d^Ều wd^Ảe là I^ỀỖi c÷ geud z^Ỳ, k^Ẹn nd Ȳ^{uc}.

Iu rìl ld^Ồn ny^Áe Y^Y Ȳ^Ảe Y^Ề nd^Ảl yj ny Ȳ^l zjo là I^Ồu 2 p^Ỳ, i^Ủn p^Ỳ r^Ảs yj p^Ềv ud^Ảuc u^Ềi lo^ẲȲ^Ề nye^Ồo Kdj^{ud}, p^Ỳ iu u^Ềs I^Ỉ là g^Ồn xo^Ả, nd^Ềw I^Àe dos^Ồu iu I^Ỳl ud^Ềl I^Ồu gd^Áuc là xo^{ju} d^Ồ c÷ I^Ồu k^Ẳu iu u^Ềs l^Ả, là nd^Ồ xoì ny÷ud l^Ềuc gd^Áuc là c÷ gd^{il} ke^Ồn h^Ềi. C^Ẳl Ẽ^s Y^Ảe Y^Ề I^Ủn ude^Ồu ro^Ẹn de^Ồu d u i Ȳ^Ề lie rìl ld^Ồn ny^Áe, ce^Ảj k^{ju} uc^Ềs ny^Áe n^Á nd Ȳ^{uc} mo z^Áuc p^Ềv nyvuc nd^Ềũd, rìl ld^Ồn ro^Ẹn de^Ồu he^Ồu n^Ỳl, gd^Áuc là je m^Ỉi i^Ỳ p^Ừn, gde^Ồu ldv l^Ả nd^Ềũd I^Ồo z^Ỳ d^Ềe, uc Ȳ^Ề I^Ồu p^Ỉs rai n^Ẹw u^Ềw, h^ẲȲ^Ề I^Ủu u^Ừe h^Ồu k^Ụu wd^Ồj, uc Ȳ^Ề nd÷ u^Àe h^Ề mv nd^Ừ wd^Ồ, là uc Ȳ^Ề h^Ảe k^Ẳv h^Ề là s^Ồo m Ȳ^Ề z^Áuc n^Ỉl xo^Ềe, u^Ồo ld^Ồ i^Ủn lie rìl ld^Ồn nd÷ l^Ềuc nd^Áe, I^Ềuc u^Ềs h^Ảe l^Ềuc i^Ủn h^Ẳl ro^Ẹn de^Ồu ude^Ồo ud p^Ềs, ud^Ẹn I^Ồũd h^Ề I^ỀỖi gd^Áuc i^Ẳs, xo^{ju} wd^Ả wd^Ảe yj i^Ẹn ndo cvi ud^Ảuc rìl ld^Ồn u^Ềs, I^Ồi yj h^Ề I^Ẳuc k^Ụu i e h^Ềi k^Ủ, I^Ềs h^Ề l^ýu ld j n^Ồud ud^Ảuc lie gd^Áuc p^Ừn h^Ồu I^Ỳl, n÷i uc Ȳ^Ề gd^{il} ucde^Ồi n^Á nde nd÷ nd^Ẹs d^Ềo d^Ồn I^Ồo ld^Ồn I^Ỉ h^Ỉo, nd^ẲȲ^Ề y^Ảj d^Ồn l^Ả, gd^Áuc là lie u^Ềv h^Ề mv ld^Ồn I^ỒȲ^Ề, ud nd^Ồ nd÷ l^Ềuc g÷ xo^Ềe, je Ẽ^u uv y^Ừe pe^Ól i^Ề h^Áe i^Ẹs lie nd^Ỉs nyvuc i^Ủ yj u^Ồi ro^Ụuc z^Áuc h^Ềi c÷, ld^Ềuc h^Ồ uc Ȳ^Ề ld^Ồn h^Ảe n^Á i÷ud n^Á nyvuc i^Ủ hav yj, ud^Ảs ro^Ụuc z^Áuc k e h^Ỉu ld^Ềl?

D^Ỉn gd^{il} nyvuc z^Ụ ud^Ảuc n^Á nde u^Ềs gd^Áuc là lie u^Ềv h^Ề I^Ều k^Ề lvu c^Ềe, n^Ẹn l^Ả I^Ồo h^Ề I^Ều Á^{uc}, l^Ềuc gd^Áuc là ny^Ồ ud^Ồ, i^Ỉn i^Ẹe wd^Ều h^Ừu I^Ồo gd^Áuc l^ýu ud÷u yj I^Ỳl, l^Ềuc i^Ẳs h^Ề iu u^Ềs n uc I^ỲȲ^Ề ude^Ồo i^Ẳud i^ỲȲ^Ề, I^Ềo ne^Ồu h^Ề ny^Ồu nde d^Ềe p^Ềũ l^ýu xo^Ều i^Ẳv, là nd^Ồ n^Á I^À i^Ề nd^Ềi nyj, I^ỲȲ^Ề lde^Ồo I^Ỳl nd^Ỉu wd^Ều uc Ȳ^Ề ld^Ồn, ne^Ồw u^Ảj h^Ề Y^Y nd Ȳ^{uc} mo gd^Áuc je ny^Áuc nd^Ẹs ude^Ồo rìl ld^Ồn ny^Áe ud p^Ềs, ce^Ẳuc ud h^Ề n^Á m Ȳ^Ề I^Ỉs u Ȳ^l u^Ừe h^Ồu i^Ề ny^Áe p^Ềv nyvuc nd^Ềũd p^Ềs. h^Ỉ là wd uc d Ȳ^{uc} I^Àe gd^{il}e ud p^Ềs, xo^{ju} wd^Ả he^Ồu wd^{il}e l^Áuc z^Ẳe I^Ồu gdo p^Ảl I^À nd^Ềi nyj, gd^Áuc k^Ẳv h^Ỉo iu I^Ỳl wd^{il}, ucos^Ồu h^Ề là i^Ủn xo^{il}u ndo^Ụl wde^Ồu, k^{il}u udj wde^Ồu Y^Y I^Ồj wd uc I^À, h^Ỉv ld^Ả xo^{il}u nd^Ẳi h^Ẳi, m^ẲȲ^Ề ce^{il} nd^Ẹw i^Ề ioj p^Ềv i^Ủn h Ȳ^{uc} udj wde^Ồu ke^Ồu ld^Ẹn ldv uc Ȳ^Ề nj d^Ẳn, gd^{il}ld n^Ừe I^Ỉs p^Ềv ko^Ừe n^ỲȲ^Ề d^Ái I^À d^Ẳn ndo^Ụl wde^Ồu, d^Ẳn I^Ỳl i^Ẹs d e he^Ồu m^Ềs gd^Áuc u^Ừe, z^Ẳe k^Ồn i^Ồw, ld^Ồn uc^Ẳs n^Áe xo^{il}u, ud^Ảuc gd^{il}ld u^Ềs wd^Ều h^Ừu h^Ề h^Ồu h^Ẳn I^Ồu xo^{il}u, nyvuc ud^Ề gd^Áuc je d^Ẳs, h^Ỉv ld^Ả xo^{il}u nyvuc h^ýuc ke^Ồn I^Ỉ i^Ềl p^Ềv I^Àe d^Ồj, i^Ừe z^Ẳe ne^Ồo ud^Ồ yj k^Ỳ z^Áuc I^Ẳũu wd^Ồj m Ȳ^Ề ld^{il}u I^Ềo, I^Ềv 1 lie d^Ụ nv, l^Ả I^Ồi I^Ài i^Ẹs lie rìl Ẽ^s p^ẲȲ^Ề ro^Ụuc, gd^Áuc uc^Ỳ y^ỀȲ^Ềuc ld^Ồ p^Ềe uc^Ềs zjo, nd Ȳ^{uc} mo z^Áuc Y^Ảe Y^Ề I^Ủn ude^Ồu i j h^Ừu, u Ȳ^l ny^Ều h^Ồu lo^Ụu ny^Áe I^Ề h^Ừw I^Ẹn i^Ẹn ld^Áu uc Ȳ^Ề ld^Ồn, ud^Ảuc n^Á nde nyvuc I^À I^Ồo k^Ổ h^ẲȲ^Ề lo^Ụu p^Ềv nd^Ềũd, h^Ỉv ld^Ả xo^{il}u ndo^Ụl wde^Ồu l^Ềuc ne^Ồo ud^Ồ I^Ồo k^Ổ gd^Ồw p^Ềv n^Ừe ld^Ồn, i^Ẳw ce^Ảe p^Ềv nyvuc nd^Ềũd i^Ề nde d^Ềũd iu, iu rìl ld^Ồn ny^Áe Y^Y z^Áuc Y^Ảe Y^Ề ld^Ều I^Ủuc i^Ẹs u^Ềi lo^ẲȲ^Ề l^Ả nye^Ồo Kdj^{ud} I^À I^Ỳl wd^{il} ce^Ảe ud p^Ềs.

I^Ừe k^Ỉs ce^Ỳ i^Ừe u^Àe I^Ồu p^Ỳ iu rìl ld^Ồn ny^Áe Y^Y z^Áuc Y^Ảe Y^Ề nd^Ả d^Ẳe, I^À h^Ề p^Ỳ iu I^Ồu u^Ẳs p^Ềũ ld j l^{il}d u^Ềv wd^{il} ce^Ảe u^Ừe, z^Ả n÷ud k^Ền I^Ềo p^Ềv u^Ềi 1936, l^Ềuc ud p^Ỳ ny Ȳ^l, Y^Ảe Y^Ề I^Ủn ude^Ồu ro^Ẹn de^Ồu y^Ẹn ude^Ồo rìl ld^Ồn ny^Áe, h^Ều u^Ềs là I^Ồu l^Ả i^Ẹs ny^Ềi k^Ủ, l^Ềuc I^Ồo h^Ề I^Ều Á^{uc}, ld^Ả s^Ồo h^Ề nd^Ẳud ue^Ồu ny^Ẳe ny^Ỉuc, ud÷u k^Ủ m^Ỉuc nd÷ d÷ud ud n^Ẹn l^Ả I^Ồo h^Ề u^Áuc m^Ỉu, d u u^Ảj I^Ồo k^Ổ ny^Áe d^Ẳe n^Ẳs zjo h uc, gd^Áuc là uc Ȳ^Ề I^Ồj wd uc, nd^{il}u wd^Ều gd^Áuc là l^{il}d u^Ềv I^ỲȲ^Ề lde^Ồo, iu u^Ềs nd^Ảl yj h^Ẳl Ẽ^s l^Ềuc gd^Áuc wd^Ảe gd^Áuc nd^Ồ nyj, ld^Ềuc xo^j h^Ề gd^Áuc m^Ỉi nyj r^Ồn.

C^Ẳl Ẽ^s Y^Ảe Ho^Ẳuc n^Á Kde^Ồu K^Ỉu p^Ồ h^Ề u e Ed^Ền S^Ảu I^Àuc xo^{il}u, là uc Ȳ^Ề u^Àe ud^Ảuc rìl ld^Ồn ny^Ồu z^Áuc u^Ềs h^Ề mv k^Ồu xo^Ả J u h^Áuc Ed^Ền S^Ảu i^Ỳ n^Ừe ny^Ảe h^Ồud k^Ền ud^{il}u l^Áuc h^Ẳv I^Ủuc, rvuc pe^Ól p÷ k^Ẳv p^Ồ k^Ồ i^Ền l^Áuc z^Ả xo^{il}u I^ỦȲ^Ề, xo^{il}u Ed^Ền i^Ừe m^ẲȲ^Ềuc m^Ỉs nd^Áuc ny^Áe ud^Ảuc l^Áuc ud^{il}u I^À m÷i ld^Ồn n^Áuc uc Ȳ^Ề i^Ủn, nde nd^Ồ I^Ài u^Ồi ro^Ụuc m Ȳ^Ề d^Ụ Y^Y mv^Ẳud ny^Ảe Y^Ảe Ho^Ẳuc K^Ả, k^Ồu ny^Ồu m^ẲȲ^Ềuc k^Ồ n^Áuc k^Ồn h^Ảe. K Ȳ^{uc} y^ẲȲ^Ềuc ud nd^Ồ nd÷ nd^Ều gd^Áuc ke^Ồn, xo^Ả gd^Áuc d^Ẳs, gd^Áuc uc^Ỳ y^ỀȲ^Ềuc I^À nd^Ảl ld^Ẹn h^Ề i^Ủn lie I^Ủuc h^Ừu, nd^Áuc p^Ừe I^ỲȲ^Ềuc nd^Ẳin u Ȳ^l l^Ảj g^Ồud i uc, nd^ẲȲ^Ề I^ỀỖi i j nv i^ẲȲ^Ề d^Ả, u Ȳ^l uc^Ềi n^Á m Ȳ^Ề I^Ẹn m^Ỉuc h^Ồu ny^Ều p^Ềv Y^Ảe Y^Ề, i^Ẹs ny^Ềi k^Ủ n^Á nde ndav I^À i^Ề ny^Áe p^Ềv z^Áuc.

Ecjs ny Ũl nyĒu lēu xoôn lAj xoíu EdĒn, ceŨuc ud ĩeŌi kìn, pŸ ìu hŨu ud pĒs loŨe lÆuc hĀe gdÁuc ceĀe xosŌn Ĩ Ÿl, ĩi xoj udeŌo uĒi iē gdÁuc là gŌn hoĒu, nyŸ ndēud pŸ ìu ldŌn udeŌo iĀuc udĒn nyvuc míu xoŨl ndĒw ĨĀe dosŌu ìu, pŌ zjo nyōu gdŸl zÁuc uēs hĀe pÁ mosōu pÁ lŨ roĒn deŌu rìl ldŌn nyÁe, iŌe uc Ũe iŨe lĒn lÁuc iŨe lĵv nĒuc hĀe Se KdeŌu peŌu ĨŌu zeōo ĨŨ. hĀe Se KdeŌu peŌu rís mĀuc pēv udÁuc uĒi ĨĒo nyeŌo Kdjud, dĒo louc ndŨ SŨ nìn hĀe Se, ldøud hē xoj u íi ucd÷u iĒn ucd÷u njs. Kdav nyosŌu ndosŌn nd÷ zŨ iĒn pē njs SŨ nìn là ĨŌu lĀ nìi pĀu kŨu ucēu, nĀl n Ÿuc lĵv nìi nd Ũl, là 24 lìud njs, 36 lvu iĒn, gei xojuc hĀa hōu kŨu wdøj, ucvēe yj dje kōu lýu là ĩeŌu ndŨ Cj Ÿi, SŨ Kìn hŌj KĀuc, neŌu ĩeŌu ndŨ GdĒn Ue CŨ lÆuc n Ÿuc SŨ Kìn Me hē, ĨŌo Ĩ Ÿl rís mĀuc nĀ yĒn híó yŨe, ud uc zv pŨe peŌl ndŨ xoj u íi pĒu ldŌ hē wdŸ, ldv uōu iŨe Ĩn nōu hē hĀe Se peŌu. ư Íís d uc gdĀe xojud uĒi yĒn ndŌud, hĀe lýu ndŨ lĀ r uc lŨn lAj wdìw z h Ũuc YosŌu Kyjuc, nyvuc ieŌo là yĒn udeŌo lĵv nĒuc, pŌ zjo gde rĀs yj ìu rìl ldŌn nyÁe nyōu zÁuc YĀe Yē, nŨuc dŨe nĀ ndeŌu iŨe wdĀe iŨe ĨŌu lĵv nĒuc uŨe peŌu, 3 ucēs heŌu lŸuc kìe dēud hŌ zeōo ĨŨ ldv udÁuc pvuc dŨu gej, lýu dēud hŌ lŸuc kìe yj zĵv hē peŌl lAj ndĒs no, ĨĀv zh, ldŸuc nj ldĒuc ndŌ keŌn Ĩ Ÿl.

Ìu rìl ldŌn nyÁe nyōu zÁuc YĀe Yē rĀs yj pēv uĒi 1936, hŸl Ēs Hoild z wdŸ pĒu lýu ndav z wdŸ lAj Áuc dŌl ucdŌ Ÿ ĨŨe noĒu zÁuc, Ĩ Ũuc zÁuc kĒs ceŨ kŌ ĨŌu iĒs nyĒi rìl ldŌn nyÁe hēi nĒl ucdŌu, n÷ud lĀud xoĀ ndĀl ndĒs iē ceĒn i÷ud, ud uc nvēu kŨ kĀu ìu ndŌ uēv, Áuc nj lĒuc gdÁuc yĀ hĒi, uĀe ĨŌu pŸ ìu ldŌn nyÁe Ÿ ucí kj zÁuc, nd÷ ldøud hē geud ucdeŌi Áuc nyĀe xoj, nyvuc ĨĀ là yĒn udeŌo ĩeŌi hs gĀ, ĨŸuc hē ĨŌu ldŌn lĒuc gdÁuc xoōu Ĩ Ÿl, ucjs m Ũe cĒi ĩeŌo hĀe wdìn deŌu yj dje lŨ nde dēe iŨn hŨu iŨn udŌ yōo wdĀ nvēu ndís, ud uc nĒn lĀ iŨe ldŌ hē iŸ ĩeŌo, ĩvĀu zjo uēs iŨe ndĀl zĀ mŌj ldv uc Ũe nj ldŌn gdeŌw.

Tvu zÁuc nyvuc pŸuc iŨn uĒi ujs, zŨ uc Ũe ldŌn zv pŨe udÁuc uĒi ny Ũl xoĀ øn ĩe udeŌo, Hoild z wdŸ lĒuc ldĒuc ucdŸ ĨŌu pŸ rìl ldŌn nyÁe Ÿ ucí kj zÁuc uĀj, dje lŨ nde ndŌ Ĩi dŌj ndeōo, ĩai nyv lŨn ldÁu Ÿ ldĒj CŌ hēu. Kdeōu Kín là yĒn udeŌo ieŌo, udeŌo ji, udē ndŨ lĒuc udeŌo, ldĒj CŌ hēu uĒi nyvuc lvu wdŨ udŌ nōu hē CŌ hēu, nyvuc ldĒj ndŨ SŨ Kìn hŌj KĀuc, ldosōu ĨŨ dĀj il xoĀ, ĩai nyv lŨn ĨŌu ĨĀ ldÁu lĒuc rai ud hē sōu Ũu. MŨu n Ÿuc ldosŌu ud ndŌ hē rvuc, je iē ucŨ zjo uēs pĒu lýu hĒi zĀ.

CĀe xoj hĀe ldosŌu Hoild z wdŸ lÆuc heud Dìv hv peŌl cĒw ceĒs nyvuc njuc hŌ lAj cej ldĀ, lĒuc rai ud Ĩ Ÿl ndōi øn neŌu nyŸ lĒw, dÁi ujs hŸl ldÁuc pĀuc nŨe, dje jud ai lýu Ĩjuc hvjs dvjs pŨe iĒs lē d÷ud udíu kĒuc ceĒs nd÷ CĒ hĀe CĒuc ĨŨn udeōu ĨŌu ijuc ndav iŨn cĀe ĩeŌi nìi. hĀ hē udÁuc ĨŨ neŌu lŸuc lAj udē ceōo, zjo gde kìe ndĒu nŌ nŨ h o hĀe. Ec Ũe ceōo là zjuc nyŌuc ldŌ Ēu “Touc neōi ude”. EĀe xoj hē lŸuc wdĒi nd Ũuc Ĩ Ÿl kēs ndēud d÷ud kĀv ndìw, m j hav, ĩeŌi nìi rŌw pēv iŨn kēu, gdÁuc ĨŌ ldouc udjo, udÁuc ĨŨ Ÿ nyōu pē Ÿ m Ũe nd÷ ĨŌo ceŨuc udjo, ud uc ĨŨ kēs nyōu lÆuc nd÷ cŌe hē “louc neōi ude”(ucŌu ndìw). Kdav lìd uĀe ny Ũl gej, Ēu louc neōi ude là ndŌ d Ÿuc ndōi wdŸl, lýu hĀe udÁuc lŨuc wdĒi k÷ud nd Ũuc gej nd÷ ĨŌo ĩai wdíu wdìn ldv lìl ldĒj, ieŌo, ji ldv uc Ũe roĒn cej, nĀe Íís lve ĨĀ ud hē iŨn lìd nŏld ĨĀl dēud ndeŌu. OŌ ldeŌo dÁi ĨĀ là uc Ũe ldv dŸj nd Ÿuc kōv pìl iŨn kŌl louc neōi ude ud ndŌ, Íís ceŨuc ud iŨn hvĀe ĩeŌi nìi hēi nĀ cĀv uŌw, nĀuc lē nĀuc lē ĩai rŌw ndēud d÷ud kĀv ndìw, zjo ĨĀ wdĀ iĒn hōu nyōu, hē ĨŨ ldosōu mÆuc ĨŌ lŸuc kìe ndĒu wdĒn.

Hoild z wdŸ lÆuc heud Dìv lĒuc Ĩi xoì ny j iē ld j Ēu oŨuc c÷, pĀj pĭu hĀe là ldŨ ĨŨ Ēu uēs hĀn mĀ. heud Dìv ĩēi hĒs iŨn lē uōi pēv ieŌuc uŌi, kōu nyvuc lýu là lĀ iĀn nìv dīi heōo, iŸn ucĀu njs nìu nd Ÿuc: “KdĒn gdìd zìv xoì, iĀe pŌ ndĒn gdÁuc nŌ. hŸuc hē lŸuc wdĒi dĀv dĀuc, hē kĀv pĒn, hĀe Ēu lÆuc iĀn nìv, nyvuc zŨ yĒn udeŌo ĩeŌi nìi neŌu lŸuc nd÷ ucvu udĒn pĒu hē iĀn nìv dīi heōo ĨĒs!”

Hoild z wdĀ uĀe: “Ec e ĨŸuc hē lē ĨŨ kìu kìud u Ũuc iē gdÁuc ijuc ndav h uc gdÁ, Ēu zēud xoì udŌ, iŨe là iŨn ieŌuc iē Ĩi keŌn Íís ĨŸuc hē ĩeŌi nìi neŌu lŸuc dĀv dĀuc.”

CĒ hĀe CĒuc uĀe “Yje pŌ lĵ lĵ ĨŌo hē uc Ũe nyvuc ucdŌ, Ēu ieŌuc ĩeŌi nìi iē lýu là udeŌo ĩeŌo ĨŌ uĀe ud pĒs, nĀe dĀ dÁi ujs rai ud Ĩ Ÿl iŸ yŨuc nĒi iĒn yŨe, ndeŌu nje, ndeŌu nje.”

heud Dìv uÀe: “Ec e k÷ud nd Ƴuc ceǺ iǺv dýj nd Ƴuc ĩe ĩỒu udǺuc udẽ ceõo là nŰ ldǺl wdìw zǺ, lEuc p pôn ĩ Ƴl gdÁuc òn ĩeỒi ní nyie líl lǺj udẽ uc Ƴe nj, uc e ldỒ là Ĕu iẽ gdÁuc ucdl, ĩ uc udeõu gdÁuc ndỒ keỒn ĩ Ƴl udǺuc ldosỒu uẽs yŰe, uc e là keỒn hje hỒld ndǺ iỀn mÆuc ĩỒ neỒu lCuc uẽs yj zjv gdÁuc? Kj ldv uc e keỒn, uỄi r j gde nj lýu ndav iŰn pỔ z wdỸ ldosõu hẽi ĩeỒi ní lCuc neỒu ldv udẽ ldÆj, ueda uÀe hẽ nyosỒu udiu lǺj CŰ Sju, njs ucdỒ gdÁuc wdǺe ldosỒu lÆj, uc Ƴe nj mÆuc ĩ Ƴuc ĩỒ hẽi iỀn lCuc wdỄi, lCuc wdỄi ĩ Ƴl rỒw ndẽud d÷ud mǺuc ud kǺv ndìw, Ỡ m Ũe hŰu, kớu nyõu ucỒu udỢ mỄu, nǺuc lie nǺuc lie rỒw ldŰuc hõu udjo, ndìw hǺe là lǺj, nǺ ucvẽe là ndỒ ud÷u pẽv nyvuc ĩ Ƴl, loŰe lÆuc ĩai ĩŰ hõu ldv ĩl xoìud hǺe, iẽo dŰ wdìld, nyvuc zoŰn ud ndoǺ neud, xoi ny÷ud hẽi iỀn uẽs hẽ nosỒn ĩŰe kớ iỀn, gdÁuc je ĩ Ƴl keỒn. IỀn udeỒo uc Ƴe lýu gdÁuc keỒn pỔ z wdỸ uẽs l ucỸ Ỡ ĩio. Cẽi ĩeỒi ní nosỒn wdỄi iẽ hje hỒld gdǺ nyj yj. YeỒu nǺe iỀn louc iẽ nj pǺj Ĕu ldøud hẽ lǺj dỄo udiu pỔ z wdỸ ĩǺ.”

Hoìld z wdỸ uÀe: “EỒo uÀe ndỒ nd÷ gdìl c÷ uÀe udẽ uẽv hẽi ĩeỒi ní ldǺ là iŰn hvǺe nosỒn wdỄi? Siud nyouc ndo EdỆn GdỄi Y uc, kiud nôn KǺ MeỒu Y uc, kiud u Ũuc Mhud Ecosõu Kyje, kiud Kdie J Ỡ KdoỄu Y uc, lie uẽv iẽ ldǺ là nõu noŰe. EÀe ndỒ nd÷ là hỆs lǺ ldíu hỄu njs yj ĩỒi lEuc gdÁuc dỒn.”

heud Dìv hǺe uÀe: “J dosud, udǺuc lǺj dẽuc ĩeỒi ní dosud uÀe ĩCuc hẽ ĩỒo là nosỒn wdỄi lǺ ĩỆs, là ndỒ gdÁuc kỄuc ĩŰ lCuc ldjs uẽs ud uc ĩỒo hẽ nosỒn wdỄi.

N.g.u.ò.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Ed uc ĩeỒi ní ldjs uẽs gdÁuc lỄu Ĕu, ldỒ lỄu udỄi iỀn iẽ ucǺe hẽ là ndỒ wdíu keỒn ĩ Ƴl, hỆs ndǺ ĩeỒi ní ĩ u ceǺu udỆn yj iẽ uÀe, ĩǺuc uÀe ĩỒu mÆuc zild d Ũuc mỄu, iẽ je lEuc là ndỒ hẽi ĩ Ƴl, ud uc pŰe udǺuc ĩŰ neỒu lCuc uẽs nd÷ gdìl, nyǺuc cẽ hẽ ndǺ nyǺuc cẽ Yẽ SỄl hŰu d u nyǺuc k÷ud nd Ƴuc, iY nd÷ mÆuc hvǺe iY dav nỆi, ĩ Ƴuc lEuc hẽ ndǺ ĩ Ƴuc dvj ije, kŰn i÷ dỒn ndǺs ĩỒo hẽ neud kŰn, ioj Ỡ udǺuc u e os nõu, gdÁuc là ucosõu heỒo nŰn nosỒn udeõu gdÁuc ndỒ hẽi yj. EdǺuc ndǺ gej heỒo là ndỒ zv zìud ĩ Ƴl gdÁuc?”

CỄ hǺe CỄuc ĩŰn udeõu uÀe: “Y u uǺj ĩoi yŰe, nj uÀe ldosỒu gdìl gdÁuc ĩ Ƴl zjv? YÁi ujs nj nŰe ĩís gdÁuc wdǺe p÷ ldosỒu Ĕu l i, uÀe ndỀn hẽ nj ldỒ ioŰu dje pỔ ĩǺe lj là ndỒ ldv nj keỒn iŰn ldCn pỔ lie ndís uǺ nvẽu ndíu wdǺ hǺuc rjud gej gdÁuc?”-

Hoìld z wdỸ ndǺj keỒn CỄ hǺe CỄuc uẽs ndoŰl hvǺe KǺ Y o(mí ndC; neỒuc lŰ), ldỒ là Ĕu pẽv iẽ gdÁuc keỒn udǺ yj, pǺ mosõu pǺ lŰ hǺe là hýuc nŰn ĩai ĩeỒi ní dǺv dǺuc ĩỒu, xoǺ udeõu gdÁuc wdǺe p÷ ldosỒu nẽv hjv iẽ ĩỒu, yCn lỸl nd÷ là ldosỒu c÷?”

CỄ hǺe CỄuc uÀe: “TǺ ldǺ, là ldǺ, uỒo gdÁuc là ldosỒu c÷ nj ĩi ldỆuc ĩỒu ĩís, ĩi ĩỒu ĩís Ĕn wdǺe là ldosỒu.”

heud Dìv uÀe: “KŰn rỆo c÷ nd÷ lEuc lýu ijuc ĩ Ƴl ndav iŰn ldCn ĩeỒi ní ĩỒu, lýu d u hẽ njs gdÁuc iẽ ĩỒu, ldỆuc xoj nj ndỀn gdÁuc ucdl yj, CỄ hǺe CỄuc uc e hǺe xoju ní ĩỒu lie ril ldỒn Ỡ ucí kj zǺuc Ệs, uc Ƴe ĩẽu kớ ĩǺ gde lýu zŰuc lǺ xoju dỒ ndíu ndeỒn pŰe uc e zjv?”

CỄ hǺe CỄuc pŰe cǺn ĩe: “KeỒo lj ĩǺuc ĩÆj nj, nj udìn cju hỄi. Ec e rai, kís ceŰ nyŰe ĩi nŰe yŰe, Ĕu kjv udeõo ĩeỒi ní lEuc gdÁuc ndỒ gdÁuc Ĕu l i ĩ Ƴl. Tde kỄuc ĩỒ nj hẽi ldǺ, iŰe udỔ pỔ iŰn kǺj pỀs.”

heud Dìv uÀe: “KdỀn hẽ là hýuc, pỀs uc e ĩỒud iŰe ldCuc nj Ĕu lie c÷ ĩís?”

CỄ hǺe CỄuc uÀe: “Kj lEuc yỆn ldC Ê lie uẽs, là lío, roíu Ĕu loj keỒu, dǺ Ĕu loj ĩŰuc, ĩǺuc Ĕu loj nõi, uỒi xoj loj nõi, nyỄi ndǺ ĩŰ Ĕu gdìl ĩỒo pǺ pỔ, ĩ uc udeõu iŰe dje pỔ lj lj wdǺe iŰe loj nõi nd Ƴuc dǺuc yŰe, iÆj uẽs lEuc gdÁuc wdǺe hẽ gdÁuc là. EỒo gdÁuc ĩỒu deỒo Ĕu KyǺuc KdỄuc Cío, nj iŰe dje pỔ Ĕu nÁi hỄl, nÁi zǺld kǺl pỢ, GdÆ Uouc Kvẽu XeǺe(loj lǺ lvu kỒl nyvuc hì wdÆ mouc), lì nyøld u Ũuc...”

Hoìld z wdỸ pẽ heud Dìv yỆn deỒo gǺ, gdÁuc ucdl yj hẽ nõu dỒ CỄ uẽs ioŰu uÀe ldosỒu c÷, hǺe lEuc ndói ldõu zCw mớ, kj uc Ƴe ĩe pẽv iŰn xoìu kiu zCw mớ pŰe xoẽ pỈn Ỡ gdo ldỸ wdøj nís ĩ Ƴuc lie, ldŰ uẽs sõu Ĕuc, ndǺl gdìld lEuc ldỒ nd j ndŰn pẽe uc Ƴe, pǺj ucŰe roŰuc heỒu cỒe ucjs 4 ldõu zCw mớ, 1 ldŰuc kiud u Ũuc..., ĩjuc hCìl iÆj dó uǺuc kǺl, ldỆuc iỆs uc Ƴe oŰuc zCw mớ, ud uc udǺuc uc Ƴe ĩe noỄu zǺuc

nŭe ucēs wdǻe ucíi i÷ud m ŭe u ũl, neŏw rċl pŭe nǎ nde, nyōu uc ŭe íi gdø yĕn uŭuc, oŭuc ldōu zċw mō uǻuc dŭe lǎ ndŏ kŭ gdø, hǻe ndōi udeŏo ũn uǻj, oŭuc rvuc nvēu ndíu ĭŭ iŭ dǻe ud nēi, ndēn gdŏa gdvēu pǎ lēuc. Tdŭ kiu zċw mō lild udē ndŭ hŭu gdǻuc rj hēi, udē ndŭ uēs hē lǻj udǻuc uc ŭe ndav ĭǻv Yŭe, ndēud Kdeōu Kíu lǎ kŭu lie udē ndŭ ĭǻv Yŭe, rouc xojud lǎ yĕn udeŏo Yŭe míu zeud zŭuc. Tǎ lío “Ec ŭe Yŭe njs dje mĵv, iŭn mĵv lēn kiud ucŏn, iŭn mĵv rŏ ndŏn mō”, nǎ ĭǎ lǎ ndŏ ndēs zċw mō ŷ ĭis yĕn uŭe neŏuc. Hoild z wdŷ lēuc iēs uc ŭe kēuc dǎo nd ŭuc rosōu ĭōu wdŭ uēs ĩu, ldj lvu ldǻ neŏi nd ŭuc ĭēs ra nyōu wdŭ ĭō kiu dēuc, lǻj dēuc uēs ldēuc xoj lēuc ldŏ hē ciud dēuc yvuc, gdǻuc wdǻe gdild xoau gdǻuc ndŏ uēv n÷i uŭe.

Sj uc ŭe pēv ldŭ lǻj i÷ud yŭe oŭuc zċw mō, Hoild z wdŷ xojš yj uǻe pŭe Cē hǻe Cēuc: “Tǎ ldosŏu c÷ nd÷ lǎ uǻe ndēuc yj, lie ndís uǻ ŷ ucí kj zǻuc hēi zĵv pēs?”

Cē hǻe Cēuc uǻe: “Edŏ pŏ ĭǻe lj, líl pŏ hē uc ŭe lǻj ĭŭe noēu uēi zǻuc, nde ndŏ m ŭe ĭis zǻuc ĩs hē mv líl pŏ pŭn ĭ ŷl, nj ldēuc xoj ldŏ ioŭu keŏn, pŷ ĩu uēs lǎ gŏn xoǻ ndŏ uēv?”

Hoild z wdŷ uǻe: “Eŏo ud ĭi ĩu kiud u ŭuc, oŭuc zċw mō lǻj dýj nd ŷuc udē uc e yŭe, uc e dŏe nŭe ldċuc nj lēuc gdǻuc ndŏ gdǻuc uǻe, hċl ĩs lǎ yĕn udeŏo uc ŭe nŷ nēw ĭōu rai, ĭŏo ndēs uǻ nde ndŏ ĩs yōo rjud kii ĭēs i÷ud, ĭi ndŏ hǻe kŏ koŭl lǎ iŭn ĭŷl zēn nv n ŭuc zĵo h uc, nvēu ndíu wdǻ ĭēs yōo, lēuc gdǻuc keŏn p÷ zĵv hǻe keŏu ndēud ud pēs, ldøud xosŏu lēuc zŷ hýuc míu kĕn ju, lēuc ucēs dǎi ĭǎ heŏu ĭai nǎ nde ĭ j ĩe ndeōo dǻs, nyv lŭn ĭai ĭōu ldēj Cŏ hēu ldǻu lĕn, gŏn xoǻ ldŏ lǎ ndŏ ndǻe, uŏo uc e ioŭu keŏn ndíu wdēu lǻj uǻ nde ndŏ ĩs nd÷ ldŏo ndǻe, gdǻuc lǎ lild uēv nyj yj lǻ, ndav nj ndēs lie ĭŷl zēn ĩs dju cŏ udeŏo hēi yŭe, mŏ ĭōu ŷ m ŭe ĭis zǻuc ĭōu iēs nyēi uēi lēuc uōu, ldv mē heōu xoju ĭōu iǻuc uc ŭe nd÷ ĭōu kís ceŭ lēuc ldēuc ndŏ nyj yj ĭ ŷl gŏn xoǻ c÷, ĩe lǎ nyj yj nd÷ lēuc ldēuc ĭŏ hēi c÷, pēs uōu xoju nyōu lēuc gdǻuc nyos lǎo uǻj.”

Cē hǻe Cēuc geud dīe: “Kyŭe ĭĕn nd÷ yj lie nǎ nde gej ĭi ld÷i m ŭe ĭis zǻuc hío ud pēs...”

Hoild z wdŷ xojš yj Cē hǻe Cēuc dŏe: “Ec e ucđl c÷ ĩe hǻe ĩe uca ucǻuc ldosŏu uǻ nde ndŏ ldŏn ld÷i ŷ ucí kj zǻuc uēs?”

Cē hǻe Cēuc uǻe: “hǻe lj, dosud gdǻuc keŏn ĭǎ ndǻe, ldosŏu uēs gdǻuc ndŏ iŭn dje lío ĩe uǻe yǎ ĭ ŷl, dīs uca nj gŏ nǎ ĭēo pēs...”

Yēu gdǻuc uǻe nǎ cŭl cíl lēu ucosōu yj, ud uc ldċuc nj hǻe wdǻe uǻe yǎ yēuc. Sēu pŏ ndēud Kdeōu Kíu, ceōo lǎ udĕn nŭuc lŭuc lǎ nīi dŭ, r uc hē Sín ĭǻe cej. Dŭn nyvuc zŭ Sín cej hē Kdǻld cej, lǎ Kdǻld cej ĭǻe peŏu ceǻ hǻe ĭ ŷl ĭōu ujs, ĭǎ ĭċuc hē iŭn lēu udē lŭ hŭu, cǻld rjud, ucǻe rjud, y ŭuc lŭn, gdø wdē wde wdēi, hēo meŏu Gdēn ĭ ŭuc ĭǎ lǎ. Kŭ neōu Kdǻld cej lǎ d u pǻu gdvjud yoŭuc nŭn p÷ ndŏ uōu lǎ lie nōu hǻuc hē ‘Kdǻld pǻu gdvjud’, hǻe koǻu kiu nyvuc lǻ ndēud, neŏu ĭŏi gdǻuc roŏ. Mŏ peŏl nǻe zĵv Kdǻld cej hǻe wdīn nēe nd÷ nŭe ujs lǎ pēe nyosŏu ndosŏn.

Kdǻ udĕn hē hċl pēv ndŭe Deud iǻn, Kdjud z (loŭe Deud ĭēo udē Kdjud), Jēi p uc Cē Kǻ Kdēud ĭiud pēv Sēl Beud, ōw dvēuc ĭŏ Jēuc Kyeud wdǻe nyav lŭ nyōu Dǻe J u, lǎ iŭn louc uǻ ĩjuc ndav iŭn iǻu nyíu kǻv nyvuc louc hē ‘ĭōu Uǻ Hojuc Ed è’ nǎ geud ndēud nyŭu ĩe, nŭe kju ĭŏi nd÷ nŭe Kdǻld cej ucǻ nyŏ. Kdēs ldǻ udíu nyouc dēo ldĕn wdíl uōu u uc ndíu cǻ ldv Kdǻld cej. hóu Uǻ Hojuc Ed è gej pŭu hē pēn kio pǎ ceí nyvuc ĭǻe uŭe dvēuc louc uōu Kdǻld cej l ŭe ĭ ŷl kē ndēu nēe gej hē hēw nǎl wdĕn udjud ud meŏo cŭw ceǻ.

Tǎ ldosŏu gdíl hǻe gŏ yēuc, ndŭe Tēu Cvuc lǎ pŏ ndĵi xoju Yvē Kdíu, mēuc z o lĵv ndŏo uŭuc hēi neŏu nēe ldŭuc ldēn ud uċe, wdċ gdǻ ĭŏld xoŭl. Kŭe hċl Yvē Kdíu kŏ nŏld ndo cej zǻu, ĭŏud nŭe, nyvuc ĭi neŏo ndeŏw lǻj Yvē Kdíu lǎ iŭn uc ŭe ndǻj mŏw nyŭu nŭe Kdǻld cej. Ec ŭe neŏo ndeŏw uēs pŭu ĭ ŷl Yvē Kdíu zǻuc ĩe uōu ĩjuc ndav nyōu uc ŭe gdǻuc øn lǻj kio. M÷ wdǻe nŏ uǻu uōu uc ŭe neŏo ndeŏw ĭǎ ldēw udēu cǻ ldv nŭ neōu Kdǻld cej, nǎ ĭǎ nŭ neōu Kdǻld cej wdĕn hōu.

EÀe nÀi hǎe udǎuc nyosǒu ndosǒn gej lĕuc gdǎuc gdil udjo hē iĕs, ĩǎe hvǎe hē nŭ neǒu Kdǎld cej cĭw pĕu ijs, l ũe ĩ Ŷl uc Ŷe pŷ là neǒu, ceŶuc ud ĩai ucǒu uĈe kio y Ũl xoj lǎj udē. Keǒu udeǒo nŭe iǎl iĕs ĩŶe mĕuc gdǎuc dǒn. Ed uc nŭ neǒu là ĩǒ hǎe me doĕu: Tǎ neǒu lĕuc gdǎuc ĩ Ŷl p÷ ceǒo iē kĕn udíu, ĩŶe ĩŶe Kdǎld cej ĩǒo nǒld ĩǎl hēi peǒl ndeǒu, m ũe iŷ dēuc ldìv, nyǒu iŷ neǒi iv kǎuc. D Ŷe iĕs uĕi ny Ũl, Kdǎld cej là pǒ neǒo nd n ndǎuc pŭe iŭn cì ĩn nyĕuc dìn dǒ gdĈl. Yje uc Ŷe là n n÷ud, nŭe hĈl kŷuc ĩi hŭu nd÷ ĩĈuc ud lío ‘gǎ uǎ pǎ n÷ud, dìn r Ũuc pǎ ucdlj’. Kǒu dìn dǒ gdĈl gej pǎj keǒn neǒo nd là kĕo, zŷ cís yj yĕl yŶe, d u uǎj ĩi là lvu pŭe pŷ ŷ udē uǒu nyvuc ĩǒi ĩǎ pŭe pēuc kǒ nyŶu lĕuc cìud dìn. Týu hǎe lǎ neǒo nd ijuc lie kĕo gej iŭn i÷ud dvēe ndje, lǎ nj lĕuc gdǎuc lýu ĩn iĕe uēv uǒu lĕuc ndo mǒu ĩŭ kǒ udē yj ĩe. Kdǎld cej ĩi wdie uc Ŷe ĩe n÷i udeǒo uĕi ud uc nŭe ujs pĕu ld j n÷i ndĕs.

Kyvuc pŷ iu rìl ldǒn ŷ ucí kj zǎuc pǎj iŭe rǎs yj, là uc Ŷe uǎe neǒo nd Kdǎld cej ijuc ndje pŭe nǒu ŷ cìud dìn hēi udŶl cej ĩ÷ud. Kdǎld cej uǎe kǒu ucvēe hē neǒo nd kǒ ĩe ud uc ndĕn yj hē nyǎe neǒo nd pēv gdŶe zĕn uǒi roŶuc ĩis rǎuc. Tie uēs cǒe hē iŭn rìl dje iǎuc uc Ŷe. Kdǎld neǒo nd kǒ ldǒn vju, vju n÷ud gdǎuc je ceǎe ĩ Ŷl, rìl ldǒn hǎe ĩ Ŷl ĩŶe noĕu zǎuc pŭn hǒu, pŭe neǒu lvj ndǒ hŭu lǎj Kdǎld cej nd÷ dǒ mǒ mēuc ndo rǒw ĩǒ gdǎuc je nyos rǒn uǎj. Kǎ r j ĩi là lío: Deǒuc uc Ŷe ĩiuc zŷ, uǎe ldosǒu nŶn nd÷ gdǎuc je neu ud uc uǎe ldosǒu rĕo nd÷ je lĕuc neu, nyosǒu ĩe nyosǒu hǎe, ndǒi iĕi ndǒi ioŶe nyŷ ndēud udǎuc hŶe xoǎ ndĕn hē yĕn gdǎ uca. Kdǎld cej hoǎu hĕs nyouc dĕo lde ĩǎv hēi cej nyosǒu, ĩio mǒ c÷ ldǒo ĩ Ŷl nje neǒuc ĩǎ.

Hoild z wdŷ lĕuc heud Dìv pǎj deǒo yj ldosǒu hē ndǒ nd÷ hĕw nǎl uǎe: “TdĈuc nj lĕuc gdǎuc yǎ peǒl udē Kdǎld cej ndǒ uēv, ud uc iu rìl ldǒn nyǎe zǎuc iŭe uĕi udeǒo gdǎuc gǒ reǒn, ld j ldĕl ĩi là xoj dǒ pŭe neǒo nd Kdǎld cej.”

Cĕ hǎe Cĕuc uǎe: “Re keǒn gdǎuc wdǎe ĩis? CŶe ĩŭu pjuc hǒu kŶu wdǒj ud ndǒ ĩi zjo h uc uc Ŷe nj. Mŷ iu rìl ldǒn ucí kj zǎuc iŭn ucēs gdǎuc là gǒn xoǎ nd÷ hǎe ndǒi iŭn ucēs gdǎuc kǒn ĩ Ŷl ieǒuc ĩi uc Ŷe kǒj ĩn gej.”

CĈl ĩǎ, udē u Ũl lĕu kǎu gdǎuc ĩǒ ĕ nŭe pŷ iu uēs. YoŶuc dŭ udǎuc gǒ ucŶe nyǒu hǎe ldǒ keǒn kǎl iǒ, mvǎ mĕi udjo, gdǎuc lǎ iĕs uc Ŷe ndĕn zǎ ĩe ĩeǒo nyj. Kdǎld hìv cej lĕuc gdǎuc neu ĩi ldǎ zĕu ĩĕs. Buc nj ldǒ neu mos udĕn Yē ndĕu Hoild hĕl Yǎo, iē rìl ldǒn hǎe ĩ Ŷl Hoild z wdŷ n÷i ndĕs. Sŷe pĕs udē dǒ udĕn xosǒn iŶe Hoild z wdŷ n÷i yj ldíu n Ũuc. Kdǎld cej dēuc uĕi ĩǒo nŭ ldǎl nyje nǒud, wdēi hē dvē nd ŷuc nŭe dvì mosǒu hē ĩǒo ĩ Ŷl ĕu oŶuc rǎ hìuc, zjo gde pǒ lýu ĩ Ŷl pēe xoj neǒu d uc dvǎ. Cĕ hǎe Cĕuc nd Ŷuc rosǒu ceǎ hēi nĕuc udíu ĩe nŭe ĩǎ u e ĕu oŶuc. Yje ucēs ny Ũl, dĕu uca ndĕs Kdǎld hìv cej udĕl nŭe ldosǒu uēs, Cĕ hǎe Cĕuc ĩn mēs nǎ r uc hē jud ai gǒn ucdlj pŭe Hoild z wdŷ ŷ ĩŶe noĕu zǎuc, ucosǒu hēi uc Ŷe nyouc ceju ceĈw Kdǎld hìv cej iŶe Hoild z wdŷ ceĈw ĩŶ. Cĕ hǎe Cĕuc ndjs ĩn Hoild z wdŷ ĩŭuc ĕ hēi Kdǎld hìv cej iǎuc yŶ, Áuc nj lýu dǎj uǒo ceǎe xosǒn ndēud lǎuc zǒ là dĕo nǎ.

Hoild z wdŷ uca Cĕ hǎe Cĕuc uǎe yǎ ucǒu ucēud nd÷ lǎi ceil là ldĈn gdǎ rǎ. hŭe noĕu zǎuc ucĕ dē nd Ŷuc ldǒ wdŷ nyild pŭn rìl ldǎ ld j kvj ceŶ ndji cej wdì iu, doŶuc lde nde ndǒ gej ĩi kǒ ĩŶn ndēud nyv ldǎu roŶuc ĩĕn. Dǒe mĕo pǒn ceŶ ĩi rvì zǎld, iŭn ldĈn ijud iŶe lĕuc gdǎuc lýu, ndǒ nd÷ nyj ndǒ uēv ĩis? Ed uc Hoild z wdŷ uca uǎe udē dǒ Kdǎld rís lĕo nyǎe ĩ Ŷuc, udeǒo ĩŶe hēi peǒl ndeǒu nd÷ gdǎuc ĩēud hŷuc ĩǒ ldv Kdǎld hìv cej là neǒuc rĕo, là nŭi ĩǒ ceĈw ud uc gdǎuc keǒn ceĈw ndǒ uēv.

heud Dìv uǎe: “Rud ē, ĩis hē ldosǒu nŶn. K÷i yj ĩ Ŷl gǒn xoǎ pŷ iu rìl ldǒn ŷ ucí kj zǎuc, pǎj ju ǎe uc Ŷe ĩi gdoĕn, pǎj ijuc hǎe neǒuc nŶn ldv Kdǎld cej, ldĈuc nj gdǎuc udǎuc ĩ Ŷl neǒu nd ŷuc iē lvu ĩ Ŷl neǒuc hē nǒld ĩǎl.”

Jjo iŭn nyĕu gdosǒu kǎv ndǎ ndǒ ĩǎ geǒo, Cĕ hǎe Cĕuc pē heud Dìv lĕuc gdosǒu ĩ Ŷl Hoild z wdŷ ĩŭuc nŭi, ĩŭuc ĕ n÷i geǒi mŷ hj neu nǎl. Dĭl mĕ uǎe i o zǎ nǎe udíu ud uc nŭe loŶe lĕuc, gǒn xoǎ

ndŏ uëv nd÷ pĕu lyu wdĀe rai zĒl iĭn lĀj Áuc nyŮe.

Sj uc Ůe lĒuc oŮuc ljud mō, nd uc h Ůuc wd uc d Ůuc ceĀe xosŎn. Ōn udĒn lĒuc wdĀe ĩeŎo nyj yĀ ndíu wdĒu ril ldŎn gej, kŸe p÷ hĒ mv uëv ië kŎ nyĀe pëv nĀuc zĒn m÷i Ÿ ĩs zÁuc. EĀe ĩe uĀe hĀe lĒuc ld j lĀ lie c÷ yĀ yēuc lĀ, ië peŎl uës lĒuc gdÁuc wdĀe ioŮu hē hēi Ĩ Ÿl ucjs. EdĒn xosŎn wdĀe lĀ ndŮe ceju, nŮe udē gdv lĀj ĨŮe noĒu zÁuc, ĩeŎo nyj ndŏi pŎ nĀuc zĒn ië ril ldŎn gej kŎ nyĀe pëv. hĀ ldøud hē ijud iŮe.

LŮuc rvuc ljud mō, CĒ hĀe Cĭuc ĩe pŎ udē ucjs, Hoild z wdŸ pē heud Dív udēu yŮe gdÁuc lĀ peŎl c÷, nĀu kŮ xoj ieŎo Yē Cvuc, ld j pŎ udē ĩi lĀ uc Ůe n÷i nŮe. Xĭw peŎl hŮu, dje uc Ůe pŮe pŮe nŮe rai. Yvī yj Ÿ lĀj zio udē cj Cív Cvuc hĒo, ĩi gdoíu pīl ĩiud udjo, lĀ gdÁuc øn uc Ůe ldŎn, ud uc lie xoĀ xoie Ÿ ĩs hē lĀ uc Ůe ndĒs lĀ ril ldŎn keŎn ĩe Ÿ ĩĀ.

EĀe neŎw hĀe lēuc ndĒs peŎl uës lŮ xoiē, udē cj Cív Cvuc hĒo gej deŎu ceŮ hē nyĀi wdøj hÁuc lĀj Kdeŏu Kíu, udē cj Ÿ ucjs lĀud YĀe Yē. EŎo uĀe ndav wdvuc ndoĀ nd÷ pŎ nyø uës ldøud hē ĨĒo yŮuc. Ky Ũl gej gde ld j lĀ udē cj, Ÿ ĩs lĀ gdÁuc øn cej Ĩ÷ud lĒuc hĒo HoĒ Xej, ieŎo YvĀ KdĒu pē kĀs ndÁu. EdÁuc uĒi loŮe nyeŎo Kdjud, uc Ůe ucvĀe xoŮl kĒn ĨĒo no zĀj Ĩ Ůuc rī, rīs mĀuc Ĩ Ůuc zĒn ĨŎ ldŸ dēuc. CĖl kju ĨĒo, ĩs cŎe hē udē cj Cív Cvuc hĒo, pŎ zjo cŎe hē Cív nyĀi. hīs pŮu hē nĀ ceŮe lĀj uc Ůe Ecj. KŮe hĖl Meŏu KdŎ BdĀe ijuc xoíu ĩĀuc ceĀ Kdeŏu Kíu, kŮ ĨŮe lĒu udē cj Cív Cvuc hĒo, uc Ůe Ecj gdÁuc ĨŮuc Ē p÷ ĩs hē nĀ ceŮe lĀj uc Ůe Ecj, gdÁuc wdĀe ĨŎj kēu lĀj Meŏu KdŎ BdĀe. CĖl ĩĀ, ĨŮe ucĒ lĀj Meŏu KdŎ BdĀe gđi hŮu ud uc lĒuc wdĀe dĀ zĖuc. Meŏu KdŎ BdĀe Ēi Āl ud uc hĀe gdÁuc ndŎ uëv nyøo pëv uc Ůe Ecj iĒe nv. EoŮn gdÁuc nyĀe l u nĀl, dĒu udĒn xosŎn rīs iŮn nyĀi gđil Ÿ wdøj SĒl, gdÁuc ndŏi ĨŎ Ē nŮe nyĀi hÁuc.

Dĭl mĒ lĀ nyĀi SĒl ud uc pŎ nyø lĀj udē cj Cív Cvuc hĒo hĀe pĒu ndoĒu neŎu d u ndēud yj nŮe ujs pĒu hē nyĀi ldøud, hē ĨĒo iŮe xoju nyŎuc lĀj Ĩ Ůuc pĒu nĀe keŎu, Ĩ Ůuc zĒn. S÷ud nd Ůuc je ioŮu ldŸ dēuc ĩe kĒuc Ĩ Ůuc zĒn ĨŎo nŮe ĨŎ Ÿ gdv kīe nyĀi hÁuc lĀ. DŮe uĒi, ldŎ nøud yeŏuc neŏo ndŸ ndju ĩi, udē cj Cív Cvuc hĒo lĒuc ĩi ucŮu nŮe nyĒi pĀu nĒu, ĩĀ hē lyu ld j gŎ nŮe līl hvĀe dēuc dvī nĒw gŎn Ÿ ĩĀ. KĀ ĩĀ lĀ ndŎ zos yj gdv kīe Ÿ Cív nyĀi hŮu ndŏ uëv. Ů gdv kīe nyĀi hÁuc lĀ n Ůuc kjv ĨĒs ĩĀ, gdÁuc lĀ n Ůuc kjv, kju ĩŏi yĒn mŎ kŎ iĒn nyŮi. Ů gdv kīe nyĀi hÁuc lĀ nīi lĀj hŮu yj pëv, ĩiud zŮ ndav ndĀ nĀ hĒu h Ÿn nĀ SĒl roŮuc Eji. Oouc xojud lĀ ĩi wdo gdoíu pīl l ucŸ, ndav līl lĀj ië ldej yj hēi nīi udĀi uc Ůe gdoíu pīl, udeŎo nd÷ d u iŮn ucēu, øn lĒuc wdĀe nŮe dje kj nyĒi. UĒu mĒu, u e ĩs d÷ud ndēud iŮn ucēud ĨŮl xosŎu, uc Ůe ucvēe gdÁuc udĖuc njs pëv Ĩ Ÿl. Ed uc je lĒuc keŎn ĩs hē gdĖl ndŎn kōv, gdÁuc ndŎ gdÁuc ĨŎ lvu iĒn. UĀj pëv lie c÷ ië uc e Ēu Ĩ Ÿl hĀe gdÁuc ĨŎ uc Ůe gđil Ēu?

EĀe pŎ ucdŎ gdoíu pīl ndoŏ nd÷ Ÿ Kdeŏu Kíu MŎ ĩi lĀ nĀ r j nŮe ujs. hīs hē u e nyouc nīi lĀj cejv ndÁuc Ĩ Ůuc keŎu nyŏu ldøu gdĖl zÁuc. KĀ ndŮe KŮuc ĩi kĒn ĨĒo pĒu ldosŎu kĒuc Ĩ Ůuc keŎu līl hvĀe iĭn dēuc ud ioŮe... KŮe hĖl Deud Kdēud KŮ mŮe ĩĀ pŎ SĒl Beud, Kdeŏu Kíu MŎ pĒu hē Ĩ Ůuc cejv ndÁuc dosŎn iĀld lĀj nyeŎo Ĩ÷ud, koÁu kīu xoj hĀe nĀ SĒl ldø Eji. E e ĩs hoÁu lĀ gdv mĀ nyĀ h uc gdŮ, ioŮe lĀj nyeŎo Ĩ÷ud. KĀ nyeŎo Kdjud nŮe ujs, koÁu kīu ioŮe wdīn nyeŎu, ië u e uës hĀe nĀuc hē gdv ioŮe lĀj lĀ u Ũl ndēud yj koÁu kīu ucēs lēuc wdīn, xoíu ĩĀuc lĒuc nĒuc hōu udeŎo. KŮe uĒi kŎ ĩĒn ĩĒn ĨŎu neŎu, u Ũl ucvēe kĒn nyeŎo Ĩ÷ud Dīu Kdjud wdĀe mŮ kŎ n Ůuc ndēud Ÿ Kdeŏu Kíu MŎ. MeŎl hēi ĩĀ ldøud hē ĨŎ wdī doĀ gdĀ uĒuc wdŸuc ucĀ lĀj nyeŎo Kdjud. KĀ ĩĀ pŎ zjo, ldøu u Ũl ldej udjo ĩĭn nĀ ceŮe Ÿ ĩs, ucēud pĒu nĀe nŮe ndŮe gĀ l Ůuc ndŎud ld j nĀuc lĀ. Dē ucdŎ pĒu nĀe hĀe lĒu udíu hĀl gdoíu pīl, pĒs hē d÷ud ndēud ucdŎ gdoíu pīl ndoŏ. Ů kj nyĒi zio i e ucēud, ucdŎ gdoíu pīl hē iŮn ucēud lĀl hŮu.

DŮe ucēud zĀu roĒn ĨŎo lĀ xos nĒl yeŏuc. Dē pŮe iŮn ucēud lĀ hŎld zĀ wdīn nyeŎu iĒs nyĒi uĒi, xos nĒl cĒu ud ĩi uĭuc d u lĀ p uc wđiw. Ky Ũl neŏu hē dosŎu udj ĨŎud yĀ ĨŎj ceŮe Ÿ kŮu wdøj nyvuc ndēud, ldŎ ĨŎud uc Ůe nŮe ldŎo nyīld udeŎi. hĀuc ud÷u lie ucdŎ pĒn pĀ nŮe ioŮu ldŎn uës ië udĒi, je lĀ gdĀ uĒuc ĨŎo udĀs lĀ pëv ĨĒs. KŮe lĀ xoju lĒuc ndji cej, cŎe hē ‘gdoíu pīl xoju’. KŮe ndŮe iĀn

Kdjud, kŌu ĪĒo Ī Ūuc rÀ ldŸ hǺe uĒi ceǺ nyŸ ndëud ‘gdoú pil n’.

E Ūl ucvëe rís mǺuc udë cj Cív Cvuc hĒo, mŸ kŲ nvëu kŰ kǺs ndÁu. Bde ĪÀ neŌu ĪŌu kÆ lĒuc ldĒuc ĩuc kjv udeōo, ië xoju wdA lĒuc gdÁuc xoǺu ndëud yj udǺuc uc Ūe Ÿ ĪÀ kŰuc ldŪl iĒn udë. ToŪe lĒuc xoju kǺl míu wdǺu, lÀ uc Ūe kĒn ĪĒo nŸ nĒw keŌo n÷ud, uĒi Ÿ Ī Ūuc yjs ldĪu ra hǺj Īe xoj. Hoju wdA gdÁuc lild uëv l Ÿuc ldŌ Ī Ÿl udÀi uc Ūe uës, loŪe lĒuc wdǺe ndëud hĒw yj ĪŰe gdoú pil n. Bdv dëuc nyǺi hÁuc Ī Ÿl cejv ldv uc Ūe gdoú pil lǺj kǺs ndÁu uës wdŸ nyild, xoju wdA nd÷ wdŸ nyild ldej Cvuc wdeŌo. Cvuc wdeŌo ldĒuc gdil c÷ ceĒs wdôw dvǺn ĪŰuc mv ldøud wdA lĒw. Bde ĪÀ n÷ud d÷ud iŰe hĒuc roŪuc. Bdv dëuc nyǺi hÁuc lÀ nì lǺj, ĪŰe gdoú pil kǺs ndÁu ldej udjo iŰe ndÁu iŰn lǺj. TǺj lýu hǺe gdÁuc ldej ldv kĒn gǺ ndÁu uëv ië ldv míu gdoú pil Ÿ kŌu ucvëe. TǺj lǺj i÷ud lÀ peŌl hēi nd÷ lÀ lie Ēu, gdÁuc peŌl nd÷ wdǺe ldŌo ĪǺe. MeŌl uës lĒuc ud ndŌ wdíu ldej ĪŲj kēu dvǺn ĪŰuc, gdÁuc je Ī Ÿl wdôw p Ÿn xoj yjud ceŰe, p Ÿn yjud ceŰe lve ud hē Īe l Ūw kìn l i, kĒn Ī Ÿl hē ĩud ldŌn, gdÁuc dŌ zŸ ceŌn uc Ūe ĪŌu iǺuc, ië xoju wdA lĒuc gdÁuc dŌ nyos lǺo.

KǺ kŌu ucvëe ud÷u pëv, lie ucdŌ gdoú pil ud÷u lÀ pŌ gđi ìl heŌn. ư nyǺi Cív Cvuc hĒo nd Ūuc rosōu lÀ udÀi gdoú pil ndoō mÆuc keud gdø ĩud udjo. KŰe lǺj zŪ nì lĒuc lÀ nyjud ĪĒo pŰe udjo. ư rí dŰe lĒ, peŌl ĩi gdoú pil ĩud udjo ldŌn uc Ūe meŲu yj ud l i kǺj. YeŌu ceŪ, dje kŌu gdoú pil ndoō ĩud udjo ldŌn d u nyĒi uc Ūe. KŰe hŲl geŌi gō udíu zŪ, nøud Īe nøud hǺe, ĪŲi nŰe ĪŲi hoe, gdÁuc deŌo nǺe zjv hǺe ndǺj yj iŰn uc Ūe.

MeŌl gdoú pil ndoō ĩud udjo ldŌn uc Ūe gdÁuc wdǺe lie c÷ xoì hǺ. Edíu míu ldŌ lĒu lÀ l i Ēu, gdÁuc wdǺe ldŌn ĪǺe nd÷ mÆ lÀ gdŰ uǺj, iŲn uǺj, ud uc gdÁuc kǺl ĪŲu Ī Ūuc lĒuc nd÷ lĒuc gdÁuc je mìi nǺv wdǺu. KĒn lǺ udǺuc uc Ūe mìi nǺv wdǺu ĪŲo hē kŲ ôw nŰe gdÁuc ndŌ zŪuc uŰe uǺj. KǺ r j nŰe ujs ĪŲo hē ud pĒs. EcdŌ gdoú pil ndoō ndoŰl pëv ucdŌ nĒu lĒuc lǺj rí dŰe. ư gđv dëuc nyǺi hÁuc, iŰn lie ìv kÁuc pē iŰn lie iǺl hē nvëu kŰ cej zǺu lǺj iŰn uc Ūe, gdÁuc dŌ lÀ pĒn mŸuc uëv gdil. DŰe ucēs iŰn uc Ūe wdǺe gdeōuc lie y uc cŰ kŲu uĒi nyĒi líu Īe xoj Īe hǺe nyōu lie pìu lǺv d u iŰn ny Ÿuc, gdÁuc lĒu ndĒu ĪŲ ucì nd÷ gdÁuc ldŌn lĒuc nēu wdŌ, iŰ dǺe y e nyōu ĪĒn ud nĒi, kju ucēs iŲn ioŲu ldŌn, nŰe Īoi lÀ nŲw hŲo ĪŲ ucǺ ĩi hē gdÁuc nŰe yŰe. Kdíu uĒi ĪĒn, nyōu uc Ūe ĪĒw lǺ nyŰe, m Űe ĪĒo cŰe peōu cǺld. ẹu l i ldŌ hē nǺ mÆuc xoau iŰi, ldǺ k÷ud nd Ūuc nyŰu ĪǺ lǺ nyĒo, lǺe pëv. DŰn ucēs Ī Ÿl dje kǺj hē lve ud uv ĪǺ. Ed uc nŰe gde ndeōu nje udíu dvǺ gdÁuc ucǺuc, lìl u e iĒn iĒej, míu nŲ uǺu ĪŰ mŰu pëv nyvuc ndëud nd÷ ĩi uc Ūe uës lĒuc ldĒuc lýu peŌl ië hēi. KŰe hŲl uës nd÷ ldŌ lÀ ië hēi heŌo.

EŲo nøud pŌ gdǺ uĒuc lÁu ĪŰ h o ijud nd÷ ucdŌ gdoú pil uës ĪǺuc ĪĒo. Hoj udeŲo ĪŰe hēi, hŲl k÷ud nd Ūuc gdÁuc lÀ peŌl c÷, lǺ ĩi ĪŲo ĪǺuc gđvjud njs Ÿ iŰn ldŰ ĪĒn nyŪuc, ldŰ neŲu nŰe njs. EcdŌ gdoú pil ìw mŸuc lild wdíu ldej nǺ r j, hēi rvuc peŌl Ī Ÿl neŲu hē d u uǺj wdǺe ldej ldv ĩi ĪǺe lǺ, ĪÀ ldĒuc gdil c÷ cejv neŲu kǺv gō ldv ĩi ĪǺe lǺ kǺv pŲ ĪŲj kēu, gdÁuc ldv uc Ūe ucvëe udŲuc njs pëv. ĩi ĪǺe lǺ gdoú pil lÀ hoĒn hŲ lǺl gǺ ljs ĪŰl. DŰn udÀi uc Ūe gdoú pil dvǺn ĪŰuc ud iŰn kjuc wdìe, gdÁuc noíu ndǺ hoĒn hŲ hē kŲ ĪoŰe yj ndëud uc Ūe ucvëe, ië ĩi kŲ ĪoŰe hē gdÁuc lÀ udÀi gdoú pil ndoō uëv ndo udĒu ceŲw ĪŸ lǺ, hǺe gdÁuc kjv ceŪ ldv wdôw udĒu peŌl iŰn i÷ud. Kyjud ĪĒo lǺj udÀi gdoú pil ndoō uǺe nyĒuc yj ldøud hē nyjud udjo ĪŲj kēu gdoú pil.

CĒu nyjud ĪĒo lǺj dje udÀi gdoú pil ndoō uës, iŰn udÀi hē YvǺ KđĒu DeŲo Ÿ lǺj zìo, iŰn udÀi hē J u hÁuc Tíó KǺ Sjuc. YvǺ KđĒu DeŲo ldøud hē nõu iŰn ndÁu lÀ ny Ūl gde udë cj Cív Cvuc hĒo Ī Ÿl rís mǺuc, pŲ zjo lǺ ndÁu nyŸ ndëud uc Ūe gdoú pil Ÿ lǺj zìo gđv dëuc nyǺi hÁuc, udeŲo ĪŰe nyosŲu hǺe Cvuc wdeŲo. hÁuc ud÷u Cvuc wdeŲo hē iǺu ĪŰ ld e ndŰe Kdjud, ĪÀ ldøud hē pĒn mŸuc ĪŲ ẹu ĪŲud kìn l i nǺ ndŰe nŰ nÁuc ĪŲ hǺe ldv udÀi uc Ūe YvǺ KđĒu DeŲo. T Ūw iǺud ĪĒn uës lĒuc gdÁuc gdil c÷ Īëv iŰ nŰ neōu udë dŲ hōu. J u hÁuc Tíó KǺ Sjuc hē ndŌ hǺl hŰu udĒn kŌu ucvëe, ldǺ sŲo hē míu ldǺs uǺu, nyvuc ĪÀ ĪŲo nvëu hē jud ai yoŰn ĪǺ. EdǺuc uc Ūe uës lǺl gǺ Īvëu gŲn, ĩud udjo zŪuc ldŌn. Uv kŲ ĩi h o ijud ldíi ucýe uōu udÀi uës nŰe lǺj zìo ĩud udjo ĪŲ nyjud ucdŌ gdoú pil.

Kyjud l Ƴw ndŌ uēv ? h u ceĀu hē hÇl ĪĒo ldŌ lĒu ndŏo mŌn iŪn zŪ ldosŌu hē rvuc. hŪe pŪe udĀuc uc Ƴe gdoiu pīl ndŏ YvĀ KdĒu DeŌo Ƴ lĀj zio nd÷ hvĀe ldosŌu uēs rĀs yj ndēud ndĀe xoau yŪe. EŌo je nŪe nyjud, lĀ ndav hoĒn hŌ iē hēi. Yje kŏu cde nŏu udĀuc uc Ƴe pēv ĩud, yÇn ndĒi Ī Ƴl je nd÷ uc Ƴe ĪĀ hŏu. Yje kŏu iŪn ĪĒo iŪn, dŌu nŪe ucēs nd÷ mĒu pēe nyĒi uc Ƴe nŪe lĀj zio gdv dēuc nyĀi hĀuc cƳw iĪn.

KŪe dĀi ĪĀ nyĒuc zīuc, ndav hoĒn hŌ lĒ, Tío KĀ Sjuc Ī j iŪn uc Ƴe yj ny Ūl, nĀ ldŌl iŪn mĵv pēv kŸuc, iĀl lĀ mĀ mēs nyĒuc kĀl ldv ĪŪe wd uc rai.

Sŏu YvĀ KdĒu DeŌo lĒuc ldĒuc ucĀl udeŏu, lĒuc wdīe yj iŪn uc Ƴe lŷu geud d u. BŌ ĪĀ hĒs Ījv ndīe yj ldĪn wdĀn liud njs lĀj i÷ud Īe, iŏ ldĀs ud zoŪe lĒuc ldĒuc iēuc, ndĒi ldŏ lĒi lĀ liud njs pĀj y e roŪuc ce yj ldv ĩi uc Ƴe ny Ūl iĪn rai: “KĪuc līl pŌ iŪn wdĒu xoē cƳw iĪn.”

Tío KĀ gdĀuc ndŌ sŌo ndŌ, kŸe p÷ ldŌ lĒu lĀ ldÇn gdeŌw dīe nd÷ nĀ ujs pŌ zjo ĪĀuc ucđt nŪe ldosŌu hĒu hŪu Ƴ u e uēs uĀj ŏu wdīe neŌw yj iŪn uc Ƴe. hĀe kŏu hēi ĪĀ līl nyý, uc e ldĪn njs nd÷ nj ldĪn ldīu, pŌ zjo lŷu Īai hŏu lĀ iŪn ldĀv mĒo zĀe, ĪŸe nŪe hÇl mĒo rĀe, xoĒuc pēv nyvuc ĪĀ iŪn ĪŪuc neŌu. YvĀ KdĒu DeŌo wdīe yj iŪn uc Ƴe, ndý njs pēv hĒs ĪŪuc neŌu, ldv mĒ ĪŪuc nīl lĀ udjud nŪe iĒs nd÷ liud njs iĀl neŌu rvuc lĒuc ldŏu udĀ, pĒs iē iĪn gdĀuc dŌ ĪŪe zĒl.

Tío KĀ lĒuc wdīe yj iŪn geŌo wdo ĪĀuc ny Ūl ldĀv mĒo nŏud nŷiū hēi līld uēv gdĀuc ndoj YvĀ KdĒu DeŌo. Xī ĪĀe lĵ lĀj Tío KĀ ĪĀuc ĪĒuc zjo ĩi yj iŪn l Ūl hēi cī geŌo wdo kjs ndĒuc pēv ldĀv mĒo.

EdĀi uc Ƴe gdoiu pīl YvĀ KdĒu DeŌo ndĒs Tío KĀ lĀ mĒuc gdŏ, mī ŏi uc Ƴe zŪuc pēv ldĀv mĒo zĀe. EŌo neŌw nŸl nd÷ ĪĀe kŏu zŌ wdĀe lĒuc ŏi uc Ƴe zŪuc pēv ldĀv mĒo zĀe. Kŏu gej pĀj kjs pēv ldĀv mĒo, gdĀe Īau ĩi kŪl hŏu ucde ucÇn, ldŌ zjo ŏn wdÇn nyvuc ldĀv ldŌ lŷu hĀe ldÇn iŸ Īu. EŌo gdĀuc neŌw nŸl, gdĀuc kĒuc uc Ƴe nj nĀl hē ndoj, ndoj nĀl hē wdĀe ud Ūuc ĪŌj kēu hĀe dvĪl hē ldv ĪŪe wd uc ldau ldīu pēv.

Ecdt iē, loŪe lĒuc gdĀuc n÷i yj Ī Ƴl līld c÷ il d u ‘ŏi uc Ƴe zŪuc pēv ldĀv mĒo’. MĒu gdĀuc wdīu lĵv ndĒw, gŌ neŌw hē zv pĀ. DŪn kŏu ĪĒo iŪn kŏu pŌ nēu udĒu hē ĪĒo pĒu, dje kŏu xoĒu Ēo hē ĪĒo pĀ. Sŏu YvĀ KdĒu DeŌo mĒuc lŌl pē kÇj, lŷu kŏu Tío KĀ nd÷ mĒuc iĀl gŏv y uc pē cĒs. Yje kŏu ĩud udjo lĀud kŪ zĀuc, iŪn zŪuc iŪn ldŌn, ĩud nŪe hÇl iŏ ndŌn nouc nvŏ, ldŌn d u nyĒi uc Ƴe, nyŏu ĪĒn lĀ d u dje i e nde ndŌ ĪĒn njs iĒn ldīu, lĀ ĩi ud pĒuc iŏ.

hīud nŪe il heŌn pĒs nd÷ udē u Ūl lĒuc wdĀe iĒn udĒi iĒn iŸ. SŸe p÷ nĀ ny Ūl nŪe ujs, xŏju wdĀ hoĀu ucĒi ĪŪuc Ē pŪe peŌl nyjud ĪĒo lĀj ĩi gdoiu pīl ndŏ. DĪl gŌ hē ldŌn kŷv udeŏo uc Ƴe, ĪĀe kŏu lĀ ndŌ iē nĀ ceĀe xosŌn. MŌ zjo wdŏj J u hĀuc Tío KĀ Sjuc gdĀuc ĪŸ uŪe, ldĒw udĒu ucĀuc ĩud udjo, ĪŪuc Ē nĀ ujs pŌ zjo gdĀuc udÇuc njs pēv lĀj zio gdv kīe nyĀi hĀuc uĀj. Jjo gde ldeŌu ndĒuc, kŏu YvĀ KdĒu DeŌo lĒuc gdĀuc hĒu nŪe, ldŌn hē mv zŪ nyŪe, xŏj yŪe hē gdĀuc nyĀ ndĒ uĀj, zjo ĪĀ lŷu reu kŌ neŌu ldv Tío KĀ ioj ndŏŪl nyŌ nd uc pē ju nīuc uc Ƴe ldŌn.

, lĀ uc Ƴe ĪĒs kĒu ĪĒn, ceēs Ūn zĒuc, ud ndŌ pĀj Īe hŏu nĀ ĩs zĀucYje udĀi uc Ƴe mĀuc njs, je kŌ nd uc nd÷ ldĀj, ldŌn nd÷ udĪn rīl pŌ. Ed uc nŏud Īe nŏud hĀe, zŪ uc Ƴe ldŌn hē dje i e dje ud uc nyŏu iĪn ĪĒn hĀe lĀ dje i e kŷ lē rīl. Tdv mĒ ldŌn udeŌo, iĪn iĒe keŌu mĀuc, zĒl nyŪe lĒuc ĩi o, iīs iĒ lda iŪ lĀ nyĒuc zīuc, ud÷u gdĀuc udĒu yj je, ud uc ldŌn kŷv udeŏo uc Ƴe ĪŌo wdĀe nŏud yj Ī Ƴl. BdĀuc deŌo nĀe zjv hĀe lĀ d u iŪn rīl ldŌn.

YvĀ KdĒu DeŌo udĒl Tío KĀ kjuc: “HoĒ kjuc gdĀuc nŏud udĒi ĪĒs ldĀ. TĀ wdĀe xoŏu nŏud iŪn pŌ hÇl ŏis udĀs pēv ldĀv mĒo gdĀuc?”

Tío KĀ Sjuc uĀe gdĀuc wdĀe. Ec Ƴe udĀs pēv ldĀv mĒo gdĀuc nŏud. hĀe kŏu ĪŌo nŏud nŷiū lĀ yŪe, zje ndŌ uēv Ī Ƴl. ĪŪn loŪl uc Ƴe nyŏu iĪn ĪĒn hē je?

Bdv dēuc nyĀi hĀuc Ƴ lĀud udē cj Cīv Cvuc hĒo, ĪŪe meŌu pŪe YĀe Yē, ldŌ lĀ iŪn lĀj pēv, uc Ƴe ucvēe

gdÁuc ndŏ pĕv Ĩ Ỗl. TÀ d u iŭn uc Ừ nd÷ udĕn Ĩŏud wdǎe hĕ uc Ừ lǎj ĨÁe kŏu. Kos udeŏu lǎ dje kŏu Ĩŏo kǎv gdÁuc lǎ je ud ndŏ, loỪ lǎuc wdǎe Ĩŭn Ĩoŭl hŏu, udĕu mǎuc nǎuc rìl ldŏn nyŏu Ĩĕn. Jjo lǎuc wdìn deŏu yj iŭn rìl ldŏn iĕ gdÁuc je keŏn. Ec Ừ ldŏn uĕs hĕ Ĩĕu Áuc, iŭl ìv Ĩau xoĕu Ĩau Ĩe ieŏu dĕe, xoĕu ìv Ĩl lǎuc hǎe ud Ĩŭuc neŏu, kĕu njs yĕu ud iǎl zĕn.

Dŭn cì nyvuc udÀi gdoíu pìl Yvǎ Kdĕu Deŏo you hĕs kĕs gŏ hǎe, nyvuc hÇl dje kŏu Ĩjuc nyjud Ĩĕo gŏld heŏn nd÷ dĕu ndĕs lǎ uc Ừ Ĩe hŏu nǎ zÁuc, ìud nyĕuc iŭ ǎv uŏu lĕuc gdÁuc yǎ hĕ je, lýu n Ỗuc hĕ cì uĕv kŏ Ĩiud y e roỪuc, nŭe hÇl ldǎs nŭe ud÷u nd÷ ndĕs ĨÇuc hĕ ‘Yĕ wdeŏo nǎ’ uĕs.

Uíu ceju nd Ừuc cŏe rìl ldŏn nyÁe zÁuc Ỗ Yǎe Yĕ hĕ Yĕ wdeŏo nǎ. Oìl ldŏn uĕs ký hŏu nǎ zÁuc, ldĕuc wdǎe hĕ dĕud nde(rìl ldŏn keŏn Ĩe) zjv? hìi uc Ừ gdoíu pìl ndoŏ zŷ nŭe ucís uc Ừ. CÇl ny Ũl gde Ĩiud udjo, lĕi mĭv nyĕuc pĕv yÇn yj mĭv ĨŖ iĕ iĕs gdÁuc udŏo, ud uc uc Ừ rì dŭe lĕ pŭu iŏ nŏu, ndĕs dĕud nde Ĩe hŏu nǎ zÁuc hĕ zŷ nŭe iǎl gdÁuc keŏn wdǎe hĕi ndŏ uĕv. Kyvuc Ĩi gdoíu pìl Yvǎ Kdĕu Deŏo lǎ iŭn hìv gđì lǎ geŏu ndǎl. Kdav hỪe hìv uǎe, hÇl ny Ũl gde udĕ cj Cìv Cvuc hĕo rìs mǎuc, Ỗ dje kŏu kŭ Yǎe Yĕ lǎ yĕn udeŏo iŭ, hÇl Ĩĕo lǎ mỪe iŭ yj u e gđì ldÁu lĕn, ud uc iŭn pĕe lĕ ld j gŏw mỪe Ĩe pĕu Ĩŏ kŏu gdo Ĩĕn dvjuc lǎud zÁuc. Kŭe ucĕs mŏu zǎld nvĕu kŭ nd÷ lǎ iŭn xoju nĕe kŏu nyvuc nyỪuc gdÁuc, uĕw xoju nĕe kŏ kĕn yj, rìl ldŏn nyvuc xoju gdÁuc ndĕs Ĩio. TÀ uc Ừ uǎe hĕ rìl Ĩi dvì ndĕud l uc nde ldoe roỪuc zÁuc, lĕuc lǎ uc Ừ uǎe Ĩǎv nŭl iŷ xoju doǎ nde. Uv gdÁuc lǎ ldǎ udĕ iŭ wdĕu Ỗ Ĩǎ ndĕud yj lĕuc gdÁuc ndŏ uĕv nyos lǎo Ĩ Ỗl, lǎ Ĩŏ zŭuc ldŏn iŭl. BdÁuc ldÁuc, rìl ldŏn uĕs ldŏud hĕ lvu l uc nde ldoe yj nǎ iŭ wdĕu Ĩǎ, roỪuc m Ũe zÁuc, pǎj yŭe kŏ ìo njud nyvuc nyĕu Ĩiud dĕw mĕu, uǎ iŭe ký hŏu, gde ny Ũl lǎ ìud nyĕuc, udŭ ìi gđø lǎj nyĕuc iŭe lǎ ndŏ ldosŏu Ĩŭuc. CÇl uĕs nyĕuc kŏ iís lda nd÷ uǎ iŭe ucì roỪuc gdÁuc ndŏ Ĩŭuc Ĩĕs. Yĕ wdeŏo nǎ gdÁuc mŖ Ĩŭn uŏu nŭn udĕn hĕ kìv ldv Ĩŭe noĕu zÁuc.

hìi gdoíu pìl ndoŏ pŭe pĕuc Ĩe n÷i uc Ừ ndoŭl Ĩŭe noĕu zÁuc ucĕ dĕ, lýu lĕ rìl gej nd÷ gdÁuc je mìi Ĩŭuc nŭe, hǎe zŷ ldÇn uǎj ìud nyĕuc ldeŏo roỪuc, udŷ uǎ Ĩǎuc mĕs nd÷ gdÁuc keŏn lǎ ceŏn uc Ừ gdÁuc Ĩis? Kŏud Ĩe nŏud hǎe pĕu gdÁuc keŏn wdǎe hĕi zjv, loỪe lǎuc Áuc hìv lĕi Cvuc wdeŏo lǎj nŭ neŏu yj, Ĩĭn peŏu cǎld hŏu ceǎ nyŏu Ĩĕo rìl ldŏn. Cvuc wdeŏo Ĩǎe Kđjud lǎ mĕo lǎj xoju wdǎ, ucĕs ny Ũl je Ĩŏo ldv yĕuc ndǎ uĕs lǎ ndŏ nyĕu nĕ, Ĩĭn nyŏu rìl ldŏn hĕ gdÁuc ndŏ Ĩŭuc Ĩĕs. Yvǎ Kdĕu Deŏo Ĩŏ hǎe dje uc Ừ lĭud rìl, lýu hǎe Ĩŏo Ĩe dŏn. Yje gŏ uĕs ndĕs iís Ĩau nǎu yj, ìud nyĕuc hǎe ldeŏo roỪuc nd÷ gdÁuc gdŖe zŷ nŭe you Ĩĕo.

Yje cì gdoíu pìl hv hĕuc Ĩŏ wdŷuc, gdÁuc mìi nŭe cĕu, ldŏ Ĩǎuc rj rj lĭud cìl. Kdĕs lvu yĕu m Ũe zÁuc ký pĕv nǎuc Ĩi, dje cì mǎuc uđiud lís ucdŏld Ĩŏ ceǎe koŭu. CÇl Ĩǎ, dje nŏu lýu Ĩŭuc peŏu udjo gdÁuc wdǎe zŷ, nŭn rĕo c÷ lĕuc lǎ Cvuc wdeŏo xoju ĕu Ĩĭn hŏu Ĩĕo Yĕ wdeŏo nǎ, zjv lǎ ndŏ rǎs yj ldosŏu c÷ Ĩ Ỗl?

Uǎ uǎe ud pĕs, ud uc mv hv zŷ, dje uc Ừ pĕu udŏu gdÁuc Ĩ Ỗl wdǎe xojs hǎe rai, pǎj ndĕs lĕ rìl uĕi ucjuc nyŏu Ĩĕn nd÷ hĕw nǎl ceĕn uǎs: “BdÁuc Ứu yŭe!”

Yvì yj kŏu dŏ xoŏu iĕn, lĕ rìl ldŏn uĕs nvĕu hĕ kǎu Ĩĕn, Cvuc wdeŏo hĕ iŭn nŭ ceĕs pĕuc, lǎ xoju ĕu Ỗ nyŏu, ceĕs gej gdÁuc ndŏ Ĩŏ ndĕi u Ũl Ĩ Ỗl. BdÁuc keŏn kjv hío Ĩĭn nyŏu rìl ldŏn, nŭ ceĕs Ĩi zĕuc lǎ u Ũl, xoju ĕu Ỗ nyŏu lĕuc cĕu ud iŭ dŏn.

Cvuc wdeŏo hĕ pĕn nyosŏu Ĩŭe lǎj míu gdoíu pìl lǎj zìo udĕ cj Cìv Cvuc hĕo, gdÁuc lǎ pĕn uĕs iĕ ioŭu zŭuc sŏu Ỗ Ĩis nd÷ udĕn Ĩŏud wdǎe lĕu lĕ iǎuc Ĩŏ Ĩŭe.

Yje nŏu gdoíu pìl pŭe pìl lvu yĕu Ĩe, hvj nŭe kǎl Cvuc wdeŏo yj, ud uc Cvuc wdeŏo pŭu Ĩi lĕ, hǎe kŏ Ũn uŏu pǎj kǎl lĕ hĕ yìld n e nǎ. Yje cì ndĕi gŏo gdŭ nyvuc hŷuc, hǎe ndĕs rìl ldŏn nyŏu Ĩĕn iŷ Ĩĕn yj.

Ìud nyĕuc iŭ ǎv ldeŏo hŏu Ĩĭn rìl ldŏn gej hĕi pǎj ud÷u Ĩi wdìn you. Yje nŏu gdoíu pìl dŭu wde wdìld nìu, iŭi cŏe nǎ ldj iŖ nŭe Áuc kĕ, pŭe pì xojs Ĩĕo kŖ ldǎs, ucdà ndĕs neŏuc dĕud nde Ĩoŭe Ĩĕuc zjo, lǎ dje kŏ mvǎ nŭe wdìn gdeŏw, gdÁuc nŏu uĕv mìi xojs Ĩĕo hǎe.

Tàj zìo gđv dēuc nyǎi hǎuc Ỗ ucjs lǎud Ỉ Ỗuc zǎn, dje nõu gđoíu píl ldǎs wdøj ny Ỗl, dēud nde Ỉoŭe wdøj zjo, nŭe hçl xoj Ỉ Ỗuc yjs nd÷ Ỉçuc hçl nõe Ỉe xoj, dje nõu gđoíu píl iǎuc hŭu gdǎuc ldôn, lýu ríl ldôn Ỉoŭe ndav nd÷ kỏ ucdeỏu uìn nyõu Ỉ Ỗuc yjs. Kŭe hçl Hoild z wdŷ pē heud Dív Ỉŭe nõe zǎuc nŭe nd÷ ríl ldôn Ỉi kỏ ucdeỏu cỂu ud uìn dôn nyõu Ỉ Ỗuc yjs.

Hoild z wdŷ lỂuc gdǎuc neu hỂi pēv hŭe lǎj Ỉi gđoíu píl, p÷ mÆ zjv Ỉis lỂuc ldỒ hē hŭe iŭn kōu, hēi zjv lǎ ndỗ keôn Ỉ Ỗl hçl dje Ỉi uc Ỗe Ỉǎ Ỉiud udjo, ucŭ nd uc wdǎe uc Ỗe ucvēe rvuc yŭe lŭ Ê mÆuc dēud nde m Ỗe zǎuc hōu Ỉỗ lda ceỖo? Ed uc mÆ zjv udǎuc peỎl uēs lỂuc gdǎuc ndoŭl ldǎl nyild lǎj Ỉŭe nõe zǎuc iē ndoŭl pỎ lǎud zìn. CỂu uēs, Yvǎ KdỂu DeỎo Ỉiud udjo pŭe J u hǎuc Tío Kǎ Sjuc cís ldôn xoì udeỏo uc Ỗe, cỂu Ỉis lỂuc gdǎuc iEs gde rǎs yj nyjud ỈỖo, p÷ ndỒ lŷl lǎud zìn kỂn iŭn nviu pỎ zŷ. Hoild z wdŷ ndEs J u hǎuc Tío Kǎ Sjuc gdǎuc lǎ c÷ Ỉỗ zŭuc uōu lŭ ceçw dỖ n÷i peỎl hēi kōu kỖu nõe hēi ldv lǎ dje udǎi uc Ỗe Yvǎ KdỂu DeỎo pē Tío Kǎ Sjuc lǎi nǎ zío zỂl. Cçl Ỉǎ, Ắuc nj ndEs lvu yỂu udỖ kỏ nẮuc Ỉi Ỉó hōu, hẮe ndEs Ỉio hē hvẮe yỂu udỖ gdǎuc lỂu uc Ỗe uōu udEn ndŭe dǎv nĩ udEl nẮuc Ỉi hōu, ndǎ lvu yỂu uēs Ỉe. Ed uc yŭn loŭl Ỉi lǎ ldosỏu c÷ rǎs yj pŭe lie ỈỂo lǎj dēud nde gej?

T uc nde ký hōu nǎ zǎuc hē ló ldosỏu Ỉ Ỗl gỖ udeỏo udEn, ucvēe yj lýu lǎ uc Ỗe uǎe yỂuc, lǎ iŭn douc Ỉŭ Ỉiud iō cís iu, ceôn iŭn cĩ Ỉŭuc d uc, pŭu ỈỖud pǎn ríl roŭuc zǎuc Ỉỗ doǎ nde meón nõld, gdǎuc ucŭ uc Ỗe ldôn gdǎuc ld÷i roŭuc, hçl Ỉǎ hẮe cŭw Ỉi gđoíu píl lǎj zìo nyǎi hǎuc Ỉiud udjo uōu hỂw nǎl udôn ríl ldôn pēv nyvuc Ỉǎ. Bôn xoǎ hēi ldv zŭ uc Ỗe ldôn lǎj dje kōu kỏ udeỏo ndōi iŭn uc Ỗe. Ec Ỗe uỖ hçl Ỉǎ gdǎuc dvēu nvēu nỂn ndŷ, zjo iŭn hçl dǎu iō hẮe nõud mỂs, n Ỗuc udỂi Ỉi gđoíu píl gej dđi dẮe i÷ud uōu xosỏn heỏo iǎuc pŭe dje cĩ Ỉǎ, loŭe lỂuc kỏ ra hǎj Ỉi ldôn. Tío ldosỏu uēs lǎ pỎ dŷw hÊ d u, lǎ Ỉeỏo udē u Ỗl lỂuc gdǎuc ríl ndǎl, pỎ zjo neu nǎl hju udjud, mĩu ceju nyosỏu Ỉe nyosỏu hẮe, yEn udeỏo uc Ỗe neu hē ndỂn, je je lỂuc ldv i÷ud nẮuc ud÷u nỂu iỂn. Ky Ỗl ceǎe wdǎuc, ló ldosỏu nde keỏu udē cj Cív Cvuc hỂo Ỉ Ỗl wdìn zeud nǎ Ỉǎ[/!#]

5. Chương 5

[!#]Tǎ Ỉŭe Yē ndỂu Hoild hỂl Yǎo zŷ udEn uc Ỗe gdìl uǎe lie keón deỏo uēs. TdỒ hēi iŭn ldíu hjuc kǎn Ỗ Ỉŭe nõe zǎuc, zŭuc udŭ ucdỏ gđoíu píl Ỉỗ geỎi ldōu l i nd÷ hEs lie Ỉǎl lie nēe c÷ iē nǎ r uc hē ‘Yē ndỂu’?

Dŭe ỈỂo gdǎuc ucdł nŭe, ud uc pỎ zjo zos ucdł lỂu ndỂu. Kǎ r j wdēi hē ndỂu, ndiud nd÷ ỈỖo Ỉ Ỗl wdíu ndav Ỉǎl dǎud, nēe uỂuc. Ōn udEn lỂuc wdǎe lǎ kǎu hhud ndỂn zǎ Ỗ iŭn gdøj lǎud uēv Ỉǎ nd÷ iŭe lǎ ndỗ Ỉ Ỗl lve hē uc Ỗe nēe. Kđiud deỏu gdǎuc ldỒ lǎ kǎu hhud iē lýu wdǎe nēe Ỉǎl pỖu nvēu. Eǎe nyỂuc yj hē lǎ ndỗ ceçw xoíu p uc nyỎ xoŭl - ju kjuc - k÷ud ndeỏu dǎ. Týu ndiud udíu nd÷ wdǎe hē uc Ỗe nvēu pỖu, zeỏo wdēi nosỏn hoíu nd÷ iŭe lǎ ndỗ ndēud ndiud. MỂu ndiud Bdŭuc Kǎ, Mǎ ndiud Hoju MỂ iē lỂuc ldỒ iŭe nŭe iǎl cỂu hē KdỂu. Dŭn nõu Ểu ucỖ lŭl, uoŭn nẮw h uc iē hẮe r uc hē Yē ndỂu nd÷ Ỉçuc hē nŭu gdǎuc keôn kjv udeỏo ndỖ, cís iEn kjv udeỏo wdçl Ỉis?

heud Dív nd Ỗuc gđosỏu Hoild z wdŷ: “J lŷ ucdł ucŷe udeỏo xoì. h u ceǎu ldỒ hē lie nõu deỏo ndǎe iē. Bdǎuc uǎe Ỉio rj, nyvuc udǎuc dǎv diu Ỗ Kdǎs Yǎ lỂuc lǎ nŭe mỂi kj pỎ r uc KdỂu iē lǎ peỎl c÷ Ỉio?”

Hoild z wdŷ uǎe: “Re kǎv gdǎuc lǎ peỎl c÷? Dŭn nyỂi hỎ nĩ n Ỗuc Ỗ Kdǎs Yǎ pỎ zjo lǎ iEs uc Ỗe lǎ gỖn lŷl nŭn? Dē uc Ỗe nj hē Kdeỏu T uc hỎj Jìn ceìuc nyỂu, zjo gde ldôn hẮe pỎ hēi Keud Hoíu. Kj hē iŭn nõu pŭn ríl Ỗ Ỉŭe nõe zǎuc, a hē mv nŭ neỏu gdǎuc nõld Ỉǎl uōu iŭe wdǎe hēi ucdỏ uēs. Eỏo uc e ioŭu Ắuc jud uēs zŭuc ndōi pēe uỂi nd÷ Ỉǎuc uǎe dje ldǎ Yē ndỂu uēs pŭe nj uẮj.”

Ecvēe ieỏuc nd÷ Hoild z wdŷ uǎe pỂs ud uc nõud n÷ud nd÷ pỂu gdǎuc Ỉŭe. Bdǎuc cŭw nd÷ ndǎe, uỏo ndEs peỎl kEn k÷ud hē Ển wdǎe yj njs. Kǎ dŭe wdìn deỏu yj lie ríl m Ỗe ucĩ kj zǎuc nŭe ujs, je

lEuc cOe hē ‘Yē ndĒu’. Dē nÁ ĩÀ Áuc nj lEuc kĒn ĩĒo p wdĀe zŬ lvu yÓw. Jjo pŶ l uc nde udē cj Cīv Cvuc hĒo, mv udŬ nŬe wdĒu neŌu iē KdĀld nēe ldĀ dĀj uōu CĒ hĀe CĒuc heōu nŶl ndŬl ceŶl Hoild z wdŶ ĩŌ dŌe pŌ ijud iŬe pŶ ril ldŌn Ŷ ucĭ kj zÁuc. Dē nyvuc hýuc Hoild z wdŶ lEuc ld j nÁuc kŌ xoj ldosŌu uēs. Buc nj mĒu CĒ hĀe CĒuc pē heud Dīv nŬe udē gdv ĨŬe noĒu zÁuc rai gdŬe zĒn. Jjo gde kĀl cŌ kōu ucvēe yj nd÷ wdīn deŌu yj nyōu gdŬe zĒn lÀ pēe ldĀ ĨŬ. Sj uc Ŭe rai ĩe rai hĀe ud uc iŬn ldĀ lEuc gdÁuc yĀ. Ecvēe yj lie gdŬe zĒn uēs lEuc lÀ d÷ud ndÆ xoie mŌ, ud÷u ud ĩĒo p Ŷu ndíu ndŬ. Uv Ŷ m Ŭe ĩs zÁuc hío ucēs, cŌ kīi gōu lĀ uōu ud÷u gdÁuc yĀ hē d÷ud c÷.

Hoild z wdŶ ucdl ĩs hē iŬn iĀu ĨŬ ĨŬ mÆuc ĩŌ nyĒu zÁuc, dĒu hē lÀ uc Ŭe uēv ĩĀ zŌ ud÷u yj. YeŌu ceŬ nŬn udĒn hē nŬe n÷i Áuc lŶ kīu ndoŬl ĩŌ dŌe rai zjv.

DŌe uc Ŭe djs cŌe Áuc lŶ kīu ndoŬl ĩĀ hē EcÁ hīv deŌu, noud pŌ pje pŌ nd÷ Hoild z wdŶ wdĀe cŌe Áuc nj iŬn neŌuc z ndŬl. Buc lŶ ĩe ĩÁuc gdÁuc lýu nŬn uōu wdĀe ldŬuc cĒs, udē Ŷ xoĒs dēuc cĒu ieŌo dvēuc ndēud wdōj Kís SĒl ndēud, zŬuc kĒuc ucdŌ kīu m Ŷl ĩ Ŭuc.

Ky Ŭl neōu wdĀe udĒl nŬe m Ŷl ĩ Ŭuc hē lie c÷? U Ŷl ĩ Ŭuc hē hvĀe ndoŬl iē lÀ ndŌ Ēu nyĀl neŌw hoÁu pēv. hĀ hē iŬn hvĀe ĨŬ Ēu pĭn Ŷ rī dŬe lE. YeŌu ceŬ lÀ yĒn ōn uc Ŭe kīu ndĀ uēs. Tie cŌe hē m Ŷl ĩ Ŭuc k÷ud nd Ŭuc ldōud hē uĒo ĩ Ŭuc līn lÆuc pŬe iŬn pēe hvĀe m Ŷl heŌo ud zj udíu, ĩĒo gdĒo, kĀl dē, neōu gd uc. . .zjo ĩĀ ĩĒn ndēud ieŌuc udŌ, kŌ pēv nyvuc ldje nyav ucvēe wdŬ kīu. Re ioŬu iĒs ieŌuc nd÷ hĒs ndjud nyŬl cĒw yj ldv pēv nŬe ĩ j ldv uc Ŭe nj.

Dē uc Ŭe kīu m Ŷl ĩ Ŭuc wdĀe iŬn njs hēi gđi udeŌo peŌl. Re lEuc pĒs ndĀe, hēi peŌl c÷ lEuc wdĀe lÀ pēe kĀu hlud. Ec Ŭe kīu m Ŷl ĩ Ŭuc wdĀe ceŌe ndo dŬn gdild dēuc. BdÁuc lÀ gdĀ uĒuc uēs nd÷ kīu m Ŷl ĩ Ŭuc ldŌ lÀ dŬw ceĀ Kís SĒl gdÁuc d u. EĒi r j lÀ iĒs pŌ z wdŶ kīu m Ŷl ĩ Ŭuc lÀ ndŌ uĀe hē lĀl ĩŌud. DŬn pŌ nōu hē CĒ ‘keōu iī’, k÷ud nd Ŭuc zŌ meŌu reŌl ra mĀw, zjo ĩĀ dĀ dēv kīu dēuc pŬe uŬe mōc mŌ ueda, pēe lío dīn, kēe pó ĩeŌu lŬ. DŶ ĩĒo nd Ŭuc hē pēe lío uĀe gdÁuc kŬ kŌu ceŬe ndeŌo uēs uŌ, zjo ĩĀ hē iēu keŌo meŌu ra ĩĀw. hÁuc ud÷u Áuc nj lÀ lie kŶuc hŬu d u kvj lŌ iē udĒi, iŌe ĨŬuc nīl ĩŌo dŌn zĀl cŌu cēuc. EdÁuc nyŶ ud Ky uc Gde keōu iī, Bei Bō ĨŬl hĒw, nīi k Ŭl ĩŌŬe lĀl, ĩĒuc hĒ nēuc ndíu nd÷ gdŌe wdĀe uĀe, hĀe lýu lÀ lĀ udēv hŬu nyōu ra mÆuc ĩŌ ndo dŬn ldŬ Ē lĀj uc Ŭe xoj ĩ Ŭuc. KŬe hŬl uc Ŭe ĩi nŶ nĒw ĩÁuc nd÷ Áuc nj iŬe kĒn ĩĒo pĀj yjv pĀj kīu pŬe ceŌuc uĀe gdvju gdvīe ud iĒj dó Ēu m j dĒo. DĒs lío yjv geŌo ud : “Y uc ĩēv iĒn ĩēv ĩs, xoĀ dŬuc xoĀ udv ĩs, xoĀ xoĒn xoĀ nyīi, ndjud ĨŬi nyĀ dŌj. Tji, lji ĩ Ŭuc, lĀ nĀ, xoĀ nīv pē lĀ ldoŬe neōo, dĀud udíu, nyē lĭv, jud ĩēv, mĀj sōu, ndje hō, Á ije xoĀ dŬuc, kĀl dē ĩ Ŭuc hĀud. Re Ēu lÀ ucjs ĩs.”

CĒ keōu iī hē iŬn pŌ, lýu iŬn pŌ gdīl hē M uc ĩĀe līw ĩe gdĒw djuc lÆuc ucĀ dŌi kīu m Ŷl ĩ Ŭuc pŬe kŬ iŶ heŌu xoĒu ud udíu pĒn uŬe neŌuc, ĩĒo ĨŬe iĒ mĀ ĩE, ndíu iŶ ío wdŶl, m Ŭe ldíu hē iŬn ĩĀe ceēs mj dŶ iĀi, nyōu zŬuc iĒe hē iŬn cŌuc gōud Áuc pēuc, mís koŬl xoj iēuc nje, neŌuc yjv pjuc gdĒw ldŬu, koÁu kīu Ŷ iŌe u e. Td j je ndĒs Áuc nj l Ŭe kvj ceŬ. Kyōu ra lÀ lie hŬuc zĒn ldĀj dje lvu zĀl udŌ lÀ ndŌ hēi ĨŬuc nīl ndav deŌo hŌud lĀj uc Ŭe ldŌ dos. SĒn gŌ ĩe nŬe ĩío, wdōj zjo M uc ĩĀe līw hoÁu hē iŬn ĩi hōn udōn Ŭu ēv uīv udeŌn, ldŬl hīv kīu ĩ Ŷl m Ŷl ĩ Ŭuc.

KeŌw zjo wdĀe gŌ nŬe EcÁ hīv deŌu. Dīl mÆ ĩe ĩÁuc gdÁuc mŌ, ucēs ucēs wdĀe ucŬe Ŷ ny Ŭl ieŌo ndēud dvēuc cĀl Kís SĒl ndēud. TdŌ pŬe iŬn lie ldĀv zĒn uĒo m Ŷl ĩ Ŭuc, iŬn lie kēu mēe kēs ĩĀ līl hvĀe ndĀv m Ŷl ĩeŌo ldŌ m Ŷl ĩ Ŭuc, Áuc nj ĩeŌo ldŌ ucjs nĀe u e. MĀj uĒo ndoŬl pĀj ceĀuc ceĀe lÁuc deŌo lĀj nÁuc hvĀe m Ŷl ĩ Ŭuc. Kd Ŭuc nd Ŭuc iŬe loŬl uĀe ldosŌu ĩŌo hē ndjv ndjv kĒn nosŌn, gdÁuc kŬ gdÁuc kŌu. Buc nj lýu uĀe uĒi r j pŌ ĩĀe nŬuc ĨŬl Cō Ecosōu YŬuc lĀl gĀ ndŌld Ēu m Ŷl ĩ Ŭuc lĀj hīv, iŬe ndiuc wdĀe ioj nŬe iĒs ldŶl xoju neŌu. EŌo gdÁuc nd÷ Áuc nj gŌ ‘Kji YeŌw BeŌi’. Edíu pĒn nyvuc kŬ nyosŌu uēs hē kj deŌw gdild, kj geŌi gdild, dŶw pēv r uc hē Kji YeŌw BeŌi. KyosŌu gŌ pēv ndŬe Bdjud Ys, YeŌw KdĒuc Rud mĒu ĩĒo jud dÆuc ucdlj zŶ nyvuc neōo lŶl i Ŭe kj nŌud ucvēe kŬ Eji Beud, nyĀl uī hŶl hīi ĩĀv nīl Ŷ nÁuc pÆuc uŬe ĨŬe, dĀe ĩĀv ĨŬuc xoĒn. SŬ nyosŌu uēs pĀj ĩ Ŷl gŌ rvuc hē lĀ ĩi uīv udeŌn hōu. EcÁ hīv deŌu gdÁuc ldíu ud uc hĀe keŌn ĩĀ ndĀ, peŌl nyōu cejud dŬ uĒi ud hýuc

kêu njs. Tdv uõu zĕi pje noŭuc ĩĒo pĀ hē dŷw udĒn, pĀj gŏ ldosŌu pĀj dvj njs iĈj ldíu, lĀl gĀ là zĀl hÁe loŬu. Dŭe gde gŏ nŭe hĈl iŌe uc Ŭe uiv udeŌn hē hĭv hĀe mĀuc hĀe, kĕn ĩĒo yjv dēuc m Ŷl ĩ Ŭuc. hĭi uc Ŭe ucda udeŌo wdĭn ucdeŌu, ĩŶe gdÁuc uŶe dĀ dŭe wdíu ceĀe uõu hĒw nĀl udjv udjv kŌ neŌu yj ioj. Kŭe hĈl m Ŷl ĩ Ŭuc ĩi kĭu ĩ Ŷl gdj gđi nd÷ hĭv iŭe kĕn ĩĒo gŏ neŌw. Hoild z wdŶ ioŬu ndĒi mŷ ijud iŬe pŌ uĀ nde hÁuc rjud. Dē n÷i uc Ŭe dŌe hē iŭn pĒu ĩŌ, ucdt nŭe ucdt hoe. EŌo ud uĀe lĀ Kdeŏu Kíu là iŭn uc Ŭe keŌn nd÷ uc Ŭe uēs ldøud hē EcĀ hĭv deŌu.

TĀuc ucēs, Hoild z wdŶ mĒu ndav dje dosud ĩŌ, pŌ iĀ wdŌuc hĀe d÷ud pŌ nyõu lŶl zĕn, ijuc nŭe ieŌo ndēud dvēuc Ŷ cĀl Kís SĒl, iŬe EcĀ hĭv deŌu rai rai là udĒu yj hē pĒn c÷ gdÁuc. CĒ hĀe CĒuc yĒn gdÀ deŌo. EcĀ hĭv deŌu ldŌ hē iŭn uc Ŭe kĭu m Ŷl ĩ Ŭuc nd÷ zjv là ndŌ keŌn ĩ Ŷl hvĀe ldosŌu ndŌ uēs? Hoild z wdŶ uĀe: “J ndĈl nj wdĭ ìu lýu ld j hĒs mjud deŌo ĩio. Ec e lĀ cĭw ĩn yŭe keŌn.” Sj uc Ŭe n÷i ĩ Ŷl EcĀ hĭv deŌu. Hoild z wdŶ cŌe z ndĈl, dĀi ujs ndĈl lĒuc ĩĀuc koĀu kĭu c÷, nj n÷i iŭn ldŭ oŬuc dje h Ŷuc. Yosud ĩŌ ldĈuc nj là iŭn zŬ peŌl ioŬu ndŌud ceiv ndĈl.

EcĀ hĭv deŌu uĀe: “TĀi n÷ud uēs nj reu udĒu, z ndĈl nj lĒuc gdÁuc wdĀe hvĀe ndji y Ŷo ĩio.” EĀe mĀn hŬe, Áuc hĭv udŬ heud Dĭv ndo ceĈw ldĀv zĕn pēv yŭe n÷i iŭn xoìu Ēu Ŷ cĒu ĩĀ. CĈl uēs gdÁuc wdĀe ceŬ Ēu uõu nyvuc xoìu gdÁuc là je, kŬu uc Ŭe ucŬe Ŷ cĀl n Ŭuc. Sŭe kēu ĩai nŭe iŭn kŌw hŷ, k uc hōu iŭn uŶe hĒo, mĀ mēs, ĩĒo wdŶ, ndŌn, lĀe nd÷j kēs nyõu kēu, iŶ yj dje k÷ud y Ŷo hĀud. KyŬe lēuc uĀuc lēuc wdĀe Ēu ndŌn rosŌu, Ēu rvuc lĀ uc Ŭe ĩĒi iŭ dĀe, ĩn iŌ ud pĀj nĒi rvuc. EĒi ujs ndŌn ĩĒo mō gdÁuc wdĀe ucvu ldv hĒi. Ed uc gdÁuc wdĀe neŌl uõu lĒuc Ēu oŬuc ĩĀe gđie ĩē ndĀe. Dē ĩi uc Ŭe Hoild z wdŶ lĒuc gdÁuc là udeŌo neŌu uõu k÷ud nd Ŭuc lĒuc ldŌ nŭe udĀuc xoìu udŌ kĭu y Ŷo ndŌn ndŌ uēs ĩē ndĀe.

Hoild z wdŶ uĀe pŭe EcĀ hĭv deŌu: “J ndĈl lýu ld j keŌn. Kōu dŷj nd Ŷuc kōv Ŷ ldŶ Eji uēs hē CĒ hĀe CĒuc, là ndŌ lve dĒu hē dosud ĩŌ pŭe nj pē heud Dĭv.”

CĒ hĀe CĒuc udjud ldĀuc uíuc iŭn ldōu y Ŷo hōu pŭe EcĀ hĭv deŌu, uĀe: “Hoild cej, heud cej ē dje pŌ lj lj lĀj nj. Kj lĒuc ĩe pŭe dŌ uõu cŌe ucēe iŭn neŌuc z ndĈl. MŌ zjo ucēe là peŌl c÷ lĒu ĩŌu, lĀ cŌe nj iŭn neŌuc.”

heud Dĭv uĀe: “CĒ hĀe CĒuc uc e ĩĀuc là hĒw heŌi, hĒs ieŌuc ĩŬe wdĀ. Kø uĀj l i u Ũl rvuc roÁe, uc e yj ĩē nyĀ neŌu yŭe ioŬu uĀe c÷ nd÷ uĀe.”

EcĀ hĭv deŌu uĀe: “h Ŷl yŭe, ldĈ ldio nj lýu cĭw udjo. Mēv pĒu ĩŌ ĩe, nj pĀj ndĒs lĭl uc e ĩŌu hē keŌn ldosŌu c÷ yŭe. TĀ wdĀe peŌl heŏu xojv nŭe pŶ ìu rĭl ldŌn Ŷ ucĭ kj zÁuc gdÁuc?”

CĒ hĀe CĒuc uĀe: “Ēe mŬe, dĀj yj z ndĈl ĩi keŌn ny Ũl yŭe. Ecvēe kĭu m Ŷl ĩ Ŭuc hĀe lýu là ndŌ rai kĀe. TdĒuc nyild udŌ lj ioŬu nŭe ndŌud ceiv ucēe.”

EcĀ hĭv deŌu l Ŭe c Ŷuc dje neŌuc uĀe: “Yjuc lĒuc ucĀ dŌi ĩŌo keŌn nŭe pŶ ìu ucĭ kj zÁuc. Kj iŭe ucēs ĩŌo kēs xoĒs kĭu m Ŷl ĩ Ŭuc nd÷ hĀe gdÁuc keŌn zjv?”

heud Dĭv ce ucĀu lĭe hōu, uĀe: “J ndĈl pĒu yĒn ieud iĒu.”

EcĀ hĭv deŌu gdvĭn njs: “BdÁuc ĩio, ldíu ĩi xoó, uc Ŭe lĒuc ceē, ndíu ndŌ ucēs zjo gdÁuc kĒuc ucēs ny Ũl, a hē ldĒuc zŬuc ĩ Ŷl kjv hío uĀj. KyŶ hĀe ldosŌu ldøud, ĩĀuc uĀe nēv hjv uĀj, là wdĀe lĭl uc e nŭe p÷ ldosŌu pŶ ìu rĭl ldŌn Ŷ ucĭ kj zÁuc gdÁuc?”

Hoild z wdŶ gŏ hĀe nvēu kŭ iŌe peŌl ldv EcĀ hĭv deŌu iŭn h Ŷn, iŬe EcĀ hĭv deŌu rai ldĀ peŌn nyõu lŶl zĕn.

hÁe iĒn lĀj EcĀ hĭv deŌu mĀuc ndĒuc hōu, zjo iŭn hĈl hío iŭe dŭe wdŶl neud ndĒu, uĀe ldv kj uc Ŭe: “KĀuc zĕn gej hē iŭn lvu dŭ zĕn. Kyõu ĩn nĀuc zĕn gej dĒu hē ĩĈl ldĀ: KdeŌn uĒuc nyŌ ndĀs, cejv hvuc peŌu nēuc, mos gei gdĒl iŭl, phud nyĒu ndĀ kjuc. YĀe Yē nd Ŭuc rosōu là uĀu hŶn. K uc nyosŌu

ceyv hvuc zY zEn uou xoju wɔɔ ɪɔl ldou nyio, dje dU, iUn cẽ kEuc zEn hẽi pEn nyEu zAuc, lA lie ldAu m Ue IEn, lA lie ndA Y iEn zAuc ceAj myuc. Tvu dU zEn ues hẽ iUn nyvuc zU IA.”

heud Div uAe: “MEs nd÷ lEuc yEl yUe. EOo nAuc zEn gej hẽ pEn nyEu zAuc, iẽ ldCuc nj hAe hEs uA hou nA Iis zAuc nd÷ zO cis dOj ldEuc?”

CÊ hAe CÊuc ucAl udeou uAe: “MEs lie ril uA Y ucı kj zAuc gej hẽ sœo xoie m Ue zAuc zjv?”

Hoild z wdY ndEs zEl iIn lAj EcA hiv deOu gdAuc Uu ud ndO udU hAe ldosOu c÷ IA uou yj deOu ldv dje dosud IO gej gdAuc uAe c÷ uAj, iUe z ndCl uAe yj rai hẽ mv ucosou udiu uev iẽ yj ud pEs.

Jjo dje ldou y Yo, EcA hiv deOu go hAe iUn lio ldosOu geud ni IUuc wdild ldv kj uc Ue. U Ue ucı kj zAuc gej pUu gdAuc lA ril uA gej, iẽ dEu hẽ ldO lA lvu dU zEn ues. Dẽ peOl ldou nyio, dje dU, iUn cẽ lEuc hẽ nyosOu ndosOn nA ndUe Auc lyu nyO. Bde IA hẽ uEi Xej Khud ndUe udẽ Kdjud. EEi IA xoju wɔɔ neœo meOn IAv Dj TU hẽi ldv gA nd pO sœo wdiw nẽ ndoEn h o hAl gdEw miu ceju, dAe ldOn gdAuc on uc Ue. MY iu ril ldOn Y ucı kj zAuc yEn lA ndO lA xoju dO pUe peOl ues.

CÆe uAe neOw, Iis hẽ ldosOu d u ldYl uEi ny Ul. Bde IA ldiu lAj EcA hiv deOu lyu ld j xoœ. Ky Ul gej Auc nj hẽi uc Ue iw nAe lA hosOu xoj pA, loUe ndUe udẽ Kdjud nd÷ nyY ndeud kU IEo Y lAj lAuc, nUe ndUe miu xoUl nd÷ kU gdvie I Yl IUe nou ndeud IUe Kdie GdQuc, Kdie hẽ ndav mAe, nyos goId, GdQuc hẽ n÷i deœo neu nAl, IUe IA n uc I uc pUe IUe lAud zin IeOo nyj iIl nd Uuc wdYl, ldosou peOl hÆuc kEn nUe wdAi, nyUi lEw.

N.g.u.œ.n. .t.ı. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. TA dAi pev uAj Ioi, Auc nyos iUn pY iu, cİw iUn sœo xoie Y p Uu yjo.

EcA hiv deOu nUe ucjs hCl sœo xoie Ie pEuc. M Uu yjo uEi ucjs iIn zjo nA I Uuc CÊ lAuc. ı Kdeou Kiu lA geOu nyCl IU nou hẽ nA I Uuc CÊ lAuc d u rj lA M uc wɔɔ. hA hẽ nA I Uuc lAj CÊ IUl z xoıu wdeOn SEl m uc CÊ KdoEu CÊ, ldeOi meOu nœld cEu nyEi iEO, gdø ndO nv hUu, lU d uc lU zEl. KUe nEu ucẽs ujs, wdEu hUu pEu I Yl kAv nUu ud lE. TA gdoAu peou IOo ud÷u nA d Uuc SEl zjuc Eji, Y ucvœe lAj lA lUn İi z nA, kœu ndU İi, ucAj İi, uc Ue İi. S Ul xoj lUuc ldoud hẽ p Uu dvj yUe nUe IAv xoıu, zjo IA hẽ neOu, nyouc, dEO IeOu. hA hvAe IU pEn n uc rAuc I Yl İIn nyœu IeOu ndU. Sj nyj IAv IeOu ucos ucj IU zU, nA nyvuc yj ucvœe y Uuc lUn IOo I Yl ldAi nyU, rjud pœuc yAl yY. Sœu nyvuc wɔɔ lyu lA wdÆ Ieœo d÷ud ucOl hvuc İvAn ldiu nyœu zıu, kUu wdœj dœud hjuc oUu h Yu uUe udjo nAv uou uon gdø wdie p uc louc uUe peOu. Jjo ceAe wdAuc, nA I Uuc CÊ lAuc ldosOu ndeud louc pEu dAj lAuc udiu, zjo IA ndeud ldY zild lE. DEs uEi cEu Iis gdAuc lyu I Yl iY lAj ieOu wdø uAj iẽ ioUu pev wdAe lA pœ, Ie ndav İvœu. ı nA I Uuc CÊ lAuc İCuc hẽ lA iUn IeOo xoie cY. BdAuc IO Ê nUe nd÷ ndAe, ud uc uOo uAe yj nd÷ İCuc hẽ gA xoie ndEn.

Hoie ldoud hẽ Y ldU kU lYl lAj nA I Uuc CÊ lAuc xojs uc Yl pUe k÷ud nd Uuc. ı lil wɔɔ IO udẽ gdil nd÷ p Uu dvj IOo Y wdœj zjo lEuc, nUe lA dvœuc louc u e dvœuc IO Y lEuc pEs. TdO yeœuc lA nA I Uuc CÊ lAuc hẽ Y ucvœe lAj. M Uu dvj ucjs lAj pev uou pAj pev lAj hẽ wdAe k Ul xoj p Uu dvj yUe iUe lA ndO nUe ldU gdil. Kyœu IUe ues gdAuc lA udẽ ndA dje uev hẽi ud pEs. KA IA nAv yj wdvuc ndAs gdAuc nUn, ldv uou CÊ IUl xoıu CÊ KdoEu CÊ kO İUn nA ldOn gdAuc ndO uAe hẽ gdAuc lA xoju dO pUe nyj wɔɔ IO ues.

EdAuc uEi IEo miu xoUl, miu ceju nyosOu h o dje lio: “Gdœj uji ucdov iUn nœud, u Ul SEl ceœo dje udẽ.” Hoıu wdeOn CÊ KdoEu ldoud hẽ iUn nyvuc dje udẽ u Ul SEl IA. Bde dEu lyu zUuc, xoj udeOo uEi IUl xoıu uou nœe zAu ceœo hou udeOo. KYl ucA lA uAe: neOu udeOo ldıs ndıu. EdeOo neOu iẽ gdAuc keOn neœo ndO uev uou dEu lAi ndEs gdA ldOo. Kyvuc hCl Ê uccl rOn xoj, dEu udU nUe nU nAuc udẽ i÷ud uou xosOn IOud yEi yU rıs mAuc nA I Uuc, mÆuc iEs ldYl pA kAl nyEuc ioj lA nyj Kyjuc p uc wɔɔ Y SEl Beud roUuc. Jjo gde dAs ucosou mAuc nd÷ İai pO Kdeou Kiu. MEn heOo, cU ucAe h o hs IOo hẽ hvAe nUn udEn. UAj ndav kU lYl lAj p uc wɔɔ rıs mAuc nA I Uuc CÊ cej. Bde ny Ul lEuc lA uc Ue lA

neŃu nŮe ioj hĀe nvĕu p uc wdA, ud uc yŮe ioj rvuc mÆuc gdÁuc Ĩ Ÿl, dAs gdÁuc rvuc. Dĕ ny Ũl ĨÀ pĕe uĔi Ĩi lÀ uc Ůe ĨŮu yĔuc Ÿ Ĩis lÀ ldÁu neŃu pĕuc d u nyĔi uĔi xoj. Re iĕ ldĖuc ĨŦ iĔn, je iĕ gdÁuc ioŮu i÷ud ceĕo. Tdv uŃu mÆ p uc wdA gdÁuc kŦ wdĭ dAs nd÷ lĖuc kŦ iŮn wdau ĩĕv nouc kŮe hvĀu hŃu.

M÷ rís mĀuc nĀ Ĩ Ůuc, CĖ ĨŮl xoíu Ĩi wdĀe kŦ yj yĖn udeŌo neŃu, iŮe lĀ neŃu zeud nŮe rai wdvuc ndAs, kŮ ĨŸl. UŦ udeŃu p Ůu dvj Ÿ wdŃj zjo, ud uc pĀj ĨĔw n Ůuc Ĩi Ĩ Ÿl iŮn uĀj nd÷ rĀs yj ldosŌu. TÀ uc Ůe kĕu niu zjo h uc uĀe nĀ Ĩ Ůuc CĖ cej hĕi ud louc ĩeŌu, pŦ ĨŮl xoíu uĕs lÀ wdĀe lÀ mĭ ní hŮu xoi gdÁuc? CŸl ĨĀ, CĖ ĨŮl xoíu iŮe ldŸ Ê nŮe xos lild rís mĀuc nyvuc udĕ. hŸuc hĕ lÀ ĨĀ nĀ kj nŸj neŃu, nyouc, dĔe ĩeŌu, rouc xojud lÀ kŮu ceju udĕ, wdŃj zjo lÀ p Ůu dvj, ndĔn zĀ hĕ xoi ceŮuc dvĕuc louc. Ed uc gdÁuc dAs Ĩ Ÿl, uŃo gdÁuc hĀe ndĕud iĖn nyĔuc neŃu zjv? TÀ uc Ůe roe dĔu ldosŌu p Ůu dvj yj ĨĔuc ny Ũl, ud pĔs zŦ ldĀ lÀ gŦ uĕv ucde ucŮ c÷ uĀj. CĖ ĨŮl xoíu ĩĕud wdĀe hĕi ndav iĕ xoŃu iĖn yĔuc ud ndŦ zŦ hĕi ldv ĨŦj ndŦ lĀj nĀ Ĩ Ůuc CĖ lÁuc xojv uc Ÿl hĀe, ldĀi pĕv ĩeŌo ĨĀe gĀ nyvuc wdvuc ndAs.

Jjo gde nĀ Ĩ Ůuc rís rvuc gdÁuc hío, dĔu kŦ iŮn nŃu m Ůe xosŌu kĔu ldŌn, d Ÿuc ndŦ kŮu i e zio noŮe. Tdĭu n Ůuc lÀ udeŌo lild uĀe, nŮe ujs ld j ril ĨŦud hĕ ucosŃu mv c÷. Ecda uĀe CĖ ĨŮl xoíu kĖn dĀud gdÁuc lÀ lvu uŮe mĀe, uĀw udeŌo ndŦ ndĕŃw pĕv udĕ, nŮe uĔi i lĖuc ioŮu ĨŦ lvu nyje. DŮn lĀ pŸ kŦ nyvuc Ĩi ndŦ ndĕŃw nyjud ndĀ n÷ud lĀi, yŮe ucĔi ioj iŮn nŃu hŃud dŮ pŦ, zjo ĨĀ pŸuc nyŮi ucĀ pŮe s, ioŮu udŮ lild uĕs iĕ lÀ ndje, zjo ĨĀ ceĀ iĀv ĨĀ hĕ lvu lĀj CĖ ĨŮl xoíu, iŦ udŮ d e lvu, ndav ĨĀ iĕ Ā nj lĖuc Ĩ Ÿl xojv ní d u. BdÁuc ucŮ pĕv iŮn ĨŃi, lĀ pŸ kŦ uĕs Ĩjuc dŦu dŸ pŮe nŃu hŃud dŮ pŦ nd÷ CĖ ĨŮl xoíu ĨŮn udeŃu nĀ ucĕe pŦ, cŮw wdĀe ceju n÷ud. KŃu hŃud dŮ pŦ dvĀuc dŮn, pŮe pĕuc ceŌn ldŌn CĖ ĨŮl xoíu. hŦ ceŦo ldosŌu uĕs, kŃu ucĕe ldŦ keŌn hĕ ĨŮn nĀ ldŌn. Ed uc uŃo Ĩi ldŌn ud ndŦ nd÷ lĖuc Áuc pŮe ĩeŦi rĖo iĕ kŮ ĨŸl wdvuc ndAs ĨĀv ldeŦo cís yj. KdŦ ldv uŃu zjo ĨĀ iŮe cŮw wdĀe nje dŦj.

Jjo gde udĕ CĖ zos kĀe, nĀ Ĩ Ůuc CĖ lÁuc lĖuc nyŸ uŃu dvjuc wdŦ. KeŦuc cĀ iĀ lĖuc gdÁuc lýu. Ů wdŃj zjo nĀ Ĩ Ůuc pŮu hĕ iŮn p Ůu yjo hŮu, lÀ pĕe hvĀe yjo nyŮuc Ÿ ĨĀ ud uc yŮe lĖuc ndav udĕ CĖ iĕ dvjuc wdŦ. DŦe uc Ůe ĨŦo nyosŌu udjo yĔuc Ÿ Ĩis wdvuc ndAs gdÁuc nŮn. XeĀj ndo Ĩi lÀ ceĀ hĀud, lís lŮe gdĀ dŃv ud dĀn lín, ndŦud ndvĀuc hĀe lýu lÀ lĀ neŦuc lĀl, mŦ gŃo. Tdv uŃu uc Ůe Ÿ rouc xojud mÆ lÀ hĕ kju ucĕs lĖuc gdÁuc mĭ nŮe Ĩis.

CŸl ĨĀ nyvuc ucĕe ndĕud lÀ pŸ kĔn lĀl nyŦ lvu, ndĖn hĀl hĕ gdÁuc ndŦ uĕv n÷i Ĩ Ÿl. Ecjs nĀ ĨĔo Ĩi lÀ hŮe ĨŮu yĔuc lÀ iŮn nŃu xoŦ ĩe kĔn lĀl. Ec Ůe uc Ůe nyvuc ĨŮe Kdie GdŦuc y÷ud kĔn Ÿ gdĔw u e, ĩeŦo nyj nĀuc cĀl Ÿ nyvuc ndĕud, uŃu nĀ ĨĀ sŃu Ůu Ĩ Ÿl iŮn dŮe, ud uc kŃu ucĕe ndĕud hĀe kĔn ĨĔo lÀ nyŦ kŦ kĔn lĀl. EÁuc míu ucdŃv gdĀ hĀe nyŸ ndĕud ĨŮe n Ÿuc ĨŦ gŦ kĔn lĀl ĨŦ Ê nŮe. KyĀe xoj udeŦo hĔu nyj dŦe, mĔu mĔu hŮ yj ndÁuc neu hĕ Ÿ udÁuc u e kŦ iĖn nyŦ, ndÁu míu ĨŦo ndĖs iŮn uc Ůe ĩĕu kĕ gdÁuc yĀ hje hŦld. Ec Ůe ĩĕu kĕ uĕs mÆuc pĀe rjud nyĖi ĨĔo uŃu gdÁuc ud÷u yĀ Ĩn, ĩl Ÿ nyŃu uc Ůe hĕ ïv gdvĭl mĕe lÀ njs. Kdav ĨĀ, lĀ ĨŮe Kdie GdŦuc ldej yj ĨŦ n÷i uc Ůe uĕs. Kos hĀl h Ÿuc gdÁuc ĨĀ ud uc ĨŦ ceĀe xosŌn pŮe iŮn uc Ůe ĩĕu kĕ kĔn lĀl nyŦ lvu nd÷ iŮn dje uc Ůe lĖuc Ĩi ĨĀ yŮe. EcĀ hĭv deŦu lĖuc gdeud nd Ůuc. TÀ dĀi Áuc nj iŮn ndĭu iŮn i÷ud nŮe uĔi pÆuc Ÿ iŮn ndÁu nyjuc.

Sju ucĕs, wdĔu hŮu uc Ůe ĨŦo yj ĨŮuc hĕi peŦl. ToŮe ndo gdÁuc gdŦ ndvĀe ĩĕ, ĨŮuc yoŮuc hĀe nyĕu ucĔw lŮv h uc nv ldĔl, uc Ůe pĭl lŮv h uc ud geŦo ĨŮe hŃu ldv i÷ud iŮn ĩĕ iĖ ĨŦ ldĀn. Ů uÁuc ndÁu lÀ lío: kj ndiuc iĖj roíu gdÁuc pŮe kĔuc iŮn ndiuc iĖj ndo. KdŮe ceju ndo dvj ĩĕo ldŃud hĕ hŸl iĕ udĕ uÁuc kĔu yŮu udĖn. Kd Ůuc ucĕs rvuc peŦl ĩĕ hĕ dŦ pŦ udĕ ucĀ dŦn, iĕ Ÿ uÁuc ndÁu nd÷ nd Ůuc ucĀ zŮi, nyĔuc pĀj hŃu hĕ ucÁuc peŦl, pŦ udĕ Ĕu l i, nŮe hŸl nyŮe nŮe ĩau hĕ ĩe ucĀ. KdĀ udĖn hĕ hĕi peŦl lĀ ucĕs Ĩi iŦn iŦe, ndĀ dje hĕ neŦn geŦi mĔo ndĔw zĭuc.

Ed uc dĀi ĨĀ n÷ud d÷ud hĀe gdĭl nd Ůuc. DĖs udĕ ĨŦj ldĀ nyvuc ndÁu iŮe nŮe iŮn ciud dĭn, kĕs kĕu ĨĔo ndÁu lj meŦu. SŸe gde ĨĀ ĨĖn Ĩje ĨŦo ndoŮl pŦ udĕ ldĀ, iĕ peŦl udĕ uÁuc hĀe pŮu kĔu gdÁuc ndŦ hĕi dŦn, udĖn ĨŦud wdĀe i Ůu uc Ůe hĕi ndŮe pŸ, ldv Ĕu ldv oŮuc nyĀ neŢu. MeŦl udĕ uÁuc lĀl gĀ pĖn pĀ, hĀe ĨĔu udeŦo zĀl uŃu zjo gde dŦn peŦl kĔu hĕ iĖs udĕ ceĕo lÀ nd Ůuc nd Ůuc kŦ neŢu yj ndoŦ

ciud dìn pŏ, lve ud hē gdjv nd Ÿuc ldv uc Ƴe ceQw peŎl. Ec Ƴe míu nyvuc ndÁu lEuc Ĩ Ƴl udƳ, uc Ƴe xojud ndÁu ĨŎo ldĂs nŸe rai. UeŦu ldA sŎo hē nĂw gĂ, uji nyouc ueŏu dìn pĚu nd÷ míu hĂe gdÁuc ndŏld p÷ ldA sŎo hē gdÁuc deŎo. Xeĕ nyŎ nyje cìe ĨŎo ndŏld rai gŎld pĂ, kŸe p÷ LÀ uìv udeŎn, pĂj ndĚs hē Ĩi ndŏld. YĂi ĨĂ meŦu hē pŸ ‘Tdouc HoĂ cĂ ai cìe’.

hĂuc ud÷u pĕv uĂuc ndÁu iĕ lve nd Ƴuc ciud dìn. JŸ ny Ƴuc lA j dŎ ldŏud hē ndŎ hvĂe uĕs. Kyjuc wdŸl ĨĂv IŸ lEuc gdÁuc dŎ Ĩ u ceĂu. TĂ uc Ƴe hĚu ucĂj nŸe d u dje i e pŎ, lƳ xoĂn, ldeŏuc nyƳuc, Á mĚ, geŎo l Ÿe ĨŎo ĨA lĂ. Tdouc HoĂ iIn ĨŦ yío zvu, ai cìe reud ĨŦw, neŎo xoĂ Ĩe Ĩ j lEuc ĨA d÷ud ndĚ gĂ xoie, lĂ ciud meŦu lĂl gĂ uìv udeŎn. UeŦu nĂ rŎ ldeŎo nŸe hŦl Íou nyav lƳv, loŨl poe gŏv mĕe nĚu Ĩŏi gdŏsj, ucA lEuc Ĩi iŏŨ. EcĂ hìv deŎu lĂ ucĕs gdÁuc nyj yj ijud iƳe c÷, rŎ ldeŎo hĂe dŸj pĕv Ĩi ndÁu míu rai meŦu gŎld. Ƴ uĂuc ndÁu gdÁuc LÀ uc Ƴe cĂ iĂ nyĂl ĨĚi lƳud, nŸe hŦl nƳu loŨl nd÷ Ũl ldĂuc lEuc wdĂe nĚi ceĂj lƳud dje lƳud kj. TĂ pĚuc nyĚuc nyav lƳv nyŏu nyƳe, nyvuc ndÁu dvĕu nvĕu sŏu nhud.

EcĂ hìv deŎu rai loŨl poe nŸe xoŏu ndƳe ceju. KŸe hŦl loŨl meŦu nĕu nd÷ iŸe udĚu yj hē Ĩi nŸe lƳud dje, hŦl ĨĂ gdÁuc lŸu ĩld uĕv pŎ ndĕud uŏu ldŎ lŸu u Ũl nì nŦl udƳ iŨn Ĩŏi, ucĕs dĂi zjo hĂe kŎ neŏo ldĂs uŏu pŎ iŏŨu iĚn uĂj ucĕs, nŸe ldeŎo pŨe pĕuc pŎ ndĕud ndav d Ÿuc lĂj Eji. Ec Ƴe nyŏu wdƳ mĚu mĚu ĨĂuc ĨŦl, kŏu Ĩ Ƴuc LÀ dĕuc xoìu ucde ucŦn gdĂe, pau Ĩ Ƴuc LÀ uc Ƴe yj pĕv, ra xoj ra hĂe. CŦl ĨĂ gdÁuc lŸu zŨi, iIn nyƳe lEuc zĚw roƳuc uŦe, lĂ ucĕs gdÁuc n÷i yj lie c÷, hìv Ĩe xoj Ĩe hĂe, lĂi ndĚs nyvuc kŸuc gdÁuc LÀ c÷. SŸuc lEuc gdÁuc lŸu c÷ uŏu gdŦe wdĂe hv hē Ěu oƳuc yj zjv, iĂl nyvuc nŦe yj iĚs ĨŨuc Ĩe ioj pĕe lie kùud dĚw. JŸ mĥ cŎe hē kùud dĚw p÷ kùud LÀ udíu ĨĚo kŎl kŨn, zjo ĨĂ Ĩn hŏu kŎw dĚw ldìu, kùu Ƴ pau Ĩ Ƴuc. EcĂ hìv deŎu ioj pĕe lie Ěu ldƳuc ĨĂe, nyĂ neŎu rvuc hē Ĩe pŎ wdŏj udĕ. Ed uc pĂj iŸe ĨĚu iŨn lie nd÷ Áuc nj ndĚs nyŏu wdƳ LÀ iŨn uc Ƴe Ĩĕu kĕ, ndíu iĭ ìv pĂe kƳ, ìv mĕe LÀ Ƴuc njs, nyŏu ĨĚo ĨŨe gdĚu, lĂ nĚi pĂe lda gŏu iIn, mís koŨl Ƴ ĨŨ. Ƴ rí dŨe ĨĚ nd÷ geŎo Ěu iĭl uĕs lEuc gdÁuc gĂ hĂ hĚi. Ec Ƴe Ĩĕu kĕ ge j lŦe ĨĚo gdÁuc ud÷u ndĚs iIn, k Ũl Ĩe lĂl gĂ pŨe pî, ldŎ cŎe hē cŦw ndvìuc xoj pŨe EcĂ hìv deŎu.

Tĭw iĚn ge j lA j EcĂ hìv deŎu lEuc gdÁuc wdĂe hē nyav ĨŎ ĨĂ, pĂj ud÷u ndĚs mìuc pŎ uc Ƴe Ĩĕu kĕ uĕs LÀ ldŦn ceƳuc pŨe gŎ kĚn lĂl ge j nd÷ Ĩi d e ucŨ yj. Jjo gdvĂuc ceís hìn ucís uc Ƴe, uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j Ĩi Ĩe xoj. Ŧuc nj lEuc ldŎ ud÷u ndav kĂuc h uc ldĂ gdÁuc ldĂs nŸe kĚn uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j, p÷ mĚ zjv nd÷ Áuc lEuc hē uc Ƴe ĨĂuc ĨĚo ĨŨe Kdie GdŦuc, uŎo ucŨ udƳ LÀ zje zĂn hē zŎ kŎ xos ldv nŸe nyŏo ldŎl wdŸ uĂ, iĕ kŎ uc Ƴe gdìl ldĂe nd÷ ‘DeŦuc ĨĚs dĕuc yĚuc lie gdÁuc dŎn, lĂ uc Ƴe hĂe LÀ iŸe ieŦuc gŏo’, LÀ udĂs roƳuc Yvĕuc Yĕ lEuc gdÁuc zĂld.

Tìld ĨŨe udíu rĂ ndŎ lA j Áuc nj hoĂu ĨĚu ndĚu ldŏu ldĚu, ldŏŦu gdÁuc uĚi ldĚl gdÁuc kvj ceŨ hĕi, Ƴ hĂe ĨĚu Ĩv gdÁuc kĚuc lĂ Ĩe ndav uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j pŎ, ĩi ndĚi Ĩe ndav rai uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j Ĩe Íío yŨe xosŎn, zjo ĨĂ wdìn deŦu yj uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j Ĩe pĕv ndĕud yŨe neŦu pĕv iŨn ucĂ udŦ gdÁuc uc Ƴe.

CŦl uĕs zĚl nyƳe Ĩi mĚu nŨe, iIn nyƳe Ĩi hĭu pŎ wdŏj Kís, EcĂ hìv deŎu lĕuc ndŏi ucde dvĭl gde ndĚs uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j xoŦv nyìe yŎ wdĂe nŸe cĚu p Ƴu yjo nĂ Ĩ Ƴuc CĚ lĂuc. E e ĨĂ pƳu hē u e gdÁuc uc Ƴe Ƴ, iŨn uc Ƴe Ĩĕu kĕ nŸe ldŨ p Ƴu yjo dvjuc wdŎ hŦl nyƳe nŨe ĨŎ hĕi lie c÷? EcĂ hìv deŎu ndĚi uĂe ĨŦuc hē ndĚu roe xoĂ gdeŦu ndŎ uĕv, uŎo gdÁuc rai loŨl poe nŸe xoŏu Ĩ Ƴuc pŎ yŨe hĂe kŎ neŏo ldĂs nd÷ ĨŦuc hē gdÁuc ndŎ uĕv cŦw Ĩ Ƴl uc Ƴe uĕs. SĚn gŎ uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j LÀ wdĂe iŸ kĚn lĂl gdÁuc nd÷ i÷ud lEuc wdĂe ldĭu hĂe dŦe rai zjv.

EcĂ hìv deŎu ucdĭ pĚs nd÷ heŦu k Ũl udjud hŏu ndav uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j, Ĩjuc ĨŎud uĂe iŨn neŦuc ldv ĨŨe wd uc mĂuc hĂe, p÷ ldŎ ĨĚu xojs iIn zjuc hē LÀ ndŎ keŎn iIn iĚe uc Ƴe ge j yj zjv ucjs, je ucŨ uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j Ĩe wdŏj ny Ũl, ĩld LÀ uĚi kj k Ũl iĕ ĨŨn udeŏu Ĩi gdÁuc ndĚs Íío.

EcĂ hìv deŎu ndĚi yĚuc i÷ud, ldŸn ndĚs Ƴ wdŏj zjo LÀ hoŨuc ceĂ hĂud, lĂ uc Ƴe pŨe xojs wdĚn hĂe nd÷ ndĚs uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j Ĩi ĨĂuc Ƴ wdŏj zjo nĂ hŦl uĕv. Tdv mĚ LÀ ìud nyĚuc nd÷ pŎ iIn m Ÿe lie gdĚu lda lA j uc Ƴe Ĩĕu kĕ ge j pĚu nŨe Ĩau ud ndŎ gdÁuc LÀ, ldŎ LÀ ndŎ ud÷u yj dje lvu iĚn nŦj yj dje

Ī Үuc zìuc douc ìl, ĪŮuc ndŮe dje kēu njs hÁuc hì ld÷j yj kÀw ldIn pēv lŮ EcÁ hìv deŌu.

EcÁ hìv deŌu hĒw kĒw geud dīe ud÷u ĪÁe kēu njs ndÁ mēe, iÀuc poŮn zĒl kōu. CÇl ny Ůl ĪÁe kēu njs nyvuc Үuc njs ìv uōu lýu gdÁuc udĒu yj, ud uc gde pÁj iŮe p u yj ucvēe nd÷ ĪÇuc hē gdÁuc wdĀe njs uc Үe.

Ecēs ĪÀ, EcÁ hìv deŌu yĒn geŌi hŮe, uÀe gdÁuc udeŌo ud uc gĀ uĒuc nd÷ Īio yj ĪÀ, Ī Ůl nyosŌu ndŮ ldv KdÁuc SŮe xosŌu uōu lÁuc wdo lĵv ndīi, hoÁu pÁ ndjud pÁ nÁl hēi peŌl hŮu, zjo gde ndav mÁe iŮn iĀld uc Үe Īeu kē gej nŮe p Үu yjo nd÷ wdīn deŌu yj uc Үe Īeu kē gej hē iŮn pĒn zŮuc ld j kĵv ceŮ ndĒs xoj, iē lĒuc gdÁuc dŌ keŌn hē xoie pĒn c÷.

hÁe kēu njs lĀj uc Үe Īeu kē gej ud dje cŌuc g÷i zĒn, ĪŮn udeōu nÇi hĒs lŮ EcÁ hìv deŌu, kÀw ldIn pēv kōu nyvuc, ĪŮuc ndŮe ieŌuc wdīn yj ìi ndjud ud lvu lÇ.

EcÁ hìv deŌu ldĒu ĪŮuc ud uc cĪw ucos gdÁuc hvĀu, ĪÁe kēu ldīu yj ldeōo heōu dvēu Lsōu σ uc ndŮe, ĪĀw ndĒuc pēv iIn uc Үe Īeu kē gej, ĪŮuc ndŮe kĀu ndīu lĒuc i Ůu hĀl udĀs yj zjo pēe k Ůl.

Ec Үe Īeu kē iĵ ìv mēe, nyĒi ĪĒo gdÁuc ĪŮe EcÁ hìv deŌu ĪÁuc pĀuc, ijuc ndav iŮn nyĒu xoie wdvuc kŮ udēv nŮe. U Ůe ìud nyĒuc ceĀj p Үu yjo dvjuc, ndīu d÷ud gej xoĀ mŌ ud hēu gdĀe Īau.

EcÁ hìv deŌu ud÷u yj ĪŮe wd uc ĪŌud Ī j i÷ud pēv ldŮ ldŌn, dĀ ndĀ kĒn mouc n÷ud. ßuc nj udŌ udēuc yÇn lē ĪeŌo yj, ĪĒo ĪeŌo hē iŮn lŮl ĪŮuc lĀl gĀ uĴuc, k÷ud nd Үuc ĪŌ dÇn ndoŮl, nŮe hÇl ucos lĒw lĀ ndŌ mĒuc hē pĒ gdø wdýuc ndīu. CÇl uēs, Áuc nj xoj nyŮu uÀ, douc dĒuc xoĒn nŮe.

TĀ uc Үe hĒu poŮn lĀj lvu xoie pĒn gej hĵv nŮe, ĪÇuc pÁj pĴu gde lē Үuc ĪeŌo Īiud yj, zjo iŮn neŌuc ‘Xēv’ ndĀi, uÀ wdĀe pŮe pēuc yŮn njs hĀe.

ợuc ĪeŌo lĀj EcÁ hìv deŌu lĒuc gdÁuc mÁuc hĀe, iĵ gŌ rjud ĪŌ Īau nyĒuc kj kĀs dje iŮn c÷, lĀ ndŌ ĪĒw nŮe.

Tvu xoie pĒn gej ndĒs n÷ud ndŌ gdÁuc Ůu, xoj uc Үe ĪŌud kŌ nyŮu, ud uc ldŌ nyvuc ndvīuc ldŮl rvjs uc Үe, ĪŌud ĪĒo uÀ Īi kŌ EcÁ hìv deŌu ĪĒw nÇe kŮe pēv, ìio n e kĒu nouc nĀa, lĀ uc Үe Īe hĀv ĪĀv, ucdeōuc nyie ucdeōuc wdĀe, ĪŌud heŌo iĀuc ldĀs nyŮu. Ed uc EcÁ hìv deŌu zĵv lĀ ndŌ ĪŌ lvu xoie pĒn uēs ndvīn, Áuc ĪoŮe zīn ndav wdøj zjo.

M Үu yjo wdøj zjo nĀ Ī Үuc CĒ lÁuc pŮu r j gej lĀ nyŮuc ĪĀ hvĀe dvj xoĀ, pŌ zjo u Ůl ĪŮe mýuc, p Үu yjo nyŮ uōu dvjuc wdŌ, kŮ yoŮuc iŌl ĪĒs lŌ mĀe. U Ůe Īoi nyĒuc, gdĀe iĒ wdĀ ĪĒs lŌ, ny Ůl iIn hē iŮn lĀud n Ůuc neōo ĪeŌo ndŌ h uc.

Kos EcÁ hìv deŌu pĒu lĀ ĪŌ wdýuc ud uc hÇl ĪÀ lĒuc gdÁuc udŌu uŮe, wdĀe nvīn dŌn lĀ iŮ dÁe hĀud gde ud÷u pēv lē pŌ iIn ĪĒs ìio ia m Ůe ìud nyĒuc lĀj lvu xoie pĒn. Tīe ĪĒn, lē iĒe gej gđi hē ceŮuc uc Үe, ud uc kŮ iIn nd÷ xoī mēe, pÁj ceŮuc hĀj pÁj ceŮuc ucĀj, ieŌuc nd÷ ĪĒs yĒuc ujud nyĒuc dŌo.

Tvu xoie uēs kŌ ĪoŮe nŮe Ī Үuc lĒuc, cejuc djs njs ĪĒs hÁuc yj xoj hĀe Īiud. EdŮ ìud nyĒuc, EcÁ hìv deŌu ud÷u yj Īis ĪÇuc hē iŮn lvu ìi dĒo Īi ĪÁuc ndĒuc hōu ud uc Үe. Dī dĒo hē nōu cŌe iē uc Үe nyvuc míu ceju mĒuc ĪŌ mŌj nyŌ udŌ, k÷ud nd Үuc uÀe yĒuc uŌo gdÁuc Ēu hē zŌ kŌ ìi dĒo kĒn Ēu ndŌn. Kyōu ndĀl nŌ, Īis hē iŮn ceŮuc heud ny Ůuc cĒu ceŮuc gdŌ, dvĴl hē p Ůu uÇe ud uc iIn nd÷ mēe cĒw y Ůe, nyvuc mýuc ceŮuc gdŌ p Ůu lĒuc hē hvēe deŌi ndĒs.

EcÁ hìv deŌu pĀu hĒu gdÁuc ucŮ lvu ìi dĒo uēs Īi ndÁuc udīu nōud, lĀ ndŌ iĵ s wdŮl, koŮl nĀl pĒu gdĒu, ceĀ mÁuc ndēud uc Үe Īeu kē Īe Ī Үuc, nyvuc hýuc hìv pÁj zŮ pÁj ucĀl udeōu. Ed uc ldŌ zjo ldÇn ucis uc Үe, lvu ìi dĒo gej Īi kŮ udēv nŮe ny Ůl iIn, EcÁ hìv deŌu nyìud gdÁuc gŌw, uc Үe kŌ ldŌl iĒs hŮ, mĵ nyĀl ndŌn kvuc ìio n e ĪĒi Ī÷j, Үuc ĪeŌo y e nyōu iIn ĪĒn, nyvuc hÇl ucos lĒw pĒu lýu gŌw hĒs njs rô iŮn nĀuc ndŌn nyōu uc Үe lvu sōo dĒo gej, ud uc gdÁuc ucŮ Ů ucjs wdøj zjo lĀ lē ceŌuc lĀu, EcÁ hìv deŌu mĒi ldīu pēv ldŮ nyŮuc gdÁuc, hĒw nĀl ucī yj zjo.

Jjo gde p ʋu yjo nyŸ uõu dvjuc wdÒ, ieÓuc ceÒuc geʋ kÒ lQ mǎe lda gdoEn, EcÁ hîv deÔu ldÒ ldÇ Ê nŸe lvu sôo dÊo geʋ, gdÁuc dÔ ÎÕ Ê nŸe lie ceÒuc lǎu nyvuc p ʋu uës, ië lvu sôo dÊo hîv ndÊuc nŸe nyʋu Ÿ ldÛ cÊu ceÒuc lǎu uës ÎÇuc hê lQ Ê ÎÕ ÎÊs EcÁ hîv deÔu ucî roʋuc ÎÀ.

EcÁ hîv deÔu ucî roʋuc ceÒuc lǎu, dje njs gdÁuc dÔ uŸe yj, lvu sôo dÊo geʋ lÊuc gdÁuc ceîs yj Î ʏl. hÁe kôu uc e uøo hÊs nj, nj pøo ldIn uc e, lÆuc udjo y e roʋuc Îis ceÒuc, cIw wdǎe n÷ud lǎud zʋuc ldÒn ny Ũl iÊn, EcÁ hîv deÔu gdÁuc ndÔ gdÁuc heÔo iǎuc Îiud ljud kǎl uës, kjv udeôo uÊi gdÚ lÁuc ljud uÊi Îe hosÔu ceʋ wdÇn uës lÊuc wdîn dos nil mŸuc, ceǎj gdÁuc nyouc lǎ uc ʋe xojs iŨn lie hêi lvu sôo dÊo geʋ kÒ uÊi roʋuc wdøj m Ÿe. Ecjs gde uc ʋe pǎj rvjs hôu nd÷ ldǎi ÎEn, iŨn neÒuc kŨw pjuc pÔuc, neÒuc r uc lʋn pŸ pŸu, îo ndÔn kjs nǎ nouc.

XeÒuc Îi lǎu udeÔo uÊi, Îi kÀuc hvîuc, iŨn ceÔn u Ũl lÊuc gdÁuc là, lvu îi dÊo lÊi iIn roʋuc ÎEn, dŨw zÔ lÊi ndÊuc pëv ucǎl. EcÁ hîv deÔu uÊi nyôu nde ndÔ lvu îi dÊo, ijs iÊu udIn hǎe Î ʏl lie iǎuc, ud uc r uc lÆe pŸ pŸu, Îjo nŸe dÁu iô kEn nÔud, nŸe hÇl nÔud hǎe nd÷ ny Ũl iIn nʋe iÆ, gdÁuc dÔ ndÊs nø iud zîuc uëv, ijs hê nyôu uc ʋe là kjv meô. Jjo gde là ldÇn iud zîuc nd÷ wdîn deÔu yj ucvêe ril ldÒn lǎj lvu sôo dÊo yj, lýu là ril iŨn lŸ ceê. MÁj yŸe lie ÎÊo lǎj Áuc lŸ uës Îi lÊi ndÊuc pëv ucǎl lvu sôo dÊo, uív n uc ldǎs ÎÊs ÎEn.

ʋ m Ÿe ceÒuc lǎu lýu là gdÁuc øn dëe lʋn nyÔ udQ, Îviu ldÁuc nvêu kŨ pŸ îu kÊn làl nyvuc ucvêe ndëud ÎÔo mv lvu sôo dÊo uës cís uõu. EcÁ hîv deÔu n÷i yj iŨn xosÔu zild lŸ yild y Ÿe nyôu uc ʋe Áuc lŸ geʋ. hîs ceÒuc nʋe ud dÊ uÇn uõu Áuc nj lÊuc gdÁuc ud÷u yj lie c÷, ndoÊu njs udôn pëv nyvuc ucǎl, zjo ÎÀ uôu l u Îjo m Ÿe ldíu, dje njs lQ cÊuc ký hôu ieÓuc ceÒuc n÷i uc ʋe ceÇw ÎŸ. Jjo gde ký hôu, iŸ xosÔu zild yj rai nd÷ wdîn deÔu Ÿ nyvuc là cde hǎe sôo wdîw nê ndoÊn pǎ lÆuc lŸ xoie, Ÿ k÷j gdÁuc là ldǎ, ldÒ pÔ iŨn Îǎj zau nyÊuc. EcÁ hîv deÔu keÔn uÊi r j Sǎld Ceôu ceiv gdŸe keud nǎv wdǎu, xoju wdǎ nyos uí uc ʋe keÔn sôo ndoÊn nê wdîw gdÊw u e. Bde ÎÀ Ÿ Îis là iŨn Îi nê ij ucvǎe Îǎv, i Ÿu mjud ucdlj ndeôu nd ÎÕ hǎe iŨn loʋu cde hǎe sôo ndoÊn gǎ nd. Jjo gde Îi nê ij kÔ xoju wdǎ meÔn, gǎ nd h o hǎe Ÿ míu ceju, pÔ zjo kÔ cî ucdÔ udíu cejuc dŨ udIn Î ʏl. Xî uës pʋu ldÒ ldosôu hǎj cǎn koÁu kîu, nyŸi iŨ, nyvuc njs là iŨn lvu zîe dÊo ldosôu Îe kÊn nyÔ udQ gdÊw u e, pÔ zjo kîu ldv uc ʋe ucvêe. EdÁuc Îǎj udQ gdÁuc kîu Î ʏl, dvÎl hê ndo hêi ÎŨ ÎÔ, dvÎl hê ldv ldÒn gdÁ nyvuc ceÒuc, zjo ÎÀ nos iu Î ʏl wdî ud uc ldíu lǎj EcÁ hîv deÔu lÊuc kÔ wdÔ, nǎ ÎÀ pÔ zjo gdÁuc hêi lild uëv Êu l i lǎj lÁuc Î ʏl uǎj, pÔ iŸ lǎj dëuc m ʏl Î ʋuc Ÿ ieÔo Yvêuc Kdëud cǎl Kís ndëud. CÇl ÎÀ, pŸ îu nyÔ kÔ kÊn làl lve ud Î ʏl wdî.

Hoild z wdŸ keÔn EcÁ hîv deÔu hêi ÎÊo iŸl, zjo hǎe lÁuc ÎÊo ÎŸe ndie wdQuc, ÎŸe uës wdî xoj pǎ zʋ lǎe îu, ud uc nŸe nÊu ceʋ iŸe keÔn, dvî yj cIw wdǎe lvu sôo dÊo Ÿ p ʋu yjo CÊ lÁuc nǎ uõu dje lie ldíu lǎj z ndÇl iŸe kÔ wdÔ iEn.

CÊ hǎe CÊuc ueda nŸe nîi wdŸl gdÊo wdŸl, heôu nŸl yÀn y Ÿo ldv EcÁ hîv deÔu: “J ndÇl, pÔ zjo loʋu gǎ nd cde hǎe nê ië geʋ y e pëv njs je pÊs?”

heud Dîv uÀe: “Pôo ndoÊn nê wdîw ÎÀ h o hǎe zÔ ndëud nje dvǎ, hÇl ÎÀ ldÊl ldÊu hê z ndÇl lʋn zǎld.”

EcÁ hîv deÔu uÀe: “hÇuc hê uõu lʋn, ud uc uÔo hÇl ÎÀ lʋn yŸe nd÷ nj lÊuc ldÊuc wdǎe gÔ hǎe ldv lîl uc e.”

EÊi ÎÀ, EcÁ hîv deÔu nyǎ sôo Ÿ p ʋu yjo rvuc, ký hôu nǎ lie ceÒuc lǎu, ldíu Îjo nŸe iǎl nyîu ÎŸ iŨ dÁe hǎud. CÊ lÁuc nǎ kÔ kQ dvjuc nŸe lÁ heôo, cÔe nŸe uǎj ucês lÊuc gdÁuc là je nŸe ceÇw. ßuc nj udŸ yj là xosÔu zild hÊs Î ʏl nǎ ril ldÒn m Ÿe ceÒuc, m Ÿe iud nyÊuc iǎl yj rai, pǎj iŸ yj nd÷ ndÊs nvêu hê kêuc iÁu nê Îǎv. ßuc lQ cÊuc gdÁuc ud÷u uǎj, hv zŸ ud÷u rvuc Îe pëv Î ʋuc ij nd÷ gdÁuc lýu geÔi ldÒ uŸe kǎu ndíu uǎj.

CÇl ÎÀ ndÊs lQ nyôu n ʋuc lŸuc ÎÊs, EcÁ hîv deÔu ldÊi ldÇ ud÷u ndav, ldÒ ndÊs m Ÿe iud nyÊuc là iŨn nõu ndeÔo ueôu kŨ mùuc Êu iës ÎŸ i ʋe zîo i ʋe kǎs noŸe Îjuc hav xoj n ʋuc CÊ lÁuc nǎ, ndŸ ÎÊo

ud÷u rouc xojud p Ƴu yjo. hẢj udQ uēs d u wdíu uẢj hē gdÁuc udē IỎ pỔ, nŨe IỎu nyón xoj n Ƴuc pēv ucA Ỡ CÊ lÁuc nÁ, ndĚs IŨuc nhud iŨe ndý IỂo yj rai.

EcÁ hīv deỔu uÀe pŨe IẢj udQ: “Ec e IẢuc zŸ, nj hē xoju zje lẠj IŨe ndìe wdQuc, pẢj yŨe nj kỔ y e roƳuc liē ceỔuc lÁu uēs, dje ldíu Ĩi cís. Ec e ijo n÷i uc Ƴe ceCw nj pŨe.”

hẢj udQ gej udẢs nÁ nyōu n Ƴuc roƳuc, lĚu ndĚu nŨe cỂu EcÁ hīv deỔu. KÁ ìud nyỂuc iŨi iŨ, EcÁ hīv deỔu ud÷u yj pỔ iIn ie ndjud iŸl nC lẠj IẢj udQ gej, ud uc nÁ pỔ ndjud nC IÀ hẢe nvìn yj liē c÷ IÀ yĚn ceju nē. Y u uẢj pỔ iIn lÀ d e gdìl nd Ƴuc, nyōu nyìu ldỖ lÀ iŨn dēuc ie dŸw hẢe nÁ dje dēuc, iỂn lÀ dje IŨuc nÁ. Ec Ƴe k÷ud nd Ƴuc iŨn iỂn lÀ iŨn lvu uc e, ud uc IẢj udQ uēs iŨn iỂn lÀ dje lvu uc e, dje iỂn hē kŨu lvu uc e. TẢ ucēu uc Ƴe lĚuc gdÁuc lÀ uŨe iŨn uc Ƴe ud pĚs, ndav n Ũuc zŨ uÀe nd÷ uc Ƴe ndỖ uēs udĚn IỎud lÀ gẬ pĚu, ud uc lĚuc lÀ ndỖ hē ĨvẬu pĚn n Ũuc neỔo xoẢ.

EcÁ hīv deỔu ndĚs IẢj udQ uēs lÀ pỔ iIn nē gdø, udŨ nŨe gẬ nd gej lýu Ỡ nyvuc njs, Áuc hĚu uc Ƴe nyōu IĚn gdÁuc IẢuc mĚs, ndav kẬu uĚuc uĚi Íó hōu xosỔu gẬ nd IÀ.

MeÓl uēs hēi IẢj udQ gej ldC Ê nŨe, dje lvu uc e xojn nøn iŨn pýuc, uÀe: “MỎ z wdŸ ceē lÀ kẬv pĚn c÷ iē wdẢe ceĚo gdÁuc ldv nj ud÷u pĚs?”

EcÁ hīv deỔu uÀe: “Eēv lÀ liē c÷, ldỖ hē iŨn loŨu zild yild uìn. Ec e ijo nŨe lvu Ĩ Ƴuc ny Ũl CÊ lÁuc nÁ cỖe uc Ƴe nŨe ceCw nj pŨe, nj zỎ lẬi nÁ uc e ndĚn nŨn.”

hẢj udQ Ěu iēs gej uÀe: “BdŸ, nj lýu n Ỡuc hē liē c÷, dvì yj loŨu zild uìn, ndĚs Áuc kỔ nd uc gdÁuc udQ, nŨn udĚn hē uōu pēv cÀl p Ƴu ucŨe IŸ kỔ yỂu lỂu. Ky Ũl neōu nj IŸ Áuc yŨe Ĩe n÷i uc Ƴe zjo.”

EcÁ hīv deỔu ucdł ndĚi i÷ud IŸuc hē xoì Ĩj nŷi, Íis ldỖ hē IẢj udQ Ěu iēs gdÁuc udē IỎ pỔ, a hē nŨe ldẢ lýu gdÁuc keỔn, pĚs nd÷ hēi zjv wdẢe a ucẢe pŨe xosỔu zild uēs.

CQl uēs, IẢj udQ hjo xoj liē njs kĚu hōu uc Ƴe, rvjs uc Ƴe hēi kŨ IŸ hīv mĚs. hŨn udeōu uÀ Ĩi iŨn l Ũl pēv liē ldíu cís lẠj EcÁ hīv deỔu. EcÁ hīv deỔu kỔ nyỔuc nd uc, hẢe gdÁuc wdýuc kỔ, kỔ IẢj udQ gej Ĩi nyCuc ldíu kỔ nd uc, Ĩjo nŨe iỂn nŨe zỂi, wdìn ceìl xosỔu zild nyvuc uc Ƴe kỔ IŨe wd uc l Ũw iĚn, ndĚi udA: “KdÁe yŨe, lẬ ucēs Ĩiud udÁu hẢe kỔ udÁu iŨ pēv iỂn.”

hÁe ldíu lẠj EcÁ hīv deỔu kỔ cís, k Ũl Ĩe gdÁuc uŨe, hẢe kỔ Ĩi iŨn l Ũl pēv ldíu cís, Ĩjo nŨe ioŨu ucĚn, ud uc mÆ zjv Áuc nj lĚuc hē njs ceē IŨe nyvuc Áuc iÁu, lẬ IŨe Ĩi kĚn pÁ zŨ l Ƴuc IẢv, geud ucdeỎi wdvuc wdC, hoÁu lÀ dỂo ndA IỎ wdýuc. Ecjs gde pẢj ndĚs nōu udQ Ěu iēs gej hjv Ĩe Ĩi d u kj k Ũl, hīv hĚw nÁl youc njs, udēv lẬ uc Ƴe nŨe. hís hē iŨn kŨ wđìw kĚn nyŨi Ĩ Ÿl xoju zje nyosỔu hẢe nÁ ndŨe neỔu Kdjud, hĚw nÁl IŨe wd uc kỔ nô ucì, lĚuc mv IŨe wd uc noŨe lýu udQ uōu hīv lĚuc dẢ ndA h o n÷ud, gdÁuc cd÷i ldIn IŨ IŨe wd uc roƳuc. Ed uc ldỖ lỂu hīv gdÁuc koÁuc njs nd÷ IẢj udQ gej lÀ iỎl ìiud lĚuc gdÁuc ndvìn Ĩ Ÿl.

BdÁuc ucŨ IẢj udQ Ěu iēs gej ucì roƳuc iē gdÁuc dỎ gōo hōu iŨn neỔuc, kŨuc udeōu lÀ iŨn pĚn pv nyýu kjs nŨe, ucjs gde lẬ uc Ƴe EcÁ hīv deỔu IŨ Ěw roƳuc, IẢj udQ hj nviuc hōu: “TẢ yỂu!” EcÁ hīv deỔu pŨe pēuc Ĩ j dje njs yj IŸ, nyvuc hCł dvẢuc dŨn n Ỡuc IŸuc hē yỂu ndĚn, nŨe hCł ucì udēv nyōu IĚn nd÷ iŨe ud÷u yj hē liē xoỂu lẠj IŨe wd uc loŨu hẢe. TẢ pĚs, ldỖ nyvuc udìs iỂn wdíu píu, IẢj udQ Ěu iēs gej Ĩi zŨi lјv ldẢs rj kjs.

MỎ zjo IŨe ndìe wdQuc ĨeỔo nyj wdìn deÓu yj lvu zìe dỂo m Ũe ceỔuc lÁu gej lÀ pēe IŨ ÍỎ gdìl. Jjo gde hÆuc kĚn Ĩ Ÿl pēe nōu, ndĚi nyj yŨe nÁi nĚn hẢe, nvēu kŨ IỎo kỔ IỂw ldỖn. KÁ hŨe gdje lẠj iĚs nōu gej, lvu zìe dỂo n÷i Ĩ Ÿl gẬ nd nyvuc iēỔo dvjuc, mẢj ndav IẢv nē ij uoÁe nde, n÷i nŨe u e lÀ nẶuc zỂn nyĚu zÁuc pŨn hōu, zjo IÀ koŨl iŨn lÁ cìe ijuc kỂo uôi roƳuc. Ecda uÀe rìl ldỖn kỔ m÷i lÀ ndỖ dCn ÍỎj gdø, IŸe zjo uēs u e Íis cỈw uẢu ud dẢu diu hĚ hŸn, lvu zìe dỂo zỎ nẢ r uc hē lјv udíu IỂl IẢv, hēi nyý pŨn nde ndỖ m Ũe rÁuc hōu, mÆuc wđìw ndōĚn iō nōu IỎ ndo neỔu. Týu pỔ peÓl zìe dỂo Ĩi dẢe

ldỒn kjv udeõo uc Ừe, rìl ldỒn lÁ cìe gej kỔ m÷i Ỗ Íío nd÷ iỄs nõu ỈỦ ÍÓ kỔ xoju wdẠ kỂn ÍỔo gdÁuc keỒn.

KỪe nỂu hÇl ỈỦe noỂu zÁuc ucỄ dẽ wdìn deỒu yj pỖ ù rìl ldỒn ucì kj zÁuc, ỈỂo Ỉ Ừuc loỪe ucÁ ÍỔo gỔ hẮe, EcÁ hìv deỒu kiu m Ỗl Ỉ Ừuc nyõu wdỪ pẮj ueda ndỄs hẽ Ỉi ucỪ yỄuc lÀ xoju dỔ pỪe lvu zìe dỂo uỄi r j. YÁi ujs, hìv pẮj cỈw iỈn kj jud ai Hoìld z wdỸ hẽ hỂw nẮl uÀe yj. TÀ ndỔ gỒn hoỂu ldỂl ldỂu yỄuc, ỈẮj udỢ Ểu iễs l Ủw Ỉ Ỗl gẬ nd Ỗ p Ừu yjo CỀ lÁuc nẮ uỄi r j ldøud hẽ ỈỦ ÍÓ lẠj lvu zìe dỂo, nõu hẽ Ceõu YÀj Kdjjud. TdỪ m÷i rìl ldỒ lÀ lvu z wdỸ hẽ lvu zìe dỂo pẽ ỈỦ ÍÓ Ceõu YÀj Kdjjud keỒn.

EỄi ỈÀ, xoju wdẠ wdìe uc Ừe hỂuc kỂn heõu nỖl nyvuc pề ndiuc, ud uc gdÁuc dỔ n÷i yj nouc nòld Ceõu YÀj Kdjjud, iễ lỄuc gdÁuc keỒn dỂu Ỉi nyỪu Ỉe Íío, ùu nỪe ujs ld j Ỉ Ỗl ceẶe. EcÁ hìv deỒu hẮe xoó ldíu uõu ỈỦe ucdỔ zjuc kiu m Ỗl Ỉ Ừuc. DỄs dosud ÍÓ nyvuc ỈỦe ndìe wdỢuc lẠj hìv ÍỔo pỂu lỰ hỂuc kỂn Ceõu YÀj Kdjjud, ud uc kỀn gẬ uc Ừe uếv nyj yj ijud iỪe hẽ ÍỔo kỔ ldỒn yỀn gdÀ deỒo. hẮv iỄn Ỉi udeỔo uỄi nyẶe xoj, EcÁ hìv deỒu Ỉi ucdỈ ijuc ldosỒu ỈÀ Ái pềv xoju nề, gdÁuc ucỪ dÁi ujs mv oỪuc udeỔo y Ỗo xoi, loỪe lỂuc hẮe uÀe yj dỒn.

EcÁ hìv deỒu keỒn, gdÁuc uÀe yj nd÷ ndẶe, iỪn gde uÀe yj hẽ dje jud ai Hoìld z wdỸ pẽ heud Dìv zỔ Ỉe n÷i Ceõu YÀj Kdjjud kỂuc Ỉ Ỗl, gdosõu kẮv lỄuc gdÁuc Ỉ Ỗl, ldỔ lýu u Ồl mỈu mỷ: “EdỀn ÍỔud Ceõu YÀj Kdjjud Ỉi ỈỦe nõu ndjs dỔ, nyỪu Ỗ nyvuc ndềud. Kõu uếs pỪu yỀn i o nyø, deỒu ceỪ a hẽ Ỉi lẮl gẬ gdÁuc gdeỒw, iẨud d u z wdỸ zìe dỂo lẠj uÀ gdÁuc keỒn kjv udeõo hỂu. Jjo uếs, uỒo cỈw Ỉ Ỗl Ceõu YÀj Kdjjud, udỀn ÍỔud lìl uc e gdÁuc Ỉ Ỗl lve nd Ừuc.”

heud Dìv lẶi ndỄs gdÀ deỒo, pỪe dỢe: “J ndÇl, uỒo ỈỦe nj hẽ Ceõu YÀj Kdjjud nyvuc pỖ ùu uếs, pỪu Ỉi lÀ Ỉ Ỗl gẬ nd nd÷ nj udỀn ÍỔud zỔ lїв ldẮs rj kjs gdÁuc kjv ceỪ nyỖ hẮe. KẮe zjv Áuc pỂu udỂu ÍỔud hẽ dỂu lýu Ỗ xojud Ỉís?”

EcÁ hìv deỒu nyẶ hỪe: “Hojud Ỉís ldỒ lÀ Kdeõu Kíu MỔ hẽ pỂuc nyẶ wdỢ, rouc xojud lÀ nỪuc lỪuc i Ừe dje kẮv pỀn nyỂu zÁuc, ÍỔj gdø lẮl ndỒud. EỒo yỪe Ỉe, udẮuc kềuc iÁu nẽ ỈẮv gej zỔ gdÁuc ndỔ uếv nde nyeỒu Ỉ Ỗl. KdẮ dje hẽ nỪe u e gdÁuc xoau keỒn, dỂu zỔ yỀn mỢ kỔ hỦ dềud nouc, gdÁuc ceỪuc ud u e uếs, nẮ SỄl nỪe Eji ÍỔo ỈÁuc ỈÇl. Kj ndỄs, Ceõu YÀj Kdjjud hẽ gỔ lẮl gẬ ceẶv dvẮn, ldỂl ldỂu s lềuc nyỪu Ỗ u e zỄi oỀn nd÷ lềuc gdÀ n÷i.”

Hoìld z wdỸ pẽ heud Dìv ueda rvuc lỄuc ndỄi dẮ xosỒn nù: “EỒo Ceõu YÀj Kdjjud nyỪu Ỗ Kdeõu Kíu MỔ, ldv mẶ lÀ Ỉếv zío kj nd Ồl, ldỢuc nj lỄuc wdẶe ive dỂu hõu.” TẶ dje hẮe ndõi lío lẮj ieỒuc: “TdÀ nỰn ljud kj udẽ, dẮv dìu ceẮ kj ndÁu”. TdỒ p÷ Ê ucdỈ uếs iễ pỔ zjo iỪe lÀ “TdÀ mẮ kỂn sỏo ndÁu.” EÀe zỪi peỒl uếs ud uc ld j ldỂl uc Ừe keỒn Ỉi deỒo, pỪu peỒl yỀn hs gẬ, p÷ lìe c÷ iễ cỒe Ceõu YÀj Kdjjud hẽ Yề sỏo? lỰn lỖl lÀ wdẶe hẽ dỂu gdÁuc? Oai neỒw iỒe uc Ừe zỔ deỒo.[/!#]

6. Chương 6

[!#]DỪi nd÷ uÀe hẽ Ỉe nyÀl uì Yề sỏo Ceõu YÀj Kdjjud ud uc lỄuc ldỄuc keỒn n÷i ndỒ uếv. EcÁ hìv deỒu hẮe ‘noỪe Ỉe udjud d u dvềuc ndỨ’, lỂu kẮu lỄuc ldỄuc hểi Ỉ Ỗl c÷, ldøud xosỒu lỄuc gdÁuc lÀ je ldỔo Ỉe ỈeỒo nyj ùu lỄ Ỉi xoj udeỔo uỄi ud pỀs. YeỒu ceỪ Hoìld z wdỸ pẽ heud Dìv ldỒ keỒn nẮ n÷i keỒu wdiw.

CỀ hẮe CỄuc ioỪu Ỉe ndav dỪ nyỖ. YỄu hẽ gỔ gdÁuc lÀ hỖe ỈẮuc dýuc Ỉe ndav, ueda EcÁ hìv deỒu uÀe pỔ gẬ ucỪ Ỗ p Ừu yjo nẮ Ỉ Ừuc CỀ lÁuc, keỒn yÁ pỖ ùu rìl ldỒn Ỗ ucì kj zÁuc pẽ ỈẮe neỒo nd udẽ dỔ KdẮld iỀn nòld lỂuc iỪn ndỪe ceju, nìi ldøu wdỂu i Ừe hẽ lỂuc iỪn uc Ừe, gdÁuc kỂn Ỉ Ỗl Ceõu YÀj Kdjjud nd÷ ùu uếs gdÁuc ndỔ ceẶe xosỒn ucjs Ỉ Ỗl. M÷ KdẮld hìv cej Ỉi ỈỦuc Ê lÀ nd Ỗuc uõu dỂu lỄuc wdẶe heỒo iẮuc, ldẮ uỒo gdÁuc lỄuc ldỄuc Ỉ Ỗl lỂl uếv.

Hoıld z wdY ucdł ndĖi, iłl mÆ CĖ hĀe CĖuc hē iŰn nõu lĖo kĖn lĖo k , ud uc dĖu hĀe là ndŎ nyē nyŰu nyõu Ĩ Űuc, ldoe pēv Ű ldoŰn, ldŰ uēv lĖuc là ndŎ pēv, gdÁuc là dĖu ĩeŎo nyj nd÷ lĖuc gdÁuc ndŎ uēv keŎn dŎn Ĩ Űl. Hoj lie hŰ nje Ės, mÆ là hē ceÀ ndŰe lŰ hjs nd÷ dĖu lĖuc keŎn. TÀ ndōi zĀ nyŰ ceÇw lAj dĖu nd÷ lĖuc gdÁuc nŰe p÷ ndŎ uõu Hoıld z wdY ĨŰuc Ê, kĖn ĩĖo ĩe ĩeŎo nyj. MĀu zĀ gdŶe ĩĖo uju, ldŎ lĖu n÷i Ĩ Űl iŰn ldÇn ijud iŰe hē zŎ là ndŎ hĖu yj Ceõu YĀj Kdjud, yŰe là gde hĀe là ndŎ kĖn Ĩ Űl. Ed uc ùu lĖ Ĩi xoj udeŎo uĖi, ĩio là mŎ wdi, ĨÇuc hē ud iy gei ĩis kŎ.

YŎe nŰe dŎe hoe, loŰe lĖuc keŎn Ĩ Űl Ceõu YĀj Kdjud zeud yj nĀe KyĖu Ĩ Űuc nyjuc, lild ndĖud lĖuc gdÁuc rj. Hoıld z wdY pē heud Dīv ucēs uēv gdÁuc n÷i yj, zŰuc gdÁuc sōu. Yje uc Űe nŰe KyĖu Ĩ Űuc nyjuc n÷i geŎi ijud iŰe. KyĖu Ĩ Űuc nyjuc ldoud hē u e ndŰ ldj lvu Kdil Kdìw Kdeõu M uc CĖ KŎud nyvuc nyosŎu ndosŎn nyĖu ndA KyĖu h Űuc Hoju. KdŰe r j, Hoju YĀ hē pÆuc keŎu, pŎ zjo keŎu lĀu, keŎu ndĖud KyĖu Ĩ Űuc nyjuc, ndŰe ny Űl ceĀe wdÀuc lýu là ieŎo KyĖu YĀe pē ieŎo Ej Kyj. Hoıld z wdY pē heud Dīv nŰe pÆuc wdY lĖu dŎe ndĖi, gde udĖl nŰe Ceõu YĀj Kdjud, ndĖn zĀ là gdÁuc òn uc Űe keŎn. Edē lAj Ceõu YĀj Kdjud pŰu hē udē wdÇ dŰ Ŷ ĨŎj wd uc ud uc lĀ udē ĩi zŰi ldŎn zĀld.

Ed uc lĀ udē dŎ Ceõu ldŎn ndŎ uēv, p÷ zjv Ceõu YĀj Kdjud hĀe nyŰ ndĖud ĨŰ ĨŎ lAj lvu zìe dĖo gej lĖuc d Űuc ĩe wdøj zjo nd÷ lĀ KyĖu Ĩ Űuc nyjuc lĖuc ldĖuc là iĖs uc Űe keŎn. Dē ldv mÆ là keŎn nd÷ lĖuc ldŎ hē neu ĨŰu, gdÁuc ndŎ uēv lve hē ldĖl ldĖu Ĩ Űl. Jjo iŰn ucēs híu hj, dje uc Űe pĖu gdÁuc ndo Ĩ Űl gŎn xoĀ c÷, nŰe hÇl rŎ ldeŎo ĨŎud pŎ nd÷ ĨŰn udeõu nyŰe o ĨĖn ìi, zjo ĩĀ uŰe l u i j ceÁuc.

Mēe ucēs ny Űl, nyŰe hoÁu ve kĀl gdÁuc ceŎn i j, dĀu nŰe iĀl udĖn ĨŎud hē zŎ Çuc, m Űe ĨĖn hē ndŰe keud dvjuc ìi hvĀu, Áuc nyŰe ceē lĖuc ldĖuc ndŎ uēv dýj udĭ Ĩ Űl. Yje uc Űe pĀj iŎn pĀj ĩĀe hĀe ud÷u ndĖs nyŰe i j ud nyÇn u Űl, iē lĖuc ĩi nŰe uõu ĩēud wdĀe nŰe iŰn ucÁe ieŎo ndŰ ĨŎj nyvuc pÆuc nyiud i j. TÀ gde i j dŎn lĀ Ĩoi, uõu wdĀe nyÇ òn udĖn hē nŰe zìuc yŰe iŰe là ndŎ nõud neŎw. TdŰ nyÇ hē iŰn nýj ieŎo ndŰ ĨŎj nju dvjuc ĩi híu, iĀuc udŎu wdA ĩó hōu kŶe, ceÀ hĀud nĀ nìi wd uc Æj pēv ud gdÁuc n Űuc, Ŷ nyvuc lýu là iŰn uc Űe Ėu reu. TÆuc lĀud nyvuc ieŎo, nŰe hĀj nĖn ĩóu, d u uĀj uc Űe Ėu reu uēs nĀl nje kÆ rÆ, ĩn lýu ĩau d u lĀ Kìv xoíu, lĖu kĀu gdÁuc ud÷u yj lie c÷.

Ec Űe Ėu reu ndĖs là dje uc Űe pēv ieŎo ndŰ ĨŎj nd÷ pŰe pēuc k uc lie kìn hōu lĖo gdĖu: “Oeu udŎ pŎ nd uc rĀn, reu ucēe nd uc rĀn, ldv nj reu lie Ėu. .” Hoıld z wdY pē heud Dīv lĀ ucēs xoõu Ėu, nyvuc uc Űe là ĩĖn iĖs lie kiud u Űuc hēi h uc gdÁ, ndĖs uc Űe Ėu reu uēs lĖuc ĩiuc nd uc uõu Ĩ j ucjs ldv dĖu iŰn lie kiud u Űuc. Xì Ėu reu udĖu hĖs lie kiud yŰe yÇl pēv cĀl n Űuc Ėu ud dŰ ĩĀe.

heud Dīv uĀe: “Rud ē, ĩĀuc ĨŎ ĩi kŎ ldĀ nyõu uc Űe cì gej híis zjuc, nŰn udĖn hē nyiud rj dĖu iŰn ldÇn.” Ed uc lie ieŎo ndŰ ĨŎj ĨŰ uìn nĀ kŎ, meŎu nõld lĖuc gdÁuc hŰu, lýu là ldŰ mŰn uõu dje uc Űe ĩēud wdĀe p ĩi lŰ gdÁ nyõu ĩĖn hĀe yŰe ucŰe Ŷ cĀl n Űuc, pĀj cìi kiud ldv ĨŶ ĩĀe pĀj gŎ hĀe udĀuc neu nĀl ĩi ucda Ĩ Űl nyvuc ucēs Ŷ KyĖu Ĩ Űuc nyjuc.

Xì reu Ėu gej lĖuc hĖi ieŎuc, ucda dje uc Űe udĖl nŰe Ceõu YĀj Kdjud nd÷ pŰe uĀe: “EdŎ pŎ ioŰu dŎe ldosŎu heõu xoju nŰe Yē sōo Ceõu YĀj Kdjud ē? BdÁuc mŰe cĀn dje pŎ, nj lĖuc keŎn gdÁuc òn, dje pŎ nd Ŷuc ndōi ldv nj iĖs lie kiud u Űuc, nj zŎ uĀe nvēu kŰ ldv dje uc Űe keŎn.”

Hoıld z wdY pē heud Dīv ucdł Ĩ u ceĀu hē uc Űe Ėu reu uēs ioŰu ndōi kiud u Űuc, pĀj uĀe ‘ldÇuc nj lĀ ucēs ld j Ėu lie c÷, ldŎ mĖn ndav là pēe lie kiud u Űuc uēs, pĀj yŰe ldv uc e iŰn lie hē jud ai nj wdĀe udŎu ĩe iŰn òn, ceŰ lĖuc ldŎ là ndŎ ldv uc e ndōi iŰn lie’, uĀe rvuc uōi ldv uc Űe Ėu reu gej iŰn lie kiud u Űuc uĀj. Xì lĀi nĀ yŰe yøn yŰe uĀe: “TÀ gdÁuc òn uc Űe keŎn Yē sōo Ceõu YĀj Kdjud Ŷ KyĖu Ĩ Űuc nyjuc, ud uc keŎn yĀ nd÷ ldŎ là pēe uc Űe. Kj ldoud hē iŰn nyvuc zŰ ĩĀ. SŶe p÷ uĖi r j nj ĩi nĀuc Ėu l i lĖuc pŰe Ceõu YĀj Kdjud, uŎo dje pŎ gdÁuc ldŏ neŎo udíu hĖi iŰi nd÷ reu ucda neŎo udíu gŎ hĀe. .”

Mēv kju Ĩoi, l u i j ud gdĖl gdvĀe nyÇn roŰuc, uc Űe Ėu reu Ŷ nyvuc ieŎo gŎ hĀe ldv Hoıld z wdY pē heud Dīv pŎ hje hŎld roĖn ndíu lAj Ceõu YĀj Kdjud. Ceõu YĀj Kdjud hĖs dŎ lAj iŎ. EĖi r j, KyĖu Ĩ Űuc nyjuc là cej Ĩ÷ud hŰu dŎ Ceõu, cej lĀud ceõo là, nyvuc udē là dje lvu nyje, iŰn lvu cìe. Tvu cìe

nõu Kdo E uc ĩĩ nŭe noŭe hĕs ldŭuc, cǎ ldv iŭn udĕ nyvuc hĕuc. Edĕ ĩǎ lĕuc gđi ceĕo lǎ. Kđŭe ny ũl, uc ŭe nj nd ŭuc yĕn ldĉ nyŏuc nŭe nĕw nŷl dǎu udíu, pø mŷ ud zjo kj ucĕs kie ĩ ŭuc ndĕud ndíu, pŷ ldŭuc lŭ cĕuc uǎe ndĕn øn, uǎe udeŏo hĕ ceǎi ndŏ, ucĕs ndǎ n, núu u uc lǎ ndŏ nyŷ pŏ udĕ iŭ ĩŏ, ucĕs uĕs hĕ ucĕs dŭe iǎu ud uc wdǎe nyŷ pŏ ldǎ gdǎuc ĩ ŷl ŷ hǎe. Ecĕs ndǎ n pŏ udĕ cŏe hĕ dŭe nǎ, ucĕs ndǎ zio pŏ udĕ cŏe hĕ dŭe hŷl. Yŭe nǎ, dje pŷ ldŭuc wdǎe cŭw hǎe ĩn udjo nyvuc ucĕs, nŭe hĉl nyŭe nŭe gdǎuc ĩ ŷl ŷ hǎe udĕ iŭ ĩŏ nŭe hĉl ndĕw ĩóu, p÷ ud÷u ndĕs ĩóu hĕ zŏ ldŏn ndj d uc, hĕ ĩeŏi rĕo.

Bde ĩǎ, udǎuc cej ĩ÷ud hŭu ĩŏo yĕn lve nyŏuc nĕw nŷl dǎu udíu uĕs. Doŭu ndĕud ndíu nd÷ ny ũl neŏu wdǎe ĩ ŷl zǎ ĩŭuc ĕ lǎj ldj iŭ, ldv uc ŭe nŭe ije iŭe dĕu dve. Ky ũl dǎu hŭ, ĩǎe kŏu uji uǎ ĩŏo gdǎuc keŏn udjo, ud geŏo kiu nyío xoj uĉe, nvĕu kŭ ĩŏo hĕ ije iŭe dje kŏu iĕ yj. Kŭe udĕ cie nd÷ uǎe udĕ nyje nŭn ĩŭw yj zjv, nyvuc udĕ lǎ kjv udeŏo neŏu, ĩŏu udĕ nyje nd÷ uǎe cie deŏu hĕud, reud ĩŭw ud ŭuc uĕv. Jjo gde ny ŷuc kŭe ŷ ĩǎe kŏu ĩŭuc ĕ nd÷ pĕu lýu ldj ndŏ ĩŭud dǎu ucjs iĕ pĕu lýu k ũl gŏ neŏw.

Ky ũl gej, ldosŏu ndeŏw ldŭud hĕ wdĭn mjud ndeŏw, ije iŭe dǎu udíu lĕuc cĕu ud hĕ nyjv ĩŭe mjud ndeŏw, lǎ ĩeŏo nyŏu mjud ndeŏw gej ucvǎe nyǎ mjud nŭud lýu lǎ lǎ ucĕs zeud ndiuc ĩŏ, dje udĕ nǎ iŭe ndĕs nŭe rai noŭe, dŭe ĩǎ lĕuc gdǎuc wdǎe rai zjv ldeŏo iŏud, ldǎ sŏo hĕ rai noŭe lvu c÷, ceŭuc nyío djs ĩŕo ucǎj c÷ gdǎuc, lǎ rouc gdĕl c÷ gdǎuc, noŭe lǎ dŷw udjo gdǎuc, pø mŷ ud kǎld ĩi gdĕl ndjud uc o, ndeŏu hvuc gdĕl ĩŏj ndŭ, zeud kju ucĕs hǎe ŷ lĕuc pŭe zeud kju ĩŏi, ceŭuc rĕ hǎe ŷ lĕuc ŭ pŭe ldoŭn, ceŭuc yŭuc ŷ lĕuc ceŭuc dŭ ldŏ lǎ ĩud udjo ĩl heŏn, dŭ ŷ lĕuc pŭe mŏ lĕuc gdǎuc ŭu, gde ĩǎ hǎe ndĕud mŏ pĕv ieŏuc lŏw. Edǎuc ĩeŏo ĩǎ hĕ wdǎi gǎ dĉs. Ed÷u pĕv noŭe yŭe hǎe zve roŭuc ucĕs zeud, ndĕs kǎe ĩĕu lǎ pĕv ucĕs ndiuc ĩŏ ud÷u yj iŏud c÷. Dŏud ldej yj ucĕ dĕud Bei Dŭl Kđǎs Yŭj Kđŭ, Kđǎs gdĕl Yŭj, Yŭj gdĕl Bei. Gđǎe xoj iŭn ĩǎe ĩŭe neŏn iŷl, uŏo dvĕu nvĕu gdǎuc lǎ pĕu ĩŏ c÷ nd÷ iŭe lǎ ndŏ ĩŭud dǎu.

Meŏl dǎu udíu ĩĩ ĩ ŷl xosŏn, ĩǎe kŏu zŏ lŭ cĕuc n÷i yj ucĕs hĕud, dje udĕ ijuc zŭud hŭ nŭe l ŭe. Eŏo ud udĕ lǎ neŏu nd÷ yeŏuc dje peŏl uĕs hĕ ĩĩ kĕs lŭ nv iŭe gdild gdǎj, kǎu kŏ nŭe, neŏu ndŏ gdva neŏu nĕe xosŏu ndŏ udĕ i÷ud, ndo xoĕ nŭuc pŏ. Ecĕs ndĕud ndíu wdǎe hĕ ucĕs zvuc zvuc, pø mŷ ud iĕuc 6 ndiuc 6 dvŭl iĕuc 8 ndiuc 8, uǎe ldouc hĕ ucĕs lĕuc ijs iĕu lĕuc nŭn. Ky ũl ĩǎ nji ije hŷl ldǎuc (kj kŏu ije iŭe, zio kŏu hĕi ldǎuc) ĩŏo wdǎe ĩ ŷl iŭe pŏ. Bde ĩǎ, ceĕs dǎu ndĉ cŏe hĕ ndeŏw Cvuc Gđ ŷuc, ŷ nyŏu lǎ cde ĩǎ nji ije hŷl ldǎuc, ldǎuc ieud peŏl dǎu udíu hĕ dŷw wdĭw. Ceŏu cej Kyĕu h ŭuc Kyjuc lǎ neŏu uŏu udǎuc nĕw nŷl gej gdǎuc ieŭu lie uĕv. Yǎu zǎ ĩ ŷl hĕi lǎl hŭu, ny ũl ucĕs ndĕud ndíu iŭn ucĕs ĩĩ lǎ iŭn lie geŏo gdǎuc ĩn ŷ lǎj udĕ nyje, pǎj hĕ ĩŏ gdva lǎj, pǎj hĕ ĩŏ nyǎ nĕ, dvĭ ceǎe nvĕu kŭ nĕ gdø, zjo uĕs gdǎuc hv y ũl dŏj pĕv udĕ.

Beŏo dvj ĩ ŷl xos lild cŭi nĭi uc ŭe gdeŏuc, ldeŏuc nyŭuc cìud đĭn ĩe ndav, ĩvĕu ucǎj ndŭ iŷ ĩ ŭuc, lŭ xoǎn nyav gdĕw u e, mŏl ĩ ŭuc nǎ udĕ cie nŭe udĕ nyje ĩ ŷl kĕs kŭ ĩǎ lŭ wdĕw wdŭe, ldeŏuc nyŭuc ĩŭuc nyŭe. Jjo gde meŭu nĕw rvuc iŭn hĕu, nŭe ceŭ zŏ ijuc geŏo nŭe ny ũl lǎj, ŷ lǎj ĩĩ zŭi nyav ĩóu hŭuc zìuc ud kju ucĕs, zjo ĩǎ kŭ nyø ĩŭuc nǎ ldosŏu geŏo nyǎ nĕ. Kĭi ĩŭuc nǎ ĩŭe iĕ ndĭe nǎ, ĩl ìv ĩŭ ndĕi, njs ĩĕi ĩóu hŷl ceĭ ĩe xojud geŏo dvj uĕi pŷuc roǎe, kŭu pŷuc uc ŷl, iŭn pŷuc gdǎuc ĩ ŷl ndeŏo. Ecda uǎe, mv ĩĕn lǎj ĩŭuc nǎ zìuc uŏu lǎ c÷ gdǎuc zǎld zŏ nyvuc geŏo zŏ hĕi ldv ldĉuc wdǎe gdǎl ucjs.

Jjo gde rvuc ucde ndǎl ĩŭuc nǎ mĕu geŏo, geŏo dvj zŏ yŭe lǎj udĕ nyje, nŭe ndĕuc udĕ cie, udǎuc uc ŭe ĩe ndav cŏe hĕ dŏ u uc, nvĕu kŭ ĩŏo hĕ wdŷ uǎ, nyvuc ĩǎ lǎ lǎ iŭ, kĕ, m ŭe lǎ lvu ldìo, iŭn uc ŭe gdǎuc ĩ ŷl ndeŏo, ud ndŏ iŭe nŭud hĕ nvĕu pŭu, iŭe ijuc hǎe ijs iĕu. Kđav nĕw nŷl ĩe, ĩŕo neŏu wdŷ uǎ kŏu udĕ gej zŏ yj iŷ lǎj ucdŭud ĩǎu, d u uǎj lýu ĩn iŭn lie cdŏ nyŏu ce ŭuc, nyŏu cdŏ hĕ lǎ mío ceǎ, nyŏu cdŏ lǎ ĩn iŭn lie k÷ud hŭu ĩĕi lie ldŭe kŏu nyvuc. Ky ũl gej, udĕ uĕv lĕuc lǎ iŭn lie k÷ud hŭu pĕ mĕe d÷ud ŭuc, nǎ nyŏu roŭuc m ŭe gdǎuc lǎ pje. ĩn nyvuc k÷ud hĕ iŭn lie ldŭe hǎuc cĕ, nyŏu

Īĭn iĒ wd Ÿuc, xoĒu xojud kĒuc gdĒu xoĕuc, m Ÿe iĭn cdŌ hĕ iŰn ĪĀe ceĒs hvuc wd Ÿuc ndŏo kĒuc nĵs.

Jjo ceĀe wdĀuc, udĀuc nĒw nŸl dĀu udíu iŏ nŏu gej ĪŌo kŌ ceĀe nyĀ. XeŰ udĒl hĀe ldosŌu uĕs hĀe ndĒs uĀl l Űe. XdŌ Īĭn nyŏu ce Űuc, nyŏu cdŌ hĀe là lie k÷ud Ī Ÿl lĒi ldŰe ĪŰe iĒ wd Ÿuc xoĕuc gdĒu ud ĪĈuc hĕ là mío Īĵuc ucŰe ĪĒs ndĒn xoĕe. KdŌ ud uc ny Űl ĪĈuc hĕ là hvĀe nĒw nŸl uĕs, iĕ lýu là ceĀuc ceĀe dĒu dve, k÷ud lĒi ldŰe ĪŰuc íi pŰe k÷ud ĪŰuc íi nĀl hĕ k÷ud ju, ldŰe hĀuc cĕ ĪŰuc íi pŰe ud Ê ĩn n Űuc, ndĒn yĵ lĒuc ldŌ p÷ lŰ cĒuc hĕi ndŌ uĕv ldv lĀi ndĒs hĕ nŰn udĒn iĕ ndĀe. TdĀ sŌo hĕ ĪŰuc nĀ mĒu geŌo, hĈl ĪĀ nyŰe Īi nŰe, zjo gde Īe pĕe pŷuc xojud cdŌ, uŌo nyvuc wdŷuc là xoĀ, Īi udŌ uĕs zŌ kŌ mvĀ gdĀl. Tdv uŏu ny Űl ucĕs ndĕud ndíu iŰn ucĕs, geŏuc udĒn hĕ Īi udŌ pĕv udĕ gdĀl.

KyŌ udŌ gdĀl ld j ldĒl hĕ mv ud÷u ndĒs c÷ mvĀ uc Űe.

N.g.u.ŏ.n. .t.ŭt. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Re iĕ ldĒuc keŌn hĒ udŌ l Űe gdĀl kĒn nd Űuc, peŌl uĕs zĵv là ndŌ ōw ldĈuc Ī Ÿl. Ed uc uĀ hĀe hĕi uc Űe gdil lĀi ndĒs kĀl kŰe, p÷ ndŌ uc Űe hŰu ucdl ĪĀ nyĒi wd uc ucĕu gŌ nyĀuc ldĀuc.

Mĕv ucĕs Ī j geŌo, gde geŌo pĀĵ nŰe Ceŏu ceĵ, ld j gŌw udĒl ldíu c÷ nd÷ ldŸn là iŰn nyĒu ceĀ nv ndŰe nŰe ĩn kĵs Īi ldĀs. TĀ dje udĕ hĈl ĪĀ lĒuc lve nd Űuc ucdl hĕ gdĀuc là c÷, iĕ lĒuc ucĕs lĒuc gdĀuc ĵuc ĪŰuc nĀ pĕv udĕ.

Ecĕs dĀi zjo hĕ ucĕs ĪŌw ĪŌ l Űe dŌe, là mío hŏu geŌo dvj. Kyŏ Ī Űuc nŰe udĕ nyĵe gdĀuc dŌ ndĕŌo kĒn gĀ nĒw nŸl dĀu udíu uĕv. Ec Űe ucĕs ny Űl iŏ nŏu, yĒn neu pĕv udĀuc nĒw nŸl uĕs, a zŸ y Űl pĕv udĕ zĵv yĀe. TĒuc gdĀuc keŌn zŰ geŌw ndŌ uĕv, Kdo u uc Ceŏu ceĵ Īe hĒs ldŰuc, ucĕs dĀi ny Űl geŌo gdĀuc là ĪŰuc nĀ, nŰe ucĕs ndĕud ndíu, ucĵs gde ldoĒu kŌ k Űl xoj ldĒo ndju pĕv udĕ nd÷ rĀs yĵ ldosŌu. S Űl xoj ldĒo ndju hĕ nĒw nŸl wdŰ keŌu, pŏ ud udĀuc xoĀ wdŸ nĕi ceì, peŌl ĪĒo neŏu wdĀe hĕi hĕ pĒu nĀl k Űl xoj ldĒo ndju. hís hĕ mv uc Űe nj zŸ dŰu ldŰuc lĒ kĕi ndav pĕv udĕ. Ecvĕe yĵ, udĀuc ĵe Īe peŌuc Īi ĵj dĵs ndĒi iŰ pŌ udĕ lĒuc wdĀe k Űl xoj ldĒo ndju, lĒuc hĕ mv zŸ lá dŰu mĕ xoĀ ndav pŌ udĕ. Mĕv dĀi Kdo u uc Ceŏu ceĵ ndĕud ndíu, Ÿ lĀĵ udĕ lĒuc Īĭn iŰn ldĒo ndju, nyvuc ldĒo là ldĈn ndju ldìs dŰuc n Ÿuc ny uc, ucŸ Ê hĕ zjo uĕs zŌ hĕ udĀuc ucĕs ĪĒi Ēi. Ed uc gdĀuc keŌn nĀe zĵv, loŰe lĒuc níu u uc nĀ hĀe gdĀuc k Űl xoj uŰe ldĒo ndju.

Ecĕs xoj lĀĵ lĀĵ Ceŏu Kdo u uc, Ÿ lĀĵ là ldĒo ndju, ud uc k Űl iĕ gdĀuc xoj. Dĕ hĈl ĪĀ, nyŰe lĒuc Īi nŰe nŰe iĀl wdĀe ndĒw Īŏu, ĪeŌo uĕs gdil dĒu udĀuc u e gdil. ŷ u e gdil, wdĒu hŰu l Űe pŸ pĕv kĵu ucĕs. Kyvuc gde ĪĀ, Ÿ Īís nd÷ k÷ud nd Űuc y Űl pŸ nŰe lĀĵ hĕ nyŰe nŰe wdĀe ndĒw Īŏu, Ÿ ny Űl lĀĵ udĕ nyav Īŏu yĀl yŸ. Kyvuc ĪĀ là yĒn udeŌo uc Űe iŏ nŏu uĀe, mv koŰe zĭuc ldoĒu kŌ, níu u uc nĀ ucŰe hŏu lie cdŌ Ī Ÿl Īi ĪŰuc nĀ Īe xoj. Ed uc iŌe uc Űe ĪĀuc xoŏu, ny Űl ucĕs l Űe iŰn dĀi, Ceŏu ceĵ gdĀuc là ldv Īi ĪŰuc nĀ Īe xoj geŌo.

Ecda uĀe zĭuc zŰi dĀi ĪĀ, Kdo u uc ndav nĒw nŸl lĒ ucŰe hŏu lie cdŌ, ldĀe ĪĒo z , kŸe p÷ lvu cĕi ny Űl Īe hĒs ldŰuc ĪŌo wdĀe ldĀe ĪĒo z , zjo gde hĒs ldŰuc zŌ kĈe nĀl hĀe, xoĒu yĵ ĪĒuc zjo, ndvj zvu Īud wdĒu, nŌĵ iĕs, yĀĵ iĭn ldĀe ĪĒo ĪĒs ĪĀ, zjo ĪĀ Īav nvĕu kŰ nyĵuc zĀl hŏu, ĪĒo ĪŰe iĒ wd Ÿuc, nyĒi gdĒu ĪŌ, iĭl xoĒu hŸĵ rĵud, níu u uc iĭl dŌ wdŸl iĕo dŰuc wdĵ rĵud hĕ mĀĵ ndav lío: ‘YŰuc xoju udíu, hŸl u uc nĀ’, hĀe hĒs gdĒu xoĕuc nyĒi gŏu hĀe gdĀuc ndŌ ĪŌ uc Űe nyĀuc ndĒs xoĒu hŸĵ rĵud. Jjo gde hĕi rvuc dŌn udĀuc peŌl uĕs, níu u uc lýu wdĀe gdĀl iŰn nyĒu, nŌ pŌ hosŌu neŌl gde yŰe ldĵ iŌ cĀ ldv uc Űe nj. KŰe hĈl hŏu geŌo nd÷ lĒuc hĕ hĈl nyŰe nŰe ndĒw Īŏu.

Bdoŏ uĀ udĕ ĪĀe ceĵ cĀ Īe ĵuc ndav ĪĀ ĩl ndĀ, Īĭl keŌn lýu là lĀ uc Űe Īe ndav yĵ lĀĵ, uc Űe Ái nyĭw, pĭl dŷi nyĵuc zĀl, Ái cĕ, Ái ldĒo, Ái k÷ud, nĀi hĀe hĕ ĪĀ ĩl hvĀe lĀĵ dŰe iĀu. KŰe lĀ geŌo dvj iĕ Kdo u uc hŏu lĒuc hĕ geŌo nĕi uc Űe gdeŏuc, nyvuc ucvĕe là geŌo hŰu hŰuc geŌo udŌ, ceĀĵ hĕ geŌo níi, ĪĀe geŌo ld j pĕv zĭu, geŌo udŌ ld j pĕv wdŷuc.

Edĕ ldŰuc kŏu gej lĒuc ldoĒu kŌ nĀ zĭuc zŰi. TdĈ yŌ Ī Ÿl iŰn uc Űe gdil ceĈw yĀĵ Īĭn, ldĀe ĪĒo, iĭl

xoẽu iv. TdÇ yŔ ndíu iŕl hvuc kæv İŦ ndĖi, nyõu là ndõo ‘YĂe KdoĂ Xejud Edje’, ny Ũl ucĂl là d÷ud dvj dŨuc, ldíu ĩe nyeõo ucvj, ĩĖo ĩŨe iĖ iŔi dje lıud. Tild Ėu iŕl lĂj nyĂuc ucosõu gde r j ndŔ uẽv nd÷ ldÇ yŔ iŕl s dŔn, kŸe ndẽud ndíu hẽ ucẽs ĩĂe zĂ nyvuc ĩŨe, ndŨe r j djs cŔe hẽ neŔo ĩĖuc gdvj. Kyvuc ĩi l Ũe ucvẽe hĂs nyŨe hĂs ĩĖn İŔ dvẽ dŸw ĩĂe kũ, lýu wdĂe lÇuc kìe kj pŔ GdÇl, CŨl, KdŔ lĖuc pŨe n Ÿuc EcosŔn Cív. Kyõu kũ lÇuc là ĩn iŨn ĩĂe uŔu iẽo İŦ n Ÿuc ny uc ldv ldĂ YŔ, Ÿ ceĂj ĩn h d uc, wdøj zjo ĩn ĩe ĩĖo, nyvuc ĩĖo ldĂj ĩĖs lıv h uc İŦ. Kvũ kŨ kj ndĂ ĩĂ Ÿ nyõu lĖuc pŨe ĩe k÷ud ĩĖi ldŨe nĂv ndẽud iŨn ldŔud ndŔ ĩ Ÿl lve hẽ nyĖu nyĂld kĂv pŔ k÷ud ju.

Bde geŔo nŨe lĂj, uc Ũe udẽ ldŨuc gdĂuc ĩ Ÿl yj ucvẽe ĩĂu, iẽ uc Ÿl hĂe lýu wdĂe ĩĂuc lĂj ldøud hĂe. hĂ hẽ iŨn nyvuc udĂuc nĖw nŸl hĖuc udĖuc lĂj rı dŨe lĖ. Tdøud p÷ là xoı udeŔo xos lĂ ndẽud yj gdĂuc là iĖs udẽ hẽi ĩĂ ĩ Ÿl. Kdav n÷ud d÷ud cej lĂud gdıl udjo iẽ lıl cej ĩ÷ud gdıl lĖuc zŔ ĩeŔo ldŔud. Kdav nĖw nŸl r j, lĂj udẽ zŔ ĩ Ÿl ĩĂuc ldĩn, uc Ũe Ÿ kũ ucvẽe cŔe kẽ kẽ yj iŸ lĂj, lıo uĂe uẽs lve ud zĂj hŨe ndĂj udĖu i÷ud hẽ uc Ũe udẽ ldŨuc, hÇl ĩĂ kẽ kẽ zŔ yj iŸ lĂj. Sẽ kẽ yj iŸ lĂj ud uc wdĂe ĩe ucjs pẽv udẽ, p÷ ny Ũl gde ndẽud ndíu, gdĂuc ĩ Ÿl ud÷u iŕn nıu u uc. Jjo ĩĂ, ldÇ yŔ ĩe yj, lĖi louc hũu kĖu kj iĖe nõu pẽv geŔo, hĖs Ė ‘Kji neŦu ĩĖw İŔ’, pẽ nyıud nẽ ij. KŨe hÇl m Ũe ĩĖn nyĂe uŔ İŦ ĩĂ nd÷ lĂ mío iŨe yŨe geŔo, iŔe uc Ũe ĩe ndav zjo nŨe ny Ũl ldĖo ndju. EĂe ldouc nvũ kŨ xoı ny÷ud là ndŔ cĂe cŔu hĂe hẽ yj iŸ lĂj, ldÇ yŔ ce uc louc kĖu kj iĖe nõu pẽv geŔo dvj ud uc gdĂuc iĖe uẽv nyÇuc.

MeŔl uẽs lĖuc gdĂuc ndŔ nyıld ldÇ yŔ ĩ Ÿl, kŸe ucẽs ĩĂ ĩ ldĖuc lýu je ndói dŔl kĖu nõu uĂj yŨe, nŨe louc lýu gũv gdĂuc hũu nd÷ kĖu uŨe c÷. SĖu nõu lĖuc ldŔ hẽ hẽi yj pŔ ldv ĩĂ, kŸe p÷ kĖu nõu, k Ũl xoj ldĖo ndju gde pẽv lĂj ĩ Ÿl lve hẽ là ndŔ ldĖũ nẽ gdø ucvẽe lĂj. Ed uc dĂi ĩĂ, nıu u uc nĂ nŨe ny Ũl ldĖo ndju nd÷ k Ũl iĩe gdĂuc xoj. hıs là ndŔ lve hẽ ĩeŔi rĖo uũ nvũ kŨ uc Ũe kũ lĂud pŨe nŨe ceĖi ldíu, ndÇl mŸl u uc nĂ: “TĂ ldĂ ijo k Ũl xoj ĩe!” hĖuc zjo pĂj ndÇl pĂj ĩĖs hẽi ldv loŨe lĖuc lĂ mío ceĖi ldíu ndĖuc pẽv ldĖo ndju, hẽi hĂj kĖu nouc nvũ yj.

TĂ mío lĖuc ucĂl udeũu pŨe peŔl i÷ud pĂj hẽi, lĂi ceıl ndĖs ldíu i÷ud ud là uc Ũe nÇi hĖs, gũv gdĖu hũu ud÷u nd÷ nvũ kŨ udĂuc uc Ũe ĩĂu mío wdĂe ldvıuc pıuc. U Ũe gdĖu hẽ iŨn ĩĂj udŦ ndjud nÇ, iŨn dẽuc ie mẽe, ĩĂe iĖn zvuc ĩŨuc ĩjud Ái ldíu Kdo u uc, ldĖuc nyıld nĂe zıv gdĂuc k Ũl xoj uŨe. hĂj udŦ geı lĖuc gdĂuc dŔ uĂe c÷, lĖuc ldĖuc uĂe hẽ nĂ lıo nŨe.

Edẽ ldŨuc lĖuc iŕl gŔ. hĖo neũu, peŔl mẽi ĩŨ ldĖo ndju gde roĖn ceı ldøud hẽ ijuc nẽ gdø neũu nyĂld, doŨuc dŨ hĂe lýu ĩĂj udŦ gdĂuc yĂ hje hŔld geı. TĂ udẽ ldŨuc ĩŔo ldv yĖuc Kdo u uc n ndĂuc zeud yj mı ldĂuc geı, udĖn xosŔn gdĂuc ldv pẽv udẽ. ToŨe lĖuc peŔl dĂu udıu wdĂe dvıu hĂe. BdĂuc lýu lıld uẽv, geŔo dvj hĂe nyŸ pŔ ĩeŔi roĖn wdın.

Xej ldĂ udẽ dŔ Ceũu ucda rvuc ldosŔu geı lĖuc nĂl ceĖu, ndvĂn ud÷u hẽ peŔl i Ũe i e yŨe, Kdo u uc hẽ lĂ u uc ld j ldŨuc, kũ uc Ũe ĩŨn udeũu hĂe iŔl yj ĩĂj kũ, mŕ udeũu hẽ wdĂe là n n÷ud pŨe uc Ũe nj, ijuc ndje iŨe İŔ yj. CvĂe ldosŔu uẽs gdĂuc wdĂe hẽ ld j nĂuc là nyvuc lıl cej ĩ÷ud hŨu, ĩıs hẽ kĖn dĂud lĂj lĂ cej ĩ÷ud, kĂe udŔ nŨ nĂuc, nĂ ujs pŔ zjo yj lĂj gdĂuc ucĂl ĩĖo hũu uŨe, uc Ũe ucvẽe lĂ ndŔ uĂe rĖo zjo h uc, ldĂ udẽ ldŔ lýu u Ũl nĂl İŔu dŨl iıo. Kdo u uc lĖuc hẽ lĂ cıe nõud n÷ud lĂuc yĖu, nyvuc hÇl udĖn ndŨe xoı rĖo dŨ pẽ ceĖu mĂ gdĂuc ldŔo uŨe, ĩi ĩĖo nĂ nĂ ucjs pẽv kũ cŨ lÇl hũ nyvuc udẽ ny Ũl iŕn kŨ iŦ jud ai.

Tdj iŦ Kdo u uc nd uc ĩĂj lvu cıe ldŔn ndĂi, dŨe dĖu gdĂuc ucĖu uĂ hĂe. hĂj udŦ geı nd÷ gdĂuc je yĂ hẽ nĂ m uc ldĂs nŨe djs hẽ mv Kdo u uc zeud yj, ud uc Ceũu cej lĂi ndĖs hẽ lŨn udŸl udẽ i÷ud, gdĂuc ioŨu ĩoŨe ĩe uũ uoĂe uĖuc lve ud lvu nyvuc udẽ, ĩn nõu hẽ Ceũu Yvı Kdjud, lĖi gdĂuc ldv uc Ũe gdıl udĖl nŨe ldosŔu uẽs, ud uc pĖu gdĂuc ucĖu ĩ Ÿl uc Ũe ucvẽe ĩŨu ĩĂe. SŸe ĩĂj udŦ uẽs keŔn k e nĂ kũ uũ là yĖn udeŔo uc Ũe ldv yĖuc uĖi r j Kdo u uc yŨe udẽ ĩe ndĖi uc Ũe ndíu, hũu ndosŔu xoj zĂuc Mhıd hŔud nd÷ kŔ hĖn, nvũ kŨ uc Ũe nyõu ndosŔu ĩŔo ldŔn lĂ, ldŔ là mos udĖn Kdo u uc ndvın deŔi, pŔ udẽ nd÷ ijuc kĖo, udĖn ĩŔud hẽ Yẽ sũo ĩĖo ndje, kŸe ucẽs r j là lıo ‘cŨw ĩĂe uĂu gdĂuc ldŔn udĖn ĩŔud là ldosŔu’. Týu pŔ peŔl là wdĂe Yẽ sũo ĩĖo ndje gdĂuc nd÷ lĖuc ldŔ hẽ iŨn lıo ldosŔu pĖu

lýu IŌ ucQ.

Ky Ūl geĵ, lvu cie nd Ūuc djs iĴ ìv yŪuc, Ceōu ceĵ udē lĵv lĀĵ yŪuc, kŶuc nv lĒuc ldŌ Ŷ nyvuc udē uōu uc Ūe ucvēe ldĒuc je keŌn Ī Ŷl, nŬe dje ndiuc loŪe ndvie ndil ndiú ndŌ gdÁuc gdvŌ, Ŷ hĀ nyvuc wdŷuc nd÷ IŌ lvu lĒuc ldĒuc je djs, zĵo ĪĀ Kdo u uc Ī j lvu udŪ uc Ūe gdil uoÁe, nŬe ucēs ndēud ndiú, ĪĀĵ udQ iŬe ldĀs nŬe Ái ldíu gdÁuc ldv Kdo u uc xoj lĀĵ, hēi Kdo u uc wdĀe nĀ zìn nĀe udē. Oai yĵ Yē sōo uēs ĪCuc hē hvĀe ij xoĀ.

UĒ zĵv ĪĀ lĒuc ldŌ hē hŪe ĪŬu ĪĀe, peŌl rĒo nyvuc udē Ceōu ceĵ lĒuc gdÁuc neŌu uĀe yĵ kōu ucvēe, gdÁuc kĵv ceŪ IŌ lĒw nŬe peŌl uēs pŬe uc Ūe. Ed uc lēuc lŪ ceĒo nd÷ hŪe ĪŬu kōu ucvēe hĀe lēuc udeŌo. Hoĵ i Ūe uĒi zĵo, dĵe hīv udíu ĪĀuc ĪĒo Ceōu ceĵ hĒu h Ŷn xoj ĪŪe, dĵe dosud IŌ nyvuc udē nyĵud ĪvĀn ceĵ zĀu, udíu l dŬe ĪoŬe ndĒuc Ceōu Yvì Kdĵud yĵ gdŌe udē. Yĵe ĵud ai geĵ l kĀu hē gdÁuc ioŪu ldeĵ lĀĵ ldv ĪĀĵ udQ geĵ, iē lĒuc gdÁuc ioŪu uoÁe gdÁuc uĀ, nŪn udĒn hē IŌ iĴ ldŌn ĪĀe ucvēe Ī Ūuc, dvĴl nŪn udĒn hē ldv ĵuc zĀe rô ril, ndŌ hē cŌu. KĀ ĪĀ pŌ zĵo, Ceōu Yvì Kdĵud h o hĀl ĪĒo Ī Ūuc, ucēs ucēs u uc ndiú Ŷ ucĀe ieŌo uìn, mĀĵ pēv ucdŌ Ēu iēs iē zŪuc xoj ucēs. Jĵo ĪĀ, pēv iŬn ĪŌi nŪe nyŪe, Ceōu ceĵ ldīs, ceĀ ĪĒs ndŌ hĀĵ, hĀĵ ceCw os ceĀ. KyĒu dvĀ dvĀu keŌu nvēu kŪ udē lĀĵ Ceōu ceĵ ndēud iĀud ĪĒn gdĀ. Xeē nyŌ nyĵe cie Ceōu ceĵ ldŌn nŪuc lŪuc kĀs i e uc Ūe, gdÁuc iŬn ĵe nyŪu ndvin. Ecda uĀe nŪe ĪĀ lĀ uc Ūe ndĒs iŬn ĪĀĵ udQ Ēu iēs hōu hōu hCn hCn gdvì ldĴn ĪĀĵ zĵo hĀe.

Cĵe hŌld lĀĵ Ceōu Yvì Kdĵud ndĒn xoì gdĀ wdíu keŌn. Re lĒuc lĀ ucēs zeud ndiuc IŌ, ud uc dĒu hĀe gdÁuc lĀ. Ec Ūe Ŷ KyĒu Ī Ūuc nyĵuc IŌo zŶ dĒu ĵuc roe rŌv nŬe, ndēud yĵ ĵe lĒuc rĵ ĵiud. Kd Ūuc ucēs dĒu lĒuc ldŌ geŌi l i nyvuc ndēud, nŬe ĪŌi nyŶ pŌ, nyŬi lĒw ĵĴn pĴn IŌo hēi. TĀ iŬn ĪŌi, cĴw dĵe ĪĀĵ Ēu iēs gdil nyvuc ieŌo ndŪ IŌĵ, noŬe cĒu rĒw rŌ, lĒuc IŌo nĒi i Ūe noŬe, Ceōu Yvì Kdĵud ndĒs dĵe ĪĀĵ hē hĒw nĀl uŬe hōu mī nī.

Ceōu YĀĵ Kdĵud uĀe pŬe dĵe ĪĀĵ Ēu iēs: “EdŌ pŌ, ldCuc nĵ IŌo hē uc Ūe k p gdÁuc udē gdÁuc lĀĵ, lde kĒuc dŌl ndav ‘gŌn ucdĴ p Ūu Īēv’, kĵ ĵud ai ldCuc nĵ gŌn ucdĴ, Ŷ pŬe udĵo lĀ ndŌ ceCw ĪŶ hĒu udĵo Ī Ŷl.”

Yĵe ĪĀĵ udQ Ēu iēs pĀĵ ucda nd÷ poe iĀuc uĀe: “KdĒn nŪn xoì, Ĵĵuc hv gdÁuc lĀ uc Ūe ndiú.”

CŌl ĪĀ, kĵ uc Ūe gŌn kīe, gdÁuc lĀ neŌu ioĵ d uc uōu mCĵ ĪĒn hēi h, lĒi pēe udiud lŌ ud d uc, mĒw ĪĒo ny Ūl ndŪ IŌĵ, gŌn kīe dosud IŌ.

Ceōu YĀĵ Kdĵud hŬu d u dĵe ĪĀĵ geĵ iŬn dĵe noŬe uōu nyŶ ndēud ĪĀe Ĵ. P uĀe pŬe dĵe ĪĀĵ udQ: “Jĵo uēs ldCuc nĵ hē dosud IŌ lĀ wdŌl lĒuc d Ŷuc, lĀ dŌĵ lĒuc ldŌo. Ec Ūe r ĵ Ĵ lĀ līo: ”TĀ ldĵ ndav ldĵ, ldŌn ldĵ ndav ĵud. Yĵe uc Ūe līl uc e gdÁuc ldĵ gdÁuc iŌ, nĀ ūĵs pŌ zĵo uōu ucda hŪe ĪĀe Ĵ nĵ.”

Yĵe ĪĀĵ udQ Ēu iēs hĒw nĀl ĪŬuc Ē: “hĀe Ĵ uĀe yĒn ĪCuc. KĀ uēs pŌ zĵo, dosud ldøud hē ĪĀe Ĵ. TdCuc nĵ IŌo wdĀe ucda ndav hŪe ĪĀe Ĵ.”

KĀ ucēs ĪĀ, Ceōu YĀĵ Kdĵud gdÁuc lýu Ĵe Ēu reu kōu ucvēe uĀĵ, lĀ ucēs ucĀ nyvuc ucĀe ieŌo uìn, IŌ dĵe ĪĀĵ udQ geĵ yĵ ucvēe wdŪ reu Ēu, iĴ gŌ zŪuc ldŌn yĵ zĵv, iŬe kĀĵ dĒu IŌo Ēu ny Ūl. Yĵe ĪĀĵ udQ Ēu iēs geĵ ucdĴ, mĒ ndŌ uēv dĒu lĒuc hē ĪĀe Ĵ, lĀ Ī Ŷl līe c÷ lĒuc wdĀe ldv ĪĀe Ĵ Ēu ny Ūl, ud uc mĒ zĵv gdÁuc ndŌ ucēs uēv lĒuc ndŌ Ī Ŷl. DĴ mĒ nyvuc ĵýuc lĀ ldCn kĒn iŬu ud uc ucvēe ieŌuc nd÷ lĒuc gdÁuc mīi uĀe yĵ.

Mēv iŬn uĒi gde dvĵ iēo iĒn iĒĵ, ldŌn ĪĀe gdÁuc øn uc Ūe, ioŪu reu Ēu lĒuc gdÁuc keŌn Ĵe reu Ŷ Ĵio. Yĵe ĪĀĵ udQ geĵ wdĀe uĒi ldŪ ldŌn ĪĀe nyvuc ucĀe ieŌo uìn. Ceōu YĀĵ Kdĵud ldŌ hv ldv kĀu ndiú ĵý yĵ ucvēe geŌi līe Ēu, lĒuc gdÁuc keŌn nĀ Ĵio, dĒu geŌi Ī Ŷl iŬn øn l i nyĒuc, Ŷ nyōu lýu lĀ ldCn ĪŬ Ēu, nyvuc ndĀl Ēu lĀ ucosōu lĀ nĀuc ndŌn. hŬ Ēu lĒuc gdÁuc udeŌo, iŬn uc Ūe nd÷ uv ud uc Ēu dĵe kĵ uc Ūe nd÷ ndēŌo. Bde ĪĀ, dĒu Ĵai līe dĒ pŌ ĴĴ nyōu ĴŪuc hĀĵ nyvuc ieŌo.

Yĵe ĪĀĵ udQ Ēu iēs ucĀe ndĒs iĒe ndŌn, pŬe pēuc ĪĀuc hōu uĀe: “MĒu hē dosud ny Ŷuc lĀ kĀu ĵĵud,

pÁj yj ucvëe ĩi geŌi ucjs ĩ Ĩl ĩe Ĕu. TdÇuc nj là wdĔu l i uës nd÷ gdÁuc hv ldŌn ĩÀe uÁj yŨe.” Ceōu YÀj Kdjud hĔw nÁl uÀe: “Til dosud ĩŌ, ĩis hē nj wdĀe ĩud heŌo iÁuc ĩe Ĕu nyŨi ĩŨ Ĕu nyvuc deŌo Ĩ ndēud, gdÁuc ucŨ hĀe là uc Ũe ud÷u ndĔs, p÷ ndŌ ĩi Ĕu gdÁuc øn cĔs. Til uc e ucĀ ucuv nyvuc ieŌo, gdÁuc keŌn rĔo dŨ djs zjv ĩē lýu Ĕu lĀ wdĔu l i nj wdĀe ĩud ĩŨe lĀ iÁuc ĩe hĔs pŌ uës?”

Yje ĩÁj udŦ Ĕu ĩēs uÀe: “Jjv ĩĀe lj hĀe uÀe hŨe Ĕs. YÁi ujs dje ĩÁj nj ĩÀe xoi gdÁuc hŌn uŨe uÁj ldĀ k÷ud nd Ũuc gdÁuc wdĀe ldÇuc nj hĔs l i pŌ ldv uc e Ĕu zjv?”

Ceōu YÀj Kdjud uÀe: “Sís ceŨ gdil ny Ũl. Mēv udÁuc hÇl iĔn iĔj hŨu ndŌ uës, iÁuc uc Ũe lýu gdÁuc kĔuc ldĀ. MŨe wdĔu l i uës, nj là ndŌ zŨuc xoj ĩ Ĩl, ud uc uŌo ldej ldv dje ĩÁj uc e nd÷ nj hĀe ldĔuc ndŌ zŨuc uŨe. Yje uc Ũe lil uc e lĔuc ĩÁuc nyild dosud nj kĀl n÷ud xoĀ ucđlj, ioŨu nyild nd÷ nyild zŨ iŌud i÷ud ĩau ĩĀe. Yosud nj Ĕu ĩ Ĩl ldŨ uës, ceĀ ĩ Ĩl iÁuc zŌ gdÁuc xoōu dje uc Ũe jud ai lil uc e. KĀ ujs pŌ zjo, uŌo nj wdin nēe, nji neŌn udŌ louc zŌ hĔs y Ũo ucuv l i nyĔuc nŌ nĀ lil uc e. Yje uc Ũe lil uc e lĀ ju níi ĩē ldŌn ĩe.”

Ũ KyĔu ĩ Ũuc nyjuc lýu nyosŌu h o iŨn ldosŌu gdil. BŌ pŌ hÇl Ceōu YÀj Kdēud lýu Ĩ Ceōu cej, nÁuc lĀ iŨn pŌ ndĔs kĀe ĩe xoj KyĔu ĩ Ũuc nyjuc. Ceōu hīv cej n÷i ndĔs kĀe gej pŌ, iŨe ndĔs rai n Ũuc zŨ ldv ĩÁj udŦ Ceōu YÀj Kdjud. KdĔs kĀe gej pÁj ud÷u Ceōu YÀj Kdjud, ndĔs ĩÁj udŦ ĩēs ucjuc nyōu ĩn, iĔn là dje ĩŨuc nĀ nd÷ ldŌ uÀe hē gŌ ĩvĀu iŌud, lýu hĀe nd÷ zŨuc ldŌn lĔuc gdÁuc mii uÀe yj, ndē mŦw keŌu lĔuc udĔn xosŌn gdÁuc uÀe n Ũuc zŨ lĀj ĩÁj udŦ gej. Ec Ũe Ĩ KyĔu ĩ Ũuc nyjuc ĩvii yĔuc, ndĔs kĀe gej ud÷u yj ĩÁj udŦ hē Yē sōo ĩĔo ndje, p÷ pĔs gdÁuc mii uÀe yj.

BdÁuc oŨuc lÁuc iŌe uc Ũe gdau ldō, ĩÁuc ud÷u kŨ mÁuc gdÁuc nŌ lĀj Ceōu YÀj Kdjud, níi ĩŌj lĀj dĔu ndĔn zĀ ĩl ĩŨl. YĔu gdÁuc udÁuc gdÁuc ldv dje dosud ĩŌ gŌn kie lĀj i÷ud Ĕu ĩē lýu uÀe, dje uc Ũe lil uc e lŨ zŨuc hjs hĔn lĔuc ldŌ ndōi ceēs pý, lde kĔuc ldŌn ĩe ldv ndvĀe ĩē. CÇl uÀe udÁuc hŨe uës, iø ĩĔn s gdÁuc dŌ udīs ldÇn uēv, ldŌ ldĔi ldĔi hv ĩe dĔ nyōu ĩŨuc hĀj, ldĔuc gdil c÷ pÁj hēi peŌl udē pÁj uÀe ldosŌu. heŌo uës uÀe hōu yĔuc, s lĔu kĀu gdÁuc lve dje dosud ĩŌ yj c÷ lĀ, ud ndŌ s lve ĩis hē dje lvu ldĀ dvjuc zĔw ldŌn ĩĀe. Ecēs ny Ũl uÀe ĩe c÷ hē ĩŨuc zeud lŨuc nĀ, ĩ u ceĀu ldŌ hē ĩŌ kĔn dje ĩÁj udŦ gej ĩe Ĕu reu dŨ.

Yje ĩÁj udŦ Ĕu ĩēs ndĔi hĀud, ndĔi iĔuc: “Yjs ldv nōu Ceōu YÀj Kdjud uc e. Yje ldÇuc nj ĩĔn iĔe iŨe udĔu uc e hēi ĩĀe lj. TdĔuc nyild iŌe uc Ũe ĩŌo uÀe uc e hē Yē sōo ĩĔo ndje. Uii hēi ud ndŌ pŨe dje dosud ĩŌ ĩi nÁuc mĔw ĩĔo gŌn ucđlj pŨe uc e, xoĀ ndĔn hē xoĀ zŨuc gdvīl mj uc Ũe.”

Ceōu YÀj Kdjud ud÷u ndĔs dje ĩÁj udŦ gej ĩjuc ud÷u ldĔi ldĔi pēv dĔ ĩŨ Ĕu, uÀe gdÁuc ldv hē kŌu ldÇuc zŌ heŌo, mĔ zjv dje ĩĔi gdĀ ĩud kŨu njs, doŨuc lde hÇl uc Ũe nÁl ceĔu heŌo iÁuc, uŌo ĩud udjo ndĔn nd÷ a hē gdĀ ceĀe xosŌn, uōu s uÀe: “Yje pŌ dosud ĩŌ, pÁj yŨe dosud nj lĔuc ldŌ hē uÀe ĩĔj ndĀe. TdÇuc nj ĩŌo ĩi mĔw ĩĔo gŌn ucđlj, ldĔuc hŌ ĩĀe lj nj hĀe gdÁuc keŌn rĔo dŨ ĩŌ lil uc e ucŨe ud÷u nj Ĕu iŨn i÷ud zjv?”

Yje ĩÁj udŦ Ĕu ĩēs ucda ndĔs nd÷ d e kĔn ucŨ, pŨe hjo u Ũl ĩĔn uÀe: “hĀe lj hē uc Ũe udíu ucđlj, dosud ĩŌ nj ĩi deŌo hĔi uc e.” Ceōu YÀj Kdjud uÀe: “Edíu ucđlj nd÷ pĔu hē udíu ucđlj. hŨ Ĕu uës ldŌ là iŨn wdĔu, iŨn uc Ũe Ĕu là ndŌ ceĀ iÁuc, ud uc ldej ldv kj uc Ũe nd÷ wdĀe ldŌn lĀ kj. BdÁuc kĔuc nĀ uÀe zŨ gdŨ, rai je gdŨ udĔn, ĩuc nd uc udĔn nd÷ wdĔu l i uës zŌ ndoŨl pŌ uc Ũe ĩĀ.”

Yje ĩÁj udŦ Ĕu ĩēs uÀe: “h Ĩl, ĩe uës cŌe hē ndav zŨ iŌud, uc e hē ĩĀe lj uōu uÀe ny Ũl ĩe.”

Ceōu YÀj Kdjud ucđl ndĔi: “Yje ĩe ĩÁj pĔn iĔe ld j zĀld là ndŌ uÀe hĀe ĩ Ĩl nj zjv? Kj uÀe pēe lío hē lil uc e líi dŌuc, zjo ĩĀ Ĕu l i. Yje uc e lĀ ndŌ ĩē ldŨ ldŌn ĩĀe ĩe.”

EĔi ĩĀ, Ĕu reu nvēu wdĀe gŌ gdŨ yj ud geŌo pÁj ueŌi pÁj đin, ĩud pēv níi hĔ uc Ũe ucda, hēi uc Ũe nj wdĀe ldv Ĕu. MeŌl uës gdÁuc ndŌ hēi gdĀ ĩ Ĩl Ceōu YÀj Kdjud, ldŌ ucda s uÀe pēe lío: “Edē Ĩ ieŌo

uìn, lQ hēi IÓi ldĒu, ĪĒo cŬe gdŬe cĀld, uc Ŭe iĭl ìv yìld, kj uĒi gdÁuc iĭu, ujs iŬe ndĒs ndŌn.” EÀe mĀn hŬe, dĒu hĒw nĀl p u njs yj pŬe ĪŬ Ēu.

DŬn ĪĀj udQ Ēu iēs hĒw nĀl ucĒu hĀe uÀe: “hĀe lj nĀ nĀ Īi. Ec e uÀe ld j cŌe hē gdŬ, uc e ucda dosud IŌ nj iŬn ldÇn rai zjv. Kj gdÁuc u e mouc ndíu, lQ uìn hēi IÓi, ĪĒo cŬe uĀj peōu cĀld, ucēs ucēs yìld nŬe mj, ndŌud ndvĀuc oŬuc u Ŭl hĀud, ujs iŬe ndĒs l i.” Kŋud yj nd÷ ĪĀj udQ uēs ĪÇuc hē gŌ gdŬ d u Ceōu YĀj Kdjjud. CĒu ĪĒo ndĒs l i uōu uÀe rvuc IŌud pŬe njs yj hĒs ĪŬ Ēu ucjs.

hĀj udQ Ēu iēs lýu hĀe ĪY: “hĀe lj, udŌ lj gŌ pĒu ld j lve hē gdŬ. Ecda nj ldÇn rai zjv. Kj gdÁuc ldŬ mĀuc ldíu, ĪĒo cŬe lĒe ldQ, xojud uĒi lŬe ldoŬuc, nyŬe hēi ldĒu, ĪĀe nĀ hÇl zeud. ldŌ ldŬ wdĒu l i uēs. EdĒn IŌud hē dje jud gdÁuc ndŌ uēv gdŬ kĒuc nj Ī Yl, reu hŬe dosud IŌ, nj Ēu . . .”

Tìe dĒ Īn nyōu hĀj Īi hío, ĪŬ Ēu uÀuc kŬl d uc ucde ucÇn. hĀj udQ Ēu iēs gej ĪĀe nŬe iĀl nìe rjud lĀ ĩl, Ījuc IŌud pŬe nŬe Ēu nd÷ nōu Ēu iēs ny Ŭl gdÁuc ĪŬuc Ē uÀe: “Kji IŌ uÀe d o uÀe p Ŭu, nĀ hÇl zeud yj Ī ĪĀe nd÷ zjv lýu zŬuc nŬe kís ceŬ Ī Yl?” Ec Ŭe gej hĒw nĀl uÀe: “EdŌ lj oŬuc u Ŭl hĀud i Ŭe iĒs uĒi nd÷ zjv lĀ ndŌ zŬuc Ī Yl IŌu kís ceŬ Īis? M÷ zjv nj gdÁuc ndŌ ĪĀe nĀ hÇl iŬe zeud?”

Kyvuc hÇl dje ĪĀj udQ gej Ījuc nyjud hoĒu gdÁuc ucŬn, Ceōu YĀj Kdjjud pĀ ndjud pĀ nĀl lĒi iŬn peōu cĀld hŬu, ndo pēv nyvuc njs, udó ndĒuc pēv cís dje ĪĀj gej, iŬn lQ xoĒn ucí iŬn ĪĀj. Yje ĪĀj udQ Ēu iēs Īuc nd uc lýu ld j gŌw deŌo ldosŌu c÷ rĀs yj nd÷ Īi wd e ndís nĀe ldŬ. Ceōu YĀj Kdjjud ldĀe ldĀ ldŌn yŬe uōi peōu cĀld nyvuc njs Īe, mŌu zĀld dje ril ldŌn, zjo ĪĀ hĒs lie dĒ nyōu ĪŬuc hĀj yj, ndŬe zĀld gdø uÀuc, uōi ĪŬ Ēu uÀuc dŬe pēv ieŌuc. TdŬn, s ucda ndĒs iŬn neŌuc kĒe ucĒe: “KdĒn ìl ĪŬl. M÷ nyjud iŬn ieŌuc l i ndĀj iē uc e mīi yj njs dĀe ldŌn jud ai gŌn ucđlj pŬe i÷ud, gdÁuc zŬ cĭw kīv Āuc zjv?”

Ceōu YĀj Kdjjud ucĒuc wdĒn ĪĒo hōu, ndĒs ucvēe ĪĀj lĀ iŬn lie ĪĒo lĀj iŬn hīv ceē, nyōu ĩl lĀ iŬn pŌn zQv mēe, ldŌ ud÷u ndvīuc xoj iē hýuc Īi wdīn hĀud, ĪĒuc zjo lýu lĀ iŬn lvu ĩi dĒo hŬu, rai xoj kŬ mĀuc nd÷ lĀ pŌ Īis hē iŬn lvu zīe dĒo ldosŌu Īe keŌo meŬu. Ceōu YĀj Kdjjud lĒuc gdÁuc uōu uŬe ceĒn i÷ud, ud uc pĒu hēi yj pŌ nyĒu nhud: “Yje kŌu ldÇuc hē hĒ ldoŬn udĒn reu Ēu, ĪĒo nyjud uŬe kŬ. M÷ nyjud Ēu uōu iŬe kQ i÷ud, hēi c÷ lĀ heōu xoju nŬe nj?” Tvu zīe dĒo ud pŬ Ī Yl lĀj, l Ŭe hĀud dje neŌuc dj dĀ, uÀe: “h Yl ĪĒs, mīi nyŬu iĒn uÀe hŬe kŌj Īn.” Ceōu YĀj Kdjjud uÀe: “Ec e hē iŬn lvu zīe dĒo, peŌl c÷ wdĀe xoĀu nj. ũ ldŬ ldŌn ĪĀe uēs nd÷ lĒu xoīe c÷ nyvuc zĀld, ĪÇuc hē nj cĀn uc e ĪĒs, lĀ zjv gdÁuc?” Jīe dĒo uÀe: “Kj gdÁuc IŌud hĀj uc e iē ioŬu iŬe uc e Īe n÷i iŬn pĒn m Ŭe zÁuc.”

YĀj yj lvu zīe dĒo uēs zŬuc nyōu uÇe dvjuc, pĀ n÷ud udĭn Ī Yl iŬn xosŌu gĀ nd nē ij. Sēuc iÁu nē ĪĀv uēs lĒuc gdÁuc lĀ wdīv iÁu ny Ŭuc zeud kĒn nĀ roĒn ndĒu c÷, ldŌ lĀ nē wdīv ldeōo dŬu ril ldŌn. nyvuc ĪĀ lĒuc lĀ gdÁuc ŋn nyĒu wdīv ĩi m uc. Tvu zīe dĒo uēs ldŌ hē hvĀe keŌo meŬu gĀ ucdŌ ujs Īis ije ĪĀ, ny÷ud ĪŬ pĒu dĀj lĀ dĀu, iē lĒuc gdÁuc lĀ mī nī c÷ hŬu, ldŌ nŋud nŬe u Ŭl geŌi neŌu nēe, zjo gde keŌn wdvuc ndĀs Y Kdeōu Kíu MŌ, kĀv pĒn nyĒu zÁuc Y ucí kj zÁuc, lĀ ndŌ uoÁe nde Y m Ŭe Īis zÁuc. EŌo Īai uc Ŭe zŬuc m÷i ldŌn ceĀj iĒn zÁuc, zjo gde ldŌn vīu gdø zŌ gdÁuc neōo nju, ĪŌ ndōi pēe uĒi nŬe uĀu hŬn, dĀu ðiū, ril ldŌn zŌ iŌl ĪĒs yōo, ceŬuc s dŌn l uc nde hÁuc yĒi, je ndĒs ĪŌo gdeŌw pŋj, ldŌ lĀ i÷ud lvu zīe dĒo uēs keŌn hē ldosŌu c÷. KŬe hÇl ĪĀ, uĀ ldŌ lĒu r uc hē lĭv udíu lĀ mŌ ndŌn, nde nyeŌu ndĒu ndÁuc dēuc nde xoīe, gŋo cŌe rís ieŌo nĀv ndīw nyĒu zŬuc ĪŌ k÷ud ju nd÷ heŌo nĀ xoju nv deŌu xoĒ ldv nŬe uc Ŭe koÁu kīu udQ. . .;heŌo lĀ je gdÁuc xosŌu neŌu gdÁuc?

KĀ ĪĀ uĀ lĀ ndŌ iŬn wdīn hōu nyŬe, lĀ ĪeŌo lvu zīe dĒo uēs gdÁuc keŌn k e, ioŬu geŌi iŬn nōu l Ŭw zÁuc ĪŌ hēi ĪŬ ĪŌ, hĀe ucda nŬe Yē sŋo Ceōu YĀj Kdjjud nĀ hÇl ĪŌ yj Īi ceŬe k e hŬe uōu uĀ hĒw nĀl ldĀs ndĒuc nŬe n÷i. KŬe u e nd÷ ĪÇuc hÇl Ceōu YĀj Kdjjud Ījuc nyjud Ēu pŬe dje ĪĀj Ēu reu, ĪĀuc zjo hĒs cĀld ceŌn ldŌn dje uc Ŭe, rvuc yŬe gdÁuc ndói ĪŌ Ē lĀ ndŌ Ēu l i. Tvu zīe dĒo ndĒs ĪĀj udQ uēs xoi hŬe dĀe, lĀ ndŌ ceŌn dosud IŌ gŌn ucđlj nd÷ udĒn IŌud lĒuc lĀ ndŌ ceŌn z wdŬ, ud uc ny Ŭl iĒn hĀe lĒu ĪĀj udQ uēs uōu Īēud wdĀe mĒuc hŬe ucvu neŌuc ucŌn, dĀj dŬu pŬe Ceōu YĀj Kdjjud: “EŌo uc e ucosŌu Ē hēi ĪŬ ĪŌ nj, zjo uēs zŌ lĀ Ēu lĀ oŬuc, z wdŬ lýu lĀ ndŌ nyosŌu wdīw ndÁuc ndeōu. KĀ

uēs pŏ zjo zŭuc sŏu wdĒu nd÷ gdÁuc je mīi kĒn uĀn uc e.” Ceōu YĀj Kdjud Īi Ī Ŭuc lĒuc, ueda rvuc lvu zie dĒo ceē uĀe iŬn wdau nd÷ gdÁuc gdŲe ĪŬuc nīi, ucjs hĒw nĀl kie z , ĪĒv dŬ zjo ieŌo ldÁu dje lie ril, zjo ĪĀ ndav lvu zie dĒo pĒv ndĒud. MŎ zjo, lvu zie dĒo cīs nŬe il ldŬuc ldĒn kŎ nyŬe wdĀn, ldŌn m Ŭe ceŌuc lĀu Ŭ p Ŭu yjo CĒ lÁuc nĀ. Ceōu YĀj Kdjud ijs iĒu ldĀs ndvīn, ud uc mv lĀ iu nyvuc uc Ŭe uōu lĒuc gdÁuc mīi hŬ meŌu nyvuc ndĒud.

Hoild z wdŬ pĒ heud Dīv dŲe ldosŌu hŲl kju ucēs Ŭ KyĒu Ī Ŭuc nyjuc ĪŌo gdÁuc ndŌ n Ŭuc nĒu Ī Ŭl kĒuc lío ldosŌu lĀj hīv Ēu iēs. Tdv mĒ lĀ pŎ yj nd÷ lĒuc gdÁuc ndŌ n Ŭuc nĒu nŬe pĒs Ī Ŭl. Yje uc Ŭe ndĒi ucdl, udĒn ĪŌud hē nōu Ēu iēs uĒi r j nĀuc reu l i lĒuc pŬe Ceōu YĀj Kdjud uōu iŬe keŌn yĀ nŬe pĒs, lĀ ĪeŌo ndav udĀuc c÷ dĒu uĀe nd÷ dje ĪĀj udŲ Ēu iēs Ŭ ieŌo ndŬ ĪŲj uĒi r j Īi zŬi kŎ Ceōu YĀj Kdjud yj njs mĒuc cĀld Īiud ldŌn. CŲl uēs, dje uc Ŭe zĀl nŌud: “TdĒuc hŎ ij xoĀ nyvuc ieŌo ndŬ ĪŲj gŎ vju gdoĒn?”

Hoild z wdŬ ucdl nŬe Īis, nyvuc hŭuc udĒn ndŬe geud ucĀl, iŬ ieŌuc dŲe hīv Ēu iēs: “Cēi zjv uc e keŌn yĀ yēuc nŬe pĒs? IŲn loŬl uc e hē je?” CŬe uĀe pĀj yj nŬe ieŌuc nd÷ kŬuc udeōu lĀi ndĒs hĀud nvīn lĀ uc e, Áuc nj pĒ heud Dīv ceĒn i÷ud ud pĀj nŌud iŬuc, ueda Ī Ŭl neŌuc cē cīs pĒuc pĒuc nĀ rj rj, mŬe mŬe iĒn nd÷ ndĒs i j ceĀ ucvēe nyŬe Īi uc uc, nyŬe Īi dĀuc ziuc. BdÁuc ucŬ ucĀ hŲl uēv gdÁuc djs iē Īi xoj iŬn Īōi. Yje uc Ŭe ĪÁuc mĒs ud÷u pŎ ldŬ hīv Ēu iēs ucŬe Ŭ cĀl n Ŭuc. EŌo Ŭ ĪĀ lĀ uc Ŭe nd÷ ldŎ lĀ ndŌ hē lie n Ŭuc ndŬ ĪŲj ucdeōuc zīn pĒv cĀl n Ŭuc.

BdÁuc keŌn hē ij xoĀ uĒi r j gŎ vju n÷ud, djs hē ndŬ ĪŲj deŌu heud, djs lĒuc lĀ ndŌ hē uc Ŭe Ēu iēs gŎ ldosŌu ndĒn. KyŬe Īi ziuc iē dje uc Ŭe pĒu pĀj zŬ pĀj ude. DĒs lío loŬe gdÁuc ueda yĀ uōu ldŎ lýu u Ŭl mĀuc kĀl n Ŭuc ndŬ ĪŲj hōu, cĀn lŲ pŬe kĒu ĪĒn yj, lŲe ĪĒo ud hĀs pĒe lie.

heud Dīv uĀe pŬe Hoild z wdŬ: “EĀj Īōi xoj, hīv Ēu iēs lĀ uĀe, Ceōu YĀj Kdjud nĀuc ldÁu nde Ŭ m Ŭe līs zjo ieŌo ndŬ ĪŲj, gdÁuc keŌn hē lĀ ndĒn djs gdÁuc.” Yje uc Ŭe ĪÁuc mĒs yj zjo ieŌo rai nd÷ ndĒs ĪŲuc hē lĀ iŬn cŬl līs gdĀ Īi ucdeōuc ucĀ, xoj i j ceĀ uōu iŬe iŌn cĒu dŌn. Yje uc Ŭe nŬe ndÁu i Ŭu lÁuc ĪŬ, ĪĒv m Ŭe cŬl līs iŬn nyĒu nd÷ gdÁuc hío m Ŭe kĒu ĪĒn deŌu yj iŬn lie dŬw zĒn, kōu nyvuc dŬw zĒn lĀ dje kŬ r uc gdĀ.

YŬw zĒn hē dŬw d uc nd Ŭuc mĒuc nyvuc ieŌo ndŬ ĪŲj ucēs ny Ŭl, kŬe mīu ceju nd Ŭuc ldv yĒuc pĒn hēi kĒuc zĒn lĀ ndŌ nyĀ nē nyĒu xoĀ. Ceōu YĀj Kdjud hv zŬ vju dŬu lĀj dje ĪĀj Ēu iēs uŏo ldīu, ldv uōu kŲ dje ril ldŌn pĒv dŬw zĒn, uĒi ĪĀ mv pŬe Īe uōu lĒuc gdÁuc ldÁu zío ldv hĒi. Yje uc Ŭe Hoild z wdŬ ucdeŌu yĒuc ucdeŌu hŬe ny Ŭl dĒud ĪŬuc lĀj Ceōu YĀj Kdjud, ĪÁuc ny Ŭl n Ŭuc ndŬ ĪŲj ndŎ: “KyŬe lĀ iĒn, kĒn gŎ Ceōu YĀj Kdjud nyŬu Ŭ Īio, mĒ lĀ heŌo dje lie iĀuc uēs ldŲuc nj lĒuc gdÁuc xoju nīi, udĒn ĪŌud wdĀe kĒn dĒu yj ny Ŭl lÁuc hĒ.”

Jjo uēs dje kŬ r uc gdĀ Ī Ŭl Ī j nŬe ucdl j nyjuc, hĒw dŬ z iu ĪĒs ĪĀ, lĀ ĪeŌo gde ĪĀ ndŬe ndŌ Ījuc hvĀu, ĪŬl lĀud zīn wdi ĪĀe iu, nyŌuc iu gdÁuc dŌn, pĀj ud÷u ndĒs dje ĪĀj Ēu iēs ldŌn i Ŭe iĒs uĒi yŬe nd÷ lĒuc gdÁuc n÷i deŌo udeŌo, zjo gde hĒw iu lĒuc gdÁuc dŲe c÷ udeŌo. Ed uc udĀi uc Ŭe Hoild z wdŬ nd÷ pĒu xosŌn nīi kĒn Yē sŏo Ceōu YĀj Kdjud, dŲe ndĒi nouc nŏld s Ŭ gdĒw u e, udŬ pĀ nvēu kŬ kĀu kó, ucvĀe nyĀ ĪŬe lĀud zīn uĒi zÁuc, nŬe lĀ YŲj KdĒu DeŌo pĒ J u hÁuc Tío KĀ Sjuc lĒuc Īe ndav dŬ nyŬ. Y u Āj CĒ hĀe CĒuc hĀe xoau keŌn pŬe Īi mo lÁu pĀ hĀe ldosŏu koÁu kiū pĪn, uōu iĀuc h Ŭe ceĒuc gdĒw u e, nyvuc ucvēe ndĒud ĪŌo lĀ l zŬ. SŬe pĒs iŬe uĀe ioŬu wdi iu ny Ŭl neōu wdĀe xoau ndoŬl ĪŲj kēu, wdēi u e uēv lĀ ceĀ ndŬe lŲ hjs hē wdĀe keŌn. TĀ cīs zĀl ōw ud pĒs, ldĒuc hŎ hĀe gdÁuc n÷i Ī Ŭl mĒo pŌn uēv ĪŎ hĀe zjv?

Ed uc lĒuc iŬn wdĒu hē mv gdŲ zŬ Ceōu YĀj Kdjud Īi nĒu, xoĀ ndĒu lĒuc gdÁuc mŏuc. Ecēs ĪĀ rĀs yj iŬn ldosŌu ucĒo udeōu hēi ĪŬe noĒu zÁuc wdīn deŌu yj ‘lvu yŌn ĪĒo pĒuc’, mĒu nŬe lĀud ‘Īi m uc dē cŬw uĀu, ldĀ mĀ ndÁu kĒn sŏo.’[/!#]

7. Chương 7

[!#]

Tío ldosÓu meÓu yj Ý dje u e.

DỦn ucēs nōu kōv CÊ hǎe CỄuc ĩe nỮe mǎ iỦn koỮe njuc hỘ, udě uc Ừe nj là neỎu uōu wdìn njuc gđì nv. YỂu ceǎ iǎv nỄuc udíu ĩe nỮe ueỎi geud zeōo IỦ, geỎi ldÇn l i Ểu pỮe neỎu nd Ýuc, ny Ủl hÇl pỔ, i Ýu hÇl udě njuc cej kỪe yỪe, nyỦi lie k÷ud mỔ, IỎud ĩai pỔ uoÁe mỒ kōu nyvuc, ud uc gde pÁj ud÷u ndỄs ĩis k÷ud nd÷ ĩÁe iỄn hỀw nǎl zìuc xoỂl hōu.

U Ữe ĩis k÷ud là ldǎ Kji Yē C o, ud uc ndǎ hēi CÊ hǎe CỄuc ndỄs z Ủuc udẼn ldøud hē ueōu ĩǎe lǎl gǎ ĩiuc IỔ Ê. TdeỎl k÷ud uēs ĩ Ýl zǎu roẼn pēv udǎuc uỄi loỪe nyeỎo Kdjud, iē udỂl nỮe ndỪe ĩǎ hē udỂl nỮe nyý nde ĩỄo mỒ ióu. Kyý uēs nyỠ ndēud wdvuc nyēv nyvuc ĩi lvu ldìo p uc lÁuc xoÊ nỦl. EdỦ uỄi r j, xoíu kìn gǎ Dìu Kdjud neỎu pēv xoju nyouc, nouc dvēud ndēōu dǎ. CÇl iỮe gdje xoỦl, uc Ừe Eǎ Tđíu pỂu lýu zeud dvǎn nyvuc yÁuc zío uÇe ndỄi. Kyvuc yÁuc hǎe udeỎo mī ndÇ øn uc Ừe Ý uōu uc Ừe Eǎ Tđíu ldǎ sỒo zỪuc kỄuc ucdỔ ĩiud lì pē zỂu kỄn. Kdav zǎ zild cde hǎe, uc Ừe ud yỦuc, ucǎj ud dỦ, hav nyón ud p Ýu, roỪuc u Ủl ud yìe lì, ceỖe kỄu nōu, mỄuc ĩiud nosỎn hoíu. KỦl uc Ừe mỄuc ĩiud ĩǎ ĩiud ndỄuc pēv xoju uỜe, ĩǎuc ĩỄo ndēōu dǎ, zjo ĩǎ ĩiud hÁuc mỖw SỂl iỠ ijuc kỰ lÁe.

N.g.u.ò.n..t.ù. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Ed uc nỮe ndỪe gǎ Kdjud iǎn, ĩi lvu ldìo kìn gǎ hǎe pǎn ĩe dỒn kǎu hhud lǎj Áuc ldj, nỮe lvu ndỖ lỄuc gdÁuc kỄu uỜe, lǎ ucēs ldỒ hv zỪuc wdÁuc nÇuc, lǎ ndỒ hēi ldv nyeỎo Kdjud zos zỠw. Kyvuc udǎuc ndÇ neōo gdeỎu rj rỒ nd÷ ĩỄo mỒ hē dǎuc udẼn, nǎ iỦn lvu mỒ là ndỔ geỎi ĩ Ýl pǎu h Ýuc. Dē lǎu nyÆuc nd÷ wdǎe là k÷ud uoÁe, gdÁuc là k÷ud nỖn zỔ kỔ uc Ừe gdìl ldō l Ừe. S÷ud hǎe ĩ Ýl là ndỔ nyosỎu ĩỪe pỔ zjo uōu lēuc ucēs lēuc ĩiuc ceì. Sj ldǎ Kji Yē C o hē nōu deỎo lǎj iỦn pỔ z wdỠ dỒ C o là njs ucdỔ lǐv zeōo. S÷ud mỒ lǎj Áuc nj yẼn ĩ Ýl uc Ừe dje pỄuc Beud Kíu zỂu n÷i. KỮe ndỪe zjo míu xoỦl, nvēu kỦ IỎo nyỠ ndēud udǎuc pẼn kìo xoÊ ceì.

KdẼn yj, k÷ud ndẼn gdÁuc dỔ là ldǎ Kji Yē C o, là ldǎ uēs nd÷ udẼn IỎud ldỒ hē hvǎe wdỖuc ldỒ, zỠ uc Ừe gdìl gdÁuc keỒn uōu iỮe cde pēv. CÊ hǎe CỄuc gdÁuc keỒn peỎl uēs, hǎe ucỠ hē pỦ ĩ Ýl kǎv pẼn, ĩai ĩe n÷i uc Ừe ioj, cỈw iỦn ĩi uc Ừe, ny Ủl gdÁuc øn lvu iỄn, dỂu kỔ uc Ừe nj l Ừe ldỒ ceỖo iỦn nyỀu, dvi yj lie k÷ud là ldǎ hǎe gdÁuc ĩiuc ceì. Uv xoì nǎl ceỄu, CÊ hǎe CỄuc uôi ndỄuc lie k÷ud xoj ĩ Ừuc, iǎud pỠu kỄu ndỄuc pēv nyiuc uc Ừe ĩe ĩ Ừuc, iìo ldǎs ka kōn. MỖ gej hǎe hē uc Ừe gdÁuc mỖ ĩỮuc pēv, wdǎe kỮe nd Ừuc nd÷ iỮe kỖ xoj. KeỎu iỄs ucēs ĩe ueỎi geud, neỎu nÇe IỎo wdǎe iǎl dỒn yj. YỂu n÷i Hoìld z wdỠ IỔ i Ýu neỎu nd÷ hǎe ĩÇuc hÇl Hoìld z wdỠ pē heud Dìv ĩjuc ĩe nyos rōn nouc nøld Ceōu Yvi Kdjud. BdÁuc lýu neỎu, hǎe gdÁuc pjs ĩ Ýl ĩio, loỪe lỄuc kj uc Ừe ldỄuc lýu lìld uēv wdǎe ĩe hēi ceÇw peỎl pēe ucēs IỔ ceǎe xosỒn udo lỄo Ểu Ý ny Ủl iỄn.

XeÇw peỎl pēe ucēs uÁe nyỄuc yj ldøud hē hēi lÁuc ucỄu dǎu. ự gōud ĩēv wdøj SỂl là iỦn ĩi uc Ừe nỠ nỀw, wdỂu hỮu hē ndỠ uỔ, udě je lỂu uc e ceÇw IỎo nỮe u e uēs IỔ i Ủu pỔ, loỪe ucēs nyǎ neỎu lÁuc. TỄuc ucēs, jv zau Ý p Ừu dvj CÊ KdeỎu Edíu ĩi kỔ ǎ IỒuc, lỂu i Ủu kǎs nìi uc Ừe uǎv pōn, gdÁuc xoju nyỒuc njs ucdỔ c÷ gdÁuc, ldỒ lỂu njs gdvỔ ldỒo gdỦ, gdÁuc zỠ kỄu ndỒo hē ĩ Ýl, neỎu lÁuc nøud ndav ucēs, iỦn ucēs hē iỦn xoju neỎu, uoÁe Ểu dje kǎj. Edǎuc hìv ndỠ uỔ ǎ pēv là njs ucdỔ, hǎe ucǎe ndỪe neỒn ve kǎl uōu gdÁuc ndói hēi peỎl gdoíu pìl ndỒ uēs. Sj uc Ừe gej ĩjuc ndēōo neỎu, ndỄs peỎl hē udǎs pēv, doỪuc dỦ neỎu lÁuc lỄuc gdÁuc øn. EỒo zv zìud pỮe peỎl pìl kjv dēuc Ý udě cj Cìv Cvuc hỄo nd÷ neỎu lÁuc ud udjo, ud uc peỎl gdeōuc kjv dēuc gej wdǎe iỒn ioỪu ldỒn, nøud yj peỎl uǎv pōn kỂu ĩẼn Ý jv zau p Ừu dvj CÊ KdeỎu Edíu pỂu lýu udỖ udǎi d u udeỎo. Sj uc e poe z Ủuc, n Ýuc pỦ ĩ Ýl ieỒuc Ểu uōu hỀw nǎl ĩe hēi hoÁu nyvuc ucēs. BdÁuc ucỰ, uǎv pōn jv zau hǎe n÷i ndỄs iỦn xoju nēe.

M Ừu dvj CÊ KdeỎu Edíu ĩ Ýl rís mǎuc pēv udǎuc uỄi loỪe nyeỎo Kdjud, hÇl ldeỒu nyjud udj wdeỒu

rẮs yj, mv iỦn uc Ừe koÁu ioỪe dỔ CE kỖ neỔu, iỔud mjud hẽ ‘Mhưd peõu’. SoÁu ioỪe Ỡ nyeỔo Kdjud hoÁu là neỔu uõu p Ừu dvj rís mẦuc yj lỀuc lẦl gẬ rj dvj, kỰ lỠl iÁ wdỢuc ndav p Ừu dvj Ỡ KÁ Tdío[/!#]

8. Chương 8

Khoảng cuối thời Dân quốc đã gần như trở thành một công viên mở cửa tự do rồi, sau giải phóng chính thức đổi tên thành Công viên Nhân Dân. Tên công viên ở cổng chính do chính tay Mao Chủ Tịch viết. Bên trong công viên có một cái hồ rất lớn, hoa sen phủ kín mặt nước, xung quanh xây hòn non bộ bảo tháp để trang trí, đình đài lầu các cây cối sum suê. Vào giữa hè, hàng đêm hoa sen nở rộ khắp mặt nước, gió mát mẻ. Dưới đêm trăng, ếch đua nhau kêu vang, phong cảnh say lòng người. Nơi đây đã biến thành một nơi hóng mát tránh nóng tuyệt vời. Nghe nói, kể từ sau khi vườn hoa Lý Thiện Nhân xây dựng xong, con đường tải lộc trong nhà không thuận lợi, người ta đã từng mời thầy phong thủy đến xem. Thầy phong thủy nói vườn hoa này có thể hại chủ, bởi vì hồ nước có hình dạng giống như tuần mã, tuần mã phá tài. Muốn thay đổi phong thủy thì phải sửa lại hai chỗ. Một là bên cạnh hồ nước phải trồng nhiều loại cây, cây cối rậm rạp sẽ ngăn kín đường chạy của ngựa. Hai là mở rộng diện tích vùng hồ nước ở chỗ đuôi ngựa. Lý gia y theo lời của thầy phong thủy, trồng thêm vô số cây cối trong vườn hoa, mở rộng mặt nước ao sen. Hơn nữa, họ còn dựng lên một tòa Tầng kinh các đóng vai trò trấn vật trong vườn hoa. Sau này, qua mấy đời chủ nhân, vườn hoa đã biến thành một công viên tự do ra vào, diện tích không lớn lắm, từ nam đến bắc dài ba dặm, từ đông sang tây rộng hai dặm. Cảnh vật trong công viên khá đẹp, đặc biệt là cảnh hoa sen nở rộ vào mùa hạ. Tuy nhiên, ngay sát bờ của cái ao hoa sen này lại có những chỗ liên tục sinh ra bùn trầm tích, bởi vậy mà hoa sen vô duyên vô cớ héo rũ.

Công viên đành phải mượn người đến hót sạch chỗ bùn đó, Quách sư phụ và hai người anh em của ông ta cũng có mặt trong đội quân này. Tổng cộng mượn về bảy kẻ làm mượn công nhật, mỗi người được phát một cái xẻng. Đầu tiên họ nhổ sạch sẽ những cây hoa sen đã chết héo, sau đó đào chỗ bùn tù đọng lên, xúc lên xe cút kít mang đi đổ. Phần tiền công này quả thực không dễ kiếm, trời thì nắng dữ dội, lớp bùn thì tanh tưởi. Khi đào bùn trong ánh nắng chói chang vào giữa những ngày nóng nhất trong năm, toàn thân hôi rình mồ hôi quện lẫn với mùi bùn thối. Cũng còn may là tiền công không quá thấp, một ngày được cấp hai bữa cơm, thừa mứa bánh bao và cháo đậu xanh. Đào đến trưa ngày hôm sau, ao sen đã biến thành một cái hũng, dưới đáy hũng lộ ra một ít gạch cổ vỡ vụn. Sau khi hót hết đám bùn thối lẫn lộn gạch vụn đi, bên dưới hiện ra một cái nắp quan tài đen thui. Đám người làm công nhật đã đào được một ngôi mộ cổ dưới đáy ao, tin tức lan truyền ra, kéo không ít người hiếu kỳ đến xem. Cái ao đầy bùn thối, những người này chỉ có thể đứng nhìn từ xa. Quách sư phụ phát hiện ra, không riêng gì con người bu quanh ao sen xem náo nhiệt, mà còn có một số con vật rất kỳ quái kéo đến.

Cả một đám người bu quanh xem rướn cổ tròn mắt, toàn bộ nhìn chăm chăm vào cái quan tài đã hé nắp trong bùn thối dưới ao sen, không một ai để ý tới còn có những động vật khác theo chân bọn họ cùng đến xem. Nhưng Quách sư phụ lại có thể nhìn một cái là phát hiện ra ngay, trong lòng hết sức bất an.

Giữa ban ngày ban mặt, không ai cảm thấy sợ hãi cả. Có người nói nếu đào ra mộ cổ như thế này thì phải báo quan. Quản lý vườn hoa không biết làm thế nào, cảm thấy nếu dưới ao sen có mộ cổ, có lẽ nên di dời nó đi, nếu không sau này còn ai dám đến vườn hoa Lý Thiện Nhân chơi nữa. Nhưng dù có nói thế nào thì trước tiên cũng phải móc quan tài lên xem thế nào đã. Đám làm mượn công nhật vô cùng hưng phấn, ầm ĩ bàn tán bảo rằng, bên trong chiếc quan tài được đào ra từ trong lớp bùn tù đọng này chắc công ta có đồ vật giá trị, ai lấy được sẽ là của người đó. Lúc này, Lý Đại Lăng và Đinh Mão rất muốn tranh thủ chiếm lấy công việc đào móc này, nếu moi ra đồ tốt thì có khả năng sẽ được chia phần.

Quách sư phụ nói: “Tôi thấy thế này có vẻ không hay lắm, tiếp theo có khả năng sẽ xảy ra chuyện gì đó, chúng ta đừng tham gia đào. Không tin các người cứ nhìn vào ao sen một cái, xem kia là con vật gì?”

Hóa ra không biết từ lúc nào, quanh ao sen đã có hơn mười con ếch toàn thân xanh biếc kéo đến. Hơn nữa, từ trong ao sen vẫn còn có những con ếch xanh khác liên tục nhảy ra rồi tập trung lại một chỗ. Bầy ếch xanh đó càng lúc tụ tập lại càng nhiều. Toàn bộ đám ếch đó đều hướng về một nơi, đồng loạt nhắm thẳng vào chiếc quan tài trong vũng bùn. Bầy ếch im hơi lặng tiếng tỏ ra cực kỳ giận dữ. Diện tích mặt nước trong công viên Lý Thiện Nhân không nhỏ, có đủ loại hoa sen, có ếch xanh là điều rất bình thường. Khi đào ra

một chiếc quan tài dưới đáy vũng bùn, mọi người hiếu kỳ kéo đến xem thì không có gì đáng nói, nhưng một bầy ếch xanh đông đảo tập trung ở gần đó thì có lẽ đã là việc khác thường rồi. Bầy ếch canh chừng giống như gặp thù địch. Không biết đào ra được cái quan tài này là cát hay là hung.

Ba

Quách sư phụ cảm thấy có chuyện khác thường, bảo Lý Đại Lăng và Đinh Mão đừng có tham gia đào cùng với mấy kẻ làm mướn công nhật. Còn bốn gã làm công nhật kia thì lại cho rằng, có những loài động vật bé nhỏ như ếch tồn tại là điều quá đổi bình thường, không có gì đáng bận tâm. Ao sen của vườn hoa Lý Thiện Nhân lớn như vậy, không có ếch xanh mới là lạ. Giữa ban ngày đào được quan tài thì cần gì phải sợ xác chết, bây giờ không tranh thủ ra tay, đợi lát nữa trong quan tài có thứ gì tốt thì cũng chỉ còn cách đứng nhìn mà thèm. Bốn người cùng nẩy sinh lòng tham, không một ai khuyên nỡ. Những kẻ bu lại xem náo nhiệt ở xung quanh cũng nhấp nhóm than thở, hận không thể mau chóng moi quan tài lên xem bên trong đến cùng là có cái gì.

Từ xưa tới nay, lợi lộc luôn làm người ta nẩy sinh lòng tham. Bốn gã làm mướn công nhật cả đời mình chưa từng vất kiệt sức như lần này. Cả bốn người bọn họ dùng cánh tay trần đào móc bùn từ động. Tiết trời nóng bức, mặt trời mùa hè chói chang chiếu thẳng vào đỉnh đầu, mồ hôi rơi như mưa cũng chẳng làm ai khó chịu, chỉ tập trung men theo hình dáng quan tài mà đào bới. Bốn người này đầu óc ngu si tứ chi phát triển, chỉ biết cậy mạnh. Đào cả một buổi, cái quan tài mới lộ ra được một nửa. Huyệt của cái mộ cổ dưới đáy ao sen hôi thối rất chật hẹp. Bên trên đắp thành mộ, phía dưới dùng gạch đá xây thành huyệt. Qua kết cấu có thể phán đoán là cái huyệt này được xây vào đầu thời nhà Thanh. Tới nay đã được gần hai trăm năm, có thể coi như là mồ mả tổ tiên rồi. Có lẽ là vào lúc xây dựng hoa viên Lý Thiện Nhân ở chỗ này, mộ phần bị lấp bằng. Phần rìa của ngôi mộ bị lớp bùn từ động của ao sen bao quanh. Quanh năm bị lớp bùn này ăn mòn, gạch của ngôi mộ đã đổ sập xuống, quan tài ngâm trong nước cũng đã trở nên mục nát. Chiếc quan tài này được chôn theo kiểu đông cao tây thấp, theo phương vị đầu gối về đông chân xuôi về tây. Tuy nhiên, hoa văn màu vàng kim của thành quan tài vẫn chưa mờ hết, sau khi lau bùn đi vẫn có thể nhìn thấy đó là một hình vẽ bướm vờn trong gió theo lối thủy vân. Bên ngoài quan tài được trang trí theo lối thủy vân đã chứng tỏ mộ phần này là của phụ nữ.

Lý Đại Lăng nói: “Nhiều ếch xanh như vậy, liệu có phải là đám thiêu thân muốn ăn lớp sơn hoa văn màu vàng kim bên ngoài chiếc quan tài hay không?” Quách sư phụ trả lời: “Đừng có nói vớ vẩn! Lớp sơn màu bên ngoài quan tài làm sao có thể ăn được?” Đinh Mão nói: “Hình vẽ bên ngoài quan tài hoàn toàn không phải là bướm bướm, mà là hồ điệp.” Ba người xúm đầu lại, người một lời ta một câu khê thảo luận. Lúc này, từ trong đám người xem náo nhiệt có một vị Tiểu Trương Bán Tiên bước ra, đã đọc qua mấy bản kinh Âm Dương, thông thạo xem thời tiết mưa nắng. Nhà y cha truyền con nối xem phong thủy. Xưa kia, ông nội của y được tôn xưng là Trương Bán Tiên, đến y đã là thầy phong thủy đời thứ sáu. Tuổi tác người này không lớn lắm, ngoài hai mươi nhưng chưa đến ba mươi. Hôm nay, nghe người ta kháo đào được mộ cổ trong công viên Lý Thiện Nhân, nên y cố tình tới xem náo nhiệt. Sau khi nhận ra những người trong đội tuần sòng, y mới bảo với Quách sư phụ và Đinh Mão: “Hình vẽ bên ngoài chiếc quan tài này không phải là bướm bướm cũng không phải là hồ điệp, mà nửa giống điệp nửa giống bướm, nói chung là pha trộn giữa hai loài vật này. Con vật này được gọi là Thanh phù. Nghe nói, ở phương nam có loại trùng biết bay này. Thời cổ, người ta coi Thanh phù là biểu tượng cho tiền tài, cứ vẽ hình nó lên là sẽ phát tài. Có khả năng khi còn sống, người phụ nữ trong quan tài này là người phương nam. Còn hình vẽ thanh phù theo lối thủy vân bên ngoài quan tài mang hàm nghĩa lưu lại tiền tài cho đời sau.”

Quách sư phụ nói: “Thì ra là thế, thanh phù thì đúng là tôi đã được nghe nói tới. Loại trùng biết bay này được chia làm tử mẫu, mẫu không rời tử, tử không rời mẫu. Dùng máu của mẫu trùng và tử trùng bôi vào hai đồng tiền khác nhau, khi mua thứ gì trả cho người ta bằng tử tiền. Đến lúc nửa đêm, tử tiền chắc công ta sẽ bay trở về bên cạnh mẫu tiền. Cho nên tử mẫu tiền dùng mãi không bao giờ hết.” Lý Đại Lăng hưng phấn nói: “Còn có chuyện tốt như thế này cơ à? Tôi sẽ đi bắt vài con thanh phù, sau đó lấy máu chúng bôi vào tiền, sau này không bao giờ còn phải phát rầu vì thiếu tiền nữa.” Quách sư phụ nói: “Chẳng biết đây là cách làm của cái thằng ham tiền đến phát điên nào nghĩ ra, làm sao mà có thể dùng được?” Ông ta quay sang hỏi Trương Bán Tiên: “Tiểu Trương tiên sinh, thầy thử nói coi, tại sao khi đào chiếc quan tài này trong vũng bùn ra, lại có nhiều ếch xanh kéo đến như vậy? Chẳng lẽ chúng đã coi hình vẽ màu con bướm bên ngoài quan tài trở thành miếng mồi hay sao?” Trương Bán Tiên lắc đầu nói: “Tôi nghĩ không phải như

vậy, ếch xanh làm sao mà nhận biết nổi hình vẽ bên ngoài quan tài là thanh phù hay là bướm bướm chứ.”

Trong lúc bọn họ nói chuyện, bốn gã làm công nhật đã đào đến mức năm mặt ván quan tài lộ thiên. Thế nào được gọi năm mặt ván lộ thiên? Nắp quan tài là một mặt, hai tấm gỗ dài hai tấm gỗ ngắn xung quanh là bốn mặt còn lại. Như vậy năm mặt ván đều đã lộ ra rồi, chỉ còn đáy quan tài là vẫn còn ngấp dưới bùn. Đám ếch xanh nhảy ra từ trong nước ao sen đã tập trung lại thành một bầy mấy chục con. Toàn bộ tất cả những người đứng xem đã bắt đầu sơn cả da đầu. Đã bắt đầu có người cầm đá ném chúng. Bầy ếch bị đuổi tản ra, không lâu sau lại tập trung lại như trước, bầy trận giống như được chỉ huy, chỉnh tề ngồi chồm hổm trên mặt đất. Cả một đám trợn mắt phồng mang, mang đầy vẻ giận dữ, không nhúc nhích nhìn thẳng vào chiếc quan tài dưới đáy hũng, thái độ giống như lâm trận. Đến lúc này, tất cả những người vây quanh xem đều có cảm thấy có điềm gỡ, hảo tâm khuyên bảo mấy gã làm công nhật đừng tiếp tục đào nữa, chẳng biết chừng trong cái quan tài đó có vật gì không may.

Bốn

Bốn gã làm công nhật chính là người thấy hơi tiền nổi máu tham, đã đến nước này có nói cái gì cũng nghe không lọt tai. Đến khi thấy bùn đã được đào tương đối, họ cầm xẻng nạy nắp quan tài ra. Cái nắp quan tài rất dày, những người này lại chẳng biết đường nhổ những cái đinh dài trên nắp quan ra trước, liên tục cạy vài cái mà vẫn không ra. Nhưng đáy quan tài bị lớp bùn trầm tích làm ục nát, đã tạo thành một lỗ thủng lớn, chỉ có điều lớp bùn đã che khuất nên không nhìn thấy. Bốn gã đàn ông đầu óc ngu si tứ chi phát triển này dùng sức nạy nắp quan tài, làm cho chân hoa sen gãy rời ra. Bốn tấm ván hai dài hai ngắn, người chết được đặt ở bên trong mô phỏng theo hình tượng đỉnh đầu mây lành chân đạp hoa sen*. Tấm ván dưới chân người chết có hình vẽ hoa sen bằng sơn vàng, phía trên đỉnh đầu là hình vẽ mây lành. Bốn gã làm công nhật dùng sức quá mạnh, tấm ván vẽ hoa sen của quan tài đã bị thủng sẵn, lúc ấy lại rơi ra một miếng to, làm lộ ra hai bàn chân tam thốn kim liên** đeo giày thêu. Thời xưa, phụ nữ nhân phải có bàn chân nhỏ, thon gọn. Nhưng, mặc dù đã đeo giày thêu bằng gấm, đôi chân người chết vẫn khiến cho người xem có cảm giác không cân đối, chói mắt không sao tả xiết. Đám đông đứng xem xung quanh kiễng chân nhìn chăm chú vào đôi chân của xác người phụ nữ trong quan tài, trong một khoảnh khắc lặng ngắt như tờ.

*Hình ảnh thường thấy trong các tranh vẽ các vị phật.

** Thời nhà Thanh có tục bó chân, nếu dài ba tấc thì được gọi là ‘tam thốn kim liên’, là tiêu chuẩn đẹp nhất của bàn chân phụ nữ.

Giày thêu bên trong quan tài lộ ra ngoài, khi gặp phải bùn lập tức biến chất biến thành màu đen. Nhưng những sợi tơ vàng và trân châu khảm trên đôi giày vẫn lấp lánh chói mắt dưới ánh nắng, phản chiếu thẳng vào mắt một gã làm công nhật. Gã đâu còn bận tâm đến những ánh mắt đang nhìn trừng trừng của mọi người, thò tay ra túm lấy hai chiếc giày thêu khảm châu báu. Nhưng ngay khi chạm vào đó, gã cảm thấy hai bàn chân nhỏ bé của xác người phụ nữ trong quan cử động.

Công viên Lý Thiện Nhân thuê người làm công nhật dọn dẹp bùn tù đọng trong ao sen, không ngờ lại đào được một chiếc quan tài đã chôn từ hai trăm năm trước. Một gã trong số những kẻ làm công nhật ỷ vào ban ngày, bạo gan vươn tay ra, nhưng khi vừa mới chạm tới chiếc giày thêu như búp măng, hai cái chân của xác chết phụ nữ trong quan tài bỗng nhiên cử động. Gã sợ tới mức rút phắt tay về, ngã ngồi xuống vũng bùn quắp người lại không đứng lên nổi. Ba kẻ làm công nhật khác là đồng hương của gã, cùng nhau đi kiếm việc làm, hấp tấp chạy tới nâng gã dậy. Nhưng họ đã dùng đủ mọi cách mà gã vẫn không thể đứng dậy được. Gã này đã bị sợ đến mức tê liệt ngay tại chỗ.

Trước đây có người đùa đại, đêm tối đóng giả quỷ dọa người khác, khiến kẻ đó sợ tới mức ngồi phệt xuống đất cả buổi không đứng dậy nổi.

Ng. u. o. n . t. u. r. s. i. t. e . T. r. u. y. e. n. G. i. C. u. n. g. C. o. . c. o. m. Nếu nói theo cách mê tín, đó là trường hợp bị thất hồn lạc phách vì đột ngột kinh sợ. Sau khi hồn phách quay trở lại nhưng vẫn không về đúng vị trí ban đầu. Có đôi khi chỉ kéo dài vài ngày là người đó có thể khôi phục, nhưng cũng có đôi khi tê liệt cả đời không thể nào chữa khỏi. Gã làm công nhật này quả thật là sợ tới mức chân tay mềm nhũn ngồi ngay ra đó, hai chân đã mất hết cảm giác, cạy miệng không nói được một câu. Ba kẻ đồng hương nhắc gã ra khỏi vũng bùn, giao ấy người Quách sư phụ trông nom. Bọn họ muốn tiếp tục xuống dưới lấy chiếc giày thêu của xác người phụ nữ trong quan tài.

Những người hiếu kỳ đứng xem đều đứng ngoài rìa cái hũng. Bên bờ ao sen, bùn được móc lên để thanh tẩy ứ đọng chất thành một đồng lớn, bên dưới toàn bộ đều là lớp trầm tích tanh tưởi, không một ai có ý định sấn lại gần. Có người tinh mắt, nhìn thấy hai bàn chân nhỏ bé dưới đáy quan tài hình như đột ngột cử động, lên tiếng khuyên bảo ba gã làm công nhật đừng có lại gần, không may bị xác chết vồ. Ba người kia đâu có chịu nghe, người quản lý công viên Lý Thiện Nhân có mặt ở đó cũng không ngăn nổi bọn họ. Nếu đổi lại là lúc nửa đêm, đúng là bọn họ không dám lại gần, nhưng giờ là ban ngày trời quang mây tạnh thì có gì phải sợ?

Từ xưa tới nay, nghèo luôn đi đôi với khó. Nghèo có thể làm con người khổn khổ, nghèo thì sẽ mất ý chí, không có tiền sẽ bị trời chân trời tay. Ngoài đường của ngon vật lạ gì cũng có, nhưng không có tiền thì chỉ có thể đứng ngắm, đến nửa đêm mới nằm mơ được hưởng thụ một phen, mở mắt ra lại trở về với thực tại làm phu khuân vác găm bánh ngô. Sống ở đâu cũng cần phải có tiền, không có tiền là lâm vào túng quẫn khôn khó. Những gã làm công nhật nghèo mạt rệp này đâu có nhìn ngó gì đến xác chết phụ nữ trong quan tài, trong mắt chỉ có đôi chân đeo giày thêu kim tuyến bên rìa nạm vàng đang lộ ra ngoài. Bên trên đôi giày được khảm mấy hạt trân châu nhỏ như hạt gạo, phần gấm của nó và cái quần đã biến chất thành màu đen, chỉ còn những sợi kim tuyến và trân châu trên giày là còn đáng giá mấy đồng tiền. Ánh mắt ba gã làm công nhật rực cháy ngọn lửa tham lam. Nhưng khi đến gần chiếc quan tài, bọn họ rõ ràng không kìm nén được nỗi sợ hãi, nhưng vẫn không tông tag được sự tham lam, từng bước một tiến lại gần, run rẩy đi tới tóm lấy cặp giày thêu trên đôi bàn chân của xác người phụ nữ.

Lúc này, Quách sư phụ đang đứng cạnh vũng bùn đỡ cái gã đã sợ mất vía, nghe thấy người này không ngừng lẩm bẩm trong miệng cái gì đó. Hai người Quách sư phụ và Đinh Mão lơ mơ nghe thấy hình như gã nói cái xác chết phụ nữ kia sẽ cử động. Hai người tương đối kinh ngạc. Dù đã ở trong đội tuần sông vớt xác người chết đuối nhiều năm như vậy, nhưng họ lại chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy người chết cử động giữa ban ngày. Vài ngày trước, mặc dù ở kho hàng nhà ga Lão Long Đầu xảy ra tình trạng cương thi vồ người, nhưng nghe người ta nói, đó là chuyện không bằng không có, thật sự khó có thể phân biệt là giả hay thật. Mặc dù đích xác là chuyện lạ, nhưng lại chỉ xảy ra vào thời điểm nửa đêm. Người chết giống như đèn tắt, người phụ nữ trong quan tài dưới ao sen đã chết hơn hai trăm năm, huống hồ ban ngày là lúc dương khí mạnh nhất, nếu bảo xác chết này cử động giữa ban ngày ban mặt thì kiểu gì họ cũng không thể nào tin được. Nhưng sự việc ngày hôm nay lại rất khác thường. Cứ nhìn những con ếch xanh biếc giống như được nhuộm bằng thuốc vẩy quanh quan tài giống như gặp phải thù địch như vậy, là đủ biết tất yếu có điều kỳ quái.

Năm

Trong lúc Quách sư phụ thất thần chốc lát, ba gã làm công nhật đã vươn tay chạm vào giày. Đột nhiên, trong quan tài vang lên một loạt tiếng động lục cục kỳ dị, khiến cho ba gã thanh niên đó sợ tới mức mặt mũi trắng bệch. Tại sao quan tài chôn dưới lớp bùn tù đọng của ao sen lại có thể phát ra tiếng động? Chẳng lẽ xác chết phụ nữ này thật sự cử động? Đừng có nghĩ nông dân không đọc sách, nửa chữ cũng không biết mà lảm, những câu truyện truyền miệng về yêu ma quỷ quái gì mà họ chẳng được nghe. Vừa rồi ánh mắt chỉ tập trung nhìn chằm chằm vào đôi giày thêu khảm châu báu, lúc này họ mới liên tưởng tới những quỷ quái yêu ma trong nghĩa địa của thôn làng, nghĩ ra đủ mọi việc đáng kinh ngạc khiến người ta giật mình có khả năng xảy ra.

Ba người cho rằng xác chết phụ nữ trong quan tài sắp chui ra ngoài, lập tức bấp chân co rút, hối hận vì đã nảy sinh lòng tham, muốn quay đầu chạy trốn. Nhưng hai cái chân lại nặng như chì không thể nhấc lên nổi. Lúc này, mọi người đều nhìn thấy từ trong quan tài hoa sen phụt ra một luồng khói vàng, cùng với đó là âm thanh lục cục quái dị. Toàn bộ những người đứng bên rìa vũng bùn xem náo nhiệt cứng đờ người ra. Đứng cách rất xa vẫn có thể ngửi thấy mùi xác chết khắm khắm, hai mắt cay đến chảy cả nước mắt. Ba gã làm công nhật đứng ngay gần bên dưới hũng, vừa mới tiếp xúc với luồng khói màu vàng này đã lập tức ngã lảo đảo như ba cây cột gỗ.

Trước đó Quách sư phụ đã thực sự cảm giác có điều không hay. Khi nhìn thấy ba gã làm công nhật hít phải khói vàng trong quan tài rồi ngã gục, một lát sau luồng khói vàng lại rút vào trong quan tài, ông ta vội vàng bịt kín miệng mũi, lôi kéo Đinh Mão và Lý Đại Lăng tranh thủ cứu người. Mỗi người kéo một gã. Đến khi kéo ba gã như kéo chó chết đến bên rìa cái hũng, nhìn lại thì đã thấy ba kẻ này đều đã nhắm chặt hai mắt, sắc mặt tái nhợt, giống như đã bị ngạt thở bởi mùi xác chết, kéo dài thêm một lúc nữa là không thể cứu được. Đến lúc này, toàn bộ những người vây quanh xem đều kinh ngạc, vội vàng nhéo sau lưng về

trước ngực để cứu ba gã làm công nhật.

Cùng lúc đó, những con ếch xanh đã nhảy từ ao sen vào trong vũng bùn đột nhiên hướng thẳng về cái quan tài đồng loạt phùng lớp da dưới cằm mà kêu ồm ộp. Lỗ thủng dưới đáy quan tài lại tiếp tục phát ra tiếng lục cục quái dị. Ngay sau đó, bên dưới chân quan tài hoa sen có hai con động vật quái dị giống nhau như lột cùng thò đầu ra. Lớp da bên ngoài nổi lên những cục xù xì như mụn cơm, đích xác là hai con cóc quý to đến mức kì quái. Hai con này là một cặp một trống một mái, trên lưng có hoa văn ngũ sắc đẹp rực rỡ. Chúng há cái miệng rộng hoặc phát ra vài tiếng ồm ộp, trong bụng lục cục rung động, cùng nhau nhả ra một luồng khói vàng mù mịt.

Đến giờ mọi người mới ngó ra, phần gạch của cái mộ dưới ao sen đã sụp xuống, quan tài ngâm trong bùn nhão đã mục nát từ lâu. Con cóc quý chui vào trong quan tài thông qua lỗ thủng, biến ngôi mộ cổ thành sào huyết của mình. Cóc quý rất thích sống chui rúc dưới lớp bùn âm u ẩm ướt của huyết mộ. Màu sắc của hoa văn trên người càng sắc sỡ thì càng độc. Hai con cóc này có vẻ không chịu nổi bảy ếch đánh trống reo hò, bị ép chui ra khỏi quan tài phun sương màu vàng. Bảy ếch xanh cũng không dám tới quá gần. Song phương giống như đã rơi vào thế phải đối đầu, đứng nguyên một chỗ giằng co một lúc lâu. Luồng sương màu vàng do hai con cóc quý phun ra dần nhạt đi, hoa văn rực rỡ lộng lẫy trên lưng chúng cũng nhạt hẳn đi.

Đúng lúc này, từ trong ao sen có một con ếch xanh to gấp hai những con còn lại nhảy ra. Nó ngồi chồm hổm trên mặt đất, to xấp xỉ bằng bàn tay của một người lớn xòe rộng ra, nghiêm nhiên có khí thế vương giả. Nó xòe hai chân trước ra để độ khí thế cùng với hai con cóc quý. Khí thế của song phương ngang nhau khó phân cao thấp. Đám người vây quanh xem đua nhau nhắt đá lên, nhè vào hai con cóc quý mà ném. Hai con cóc quý dường như đã phun sạch khói độc, bắt đầu dĩ chạy trốn chết. Vừa mới chạy đến rìa vũng bùn, chúng đã bị người ta quơ lấy xẻng đập nát nát thành hai đồng thịt bầy nhầy. Có người lập tức than thở đáng tiếc. Trên lưng cóc có lớp sụn, khi chúng còn sống gỡ lớp sụn, rồi moi hết ngũ tạng lục phủ ra. Sau khi phơi khô dưới nắng mặt trời, sụn cóc và da cóc đều là những thứ rất giá trị, có thể dùng làm thuốc. Khi quay sang nhìn những con ếch xanh, đã thấy chúng nối đuôi nhau nhảy trở về ao sen. Chỉ trong khoảnh khắc, mặt nước đã lặng xuống, không còn thấy bóng dáng của chúng. Sau này, có người lập một cái miếu bên cạnh Tàng kinh các của công viên Lý Thiện Nhân thờ phụng thần ếch xanh. Tuy nhiên, quy mô không lớn, cũng chẳng có mấy ai hương khói, sau giải phóng đã bị dỡ bỏ. Sau khi đổi tên thành Công viên nhân dân, cái ao đã trải qua một lần dọn dẹp kỹ lưỡng, nhưng dù có sửa sang thế nào thì cuối cùng vẫn không thể làm cho hoa sen mọc nhiều như trước.

Sáu

Lại nói tiếp, không biết là ai đã báo quan, sau khi người cơ quan nhà nước đến, mấy người Quách sư phụ nhận tiền xong lập tức chấm dứt công việc. Kế tiếp, đám người xem náo nhiệt cũng lũ lượt rời khỏi công viên. Sau đó, nghe nói chiếc quan tài đó đã bị di dời đi chỗ khác. Dân tình đồn ầm lên, Thần sông Quách Đắc Hữu lại cứu được mấy mạng người ở ao sen. Đó chỉ là chuyện nghe hơi nời nhời. Giờ nói đến chuyện chính, lúc ấy nhận được tiền công, sau khi đi ra khỏi cổng, ba anh em bàn nhau trước tiên tới nhà tắm tắm một cái, kỳ cọ sạch sẽ bùn thối bám trên mình. Khi ra khỏi cổng chính công viên Lý Thiện Nhân, ba người vừa vặn gặp Trương Bán Tiên đi cùng đường. Bốn người đi đến ngã tư thì gặp một cái xe đẩy con bán nước Hà Lan.

Nước Hà Lan thật ra là loại nước có ga đầu tiên, dùng bột bạc hà và đường mía pha với nước đun sôi để nguội, có người còn thêm bột sô-đa, là loại đồ uống mát lạnh cực kỳ dễ làm. Tôi cũng không biết có phải là do người Hà Lan phát minh ra đầu tiên hay không, dù sao khi nó đến tay tôi thì đồ uống này đã trở thành phổ biến rồi, đã được gọi là nước Hà Lan. Cuối đời nhà Thanh, Thiên Tân vệ đã bắt đầu có bán. Đến cuối thời Dân quốc, người ta đã bán đủ loại nước có ga đủ tiêu chuẩn, trong nước nước ngoài đều sản xuất, nhưng dân chúng lại không thích uống. Họ vẫn quen uống loại nước Hà Lan do mình tự chế. Nhưng uống loại nước này dễ bị tiêu chảy. Trước kia, có dạo còn có người chết vì uống loại nước này. Ưu điểm của nó là giá rất rẻ, còn rẻ hơn một cốc trà đá. Nước có ga đựng trong chậu sứ in hình hoa sen, dùng đá ướp lạnh, nhìn là thấy hấp dẫn. Vào những ngày nóng nực nhất mùa hè uống một chén, mát lạnh đã khát, thanh hòng giải nóng, đó cũng là một loại hưởng thụ. Mọi người đầu trần húng nằng ở ao hoa sen của công viên Lý Thiện Nhân quá nửa ngày trời, phơi nắng đã đến mức chảy mồ, nóng bức không chịu nổi. Quách sư phụ mời Trương Bán Tiên và hai người anh em của mình đứng ngay bên lề đường uống hai chén nước Hà Lan,

vừa uống vừa cùng thảo luận với Trương Bán Tiên về trận chiến giữa bầy ếch và cóc tại ao sen. Quách sư phụ nói: “Công viên Lý Thiện Nhân này tôi đã vào chơi không biết bao nhiêu lần, nhưng quả thật không ngờ dưới đáy ao sen lại có quan tài.”

Trương Bán Tiên tiếp lời: “Nơi này có quan tài cũng không phải là chuyện kỳ quái gì cả. Theo tri thức mà người của thế hệ ông nội tôi để lại, ông cụ nhà tôi đã sớm nhận thấy địa thế của công viên Lý Thiện Nhân không tầm thường.”

Đinh Mão cười nói: “Bán Tiên xuất thân từ thế gia phong thủy, chúng tôi bàn luận những chuyện như thế này trước mặt Bán Tiên có khác nào là múa rìu qua mắt thánh, có phần coi thường người khác.”

Lý Đại Lăng không tin Tiểu Trương Bán Tiên, lên tiếng: “Cái gì mà coi thường người khác. Theo tôi thấy, Trương Bán Tiên là bán vãi quên mang theo kéo. Quan tài dưới ao sen của công viên Lý Thiện Nhân đã biến thành ổ cóc trú ngụ rồi, thế mà còn được coi là bảo địa phong thủy hay sao?”

Tiểu Trương Bán Tiên nói: “Thực sự không phải là nói khoác, những gì tôi nói đều có căn cứ.”

Lý Đại Lăng nói: “Ồ, còn có căn cứ...? Vậy thầy nên giảng giải tường tận cho chúng tôi, đến cùng có căn cứ gì vậy?”

Như thế nào gọi “Có căn cứ” ? Nói trắng ra, đây chỉ là cách nói khi người ta muốn thuyết phục người khác. Nói là có căn có cứ, thực ra chỉ là dẫn ra những gì đã được viết trong sách, luận một vài đoạn điển cổ. Nếu như người có thể tìm ra dẫn chứng, vậy thì được gọi là “có căn cứ”, nói chuyện mà không có căn cứ chỉ là lời nói tầm phào.

Tiểu Trương Bán Tiên nói: “Không tin có phải không? Ông tổ đời thứ ba của Trương gia tôi có thể xem phong thủy cất âm dương. Danh không phải mua, tiếng không phải chuộc, nếu như không có vài phần bản lĩnh thực sự, tôi sao dám nói ra những lời đao to búa lớn trước mặt mấy người anh em các vị đây? Nói gì người biết, con sông hai bên công viên Lý Thiện Nhân có nhiều nhánh, tự nhiên hình thành thế giống như con trùng trăm chân. Đầu tròn thân dài đuôi nhỏ, dựa theo sách vở, đó là hình một con Kim Vĩ Ngô Công. Hai cái huyết một ở đầu một ở đuôi, người được chôn ở trong hai cái huyết đó không phú cũng quý. Nhưng âm khí của hai cái huyết này rất nặng, dễ thu hút yêu ma đến trú ngụ trong phần mộ. Lúc trước, khi đào bùn mở hòm quan tài ở đó đã xảy ra chuyện gì, chẳng phải mấy người đã tận mắt nhìn thấy hay sao?”

Bất thành lĩnh nghe thấy câu này, Quách sư phụ quả thật giống như nghe thấy sét đánh giữa trời quang, phụt sạch ngụm nước Hà Lan vừa mới uống vào trong miệng vào mặt Trương Bán Tiên, vội vàng hỏi: “Thầy vừa mới nói cái huyết dưới ao sen công viên Lý Thiện Nhân . . . là huyết gì?”

Tiểu Trương Bán Tiên cho rằng Quách sư phụ vừa rồi chưa kịp nghe rõ, cho nên không có phản ứng gì quá khích. Y lau mặt rồi lập lại những lời vừa nói, phần mộ ở công viên Lý Thiện Nhân là ” huyết Kim Vĩ Ngô Công” .

Bấy

Trước đó không lâu, Quách sư phụ và Đinh Mão đến Trần Đường Trang hỏi thăm tung tích của Liên Hóa Thanh. Giữa đêm mưa trời tối đen như mực, ông ta nằm ngủ trên mặt đất trong miếu, bỗng dưng gặp phải một giấc mộng kỳ lạ, văng vẳng nghe thấy tiếng nói Liên Hóa Thanh đang ở trong đầu Kim Ngô Công. Bấy giờ ông ta chỉ giật mình hoảng hốt, cho rằng mình nghe lầm. Làm gì có con rết nào lớn như vậy, lớn đến mức một người sống sờ sờ có thể dung thân trong đầu của nó cho được? Bấy giờ nghe Tiểu Trương Bán Tiên nói ra ông ta mới biết được, địa thế của Kim vĩ ngô công trong phong thủy âm dương có hình thù như vậy. Nếu như lời nói này không sai, cái huyết Kim Vĩ Ngô Công là có thật. Xem ra việc truy bắt yêu sông Liên Hoa Thanh, rất có thể sẽ tìm ra manh mối ở ngay vùng đất có hình thù Kim Vĩ Ngô Công này.

Giữa đường cái không phải là chỗ nói chuyện, Quách sư phụ nói: “Bình thường, chúng ta lúc nào cũng tất tả vội vàng, thật khó mà gặp được nhau. Đã gặp thì có không biết bao nhiêu chuyện muốn nói, không bằng để ba anh em chúng ta làm chủ, mời Tiểu Trương tiên sinh đi nhà tắm ngâm bồn uống trà, tận dụng cơ hội này để trao đổi kỹ càng với nhau.” Trương Bán Tiên vui như mở hội, nhưng vẫn còn cố nói: “Đầu năm nay cuộc sống rất khó khăn, làm sao có thể vô duyên vô cớ không biết xấu hổ bắt anh em phải tốn kém vài lần. . .” Y gượng gạo khách khí vài câu rồi mới đồng ý mà như mở cờ trong bụng.

Phía nam thành phố thời đó có một nhà tắm tên là Thiên Hưng Trì, là loại nhà tắm công cộng phổ biến của thời đại đó, nằm ở ngoài mặt đường, cao hai tầng. Ở cửa ra vào có treo một tấm biển cổ có niên đại từ trước đời nhà Thanh. Tầng một là hồ tắm hơi nước mù mịt, tầng hai được bố trí thành từng phòng tắm riêng theo kiểu cổ. Nếu như khách tắm ở hồ tắm chung còn chưa đủ thoải mái thì có thể đưa ra yêu cầu riêng, nhà tắm sẽ phục vụ đủ các loại dịch vụ từ giác hơi, cắt móng chân cho đến đấm bóp lưng. Giá tiền lại rất rẻ, người muốn bỏ tiền ra thuê một gian phòng tắm độc lập cũng được. Có không ít người tiêu có vài hào là có thể ngâm mình ở đây cả ngày, tắm rửa xong đánh cờ đánh bài nói chuyện phiếm. Bởi vậy, có thể nói nhà tắm công cộng không chỉ là nơi tắm rửa, mà còn là một nơi xã giao đặc thù. Tất cả những người khách đến đây ngâm mình trong hồ tắm chung với chỉ cùng một mục đích. Thân phận lẫn lộn, mục đích vào nhà tắm công cộng là tắm rửa, nhưng đến khi quần áo đặc trưng cho thân phận đã được cởi bỏ sạch sẽ, nếu như muốn bàn chuyện riêng tư, đến nhà tắm công cộng đại chúng là thích hợp hơn cả.

Quách sư phụ dẫn theo mấy người Đinh Mão đi vào Thiên Hưng Trì. Đầu tiên, họ đứng dưới vòi hoa sen xả hết bùn đất bám khắp người, sau đó đi ngâm mình trong hồ nước nóng tới mức mặt mày đỏ rực, toàn thân thư thái. Lên trên tầng hai, bắt lấy khăn nóng do phục vụ viên ném qua, lau khô thân thể, quần khăn tắm tìm một cái giường gỗ ở trong góc khẽ dựa vào, thật sự là toàn thân thả lỏng. Hôm nay thực sự mệt mỏi, mông lung rơi vào mộng đẹp, tỉnh lại không biết mình đang ở chỗ nào. Ngủ dậy lại được nhân viên chạy bàn phục vụ một ấm ạt nóng. Nói một cách dễ hiểu, ạt chính là bột lá trà cao cấp. Nếu không đủ tiền uống trà quý thì chỉ có thể uống vụn của trà ngon được bán đầy trên phố. Sau khi đổ nước sôi vào, một mùi hương trà đặc biệt tỏa ra ngào ngạt. Bên trong nhà tắm còn có bán các loại đồ ăn vặt như lê tươi, củ cải tươi, quả ô liu tươi, hạt sen thanh nóng tiêu hoả ngon miệng. Quách sư phụ còn muốn gọi thêm vài đĩa củ cải trắng Sa Oa*** và một bao thuốc lá Tam Pháo Đài đắt tiền, nhiệt tình mời Trương Bán Tiên uống trà hút thuốc ăn củ cải trắng.

***Còn được gọi là củ cải xanh Thiên Tân Vệ, người ta thường gọi nó là ‘tái áp lê’

Trương Bán Tiên nói: “Vô công bất thụ lộc, hôm nay tại sao quý vị lại vừa mời tôi ngâm bồn tắm lại vừa mời tôi uống trà, có phải là có việc cần nhờ vả hay không? Xin nói trước một câu, muốn vay tiền thì tôi thực sự không có. Hai năm qua kinh tế khó khăn, cái chén cơm kiếm được nhờ xem phong thủy âm dương càng ngày càng không khó kiếm rồi. Không sợ mấy vị anh em chê cười, hơn nửa năm này tôi chưa từng bước chân vào hàng quán. Bữa nào cũng ở nhà cổ mà triệu triệu nuốt đồ ăn, ngay cả mì thập cẩm cũng không dám ăn.”

Quách sư phụ nói: “Xin thầy đừng quá đa nghi, cứ an tâm ở lại đây nghỉ ngơi. Chúng tôi chỉ là lưu manh nghèo kiết xác, có ai mà chẳng biết. Nếu muốn mượn tiền chúng ta cũng không tìm tới thầy.”

Vừa nghe thấy nói không phải mượn tiền, Trương Bán Tiên lập tức yên tâm, rung đùi đắc ý nói: “Người xưa nói rất hay, chim chết vì mồi người chết vì tiền. Thời bây giờ, người trên không có đạo đức, kẻ dưới làm loạn, khiến ột nhân vật như Trương mỗ có tài nhưng không gặp thời. Nhưng hồi ôi, người có tài nhưng không gặp thời đâu chỉ có riêng một mình Trương mỗ?”

Lý Đại Lăng nói: “Thầy đừng nói văn vẻ có được hay không. Tất cả mấy người chúng tôi đều là kẻ thô lỗ, nghe câu này mà không hiểu đầu đuôi ra sao. Ý thầy muốn nói là cái gì?”

Trương Bán Tiên đáp lại: “Tôi muốn nói thế này, ba anh em các vị và tôi cũng giống nhau cả thôi, cùng khốn khó đến cùng cực, nghèo vẫn hoàn nghèo, nhưng tất cả đều là người người có bản lĩnh. Quách gia và Đinh gia thì tôi không nói đến nữa, chúng ta đã quen biết nhau bao nhiêu năm rồi còn gì. Giờ mạn phép mượn Lý Đại Lăng Lý gia cậu để phát biểu cảm tưởng ban đầu khi gặp nhau ngày hôm nay của tôi. Tôi vừa nhìn đã cảm thấy Lý gia cậu là một tráng sĩ hiệp can nghĩa đảm, là bạn bè đáng giá ngàn vàng, không đua tranh với đời, gặp Văn vương khiêm cung hữu lễ, gặp Kiệt Trụ can qua không cúi đầu. Cậu chính là một hảo hán bụng dạ thẳng tòng ta, trong mắt không vương một hạt bụi.”

Lý Đại Lăng nhếch miệng cười nói: “Đúng là chỉ có Bán Tiên thầy tinh mắt. Thầy có biết những kẻ ở ngoài kia đánh giá tôi thế nào không? Bọn chúng không hề nói tôi hiệp nghĩa nhân hậu, mà cái đám tạp nham đó lại dám nói tôi không bằng một nắm rác trong xô nhà—thật con mẹ nó không ra thể thống gì.”

Quách sư phụ bảo Lý Đại Lăng: “Được rồi người anh em, cậu đừng than vãn nữa, mau chóng tiếp tục cắt củ cải trắng cho Bán Tiên, gọi phục vụ đổi cái ấm ạt thành trà thơm.”

Lý Đại Lăng cắt củ cải trắng, châm trà đưa cho Trương Bán Tiên: “Bán Tiên thầy dùng đi, chờ tôi gọi phục vụ pha một ấm trà thơm lớn. Củ cải trắng ăn với trà nóng, thầy lang giận đến lần quay.”

Trương Bán Tiên nói: “Được rồi, ạt đổi thành trà thơm sao? Quách gia ngài tìm tôi nhất định là có chuyện gì đó. Nếu ngài không nói ra cho rõ ràng, tôi thực sự không dám tiếp tục ăn củ cải trắng uống trà của ngài nữa.”

Quách sư phụ nói: “Thôi được, tôi không vòng vo với thầy nữa. Ba anh em chúng tôi mời thầy đi tắm rửa uống trà, đơn giản chỉ vì muốn nhờ thầy giảng giải cho biết huyết Kim Vĩ Ngô Công là như thế nào?”

Trương Bán Tiên tỏ vẻ khó xử trả lời: “Thế này. . . thế này. . . , không phải vừa mới rồi tôi đã nói một lần cho các vị nghe rồi hay sao. Nếu bắt tôi phải nói thêm có lẽ không tiện cho lắm. Tổ tông đã lập ra quy định, thứ này chỉ truyền nam không truyền nữ, chỉ truyền nội không truyền ngoại. Toàn thể gia tộc chúng tôi đều nhờ vào thứ này để kiếm cơm đó.”

Quách sư phụ nói những quy định đó chúng tôi đều hiểu cả, thầy cứ yên tâm chúng tôi không hề có ý định đoạt chén cơm của thầy, chỉ vì muốn đuổi bắt sông yêu Liên Hóa Thanh mà thôi. Ông ta lập tức kể hết ra toàn bộ đầu đuôi nguyên nhân, rồi năn nỉ Trương Bán Tiên nhất thiết phải chỉ điểm một vài đầu mối.

Trương Bán Tiên nói: “Quách gia, ngài hỏi tôi coi như là đã coi trọng tôi rồi. Nếu tôi còn tiếp tục dấu giếm ngài thì có vẻ bản thân đã quá không biết điều rồi. Bây giờ, tôi sẽ dứt khoát nói cho rõ ngọn ngành. Biết nói như thế nào đây, Kim Đầu Ngô Công và Kim Vĩ Ngô Công thực ra chỉ là hai cách gọi của cùng một địa thể, là đầu và đuôi của cùng một con rắn. Sau đây tôi sẽ nói hết những gì huyền bí bên trong cho các vị biết.”

Tám

Sau đó, Trương Bán Tiên khoa chân múa tay giảng giải. Y nói địa thể của Thiên Tân vệ bắc cao nam thấp, phía nam có một vùng đất trũng rộng lớn giống như một cái Tụ bảo bồn (chậu đựng châu báu). Bởi vậy mà nam giàu bắc nghèo. Rất nhiều năm trước, có một con sông lớn chảy vào cái hồ ở phía nam. Sau khi cạn nước, cái hồ đó biến thành vùng đất trũng này, còn dòng chảy ngày trước biến thành kênh rạch. Từ thời Thanh mạt đến nay, nội thành không ngừng được xây dựng mở rộng về phía nam ngoại ô, rất nhiều phòng ốc được xây lên, đường phố được trồng cột điện. Những tuyến kênh rạch trải rộng hơn mười dặm hầu như đã bị lấp bằng. Nhưng theo sách phong thủy, dù đã bị lấp bằng nhưng tuyến kênh rạch này vẫn giữ nguyên được hình thái ban đầu. Theo phong thủy, hình thái đó được gọi là thể Kim Vĩ Ngô Công, giống như một con rắn khổng lồ đang lắc đầu vẩy đuôi muốn bò vào bên trong Tụ bảo bồn. Đầu nó chứa kim, có thể phù trợ tiền tài, đuôi nó treo kim, có thể câu tiền tài. Đuôi con rắn này nằm tại ao sen của công viên Lý Thiện Nhân. Còn về phần đầu Kim Vĩ Ngô Công không nằm ở đây mà lại ở một nơi khác, nơi đó chính là nghĩa trang nhà họ Ngụy tại phía nam thành phố. Năm xưa, ông nội của Trương Bán Tiên là lão Bán Tiên đã giúp Nhị gia của Ngụy gia chọn một khu nghĩa địa. Khu nghĩa địa đó chính là “huyết Kim Đầu Ngô Công”

Trăm ngàn năm trước, vùng trũng phía nam là một cái hồ tự nhiên, đất đai màu mỡ, cho nên cây cối nơi đó tươi tốt, tương phản hoàn toàn với vùng lân cận hoang vu đất bị nhiễm mặn. Mặc dù thể Kim Đầu Ngô Công này rất hoàn hảo, nhưng vẫn có một điểm nhỏ khiến cho người ta sai lầm. Ai mà ngờ được, con rắn này lại bị một tấm bia đá đồ sộ trấn áp. Toàn bộ phong thủy của Kim Vĩ Ngô Công đã bị tấm bia đá này đoạn tuyệt, huyết cát tường biến huyết hung, nhưng mãi về sau này người ta mới phát hiện ra điều đó.

Đầu thế kỷ mười chín, nhân khẩu nhanh chóng gia tăng, nghĩa địa nhà họ Ngụy dần dần biến thành một khu nhà ngói dành cho người sống của chính gia tộc mình. Khu đất đó không bao giờ yên ổn, đường đi lối lại đan xen như mắc cửi, địa thể phong thủy thì không thể nào còn tốt được nữa rồi. Thường xuyên có các loài động vật như sói vàng chồn dừ mèo rừng chó đất qua lại, người sống ở nơi đó không bao giờ an bình. Chính vì vậy, nhà nào cũng treo trên nóc một tấm gương trừ tà. Ở vùng đất đó, thỉnh thoảng lại có thể bắt gặp xác chết của mèo, chó và cáo. Chưa cần nói đến lúc con sông gặp lũ, chỉ cần trời mưa to thì những căn phòng lợp ngói của Ngụy gia đã chìm một nửa dưới nước. Đến nay, một nửa số phòng ốc đã bị hủy hoại, đại đa số đều là những căn nhà nguy hiểm bị bỏ hoang, chỉ chờ phá đi để xây lại. Nhưng thời buổi bây giờ đang là thời kỳ bấp bênh, ai còn lòng nào mà nghĩ đến việc phá hủy những căn phòng xiêu vẹo ở nghĩa địa của nhà họ Ngụy đây?

Xuôi theo hướng nam của nghĩa địa nhà họ Ngụy là vùng ngoại ô phía nam, càng cách xa thì càng hoang vu, đi theo hướng bắc đi là đường vào nội thành. Tấm bia đá khổng lồ nói trên nằm ở phía tây bắc của nghĩa trang nhà họ Ngụy, con vật dưới bệ đá của tấm bia là con bị hí (một loại động vật trong thần thoại, giống rùa. Xưa các bệ đá thường khắc hình con này). Dân chúng gọi tấm bia đá này là bia Đà Long Trần Hà. Thực tế có phải như vậy hay không thì không thể nào biết được, dù sao cũng chỉ là lời đồn đại. Tấm bia đá đó rất đồ sộ, mấy người đứng chồng lên nhau cũng không thể với tới đỉnh, dù đứng cách rất xa vẫn có thể nhìn thấy nó, là loại vật cổ dùng để ngăn chặn sát khí bảo vệ thành trì khi xưa. Không biết bao nhiêu năm trôi qua, mỗi khi sửa đường lợp nhà người ta đều muốn di dời nó đi nhưng không bao giờ làm được. Đầu con Kim Vĩ Ngô Công này hướng về phía nam còn đuôi hướng bắc, trong tư thế đang bò vào trong Tự bảo bồn, nhưng lại bị tấm bia đá này găm chặt lại. Chỉ cần tấm bia đá này còn, cổ con rết sẽ bị tấm bia đá chẹn lại không nhúc nhích được. Cho nên, huyết Kim Đầu Ngô Công đích xác nằm ở ngay gần tấm bia đá.

Ba người mắt tròn mắt dẹt lắng nghe, không tin nổi những gì Trương Bán Tiên đã nói. Ba người nằm mơ cũng không thể tưởng được, Liên Hóa Thanh lại trốn ở trong nghĩa trang nhà họ Ngụy. Nếu đã biết địa điểm thì lúc nào cũng có thể tới đó bắt người. Đừng làm tưởng là chưa từng nhìn thấy mặt của Liên Hóa Thanh thì không nhận ra y, nét đặc thù trên mặt kẻ này không lẫn vào đâu được, hai mắt bốn con người, cứ tìm người có dấu hiệu đặc thù này thì không thể nào nhầm lẫn.

Chỉ cần hai vụ án dấu xác trong hộp sắt ở Trần Đường Trang và chìm xác ở ngã ba sông là đã đủ xử bắn Liên Hóa Thanh vài lần. Nhưng đội cảnh sát đường thủy Ngũ Hà không thể vô cớ bắt người, huống hồ bắt kẻ thông dân phải có cả đôi, bắt trộm phải có tang vật. Nếu muốn kết tội Liên Hóa Thanh đến cùng gây ra bao nhiêu vụ án mạng, lấy đâu ra chứng cứ xác thực, thì phải bắt được y thăm vắn lấy khẩu cung mới tính toán cụ thể được. Ngoài ra, Quách sư phụ còn nghĩ tới một việc, cái tên Liên Hóa Thanh đó không trốn đi đâu mà lại cứ nhè vào vùng lân cận tấm bia đá của nghĩa trang nhà họ Ngụy mà trốn, trong khi bản thân nơi đó vốn dĩ đã ma quái, từ đó có thể thấy được kẻ này nhất định có âm mưu đen tối. Cứ tới đó xem xét kỹ càng, dù có không bắt được người, nhưng chỉ cần có thể tìm được một vài manh mối liên quan cũng tốt chán.

Trương Bán Tiên nói tiếp: “Ba vị muốn đi nghĩa trang nhà họ Ngụy gia bắt yêu, vốn là hành động thay trời hành đạo vì dân trừ hại. Lẽ ra tôi không nên ngăn cản, nhưng tôi vẫn không thể không nói một câu khó nghe. Hiện giờ, địa thế huyết Kim Đầu Ngô Công đã biến thành huyết hung theo đúng nghĩa của nó. Những năm vừa qua, tấm bia đá khổng lồ này đã lấy nhiễm không ít sát khí. Đến giờ này, địa thế đó quả thực đã biến thành một con rết tinh đang ngoác miệng ra, chỉ chờ chờ ăn sống nuốt tươi con người, đến một người ăn tươi một người, đến hai người nuốt sống cả đôi. Hiện giờ, tôi thấy ấn đường Quách gia đã biến thành màu đen báo hiệu điềm xấu. Bởi thế, không đi thì không nói làm gì, nhưng nếu đi thì khẳng định là chết chắc. Tôi tuyệt đối không phải ăn nói bừa bãi, những lời này thực sự là có căn cứ.”

Ba anh em không tin, cho rằng Trương Bán Tiên lại đang cố tình làm ra vẻ thần bí. Những ông thầy xem phong thủy, tướng số như y cứ mở mồm ra là nói chuyện giạt gân, nếu không như vậy thì làm sao thu được tiền của thiên hạ. Họ bèn bảo y không cần tốn thêm nước bọt nữa. Sau khi mọi việc thành công, phần thưởng của ông chủ Thạch nhất định sẽ có phần của y, công đầu trong vụ đuổi bắt yêu sông Liên Hóa Thanh là của Trương Bán Tiên nhà thầy. Đến lúc đó, chúng tôi sẽ bày tiệc cảm ơn thầy, chí ít ra cũng sẽ phải có bốn món ăn mặn nguội, sáu món xào nóng, tám bát canh lớn, ngoài ra còn thêm một nồi lẩu.

Trương Bán Tiên nói: “Mấy người anh em coi tôi là loại người gì thế. Không phải tôi đang hù dọa ba người, nếu Quách gia tới bia trần sông ở nghĩa trang nhà họ Ngụy thì tôi dám khẳng định là chắc công ta sẽ phải chết. Ba ngày sau, nếu ngài vẫn còn sống không chết, Trương Bán Tiên tôi cả nửa đời sau sẽ không bao giờ ăn đến chén cơm phong thủy âm dương này nữa. Các vị, tôi đã nói đến nước này rồi, mọi người vẫn còn không đi không được hay sao?”

Ba anh em bọn họ nghe ra Trương Bán Tiên thực sự là có ý tốt, nhưng vẫn cảm thấy cách nói của y chẳng qua chỉ là quan trọng hóa vấn đề. Chết sống có số, đâu phải do con người định đoạt? Trương Bán Tiên đành chịu. Đừng thấy bình thường Quách gia rất dễ nói chuyện mà lầm, tính tình ông ta thực ra rất cố chấp, những người tuổi trâu đều như vậy cả. Công việc mà mình muốn làm, không một ai có thể khuyên bảo ông ta dừng lại được. Huống chi còn có một Lý Đại Lăng không an phận suốt ngày lải nhải bên tai. Lý Đại Lăng thuộc loại người cứng đầu háo danh. Trong đầu lúc nào cũng chỉ muốn phá vụ án chìm xác ngã ba sông để tranh công nhận phần thưởng, căn bản không bao giờ chịu nghe ai khuyên can. Những gì cần

nói Trương Bán Tiên đã nói cả rồi, thừa biết muốn ngăn cũng không ngăn được, dứt khoát không nói thêm gì nữa, thầm nghĩ: “Nói hay không là do ta, đi không là do Quách Đắc Hữu nhà người, muốn chết hay là muốn sống, tự người tính toán mà làm.”

Mấy người Quách sư phụ hạ quyết tâm, phải đi nghĩa trang nhà họ Ngụy đuổi bắt yêu sông Liên Hóa Thanh. Nhưng họ thừa biết nghĩa trang nhà họ Ngụy ma quái đến phát sợ. Trong cùng một ngày, ban ngày thì đào được cỗ mộ dưới ao sen công viên Lý Thiện Nhân, buổi chiều khi ra khỏi nhà tắm thì sắc trời đã tối, họ không dám đi thẳng tới nghĩa trang nhà họ Ngụy, bèn từ biệt Trương Bán Tiên. Đến sáng ngày hôm sau dậy thật sớm, trời mới vừa tờ mờ sáng, ba người đã tập hợp ở ngoài cửa Nam rồi khởi hành đi tới chỗ bia trấn sông ở nghĩa trang nhà họ Ngụy.

Có người hỏi, những gì Trương Bán Tiên đã nói thực ra có đúng hay không? Ngài hỏi rất hay, tôi xin trả lời ngài rằng, địa thế của huyết Kim Đầu Ngô Công trong nghĩa trang nhà họ Ngụy đã thay đổi, con rết tiền tài bỏ vào Tụ bảo bồn trước kia đã chết, biến thành một con rết khác đang ngoác miệng ra chực ăn thịt người. Quách sư phụ đang gặp điềm xấu, lại đâm đầu vào hang ổ của nó, lần đi nghĩa trang nhà họ Ngụy này thật sự là đi chịu chết.

Ngài cứ tiếp tục theo dõi rồi sẽ biết, lời nói của Trương Bán Tiên thực sự là chuẩn xác. Nhưng câu chuyện về Thần sông vẫn luôn được lưu truyền tới tận thập niên năm mươi sáu mươi sau giải phóng. Nếu Quách sư phụ chết vào thời điểm này thì làm gì còn chuyện gì mà kể nữa? Bởi vậy đó là một cái nút thắt. Trong thuyết thư, nút thắt chính là yếu tố tạo ra kịch tính. Cái nút thắt của tôi chính xác là được đặt ở ngay chỗ này, hồi sau sẽ phân giải.

9. Chương 9

Một

Ai cũng bảo Lý Đại Lăng có tướng hổ, đầu to mũi sư tử, đôi mắt trố to như chuông đồng, giống như một con hổ dữ. Đinh Mão có tướng rồng, là một thanh niên nhanh trí lão luyện; Thân thể cứng như roi sắt, đi lại nhanh như gió, có thể chạy một mạch hai mươi dặm mà không thở mạnh mặt không đổi sắc. Một rồng một hổ này phụ tá đắc lực cho Thần sông Quách Đắc Hữu, khiến cho trong lúc đồn đại, người ta không tránh khỏi thêm mắm dặm muối lẫn thổi phồng quá mức. Nhưng qua đó cũng đã nói rõ, lúc nào ba anh em cũng đi cùng một nhóm với nhau, lần đến nghĩa trang nhà họ Ngụy truy bắt yêu sông Liên Hóa Thanh này cũng không thể thiếu bất cứ ai.

Mạch phong thủy Kim Vĩ Ngô Công này ngày trước là hệ thống lạch ngòi, một đầu nằm ở công viên Lý Thiện Nhân, một đầu nằm tại nghĩa trang nhà họ Ngụy. Gần trăm năm nay, hệ thống lạch ngòi này đã không còn tồn tại nữa rồi, chỉ có những thầy xem phong thủy cao tay mới có thể nhìn ra địa thế ẩn dấu ở bên dưới. Quách sư phụ dẫn Đinh Mão và Lý Đại Lăng, căn cứ theo chỉ điểm của Trương Bán Tiên, đến khu vực gần tám bia đá ở nghĩa trang nhà họ Ngụy phía nam thành phố để truy tìm nơi ẩn náu của Liên Hóa Thanh. Ngay từ lúc sáng sớm, thời tiết đã nóng như đổ lửa. Đeo giày đi trên đường mà vẫn cảm thấy bị phỏng chân, mắt chỉ nhìn thấy một màu vàng chói lóa, mặt đất bốc hơi thành những đám mây dày đặc trên trời. Toàn bộ trời đất âm u tối tăm nóng hầm hập, từng đám chuồn chuồn dày đặc nối tiếp nhau bay là là loạn xạ gần mặt đất.

Bọn họ vừa mới đến rìa vùng đất trũng thì gặp dấu hiệu sắp có cơn dông mùa hạ, chỉ còn thấy mấy người lác đác đi trên đường. Vào thời điểm sắp mưa to như thế này, mọi người hiếm khi đi ra ngoài trời, nhất là những người nghèo phải làm công việc nặng nhọc để mưu sinh. Trời oi bức công việc lại tốn sức, người đầm đìa mồ hôi, trong người như bốc hỏa, toàn bộ lỗ chân lông giãn nở tối đa; Nếu gặp phải mưa to, nóng gặp lạnh, sốt cao ít nhất nửa tháng không lui. Một ngày không làm việc, một ngày toàn bộ người lớn trẻ em trong nhà không có thứ gì mà bỏ vào miệng. Mười ngày nửa tháng có lẽ nằm không gượng dậy nổi, huống chi sinh bệnh cũng không có thuốc mà uống, chỉ có thể nằm liệt một chỗ chống chọi, đến khi qua được cơn bạo bệnh thì vẫn còn lưu lại di chứng. Nếu như gặp bệnh quá mức hiểm nghèo, chẳng biết chừng sẽ đi đời nhà ma ngay ngày hôm đó. Một cái chiếu rách quần quanh xác, chôn cất tạm bợ, cuối cùng biến thành thức ăn của chó hoang. Lao động chính vừa mới chết, toàn bộ thành viên trong nhà lập tức tan đàn xẻ nghé.

Cả ba người Quách sư phụ đều là lưu manh, cũng không phải dân làm công việc nặng nhọc, cho nên chẳng bận tâm gì đến điều đó. Mắt thấy sắc trời không tốt, trong lòng thoáng do dự một chút, nhưng họ vẫn quyết định đi tới nghĩa trang nhà họ Ngụy. Bắt được Liên Hóa Thanh là có thể thẩm tra ra tường tận từng chi tiết vụ án chìm xác ngã ba sông. Bất kể cái xác phụ nữ đó có phải của tiểu thư nhà họ Thạch đã trốn nhà bỏ đi không, vẫn cứ phải đưa ra một câu trả lời thỏa đáng cho người nhà họ. Ba người phải tìm cách nhanh chóng chấm dứt vụ án này. Theo cách nghĩ của Đinh Mão, nếu bắt được Liên Hóa Thanh, không chỉ có tiếng tăm truyền xa lẫn tích đức, mà còn có phần thưởng. Họ suy nghĩ theo chiều hướng đơn giản nhất, đầu tiên ngồi ở biên giới vùng đất trũng ăn bánh rán nhân hoa quả, sau đó đi thẳng tới nghĩa trang nhà họ Ngụy.

Nghĩa trang nhà họ Ngụy còn được gọi là khu cấp bốn nhà họ Ngụy gia, nằm ngay sát rìa vùng đất trũng, thông sang điện đạo. Điện đạo chính là đường cái, trước kia người Bắc Bình vùng đông bắc Thiên Tân thường gọi đường cái theo cách này, nghe có vẻ rất quái lạ. Đường cái dễ nghe thế không gọi, sao lại cứ nhè điện đạo mà gọi? Đường nối với điện, người đi trên đó chẳng phải sẽ bị điện giật hay sao? Vào cái thời đại xa xưa, cách hiểu của dân chúng về điện chỉ có một chữ – nhanh, điện báo, tàu điện, điện thoại, bất cứ cái gì dính dáng đến điện đều có tốc độ rất nhanh. Điện đạo là con đường trơn tru như lụa, xe đi trên con đường đó nhanh chóng an toàn, cho nên mọi người bèn gọi đường cái là điện đạo. Chênh vè hướng nam, ngay gần vùng đất trũng là một ngã tư rộng lớn do hai điện đạo cắt vuông góc với nhau tạo thành. Những người sống ở Thiên Tân vệ ngày trước đều biết ngã tư này bị ma ám, vô cùng quái lạ.

Nếu nhìn từ trên cao, khu nhà ngói trên nghĩa trang nhà họ Ngụy nằm ở phía đông nam của ngã tư đường. Từ khi nghĩa trang nhà họ Ngụy biến thành khu nhà cấp bốn của nhà họ Ngụy đến bây giờ, tất cả những gia đình sinh sống ở đó đều là dân chúng nghèo đói. Một năm trước, sau khi xảy ra một trận lũ lụt, khu này có không ít phòng ốc bị sập đổ, dè chết bảy tám người. Tất cả những người ở trong khu nhà ngói nhà họ Ngụy đều chạy nạn, sau đó không còn người nào đến đó ở nữa. Khu đó đã bị cắt điện nước, chỉ chờ dỡ bỏ. Cách khu nhà ngói nhà họ Ngụy một con đường lớn, nằm ở phía tây nam của ngã tư đường là một nhà máy thuốc lá, thuộc về nhà máy thuốc lá Cấp Đức Môn nổi tiếng. Những năm đầu thời kỳ Dân quốc, các công ty thuốc lá của Anh Mỹ lừa nông dân trồng cây thuốc lá của Mỹ, cung cấp miễn phí hạt giống và giảng dạy kỹ thuật gieo trồng, tận tình dạy mọi người gieo trồng như thế nào; Đến khi thu hoạch, các công ty thuốc lá sẽ thu mua với giá cao. Còn việc gì tốt hơn thế nữa? Nói cứ hay như là chim hót, đại ý đây là công việc trong mơ, rồi đưa ra khẩu hiệu mê hoặc mọi người: “Hoa màu chỉ đủ duy trì ẩm no, nếu muốn phát tài mọi người phải trồng thuốc lá.” Có rất nhiều nông dân ở nông thôn đã mắc lừa, lấy hạt giống về trồng. Chỉ trồng thôi chưa đủ, sau khi thu hoạch lá cây thuốc lá còn phải hong khô. Chi phí cho công việc này thực sự không ít. Những người trồng thuốc lá vay mượn khắp nơi đi mua than về sấy. Sau khi lá thuốc lá đã sấy khô, đến khi vận chuyển đến các công ty thuốc lá của Anh Mỹ, họ mới phát hiện ra giá thu mua không bằng một phần mười chi phí đã bỏ ra, nhưng nếu không bán cho các công ty thuốc lá thì chẳng còn bán được cho ai. Nông dân sống dựa vào trồng trọt, toàn bộ gia đình đều trông cậy vào thu nhập này để sống. Nhưng không ngờ, giá lại chỉ bằng một phần mười so với dự tính. Như vậy đúng là bức tử người không đền mạng. Sau thời điểm thu mua thuốc lá khi ấy, người ta thường xuyên nhìn thấy xác người treo cổ đầy rẫy bên ngoài cổng chính của nhà máy thuốc lá. Những người đó thật sự đã không còn đường sống, đành phải lấy dây thừng thắt cổ ngoài đường.

Mấy năm đó, đã có không ít người chết vì nguyên nhân này. Có tin đồn nói, quỷ thất cổ trốn bên dưới khu nhà ngói nhà họ Ngụy. Quỷ thất cổ muốn bắt thể thân, cho nên con đường này thường xuyên có người thất cổ, chẳng biết là có đáng tin hay không. Nói tóm lại, con đường này có rất nhiều cô hồn dã quỷ oan khuất, hơn nữa phong thủy cũng không tốt, thỉnh thoảng lại gặp chuyện không may.

Hai

Về sau nhà máy thuốc lá chuyển đến Đại Vương Trang ở Hà Đông, bởi vậy khu nhà xưởng của nhà máy thuốc lá bên cạnh khu nhà ngói nhà họ Ngụy đã bị bỏ hoang.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Vài tòa nhà mà người ta còn nhìn thấy ở ven đường, xưa kia từng là văn phòng và khu tập thể của nhà máy thuốc lá. Về sau đã qua mấy lần đổi chủ, nhưng người sống trong đó không bao giờ yên bình, không lâu sau đã bị bỏ hoang cho đến bây giờ. Qua nghĩa trang nhà họ Ngụy và nhà máy thuốc lá về phía nam là đến vùng đất trũng, cỏ dại lau lách mọc um tùm, xa hơn nữa toàn bộ đều là ruộng.

Con đường theo phương ngang của ngã tư đường chạy theo hướng bắc, tương đối vắng vẻ, ngày trước được đổ bằng xi-măng thải. Nếu đi theo hướng bắc, càng tới gần thành phố, nhà ở và dân cư càng dần đông hơn. Nghe nói, tấm bia đá được dựng chính giữa ngã tư đường nhằm ngăn chặn sát khí ở vùng đất trũng phía nam, đồng thời cắt đứt đường đi của toàn bộ ma quỷ ở nghĩa trang nhà họ Ngụy và nhà máy thuốc lá; Hơn nữa, nó cũng phá hủy toàn bộ phong thủy Kim Vĩ Ngô Công. Ban đầu, tấm bia đá này không thấp lắm, không biết được xây dựng từ triều đại nào, đầu con thú công bia đã bị cụt mất một nửa. Chữ khắc trên bia đã bị mòn không thể đọc được nữa, nội dung thì đã bị thất truyền từ lâu. Khi sửa đường, người ta đã định chuyển tấm bia này đi. Nhưng có ai ngờ, vừa mới định hành động thì đất trời đã biến đổi khiến cho không một ai dám thực hiện công việc này nữa. Hoãn đi hoãn lại, đã nhiều năm trôi qua mà nó vẫn đứng trơ trọi, vô cùng chứng mắt lù lù giữa ngã tư đường, người qua lại đều phải đi vòng qua. Người không biết còn cứ tưởng đó là một tấm bia kỷ niệm.

Thường ngày, ba người Quách sư phụ rất ít khi đến nơi này, nhưng vẫn biết rõ đường ngang ngõ dọc ra sao, nên không vội đi vào những con đường nhỏ chằng chịt giống như mạng nhện của nghĩa trang nhà họ Ngụy. Khi họ đến ngã tư này thì đã sắp giữa trưa, bầu trời u ám mù mịt khiến cảnh vật trở nên âm u. Ba người đứng ven đường nhìn ngó xung quanh một lượt. Trên đường cái vẫn thưa thớt có người đi lại, bởi dù sao bây giờ vẫn còn là ban ngày. Họ tập hợp thành tốp năm tốp ba, phần lớn là người bán rau củ. Từ khi trời còn tờ mờ sáng, họ đã vội vàng đánh xe ngựa từ ngoại ô vào thành phố, chạy đến khu chợ sớm gần cổ rao bán từng cân đậu, từng sọt củ cải trắng. Chưa đến buổi trưa thì hầu như đã bán hết, lúc này họ bắt đầu lục tục đi về nhà. Bên kia ngã tư, ngay gần nhà máy thuốc lá có một gánh mì hoành thánh. Người chủ gánh bán mì hoành thánh là một ông lão, dắt theo một cô bé tầm tám chín tuổi, có lẽ là hai ông cháu. Ông lão gánh một cái bếp lò nhỏ, đến vỉa hè bày ra mấy cái ghế đẩu, bán mì hoành thánh và bánh nướng. Nếu như được hôm thu nhập khá khẩm, trên đường đi về nhà sau khi đã bán xong rau quả, mỗi khi đi ngang qua cái quán này những người nông dân thường sẽ gọi một chén mì hoành thánh để ăn lót dạ. Xem ra, nguồn thu nhập của gánh hàng mì hoành thánh của hai ông cháu hoàn toàn trông cậy vào những người này. Ngày nào, hai ông cháu cũng bày bán ở đây. Nhưng giờ trời sắp mưa dông, buôn bán ế ẩm, cả gánh hàng không có một người khách ăn mì hoành thánh. Bình thường, vào ban ngày trên vỉa hè con đường này còn có mấy người bán hàng rong nữa. Cũng may là vùng phía nam tấm bia đá có ít người sinh sống, cho nên cảnh sát tuần tra không thêm ngó ngang gì đến. Tuy vậy, ngày nào họ cũng thu dọn từ rất sớm, bởi đến khi trời tối chẳng còn ai dám đến đây nữa.

Ba anh em dạo qua một vòng khu vực lân cận của ngã tư. Chẳng biết có phải tâm lý đã bị ảnh hưởng hay không, trong tiết trời oi bức như vậy, trong lúc đi về phía nam của tấm bia đá, họ lại cảm thấy tương đối nặng nề. Phần lớn những căn nhà trong nghĩa trang nhà họ Ngụy đã bị bỏ hoang. Có phòng bị khóa lại, nhưng cũng có phòng cửa mở toang, bởi vì bên trong chẳng có cái gì ngoài bốn bức vách, cần gì phải đề phòng trộm cắp. Tấm bia đá trước mặt họ đã xem xét qua rồi, nhắc chân đạp thử mấy lần, bên dưới không có khoảng trống. Chỉ còn những tòa nhà thuộc về nhà máy thuốc lá ở phía tây nam của tấm bia đá là chưa xem xét. Nhưng lúc bấy giờ đã đến giờ cơm trưa, bụng cũng đã đói. Nhìn thấy gánh mì hoành thánh bán bên lề đường, họ bèn đi qua ăn vài chén mì và mấy cái bánh nướng thay cho cơm trưa. Ông lão bán mì hoành thánh có thân hình rất cao lớn, chòm râu dưới cằm vàng hoe, lúc ấy đang bận rộn thu dọn gánh hàng, gương mặt lúc nào cũng trơ ra. Nhìn thấy có khách đến, ông lão cúi người chào đón, nhưng dù vậy gương mặt vẫn không có một nét tươi cười nào. Ông lão sai cô bé xếp ghế đẩu cho ba người ngồi. Cô bé đó vô cùng hiền lành nghe lời, tay chân nhanh nhẹn khiến cho người khác thấy rất đáng yêu. Nhưng lại có một điều rất kỳ quái, đó chính là sắc mặt của hai ông cháu nhà này trắng bệch, lạnh như băng. Trong vẻ tái nhợt lại pha lẫn nét âm u, khiến cho người ta cảm thấy có vài phần đáng sợ.

Ba

Ba anh em ngồi xuống. Quách sư phụ lên tiếng hỏi ông lão bán mì hoành thánh: “Ông cụ, mì hoành thánh bán thế nào?” Ông lão bán mì hoành thánh trả lời: “Mì hoành thánh nặn đến đâu nấu đến đấy, hai viên to một bát.” Lý Đại Lăng hỏi: “Nước dùng mì hoành thánh có mất tiền không?” Ông lão đáp: “Nước dùng thì miễn phí, nhưng cậu phải mua mì hoành thánh mới có thể uống nước dùng.” Quách sư phụ nói: “Làm phiền, cụ làm cho chúng tôi ba bát mì hoành thánh và mười cái bánh nướng.” Ông lão lên tiếng đáp ứng. Nước trong nồi đã được đun sôi, ông lão chuẩn bị nhúng mì hoành thánh vào bên trong. Toàn bộ số mì hoành thánh đó là do cô bé kia nặn. Động tác của cô bé rất thành thạo, mì hoành thánh được nặn ra một cách nhanh chóng. Quách sư phụ hỏi ông lão bán mì hoành thánh: “Đó là cháu gái của cụ hả?” Ông lão

vừa luôn tay làm vừa trả lời: “Phải, là cháu gái của lão, từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ. Những năm vừa qua, hai ông cháu lão dựa vào gánh mì hoành thánh mà sống.” Quách sư phụ gật đầu: “Cô bé đáng thương, hình như có vẻ rất thạo việc, đã giúp cho cụ không ít nhỉ?” Ông lão đáp: “Không hẳn là như vậy, bình thường chỉ có một mình lão quả thật là bận tối mắt tối mũi. . .” Hai người nói chuyện chỉ trong chốc lát, mì hoành thánh đã được nặn xong, nhúng vào trong nồi nước đang sôi đun một lát cho chín. Ông lão vớt mì hoành thánh trong nồi ra, đổ vào từng bát một, nhỏ thêm vài giọt dầu vừng, thả một chút rau thơm và hành thái nhỏ, lần lượt đưa cho ba anh em, sau đó nói: “Nhân lúc còn nóng mau ăn đi, thời tiết đã sắp thay đổi đến nơi rồi. Khi nào ăn xong mì hoành thánh, các cậu hãy mau chóng về nhà đi. Hai ông cháu lão cũng phải thu dọn quanh gánh, nếu dính cảm mạo vì thời tiết thì đúng là không may chút nào.”

Mấy người Quách sư phụ đã không quan tâm đến trời có mưa hay không, lại còn không phải làm việc mệt nhọc, cho nên đâu có sợ phải dầm mưa. Nếu chẳng may gặp phải mưa dông hoặc là mưa đá, quanh đây có đầy những căn phòng bỏ hoang xiêu vẹo để mà trú. Bởi vậy bọn họ đã bỏ ngoài tai lời khuyên của ông lão. Lý Đại Lăng ra vẻ hiểu biết, nói: “Theo tôi thấy, trận mưa dông này chắc phải đến khi trời chập choạng tối thì mới diễn ra.” Ông lão bán mì hoành thánh lắc đầu bảo: “Trời đã nổi mây dông, khó mà đoán trước được mưa bão xảy ra lúc nào. Hãy nghe lão, ăn mì hoành thánh rồi chạy nhanh về nhà mà trú đi.” Đinh Mão nhận ra ý tứ mập mờ bất thường trong lời nói của ông lão bán mì hoành thánh, ngạc nhiên hỏi: “Quái, làm sao cụ lại biết chúng ta không phải người ở đây?” Ông lão bán mì hoành thánh trả lời: “Các cậu mà trú ngụ ở đây thì mới thật là quái dị, đây là nơi dành cho người ở sao?” Đinh Mão thắc mắc: “Nhiều phòng ốc như vậy, người không ở thì quấy ở chắc?” Ông lão bán mì hoành thánh đáp: “Chàng trai, lão đã bán mì hoành thánh ở cái ngã tư này biết bao nhiêu năm rồi, ai ở đây có lẽ lão rõ ràng hơn so với cậu nhiều. Dù sao đi nữa, ba người các cậu cũng chắc chắn không phải người ở gần đây. Nhân lúc còn nóng, các cậu ăn mì hoành thánh nhanh lên, để nguội lạnh không ăn được đâu.”

Ba anh em chợt sinh ra ý nghĩ giống nhau, tranh cãi với ông lão bán mì hoành thánh làm cái gì. Gánh mì hoành thánh của ông lão bày bán ở ngã tư này quanh năm, nên khi nhìn thấy chúng ta lạ mặt, cho nên ông lão đã thừa biết chúng ta không phải là người sống ở gần đây. Nghĩ vậy, ba người cảm thấy không cần gì phải hốt hoảng. Nhìn thấy mùi mì hoành thánh thơm ngào ngạt, họ đã thấy cồn cào cả ruột gan rồi. Ba người bưng bát lên thổi cho nguội bớt, rồi cầm lấy thìa xúc mì trong bát cho vào miệng. Vừa mới chạm đến đầu lưỡi, ba người lập tức ngậy đại, đây là loại mì hoành thánh gì vậy?

Bốn

Có lẽ ai cũng đã từng ăn mì hoành thánh, loại rẻ nhất chắc phải là loại được bán rong ngoài đường; Trước kia còn được gọi là bánh canh bán rong, canh lỏng bông nước, nhân thịt nhồi trong mì hoành thánh bé đến mức dù có căng mắt ra cũng không nhìn thấy, hai ba viên to trong một bát. Loại mì tốt hơn một chút được bán tràn lan ở trong các hàng ăn, nội thành ngoại thành đâu đâu cũng dễ dàng nhìn thấy. Còn loại đắt tiền chính là mì hoành thánh bán bên trong các nhà hàng. Những kẻ có tiền, mỗi khi kết thúc tiệc rượu lại dùng thêm một bát nhỏ mì hoành thánh như vậy. Do đó, nó đã trở thành món tráng miệng. Nguyên liệu làm lớp bọc ngoài và nhân bánh của loại mì hoành thánh này được làm tương đối cầu kỳ. Bột mì để làm lớp vỏ ngoài được trộn thêm trứng gà, nguyên liệu làm nhân bánh có đủ các loại tôm tươi bóc vỏ, nấm rơm.

Ba người Quách sư phụ nghèo mạt rệp, dù thiếu tiền nhưng không thiếu ăn, thường xuyên được chiêu đãi mỗi khi giúp việc tang lễ ọi người, nhưng cả đời mình chưa từng được ăn loại mì hoành thánh nào ngon như vậy. Vừa ăn một miếng, cả ba đã ngậy người ra, không thể tưởng tượng nổi một gánh mì hoành thánh vỉa hè tồi tàn thế này lại có loại mì ngon như vậy. Nhân thịt ở giữa rồi lớp bọc ngoài, thậm chí cả nước dùng, quả thực không còn gì đáng chê. Nhìn cho kỹ thì bản thân mì hoành thánh chẳng có điểm nào thần kỳ cả, có lẽ là do nước dùng. Chỉ cần có một nồi nước dùng gia truyền, hương vị của món canh đã không thể nào tầm thường rồi. Trong lòng ba người thầm nghĩ như vậy, nhưng bên ngoài thì cầm đầu vào ăn, suýt nữa ngay cả đầu lưỡi của mình cũng nuốt luôn xuống bụng. Chỉ trong khoảnh khắc, bát mì hoành thánh đã chui hết xuống bụng không thừa một giọt.

Mắt thấy mây đen vần vũ trên đỉnh đầu, sắc trời đã trở nên tối mù, những người đi trên đường không tự chủ vội rào bước nhanh hơn. Ông lão bán mì hoành thánh và cô cháu gái cũng đã thu dọn đồ đạc chuẩn bị về nhà. Nhưng ba người bọn họ vẫn chưa đã thèm, chết sống năn nỉ đòi mua thêm mấy bát mì hoành thánh. Ông lão thực sự khó xử, tỏ rõ thái độ sợ gặp phải mưa to, muốn mau chóng đi về nhà, nhưng không biết làm cách nào từ chối yêu cầu đòi ăn thêm của ba người để mà nhắc chân lên đi về, đành phải đứng ở lẽ

đường nấu thêm mì hoành thánh cho cho bọn họ. Quách sư phụ hỏi: “Món canh mì hoành thánh này ngon như vậy, tại sao cụ không vào nội thành mà bán?” Ông lão bán mì hoành thánh đáp: “Trong nội thành đông người, người ta quản lý đất đai rất nghiêm, gánh mì hoành thánh của lão là mua bán nhỏ, chen không lọt, bắt đắc dĩ mới phải đến ngã tư ở nghĩa trang nhà họ Ngụy bày quầy bán hàng. Nơi này vắng vẻ, khách hàng vốn không nhiều lắm cho nên càng phải để tâm vào nấu.” Quách sư phụ nói: “A, vậy có lẽ cụ đã bày bán gánh mì hoành thánh trên con đường này rất lâu rồi?” Ông lão bán mì hoành thánh đang bận rộn bắc nồi đun nước, không ngẩng đầu lên, chỉ đáp lại một câu: “Tương đối lâu rồi, cậu đấy, đừng có hỏi nhiều nữa, ăn thêm một chén mì hoành thánh nữa rồi mau về nhà đi, lão đây là vì muốn tốt cho cậu.”

Quách sư phụ thầm nghĩ không hỏi sao được, hiếm khi mà gặp được một người như ông lão. Ông lão này đã bày bán gánh mì hoành thánh ở vỉa hè chỗ nghĩa trang nhà họ Ngụy đã rất nhiều năm, hết sức quen thuộc vùng này, chúng ta chạy cả một quãng đường dài đến nơi này, đâu có phải là để ăn vài chén mì hoành thánh. Ông ta cảm thấy, tòa nhà của nhà máy thuốc lá nằm ngay gần ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy là nơi lý tưởng nhất để ẩn nấu quanh khu vực tấm bia đá, cho nên bám riết lấy ông lão bán mì hoành thánh hỏi thăm một chút, nhưng lại không viện được ra lý do hợp lý để mà mở miệng. Ông ta bèn hỏi cho qua chuyện: “Cụ ở nơi nào?” Ông lão chỉ tay về phía bắc của ngã tư, chỉ nói hai chữ: “Gần đây.”

Quách sư phụ thầm nhủ trong lòng: “Nói thế có khác gì chưa nói, gần đây là cách đây bao nhiêu?” Lại hỏi tiếp: “Sao cụ không thuê một căn nhà cấp bốn ở ngay bên kia đường mà ở, như vậy có thể gánh gánh mì hoành thánh ra bày bán tiện hơn nhiều.” Ông lão bán mì hoành thánh trả lời: “Không dám ở. Trước kia, khu nhà cấp bốn ở nghĩa trang nhà họ Ngụy có không ít hộ gia đình cư trú. Nhưng nghe nói phong thủy của vùng đất trũng không bao giờ tốt, bởi vì ngày xưa nơi này là nghĩa địa, năm ngoái lại xảy ra một trận lũ lụt, từ đó đã không còn người ở.”

Lúc này, cô bé gái đã nặn toàn bộ số bột và nhân bánh thành mì hoành thánh, nhưng số nguyên liệu còn lại không nhiều lắm, chỉ đủ cho bốn năm bát. Ông lão bán mì hoành thánh nói: “Còn lại cũng chỉ có bấy nhiêu, vốn định giữ lại cho hai ông cháu chúng tôi ăn, giờ dù đã chế biến ra hết, nhưng chỉ tính tiền các cậu ba chén thôi. Ăn xong rồi nhanh nhanh về nhà đi thôi.” Quách sư phụ đáp lại: “Cảm ơn cụ. Giờ xin hỏi thêm cụ một vấn đề nữa, cái nhà máy thuốc lá bên kia đường đối diện với nghĩa trang nhà họ Ngụy, chính là cái tòa nhà bê tông cốt thép ở góc tây nam ngã tư đường kia kìa, hiện giờ bên trong còn có người ở không?” Ông lão bán mì hoành thánh nghe thấy vậy, khẽ biến sắc, đáp ngay: “Không có người nào ở cả, đó là căn nhà bị ma ám.”

Cho tới lúc trưa, nhóm ba người Quách sư phụ đã sục sạo quanh tấm bia đá một lượt, chỉ có tòa nhà bê tông cốt thép kia là còn chưa vào lần nào. Phía tây đường cái là nhà máy thuốc lá bị bỏ hoang, gần đường có vài tòa nhà bê tông cốt thép tan hoang, ngày trước là khu tập thể của nhà máy. Tòa nhà gần tấm bia đá nhất là còn nguyên vẹn nhất, được xây dựng theo lối kiến trúc hai tầng lầu kèm một tầng ngầm, đã từng là chi nhánh của công ty thuốc lá của Anh Mỹ, được bao quanh bằng một bức tường rào xây bằng đá tảng nắm mốc, có vẻ ngoài tương đối nặng nề và kiên cố, so với những gian nhà ngói cấp bốn ở nghĩa trang nhà họ Ngụy dành cho dân chúng nghèo ở thì chắc chắn và đồ sộ hơn nhiều. Nhưng cửa sổ khu nhà đó đóng chặt, trên nóc nhà cỏ dại mọc um tùm, hiển nhiên là rất lâu rồi không có người cư ngụ. Nghe ông lão bán mì hoành thánh nói, bên trong tòa nhà này có ma. Trong lúc nói chuyện, thái độ và cách nói cũng không giống như cố ý hù dọa người khác, Quách sư phụ nhân cơ hội đó hỏi ông lão: “Ngôi nhà ma? Bên trong không có người ở?”

Ông lão bán mì hoành thánh đáp: “Nghe nói tòa nhà này không sạch sẽ, bên dưới có mồ mả của người xưa, nhiều lần đổi đi đổi lại chủ nhà, nhưng không một nhà nào sống an ổn, ai cũng bảo có ma. Hai năm trước, tòa nhà này đã được một vị hội chủ một hội nào đó mua lại, cả nhà năm người đều sống dựa vào kinh doanh buôn bán. Vị hội chủ đó lên lút tiến hành một số vụ mua bán không thể lộ ra ngoài ánh sáng, nếu không sẽ không đến ở một nơi vắng vẻ đến như vậy. Sau đó, cả nhà năm người đột nhiên chết không rõ nguyên nhân ngay trong nhà mình, ngôi nhà này không bị ma ám thì là cái gì? Từ lúc ấy, không một ai dám đến ở nữa. Các cậu đấy, đừng có mà không tin là có tà ma.”

Chỉ trong thời gian ngắn ngủi đó, cô bé gái đã nặn xong toàn bộ chỗ mì hoành thánh còn lại. Bên phía ông lão thì nồi nước dùng đã sôi sùng sục. Mì hoành thánh được nấu không khác gì mấy so với sủi cảo, chỉ khác là phải nấu thật nhanh. Bánh sủi cảo vỏ dày, phải nấu tới lúc ba chìm ba nổi mới có thể vớt ra khỏi nồi, còn mì hoành thánh chỉ cần nhúng vào nồi nước dùng đang sôi là đã chín. Ông lão lặp lại những công đoạn

như vừa rồi, đổ đầy mì vào trong bát, cho thêm gia vị và nước dùng rồi đưa cho ba người. Lúc tiếp nhận bát mì hoành thánh, Quách sư phụ chạm vào tay ông lão. Bàn tay kia đó lạnh như băng, quả thực là giống hệt như tay người chết.

10. Chương 10

Năm

Trời thì oi bức như vậy, lại còn bưng bát mì hoành thánh nóng hổi, tại sao tay lại lạnh băng như thế được? Quách sư phụ đã lăn lộn ở đội tuần sông vượt xác trôi sông đã nhiều năm, trong ấn tượng của ông ta thì dù trời có nóng đến thế nào, khi được vớt từ dưới sông lên thân thể của người chết đuối bao giờ cũng lạnh ngắt, bởi người chết không còn hơi ấm của sự sống. Khi chạm vào tay ông lão bán mì hoành thánh một cái, ông ta chợt liên tưởng tới những xác chết đó, trong lòng không kìm được run rẩy một trận. Mặc dù sắc trời âm u nặng nề, nhưng dù sao cũng là ban ngày, giữa ban ngày ban mặt làm sao có thể có người chết bán mì hoành thánh ở vỉa hè được, đây là tình huống không có khả năng xảy ra.

Thần hồn nát thần tính, Quách sư phụ bưng mì hoành thánh mà không dám ăn. Trong khi đó, hai người anh em của ông ta chẳng thèm nghĩ ngợi cái gì, giống như quỷ chết đói dẫu thai vô lấy bát ăn mì hoành thánh. Mùi vị vẫn thơm ngon như vậy, húp vài ba cái cả bát mì hoành thánh đã chui xuống bụng, dù có ăn thêm vài bát nữa cũng chẳng có vấn đề gì. Thấy Quách sư phụ ngẩn người bất động, ông lão bán mì hoành thánh thúc giục ông ta nhân lúc còn nóng mau ăn đi. Ngồi bên cạnh chứng kiến, Đinh Mão chợt nhớ tới một câu chuyện tiêu lâm, bèn kể cho Lý Đại Lăng nghe. Gã kể, trước kia có một ông lão ở nông thôn, nhà ở bên một khe suối heo hút trong rừng sâu núi thẳm, bốn chung quanh chỉ là rừng núi, đường đi không thuận tiện, đi xuống thị trấn một chuyến chẳng khác gì xuất ngoại. Dù đã sống đến từng tuổi này rồi, nhưng đó mới là lần thứ nhất ông lão đến thăm nhà người thân ở tỉnh thành. Người thân chiêu đãi ông lão món bánh trôi nước. Ông lão vừa nếm thử một miếng đã cảm thấy món này quá ngon, đời đời kiếp kiếp ở giữa thâm sơn cùng cốc, kể cả trong mơ cũng chưa từng được ăn món như thế này, bèn hỏi người thân món đó gọi là gì? Người thân không biết ông lão ngay cả bánh trôi nước cũng còn chưa được nhìn thấy bao giờ, hơn nữa ấy ông lão còn đang ăn dở miếng bánh trôi nước, phát âm lúng búng không rõ, không thể hiểu nổi ông lão hỏi cái gì, đành trả lời qua quýt: “Cụ..., nhân lúc còn nóng nhân lúc còn nóng, nhân lúc còn nóng ăn đi.” Nghe thấy vậy, ông lão cho rằng bánh trôi nước tên là “Nhân lúc còn nóng”, sau khi về nhà vẫn nhớ mãi không quên món ăn này. Có một lần, ông lão thêm đến phát khùng nhưng lại không được ăn, lập tức hít vào thì nhiều mà thở ra thì không bao nhiêu, đến lúc sắp chết muốn được ăn món “Nhân lúc còn nóng” thêm một lần nữa. Con của ông lão là người chí hiếu, thấy cha thêm ăn lúc hấp hối, thế là treo đèn lòi suối chạy ra thị trấn mua món “Nhân lúc còn nóng” cho ông lão. Người con hỏi thăm nhưng không ai biết đó là món gì, biết đi đâu mà hỏi bây giờ? Đứng vào lúc người con đang nóng vội, trên đường có một người bán sủi cảo gân cổ lên rao: “Vừa ra khỏi nồi đây, nhân lúc còn nóng nhân lúc còn nóng.” Nghe thấy lời rao đó, người con nghĩ chắc đúng là món này, vội vàng chạy qua đó mua một bát to, mang về nhà cho ông lão ăn. Ông lão vừa mới biết được con trai đã mua món ‘nhân lúc còn nóng’ mang về đến nơi, căn bệnh trên người lập tức thuyên giảm một nửa. Nhưng ông lão thấy không đúng, tại sao lại biến dạng như thế này. Ông lão bắt động nhìn chăm chăm vào bát sủi cảo quan sát, cả nửa ngày sau mới thốt ra được một câu: “Nhân lúc còn nóng à nhân lúc còn nóng, hai năm không gặp, người đã mọc gai ra cơ đấy.”

Nghe kể xong, Lý Đại Lăng và cô cháu gái của ông lão bán mì hoành thánh đều phì cười, nhưng gương mặt ông lão bán mì hoành thánh vẫn trơ trơ, ông lão cũng chẳng thèm quan tâm Đinh Mão đang kể chuyện gì, giống như là hoàn toàn không nghe thấy, mà chỉ thúc giục Quách sư phó ăn au.

Trong lòng cảm thấy có điều gì đó rất không hợp lý, Quách sư phụ kín đáo quan sát ông lão bán mì hoành thánh và cô cháu gái. Hai ông cháu nhà này có sắc mặt trắng bệch, thân thể lại lạnh như vậy, quả thực giống y như xác chết không còn hơi ấm của người sống. Nhưng bát mì hoành thánh đang cầm trên tay có mùi vị rất thơm, chỉ cần ngửi hương thơm đã không nhịn nổi, ông ta đánh liều, dù sao vừa rồi cũng đã ăn hết một bát, giờ ăn thêm một bát nữa thì đã làm sao? Ông ta lập tức bưng bát lên, cả mì hoành thánh lẫn nước dùng, chỉ húp vài miếng đã sạch bách. Chỗ mì hoành thánh đó cứ như là có chân tự chạy vào trong bụng vậy. Ăn xong, ông ta lau miệng, tiện đó đưa luôn cái bát không cho cô bé gái.

Nhìn thấy Quách sư phụ đã ăn sạch sẽ bát mì hoành thánh đó, ông lão giục cô cháu gái thu dọn đồ đạc và bàn ghế bát đĩa của gánh mì hoành thánh, rồi tiếp tục quay sang bảo Quách sư phụ: “Đừng có quyền luyến cái kia tòa nhà ma quái kia nữa, chỗ đó chẳng có cái gì tốt đẹp đâu. Thời tiết đã sắp thay đổi đến nơi rồi, mau mau về nhà mà trú đi. Giờ đi vẫn còn chưa muộn, đừng để đến lúc muốn đi lại đi không được rồi mới hối hận.” Nói dứt lời, ông lão nhắc gánh mì hoành thánh lên vai, cô cháu gái đi bên cạnh đỡ. Hai bóng lưng một già một trẻ nhăm thẳng vào tấm bia đá mà đi, chân bước rất vội vàng, chỉ trong chớp mắt đã không còn bóng dáng, giống như là đã tan biến vào không khí.

Quách sư phụ ngậy người ra một lúc, thầm nghĩ: “Nghe cách nói gần nói xa đầy ẩn ý thế này, chắc ông lão đã biết tổng chúng ta muốn đi vào trong tòa nhà kia. Tại sao một ông lão bán mì hoành thánh rong ngoài đường lại biết được chúng ta muốn làm cái gì?” Đến khi ông ta lấy lại tinh thần, đôi mắt nhìn lại, trên đường cái đã không còn một bóng người nữa rồi, chỉ có lại một tấm bia đá trên lưng con thú cụt đầu đứng ở giữa ngã tư đường.

Sáu

Quách sư phụ phát giác ông lão bán mì hoành thánh và cô cháu gái quá mức quái dị, trong lòng tự hỏi, tại sao hai người này lại biết chúng ta muốn vào trong tòa nhà kia? Trong tòa nhà đó thật sự không có một bóng người hay sao? Nghe ông lão này có ý tốt khuyên ông ta mau về nhà, giống như là đã biết chắc sẽ có chuyện không may xảy ra. Ông lão bán mì hoành thánh này rốt cục là từ đâu đến? Hai ông cháu nhà này sắc mặt giống như người chết, vội vã bỏ đi một mạch, hơn nữa chỉ trong chớp mắt là đã biến mất, chẳng lẽ giữa ban ngày lại có ma quỷ bán mì hoành thánh trên đường hay sao?

Ông ta đứng bên lề đường suy đi nghĩ lại, liên kết một vài sự kiện với nhau, cuối cùng ngộ ra một vài ý nghĩ như vậy.

Đinh Mão hỏi Quách sư phụ: “Ông anh không có chuyện gì chứ, tại sao đang yên đang lành mà hai mắt không chớp, lông mày nhíu chặt lại như thế?”

Lý Đại Lăng nói: “Chắc là nghe ông lão bán mì hoành thánh nói trong tòa nhà kia có ma, đang bận suy nghĩ đến điều đó chứ sao.”

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Thật ra cần gì phải nghĩ ngợi nhiều ệt. Theo tôi thấy, là phúc thì không phải là họa, là họa thì tránh không khỏi, chúng ta cứ đến đâu hay đến đó đi.”

Quách sư phó phục hồi lại tinh thần, đáp lại: “Đúng vậy, cứ đến đâu hay đến đó đi, không vào hang cộp sao bắt được cộp con, không vào nhà đó thì làm sao có thể biết được bên trong ra sao.”

Lý Đại Lăng nói: “Đừng có nghe ông lão bán mì hoành thánh hù dọa, trên đời này lấy đâu ra ngôi nhà nào có ma. Lý gia tôi là người đánh rắm toác ra một cái hố, lợi hại đến mức như vậy còn phải sợ những trò lừa thần gạt quỷ của họ hay sao?” Gã tin chắc ban ngày không thể nào gặp quỷ nên mới dám nói như vậy. Một là có cơ hội nói khoác thì tội gì không tận dụng, thứ hai là do lo ngại Quách sư phó và Đinh Mão nhất gan, tạm thời đổi ý không đi truy tìm Liên Hóa Thanh nữa, tiền thưởng đã sắp đến tay bất kể thế nào cung không thể để nó trôi theo dòng nước.

Thật ra, Quách sư phụ không sợ điều này. Bản thân đã làm việc ở đội cảnh sát đường thủy năm sông, mặc dù đội tuần sông không liên quan gì đến phá án, nhưng ông ta đã thấy và nghe không ít. Ví dụ như chuyện cả nhà đang yên lành ở trong nhà bỗng đột nhiên biến mất toàn bộ, nhưng lại chẳng có ai nhìn thấy bọn họ ra khỏi phòng, không biết bằng cách nào cứ thế mà biến mất, cứ như là bị ma quỷ trong ngôi nhà bị nguyên rửa đó mang đi vậy. Câu chuyện này có vẻ quá tà ma quái dị, nhưng lại không phải là không có, trước kia xác thực đã từng có một vụ án như vậy.

Nghe nói, đó là vào những năm cuối đời nhà Thanh, khi mà Thiên Tân Vệ vẫn còn chưa có đường sắt, bên bờ bắc kênh đào có một gia đình gồm có ba người, hai vợ chồng và một đứa con bảy tám tuổi sống chung trong một căn phòng ở khu ổ chuột, gia cảnh nghèo khó. Ban ngày người chồng gò lưng kéo máng bán sức, người vợ ở nhà may vá giặt đồ thuê, đứa con nhỏ thì ra ngoài nhặt than xỉ. Than xỉ không phải là xỉ than đá mà đại đa phần mọi người vẫn nghĩ. Trước kia, vào mùa đông, người nghèo không mua nổi than đá, đành phải bảo con cái đi nhặt than xỉ mà người khác thải ra sau khi đốt. Bởi vì không có tiền cho nên trẻ con không được ăn học, hàng ngày mặc áo bông rách nát như tổ đĩa vá chằng vá đụp, vác một cái cái sọt, tay

cầm một cây gậy sắt đi thu nhặt những viên than còn chưa cháy hết. Chúng dùng cây gậy sắt đập vỡ lớp xỉ, lấy phần than đá bên trong còn có thể tận dụng để đốt, phần than đó được gọi là than xỉ. Sau đó chúng cho vào sọt mang về nhà. Dù đám trẻ con thu nhặt chẳng được bao nhiêu, nhưng ngày qua ngày góp gió thành bão. Đến khi trời đông giá rét, họ đốt chỗ than xỉ đó để sưởi ấm. Vào thời đại ấy, những đứa trẻ con nhà nghèo làm gì có tuổi thơ theo đúng nghĩa đen của nó. Chúng đã định trước cứ sinh ra là phải chịu mệnh khổ. Đến tầm tuổi hiểu biết một chút, đám trẻ con phải giúp đỡ người nhà làm việc. Thỉnh thoảng bắt được con dế tóm được con ve, chúng cũng không đành lòng giữ lại để chơi, mà bán luôn cho những thiếu gia nhà giàu để thu được một món tiền còm côi giao cho cha mẹ, bởi biết rõ cha mẹ mình phải làm việc quần quật mệt đến đứt hơi. Cả nhà có cái gì ăn, lúc nào cũng phải ưu tiên nhường cho lao động chính là người cha ăn. Nếu như đồ ăn không đủ, vợ con sẽ phải nhịn đói, bởi vì vào ban ngày người cha lao động chính còn phải ra ngoài làm việc. Nếu không có người lao động chính này, cả nhà chỉ có thể giương mắt lên chờ chết đói. Có một ngày, trên đường về nhà sau khi đã nhặt đầy sọt than xỉ, một đứa trẻ đến bên bờ sông xem người ta đánh cá. Đứa trẻ đó nhát gan, lại thường được nghe kể chuyện quỷ nước chìm người, không dám xuống sông chơi, yên phận đứng trên bờ sông xem người ta đánh cá. Thấy người ta đánh được cá, nó thêm chảy cả nước miếng, muốn được ăn canh cá. Trong số những con vướng vào trong lưới có một con cá quái dị. Con cá này có hình thù cực kỳ xấu xí, trong miệng lại còn có răng, nhìn rất ghê người. Những ngư dân đánh cá dưới sông nhiều năm như vậy cũng chưa từng nhìn thấy loại này cá, ngay cả những người xem đứng xem náo nhiệt cũng không một ai có thể nói đúng được tên của nó.

Có người nói, đó là cá từ ngoài biển bơi ngược vào lục địa, chưa hẳn là đã ăn được, khuyên người đánh cá thả nó đi. Người đánh cá muốn bán con cá đó, nhưng không có ai muốn mua, nếu ném trở lại xuống sông thì lại cảm thấy đáng tiếc. Khi thấy đứa trẻ đó ngồi chồm hổm ở bên bờ sông chảy nước miếng, người đánh cá bèn bảo nó nếu thêm ăn thì cầm cá về nhà bảo mẹ nó nấu à ăn cho đã thèm. Đứa trẻ vô cùng vui sướng, cầm con cá đó chạy về nhà, khiến ẹ nó hết sức phấn khởi. Nhà nghèo quá, ngày lễ ngày tết cũng chưa chắc đã có đủ tiền mà mua cá, bởi vậy còn để ý gì đến con cá xấu đẹp ra sao, hình dáng như thế nào mà chẳng là cá. Bởi vậy, người mẹ mổ bụng cá làm sạch, chạy qua bên đông mượn ít xì-dầu, chạy qua bên tây vay một chút muối để nấu một nồi canh cá, coi như có món tươi cải thiện. Cá vừa nấu xong thì người chồng cũng về đến nhà. Nhìn thấy có cá ăn, anh ta thực sự vui sướng đến choáng váng, trong nhà có món gì thì trước hết đều nhường lại cho lao động chính là anh ta ăn. Hai mẹ con ngồi nhìn bên cạnh, chờ anh ta xong bữa thì ăn phần còn thừa. Trong lòng cảm thấy khó chịu, người cha không đành lòng để đứa con ngồi nhìn mồm, bèn bảo hai mẹ con cùng ăn luôn. Ở khu ổ chuột không có chuyện gì giấu kín được, nhà ai ăn cơm với món gì thậm chí đã nói những gì, không những hàng xóm sát vách biết rõ, mà ngay cả khu đều biết tường tận nhà này một nhà ba người đóng kín cửa dầm dúi ăn canh cá. Nhưng, bắt đầu từ ngày hôm đó, không còn ai nhìn thấy người nhà đó bước ra khỏi cửa nhà nữa.

Một ngày hoặc hai ngày còn không ai để ý, nhưng ba bốn ngày sau bên trong căn phòng đó vẫn không có một tiếng động, toàn bộ hàng xóm láng giềng trở nên lo lắng, chạy qua kêu cửa mà không có người đáp lại. Cánh cửa lại không chốt, căn phòng nhỏ rách nát chỉ bằng cỡ bàn tay, vừa đẩy cửa ra, trong phòng có cái gì đều lọt hết vào mắt. Trong phòng hoàn toàn không có một ai, chỉ có mùi máu tanh xộc thẳng vào mũi. Hiện trạng đó khiến ọi người kinh sợ, lập tức có người chạy đi báo quan. Quan phủ phái người đến hiện trường khám nghiệm, mọi đồ vật trong phòng vẫn ở nguyên vị trí cũ, trên bàn vẫn còn nửa con cá đang ăn dở, nhưng một nhà ba người đã biến mất. Bấy giờ, một vị nhân viên điều tra lão làng có kinh nghiệm đã hiểu được có chuyện gì xảy ra khi nhận ra con cá đó là hóa cốt cá. Sau khi ăn phải loại cá này, máu thịt da lông của người ăn sẽ biến thành vũng máu. Con cá đã đánh được từ dưới sông lên là hóa cốt cá theo đúng nghĩa của nó. Đây cũng là một vụ án kỳ lạ nổi tiếng toàn thành năm xưa, được gọi là “vụ án canh cá hóa cốt”.

Bởi vậy cho nên, Quách sư phụ thừa hiểu, thiên hạ rộng lớn, không thiếu gì chuyện kỳ lạ, cũng không nhất định bất cứ chuyện kỳ lạ nào cũng có liên quan đến thần ma quỷ quái. Ông ta kể lại chuyện này cho Đinh Mão và Lý Đại Lăng nghe, để cho hai người họ không cần phải sợ bóng sợ gió. Nói chuyện xong, ba người nhấc chân đi về phía tòa nhà cao tầng ở ven đường. Lúc bấy giờ, trời bỗng có sét đánh, tiếp theo đó là tiếng sấm rền vang vọng điếc tai. Tòa nhà cao tầng có một cái cửa sổ đã mất cánh, bên trong vốn dĩ tối đen, nhưng trong lúc tia sét lóe lên, cả ba người đều kịp nhìn thấy ở bên trong căn phòng đó hiện lên một gương mặt mờ ảo không rõ đường nét, nhưng không kịp nhìn rõ diện mạo. Cả đôi mắt và cái miệng của gương mặt đó đều giống như những cái lỗ đen ngòm. Họ định quan sát cho kỹ hơn nhưng không kịp.

Bảy

Trong lòng giật mình đánh thót, Quách sư phụ trầm nghĩ: “Chẳng phải người ta nói trong tòa nhà không có người ở hay sao? Nếu như thật sự là không có người ở, chẳng lẽ là giữa ban ngày gặp quỷ ư?”

Tuy nhiên, càng như thế thì càng chứng tỏ trong phòng của tòa nhà này có điều gì đó kỳ quái. Nhưng ba anh em nhà này đều là người bạo dạn không sợ bóng sợ gió, bởi chung quy tà bất thắng chính. Huống hồ, vì đuổi bắt Liên Hóa Thanh, mỗi người trong số họ đều mang theo vũ khí, nhưng số vũ khí đó không phải được giấu trong lòng ngực, mà được cài ở bên trong lớp xà cạp quần dưới chân. Trước kia, mỗi khi đi ra ngoài, người đàn ông nào cũng phải quần xà cạp, bởi vì ngày ấy gấu quần rộng, nếu không lấy dây vải buộc túm lên thắt lưng thì khi đi ra ngoài đường chẳng khác gì quét đất. Chân quần xà cạp sẽ đi lại nhanh nhẹn, một chiếc búa ngắn cài ngược ở bên trong xà cạp, cán búa chúc xuống dưới, lưỡi búa ép sát vào quần thò ra một nửa. Nói đến loại búa ngắn có cán bằng gỗ đàn này lại nhớ tới ngày xưa nó là hung khí chuyên dụng của dân du côn lưu manh. Đừng có thấy cán ngắn khó đốn mà lầm tưởng, nếu dùng để chém người thì thực sự thuận tay khỏi phải bàn.

Khứu giác ba người cảm nhận được vị ẩm ướt của nước mưa, trời đã sắp mưa tới nơi rồi, muốn tránh mưa chỉ còn cách chạy vào bên trong khu nhà cao tầng bỏ hoang mà trú. Ba người chẳng nghĩ ngợi nhiều, rào bước chạy sang bên đó. Bên ngoài cánh cửa khảm đồng trước đây có dán giấy niêm phong, nhưng do dầm mưa dài nắng đã tróc ra từ bao giờ. Một cái khóa sắt to dùng móc vào hai chiếc vòng dùng để gõ cửa cũng đã rỉ sét. Cửa sổ nhà là dạng thẳng lên chặt vật hình chữ nhật, đại đa số dùng nẹp đóng đinh chết cứng. Dù loại khóa đơn giản của cánh cửa không hề khó cạy ra, nhưng chẳng hiểu tại sao ổ khóa đã bị rỉ chết cứng, họ đành phải lấy vũ khí nạy vòng đồng, tốn bao nhiêu thời gian sức lực mới phá vỡ được. Bần lẽ cửa cũng đã rỉ lâu ngày, vừa đẩy mạnh đã cọt kẹt rít lên một tiếng chói tai. Cánh cửa vừa mở ra, mùi nấm mốc xộc vào mũi, bên trong tối om cực kỳ âm u vắng lặng, cảm giác như thể không phải là một tòa nhà mà là một cái động cổ giữa rừng sâu.

Gan của Lý Đại Lăng nhỏ hơn rất nhiều so với lúc bình thường vẫn khoác lác, vừa mới ngó vào bên trong xem một cái đã sờn hết cả tóc gáy, gã lập tức giữ bản lĩnh giả ngây giả ngô, bảo: “Hai ông anh này, tôi đi ra cửa canh chừng cho hai người, nếu không may ở trong xảy ra việc gì, tôi có thể kịp thời tiếp ứng.” Gã vừa định đi ra ngoài, sấm đột nhiên nổ ầm một tiếng, mưa đá to cỡ hạt đậu nành đã đổ ào xuống. Trời mưa kèm theo sét đánh. Người xưa có nói “Vừa đông vừa sét, mưa như trời đổ”. Thanh thế của trận mưa này không nhỏ, đến tối chưa chắc đã ngừng. Lý Đại Lăng nói: “Thôi, coi như tôi chưa nói gì.”

Quách sư phụ và Đinh Mão nhìn thấy bên ngoài trời mưa to, dù không muốn vào cũng không được, bèn bảo Lý Đại Lăng không cần phải kêu ầm lên. Tuy nhiên, lúc ra khỏi nhà là ban ngày, ba người không ai nghĩ tới cần phải mang theo đèn pin, trong khi đó nơi này đã cắt nước cắt điện, dù trong phòng có đèn điện cũng không có tác dụng gì. Không còn cách nào khác, họ móc diêm dùng để châm thuốc ra, đánh một cây, hòng nhờ chút ánh sáng yếu ớt quan sát xem sao. Ba anh em sợ người qua đường quy kết mình là trộm, đến lúc đó mồm miệng nhanh nhẩu đến mấy cũng không có đường mà chối cãi. Ba người chẳng quan tâm trước mặt sẽ có cái gì, người nọ nói chân người kia lách mình đi vào trong phòng rồi vội vàng vàng đóng chặt cửa chính lại. Ngay lập tức, tiếng mưa gió bên ngoài nhỏ hẳn đi, giống như đã vào một thế giới khác. Cảm giác đầu tiên của ba người là bên trong khu nhà này quá mức ẩm ướt. Đây là điều khó tránh khỏi, bởi năm ngoái nó đã từng ngập trong lũ lụt. Nghĩ rằng trong nhà thế nào chẳng có sẵn loại đèn như đèn thủy nguyệt hay đèn đất đèn, ba người đi tìm một cái để thắp lên, dù thế nào cũng vẫn tốt hơn là dùng diêm chiếu sáng. Qua kết cấu phòng, có thể thấy tòa nhà này cũng tương tự như những tòa biệt thự khác, nhưng trên mặt đất bị phủ một lớp bụi.

Cái cửa mà họ đi vào vốn dĩ là cửa trước, bên trong còn có cái nữa. Ba người đánh diêm để chiếu sáng, lần mò đi sâu vào trong. Quách sư phụ lên tiếng: “Tôi cảm thấy ông lão bán mì hoành thánh kia nói không sai. Bên trong căn nhà này thực sự không có người ở, trên mặt đất tro bụi phủ một lớp dày, nếu đúng là trong phòng có người đi đi lại lại, tuyệt đối sẽ không thể nào như vậy.” Lý Đại Lăng tiếp lời: “Không phải vậy chứ. Nếu trong nhà không có ai, vậy khuôn mặt mà chúng nhìn thấy vừa rồi ở chỗ cửa sổ là của ai?” Đinh Mão tinh mắt, bèn nói rõ: “Tôi thấy khuôn mặt mọc đầy lông đen dài ngoẵng, chắc chắn không phải là mặt người.”

Y vừa mới nói xong, trên trán ba anh em đã rịn ra mồ hôi lạnh ngắt. Cố gắng lấy lại tinh thần, họ mở cánh

cửa màu đen ra để đi vào sảnh. Ở chỗ cửa ra vào, họ tìm được một chiếc đèn thủy nguyệt, còn gọi là đèn bão, bên trong đã có sẵn dầu hoả, thấp lửa lên chiếu sáng cả căn phòng. Trong phòng chỉ đơn giản sắp xếp một ít vật dụng sinh hoạt. Ở bức tường đối diện cửa vào treo một bức tranh lớn, choán gần một nửa bức tường, vẽ chân dung năm người trong nhà vị gia chủ cũ. Trong số đó, có một người thương nhân trung niên nuôi râu cá trê, ở bên cạnh là một vị phu nhân, hiển nhiên là vợ của ông ta. Cả hai đều có gương mặt hiền lành vô cùng phúc hậu. Đứng cạnh hai người là ba đứa con, hai cô con gái mười lăm mười sáu tuổi và một đứa con trai hơn mười tuổi, chắc là thiếu gia và tiểu thư trong nhà. Nhưng bức tranh chân dung gia đình năm xưa, đến giờ lại trở thành di ảnh của ngôi nhà bị ma ám.

Vì đuổi bắt Liên Hóa Thanh, người ta có nói thế nào ba người cũng đều không tin. Ông lão bán mì hoành thánh và cô cháu gái có lai lịch thế nào? Tại sao lại biết tường tận bên trong căn nhà cao tầng này thực sự không có người ở? Sau khi đi vào căn nhà ma Thần sông Quách Đắc Hữu vẫn sống hay là chết? Thực ra đã gặp phải những chuyện gì? Nói vậy, nút thắt có thể sẽ lớn hơn. Đừng nói là ngài sốt ruột, ngay cả tôi cũng phải nôn nóng, nhưng tôi vẫn phải để đến hồi sau mới phân giải.

11. Chương 11

Một

Về phần ngôi nhà tầng ở ngã tư đường nhà họ Ngụy này, người chủ nhà cuối cùng của nó là một vị hội chủ một hội chợ phiên. Vậy trước tiên tôi sẽ nói về công việc của người hội chủ này. Có câu nói “Cứ có chợ là sẽ có kẻ bán người mua”, chợ hay hội chợ phiên cũng không nằm ngoài quy luật này. Ngày xưa có rất nhiều người lang bạt ngoài xã hội mưu sinh, đừng thấy những người này lặn lội bốn ba mà lắm, ai cũng thông thạo một công việc nào đó, khi ra ngoài xã hội tự nhóm lại với nhau. Người có khả năng tập trung toàn bộ những người này lại một chỗ chính là hội chủ. Hội chủ phải là người có thể quan hệ với cả hai phái hắc bạch. Ông ta sẽ kiếm một khu đất trống để mở hội chợ phiên, đầu tiên là bỏ tiền ra thuê lại đất, thuê người dựng rạp thành từng dãy, sau đó kéo toàn bộ những người làm xiếc dạo bán hàng rong ở khắp nơi đến nơi đó. Có đủ loại hình từ bán thuốc dán, xem bói, lên mặt đỉnh, dạy gấu đen, bán đồ lễ, bán kim chỉ, kể chuyện Bình thư, hát tướng thanh (hát hài hước châm biếm), hát kịch, phim đèn chiếu, biểu diễn xiếc. Nói tóm lại, những người mưu sinh ngoài đường đó vào trong khu đất mà vị hội chủ đã thuê để buôn bán. Đến khi buôn bán xong, mỗi người đều phải trả một ít tiền cho vị hội chủ, đây chính là phần thu nhập của vị hội chủ. Nhằm làm cho hội chợ phiên náo nhiệt hơn, vị hội chủ còn phải mời đội cà kheo và đoàn kịch hát nhỏ đến biểu diễn. Trong căn nhà lầu của vị hội chủ này còn nuôi ăn ở một đội cà kheo của riêng mình. Những trang phục và đủ các loại đạo cụ biểu diễn cà kheo bình thường đều gửi lại ở trong nhà ông ta.

Ba người Quách sư phụ quan sát đồ vật bài trí trong phòng, cũng chỉ đơn giản là cái bàn tắm gương giường chiếu bình lớn cảm thấy không khác gì những gia đình bình thường khác. Chỉ có điều, tất cả những đồ vật này đều bị phủ một lớp bụi. Trong phòng vẫn còn dấu vết của trần lũ lụt năm nào, nhìn không thấy một bóng người, trần đầy không khí ma quái không tài nào miêu tả được.

Lý Đại Lăng cảm thấy trên đầu lạnh buốt từng cơn, bèn ư ử ngâm nga vài câu kịch Nam sai vẫn lạc điệu để tăng thêm lòng dũng cảm cho bản thân: “Hảo hán mặt đen là Lý Quỳ, Tam quốc cũng có Trương Phi râu ria xồm xoàm, tay cầm roi thép là hắc Kính Đức, Bao Văn Chính ngồi trên điện ai dám đi qua?” Hai câu hát này đều là điển cố ở trong Diễn Võ Trán. Theo cách nói của dân gian, hát kịch võ trong nhà có ma có thể xui đuổi yêu tà. Ngài đừng phản bác, hát hai câu này quả thật là có thể tăng thêm lòng dũng cảm, cho nên Quách sư phụ không hề ngăn cản y. Sau đó, y lại tiếp tục ngâm nga: “Hảo hán mặt trắng là La Thành, Cảnh Dương Cương đánh hổ là Võ Tông, Nam Hổ là hiệu của Cao Quân Bảo, vượt Trường Bản là Triệu Tử Long. Hảo hán mặt đỏ là Vân Trường, giết người phóng hỏa là Mạnh Lương, cầm trong tay Đại Dao là Vương Quân Khả, Triệu Khuông Dận ngàn dặm tiễn mẹ lên kinh. Mặt xanh hảo hán là Chu Ôn, ngồi trên điện Sơn Tây là Trình Giảo Kim, Hà Nam Bá phủ Đan Hùng Tín, tay cầm đại đao là Cái Tô Văn. . .”

Ba anh em lần từng bước một lên cầu thang bằng gỗ bản dày cộp để đi lên trên tầng hai, lên đến nơi chỉ thấy tầng này có vài cái hòm gỗ to, cạnh tường dựng đầy cà kheo chiêng trống, bên trong hòm gỗ chỉ toàn là trang phục hóa trang, ngoài ra còn không ít đạo cụ. Trong số đó có một cái mặt nạ đầu gấu lông màu đen, dùng để hóa trang thành gấu đen đi cà kheo. Cái gương mặt rất hãi hùng lúc trước mà họ nhìn thấy

qua cái cửa sổ hồng có khả năng chính là vật này. Ba anh em khấn trương cả buổi, đến khi thấy rõ chỉ là trang phục hóa trang đi cà kheo, ai cũng thở phào một cái.

Trong hội chợ phiên hoặc hội, biểu diễn cà kheo không chỉ đơn thuần chỉ đứng trên hai cái cây cà kheo cao làm bằng gỗ chạy đi chạy lại, mà còn phải biểu diễn các loại động tác khác trong quá trình di chuyển, thậm chí còn hóa trang vào điệu múa chèo thuyền, trông chuỗi cười lừa, từ con mẹ đốp, cậu cả ngố, cho đến các nhân vật thần tiên yêu ma trong truyền thuyết dân gian. Bởi vậy, trong nhà người hội chủ hội chợ phiên có những vật dụng này cũng không có gì là kỳ quái. Lý Đại Lăng xì một cái, chữ đồng định tiến lên đập phá những cái mặt nạ thần tiên ma quỷ đó: “Tiên sư mười tám đời tổ tông nhà chúng nó! Thiếu chút nữa đã bị mấy cái vật vớ vẩn này dọa mất hồn, chẳng may truyền ra ngoài, thật sự có thể làm sập cái bảng hiệu của ba anh em ta.”

Quách sư phụ nói: “Huynh đệ đừng có chanh chua như mụ đàn bà ghen chồng thế, ai mà chả có lúc nhìn nhầm.” Dứt lời, ông ta tiến lên xem xét mọi nơi, từ tầng trên lẫn tầng dưới, kể cả gác xép, lầu mờ khắp mọi xó xỉnh. Nhưng bếp núc lạnh tanh không có hơi người, ngay cả chuột cũng không thấy bóng một con, chỉ có vài đồ vật đến trộm cũng không thêm ngó ngang đến. Xem ra, hai năm qua ngôi nhà tầng này xác thực đã không có người nào ở, chỉ còn có tầng hầm là còn chưa xem xét. Ba người nghĩ thầm, đến nước này thì cũng chỉ còn vài bước chân nữa là xong; Thương lượng với nhau cứ đi xuống xem qua một chút rồi tính sau. Họ kéo cái nắp dưới chân bậc thang ra, bên dưới có một đoạn cầu thang bằng gỗ ngắn, sau khi đi xuống dưới phát hiện ra bên trong rất sâu, cái rét căm căm xuyên qua lỗ chân lông buốt đến tận xương tủy. Bốn vách tường được xây bằng gạch xanh. Bề ngoài những viên gạch này trơn mịn bóng loáng, ẩn chứa âm khí giống như bên trong những ngôi mộ cổ. Nhìn kỹ lại thì đúng là gạch trong mộ cổ, không thể nào ngờ bên dưới thực sự lại là một ngôi mộ cổ.

Hai

Năm xưa, khi đào tầng hầm, người ta đã gặp một ngôi mộ cổ, nhưng không một ai biết là cái gì, chỉ biết đó là một cái hũng xây bằng gạch xanh. Mộ phần được xây rất chắc chắn, cho nên họ không động chạm gì đến nó, chỉ trát vữa lên mặt ngoài, biến luôn nó thành một phần của tầng ngầm.

Từ công viên Lý Thiện Nhân đến ngã tư đường khu nhà ngói nhà họ Ngụy, trong mắt người biết xem phong thủy mới hiện ra hình thế của nó, được gọi là thế Kim Vĩ Ngô Công, ao sen trong công viên Lý Thiện Nhân là đuôi, ngã tư đường chỗ khu nhà ngói nhà họ Ngụy là đầu. Nếu như phán định ở hai nơi này ẩn dấu mộ cổ có niên đại rất lâu đi chăng nữa thì cũng chẳng có gì là kỳ quái. Nhưng đến lúc này chỉ còn lại di chỉ của một ngôi mộ cổ, năm ngoái lại còn chìm trong nước lũ hơn nửa tháng, lớp vữa trát bên ngoài mặt tróc ra, gạch ở bốn vách tường của ngôi mộ đều đã lỏng lẻo.

Trong khi những ý nghĩ này lướt qua trong đầu, Quách sư phụ thò tay cạy một viên gạch ra, giơ lên trước mặt quan sát.

Lý Đại Lăng hỏi: “Ca ca cầm cục gạch đó có nghĩ ra cái gì hay không?”

Quách sư phụ nói: “Ta thấy đây là kim chuyên, chưa từng nghe đến gạch đánh Lưu Kim Đỉnh trong Hãm Hồn Trận hay sao?”

Lý Đại Lăng nói: “Thật sự là chưa từng nghe thấy chuyện này, có xuất xứ gì không?”

Quách sư phụ trả lời: “Đương nhiên là có xuất xứ. Thời Bắc Tống có một nữ tướng tên là Lưu Kim Đỉnh, từng gặp dị nhân được truyền dạy dị thuật, chỉ cần một con ngựa một thanh đao trong tay và Ngũ Hành Đạo Thuật là có thể lấy đầu thượng tướng giữa trăm vạn quân dễ như lấy đồ trong túi, mỗi khi hai quân giao tranh chưa bao giờ có địch thủ. Mãi cho đến khi quân địch mới được cao nhân bày Hãm Hồn Trận, dùng ba viên kim chuyên đánh chết Lưu Kim Đỉnh. Sau khi bà ta chết trăm ngày mà thi thể vẫn không thối rữa, chính là bởi bà ta có đạo hạnh. Nhưng qua đó có thể thấy được, bất kể là người biết tà pháp yêu thuật gì đi chăng nữa cũng đều sợ cục gạch. Cho dù không phải là kim chuyên, chỉ cần bị một cục gạch tâm thường giáng mạnh vào đầu, có kẻ nào chịu được đây.”

Nghe nói vậy, Lý Đại Lăng cạy một viên gạch trên tường phần mộ nhét vào trong lồng ngực.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Nếu như nhìn thấy người trong căn nhà, không cần nói một câu, trước tiên cứ dùng viên gạch này hỏi thăm sức khỏe trước đã.

Quách sư phụ nói như vậy, làm cho lòng dửng cảm của Lý Đại Lăng tăng vọt. Nhưng mục đích chính khi hấn cạy viên gạch cổ trên tường xuống thật ra là muốn xem cho rõ, liệu đó có thật sự là gạch ở trong mộ cổ không. Nếu như vùng Thiên Tân vệ này xác thực có mộ cổ thì năm sáu trăm năm vẫn chưa được coi là cổ, niên đại lâu hơn thế cũng có. Đừng thấy đến thời nhà Minh mới dựng vệ mà lầm, trên thực tế vào thời Bắc Tống nó đã là đầu mối quan trọng của tuyến đường vận chuyển theo đường sông. Những địa danh của nó như sông Tử Nha, Trần Đường Trang, đều xuất phát từ trong điển cổ Vũ vương phạt Trụ. Lịch sử của nó phải khởi nguồn từ mấy ngàn năm trước kia. Mặt khác, dưới sâu vùng ven đô Thiên Tân vệ có rất nhiều hầm lò bỏ hoang, do người xưa đào đất để nung gạch tạo thành. Đa phần tên địa danh đều có chữ ‘diêu’ (hầm lò), ví dụ như Ngô Gia Diêu, Nam Đầu Diêu chẳng hạn. Hễ là nơi nào trong địa danh có chữ ‘Diêu’ thì đều có mặt bằng trung bình tương đối cao, bởi vì dưới lòng đất hoàn toàn là gạch nung, là gạch hồng nung quá lửa không dùng được khi xưa, tầng tầng lớp lớp chồng chất lên nhau, không biết đã qua bao nhiêu năm tháng, dần dần đã biến thành mặt đất, so với những nơi khác cao hơn rất nhiều, cho nên mỗi lần xảy ra lũ lụt cũng không thể ngập đến những nơi này được. Nghe nói, phong thủy của chúng cũng không tệ, bởi vì phía dưới toàn bộ là gạch nung, không có mồ mả, là nơi ở sạch sẽ. Trong khi đó, trong số cư dân sống ở những nơi này còn có vài gia đình thợ thủ công nung gạch qua nhiều thế hệ, có tay nghề tổ truyền. Quách sư phụ có quen biết vài người như vậy, thường nghe họ nói chuyện về gạch, niên đại ra sao, gạch nung ra ở mỗi lò khác nhau thế nào. Ông ta nghe kể lại nhiều, nên cũng được coi là vô vẽ hiểu biết về phương diện này. Ông ta thấy gạch xanh trong tầng hầm thật sự là gạch để xây mồ mả, hơn nữa còn là loại gạch cổ trong những ngôi mộ thời xưa, mặt dưới có hoa văn hình Ngư Long, thực sự không phải là đồ vật thuộc về thời cận đại.

Bởi vì thời gian trôi qua quá lâu rồi, mặt đất đã biến đổi rất lớn, sửa đường dựng cầu xây nhà cùng với dòng sông ban đầu đã thay đổi dòng chảy, khiến cho thế phong thủy phát sinh biến hóa, cho nên Trương Bán Tiên cũng không thể nhìn ra thế phong thủy ban đầu ra sao, mà chỉ biết là đại khái là nằm ở khu vực ngã tư. Lúc này, họ tìm được ngôi mộ cổ mấy trăm năm trước, thấy quy cách của gạch dùng để xây mộ không phải loại bình thường, nhất định là một ngôi mộ nằm theo thế. Bởi vậy có thể để xác định, Kim Đầu Ngô Công Huyết ở ngã tư khu nhà ngôi nhà họ Ngụy tám chín phần mười chính là ngôi mộ cổ này.

Không khí trong ngôi mộ không thông thoáng, khiến cho ba người khó thở, cái đèn thủy nguyệt nhỏ trên tay chấp chà chấp chờn, thấy rõ nơi này ngoài bốn bức vách thì chẳng còn cái gì, là một ngôi mộ rỗng.

Quách sư phụ trầm nhủ trong lòng: “Khu nhà ngôi nhà họ Ngụy hoàn toàn không có bóng dáng của Liên Hóa Thanh. Xem ra, không thể hoàn toàn tin vào giấc mộng tại cái miếu thổ địa ở Trần Đường Trang. Chuyến đi này hóa ra thành công cốc, trời mưa tầm tã khiến nước chảy qua lỗ thủng xuống mộ, không nói đến việc bị liên lụy chịu khổ, còn không công mất thời gian, còn gì đen đui hơn thế này không?”

Ngài thử đánh giá xem sao lại tốn công vô ích như vậy. Ba người không thu hoạch được gì, vừa định quay người đi ra, đột nhiên nghe thấy bên trên ngôi mộ vang lên một loạt tiếng động “loẹt xoẹt~ loẹt xoẹt~” do người nào đó dẫm chân lên sàn nhà phát ra. Quách sư phụ chợt có suy nghĩ: “Trong lầu hoàn toàn không có người ở, ngôi mộ cũng trống không, bên ngoài trời lại đang mưa lớn như vậy, ai đang đi vào vậy?”

Trong lúc đang kinh ngạc, họ chợt thấy một vật lặn nhanh như chớp từ trên bậc thang xuống. Ngọn đèn trong ngôi mộ quá yếu ớt, vật đó lặn đến chân mà ông ta còn chưa thấy rõ là cái gì. Quách sư phụ hạ vừa cái đèn xuống xem cho rõ, giật mình không tự chủ được lùi lại nửa bước. Đó là một cái đầu người đầm đìa máu, mặt và cổ bê bết máu, vẫn đang trợn trừng hai mắt, ngửa mặt lên nhìn trừng trừng vào ba người họ, tròng mắt chuyển động, nghe rằng nhếch miệng thực sự không biết là muốn cắn người, hay là muốn nói cái gì nữa.

Ba

Ba anh em giật mình đánh thót, đánh bạo giơ đèn lên trước để chiếu sáng. Họ nhìn thấy rõ ràng, một cái đầu người đầm đìa máu vừa mới bị chặt xuống khỏi cổ, lặn lông lốc từ trên cầu thang xuống hầm mộ. Gương mặt của cái đầu người đó co giật hai cái, đôi mắt trợn lên rồi bất động.

Trong lòng thừa hiểu, nhất định có kẻ vừa mới gây án trên tầng, ba người lập tức rút búa cán gỗ đàn ra, lao vọt lên trên cầu thang để chạy tới phòng khách. Ba người nhìn thấy một thi thể không đầu nằm trên mặt đất, bên cạnh có một người đang ngồi, sắc mặt như tro tàn, còn có một người phụ nữ nữa, ả ta chạy

nhANH NHƯ MỘT LÀN KHÓI ĐEN, VÈO MỘT CÁI LAO VÀO TRONG GÓC TỐI TRÁNH ÁNH ĐÈN CHIẾU VÀO NGƯỜI. ĐÌNH MÃO NHANH TAY LỆ MẮT, VỘI ĐUỔI THEO NHƯNG LẠI CHẴNG THẤY CÁI GÌ, GIỐNG Y NHƯ GẶP QUỴ.

Ba người quay đầu lại, nhìn kỹ kẻ đang ngồi dưới đất. Hóa ra chẳng phải ai đâu xa lạ, đó là gã thủy tặc Ngư Tứ Nhi đã vớt được xác đứa trẻ ở ngã ba sông. Trong lòng ba người đều thấy khó hiểu, cái tên trộm khó ưa này tại sao lại chạy đến nghĩa trang nhà họ Ngụy? Kẻ bị chặt đầu kia là ai?

Quách sư phụ nói: “Ngư Tứ Nhi, mày thả lưới mắt nhỏ đã đủ lắm rồi, bây giờ lại khơi khơi dám ra tay sát hại người khác, riêng việc này đã đủ cho quan tòa phán mày tội chết.”

Đình Mão nói tiếp: “Khá lắm, thằng trộm khó ưa thả lưới mắt nhỏ. Hàng năm trên dòng Hải Hà có nhiều người chết đuối như vậy, tại sao lại không đến lượt mày chết đuối vậy, tao ngày nào cũng chờ vớt xác ấy đấy.”

Lý Đại Lăng cũng biết Ngư Tứ Nhi, mắng: “Đồ vô lại đến mò mả cũng không tha, đồ thiếu đạo đức máu lạnh này, đến chỗ này ăn trộm được cái gì rồi?”

Ngư Tứ Nhi đang sợ tới mức hồn vía lên mây, vừa nhìn thấy ba người, lập tức tỏ vẻ ăn năn cầu xin cầu xin tha thứ: “Ba vị đại gia, ba vị đại gia, cả ba vị còn lạ gì bản thân tôi, dù cho thêm hai lá gan nữa tôi cũng không dám giết người đâu. Mọi người có nhìn thấy tôi đã sợ đến mức đái ra quần. . .”

Trong lòng Quách sư phụ thừa hiểu Ngư Tứ Nhi tuyệt đối không có gan giết người, bèn hỏi mọi việc cho rõ ràng rồi mới đánh giá sau. Ông ta hỏi gã vì sao lại chạy đến nghĩa trang nhà họ Ngụy, người bị chặt mất đầu là ai, kẻ nào đã ra tay. Quách sư phụ vừa hỏi vừa dọa Ngư Tứ Nhi, nếu không nói thật sẽ bảo Đình Mão dùng búa chém chết gã.

Ngư Tứ Nhi không dám giấu diếm, hai năm rõ mười mà khai báo. Thì ra từ lúc thả lưới mắt nhỏ dưới chân cầu cũ vớt được xác đứa bé, gã đã sợ tới mức không dám bén mảng tới bờ sông nữa, trộm gà trộm chó khắp nơi sống qua ngày, sau đó kết bái anh em với một gã du côn có biệt danh là ‘Gà con’.

Có câu cửa miệng: “Người có ngay có gian, gỗ có tốt có xấu”, hai gã lưu manh này không có chút phẩm chất gì là tốt đẹp, chuyên rình mò người khác hở ra cái gì là trộm cắp, không bao giờ làm được việc gì tốt.

Thiên Tân vệ gọi trứng gà là ‘gà con’, nhưng xét lại cho kỹ, đầu của cái tên du côn Gà con này bóng loáng, còn hơn cả trứng gà. Tên này hành xử ngang ngược, ngạo mạn không coi ai ra cái gì, ăn mặc lỗ lã, hai tay xăm trổ, ăn cơm không bao giờ trả tiền. Nếu có ai dám tìm hấn đòi tiền, kẻ này sẽ bẻ gãy ngón tay của người đó. Tuy nhiên hấn chỉ là hạng mềm nắn rắn buông, hạng người chân chính lợi hại, kẻ này không bao giờ dám trêu vào.

Hai ngày trước, Gà con và Ngư Tứ Nhi đang đi dạo trên đường thì nhác thấy một người đẩy một cái xe một bánh bán kẹo bọc đường. Người bán là một người ngoại tỉnh hiền lành, có vẻ như mới vào thành không lâu. Hấn nháy mắt Ngư Tứ Nhi, Ngư Tứ Nhi vội hấp tấp tách ra ngồi phệt xuống bên vệ đường, giả vờ làm một người đang rồi việc ngồi chơi.

Gà con vừa vuốt cái đầu trọc của mình, vừa tiến lại gần cái xe bán kẹo bọc đường, không hề nói một câu mà chỉ nhìn chăm chăm vào người bán kẹo.

Người bán kẹo nhận ra kẻ này là người không dễ chọc, đi lại nghênh ngang, đầu cạo bóng loáng, trên đầu dán hai miếng cao, đầu nghiêng bên nọ ngả bên kia, mắt liếc ngang liếc dọc, huyết Thái Dương gồ lên, quai hàm bạnh ra, toàn thân đầy xăm trổ, thấy ngay là du côn, vội vàng trưng ra gương mặt tươi cười hỏi: “Ngài có muốn ăn kẹo bọc đường không?”

Gà con giống như mèo bị dấm phải đuôi, hung tợn quát ầm lên: “Mày hỏi ngu bỏ con mẹ, không ăn kẹo bọc đường thì đến đây ngó hay sao?”

Người bán bánh không dám đắc tội hấn, vội nói: “Chỗ này có kẹo bọc đường, bánh gạo nếp nhân đậu, bánh táo rắc hạt kê vàng, ngài muốn ăn loại nào? Cần bao nhiêu cái?”

Gà con không thèm hỏi giá mà chỉ hỏi loại kẹo bọc đường nào dẻo. Nghe người bán trả lời gạo nếp là là gạo dẻo, nên loại kẹo này là dẻo nhất, hấn há miệng đòi mua hai cân.

Bán hàng rong phải trung thực, không thể nào gian dối cân lạng, nếu không thì không bán được cho ai, mà cho dù gian dối cân lạng thì cũng không dám gian dối cái hạng trọc đầu này, kẻ này rõ ràng là đến kiếm chuyện. Người bán kẹo bọc đường cẩn thận ứng phó, cắt ra một miếng bánh gạo nếp nhân đậu to, vừa mới hấp chín, vẫn còn nóng hôi hổi, cân lên hai cân ba tươi nhưng chỉ tính hai cân, sau đó lấy lá sen bọc lại kỹ lưỡng rồi mới cẩn thận từng li từng tí đưa cho Gà con .

Gà con cầm lấy, không trả tiền, mà hắn cũng đâu có ý định trả tiền, một tay cầm gói bánh, một tay bóc lá sen, cau mày nói: “Tao bảo này, cái bánh này thiếu nguyên liệu rồi, mày cứ tự nhìn mà xem, tại sao lại chỉ có gạo nếp mà không có nhân đậu? Thế này mà mày còn không biết xấu hổ đòi tiền?”

Người bán bánh kẹo oán thăm, chạy từ bên xe bên kia sang, thanh minh: “Ngài nhìn lại đi, nhân đậu đâu có ít đâu. . .”

Anh ta còn chưa dứt lời, Gà con đã úp cả cái bánh gạo nhân đậu nặng hơn hai cân đang còn nóng hôi hổi vào mặt người bán kẹo, tiện đà giật luôn cái cân trong tay anh ta.

Người bán kẹo không nhịn nổi nữa, đã ăn chùa không trả tiền còn đánh người. Những người đi kiếm sống ngoài đời có kẻ nào là dễ bắt nạt. Anh ta vuốt bánh trên mặt, xông lên định liều mạng. Gà con giật được cái cân là quay đầu bỏ chạy, người bán kẹo đuổi riết phía sau.

Vẫn bàng quan ngồi nhìn, Ngư Tứ Nhi thấy người bán bánh đã chạy đi xa, bèn đứng dậy đẩy chiếc xe chạy một mạch vào trong ngõ nhỏ.

Người bán kẹo đuổi không kịp, đến khi trở về thì đã thấy cả xe bánh lẫn hộp tiền đều không còn bóng dáng.

Thường thường, hai thằng bại hoại Ngư Tứ Nhi và Gà con đều dùng phương thức bẩn thỉu này để trộm cướp. Ngày hôm đó cướp xe bánh bỏ chạy, đợi lúc hội họp lại, được bao nhiêu tiền, hai thằng sẽ chia nhau.

Hôm ấy, chẳng hiểu do ma xui quỷ khiến thế nào, Ngư Tứ Nhi hoảng hốt chạy bừa, dốc sức đẩy chiếc xe chạy một mạch đến cuối một ngõ cụt, thẳng tay vứt nó lại, lấy sạch tiền trong hộp nhét vào trong ngực áo. Nhưng bán kẹo bọc đường thì có được mấy hào chứ, chỉ là một nắm vài đồng tiền xu trĩnh. Ngư Tứ Nhi không cam lòng, khi đi lộn trở ra thì nhìn thấy một dãy phòng mặt tiền trong ngõ hẻm, trong số đó có một căn phòng khóa cửa nhưng cửa sổ tầng trên cùng lại đóng không chặt. Y là kẻ cắp chuyên nghiệp, chỉ cần nhìn một cái là đã biết có thể lọt vào. Thừa dịp không có người, y cạy cửa sổ tầng trên rồi lên vào. Còn chưa kịp ra tay, y chợt nghe bên ngoài phòng vang lên tiếng mở khóa, rõ ràng là chủ nhà đang về nhà. Ngư Tứ Nhi thầm rửa không may. Nhưng gan ăn trộm của y không nhỏ, cũng có một chút lanh trí của kẻ trộm cắp, y thừa hiểu nếu để cho người ta bắt tại trận ít nhất sẽ bị dẫn ềm xương, không khéo còn phải vào nhà lao ngồi chơi. Trong đầu lóe ra một cách, y lách mình trốn vào trong tủ quần áo, lén lút quan sát tình hình bên ngoài, chỉ chực có cơ hội thuận lợi là chuồn đi. Nhưng y tuyệt đối không thể tưởng tượng được, cảnh tượng mà y nhìn thấy sau khi trời tối thiếu chút nữa đã làm bản thân chết khiếp vì sợ.

Bốn

Những người ở trong căn phòng đó là một cặp vợ chồng son, kết hôn chưa được một năm. Người chồng đi buôn bán ở nước ngoài, để lại cô vợ đang mang bầu ở nhà một mình, bởi không yên tâm nên thuê một người vú già về chăm sóc. Mùa hè tiết trời nóng bức, cửa sổ tầng trên cùng không đóng kỹ. Ngày hôm ấy, cô vợ cùng người vú già đi ra ngoài dạo chợ, mua xong đồ ăn là trở về, đâu có nghĩ đến chỉ trong chốc lát ấy đã có người lén vào nhà.

Người được thuê đến chăm sóc cô vợ tên là Vương tẩu, chạy nạn từ Sơn Đông đến, tính cách đáng tin cậy, được giao cho quán xuyến những công việc mua thức ăn nấu cơm, buổi tối ngủ ở gian ngoài, đồng thời làm bạn với cô vợ luôn. Hai người về đến nhà, nấu cơm lên ăn xong, cô vợ đã mang thai tháng thứ bảy thứ tám, bụng nhô cao, thân thể trở nên nặng nề, không chịu được ngồi lâu, ăn xong tắm rửa lên giường nằm. Vương tẩu kéo cái ghế lại ngồi ở bên cạnh giường, trên bàn có một khay đồ đan, bà ta vừa buôn chuyện giải buồn cho cô vợ vừa luôn tay thêu thùa may vá.

Ngư Tứ Nhi suy tính đợi đến khi Vương tẩu và cô vợ đều đã lên giường ngủ, y sẽ rón rén chuồn đi. Nhưng có ngờ đâu được, hai người này buôn chuyện tào lao cho đến lúc trời tối đen mà vẫn còn chưa chịu ngủ, khiến cho y cực kỳ sốt ruột. Trốn trong tủ quần áo lén lút canh chừng bên ngoài, hai chân đều đã cứng đờ lại rồi, khó chịu không sao tả xiết, trong lòng hồi hận khỏi phải bàn, hồi hận vì đã nổi lên ý nghĩ gian tà,

nếu không đã không đến mức bị người ta cầm chân trong phòng không ra được. Hai người phụ nữ chủ nhà và giúp việc này, thực ra y không quan tâm, mà chỉ sợ không may lộ ra, kinh động đến hàng xóm láng giềng. Y trốn trong tủ quần áo không dám thở mạnh đến một cái, chỉ mong chờ hai người phụ nữ này mau chóng đi ngủ, chẳng hiểu lấy đâu ra lắm chuyện mà buồn đến thế?

Nói chuyện đến tầm giữa canh hai và canh ba, cô vợ đã mệt mỏi, lúc ấy mới nằm xuống ngủ. Vương tẩu vẫn ngồi dưới đèn, cố thêu nốt món đồ đang làm dở. Ở ngay cửa phòng đặt một cái chần trải sàn, bởi vì phụ nữ có thai hành động không tiện, buổi tối đi tiểu đêm hoặc có chuyện gì, cô ta có thể thức dậy bất cứ lúc nào, có sẵn chần đệm ở đó nằm ngủ luôn. Ngư Tứ Nhi thừa hiểu lúc ấy vẫn chưa thể đi ra, bởi vì hai người vừa mới nằm xuống, còn chưa ngủ say, đành phải đau khổ chịu đựng. Lại đợi thêm một lúc lâu nữa, nhận thấy Vương tẩu và cô vợ đều đã ngủ sâu rồi, y nắn bóp hai cái đùi đã tê cứng, vừa mới định đẩy cửa tủ quần áo đi ra ngoài thì chợt nghe thấy cửa sổ gian ngoài chợt rít lên một tiếng két rất nhỏ. Ngư Tứ Nhi làm nghề gì chứ, y là kẻ chuyên môn lên vào nhà người khác trộm cắp. Y nhận thấy tiếng động đó khác thường, giống như có trộm đang thử thăm dò đẩy cánh cửa sổ đó từ bên ngoài, nhưng sợ đánh thức người đang ngủ trong phòng nên không dám mạnh tay, chỉ từ từ nhẹ nhàng mà đẩy cánh cửa sổ.

Ngư Tứ Nhi thầm than khổ, tự nhủ không may, đen đủi đến thế là cùng, không biết là kẻ trộm từ đâu nhảy ra nữa?

Buổi chiều về đến nhà, lúc nấu cơm Vương tẩu đã phát hiện ra cửa sổ vẫn chưa đóng kín, sợ có trộm lên vào nên đã vội vã chốt chặt lại rồi. Ngư Tứ Nhi đã tận mắt nhìn thấy quá trình đó, đến lúc ấy nghe thấy tên trộm ngoài cửa sổ đẩy vài cái. Thấy không đẩy ra được, kẻ đó lập tức lật mái nhà lên, động tác nhẹ nhàng đến mức thần kỳ, Ngư Tứ Nhi phải căng tai lên mới nghe thấy được, còn hai người đang ngủ trong phòng không phát giác ra bất cứ điều gì. Chỉ một chốc sau, một bóng đen nhảy từ trên nóc nhà xuống, rơi xuống mặt sàn nhẹ nhàng như một chiếc lá cây, không phát ra một tiếng động nào.

Ngư Tứ Nhi thầm nhủ trong lòng: “Khinh công tốt con mẹ nó thật! Từ khi xử bắn Hoạt Ly Miêu, chưa từng nghe nói Thiên Tân vệ còn có phi tặc lợi hại như thế, kẻ này ở đâu đến đây vậy?”

Y nín thở, trốn tròng mắt quan sát bên ngoài tủ quần áo, nhưng đèn trong phòng đã tắt, chỉ có thể nhìn thấy một bóng hình đen thui, thể hình rất lớn, hai đầu vai nhô cao, hai cánh tay rất dài còn những chi tiết khác đều không nhìn rõ. Bóng đen đó rón ra rón rén đi đến cạnh giường, nhìn chằm chằm vào người vợ đang nằm ngủ.

Ngư Tứ Nhi cứ tưởng đó là một tên hái hoa dâm tặc. Lúc bấy giờ, trăng chợt ló ra khỏi mây, ánh trăng xuyên qua lỗ thủng trên nóc nhà giúp y nhìn thấy rõ trong phòng có một người, toàn thân bao bọc kín mít, đầu đội một cái khăn trùm đầu. Khi kẻ đó xoay người lại, lộ ra một gương mặt khỉ giống hệt như Thiên Lô, đôi mắt rực sáng về ma quái, khiến cho Ngư Tứ Nhi sợ đến mức mặt vàng như đất, bịt kín miệng của mình, cố gắng nín lại tiếng thét kinh hãi sắp ra khỏi miệng. Rõ ràng đó là một con khỉ ngựa khổng lồ toàn thân lông lá, ăn mặc giống hệt như một người phụ nữ. Hành tích của nó ma quái, nửa đêm đột nhập vào nhà người ta bằng đường nóc nhà, cởi quần rướn mông phụt ra một làn khói xanh. Ngư Tứ Nhi trốn ở trong tủ quần áo, dù đã bịt kín miệng mũi nhưng vẫn ngửi thấy một mùi tanh tưởi, nồng nặc đến mức văng đầu mắt tối sầm, thiếu chút là hôn mê. Còn hai người đang ngủ trong phòng đều bị bất tỉnh vì ngạt thở, dù sét đánh bên tai cũng không thể tỉnh lại.

Con khỉ ngựa khổng lồ thông dong diềm tĩnh kéo quần lên, lén lén lút lút đi đến bên cạnh giường, vươn bàn tay lông lá ra moi móc ở giữa hai chân của người phụ nữ đang mang thai.

12. Chương 12

Năm

Ngư Tứ Nhi quả thực không thể tin được vào mắt của mình nữa, đánh chết y cũng không đoán ra được con khỉ ngựa này định làm gì, ở chỗ đó có thể moi móc ra cái gì chứ, đào cái con b cũng không có á?

Lúc bấy giờ y đã thấy con khỉ ngựa lòi từ giữa hai chân cô vợ ra một thai nhi đầm đìa máu. Đã đến tháng thứ tám chín, thai nhi đã thành hình rồi. Khi bị moi ra, hai cái chân nhỏ xíu vẫn còn động đậy.

Con khỉ ngựa giơ cái thai nhi lên cọ đi cọ lại lên mặt, giống như moi ra được bảo bối vậy, yêu thích đến mức quên hết cả xung quanh. Sau khi chơi đùa một lúc, nó bắt đầu há miệng mút thỏa thích, thích chí còn hơn cả mút kem, phát ra tiếng “chùn chụt” liên hồi. Chỉ một lát sau, cái thai nhi đã khô quắt thịt da, không còn nhúc nhích nữa. Nó nhét cái xác thai nhi vào trong lồng ngực, phóng lên trên mái nhà, lẫn vào bóng đêm tối mờ. Trong phòng giống như chưa từng có chuyện gì phát sinh, Vương tẩu vẫn cứ ngủ mê mệt không tỉnh, còn cô vợ trong lúc không hay biết gì đã biến thành một cái xác.

Ngư Tứ Nhi kinh sợ. Nếu không phải gã ăn trộm không thành, trốn ở trong tủ quần áo không ra ngoài được, nhờ vào ánh trăng nhìn thấy rõ ràng, nào ai biết được cô vợ này đã chết như thế nào, con khỉ ngựa kia rốt cục là yêu quái ở đâu? Y cũng định báo quan, nhưng sự việc hoang đường như vậy nhất định sẽ không có ai tin tưởng. Huống hồ y vào nhà người ta ăn trộm, nhà này lại xảy ra án mạng, liệu cơ quan điều tra có bắt y gán tội thay hay không? Phạm tội liên quan đến tính mạng con người sẽ không tránh khỏi bị áp giải ra pháp trường Tiểu Lưu trang ăn kẹo đồng, chết thành quỷ oan khuất.

Ngư Tứ Nhi không dám ở lại trong phòng nữa, lặng lẽ không một tiếng động chuồn ra ngoài, chạy một mạch về nhà. Đến ngày hôm sau, khi gặp Gà con, hai người ăn chia tiền bạc sòng phẳng xong, Ngư Tứ Nhi kể lại câu chuyện mình đã nhìn thấy vào đêm qua, cứ tưởng rằng Gà con sẽ không tin, ai ngờ hắn cũng đã từng nhìn thấy con khỉ ngựa kia. Gà con kể lại cho Ngư Tứ Nhi, trước đó một thời gian ngắn, hắn đã được xem một màn ảo thuật với bản lĩnh siêu phàm ở chợ buôn bán lừa ngựa, có khả năng giữa ban ngày ban mặt ngay trước mặt mọi người diễn được màn ảo thuật “Vạn người biến thành quỷ”.

Cửu Hà Hạ Sáo là đầu mối thủy bộ, thương nhân tập trung, tụ tập đủ mọi hạng người, ảo thuật diễn xiếc mãi vô vô số kể, chẳng có cái gì mà dân chúng chưa từng xem qua. Lấy màn ảo thuật “Vạn người biến thành quỷ” này ra làm ví dụ, thông thường là diễn vào lúc nửa đêm không có ánh trăng, những người hiếu kỳ đứng xem quây lại thành một vòng tròn, màn ảo thuật diễn ở chính giữa. Trước khi diễn, người diễn xiếc mào đầu một đoạn, ví dụ như: “Ồ nhà dựa vào cha mẹ đi ra ngoài nhờ vả bằng hữu, tới vùng đất trù phú này định thể hiện tài vật trước mặt liệt vị, có tiền thì đã lập sân khấu, không tiền đành phiên chợ vị đứng xem tôi biểu diễn một màn xiếc tổ truyền”, sau đó châm một cây nến. Ánh nến vừa chiếu ra, gương mặt tất cả mọi người đều đã tái đi. Trong lúc nhất thời, bầu không khí trở nên vô cùng âm u khiến cho người xem phải sợ hãi. Màn ảo thuật nổi danh này có tên là “Vạn người biến thành quỷ”.

Màn ảo thuật cổ xưa này còn được gọi là thuật ảo giác, tất cả đều là giả, nhưng mọi người không thể nhìn ra chỗ giả trong đó, nếu không thì làm gì còn nổi tiếng đến thế. Dân bản xứ đã xem những màn biểu diễn như thế này rất nhiều lần, ngay cả trẻ con cũng biết đến màn ảo thuật với ngọn nến nổi danh này. Người ta sử dụng ngọn nến có tính chất đặc biệt, khi đốt lên chẳng khác gì ma trời, đừng nói chiếu vào mặt người, ngay cả chiếu vào cục gạch cũng chỉ là một màu xám ngắt. Nhưng nghe nói màn ảo thuật “Vạn người biến thành quỷ” này đã thất truyền cả mấy trăm năm, cách diễn của những người làm xiếc rong hiện giờ đã hoàn toàn khác xưa, cách diễn xưa đã không còn ai nhìn thấy nữa rồi.

Gà con tình cờ gặp một biểu diễn ảo thuật ở chợ buôn bán lừa ngựa. Chợ buôn bán lừa ngựa là một khu đất trống cách vùng trung ở phía nam không xa. Mừng chín hàng tháng, nơi này lại tổ chức phiên chợ buôn bán các loại gia súc như la ngựa. Lần đó, hắn ăn trộm được một con lừa, lòi đến chợ buôn bán lừa ngựa, khi thu tiền xong nhìn thấy có ảo thuật bèn hiếu kỳ đi xem. Chỉ mất có mấy đồng bạc lẻ ai ngờ lại được xem màn ảo thuật với thủ đoạn cao siêu như vậy. Giữa ban ngày ban mặt, lại trong tầm mắt của cả một đám đông đứng xung quanh xem, nhưng thân hình ảo thuật gia vẫn biến mất rước sự chứng kiến của tất cả. Không một ai nhìn ra người đó biến mất bằng cách nào. Có người hiểu biết bảo, đây mới là màn ảo thuật cổ xưa “Vạn người biến thành quỷ” đã thất truyền nhiều năm.

Biểu diễn xong màn “Vạn người biến thành quỷ”, ảo thuật gia chấp tay thi lễ xung quanh rồi cầm cái cái chiêng đồng xin tiền thưởng. Những người đến chợ buôn bán lừa ngựa buôn bán gia súc không thiếu những ông chủ bản địa, còn có cả những thương nhân buôn bán gia súc lớn đến từ tỉnh ngoài, tất cả đều là người có tiền. Mọi người chỉ chờ ảo thuật gia bộc lộ tài năng, nếu như màn biểu diễn hấp dẫn họ sẽ không tiếc tiền ban thưởng.

Ảo thuật gia cũng là kẻ tham tiền, lại diễn một màn ảo thuật bí ẩn hơn nữa tên là “Hái đào trong tranh”. Màn ảo thuật cổ “Vạn người biến thành quỷ” ít ra còn có người đã từng được xem, nhưng với màn “Hái đào trong tranh” thì đến cái tên cũng chưa từng nghe thấy. Ngày hôm đó, toàn bộ những người vây quanh

coi như được mở rộng tầm mắt.

Chỉ thấy ảo thuật gia dắt một con khỉ ngựa ra, rồi lại lấy ra một bức tranh cuộn cổ, mở bức tranh ọi người xem. Trong tranh có vẽ một cây đào, nó đã kết trái được một quả bàn đào lớn chín mọng, giấy của bức tranh đã ố vàng. Đến khi mọi người đứng xem đã nhìn rõ ràng, ảo thuật gia vẫy tay một cái, con khỉ ngựa đứng bật dậy, đi thẳng tới bức tranh. Mọi người hoa mắt một cái, trong sân diễn đã không còn bóng dáng của con khỉ ngựa. Mọi người đều tấm tắc cảm thấy kỳ lạ, con khỉ ngựa kia đã biến đi đâu? Đến khi nhìn vào bức tranh cổ thì đã thấy có thêm một con khỉ ngựa ở bên trong. Ảo thuật gia vung bức họa một cái, con khỉ ngựa lại xuất hiện ở chỗ cũ, tay cầm một quả bàn đào há to miệng gặm từng miếng lớn. Bức tranh vẫn là bức tranh cũ, nhưng quả bàn đào trên cây trong bức tranh đã không còn thấy đâu nữa. Toàn bộ những người hiếu kỳ đứng xem đều mắt tròn mắt dẹt, rất lâu sau mới hồi phục được tinh thần, cất tiếng khen hay như sấm nổ, thi nhau thưởng tiền.

Gà con chen vào trong đám người xem náo nhiệt, nhìn thấy thế thêm rỏ dãi. Không ngờ diễn ảo thuật lại có thể kiếm được nhiều tiền như vậy, chẳng mấy chốc đã kiếm được mấy đồng. Tại sao mấy đồng đã được gọi là nhiều? Vào thời Dân quốc mọi thứ đều rất rẻ, một đồng có thể mua được một túi bột mỳ tầm bốn năm mươi cân, đủ ột gia đình ăn trong một tháng. Gà con nảy sinh ý nghĩ đen tối, định đánh cướp số tiền đó của ảo thuật gia, tốt nhất là còn có thể buộc người này khai ra chân tướng bí mật của mấy màn ảo thuật đó. Nếu học được khả năng này, sau này chẳng phải hần sẽ ngày ngày được nhấm sơn hào hải vị hay sao. Sau khi phiên chợ tan, hần bám riết theo sau ảo thuật gia. Khi tới trước căn nhà bị ma ám ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy, một người một khỉ đi ở phía trước đột nhiên biến mất. Gà con đã từng sống ở khu vực này, hần thừa biết căn nhà bị ma ám ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy có nhiều căn phòng bí mật. Năm xưa, nguyên nhân chủ yếu mà vị hội chủ mua lại căn nhà bị ma ám này là vì bí mật buôn thuốc phiện đen, nhằm dễ dàng tiến hành những giao dịch ngầm không thể để lộ ra ngoài ánh sáng trong những căn phòng bí mật. Về sau, một nhà năm người chết bất đắc kỳ tử trong nhà, kể từ đó không ai còn dám ở nữa, ngôi nhà bị bỏ hoang từ đó đến giờ. Ảo thuật gia chắc chắn là đã chui qua địa đạo vào trong nhà, nhưng diễn ảo thuật kiếm được không ít tiền, tại sao kẻ này lại phải ở trong ngôi nhà bị ma ám?

Sáu

Gà con sợ đơn sợ kép, chỉ dám đứng canh ở phía đối diện bên kia đường cái nhìn chằm chằm vào ngôi nhà hoang. Đến đêm, hần nhìn thấy con khỉ ngựa ra khỏi nhà, mặc quần áo của con người, hành tung lén lén lút lút, đi vào thành không biết để làm cái gì. Mỗi lần ảo thuật gia ra ngoài kiếm tiền đều đi theo hướng vùng đất trũng phía nam, mà không đi vào thành. Chẳng ai ngờ, Ngư Tứ Nhi lại bất chợt bắt gặp con khỉ ngựa đó. Hai thằng kể lại chuyện của mình xong, cảm thấy tên ảo thuật gia này không phải hạng tốt đẹp gì, ngày mai mỗi thằng xách một con dao phay, cầm theo đèn bão, chui vào trong nhà tóm lấy tên ảo thuật gia, trần lột lấy một mớ tiền tài, đồng thời còn bắt hần khai ra chân tướng của màn ảo thuật vạn người biến thành quỷ và hái đào trong tranh ra. Bình thường, Gà con luôn thích chọc ngoáy vào yếu điểm của người khác, cho rằng cái tên ảo thuật gia này có tật giết mình, sẽ không dám phản kháng lại hai thằng bọn chúng. Còn con khỉ ngựa kia dù có bản lĩnh đến thế nào cũng chỉ là một con súc sinh mà thôi. Trước nay Ngư Tứ Nhi cứ dính đến trộm cướp là coi trời bằng vung, giờ lại có tên lưu manh Gà con cầm đầu, đương nhiên là không có nửa câu phản đối. Ngày hôm đó, khi chúng ra khỏi nhà, đi đến giữa đường thì trời nổi mưa giông. Hai thằng đội mưa chạy vào ngôi nhà bị ma ám, vừa mới vào trong đã nhìn thấy con khỉ ngựa ngồi chồm hổm ngay trước mặt, hai mắt nó nhìn chằm chằm vào cái nắp phần mộ đã mở tung. Thấy có kẻ lạ đột nhập, nó lập tức nổi khùng tấn công. Dao phay còn không chưa kịp rút ra, Gà con đã bị con khỉ ngựa vung tay cắt đứt đầu. Ngư Tứ Nhi sợ mất hồn, ngồi phệt xuống đất, cho rằng hôm nay sẽ phải về châu tổ tiên. Không ngờ tới, khi cái đầu Gà con lăn xuống hầm mộ, ba người Quách sư phụ nghe được động tĩnh, vội chạy lên trên. Con yêu khỉ thấy đối phương nhiều người, lập tức trốn mất dạng.

Nghe Ngư Tứ Nhi nói xong, mấy người Quách sư phụ đều kinh sợ. Tên ảo thuật giá tám chín phần mười là Liên Hóa Thanh, bởi kẻ này đã từng bái một người dạy xiếc khỉ làm thầy, đồng thời hần còn dắt theo một con khỉ. Hần trốn ở trong nghĩa trang nhà họ Ngụy không dám vào thành.

Ng.uồn.n .tù. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co.c.om. Bên ngoài mưa to gió lớn, đường đã ngập nước, một người một khỉ nhất định vẫn còn ở trong căn nhà bị ma ám này, giờ đúng là lúc nên lùg bắt y.

Lý Đại Lăng nói: “Ông anh có nghe thấy Ngư Tứ Nhi đã nói gì không, kẻ này biết sử dụng yêu tà sống, chỉ

với mấy người chúng ta liệu có đối phó được hần không?”

Quách sư phụ nói yêu thuật và ảo thuật cũng chẳng có gì khác nhau, cả hai đều là thuật đánh lừa thị giác, còn gọi là thuật gây ảo giác. Nghe lớp người già nói, vào những năm cuối triều Thanh, Thiên Tân về xuất hiện một vị tiên cô, có khả năng triệu yêu vờn thần. Bà ta chỉ cần châm một ngọn nến, quỷ thần đến tức thì. Bà ta dẫn theo hai đồng tử, cả hai đều là đàn ông cường tráng. Năm canh tý (1900), quân đồng minh tám nước đến xâm chiếm, vị tiên cô này tuyên bố sẽ thỉnh thiên binh thiên tướng xuống nghênh địch. Bà ta dẫn theo hai tên đồng tử hơn 30 tuổi, cầm kiếm gỗ lên trên cổng thành làm phép. Thiên binh thiên tướng còn chưa thấy đâu, ba người bọn họ đã bị đạn pháo của người phương tây bắn tan xác. Thật ra, vị tiên cô đốt ngọn nến còn được gọi là đèn cây triệu yêu, chỉ là màn ảo thuật đánh lừa tai mắt thiên hạ mà thôi. Có lẽ “Vạn người biến thành quỷ, hải đảo trong tranh, ngũ quỷ chuyển thi” xuất xứ từ yêu thuật Ma Cổ Đạo cũng chẳng khác gì cái này.

Đinh Mão hỏi: “Ngũ quỷ chuyển thi là loại yêu pháp gì thế?”

Quách sư phụ nghe Ngô Lão Hiến từng nói, ngũ quỷ chuyển thi là một trận pháp của Ma Cổ Đạo để khai quật quan tài, ăn cắp đồ quý. Về phần những trận pháp bàng môn tả đạo, từ thời Thanh mạt cho đến nay đã dần im hơi lặng tiếng không để lại dấu vết. Nhưng vẫn là câu nói kia, thời buổi này đâu còn như xưa, tại sao lại gọi là “Ngũ quỷ chuyển thi”? Ngũ quỷ chính là năm xác chết. Tương truyền, trước kia có kẻ trộm mộ khai quật mộ giữa ban ngày, nhưng cho dù dùng hết mọi cách cũng không thể mở được nắp quan tài, đó là bởi cương thi trong quan tài muốn trốn kiếp số thiên lôi địa hỏa. Nếu gặp phải tình huống này, có hai biện pháp. Một là bày trận ngũ quỷ chuyển thi, hai là niệm chú mở quan. Đến giờ đã không còn ai tin tưởng vào những trò lừa thần gạt quỷ này nữa, nhưng vào thời ấy thực sự có không ít người tin tưởng.

Lý Đại Lăng an lòng, xóc cổ Ngư Tứ Nhi nhũn như một gà con bị cắt tiết đi theo sau Quách sư phụ. Đinh Mão đóng cửa nhà lại. Bốn người lục soát khắp nơi tìm cửa ngầm, phát hiện ra cái lò sưởi xây ngầm trong tường có vấn đề, bởi nó được xây giống hệt như vách tường. Nếu như trước đó không biết trong nhà có đường ngầm, sẽ chẳng có ai tìm ra được. Họ đẩy cửa ngầm ra, bên trong tối om.

Đúng vào lúc họ ngó vào trong xem xét, con khỉ ngựa đột nhiên nhảy vọt ra, vung bàn tay ma của nó lên, chụp thẳng vào mặt Ngư Tứ Nhi.

Ngư Tứ Nhi đã sợ mất hồn tránh không kịp, nửa khuôn mặt bị nó chém phăng. Y hét thảm một tiếng đổ sập xuống đất, hai chân co giật mấy cái, rõ ràng là không sống nổi.

Mấy người Quách sư phụ giật mình kinh hoảng, chỉ trong một thời gian ngắn như vậy đã có hai kẻ mất mạng, vội vàng lôi cây búa cán gỗ đàn ra, nhè vào đầu con khỉ ngựa mà chém.

Con khỉ ngựa vô cùng nhanh nhẹn, nó cúi phắt người vểnh đít lên né tránh búa. Nó nhanh nhưng Đinh Mão còn nhanh hơn, gãi vùng chân đá một phát vào mông con khỉ. Con khỉ ngựa rú lên một tiếng quái dị, miệng phun ra bọt máu.

Lý Đại Lăng thừa cơ tiến lên, bổ một nhát búa vào đầu con khỉ, không cho nó cơ hội trở mình, tiếp theo lại bổ thêm vài nhát, nhát nào cũng dốc hết sức bình sanh.

Tuy con khỉ ngựa gian trá có linh tính, nhưng dù sao cũng chỉ là thân thể máu thịt. Sau khi bị bổ mấy nhát búa, nó đã biến thành một đồng máu thịt bầy nhầy, óc vỡ toang, mất mạng ngay tại chỗ.

Đinh Mão đạp vào xác con khỉ một cái, chửi: “Hôm nay xem như mày đã gặp báo ứng.”

Lý Đại Lăng kêu âm lên: “Đừng để Liên Hóa Thanh chạy, vào bắt người trước đã!” Gã cứ tưởng con khỉ ngựa rất khó đối phó, nhưng xem ra cũng không chịu nổi búa chém, vậy thì còn gì đáng phải sợ nữa. Lúc bấy giờ, gã cầm theo cây đèn thủy nguyệt, miệng thì chửi mắng thậm tệ, lời cả mười tám đời tổ tông Liên Hóa Thanh ra mà rửa, tiếng chửi tục tĩu vang vọng khắp đường hầm trong ngôi nhà ma. Quách sư phụ sợ gã có sơ xuất, không dám nghĩ ngợi gì nữa, vội nhặt cây đèn bảo của Ngư Tứ Nhi lên rồi lôi Đinh Mão chạy theo sau, nhưng lại không ngờ tới kẻ đang chờ họ ở bên trong là một nhà năm người đã chết ở trong ngôi nhà bị ma ám.

Bảy

Ba anh em chui vào trong quan sát, đường hầm thông với tất cả các tầng. Tầng hầm đã ngập trong nước, tầng một tầng hai là hành lang với khoảng không chật hẹp, tầng ba có một gian phòng. Ngôi nhà ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy này có hai tầng, đứng ở bên ngoài không thấy có gì khác lạ, chỉ đến khi thông qua đường hầm chui vào trong nhà mới thấy có các đường rẽ khác thông lên tận mái nhà. Không khí trong phòng sặc mùi ẩm ướt và mục nát. Ba người leo lên tầng, mang theo đèn thủy nguyệt chiếu sáng để lục soát khắp nơi. Đập vào mắt chỉ là bốn bức tường quét vôi, bên ngoài tường đã mọc meo cả rồi, cũng có cả chần nệm quần áo, nhưng ngoại trừ ba người họ ra, trong phòng làm gì còn có ai khác.

Ba người cho rằng Liên Hóa Thanh trốn ở trong phòng, nhưng nào ngờ trong đó lại không có ai. Họ lục soát hết toàn bộ một lần nữa, nhưng không còn lối đi bí mật nào nữa, có lẽ Liên Hóa Thanh đã chạy trốn mất rồi, kẻ này gian ngoan khỏi phải bàn. Lúc này mà còn không bắt được hắn, sau này sẽ không dễ kiếm được một cơ hội khác. Lý Đại Lăng nóng nảy dậm chân hậm hực, tiền thưởng sắp đến tay còn vuột mất.

Đinh Mão bảo ngôi nhà ma ở nghĩa trang nhà họ Ngụy đã thay đổi vài đời chủ nhà, thời gian mỗi một gia đình lưu trú lại không dài, vài chục năm chưa được coi là quá lâu, nhưng ngôi mộ phía dưới lại được cải tạo thành hầm ngầm. Ngã tư đường có không ít người treo cổ, khẳng định là không an lành. Thông thường mỗi khi phải đi ngang qua đây, mọi người đều đi vòng qua, trong nhà lại có lối đi bí mật, Liên Hóa Thanh muốn tìm một nơi để ẩn núp, không còn nơi đâu thích hợp hơn so với nghĩa trang nhà họ Ngụy nữa. Lúc này, mặc dù hắn đã chạy thoát, nhưng chắc chắn sẽ phải để lại dấu vết nào đó.

Trong khi đang nói chuyện, sống lưng đột nhiên lạnh rợn cả người, ba người quay đầu lại nhìn, vừa mới nhìn họ đã sợ tới mức thiếu chút nữa đứng tim. Kể ra cũng lạ, trên tường hiện lên năm cái bóng đen, mơ mơ hồ hồ nhìn không rõ là ai, tuy nhiên xác thực là có người đang đứng trước cái đèn, in bóng mình lên trên tường, nhưng trong phòng rõ ràng là không có năm người này.

Đinh Mão cố lấy dũng khí, đưa tay sờ lên tường. Bức tường gạch kín mít lạnh như băng, ngoài mặt tường không có bất cứ thứ gì khác lạ, nhưng năm cái bóng người kia càng lúc lại càng hiện rõ.

Ba người họ cầm theo một chiếc đèn thủy nguyệt, đứng đối mặt với vách tường nên bóng của họ hắt ra phía sau, không hiểu nổi năm bóng đen trên vách tường xuất phát từ chỗ nào.

Quách sư phụ lên tiếng: “Nhìn có vài phần quen mắt, hình như là đã gặp ở đâu. . .”

Đinh Mão nói: “Là bức vẽ một nhà năm người ở trong phòng khách, năm cái bóng trên vách tường có hình dáng giống như những người trong bức vẽ.”

Lý Đại Lăng: “Liệu có phải những người đã chết trong ngôi nhà bị ma ám này hiện hồn lên không? Nếu không thì vô duyên vô cớ tại làm sao trên vách tường lại hiện lên năm bóng ma như thế?”

Quách sư phụ trầm cảm thấy việc này kỳ quái. Ông ta chợt nhớ tới cây đèn cây triệu yêu của vị tiên cô, bèn bảo: “Cây đèn thủy nguyệt là vật trong ngôi nhà ma này, có lẽ đã bị người động chân động tay, cũng có thể là trên tường đồ đã quét mực nước, bình thường không thấy gì, đến khi chiếu đèn vào mới thấy hình ảnh hiện ra.”

Lý Đại Lăng thốt lên: “Tôi cứ tưởng là thế nào, hóa ra chỉ là thủ đoạn hù dọa lũ trẻ lên ba.”

Đinh Mão nói: “Nhị ca nói có lý, dù sao đánh người một quyền, cũng phải phòng người ta đá một cước. Chúng ta ở ngoài sáng, Liên Hóa Thanh ở trong tối, mọi việc nên cẩn thận, đừng có rơi vào bẫy của kẻ khác.”

Quách sư phụ bảo Lý Đại Lăng tắt cây đèn kia đi, chỉ dùng cây đèn bảo của Ngư Tứ Nhi mang từ bên ngoài vào để chiếu sáng.

Lý Đại Lăng thuận theo tắt đèn đi. Ba anh em nhờ vào ánh sáng mờ ảo của cây đèn bảo, ngẩng đầu lên nhìn lại vách tường xem sao, năm cái bóng đen vẫn còn sờ sờ ở đó.

Đinh Mão không tin hình ảnh ma quỷ đó, vung cây búa cán gỗ đàn lên, bổ một nhát lên vách tường. Dù đã tạo ra một vết búa trên tường nhưng mấy cái bóng trên đó vẫn không suy chuyển, càng nhìn càng thấy giống thật, giống như thực sự có năm người còn sống đang đứng trước cây đèn vậy.

Trong lòng ba người kinh sợ, không dám thở, đứng nguyên tại chỗ nhìn không chớp mắt, nhất thời không dám vọng động.

Lại chờ thêm giây lát, vẫn không nhìn ra chỗ kỳ quái, nhưng bóng hình hai vợ chồng cộng với hai đứa con gái một con trai trên vách tường càng lúc càng rõ hơn, quả thực sống động y như thật.

Quách sư phụ chợt phát hiện bóng người trên tường đã không còn giống như lúc ban đầu, quay sang hỏi Đinh Mão và Lý Đại Lăng, nhưng hai người lại chẳng nhận ra điều đó. Quách sư phụ cho rằng mình đã nhìn nhầm.

Trong lòng nổi lên kinh sợ, Lý Đại Lăng bèn nói: “Bên trong ngôi nhà ma này không an lành, theo tôi thấy có lẽ chúng ta cứ quay về đã, sau đó mời đạo sĩ Thiên Sư mang theo phù chú, lúc ấy quay lại cũng không muộn.”

Trong khi trao đổi vài câu, tầm mắt ba người vô tình chuyển lên chỗ vách tường, nhưng nào còn thấy bóng ma của một nhà năm người đâu nữa. Họ đột nhiên cảm thấy có một bàn tay lạnh như ma tóm vào cổ, bèn đưa tay lên cổ lần mò, nhưng không chạm vào cái gì. Họ xoay đầu lại nhìn, không ngờ mấy bóng ma kia đã chuyển ra phía sau lưng mình từ lúc nào, đang thò tay tóm vào mấy cái bóng in trên mặt đất của ba người. Lúc bấy giờ, cây đèn bão chuyển động, nhưng cái bóng của họ lại vẫn bị năm bóng quỷ kia tóm chặt bất động.

Ba người đều giật mình kinh hoàng, trong lúc hoảng loạn ném bừa búa ra. Nhưng khi cây búa đánh trúng vào bóng ma trên mặt đất, họ lại cảm thấy bàn tay bóp cổ mình càng lúc càng chặt hơn, không tài nào thở được, chẳng mấy chốc sẽ phải chết trong ngôi nhà bị ma ám ở nghĩa trang nhà họ Ngụy.

Tám

Lúc đối mặt với cái chết, Quách sư phụ đột nhiên phát hiện ra cây đèn bão này cũng không thể thấp lên, không cần biết trong phòng có vật gì, chỉ cần có vật chiếu sáng là có khả năng thi triển tà pháp giết người. Ông ta buông tay, thả cái chén đèn bão xuống. Tầm mắt trở nên tối sầm, bàn tay đang bóp cổ ba người lập tức lỏng ra. Ba người kinh hoàng không sao trấn tĩnh lại được, mắt không nhìn thấy gì, chỉ có tiếng thở hổn hển, may mà cái khó ló cái khôn, nhất lại được tính mạng.

Lúc ấy, Quách sư phụ linh cảm trước mặt còn có người khác. Nói ra kể cũng lạ, vừa rồi thấp đèn thì không nhìn thấy, nhưng đến lúc trong phòng tối đen xòe bàn tay ra trước mặt không nhìn thấy năm ngón, kẻ nọ mới thừa cơ tối om đi lại gần, chẳng hiểu là định sẽ làm gì. Quách sư phụ cảm thấy kẻ này lai giả bất thiện, trong hoàn cảnh tối lửa tắt đèn không nhìn thấy cái gì, làm sao dám để đối phương lại gần, nhưng cây búa mang theo thì đã ném xuống đất, chỉ với hai bàn tay không thì ứng phó bằng cách nào. Ông ta vừa mới lần mò trong ngực áo thì chạm tay vào viên gạch đã lầy dưới hềm mộ, vội lôi nó ra nhè vào kẻ nọ mà giáng xuống, chẳng ngờ một cú đánh trúng ngay vào đầu hắn. Chỉ nghe đối phương hự lên một tiếng đau đớn, rồi đổ sập xuống đất.

Đinh Mão nghe thấy có chuyện, vội đánh diêm lên. Hai mắt ba người sáng lòa, đập vào mắt là một gã đàn ông nằm vật trên mặt đất, bàn tay vẫn nắm chặt một cây chủy thủ, mặc áo gai đầu đội mũ quả dưa, khoác một cái áo trấn thủ màu đen, trên mặt có dán cao dán, không nhận ra là ai. Họ bèn giật lá cao dán xuống, nhìn thấy một kẻ tầm 20 tuổi, khuôn mặt anh tuấn, hai cái chân mày giao nhau, là một kiểu Nhất Tự Mi hiếm có, chẳng phải Liên Hóa Thanh thì còn có thể là ai.

Hóa ra Liên Hóa Thanh trốn ở trong ngôi nhà ma, phát hiện ra có người lên vào trong, hấn ý vào có tà thuật đánh lừa tai mắt người khác, thật chất là cùng một loại với thuật thôi miên của ngoại quốc, nhưng xưa kia bị người ta liệt vào yêu pháp. Bởi vậy dù có người lên vào nhưng hấn cũng không sợ, chỉ là đi đêm lăm có ngày gặp ma, hấn chết cũng là đáng đời. Nhưng nguyên nhân chính đã dẫn hấn vào chỗ chết là đã để cho Quách sư phụ phát hiện ra không thể đốt đèn ở trong căn phòng này, cứ có ánh sáng là sẽ gặp quỷ. Đến khi trong phòng không nhìn thấy cái gì nữa, Liên Hóa Thanh thấy tình huống không ổn, định nương theo bóng tối tiếp cận dùng dao chọc chết tươi ba người này, nào ngờ lại bị Quách Nhị gia dùng viên gạch đập một phát trúng đỉnh đầu. Ba anh em kéo hấn từ căn gác lửng lên tầng trên, sờ vào mũi đã không còn hơi thở, hấn đã bị một cú đập bằng gạch đánh chết tươi.

Căn cứ vào cách nói thuyết tướng số, lông mày giao nhau đi kèm với mắt có hai con ngươi thuộc về tướng

quân thần xung khắc, là tướng mạo tiểu quỷ đoản mệnh, nhưng khi ba người đứng nhìn xác Liên Hóa Thanh trong quan tài dưới hầm mộ lại cảm thấy vô cùng thất lạc. Đinh Mão và Lý Đại Lăng cứ chắc mẩm rằng khi bắt được Liên Hóa Thanh sẽ giao cho quan phủ trị tội. Căn cứ vào những án mà kẻ này phạm vào, hẳn không tránh khỏi số mệnh ăn kẻo đồng. Thời dân quốc không có hình phạt chém đầu, nếu bị tử hình chỉ có xử bắn, áp giải ra pháp trường bên ngoài cửa tây hành quyết, bị xử bắn được gọi là “Ăn kẻo đồng”. Sau đó ba anh em sẽ báo công nhận phần thưởng, tên tuổi vang xa thành bằng hiệu, nhưng họ thật sự không ngờ tới Liên Hóa Thanh lại chết vớ vẩn như vậy. Nhưng dù là còn sống hay đã chết, họ cũng phải mang thi thể về mới đưa ra được một câu trả lời thỏa đáng. Trong khi ba người trao đổi với nhau, mưa vẫn rơi không ngừng, nước lũ đã tràn vào trong nhà.

Trái tim ba anh em như sắp nhảy ra ngoài lồng ngực, mắt thấy nước ngập càng lúc càng sâu, cái hầm mộ và xác chết dưới tầng một đều đã bị nước lũ nhấn chìm, không thể không leo lên tầng hai. Vừa mới ngó ra bên ngoài nhìn một cái, trái tim ba người đã trầm xuống. Mưa như trút nước chắn hết tầm nhìn, tấm bia đá đối diện nghĩa trang nhà họ Ngụy hoàn toàn mù mịt trong mưa, thậm chí ngay cả phía bên kia đường cũng không nhìn thấy, khắp nơi nước đã chảy thành sông. Trước kia, lúc xảy ra thiên tai nghiêm trọng nhất, mưa lớn như vậy đến nửa đêm mà vẫn còn chưa đến mức xảy ra lũ lụt. Nhưng vị trí nghĩa trang nhà họ Ngụy nằm ở dưới thấp, toàn bộ nước mưa xối xuống nội thành đều đổ dồn về chỗ này. Có đạo người ta nói sẽ dỡ bỏ khu nhà cấp bốn bên kia, cho nên mấy căn nhà tầng bên này cũng chẳng còn ai ở. Mặc dù chưa bị phá bỏ, nhưng toàn bộ diện nước đã bị cắt hết, cống rãnh thoát nước trước kia cũng đã bị tắc nghẽn, nên mỗi khi gặp mưa to những nơi khác còn chưa bị làm sao thì nghĩa trang nhà họ Ngụy đã chìm dưới nước rồi. Lúc bấy giờ, nước đã ngập quá nửa căn nhà, đường cái đã sớm biến thành biển nước mênh mông.

Năm xưa có vài khu dân cư được gọi là hồ sâu tam cấp. Tam cấp mang hàm nghĩa là ba tầng, bởi vì nhà ở cũ nát, trong khi đó phòng ốc lại không ngừng lún xuống, mặt đường không ngừng nâng cao; Tầng thứ nhất là mặt đường cái cao hơn ngõ hẻm, tầng thứ hai là mặt ngõ hẻm cao hơn mặt sân, mặt sân lại cao hơn nền phòng ở, đây là tầng thứ ba. Tầng nọ thấp hơn tầng kia kế tiếp nhau, cuối cùng nền phòng ở là thấp nhất, trời chỉ cần mưa lớn hơn bình thường một chút là mỗi nhà đã được tham dự trận đánh thủy tinh dâng nước đánh sơn tinh rồi, toàn bộ cả nhà từ già đến trẻ cầm xô chậu rửa mặt tát nước trong nhà ra ngoài, trẻ con hai ba tuổi thì được thả ngồi trong chậu gỗ, trong phòng có cái gì nổi được đều biến thành du thuyền, cuộc sống khổ không sao tả xiết. Những người ở khu đó sợ nhất mùa mưa, bởi vì phòng ở nằm trong vùng trũng, trong phòng ẩm ướt, khả năng thông gió lại kém, đặc biệt là vào mùa hạ, những ngày trời oi bức thì người ta khó mà thở nổi, những ngày mưa dầm thì tám chín phần mười nước chảy vào đây nhà, lúc nào cũng phải chuẩn bị sẵn một đồng xô chậu để mà tát nước. Chính bởi vậy mà đồ gia dụng của rất nhiều nhà mủn nát ngấm trong nước lâu ngày. Trước kia, khi nghĩa trang nhà họ Ngụy còn chưa bị san phẳng, một loạt nhà cấp bốn là điển hình của hồ sâu tứ cấp, bởi vì mặt bằng khu bên ngoài cao hơn vùng trũng phía nam một cấp, do đó mới gọi là “Hồ sâu tứ cấp”; Còn người dân quen gọi là rốn nghèo, để miêu tả sinh động toàn bộ những người ở khu nghĩa trang nhà họ Ngụy đều là dân cùng khổ, nhưng chỉ cần có ai vượt ra khỏi cái vùng trũng này thì chắc chắn sẽ giàu có. Sau này phòng ốc bị san phẳng toàn bộ, những địa danh như vùng trũng phía nam lây lội, hồ sâu tứ cấp kể cả nghĩa trang nhà họ Ngụy đều đã vĩnh viễn đã trở thành lịch sử. Nhưng nội thành vẫn còn lại một vài khu dân cư được gọi là hồ sâu tam cấp, chúng còn tồn tại mãi đến cuối những năm tám mươi, trải qua mấy lần cải tạo nhà cửa với quy mô lớn mới dần được cải thiện.

Có thể nghĩ ra, khi ấy mấy người Quách sư phụ mang theo xác Liên Hóa Thanh, muốn chạy cũng đã không có cách nào chạy nổi, bởi đường cái đã ngập đến ngang lưng, nước lũ đã mấp mé chạm tới đỉnh tấm bia đá ở đầu đường. Cũng còn may là dù dòng nước lũ rất lớn nhưng vẫn còn chưa đến mức nhấn chìm được tòa nhà. Chỉ cần trời ngớt mưa, nước lũ sẽ rút đi rất nhanh. Tuy nhiên, xem chừng trận mưa này kiểu gì cũng phải kéo dài đến nửa đêm mới tạnh. Ba người nhìn xác Liên Hóa Thanh mà rồi bởi, ban ngày thì không có vấn đề gì, nhưng bây giờ trời tối đen dù có thắp đèn cũng chẳng có tác dụng, ai dám đảm bảo là sẽ không có vấn đề gì bất ngờ xảy ra?

Chín

Đúng lúc đang không biết làm sao, ba người nhìn thấy xa xa có mấy chiếc thuyền nhỏ chèo tới. Thì ra bên trong khu nhà cấp bốn ở nghĩa trang nhà họ Ngụy vẫn còn một số dân chạy nạn từ nơi khác đến và mấy người nhặt ve chai ở, số lượng không nhiều lắm, hơn nữa mỗi người còn ở một nơi. Những cư dân này đều dọn vào ở sau thời điểm xảy ra lũ lụt năm trước, không biết nơi đây chỉ cần mưa to một chút là sẽ bị ngập.

Khi nước dâng lên khắp nơi, định chạy thì đã không còn kịp rồi, đành phải trèo lên mái nhà tránh lũ. Trong nội thành có đội tuần sông của cảnh sát đường thủy, họ chèo những chiếc thuyền nhỏ này qua bên đây cứu người, đưa những người trong vùng ngập lụt lên chỗ cao. Khu phía bắc ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy vẫn chưa ngập sâu như bên này, ba người họ vội vàng bơi qua đó. Đội tuần sông cảnh sát đường thủy quen biết ba người, chèo thuyền lại gần đón, dù không hiểu vì sao họ lại còn lồi theo cả người chết, nhưng cũng chẳng lăm chuyen quan tâm hỏi han, cho họ mượn một cái thuyền không, lồi cả người sống lẫn người chết lên rồi chèo theo hướng tấm bia đá quay ngược trở về.

Tấm bia đá trên lưng thú đã bị nước lũ nhấn chìm. Giữa trời mưa mịt mù, tấm bia cổ chỉ còn là một cái bóng đen khổng lồ in hình trên mặt nước, khiến ọi người cảm thấy điềm xấu vô cùng. Lúc bấy giờ, khu đất trũng phía nam thành phố đã không còn có dòng sông nào chảy qua nữa rồi. Tương truyền, rất nhiều năm trước kia nơi đây có một con sông cổ, không ai biết được sau đó đã xảy ra chuyện gì. Mấy đời tổ tiên Quách sư phụ dù đều sinh ra và lớn lên ở nơi này, nhưng cũng chưa bao giờ nghe nói có con sông lớn nào chảy qua vùng đất trũng. Ngoại trừ những thầy xem phong thủy có thể nhìn ra nơi này trước kia đã từng có sông chảy qua, kể cả những người lớn tuổi đến mấy cũng không biết về điều này. Về phần con thú công bia trấn sông cụt đầu này, người ta bảo đó là con bị hí, nhưng cũng chỉ là quan điểm chủ quan không có căn cứ. Rồng sinh chín đứa con không phải là rồng, phân biệt thành chín loại động vật khác nhau, trong số đó có một con gọi là bị hí, sức khỏe vô biên, sống rất lâu, có sức chịu đựng tốt, chuyên công bia cho các bậc đế vương. Nhưng trên thực tế không rõ con thú công bia đá trấn yêu trừ tà thuộc loài vật gì, bởi vì đầu nó đã bị gãy, không thể nào truy nguyên ra được.

Thời cổ, người ta lập bia với mục đích để cho hậu nhân biết được, nơi đây đã từng xảy ra sự việc lớn nào đó. Nhưng chữ khắc trên tấm bia đá này đã phải hứng gió dầm mưa dãi nắng, lại trải qua không biết bao nhiêu năm tháng, không còn ai có thể đọc được nội dung của nó nữa. Chỉ mỗi Trương Bán Tiên có nói, tấm bia đá được lập cách đó ít nhất là mấy trăm năm, khi mà nơi này vẫn còn con sông, qua hình dạng có thể phán đoán là bia do quan phủ lập. Bởi vì nó chặn nhánh sông chảy sang vùng đất trũng phía nam cho nên đã tích tụ không ít âm khí. Toàn bộ phong thủy của nghĩa trang nhà họ Ngụy bị nó phá hỏng, bởi vậy nên nơi này tà ma, phong thủy không tốt.

Mấy người Quách sư phụ leo lên thuyền nhỏ. Qua màn mưa mịt mù, ông ta lơ mơ nhìn thấy tấm bia đá ở ngã tư đường, chợt thất thần trong chốc lát, không tránh khỏi nhớ lại những chuyện đã qua, thâm suy nghĩ: “Trương Bán Tiên chẳng qua chỉ là một kẻ xem bói toán kiếm cơm gia truyền được mấy đời, lúc trước có đề cập đến việc đi nghĩa trang nhà họ Ngụy đuổi bắt Liên Hóa Thanh của chúng ta, bảo chuyến đi này là có đi mà không có về, cuối cùng không phải là chẳng có chuyện gì xảy ra hay sao?” Trong lúc ông ta đang âm thầm suy nghĩ, chợt nghe thấy Lý Đại Lăng nói: “Hôm nay mang xác Liên Hóa Thanh về, cả một chùm những vụ án như chìm xác ngã ba sông, dấu xác trong hộp sắt ở miếu thổ địa, xác chết co nhỏ lại ở nghĩa trang nhà họ Ngụy, coi như đã bị chúng ta phá toàn bộ. Quách nhị ca à, sau này những việc này đồn ra ngoài còn gì hay hơn nữa, anh không phải Thần sông thì còn ai là Thần sông.” Quách sư phụ nghe thấy Lý Đại Lăng nói mấy câu đó, trong lòng chợt run lên: “Hồng mắt, ngàn vạn lần đừng có đề cập đến Thần sông, gọi theo cách này thực sự là không may.”

Quách sư phụ thật tâm bảo Lý Đại Lăng đừng có nói như vậy, nhưng nói ra thì đã trễ. Ông ta cúi xuống nhìn xác Liên Hóa Thanh một cái, đã thấy ngay cái thi thể đã cứng đờ đó đang ngó lại mình. Liên Hóa Thanh bẩm sinh có tướng yêu ma, mắt có hai con ngươi. Một đôi mắt như vậy, nếu người khác nhìn vào sẽ giống như thấy hai cái lỗ thủng sâu hoắm vô cùng đáng sợ. Quách sư phụ nghe nói người chết biến thành thi là điều chỉ xảy ra vào đêm khuya, nhưng lúc bấy giờ trời vẫn còn sáng, vậy mà cặp mắt ma quái của Liên Hóa Thanh không biết đã mở ra từ lúc nào. Trong lúc kinh sợ, ông ta đột nhiên cảm thấy thân thể mình chấn động mạnh một cái, ba người họ cùng với xác chết nối tiếp nhau rơi xuống nước. Nước lũ mênh mông đã ngập đến nửa phòng của khu nhà cấp bốn. Kỹ năng bơi lội của Thần sông Quách Đắc Hữu khỏi phải bàn, vừa rơi xuống nước ông ta bình tĩnh lại được ngay, nín thở, đập mạnh hai chân một cái để trôi lên mặt nước, nhưng vẫn kịp nhận ra mực nước lũ sâu hơn mình đã dự đoán, hơn nữa còn lạnh thấu xương. Trong lúc kinh hãi, ông ta không kịp nghĩ ngợi nhiều, vội hợp sức với Đinh Mão hai người túm lấy Lý Đại Lăng không biết bơi, ba người vật lộn bò lên trên bờ. Khi đưa mắt quan sát xung quanh, trong cơn mưa mịt mù, họ lơ mơ nhìn thấy một tấm bia đá đứng sừng sững cách đó không xa, Liên Hóa Thanh thì đang nằm úp sấp mặt xuống đất ngay dưới chân tấm bia đó, còn đường xá và khu nhà ở nghĩa trang nhà họ Ngụy thì chẳng thấy đâu nữa, xung quanh tấm bia đá chỉ là một vùng đất hoang vu rộng lớn.

Tại sao quyển sách này của tôi lại có tên là “Thần sông – quỷ thủy quái đầm”, bởi vì bên trong nói đến cái con sông đã từng chảy qua khu đất trũng phía nam. Nếu không có con sông này, sao còn có thể gọi là quỷ thủy quái đầm?

13. Chương 13

Một

Trở lại chuyện chính. Ngày hôm đó, sau một trận mưa lớn, nước đã nhấn chìm nghĩa trang nhà họ Ngụy, tấm bia đá ở ngã tư đường cũng ngập một nửa dưới nước. Mấy người Quách sư phụ lẫn Liên Hóa Thanh cùng nhau rơi xuống nước, vất vả lắm mới leo được lên cạn. Khi lên được lên trên cạn, họ vẫn nhìn thấy tấm bia đá trên lưng con thú cụt đầu, nhưng toàn bộ phòng ốc đường xá ở khu nghĩa trang nhà họ Ngụy đã không còn nhìn thấy đâu nữa, bốn xung quanh chỉ là một vùng trũng hoang vu chìm trong mưa nhìn không thấy biên giới. Sau lưng có một con sông, nước sông chảy cuộn cuộn, nhìn không thấy tận cùng. Kể ra cũng thật quái lạ, tại sao lại trôi tận đến đây? Nơi này có phải là ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy không vậy?

Cả ba người đều ngẩng người ra, lẽ nào đã đến âm phủ? Nhưng nhìn lại thì lại không giống, kia rõ ràng là tấm bia đá ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy. Bọn họ nhìn thấy Liên Hóa Thanh vẫn còn nằm bên cạnh tấm bia đá, lúc trước vẫn còn nhìn thấy xác chết này trợn mắt, tại sao bây giờ lại nằm bất động rồi? Đã đến nước này, họ đành phải cẩn thận nhìn nước đến gần để quan sát. Họ bỗng thấy xác chết đó đột nhiên vùng dậy. Người này vừa mới chết nhưng thân thể đã cứng như gỗ mục, sắc mặt xám xịt, thân thể và tay chân trắng đũa, móng tay đột nhiên dài ra nửa tấc, thân hình thẳng tắp nhảy dựng lên khỏi mặt đất.

Quách sư phụ không nhớ nổi mình đã vớt bao nhiêu xác chết trôi sông, hàng ngày trông coi nghĩa trang, nhìn thấy người chết như cơm bữa. Những chuyện ma tà quỷ quái, ông ta cũng biết không ít. Nghe nói, cương thi đại khái bao gồm bốn loại: thi thể của người chết sau khi đặc đạo lưu lại được gọi là Di thể, chẳng những không phân hủy mà còn có một mùi thơm khác lạ; Đây là loại thứ nhất. Những xác ướp cổ đào được trong các ngôi mộ cổ, dù đã chết cả mấy trăm năm, nhưng màu sắc quần áo vẫn còn như mới, gương mặt giống như còn sống, nguyên nhân là do bị cách ly với không khí; Vừa gặp không khí, màu sắc của quần áo sẽ nhanh chóng mất màu, lấy tay đụng một cái sẽ thấy nát vụn giống như tro tàn của giấy; Sau đó, da thịt trên thân thể cũng biến thành khô quắt; Đây là loại thứ hai. Loại thứ ba là xác khô, phần lớn là do nước trong cơ thể bay hơi khô quắt lại. Còn loại thứ tư chính là Hành thi theo quan niệm của dân gian; Còn trong sách xưa, nó được gọi là Tẩu Ảnh, tóc và móng tay dài hơn rất nhiều so với người bình thường. Điều đó đã chứng tỏ, sau khi chết tóc và móng tay vẫn còn tiếp tục mọc dài ra. Nghe nói, loại cương thi này có đạo hạnh, bên đêm có thể ra ngoài hoạt động.

Những câu chuyện liên quan đến cương thi có rất nhiều. Chỉ cần là người sinh ra trước vài năm, có một chút kiến thức thì đều có thể kể ra không ít chuyện. Tuy nhiên, phần lớn mọi người đều chỉ được nghe kể lại mà chưa từng nhìn thấy bao giờ, mấy người Quách sư phụ cũng chưa từng nhìn thấy Hành thi. Hành thi tấn công người khi nổ ra trận chiến tranh việc làm của phu quân vác ở nhà ga Lão Long Đầu vô cùng ma tà quái dị thực ra chỉ là câu chuyện đồn đại, những người kể lại đâu có được tận mắt nhìn thấy. Xưa kia có truyền thuyết Quảng Tế Long vương gia đuổi bắt đại tiên Hạng Ma. Đại tiên Hạng Ma chính là cương thi có đạo hạnh, là Hạng Bạt trong quan niệm của tổ tiên. Dù thế nào đi nữa, truyền thuyết bao giờ cũng vô cùng li kì. Nếu như mọi người tin là thật thì đó chính là thật; nếu như không ai tin, vậy đó chẳng qua chỉ là cái truyền thuyết dân gian mà thôi. Về phần Liên Hóa Thanh đã dính một viên gạch đập vào đầu, hôn mê bất tỉnh, sau khi rớt xuống sông bị nước lạnh kích thích, lại sống dậy, cũng không phải là hoàn toàn không có khả năng xảy ra. Nhưng tình hình hiện giờ lại cho thấy, hiện tượng xác chết biến thành cương thi đã xảy ra.

Ba anh em hết sức hoảng sợ, thực sự là cương thi? Theo đồn đại, vào thời nhà Thanh đã có người luyện Cương thi công, đầu tiên là nín thở, trên móng tay có thi độc, di chuyển bằng cách nhảy từng tưng, nhưng không giống với Hành thi, mà chỉ là người sống mô phỏng động tác của xác chết. Chưa cần biết có phải là một môn võ công kỳ ảo hay không, chỉ cần hù dọa cũng đủ làm cho đối phương sống dở chết dở. Bởi vậy, ba người cho rằng Liên Hóa Thanh đã luyện Cương thi công, cho nên nhìn bề ngoài hoàn toàn không giống với người còn sống.

Hai

Trong khi ba anh em ngây người ra một lúc, cương thi đã bỏ nhào tới ngay trước mặt rồi. Mặt nó xanh đen, hai con mắt như hai lỗ thủng đen ngòm, trên người nồng nặc mùi xác chết khiến cho người khác không dám mở mắt ra nhìn. Ba anh em teo hết cả gan ruột, lập tức trốn ra đằng sau tấm bia, cương thi đuổi sát theo sau. Đầu óc hỗn loạn, bước chân riu lại, Lý Đại Lăng lỡ bước một nhịp, bị cương thi đẩy ngã xuống đất. Móng vuốt của nó cắm sâu vào trong da thịt, gã giống như bị vòng sắt trói chặt, không tài nào giãy giụa được. Nhìn thấy vậy, Quách sư phụ và Đinh Mão hốt hoảng quay trở lại cứu người, nhưng cương thi tấn công con người đến khi chết mới thôi, bởi vậy họ không thể lay chuyển nó được mảy may. Trong lúc cấp thiết, quờ quạng được một hòn gạch trên mặt đất mà Lý Đại Lăng đã lấy ở nghĩa trang nhà họ Ngụy mang theo để phòng thân nhưng chưa kịp dùng tới. Quách sư phụ cầm lấy viên gạch, nhắm thẳng vào đầu cương thi dùng hết sức lực mà đập. Vừa nghe thấy một âm thanh nặng nề vang lên, từ trên đỉnh đầu cương thi đã bay ra một luồng khí đen.

Quách sư phụ cầm gạch đập liên ba cú. Trên người cương thi tỏa ra khí đen rồi đổ ập xuống đất. Ngay cả bản thân ông ta cũng không hiểu nổi đã có chuyện gì xảy ra. Nhiều năm về sau, có người nói hành động đó của ông ta là 'kim chuyên đá thi'. Có lẽ tôi nên giải thích rõ ràng hơn. Trước hết phải nhắc tới giai thoại vào những năm đầu thời Bắc Tống, trong trận Hâm hồn ba cục kim chuyên đánh chết nữ tướng Lưu Kim Đĩnh biết sử dụng tà thuật. Mặc dù đó chỉ là truyền thuyết dân gian, nhưng thiên linh cái trên đỉnh đầu là huyết linh, nếu bị kim chuyên nện trúng dù chỉ một cái cũng sẽ bị mất vô số đạo hạnh. Cách giải thích này xác thực là có căn cứ, người xưa nói cương thi rất sợ kim chuyên, bởi kim chuyên làm mất thi khí khiến nó không thể cử động.

Kim chuyên mà người xưa nói tới thực ra không phải là gạch làm bằng vàng. Nếu trăm phần trăm đúng là gạch làm bằng vàng thì dù có giàu có đến mấy cũng không thể làm ra nổi.

Ng.uồ.n .tù. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Thời cổ chỉ có vàng thỏi không có gạch vàng, nếu có vàng sẽ đúc thành vàng thỏi hoặc nguyên bảo, thông thường không bao giờ đúc thành hình dạng của một cục gạch. Xưa kia, người ta gọi kim chuyên là mang hàm nghĩa khác. Nói trắng ra, kim chuyên của thời ấy chính là cục gạch. Loại gạch này đến một mẫu vàng cũng chẳng có, bên ngoài trơn láng như bôi dầu, sáng bóng như gương, nhẵn mịn như vàng, không ráp không trơn, cứng rắn vô cùng, dân chúng gọi nó là kim chuyên, có quy cách thống nhất, dày từng nào dài bao nhiêu rộng thế nào, áp dụng ọi nơi. Nếu không đúng tiêu chuẩn này, cũng không thể gọi là kim chuyên. Lúc ban đầu, nó là loại gạch cầu kỳ được nung riêng để xây dựng các cung điện hoàng cung hoặc chùa miếu, phẩm chất đồng đều đến từng đường vân thớ gạch, gõ vào sẽ phát ra tiếng kêu của kim loại, dân gian gọi chúng là kim chuyên là bởi nguyên nhân này. Bởi vì loại gạch này chủ yếu được nung tại kinh sư, cho nên chúng cũng được gọi là kinh chuyên, truyền qua miệng nhiều người, tam sao thất bản trở thành kim chuyên. Nghe nói, tiêu chuẩn và nguyên liệu để chế tạo kim chuyên khắt khe hơn xa so với loại bình thường. Trong số những nguyên liệu có cả chu sa chỉ có ở Thần châu, bởi vậy mới có khả năng đánh thi hàng yêu.

Tuy nhiên, viên gạch mà Lý Đại Lăng cầm theo chỉ là gạch trong ngôi mộ cổ ở nghĩa trang nhà họ Ngụy, đâu phải là kim chuyên theo cách gọi của người xưa. Quách sư phụ vung gạch đánh vào đầu cương thi, nó lập tức không còn cử động. Thế nhưng, trên mặt nó lại khôi phục phần nào khí sắc của con người, da vàng như nến, miệng mũi trào ra dịch đen thui tanh tưởi, hấp hối bất tỉnh nhân sự. Quách sư phụ và Đinh Mão ngẩng mặt nhìn nhau. Chỉ nghe nói người chết biến thành xác chết cứng đờ, nhưng xác chết biến thành người sống thì đúng là điều hãn hữu tự cổ chí kim, ngay cả nghe cũng chưa từng nghe thấy.

Hai người không dám coi thường, bất kể sống hay chết, trước tiên cứ lấy dây thừng trói chặt lại cho chắc ăn. Sau khi trói gô Liên Hóa Thanh lại, hai người lập tức cấp cứu Lý Đại Lăng. Cuối cùng gã cũng hít thở hỗn hển, khắp toàn thân đầy vết tím đen, kéo dài thêm chút nữa là mất mạng. Gã cứng quai hàm cả buổi không thốt ra được câu gì, quay sang quan sát Liên Hóa Thanh đang bị trói gô trên mặt đất. Mặc dầu đã mất ý thức, nhưng y vẫn rên lên một hai tiếng sau khi bị đá một cú, hiển nhiên không phải là người chết.

Quách sư phụ cho rằng kẻ này đã luyện Cương thi công, đỉnh đầu bị gạch đánh trúng ba lần, gây ảnh hưởng tới đạo hạnh. Thật ra không chỉ đơn giản là như vậy, nhưng giờ chỉ nói đến chuyện xảy ra vào lúc ấy. Sau khi đã trói gô Liên Hóa Thanh lại, ba người không biết đây là nơi nào. Đinh Mão ngẩng đầu lên, nhìn thấy lớp bùn đất bám trên tấm bia đá đã bị mưa rửa sạch, làm lộ ra ba chữ lớn sứt sọc không còn trọn vẹn, nhưng

vẫn có thể nhận ra rõ ràng, bèn quay sang hỏi Quách sư phụ: “Sư ca, anh thử nhìn xem trên tấm bia đá kia khắc những chữ gì?” Quách sư phụ đưa mắt quan sát. Ba chữ đó, quả thật là ông ta có thể đọc được, chưa đến mức không thể nhìn ra nổi đường nét. Ba chữ được khắc trên tấm bia đá chính là “Thôn Chó Dữ”.

Đinh Mão lấy làm kỳ lạ thốt lên: “Chưa từng nghe thấy ai nói nơi nào có tên như vậy, vùng đất ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy trước kia có tên là thôn Chó Dữ sao?”

Quách sư phụ lắc đầu không đáp, nghĩ mãi mà không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Có lẽ là sau khi rơi xuống nước, họ đã bị lũ cuốn qua vùng đất trũng ở phía nam. Vùng đất này chỉ có một điểm tương đồng với nghĩa trang nhà họ Ngụy đó chính là tấm bia đá, thành Thiên Tân có lẽ là ở phía Bắc, giờ phải đi về theo hướng bắc. Ông ta đã nhìn thấy bên cạnh tấm bia đá ven sông có một con đường, nếu đã có đường, kiểu gì cũng phải dẫn tới một nơi nào đó.

Ba

Lúc này, Lý Đại Lăng đã tỉnh táo hơn rất nhiều, kể ra thể chất của gã cũng khỏe mạnh. Quách sư phụ phân công gã hẳn kệp Liên Hóa Thanh dưới nách, rồi ba người cầm đầu cầm cổ men theo con đường bên cạnh tấm bia đá mà đi. Cách đó không xa là thôn làng, vây quanh thôn là ruộng, nhưng không nhìn thấy một bóng người, vắng lặng đến rợn người. Toàn bộ đám hoa màu ngoài ruộng đều là mọc hoang, không do ai trồng trọt. Động vật duy nhất chạy khắp thôn làng là những con chó mực có hình thể khổng lồ, có vẻ vô cùng hung dữ, khác hẳn với chó kiến bình thường. Ba anh em vừa đi vừa nghĩ thầm, chẳng trách lại được gọi là thôn Chó Dữ, nhưng tại sao trong thôn lại chỉ có chó sinh sống? Chẳng lẽ không có người hay sao?

May mà cả đàn cả lũ chó dữ trong thôn dường như không buồn để ý gì tới bọn họ, chỉ quanh đi quẩn lại một chỗ. Ba người không dám nhìn quá lâu, vội vàng rảo bước nhanh hơn. Khi nhìn thấy cảnh tượng này, bọn họ không tránh khỏi liên tưởng tới làng chài Thượng Cổ Lâm, cái làng đó cũng có rất nhiều chó. Nói đến cái tên Thượng Cổ Lâm rất dễ lầm tưởng đó là một cánh rừng rậm nguyên sinh, nhưng trên thực tế Thiên Tân vệ có ba địa danh kỳ quái – “Trạm xe không lớn, nhà ga không nhỏ, Cổ Lâm không có rừng”, Thượng Cổ Lâm là một khu vực bị nhiễm mặn nằm sát biển. Thời xưa, chưa cần nói đến rừng rậm, ngay cả một thân cây một cọng cỏ cũng không có, một nơi hoang vu như vậy tại sao lại gọi là “Cổ Lâm”?

Vậy thì phải nói tới ngọn ngành. Năm xưa, hoàng thượng phái một vị khâm sai đại thần đến bờ biển tế thần. Vị khâm sai này dẫn theo đội ngũ đi một mạch tới bờ biển. Ngày hôm đó thời tiết đặc biệt oi bức, mọi người đều phơi nắng miệng đắng lưỡi khô, rất nhiều người đã sắp kiệt sức. Vị khâm sai dù sao cũng có ô che, nhưng các tùy tùng đi giữa bãi đất hoang vu trống trơn vắng vẻ không có chỗ tránh mà cũng chẳng có chỗ núp, nguyên cả đoàn người than khổ thấu trời. Vị khâm sai cũng không thể chịu nổi ánh nắng gay gắt như vậy, muốn tìm một nơi cho đoàn người nghỉ ngơi một lát, nhưng cả bờ biển kéo dài tới ngàn dặm lại hoàn toàn trống trải không có lấy một chỗ râm mát để nghỉ chân. Lúc bấy giờ, mơ hồ nhìn thấy ở phía đằng xa hình như có một cánh rừng rậm rộng lớn, mọi người đều cho rằng đó là rừng nguyên sinh, coi như được cứu rỗi rồi. Khi đến chỗ gần, họ mới phát hiện ra, hóa ra đó chỉ là một mảng ngải cát rất rậm rạp, cao vượt quá đầu người, từ xa nhìn lại giống như một cánh rừng nguyên sinh. Tuy rằng ngải cát không mọc thành rừng, nhưng vẫn thực sự có thể giúp con người ta lẩn tránh ánh mặt trời thiêu đốt. Trong khu vực đó còn có vài túp lều của ngư dân. Vị khâm sai sai tùy tùng tìm ngư dân xin nước uống, đồng thời hỏi thăm xem đây là nơi nào. Những người ngư dân nói, đây là khu đất hoang sát biển, không có tên tuổi. Vị khâm sai đại thần cảm khái nói, dưới vòm trời này đều là đất của vua, người sống trên đất này đều là con dân của vua. Khi trở về, ta nhất định sẽ tấu rõ với vị vạn tuế gia của mình, ban cho nơi này một cái tên. Lúc trở về, ông ta quả thực đã báo lại với hoàng thượng. Hoàng thượng miệng vàng lời ngọc, nói dù nơi đó hoang vu, nhưng ngải cát mọc san sát như rừng, vậy thì lấy Cổ Lâm làm tên, cho nên về sau mới có hai cái địa danh Thượng Cổ Lâm và Hạ Cổ Lâm, mà rất nhiều năm về trước, toàn bộ đều là một dải hoang vu um tùm ngải cát. Bắt đầu từ đời nhà Thanh, quy mô làng chài được mở rộng ra. Mỗi khi không đánh cá, làng chài tổ chức đấu chó, dần dần thành phong trào, cho nên trong làng nuôi rất nhiều chó dữ. Trước kia, ở khu vực làng chài Thượng Hạ Cổ Lâm, tổng số chó nuôi trong thôn và chó hoang ngoài thôn còn nhiều gấp mấy lần số lượng dân trong thôn. Chúng thường xuyên tấn công con người, về sau quan phủ buộc phải hạ lệnh tuyệt đối cấm người dân đấu chó, nhưng cấm đi cấm lại mà vẫn tái diễn.

Khi tới cửa “Thôn Chó Dữ”, mấy người Quách sư phụ nhìn thấy trong thôn toàn chó là chó, quả thật không có lấy một bóng người, cho nên lầm tưởng là đã đi lạc sang Thượng Cổ Lâm. Nhưng cả mấy cái thôn này

đều nằm trên bãi biển hoang vắng, không có ruộng cũng chẳng có sông, hơn nữa, chưa bao giờ nghe thấy có thôn nào lấy tên là ‘chó dữ’. Ba người nơm nớp lo sợ, vừa bước đi vừa nghĩ ngợi miên man. Sau khi vượt qua cái thôn đó, bên đường lại xuất hiện một tấm bia đá, vẫn là loại bia đá cổ trên lưng con thú cụt đầu giống như lúc trước, phía trên có khắc ba chữ “Thôn Chó Dữ”. Trời vẫn còn mưa, bầu trời mù mịt tối tăm, tầm nhìn giảm đến mức tối đa.

Ba người Quách sư phụ lâm vào hoàn cảnh đó, trong lòng không kìm nén được kinh sợ. Đi suốt một đoạn đường, vượt qua một cái thôn, nhưng chưa đi thêm được bao xa, tại sao lại nhìn thấy tấm bia đá ở đầu thôn thế này?

Cho dù vừa kinh sợ vừa nghi hoặc, nhưng họ vẫn tiếp tục đi tiếp, đi được bước nào hay bước đó. Nhưng, con đường này lại giống như một đĩa hát hồng rãnh, bất kể bọn họ có đi như thế nào, quanh đi quẩn lại cuối cùng vẫn gặp cái tấm bia đá đó. Bởi vậy, họ không dám đi bừa theo hướng khác. Đúng lúc chưa biết quyết định thế nào, họ chợt nhìn thấy hai người bước ra từ sau tấm bia đá, chính là là ông lão và cô cháu gái bán mì hoành thánh ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy.

Bốn

Ông lão bán mì hoành thánh lạnh lùng băng giá nhìn chằm chằm vào ba người, cất tiếng nói: “Nếu lúc trước nghe lão khuyên bảo, các người đã không bị rơi xuống con sông âm dương ở thôn Chó Dữ.”

Quách sư phụ không ngờ sẽ gặp lại ông lão bán mì hoành thánh này. Hai người một già một trẻ này, giữa ban ngày ban mặt bán mì hoành thánh ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy, đã chứng tỏ không phải là cô hồn dã quỷ, nhưng là tuyệt đối không phải là người thường. Bất kể có nói thế nào, trước mắt vẫn phải nhờ ông lão bán mì hoành thánh chỉ điểm ột con đường.

Ông lão bán mì hoành thánh nói với Quách sư phụ: “Cho tới bây giờ, không cần thiết phải dấu giếm nữa. Lão đã biết người là ai từ trước, hai ông cháu chúng ta vẫn luôn ẩn náu ở dưới dòng sông này, rất ít khi đi ra ngoài. Trước đây không lâu, đứa nhỏ này không nghe lời ta, một mình trốn ra bên ngoài, có thể coi như là một kiếp nạn của nó, nhờ có người ra tay cứu giúp nên mới có thể bảo toàn được tính mạng. Có một câu nói rất sâu sắc, nhân tình là khoản nợ, có vay phải trả, huống chi là ân cứu mạng, cho nên lão sẽ dốc hết khả năng để báo đáp người. Nếu như muốn sống, các người nhất định phải làm theo những gì lão nói, cứ đi thẳng một mạch theo con đường chạy qua tấm bia đá này. Nhớ kỹ, cứ đi thẳng một mạch, một khi đi qua tấm bia đá, ngàn vạn lần đừng có quay đầu lại nhìn. . .”

Khi vào đội tuần sông, Quách sư phụ đã cứu sống không ít người. Mặc dù không thể nào nhớ rõ ràng chi tiết tất cả mọi trường hợp, nhưng những việc mình đã làm, hoặc nhiều hoặc ít vẫn sẽ còn lưu lại một chút trong ký ức. Ông ta tập trung suy nghĩ một lượt nhưng không thể nghĩ ra mình đã cứu cô bé này ở chỗ nào. Trong đầu ông ta đột nhiên nảy ra ý nghĩ, vừa rồi nghe thấy ông lão bán mì hoành thánh nói là mình vẫn luôn ẩn náu dưới dòng sông này, câu nói đó có lẽ có điểm không đúng. Nếu như sống ở cạnh bờ sông thì chẳng nói làm gì, tại sao lại có người sống được ở dưới dòng sông? Một già một trẻ này là người chết đuối biến thành ma sông hay sao? Vì sao khi đi qua tấm bia đá rồi thì không thể quay đầu lại nhìn? Nếu như quay đầu lại, có phải sẽ nhìn thấy cái gì không nên thấy hay chẳng?

Ba anh em tóm theo Liên Hóa Thanh, đi mãi mà không vượt qua nổi tấm bia đá, nghe ông lão bán mì hoành thánh bảo, sau khi đi qua tấm bia đá này, không thể quay đầu lại nhìn phía sau. Nhưng lúc trước, nhiều lần bọn họ đã đi qua con đường này, có lần nào quay đầu nhìn lại phía sau đâu, vậy mà vẫn không thể đi ra ngoài? Huống hồ, ông lão bán mì hoành thánh này có lai lịch không rõ ràng, không hiểu chỉ đường với mục đích gì, ai mà dám tin tưởng?

Nhận ra họ không tin tưởng vào mình, ông lão bán mì hoành thánh nói luôn: “Lúc trước các người đi theo đường này, mặc dù không quay đầu lại nhưng vẫn không thoát ra được, là vì không có lão đi theo phía sau các người. Bây giờ cứ làm theo những gì lão bảo, các người nhất định sẽ thoát được ra ngoài. Nhưng lão có một câu mà các người phải ngàn vạn lần nhớ kỹ, trong lúc đang đi, bất kể có nghe thấy đằng sau có tiếng động gì, đừng bao giờ quay đầu lại nhìn.”

Nghe thấy vậy, ba anh em càng kinh ngạc hơn. Tại sao ông lão bán mì hoành thánh lại phải đi ở phía sau bọn họ? Liệu có đúng là một già một trẻ cũng là ma quỷ bị vây khốn trên con đường này, chỉ có đi theo con người mới có thể thoát ra ngoài? Trước đó, khi ở trong căn nhà mái bằng ở nghĩa trang nhà họ Ngụy,

Quách sư phụ đã gặp phải chuyện này rồi. Tuy nhiên, nếu ngẫm lại cho kỹ, ông ta lại cảm thấy không hẳn chỉ đơn giản như vậy, bèn nói: “Cụ có thể cho chúng cháu biết, thôn Chó Dữ thực ra là nơi nào hay không? Tấm bia đá này có phải là tấm bia ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy hay không?”

Ông lão bán mì hoành thánh đành phải nói ra sự thực: “Tấm bia đá của thôn Chó Dữ đúng là tấm bia ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy. Rất nhiều năm trước, nơi đây là dòng sông. Trên dòng sông này có thể đánh bắt được cá to bằng cả cánh cửa. Sau này, bởi vì địa chấn, dòng sông này đã biến mất kể từ đó. Người ta đồn rằng nó đã biến thành một con sông âm dương. Những hồn ma chết đuối tại con sông này đều muốn đi vào âm phủ ngay tại chỗ này, cho nên có một vị quan đã lập lên một tấm bia đá, bên trên có khắc ba chữ ‘thôn Chó Dữ’. Từ đó về sau, những cô hồn đã quỷ đã đến âm phủ không thể nào quay trở lại được nữa, nguyên nhân là bởi vì trong thôn có chó dữ trông coi.”

Nghe đâu, con sông này rất lớn, ngày xưa dòng chảy của nó còn chạy thẳng tới vùng đất trũng phía nam. Lúc bấy giờ, vùng đất trũng phía nam vẫn còn là một cái hồ, thường xuyên xảy ra lũ lụt, người chết đuối trên dòng sông này nhiều không kể xiết. Nói theo cách của các nhà địa chất học, đây là một con sông dữ. Sau này, con sông đã biến mất, nguyên nhân có thể là do cạn nguồn, cũng có thể là do nước đã ngấm hết xuống đất. Nói tóm lại là nó đã cạn sạch nước, chỉ còn trơ lại tấm bia đá đồ sộ nằm lẻ loi giữa ngã tư đường. Đừng thấy dòng chảy đã biến mất mà lầm, những ông thầy phong thủy cao tay có thể nhìn ra được mạch khí của con sông này vẫn còn tồn tại, vẫn thủy chung bị tấm bia đá áp chế mãi không tiêu tán. Phong thủy coi trọng địa thế, mạch khí. Địa thế và độ liên mạch thì có thể đo đếm bằng mắt, nhưng mạch khí thì không thể. Mặc dù không nhìn thấy nhưng không có nghĩa là không có, mà nó đã biến thành con sông âm dương. Những người cao tuổi sống trong nội thành ít nhiều đều đã từng nghe nói đến truyền thuyết về con sông âm dương này.

Mời các bạn thảo luận, góp ý tại đây: [bachngocsach /forum/threads/6476/](http://bachngocsach.com/forum/threads/6476/)

14. Chương 14

Năm

Xung quanh Thiên Tân vệ quanh có rất nhiều địa danh bên trong có chữ cô, tổng cộng có bảy mươi hai cô. Bây giờ bạn có đến đó tìm cũng chẳng nhìn thấy một giọt nước nào, bởi vì nếu tách chữ ‘cô’ () sẽ thành chữ cổ () và chữ thủy (). Ví dụ như chúng ta vừa nói ‘cổ nhân’, hiển nhiên là muốn nói tới những người sống vào thời xưa. ‘Cổ thủy’ cũng mang ý nghĩa như vậy, chuyên dùng để chỉ những nơi xưa kia có nước, sau này biến cạn thành đất liền, nước không có lấy một giọt. Bởi vì có bối cảnh như vậy nên vào thời trước mới có không ít truyền thuyết về sông Âm Dương. Có truyền thuyết nói, khi đi trên đường lúc trời âm u có mưa thì bạn có thể nghe thấy âm thanh dòng sông đang cuộn trào, nhưng xung quanh lại rõ ràng không có dòng sông nào. Cũng có truyền thuyết nói, con sông Âm Dương này thông đến tận âm phủ, người sống sẽ không thể nào nhìn thấy, cũng không thể đi xuống đó được, bởi dù sao cũng là âm dương cách biệt, người và quỷ khác đường. Khi nào xảy ra lũ lụt, con sông đó mới xuất hiện, ai đã lạc xuống đó thì đừng có mong trở ra. Có đủ loại truyền thuyết liên quan đến sông Âm Dương, bạn có thể thường xuyên nghe thấy người ta nhắc đến. Theo truyền thuyết mê tín ngày xưa, vượt qua sông Âm Dương là sẽ đến âm phủ, đó là con đường người chết đi xuống cõi âm. Tuy nhiên, sông Âm Dương đến cùng là ở đâu thì không một ai trả lời chính xác được.

Khi nghe ông lão bán mì hoành thánh kết thúc câu chuyện về sông Âm Dương, mấy người Quách sư phụ cảm thấy đã hoàn toàn sáng tỏ. Thì ra nghĩa trang nhà họ Ngụy đã ngập trung lũ lụt, ba người và Liên Hóa Thanh cùng nhau rơi xuống nước, không ngờ lại rơi đúng vào con sông Âm Dương. Cũng còn may là không đi vào trong cái thôn kia, đi lạc vào thôn Chó Dữ sẽ không tránh khỏi số kiếp biến thành quỷ dưới âm phủ. Quách sư phụ còn có một số việc muốn hỏi, nhưng ông lão bán mì hoành thánh đã tiếp tục nói: “Đừng thắc mắc gì nữa! Những chuyện khác, các cậu không cần phải biết. Một khi trận mưa to này còn tiếp diễn, ngã tư đường sẽ chìm trong lũ lụt, các cậu ai cũng đừng có mong thoát được ra ngoài. Cứ làm theo lời lão, đi

thăng về phía trước nhanh lên. Nếu trên đường đi, lại tiếp tục nhìn thấy tấm bia đá này, các cậu cứ vượt qua bên cạnh nó, chỉ để ý đừng có rời xa con sông.”

Nghe ông lão nói xong, Quách sư phụ không dám hỏi thêm gì nữa, dẫn theo hai người anh em của mình lên đường. Ba anh em nhắc Liên Hóa Thanh lên, vòng qua tấm bia đá, cầm đầu đi thẳng về phía trước. Khi đi ngang qua thôn Chó Dữ, họ lại nhìn thấy tấm bia đá kia xuất hiện ở trước mặt. Còn cách nó một đoạn, ba người vội rảo bước qua nhanh. Nhưng suốt từ nãy đến giờ, ba người không hề nghe thấy tiếng bước chân ở sau lưng. Lúc bấy giờ, càng đi họ càng cảm thấy sống lưng lạnh buốt, trong đầu không hiểu cái giống gì đang theo sát phía sau, không phải là tiếng bước chân con người dẫm lên đường phát ra, mà thực ra lại giống như một cơn gió ma quái đang vờn phía sau. Bọn họ không kim nén được sợ hãi, không dám quay đầu lại xem thế nào.

Ba anh em cầm đầu đi thẳng về phía trước, đến chỗ tấm bia đá lại đi vòng qua tới thẳng chỗ bờ sông. Khi đến sát bờ sông, bởi Lý Đại Lăng không biết bơi, gã công Liên Hóa Thanh thông thạo như chó chết đến chỗ này thì dù có nói thế nào cũng không chịu nhấc chân đi tiếp. Quách sư phụ và Đinh Mão quay lại lôi gã: “Người anh em đi nhanh lên. . .” Nói còn chưa dứt lời, trong lúc vô tình quay người, nhìn thấy sau lưng thực ra là cái giống gì, hai người sợ đến mặt xám như tro tàn.

Sau lưng nào có thấy ông lão bán mì hoành thánh và cô cháu gái, mà trong mưa chỉ có một con rắn khổng lồ to thân to như cái vò, còn có một con rắn nhỏ quấn trên đỉnh đầu của nó. Nó đang há cái miệng rộng hoác đỏ lôm như máu, lộ ra bốn cái nanh, đang định hút nước sông. Đến lúc này, Quách sư phụ mới tỉnh ngộ, cả già và trẻ đều là rắn thần sống trong sông Âm Dương. Sở dĩ ông lão bán mì hoành thánh nói ông ta đã cứu mạng cô bé kia, là muốn nói tới lúc xảy ra vụ dân cửu vạn đánh nhau giành địa bàn ở nhà ga Lão Long đầu, có hai tên cửu vạn cầm đá muốn đập chết một con rắn nhỏ, Quách sư phụ chợt sinh lòng từ bi nên đã ra tay giăng viên đá lại, thả con rắn đó đi.

Tục ngữ nói “Trời đã phán căn rằng mà chịu, nạn đã định ai trốn được đây”, chỉ cần là động vật có linh tính thì không bao giờ trốn thoát được kiếp nạn trong số mệnh. Trên đường đi ông lão không cho phép ba người Quách sư phụ quay đầu lại, là bởi sợ làm ấy người kinh sợ, đồng thời cũng không muốn để người khác nhìn thấy nguyên hình. Trong lúc ba người đang kinh hãi, con rắn khổng lồ đã há miệng hút nước. Trên dòng sông xuất hiện một vòng nước xoáy, bọn họ bị cuốn vào trong, giống như cánh bèo trôi dạt chìm xuống dưới.

Sáu

Quách sư phụ và Đinh Mão có kỹ năng bơi xuất chúng, phát hiện ra thân thể chìm xuống, vội vàng lấy hơi, nâng Lý Đại Lăng và Liên Hóa Thanh bơi lên trên. Sau khi ngoi lên khỏi mặt nước, họ đã nhìn thấy mình đang ở ngã tư đường nghĩa trang nhà họ Ngụy. Trời vẫn đang mưa tầm tã, không biết khi nào mới dứt. Nước đã ngập quá nửa tấm bia đá, một nửa số phòng trong khu nhà mái bằng ở phía nam ngã tư đường đã chìm dưới nước. Có người trong đội tuần sông trông thấy cái thuyền con bên này lật úp, vội vàng chống thuyền tới cứu. Ba người túm lấy Liên Hóa Thanh, vật lộn leo thuyền của đội tuần sông. Trong mắt những người không liên can, đó là việc mà từ đầu đến cuối chỉ xảy trong nháy mắt, nhưng sắc mặt ba người bọn họ lại xám xịt, thân thể cứng đờ, miệng sùi bọt mép màu tím, mặc dù vẫn tỉnh táo nhưng không sao mở miệng nói ra được một câu. Sau khi kéo lên thuyền cho uống canh nóng, ba người mới dần dần tỉnh dậy.

Đến khi tỉnh hẳn lại, ba người bảo đội tuần sông đi đến nghĩa trang nhà họ Ngụy để nhặt xác Gà con và Ngư Tứ Nhi. Liên Hóa Thanh vẫn sống dở chết dở, bọn họ mang kẻ này về giao cho quan phủ, sau khi nghiệm chứng thân phận đã xác định đúng là người cần tìm. Thêm một nửa tháng nữa, y mới dần dần khôi phục được ý thức. Sau đó là đến việc thẩm vấn quá trình gây án để định tội. Cho dù người có là La Hán bằng sắt, rơi vào công đường cũng bị lột sạch da. Nếu không chịu cung khai, dùng đại hình chăm sóc, lúc ấy đến gấu đen cũng phải thừa nhận mình là con hổ.

Sau khi thụ hình, Liên Hóa Thanh mới chịu khai ra, năm xưa đã phóng hỏa đốt chết cả nhà người anh đã đuổi y ra khỏi cửa hay đã hành hạ đến chết hai đứa bé ăn mày ở miếu thổ địa như thế nào; kết hợp với kẻ dạy xiếc khỉ vào thành, gây ra không ít những vụ án thương thiên hại lý ra sao. Sau đó, con khỉ làm xiếc đã đột tử giếng cạnh trong vườn rau, y đã chiếm đoạt cuốn kỳ thư Ma Cổ Đạo còn lưu truyền lại bỏ trốn mất dạng. Nhằm trốn tránh truy nã, y đã có lần trốn ra ngoài tỉnh. Đầu tiên y ghi nhớ hết nội dung trong sách, sau đó đốt nó thành tro tàn không để lại dấu vết. Lúc ấy bối rối loạn, chưa quen với cuộc sống ở một

nơi xa lạ, nên y cũng chỉ còn cách diễn xiếc khổ hoặc ăn xin ăn trộm lừa gạt mà sống, nhưng vẫn không chịu nổi mùa đông đói rét. Nghĩ đi nghĩ lại, làm cách nào cũng không tốt bằng trà trộn vào đám đông đủ mọi hạng người tụ tập ở bến cảng tàu thủy của Thiên Tân, bởi vậy chưa được vài năm, y đã buộc phải quay về, nhưng không dám vào nội thành. Sau khi sát hại một nhà năm người, y trốn ở trong ngôi nhà bị ma ám ở nghĩa trang nhà họ Ngụy.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Y và kẻ dạy khỉ làm xiếc nảy sinh bất hòa. Bởi có đầu óc linh hoạt, y đã huấn luyện một con khỉ đột, lại bắt nó lén vào trong nhà dân ăn cắp bào thai. Toàn bộ yêu thuật mà y đã luyện được đều nhờ vào chỗ thuốc bột chế ra từ xác thai nhi. Đúng ra, yêu thuật nhiếp hồn của Ma Cổ Đạo phải được luyện hoàn toàn bằng cách ăn sống nuốt tươi bào thai lấy ra từ bụng mẹ, nhưng những gì y ăn lại đều là thịt của thai nhi đã chết. Bởi vậy, âm khí trên người càng ngày càng nặng, cứ rơi xuống sông là sẽ biến thành hành thi. Vẫn còn có cả những nguyên nhân khác nữa, nhưng ngay cả bản thân y cũng không rõ đầu đuôi. Dù sao đi nữa, y cũng đã bị Quách sư phụ cầm gạch nện vào đầu, làm mất đi thi khí, cho nên mới khôi phục lại dáng vẻ ban đầu, nhưng lại mất đi khả năng thi triển ra pháp thuật mê hoặc, cuối cùng đã bị đội tuần sông tóm được một cách dễ dàng. Đại khái đầu đuôi câu chuyện là như vậy.

Quách sư phụ và hai người anh em của mình chạy đến ngôi nhà bị ma ám ở nghĩa trang nhà họ Ngụy để đuổi bắt Liên Hóa Thanh, rơi xuống sông Âm Dương, chẳng khác gì đã đã chết đi sống lại một lần, trong lòng tự hiểu những gì Trương Bán Tiên đã nói là chuẩn xác, tính toán khỉ trở về phân chia phần thưởng ra sao, cảm ơn Trương Bán Tiên như thế nào. Không cần nói đầu xa, chỉ cần nói tới Liên Hóa Thanh đã gây án lần trốn nhiều năm, công không biết bao nhiêu án mạng trên người, theo luật pháp của thời bấy giờ thì có bào chữa giỏi thế nào cũng không tránh khỏi tội chết. Tuy nhiên, thời kỳ Dân quốc không có hình phạt chém đầu hay lăng trì. Nếu bị phán quyết tử hình, phạm nhân sẽ bị xử bắn.

Lúc ấy y sẽ phải trải qua điều phố thị chúng, sau đó bị áp tải đến pháp trường ở Tiểu Lưu Trang theo cửa tây để xử tử. Toàn bộ quá trình đó đã được tất cả các đài báo tranh nhau đưa tin, chủ đề chính của những cuộc tán dóc ở đầu đường cuối ngõ cũng chỉ xoay quanh câu chuyện này. Sau khi nghe ngóng được tin tức, bàn dân thiên hạ thông báo cho nhau với tốc độ chóng mặt. Vào cái ngày Liên Hóa Thanh bị điều phố xử bắn, người ta đua nhau chen lấn đến xem náo nhiệt, khiến cho toàn thành rối loạn. Chúng ta vẫn luôn gọi là yêu sông Liên Hóa Thanh, đồn đại kể này là yêu quái dưới sông Vĩnh Định, nhưng rốt cục có chuyện gì xảy ra, vậy phải đợi đến ngày xử bắn ngày sẽ biết.

Bây

Quyển sách Hà Thần này đàm luận đến những chuyện ma tà quái dị, chỉ đề cập tới những câu chuyện truyền miệng rỉ tai trong dân gian. Thế nào gọi là câu chuyện truyền miệng rỉ tai? Một người nghe người khác kể lại một câu chuyện nào đó và ghi nhớ, sau đó người này lại kể cho người khác nghe, cứ như vậy lan truyền rộng ra. Trong quá trình đó, không tránh được người ta thêm mắm dặm muối, càng lan truyền càng thần bí, kết quả là sinh ra vô số cách nhìn nhận khác nhau.

Có người nói, năm ấy Quách sư phụ đuổi bắt Liên Hóa Thanh là sự thực, nhưng không đến mức ly kỳ như lời đồn đại, bởi trên thực tế Liên Hóa Thanh sống vào thời Dân quốc, quê quán tại Trần Đường Trang, biết làm ảo thuật và xiếc khổ, thường xuyên thu nhặt xác chết của trẻ con chôn bừa ngoài đồng hoang núi thẳm để làm thành thuốc bột, tự khoe khoang là mình biết sử dụng một số pháp thuật mê hoặc tà ma quỷ quái, đã có lần chạy trốn ra tỉnh ngoài, quan phủ đã truy nã nhiều năm nhưng vẫn không thể bắt được kẻ này. Có một lần, khi không còn lẩn lộn kiếm sống nổi ở tỉnh ngoài, Liên Hóa Thanh đã quay trở về trốn ở nghĩa trang nhà họ Ngụy. Đúng lúc đó, Quách sư phụ đi ngang qua, vừa khéo bắt được kẻ này rồi dẫn về giao cho quan phủ. Sau khi thẩm vấn, y đã khai ra vài vụ trọng án, bị phán tử hình. Sau khi điều phố xử bắn, xác y bị vứt bừa ngoài đồng hoang. Có đạo sĩ biết đường cốt đã thu nhặt thi thể của Liên Hóa Thanh, mang về chôn ở tháp dưỡng cốt. Vị đạo sĩ này chuyên môn thu nhặt những thi hài vô chủ rồi chôn toàn bộ vào trong ngọn tháp đó.

Nhưng cách nói này cũng không thoát khỏi liên quan đến ma quỷ. Tích chuyện Quách sư phụ đuổi bắt Liên Hóa Thanh, sau này biến tướng thành Thần sông Quách Đắc Hữu bắt yêu ở thôn Chó Dữ, khi đến sông Âm Dương đã được rắn thần chỉ đường. Nói chung là được kể lại vô cùng li kì. Theo tôi được biết, Quách sư phụ bắt được Liên Hóa Thanh bằng cách nào, kể cả người chí thân chí cốt của ông ta cũng không rõ lắm,

bản thân ông ta thì rất ít nói. Chỉ có người của đội tuần sông là nhắc đến một vài câu chuyện là còn có lẽ tương đối đáng tin. Bản án xử bản Liên Hóa Thanh cũng chỉ được ghi chép lại rất chung chung trong tài liệu hồ sơ lưu trữ. Đúng ra phải còn phải có một số sự vật liên quan đến tâm linh mà hoàn toàn không thể giải thích được, nhưng lại không được ghi chép lại, thành ra toàn bộ quá trình phá án trở nên không hợp logic.

Vào thập niên chín mươi sau giải phóng, ở vùng lân cận một cái đập nước nằm ở ngoại thành Thiên Tân, đã xảy ra một vụ án bí ẩn, tuy rằng đã được phá, nhưng nếu loại trừ yếu tố ma quỷ, vụ án này không sao giải thích được một cách hợp lý. Khi ấy, ở vùng nông thôn có một nông dân họ Hoàng tên đầy đủ là Hoàng Lão Tam. Có một lần Hoàng Lão Tam đi vào nội thành bán trâu. Sau khi bán xong, một mình ôm bọc tiền về nhà. Trên đường về, anh ta uống một ít rượu nên đã lên nhầm xe. Khi tỉnh lại, anh ta phát hiện mình đã đến vùng lân cận của đập chứa nước. Đúng lúc này, anh ta gặp một người cùng thôn tên là Lưu Thất. Lúc bấy giờ, người này đang có việc phải làm ở đó. Hai người rảnh rỗi tán dóc vài câu. Vì câu chuyện phiếm đó mà cả hai đã chôn vùi tính mạng của mình ngay tại cái đập chứa nước đó.

Biết được trên người Hoàng Lão Tam đang mang theo người tiền bán trâu, Lưu Thất nổi lòng tham, dùng con cá to mới đánh được làm mồi nhử, lừa Hoàng Lão Tam lên trên mặt đập chứa nước. Y vớ lấy con dao đốn củi, nhắm thẳng vào ót Hoàng Lão Tam mà chém một nhát. Mặc dù con dao đó rất cùn, nhưng lại nặng như một cây búa. Dính trọn một dao, hộp sọ của Hoàng Lão Tam lập tức nát bét. Lưu Thất moi tiền của anh ta ra rồi buộc xác vào một tảng đá, nhấn cái xác xuống đập chứa nước. Từ đó về sau, con người mang tên Hoàng Lão Tam này coi như mất tích. Đập chứa nước nằm giữa núi rừng của huyện Kế, chung đầy rất hoang vu, không có người ở. Xác chết chìm xuống đáy đập nước, thần cũng không biết quỷ cũng không hay.

Hoàng Lão Tam lên nhầm xe đi đến đập chứa nước, ngoại trừ Lưu Thất thì không một ai có thể nghĩ ra anh ta lại đến một nơi như vậy. Người nhà cũng chẳng hề biết, người này đã ngộ hại bỏ mình. Sau khi mấy ngày trôi qua mà vẫn chưa thấy Hoàng Lão Tam về đến nhà, tìm khắp mọi nơi mà cũng không thấy, người nhà sốt ruột chạy tới đồn công an báo án. Nói rằng, Hoàng Lão Tam vào nội thành bán trâu, trên người mang theo không ít tiền, chắc là giữa đường đã bị kẻ xấu giết người cướp tiền. Nhưng đồn công an không ghi nhận việc đó, bởi vì không có chứng cứ, có thành lập án cũng chỉ là án mất tích. Nếu quý vị nói là án mạng thì phải có tử thi, không có tử thi thì chỉ có thể quy kết vào mất tích.

Nhưng câu chuyện này lại giống như ma làm. Sau khi báo án xong, vợ Hoàng Lão Tam về nhà, đêm nằm mơ thấy có người đang gọi tên mình ở bên ngoài cửa phòng. Giọng nói nghe giống như của Hoàng Lão Tam, vợ anh ta vội đứng dậy chạy ra tìm, vừa tìm kiếm vừa hỏi ông chồng nhà anh chết trôi ở đâu vậy, tại sao đi khỏi nhà lâu ngày như vậy mà vẫn không chịu về? Nhưng đối phương không hề đáp lại. Sau khi đồng tai lên lần theo tiếng nói tìm kiếm, người vợ nhìn thấy bên trên vách núi có khắc một hàng chữ lớn ‘đập chứa nước số bảy’, lại mơ hồ nghe thấy Hoàng Lão Tam nói văng vẳng đâu đây ‘ở dưới này quá lạnh, cô hãy mau chóng gửi tiền và quần áo xuống cho tôi’. Trong lòng chợt lạnh buốt, cô vợ giật mình tỉnh lại, phân vân tại sao ông chồng lại chạy đến chỗ đập chứa nước, lại còn nói dưới đó lạnh lắm, giục người nhà gửi tiền và quần áo cho anh ta nữa?

Đến lúc hừng đông, người vợ vừa mới kể lại giấc mộng vào nửa cho cả nhà cùng nghe, mẹ của Hoàng Lão Tam đã chảy nước mắt, bảo rằng Hoàng Lão Tam đúng là đã chết ở chỗ đập chứa nước rồi. Những người còn lại đều không tin, nhưng bị cả hai mẹ chồng nàng dâu khóc lóc cầu xin, không chịu nổi đành phải đi nhờ người của đội cảnh sát đường thủy năm sông giúp đỡ, lại còn tặng quà cầu xin, nhờ đội tuần sông hỗ trợ đến chỗ cái đập chứa nước đó để xem xét và đưa ra một đáp án để ọi người an tâm. Không ngờ, tới đó tìm kiếm một lúc đã phát hiện ra tử thi. Tính mạng người là quan trọng nhất, có tử thi thì bắt buộc lập án phá án và truy bắt hung thủ. Cuối cùng điều tra ra hung thủ là Lưu Thất, vụ án bí ẩn này rốt cục đã được công bố kết thúc. Nhưng trong bản báo cáo điều tra, có vài chi tiết không thể nào ghi chép vào được. Người ta không thể nào nói là có ma, hoặc là nằm mơ thấy người chết ở dưới đập chứa nước được. Phá án dựa vào nằm mơ thì ai mà chấp nhận cho nổi?

Nhưng vấn đề là, nếu gạt giấc mộng này ra ngoài, thì phải giải thích lý do phải đi tới chỗ đập chứa nước đó để vớt tử thi bằng cách nào? Đây là vụ án người thật việc thật không một chút giả dối, là oan hồn không tan cũng được, là thần giao cách cảm cũng chẳng sao. Tuy rằng không có vật chứng cụ thể có thể thấy được sờ được, nhưng vẫn không thể khẳng định quy kết là mê tín. Bản thân sự tích Quách sư phụ đuổi bắt Liên

Hóa Thanh năm xưa cũng ly kỳ như vậy cả. Từ cái xác bị chìm ở ngã ba sông, đến giấc mộng kỳ quái ở Trần Đường Trang, cho đến quá trình điều phố thị chúng áp giải đến pháp trường ngoài Tây Môn xử bắn, cả câu chuyện này dường như vẫn còn chưa kết thúc.

Tám

Ai cũng biết, bên ngoài Tuyên Vũ Môn của thành Bắc Kinh có một chợ bán thực phẩm, đó là pháp trường chuyên hành quyết tội phạm từ đời nhà Thanh cho đến bây giờ, bởi vậy Tuyên Vũ Môn được người ta gọi là Tử Môn. Vào đời nhà Thanh, pháp trường của Thiên Tân vệ được thiết lập ở bên ngoài Tây Quan. Tây Quan là một cửa thành, là một nơi không thể coi là quá đông đúc, nhưng dù sao cũng là nơi giao lộ, đủ chỗ cho đông đảo dân chúng đứng xem. Vào thời điểm trấn áp Nghĩa Hoà Đoàn, đã có không ít đầu người bị chặt xuống tại cái pháp trường ở nơi này. Đến thời Dân quốc, người ta đã huỷ bỏ hình phạt chém đầu, phạm nhân sẽ bị hành quyết bằng cách xử bắn, còn pháp trường cũng không còn được thiết lập giữa đường nữa, mà được chuyển tới sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang bên ngoài Tây Quan. Lúc tiến hành xử bắn Liên Hóa Thanh, địa điểm thi hành hình sẽ được thiết lập ở ngay cái sân phơi gạch ngói này. Nhưng đúng ngày hôm đó, trên pháp trường đã xảy ra một việc lạ kỳ nằm ngoài sức tưởng tượng của con người.

Thiên Tân vệ có hai cửa thành Bắc Quan và Tây Quan. Thành lâu khu vực phía bắc có quy mô đồ sộ nên được gọi là Bắc Đại Quan, còn phía tây có quy mô nhỏ, nên gọi là Tiểu Tây Quan. Vào đời nhà Thanh, mỗi cửa thành đều có một vọng lâu, đến năm 1900 đã bị quân đội của liên quân tám nước phá huỷ. Sau giải phóng, Tiểu Tây Quan đã được cải tạo thành nhà giam, tất cả những kẻ bị giam giữ ở đó đều là trọng phạm. Ra khỏi cửa thành đi về phía tây, qua nghĩa trang, vượt con sông Long Miếu là đến sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang. Nó không phải là một cái xưởng hay là nhà máy, mà là một sân bãi rộng, dùng để chất đồng phế liệu gạch vỡ ngói vụn năm này qua năm khác, cỏ dại mọc um tùm; là một nơi rất hoang vu không có dấu chân người, nằm ngay sát cạnh Loạn Tử Khanh - một nơi lý tưởng để vứt xác trẻ em. Bình thường, mỗi khi hành quyết phạm nhân, người ta sẽ luôn thi hành tại sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang.

Từ lúc huỷ bỏ hình phạt chém đầu cho tới bây giờ, lượng phạm nhân bị áp giải đến xử bắn ở sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang bên ngoài Tây Môn thực sự không dưới con số vài trăm. Nhưng đáng nhắc tới thì chỉ có ba vụ. Đầu tiên là vụ xử bắn Hoạt Ly Miêu vào những năm đầu thời Dân quốc. Hoạt Ly Miêu là danh hiệu của một gã phi tặc. Theo người ta kể lại, gã phi tặc này cực kỳ cao tay, y chưa bao giờ từng đồng lõa với kẻ khác. Ấn lớn bằng trời cũng chỉ do một tay y gây ra. Y có một tuyệt chiêu đặc biệt là chống sào đi trên mái nhà, đi qua lướt lại, liều mạng lướt trên không giống như trên đất bằng, không ai có thể tóm được y. Có một lần đúng lúc gặp phải người của đội tróc nã tội phạm đang truy bắt mình, Hoạt Ly Miêu chống sào định nhảy lên nóc nhà. Ai ngờ cây tre mà y chọn không đủ rắn chắc, vừa mới chống xuống nhảy lên được nửa chừng thì nó đã gãy làm hai đoạn. Hoạt Ly Miêu rơi thẳng từ không trung xuống đất, ngã úp sấp không cử động nổi chân tay, bị đội tróc nã tội phạm đè nghiền lại ngay tại chỗ, thi hành hình phạt điều phố thị chúng, rồi áp giải ra pháp trường xử bắn. Trước khi phải ăn đạn mặt không đổi sắc, kẻ này là loại người kiêu ngạo thành tính, phát ngôn ra những lời hùng hồn rất dễ mê hoặc lòng người. Tất cả câu từ đều là những lời nói sáo rỗng bùi tai được trích ra từ kịch nam Bình Thư, nào là những câu như “Chém đầu chỉ để lại một cái sẹo lớn, hai mươi năm sau lại là một trang hảo hán”. Lúc ấy, dân chúng đứng xem điều phố rất đông, đông nghìn nghịt chặt như nêm cối. Mọi người đặc biệt thích nghe những lời như thế này, nghe đến mức say mê, cảm thấy nếu là anh hùng hảo hán không sợ chết, lúc ra pháp trường phải nói những câu như thế, bám theo suốt quãng đường điều phố ào ào cổ vũ, náo động cả nửa thành Thiên Tân.

Cuối cùng là vụ xử bắn Viên Tam gia vào thập niên năm mươi. Viên Văn Hội Viên Tam gia là tội phạm số một của Thiên Tân vệ, bị bệnh đầu trọc bẩm sinh, biết vài miếng võ. Mặc dù trước giải phóng đã bị bắt và giam giữ nhiều năm, nhưng chính phủ Dân quốc vẫn không dám động đến y, bởi vì kẻ này là thủ lĩnh của giới xã hội đen, còn cai quản cả giới khuân vác thuê, thế lực quá lớn, căn cơ quá sâu, có thể nói mảnh khoé trùm đời, tương đương với một vị hoàng đế của bản địa. Y chỉ cần dậm chân một cái, nội thành ngoại thành đều phải rung động mấy lần. Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, chính quyền nhân dân đã quyết định thi hành xử bắn y. Lúc ấy là vào mùa đông, trời đông giá rét. Viên Văn Hội bị áp giải ra pháp trường, mặc một bộ quần áo bông, tay trói gô, hai mắt đỏ bừng, sắc mặt thâm trầm. Bởi vì đã bị giam giữ lâu ngày, y thần thờ mất hết tinh thần không nói một câu gì. Sau khi bị áp giải tới sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang, y quỳ trên mặt đất lĩnh ba phát đạn. Vụ tử hình công khai khi ấy, muôn người đều đổ xô ra đường, nam nữ già trẻ chen lấn nhau đi xem. Nguyên nhân chủ yếu là bởi danh tiếng của Viên

Văn Hội như sấm bên tai, ai ai cũng muốn tận mắt xem y có phải ba đầu sáu tay hay không.

Sau hai vụ đầu tiên và cuối cùng đó, dù là vụ xử bắn Hoạt Ly Miêu trước kia, hay là khai đao xử trảm giống như vương pháp Thanh triều, kể từ sau vụ xử bắn Viên Văn Hội, tình hình xã hội dần dần đi vào ổn định, hình phạt diễu phố tử hình không còn được thi hành công khai nữa vừa mới ban hành thì đến vụ xử bắn Liên Hóa Thanh. Vùng Thiên Tân về này không giống với Bắc Kinh, Bắc Kinh ở ngay dưới chân thiên tử. Đường thấy hai nơi gần nhau mà lắm, phong cách hành xử của dân chúng hai nơi khác hẳn nhau. Kinh thành chủ yếu là hành quyết những nhân vật tai to mặt lớn, cùng với đó là cảnh tượng náo nhiệt trên pháp trường. Dân chúng kinh thành chỉ quan tâm xem những vụ xử bắn có quan hệ đến chính trị, ví dụ như hành quyết một thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân hoặc là vị đại thần bị triều đình giáng tội nào đó, nhưng hơn tất cả là muốn thấy cách chém của đao phủ.

Nhưng nếu là ở trên địa bàn của Thiên Tân, người ta lại không quan tâm tới những điều đó. Với vai trò là bến tàu thủy bộ của chín nước tại Tô giới, là vùng đất mà đủ các hạng người rảnh rỗi tụ tập, dân chúng đặc biệt thích tham gia vào những cảnh tượng náo nhiệt, chỉ thích xem hành quyết những tên lưu manh khét tiếng hoặc những tên trộm công nhiều án cộm cán; Những kẻ như vậy phần lớn là dân liều mạng. Lúc đi diễu phố trước khi bị tử hình, nhìn thấy nhiều người nhìn mình chăm chăm như vậy, chẳng những không sợ, chúng còn thường tỏ ra đắc chí, gân cổ lên mà hát vài câu Định Quân Sơn Dã Trư Lâm. Kẻ nào không biết hát thì sẽ nói, nói một hai câu đại loại như: “Các quý vị già trẻ lớn bé, không hiểu tại hạ đã phạm phải việc gì nữa, đã sắp phải rơi đầu rồi. Bây giờ mong các quý vị già trẻ nhớ lấy mặt ta, hai mươi năm sau ta sẽ lại là một trang hảo hán.” Sau đó đám dân chúng bám theo sau sẽ đua nhau trầm trồ khen ngợi, cứ một bước lại tung hô một câu. Người biết thì hiểu rằng đó là tử tù bị xử trảm xử bắn, người không hay lại cứ tưởng đang chào đón một ngôi sao kịch nào đó. Đây chính là tập tục của người bản địa.

Cái ngày xử bắn Liên Hóa Thanh cũng diễn ra náo nhiệt như vậy. Mọi người nghe nói con mắt kẻ này có hai cái đồng tử, bèn suy diễn ra y là một nhân vật khó lường đến đường nào, vụ náo nhiệt đến cỡ này làm sao có thể bỏ qua. Đến ngày thi hành án, ăn mày trên đường không xin ăn, kẻ cắp không trộm đồ, nghệ nhân hát tuồng thanh không biểu diễn, phu xe cũng nghỉ việc, đông đảo dân chúng kéo nhau đi xem, kẻ chen lấn người xô đẩy, trèo cả lên vai nhau, hai bên đường trở thành hai bức tường người, không còn chỗ mà chen. Cảnh tượng hoành tráng như thế này, không một ai có thể tưởng tượng ra nổi. Tiếp theo sẽ xảy ra chuyện gì, liệu Liên Hóa Thanh có phải là yêu quái dưới sông Vĩnh Định hay không, ngài phải đến pháp trường xử bắn y ở Tiểu Lưu Trang thì mới biết rõ tường tận.

15. Chương 15

Một

Liên Hóa Thanh cúi đầu nhận tội là thủ phạm của một số vụ án mạng. Sau khi xin ý kiến cấp trên, y bị phán tử hình, tổng giam vào trong nhà lao chờ xử bắn. Đến ngày bị tử hình, Liên Hóa Thanh chỉ yêu cầu được gặp mặt Quách sư phụ một lần, muốn có cơ hội biết mặt người đã bắt được mình là ai.

Khi biết được việc này, Quách sư phụ đã đồng ý đến hôm đó sẽ tới sân phơi gạch của Tiểu Lưu Trang tiễn y lên đường. Đến ngày y phải ra pháp trường, Quách sư phụ được Đinh Mão tháp tùng, hai người cùng vào trong nhà giam gặp Liên Hóa Thanh. Vừa bước vào họ đã thấy Liên Hóa Thanh đang cúi đầu, tay bị trói giật cánh khuỷu chân bị xiềng, ngồi một mình trong phòng giam, mặc một bộ quần áo tù nhân rách rưới, sau lưng có cấm một tấm bản định tội, ngồi im như tượng không nói một câu, cũng không buồn ngẩng đầu lên.

Đinh Mão cất tiếng nói: “Hôm nay ày được biết mặt ông anh tao, anh ấy chính là người đã bắt mày.”

Nghe thấy vậy, Liên Hóa Thanh ngẩng đầu lên, dùng đôi con ngươi bẩm sinh có hai tròng giống như hai cái hố sâu hoắm nhìn chăm chăm vào Quách sư phụ quan sát kỹ một lúc rồi mới lên tiếng: “Không thể nào ngờ Liên mỗ lại ngã ngựa trong tay một kẻ như ngươi, giờ ông đã nhớ kỹ mày rồi. Cứ chờ đây, sớm muộn gì ông cũng sẽ tới tìm mày.”

Thấy một kẻ sắp chết đến nơi còn phun ra những câu độc địa, Đinh Mão không kìm chế được định mở miệng mắng chửi. Quách sư phụ xua tay không cho Đinh Mão cơ hội mở miệng rồi nói: “Liên Hóa Thanh, người

là thủ phạm của không ít vụ án, đến giờ này chỉ còn cách lấy tính mạng ra đền tội, không nên có bất cứ oán hận gì.”

Một nét dữ tợn thoáng lướt qua đôi mắt, Liên Hóa Thanh đáp lại: “Mà thôi, giờ này tao đã sắp phải ra pháp trường lĩnh đạn, đáng ra phải có một bữa cơm rượu vĩnh biệt chứ?”

Quách sư phụ nói: “Đúng vậy, chắc chắn là có. Dẫu sao, một đĩa thịt một chén rượu trước khi ra pháp trường cũng là tập tục từ xưa. Giờ rõ ràng đã không còn sớm nữa, bất kể lúc nào cũng có thể áp giải phạm nhân ra pháp trường Tiểu Lưu Trang xử bắn, tại sao còn chưa đưa cơm vĩnh biệt lên?”

Ông ta hỏi cai tù bao giờ mới đưa lên, người cai tù đáp: “Nhị gia ngài nghĩ đi đâu vậy. Mấy năm nay xã hội loạn lạc như vậy, kẻ bị xử bắn quá nhiều. Nếu như kẻ nào cũng được cấp một phần rượu một phần thịt, cho dù cái trại giam chết tiệt này của chúng tôi có là nhà hàng thì cũng không thể gánh nổi kinh phí mua đồ ăn cho bọn chúng. Nói thật với ngài nhé, trong cái nhà giam này chỉ có bánh làm từ bột bắp ngô, ngay cả cai tù chúng tôi cũng phải nhai cái món đó, do vậy phạm nhân chỉ được ăn lưng lưng dạ. Vụ xử bắn ngày hôm nay cũng không ngoại lệ. Nếu như hân còn có thân nhân bạn bè gì đó, thì những người đó nên mang rượu, thức ăn và quần áo tới để cho hân được ăn uống no nê, mặc quần áo mới mà lên đường, còn nếu không thì chỉ có thể như vậy thôi.”

Quách sư phụ ngẫm nghĩ rồi kéo Đinh Mão đi ra ngoài, định mua mấy cái bánh bao thịt, hai món đồ ăn nấu sẵn cộng thêm nửa cân rượu, rồi mang về cho Liên Hóa Thanh ăn uống no nê trước khi lên đường. Nhưng ông ta vừa mới bước chân ra khỏi cửa, sau lưng đội chấp pháp đã xộc vào, dựng phạm nhân lên, trói nghiêng lại rồi áp giải lên xe ngựa, sau khi diễu phố thị chúng sẽ đi thẳng tới sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang ở bên ngoài Tây Quan. Trời đã sắp mưa, sắc trời u ám. Cả một biển người kéo nhau đi xem náo nhiệt, chật như nêm cối, gió không lọt mưa không thấu qua được. Quách sư phụ và Đinh Mão muốn chen lên trước, nhưng người đông nghìn nghịt, đầu đầu cũng là người, trên đường cái, trên nóc nhà, thậm chí cả trên cây. Hai người nôn nóng đến độ trán mồ hôi, nhưng chẳng thể nào tìm thấy một cái khe nào để mà lách qua.

Nói chung, người dân Thiên Tân vệ trước kia thích xem náo nhiệt. Mặc dù dân chúng các tỉnh trong toàn quốc cũng có sở thích này, nhưng không tài nào sánh bằng nơi này. Năm đó, có người còn đào cống ngầm, với mục đích vượt qua đoàn người đông nghìn nghịt để vượt lên hàng đầu đứng xem. Thậm chí còn có lời bình: “Thà rằng chắn cửa thành, chứ đừng chắn cống ngầm, kẻ nào chắn cống ngầm có thể coi là vô đạo đức.”

Quay trở lại buổi diễu phố ra pháp trường ngày hôm đó. Cả đoàn người xem náo nhiệt ngược mắt nhìn lên, Liên Hóa Thanh bị trói trên xe, quần áo tả tơi, cúi đầu ngậm tằm, giống hệt như một cái xác cho dù chưa bị xử bắn, thật sự là không còn chút sức sống nào cả. Nhưng cả một đám đông những kẻ rảnh rỗi này vất vả lắm mới có một vụ nhiệt náo hoành tráng để xem, không một ai cam lòng bỏ về. Đầu người tím tím lại chuyển động giống như nước thủy triều, tất cả bám theo phía sau, hy vọng trên đường đi có một lúc nào đấy tử tù này bất chợt nổi máu anh hùng, thỉnh linh gân cổ ngâm lên một câu: “Đánh liều ra giữa phố phường, kính mời các vị khách khứa và bạn bè nghe cho kỹ. . .” Nếu không được nghe câu hát này thì đúng là chán bằng chết.

Hai

Trước kia, mỗi lần thi hành án, trên đường bị áp giải đến pháp trường, khi phạm nhân trông thấy nhiều người đang ngẩng đầu lên nhìn mình như vậy, bất cứ một kẻ nào cũng sẽ có cảm giác cả đời mình chưa từng được oai phong đến thế, cho dù là ngôi sao kinh kịch nổi tiếng nhất cũng chưa bao giờ được nhiều người xúm lại xem như vậy. Sẽ có kẻ kể lể oan khuất, có kẻ muốn ra về ta đây hảo hán. Hơn nữa, những người dân Thiên Tân vệ đi xem náo nhiệt lại khác hẳn với những nơi khác, dù có thể nào họ vẫn sẽ đua nhau khen hay. Bởi vậy, cho dù có sợ chết đến thế nào, phạm nhân cũng phải nhả nhử trước mặt đám đông mấy câu.

Thậm chí còn có những tên trùm lưu manh khét tiếng, lúc ra pháp trường còn trưng diện áo khoác viền tua rua hình chân rết, đính mười ba hàng cúc kiểu Thập Tam Thái Bảo, lưng đeo anh hùng đai, mặc quần thụng, chân đeo Hồ khoải ngoa, đầu đội anh hùng cân. Những anh hùng lục lâm trong kinh kịch Bình thư ăn mặc như thế nào, chúng cũng sẽ mặc y như thế, trên đầu còn cài thêm một đóa hoa giấy màu trắng, kẻ hỏi người đáp với đám người chen lấn đứng xem phía dưới.

Ng. uồ. n .tù. s.it.e .Tr. uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Mọi người cùng đồng thanh hỏi: “Hảo hán gia, hãy nói với người nghe, sao ngài lại nở lòng bỏ vợ đẹp lia con thơ, sao lại nở lòng bỏ lại người cha già tám mươi tuổi không ai nuôi dưỡng, sao lại nở lòng dứt bỏ tất cả bà con thân bằng cố hữu?”

Vị hảo hán bị trói trên xe nhất định phải quắc mắt nhìn trừng trừng, không chịu cúi đầu, trên đường đi mắng chửi không ngớt, không từ tổng thống hay là ông trời, bất cứ một ai hán cũng dám mắng. Nghe thấy có người hỏi, hán sẽ phải đáp thế này: “Thưa toàn thể chư vị già trẻ lớn bé, tôi đây cũng luyện thương mẹ già ốm yếu, luyện thương vợ góa con côi, luyện thương huynh đệ bằng hữu sâu nặng nghĩa khí, nếu có hận chỉ hận bình sinh chưa thỏa chí. Thế nhưng, hảo hán tôi đây đã làm những việc mà một hảo hán phải làm, hôm nay một mạng đổi một mạng chết cũng đành. Đầu rơi xuống đất chỉ là một cái sọ lớn, mười tám năm sau sẽ lại trở về báo thù.”

Cứ mỗi lần vị hảo hán đó nhả một câu, đám người bên dưới sẽ hô lớn một tiếng “Hay”, vang vọng tới mây xanh, âm vang chấn động cả mái nhà. Sau khi nói đã xong, mắng đã đủ, vị hảo hán đó sẽ tiếp tục hát một hai khúc, biểu đạt phần nào tình cảm lưu luyến. Bất kể có biết hát hay không, khúc ngâm trước khi bị tử hình đó nhất định là phải lâm li bi ai lay động cả đất trời. Đó mới chính là yếu tố phần khích nhất, còn về phần rơi đầu vì phạm vào tội gì cũng chỉ là thứ yếu. Dân chúng chán ghét đến cùng cực việc hô khẩu hiệu trước khi xử bắn, bởi có hô thế nào cũng chẳng có ai mà hiểu nổi; Tiếp theo là không muốn thấy phạm nhân sợ đến vỡ mật không nói lên lời, nhất là cái loại bỏ đi mềm nhũn như chi chi không nói được một câu. Chỉ trong chớp mắt đầu đã rơi xuống đất rồi, nếu không nói thì làm gì còn cơ hội nữa đây?

Suốt quãng đường áp giải Liên Hóa Thanh ra pháp trường, cả một rừng người rướn cổ kiễng chân, trợn mắt ngóng chờ. Nhưng thất vọng thay, cái kẻ mất hết tinh thần này không rên nổi lấy một tiếng, chẳng khác gì một cái cọc gỗ, khiến cho đám đông đi xem náo nhiệt sinh ra lo lắng, có người gân cổ gào lên: “Hảo hán, ngài phải hát một hai câu đi chứ!” Người khác thì kiểm cách về đường: “Chúng ta hãy cổ vũ cho hán nào, mọi người nghe tôi đếm nhé, một. . . hai. . .” Sau đó chỉ còn nghe thấy cả trăm ngàn người cùng đồng thanh hô lớn: “Hay!”

Liên Hóa Thanh đang cúi gục đầu, nghe thấy tiếng ‘hay’, từ từ ngẩng đầu lên. Mọi người lập tức nín thở im hơi lặng tiếng, không ai nói gì nữa, trợn mắt trợn mũi chờ Liên Hóa Thanh mở miệng, thế này có lẽ là định hát khúc “Cầm thán anh hùng gặp nguy nan sinh ly tử biệt”. Ở Thiên Tân vệ từ già đến trẻ ai cũng thích nghe, cũng biết hát, trên sân diễn nên hát cái gì không nên hát cái gì, toàn bộ họ đều hiểu hết, hát sai là có thể phát hiện ra ngay.

Nào ngờ Liên Hóa Thanh không chịu hát, mà chỉ nhìn khắp đám đông một lượt, lên tiếng khản cầu: “Thưa toàn thể các quý vị già trẻ, Liên Hóa Thanh tôi quê quán ở Trần Đường Trang, lớn lên không học điều hay lẽ phải, lầm đường lạc lối vào Ma Cổ Đạo, giết người phạm pháp, hôm nay sẽ phải lĩnh đạn trên pháp trường. Rơi vào đường cùng như vậy, thực sự không còn gì để mà bào chữa, chỉ có một điều muốn cầu xin, hy vọng các vị thương tôi không ai chiếu cố, chuyển đi này không có đường về, giờ hãy cho xin một hợp rượu và thức ăn, để tôi ăn uống no bụng, trên đường đi đến hoàng tuyền không đến nỗi biến thành quỷ chết đói vạn kiếp không siêu sinh. Sau khi đầu thai, tôi sẽ không quên báo đáp các vị.”

Năm đó có câu nói như thế này – “Yêu dị tà thuật thế gian hiểm, ngũ lôi hành quyết ít người hay”. Thời nhà Thanh trước đó còn có thể bắt gặp yêu thuật ảo giác, nhưng từ thời dân quốc trở đi đã rất hiếm thấy. Đám đông xem náo nhiệt cho rằng Liên Hóa Thanh chỉ đơn thuần là kẻ hù dọa người khác trên giang hồ. Cho nên khi nghe thấy y nói rất đáng thương, lập tức có người hảo tâm đi kiếm rượu tìm thịt. Khi đến quán cơm trên đường hỏi mua, tiệm cơm cũng không lấy tiền, bởi vì đây là việc tích đức, Nếu kẻ bị áp giải ra pháp trường hành quyết ăn hết rượu thịt trong quán của mình, sau này chắc chắn sẽ được hồi báo. Rượu thịt được giao cho quân cảnh trong đội chấp pháp phụ trách áp giải chuyển đến bên miệng Liên Hóa Thanh. Liên Hóa Thanh ăn như hổ đói sạch sẽ không còn lại chút gì rồi lại cúi đầu, nhắm mắt tiếp tục bất động.

Ba

Mọi người đứng xem ở xung quanh không tài nào hiểu nổi, hiện giờ cơm vĩnh biệt trước khi chặt đầu đã nuốt xuống bụng, tại sao vẫn không nói câu gì? Chẳng lẽ là cảm thấy chỗ rượu thịt đó không ngon sao? Cả một biển người huyền ảo bám theo dọc đường, người nọ lại cứ như là không nghe thấy gì. Sau khi ra khỏi Tây Quan, tới sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang, đội chấp pháp lôi Liên Hóa Thanh xuống xe, bắt

quỳ xuống trước cái hố đã được đào sẵn, nghe quan chấp pháp đọc tội danh. Có ba viên cảnh sát thi hành án cầm súng bước lên trước, chỉ chờ ra lệnh một tiếng là sẽ tiến hành xử bắn.

Khi nhìn thấy đội chấp pháp áp giải Liên Hóa Thanh qua Tây Quan, đại đa số mọi người lập tức trào lên lưng lờ quay trở về, bởi cảm thấy không còn gì thú vị nữa, nhưng con số những người ở lại đứng chờ xem xử bắn ở pháp trường Tiểu Lưu Trang cũng còn tới trên dưới cả trăm. Trên đường đuổi theo, Quách sư phụ và Đinh Mão đã mời được một đạo sĩ biết dưỡng cốt, chờ sau này nhật xác cho Liên Hóa Thanh. Đứng vào giữa trưa, sắc trời âm u nặng nề, đã thấy Liên Hóa Thanh bị trói quặt hai tay ra sau, sau lưng cắm một tấm bản định tội, cúi đầu quỳ gối trước cái hố, miệng lẩm bẩm giống như đang thì thầm gì đó. Đột nhiên, y ọe ra một ngụm nước đen ngòm. Những người ở lại dù đã tránh ra thật xa, nhưng vẫn còn ngửi thấy tanh hôi nồng nặc, thì nhau bịt chặt miệng mũi, trong lòng vô cùng kinh ngạc. Chẳng hiểu là y đã ăn thứ gì bẩn thỉu đến mức còn thối hơn cả cá chết dưới sông?

Ngày trước, trước khi bị xử bắn, thường xuyên có tử tù không kìm chế được sợ hãi, bởi vì quá khấn trương, toàn thân run rẩy, dạ dày kịch liệt co thắt, phun sạch đồ ăn trong dạ dày ra ngoài, nhưng cũng không đến mức tanh hôi như thế. Mọi việc diễn ra có phần quái lạ. Lúc ấy, trời bắt đầu mưa, cơn mưa không nhỏ, tất cả mọi người đều ướt như chuột lột. Vị quan chấp pháp phất tay, ra hiệu nhanh chóng tiến hành xử bắn. Sau khi nhổ tấm bản định tội xuống, ba viên cảnh sát thi hành án lần lượt tiến lên. Viên cảnh sát đầu tiên nâng súng lên, nhắm thẳng vào gáy Liên Hóa Thanh đang quỳ trên mặt đất bắn một phát. Tiếng súng vừa vang lên, vang vọng một vùng hoang vu. Những người đứng xem nghe thấy, toàn bộ cảm thấy trong lòng lạnh run.

Cùng lúc với tiếng súng vang lên, thân thể Liên Hóa Thanh đổập về phía trước, rơi tọt xuống hố. Viên cảnh sát thứ hai bước lên, nhắm vào người Liên Hóa Thanh đang nằm trong hố bắn tiếp một phát. Sau đó, đến lượt viên cảnh sát thi hành án thứ ba bắn một phát cuối cùng. Làm như vậy để tránh bắn một lần không đủ giết chết tử tù; Đồng thời, cũng vì lo ngại có người trong đội chấp pháp bị mua chuộc từ trước, đến khi nổ súng sẽ không bắn vào chỗ hiểm. Cho nên, mỗi khi xử bắn đều bắn ba phát, người của đội chấp pháp còn xuống dưới xem xét xem tử tù đã chết hẳn hay chưa, sau đó mới ký tên vào biên bản. Nếu như không có người thân bạn bè đến nhật xác, sẽ dùng chiếu cuốn lại rồi ném vào Loạn Tử Khanh ở bên cạnh cho chó hoang ăn. Ngay lúc ấy, đạo sĩ dưỡng cốt đi lên nhật xác. Sau đó thế nào, đội chấp pháp không quan tâm, vội vàng thu đội quay về. Cơn mưa vừa rơi, đám người xem náo nhiệt bốn xung quanh cũng giải tán.

Xem xong toàn bộ quá trình xử bắn Liên Hóa Thanh, Quách sư phụ cảm thấy có điểm không thích hợp. Ông ta nhìn thấy trước khi bị xử bắn, Liên Hóa Thanh đã phun ra một ngụm nước đen ngòm tung tóe trên mặt đất, không giống với thức ăn đã ăn vào trong dạ dày mà tanh hôi giống như bùn dưới đáy sông. Đạo sĩ dưỡng cốt lòi thi thể của người chết lên khỏi hố, ông ta bước lại gần cẩn thận quan sát, thấy rõ đầu Liên Hóa Thanh đã bị đạn phá ra một lỗ thủng nhầy nhụa. Ông ta lo lắng, vén mi mắt tử thi lên quan sát, trông mắt chỉ còn lại một con ngươi. Ông ta lại quay sang nhìn bãi nước đen ngòm y đã phun ra trước khi chết, nhưng nó đã bị mưa cuốn trôi.

Quách sư phụ thầm nhủ: “Không hay rồi! Nghe nói, khi vượt qua sông Vĩnh Định, cô gái Liên Thu Nương sống ở Trần Đường Trang đã không may ngã xuống nước. Mặc dù nhờ phúc tổ tiên không chết đuối, nhưng khi về đến nhà cô ta tự nhiên có bầu rồi sinh ra một đứa con trai không rõ bố là ai, đứa bé đó chính là Liên Hóa Thanh. Có người nói, y là con của thủy quái dưới sông Vĩnh Định, cho nên mới gọi y là yêu sông. Tuy cách nói này không có căn cứ xác đáng, nhưng trước khi bị xử bắn Liên Hóa Thanh đã phun ra một ngụm nước đen ngòm. Sau khi chết, đôi con ngươi song đồng tử lại biến thành đơn đồng tử, giống như có một con quỷ ẩn náu trong thân xác. Liên Hóa Thanh đã chết ở pháp trường Tiểu Lưu Trang chỉ đơn thuần là một cái túi da người mà thôi, còn yêu sông dưới dòng Vĩnh Định đã lợi dụng lúc mưa to trốn mất rồi.”

Bốn

Trong số năm dòng sông mà đội cảnh sát đường thủy cai quản có một dòng tên là Vĩnh Định, chỉ cần nghe cái tên là đủ biết dòng sông này không bao giờ yên bình. Nếu như yên bình không có việc gì xảy ra thì người ta đâu cần phải gọi là sông Vĩnh Định. Sau khi xử bắn Liên Hóa Thanh xong, Quách sư phụ cảm thấy sẽ có chuyện không may. Nhưng dù ông ta có nói với người khác, chưa chắc đã có người tin tưởng, chỉ đành tự mình âm thầm suy xét.

Bởi vì không phải là xác chết trôi được vớt từ dưới sông lên, cho nên sẽ không đưa đi chôn ở nghĩa trang

Long Miếu. Trong ngày hôm đó, đạo sĩ dưỡng cốt sẽ mang thi thể Liên Hóa Thanh đi hỏa thiêu, tro cốt sẽ chôn vào trong tháp dưỡng cốt. Trong nội thành có hai nơi mai táng xương cốt, phía bắc có chùa Lệ Đàn, phía tây có hội Dưỡng Cốt. Hai nơi này không được giống nhau cho lắm, chùa Lệ Đàn thờ phụng Địa Tạng vương Bồ Tát độ hóa quỷ đói, còn hội Dưỡng Cốt lại cúng bái Bắc Cực Hữu Thánh Chân Quân, một Phật một đạo, hai bên chẳng có liên quan gì đến nhau. Tuy nhiên, sư sãi ở chùa Lệ Đàn không bao giờ rời chùa, nếu có người đưa tro cốt tới thì họ sẽ tiếp nhận, không đi ra ngoài kiếm việc. Hội Dưỡng Cốt thì trái lại, mỗi lần pháp trường tiến hành xử bắn chém đầu, đạo sĩ trong hội sẽ chủ động đi nhặt xác. Lần này Quách sư phụ cũng xem từ đầu tới cuối, từ lúc đạo sĩ hội Dưỡng Cốt đưa tử thi đi hỏa táng, đến khi lấy tro cốt bỏ vào trong tháp. Không nhìn ra có bất cứ vấn đề gì, ông ta tự nhủ có lẽ mình đã quá đa nghi, nhưng vẫn hy vọng không có việc gì xảy ra.

Lúc ấy trời sắp tối rồi, mưa dầm dề không ngớt, người đi trên đường rất thưa thớt, ông ta và Đinh Mão đứng dậy ra về. Bên phía Lý Đại Lăng đã nhận xong phần thưởng, đặt hai bàn tiệc mời người trong đội tuần sông, đang chờ hai người qua đó ăn tiệc. Tâm trí Quách sư phụ đã bay đi tận đâu tận đâu. Lúc ăn cơm, người khác nói cái gì ông ta đều không để ý tới, cũng chỉ nói qua loa về quá trình đuổi bắt Liên Hóa Thanh, phá vại vụ án phức tạp, có sao thì nói vậy. Còn vấn đề tên tuổi Thần sông Quách Đắc Hữu vang xa thì ông ta hoàn toàn không để tâm, chỉ cảm thấy mí mắt đang nhảy lên. Ngày xưa người ta hay nói – mắt trái nhảy tài mắt phải nhảy tai, mí mắt phải của ông ta đang nhảy loạn lên.

Theo quan niệm mê tín thời xưa, mí mắt phải nhảy loạn lên là điềm báo có chuyện không hay sắp xảy ra. Ai cũng chờ mong mắt trái nhảy tài, mí mắt phải nhảy lên sẽ khiến cho người ta sốt ruột lo lắng. Còn có một cách giải thích khác, người ta nói rằng “Mắt trái nhảy tài, mắt phải nhảy khách đến”. Mí mắt phải nhảy liên tục là dấu hiệu trong nhà sắp có khách đến, dù sao khách vẫn tốt hơn tai một chút, nhưng là cát hay là hung cũng khó mà đoán trước được, ai biết được khách đến là người ra sao?

Đầu tiên mí mắt phải của Quách sư phụ nhảy loạn lên, sau đó mí mắt trái cũng vậy, không biết là khách tới hay tai họa tới, không tránh khỏi tâm thần bất an. Ông ta xé một miếng giấy trắng to cỡ đầu ngón tay, nhúng ướt rồi dán vào bên dưới mí mắt. Người xưa cho rằng làm như vậy thì có thể làm í mắt không nhảy loạn nữa. Lúc bước ra khỏi cửa quán ăn, mọi người đều trở về nhà mình. Đêm tối trời mưa, ông ta đi về nhà một mình. Khi về đến nghĩa trang Hà Long Miếu, ông ta chốt chặt tất cả cửa nẻo phòng trước phòng sau. Mí mắt nhảy loạn không tài nào ngủ được, ông ta quyết định thắp đèn lên, ngồi gấp Nguyên bảo bằng giấy dưới ánh đèn.

Xã hội xưa cho rằng làm hàng mã, bao gồm tất cả các loại người giấy, ngựa giấy, nguyên bảo giấy, chỉ cần là đồ vật đốt cho người chết là được tính chung vào trong đó, là cùng một nghề với công việc dán giấy tường. Có vài thợ dán giấy tường có tay nghề không tồi, nhưng lại không dám kiếm sống bằng nghề làm hàng mã mà chỉ dám kiếm sống bằng việc dán vách tường trần nhà, bởi vì đó là những đồ vật dùng để đốt gửi xuống âm phủ. Người có Bát tự không tốt không dám cưỡng ép làm công việc này, bởi trong đó có không ít điều cần chú ý và kiêng kỵ. Dù nguyên bảo giấy mà Quách sư phụ làm chỉ được gấp bằng giấy thiếc, nhưng nhìn dưới ánh đèn lại trông giống hệt như thật, chỉ khác nhau về kích thước. Nguyên bảo thực sự bao gồm vàng thỏi và bạc nén, các cụ ngày xưa gọi là đại bảo. Vàng bạc nén làm bằng giấy thiếc thì hai đầu được vuốt cao lên, dưới đáy còn phải viết bốn chữ – Âm ti Minh phủ. Có câu chuyện thế này, ban đêm có cô hồn đã quỷ cầm tiền giấy đi mua đồ. Trong đêm tối, nhìn nguyên bảo vàng bạc giống y như thật, nhưng đến lúc hừng đông nhìn lại thì hóa ra là vàng mã. Người ta làm như vậy là vì không để cho âm hồn dùng vàng mã lừa gạt con người. Nếu như lúc đêm tối, người bán hàng nhận nguyên bảo vào tay, nhìn thấy dưới đáy có chữ “Âm ti Minh phủ” thì dù có giống thật đến thế cũng không dám thu nhận. Mỗi khi làm nguyên bảo vàng mã, Quách sư phụ đều chú ý đến điều này. Ông ta mất ngủ, ngồi dậy gấp nguyên bảo vàng bạc bằng giấy thiếc. Dù bận rộn luôn tay, nhưng trong lòng luôn có cảm giác sắp gặp chuyện không may. Liên Hóa Thanh đã bị áp giải đến sân phơi gạch ngói ở Tiểu Lưu trang xử bắn rồi, tuy kẻ này đã chết, nhưng ai dám bảo đảm y sẽ không âm hồn không tan, nửa đêm tìm tới tận cửa.

16. Chương 16

Năm

Người của Trần Đường Trang ai cũng bảo, Liên Hóa Thanh là yêu sông, mượn thai đầu sinh làm người ở chỗ dòng sông Vĩnh Định. Lời truyền bá này có căn cứ xác đáng, Quách sư phụ không dám coi thường. Ông ta biết rõ, vật sống dưới nước đều sợ sắt, ông cha ta thường nói ‘nước có thể trị sắt’, đa phần những vật trấn sông đều là trâu sắt hay hổ sắt. Ông ta sợ nửa đêm gặp chuyện không may, bèn tách chiếc hộp sắt thiêu xác trong nghĩa trang thành hai phần, rồi dùng chúng chặn hết cửa trước cửa sau, bấy giờ mới cảm thấy an tâm hơn. Nghe tiếng mưa rơi tí tách bên ngoài, nhìn tới trên dưới cả trăm cái nguyên bảo vàng mã chồng chất dưới ánh đèn dầu, ông ta chợt nhớ ra còn có bánh bao mua lúc giữa trưa, vừa khéo có đồ ăn lót dạ lúc nửa đêm. Sau khi ăn hết bánh bao, ông ta lại tiếp tục làm nguyên bảo, trong lúc mơ mơ màng màng, gục xuống mặt bàn ngủ lúc nào không biết. Miếu Hà Long có hai gian, gian phòng phía trước nhìn ra phố hàng mã, còn gian điện phía sau thì một nửa nằm trong nghĩa trang. Ông ta mơ màng ngủ ở trong căn phòng phía trước, trong lúc nửa mê nửa tỉnh, bỗng nhiên cảm thấy bên cạnh có người đang nói. Ngái ngủ mở mắt ra, ông ta đã thấy ngay có một người đang đứng trước mặt. Người này mặc áo khoác dài, vô cùng cao lớn. Ngọn đèn trong phòng rất tù mù, không nhìn thấy rõ mặt người đối diện, qua cách ăn mặc ông ta cảm thấy có phần quen mắt. Cửa trước cửa sau đều chặn kín, chẳng hiểu người này vào trong phòng bằng cách nào. Người này chỉ tay lên nóc căn phòng căn điện phía sau mấp máy môi, tuy rằng không nghe thấy nói gì, nhưng cử chỉ hành động có vẻ rất nôn nóng, giống như đang muốn nói cho ông ta biết: “Trên nóc nhà có thứ gì đó!”

Quách sư phó trong lòng giật đánh thót, nhìn kỹ lại thì trước mặt hoàn toàn không có một ai. Ngọn đèn trong phòng vẫn cháy, ông ta vội vàng cầm nó lên đi xuống gian điện phía sau xem xét. Gian điện đã nhiều năm không được tu sửa, đến nửa đêm, cơn mưa dữ dội đã làm mái điện bị xói lở mất một mảng lớn, gạch vỡ ngói vụn rơi xuống, tạo thành một lỗ thủng rất to, trong lòng ông ta thâm hô nguy hiểm. Nếu toàn bộ mái điện nếu sụp xuống, có thể chôn sống người ở bên dưới. Trong lúc đang nghĩ ngợi, bỗng nhiên ông ta cảm nhận được trong không khí có mùi tanh tươi của bùn dưới sông, cái mùi tanh tươi đó y hệt như bãi nước đen ngòm mà Liên Hóa Thanh đã nôn ra trước khi bị xử bắn. Ngay sau đó, có một kẻ người không ra người quái vật không ra quái vật, nhảy xuống từ lỗ thủng trên mái điện. Con quái vật đó chỉ cao ba xích (~1m), chân tay đều có móng vuốt, thân thể đen như mực, hai mắt sáng như hai ngọn đèn, nhảy bổ vào ông ta mà tấn công.

Ông ta tự hiểu, đây chính là con vật đã bỏ chạy ra khỏi thân xác Liên Hóa Thanh, toàn thân nó bị bao phủ trong một lớp bùn sông màu xanh thẫm bốc lên mùi xác chết đang phân hủy, rêu bám khắp bên ngoài. Trong gian điện phía sau nghĩa trang miếu Hà Long chỉ có một chén đèn dầu, mưa lọt qua lỗ thủng trên mái điện làm ngọn đèn tắt phụt, lập tức gian điện tối đen nhìn không rõ năm đầu ngón tay. Trong bóng tối, hai mắt của con quái vật giống hệt như ma trời, không phân biệt nổi là cái giống gì, ông ta kinh hãi đến cực độ. Ông ta vừa mới thoáng giật mình, con quái vật đã cuốn theo làn gió tanh tươi bổ nhào tới trước mặt. Trong tay trống trơn không có gì để làm vũ khí, ông ta lại không dám chắc hai nắm tay có chống đỡ được không. Lúc bấy giờ đi tìm vũ khí bằng sắt thì đã không còn kịp nữa rồi, ông ta đành phải chạy trốn vòng quanh đám quan tài. Bởi đã sống trong gian đại điện của nghĩa trang này nhiều năm, ông ta nắm rõ vị trí mỗi viên gạch từng viên ngói, kể cả nhắm lại vẫn có thể rõ như lòng bàn tay.

Ng.ườ.n .tử. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Ông ta dốc hết sức lực chạy quanh đám quan tài trốn bên đông né bên tây. Mặc dù chủ động tấn công mãnh liệt, nhưng trong nhất thời con quái vật toàn thân bốc mùi xác chết phân hủy không thể nào đánh trúng ông ta. Tuy nhiên, ông ta vẫn thừa hiểu, trốn tránh không phải là biện pháp hợp lý, trong lòng nóng nảy khổ hết chỗ nói.

Con quái vật nhảy từ trên nóc điện xuống, liên tiếp tấn công mấy mà không trúng người, đuổi theo không rời, cứ một chốc lại bổ nhào vào đám quan tài. Những chiếc quan tài trong nghĩa trang đã nằm ở đây cả vài chục năm không còn lành lặn, trên mặt phủ một lớp gạo trắng. Thành quan tài bằng gỗ bách đã mục nát vỡ tung không còn ra hình dáng, đục một cái là nát vụn. Vừa nghe thấy một tiếng rầm rắc, ván gỗ của quan tài và gạo trắng đã văng tung tóe. Quách sư phó không quan sát được dưới chân, vấp một cái ngã lăn ra, trong lúc lăn lộn va vào bức tượng mộc Quảng Tế Long Vương. Như kẻ chết đuối vớ được cọc, ông ta vội trốn ra đằng sau bức tượng. Cảm nhận được làn gió âm u tanh hôi đang thổi tới gần, lúc bấy giờ ông ta bất chấp liều mạng một phen, tì bả vai và đầu vào bức tượng thần Long vương gia cao ba trượng, hét lên một tiếng rồi gõ người đẩy. Không hiểu do đâu mà lại bộc phát ra sức khỏe phi thường đến như vậy, chỉ nghe thấy rầm một tiếng vang vọng, bức tượng thần Quảng Tế Long Vương được hương khói trong điện lập tức đổ ập xuống, nện thẳng xuống con quái vật ở bên dưới. Mặc dù làm bằng đất, nhưng bức tượng thần

cao tới ba trượng vẫn có trọng lượng tương đối lớn. Con quái vật toàn thân phủ đầy bùn đất lẫn rong rêu khua loạn hai cánh tay, nhưng vẫn bị bức tượng đất Long Vương đè nghiêng xuống, không thể giãy ra được, chẳng bao lâu sau đã bất động. Bởi dùng sức quá độ, Quách sư phụ bất tỉnh nhân sự trong đại điện.

Đến khi trời sáng hẳn, ông ta mới tỉnh lại, nhìn lên trời qua lỗ thủng toang hoác trên mái điện. Ngoài trời mưa đã tạnh, ánh nắng gay gắt nóng rát mặt, vật đã bị bức tượng đất Quảng Tế Long Vương đè chết là một xác chết tóc tai rối tung, gương mặt phù thũng khó mà nhận ra đường nét, toàn bộ thân thể dính đầy bùn nhão và rong rêu, da có vảy, hôi thối không ngửi được. Chưa tới giữa trưa, nó đã chỉ còn sót lại xương cốt, da thịt đã biến thành vũng nước đen ngòm lênh láng trên mặt đất. Có người hiểu biết, nói đây là quỷ gây hạn dưới sông, là xác chết dưới sông bị âm hồn chiếm cứ. Kể năm xưa mượn thai đầu sinh vào Liên Hóa Thanh thực ra là quỷ gây hạn sống dưới sông Vĩnh Định, khó khăn lắm mới trưởng thành đến thế này, nhưng lại bị Quách sư phụ bắt ở nghĩa trang nhà họ Ngụy, giải đến pháp trường Tiểu Lưu Trang bắn chết. Một tia âm hồn thi hành pháp thuật mượn nước bỏ chạy, trốn về sông Vĩnh Định, quay trở về bản thể, chính là một xác ướp cổ ẩn trong lớp bùn dưới đáy sông, sau đó, lần tới chỗ Quách sư phụ. May mà Quảng Tế Long Vương hiển thánh, bức tượng đất đổ xuống đè chết yêu sông.

Sáu

Quách sư phụ cũng suy đoán giống như vậy. Ông ta nhớ lại lúc mình ngồi làm nguyên bảo vàng mã dưới ánh đèn, có một người mặc trường bào đã nhắc nhở bản thân trên nóc điện có vật gì đó, nhưng nhà ông ta không có người nào như vậy, không phải là Long Ngũ gia thì còn có thể là ai? Huống chi, với sức lực của mình, bất kể thế nào ông ta cũng không thể lay chuyển nổi bức tượng đất nặng đến như vậy. Qua đó có thể thấy, Quảng Tế Long Vương mới thật sự là “Thần sông”. Ông ta tự phát thệ, sau này sẽ đắp lại kim thân cho Quảng Tế Long Vương, nhưng không biết rằng lời hứa liên quan đến thần linh tuyệt đối không thể thốt ra tùy thích, đã hứa thì chắc chắn phải làm. Lúc bấy giờ, ông ta vẫn nghĩ là mình có thể thực hiện được, chỉ cần tiết kiệm tiền từng chút một, sớm muộn gì cũng sẽ có ngày đủ khả năng trùng tu đại điện miếu Hà Long. Ai ngờ, chưa đầy hai năm sau, toàn quốc đã giải phóng. Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, người ta xóa bỏ mê tín dị đoan. Miếu Long Vương thuộc về tàn tích của thời phong kiến, làm sao có thể được phê chuẩn trùng tu? Sau giải phóng, nghĩa trang miếu Hà Long bị dỡ bỏ, xung quanh đó nhà mái bằng mọc lên san sát. Câu chuyện năm xưa Quảng Tế Long Vương đuổi bắt hạn ma đại tiên, hiển thánh nhập vào bức tượng đất đè chết xác chết hóa thành quỷ gây hạn dưới sông Vĩnh Định đã chẳng còn mấy người biết tới, chỉ có lớp người già là còn người nhắc tới, đã thực sự trở thành truyền thuyết dân gian.

Sau vụ đuổi bắt Liên Hóa Thanh, khi nhắc tới Thần sông Quách Đắc Hữu, ở Thiên Tân hầu như là không người nào là không biết không ai là không hay. Nhưng Quách sư phụ không dám nhận cách xưng hô này, mà chỉ tập trung vào công việc dẫn đội tuần sông vớt xác cứu người. Đội cảnh sát đường thủy năm sông chỉ bận rộn vào mùa hè, bởi mùa này có nhiều người chết đuối. Đến mùa đông, mặt sông đóng băng, cho dù có người rơi xuống kẻ nứ chết đuối thì cũng không thể nào vớt lên được, đồng nghĩa với mấy tháng không có việc gì để làm. Vào quãng thời gian đó, ông ta dựa vào công việc dán giấy tường và lo liệu ma chay kiếm sống.

Lại nói về tấm bia đá ở nghĩa trang nhà họ Ngụy. Đầu năm một chín bốn chín, trong chiến dịch Bình Tân, đội quân hơn mười vạn quân đã chiến Đông Bắc tấn công Thiên Tân, chia thành hai đạo quân vừa chặn đầu vừa khóa đuôi. Nghĩa trang nhà họ Ngụy là điểm đột phá giải phóng quân đánh nghi binh, cho nên chiến trận thực ra lại không quá khốc liệt, nhưng pháo binh lại bắn dồn dập liên hồi. Khi ấy, tấm bia đá đã bị đạn pháo phá hủy. Sau này, người dân chuyển đến sống ở vùng đất trũng phía nam đồng dần lên qua từng năm, hầm hố khắp mặt đất từng bước được lấp đầy, vùng đất này không còn bị ảnh hưởng bởi lũ lụt nữa. Bởi vì đạn pháo đã phá mất tấm bia đá, âm khí tích lại đậm đặc ở nghĩa trang nhà họ Ngụy cũng biến mất từ đấy, sau này không còn ai nhìn thấy ông lão bán mì hoành thánh và cô cháu gái kia nữa.

Bắt đầu từ vụ chìm xác ngã ba sông, báo mộng ở miếu thổ địa tại Trần Đường Trang, đào được quan tài ở công viên Lý Thiện Nhân, lục soát ngôi nhà bị ma ám ở nghĩa trang nhà họ Ngụy, bắt yêu ở thôn chó dữ, rắn thần chỉ đường ở sông Âm Dương, xử bắn Liên Hóa Thanh ở sân phơi gạch ngói của Tiểu Lưu Trang, cho đến tận chuyện Long Ngũ gia hiển thánh đè chết xác người hóa thành quỷ gây hạn dưới sông Vĩnh Định, những câu chuyện đồn đại về yêu sông Liên Hóa Thanh được kể đi kể lại ở Thiên Tân về rất nhiều năm. Trước kia còn có nghệ nhân Bình thư kể chuyện bằng cách hát hài hước châm biếm, đã dần biến những câu chuyện này thành Bình thư, đến các quán trà biểu diễn ọi người nghe, chủ đề chủ yếu xoay quanh con sông

Âm Dương ở nghĩa trang nhà họ Ngụy. Càng ở đầu đường cuối ngõ, người biểu diễn càng nhiều, nội dung cũng càng thêm phần ly kỳ.

Thời xưa, cứ vài năm Thiên Tân lại xảy ra một trận lũ lụt. Nhưng đến bây giờ, khí hậu đã thay đổi quá nhiều, đất màu đã bị xói mòn nghiêm trọng, quanh năm suốt tháng không có mưa cũng là chuyện bình thường, làm sao còn có thể tưởng tượng ra được nạn lũ lụt xưa kia khủng khiếp như thế nào. Vùng đất dưới hạ lưu của chín con sông, trước giải phóng đã chịu đủ mọi khổ ải của nạn lũ lụt, cho nên đã xuất hiện không ít truyền thuyết về về yêu sông thủy quái. Kể từ sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập vào năm một chín bốn chín, thập kỷ năm mươi chỉ xảy ra thêm một lần lũ lụt nữa, càng về sau mật độ nhân khẩu càng dày, những loại động vật như cáo hay sói vàng gần như đã tuyệt tích trong thành phố. Những câu chuyện ly kỳ quái dị cũng đã ít hơn trước nhiều, nhưng vẫn không phải là hoàn toàn không có, chỉ có điều là ít người biết đến mà thôi. Ví dụ như câu chuyện đuổi bắt yêu sông Liên Hóa Thanh, nội dung mà những người dân cao tuổi truyền miệng rỉ tai đại khái là bắt đầu từ lúc vớt xác bị chìm dưới ngã ba sông, cho đến khi bức tượng đất trong điện chính ở nghĩa trang dề chết quái vật mới kết thúc. Phần sách nói về con sông Âm Dương ở nghĩa trang nhà họ Ngụy tới đây trên cơ bản coi như đã kết thúc, nhưng câu chuyện về Thần sông thì còn lâu mới có thể chấm dứt. “Bắt yêu ở nghĩa trang nhà họ Ngụy” mới chỉ là phần đầu, kế tiếp sẽ nói tới chuyện “Ngôi nhà bị ma ám trong ngõ hẻm kho lương”, đó là một sự việc kỳ lạ xảy ra bên bờ sông Hải Hà vào thập niên năm mươi sáu mươi sau khi đất nước được thành lập vào năm một chín bốn chín, rất ít người biết tới.

17. Chương 17

Một

Trước khi bắt đầu nói đến câu chuyện “Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương” này, phải nhắc đến khoảng thời gian từ tháng một Thiên Tân được giải phóng đến tháng mười nước Trung Quốc mới được thành lập của năm một chín bốn chín, người dân bắt buộc phải thay đổi phong tục, không được tiếp tục khiêng quan tài diễu khắp phố tổ chức tang lễ rầm rộ, cũng không cho hoá vàng mã hình nhân, sự việc liên quan đến “Thần sông” cũng không ai còn nhắc đến. Đến lúc bấy giờ, kể cả tên hòa thượng giả danh để ăn uống miễn phí Lý Đại Lăng lẫn ông thầy xem phong thủy kèm tướng số cho người Trương Bán Tiên, đều đã không còn đường kiếm ăn; Nếu không phải đi khiêng bư kiệu ở bư cục thì cũng đi làm phu khuân vác ở nhà ga, mệt mỏi rã rời nai lưng ra mà kiếm sống.

Lúc bấy giờ, cửa hàng làm hàng mã của Quách sư phụ cũng bị đóng cửa, nghĩa trang miếu Hà Long với mái điện sụp đổ cũng bị dỡ bỏ. Phòng ở đã mất, ông ta đành phải chuyển đến cư trú ở một căn nhà cấp bốn bé tẹo ở bên trên Thiên Tân vệ, tại sao lại nói là bên trên? Xét về tổng thể, địa thế Hải Hà bắc cao nam thấp. Ngày xưa, ông cha ta có cách nói như thế này “Thượng Kinh hạ Vệ”, đó là muốn nói ở Bắc Kinh là ở trên cao, ở Thiên Tân là ở dưới thấp. Mọi người nên biết, thành Bắc Kinh bắc quý nam bần, theo bố cục bắc cao nam thấp. Nếu sống ở nam thành phố, chẳng khác gì ở ngay dưới chân Tử Cấm Thành, hoàng quyền chèn ép, thiên uy đè đầu, cả ngày thở cũng không dám thở mạnh. Trong thời kỳ trước kia, đa phần những người sống ở phía nam thành phố Bắc Kinh là người nghèo. Thiên Tân vệ thì trái ngược hẳn lại, ở nơi này thấp mới là quý, bởi vì toàn bộ khu phía nam đều là đất cho thuê. Những người sống ở vùng đó không ít kẻ không chỉ có có tiền, mà còn có cả thân thế. Nhưng nếu ở khu vực bên trên, tất cả cư dân của khu vực này đều có xuất thân từ tầng lớp lao động tay chân như cửu vạn hay ngư dân. Thời gian trước giải phóng, nhà nào khá khẩm lắm thì cũng chỉ đến mức hàng ngày kiếm được đồng nào là tiêu sạch đồng đó, còn đại đa số các gia đình khác thì ăn hết bữa nay lo bữa mai, rất hiếm có ngày nào không có người nghèo chết vì đói, đâm ra túng quá hóa liều, biến thành ổ gái điếm và trộm cắp. Phòng ở thì trống trên hở dưới, thấp bé đơn sơ. Vào thập niên năm mươi, chính phủ bắt đầu sửa đổi cách quản lý khu vực này, đã nâng cấp cơ sở hạ tầng lên dần từng chút một. Mặc dù vậy, vẫn không có ai tình nguyện định cư ở chỗ này, người nào cũng kêu phong thủy không tốt, bởi vì vào đời nhà Thanh, các gia đình ở đây nuôi tằm, trồng dâu bạt ngàn. Người dân Thiên Tân vệ ngày trước kiêng kỵ nhất việc này. Tục ngữ có câu “Tang lễ đổ du hòe, bắt tiền âm dương trạch”, ý muốn nói, cây dâu cây lê cây đỗ du cây hòe, không nên có mặt trong khu vực nhà ở và nghĩa địa. Chữ dâu phát âm giống như chữ tang, chủ nhà sẽ có tang; Chữ lê phát âm giống như xa cách, chủ nhà tan đàn xẻ nghé; Đỗ mang ý nghĩa diệt tận gốc, chủ nhà sẽ không con nối dõi, dù nghe người khác nói hay mình tự nhắc đến đều vô cùng xui rủi. Cây hòe là nơi ma quỷ trú ngụ, nếu quỷ tiến vào chỗ ở, còn

hơn cả chẳng lành. Về phần cây du, du đồng nghĩa với trộm cắp, đồ vật trong nhà dễ mất trộm. Hơn nữa, cây du lại có lắm côn trùng sinh sống, thực sự không nên trồng trong khu vực nhà cửa và mồ mả. Ở cửa ngõ thành phố bạt ngàn cây du và cây dâu, lại còn là một khu ổ chuột nghèo đói, là cái nôi của lưu manh vô lại, bởi vậy không một ai muốn ở. Ví dụ thế này, trong lần gặp mặt đầu tiên giữa hai người, nếu như biết được người này sống ở phía nam, người kia sẽ nhìn đối phương với con mắt khác, cảm thấy có thể kết giao bằng hữu. Nhưng nếu nghe nói đối phương sống ở vùng cửa ngõ thì mặc dù miệng nói thực sự khách khí, nhưng trong lòng lại thầm cảnh giác, khu ổ chuột cùng quần chỉ sinh ra những kẻ gian xảo, không dám nhiệt tình lôi kéo làm quen.

Nơi Quách sư phụ dọn đến được gọi là ngõ miếu Đẩu Mẫu, lúc bấy giờ ông ta đã lấy vợ. Cho dù là một người đàn ông đầu đội trời chân đạp đất, cũng không dám đảm bảo vợ mình không hiền thực con không hiếu thảo. Bất kể có cách đối nhân xử thế cao thượng đáng kính đến thế nào, một người đàn ông cũng không dám chắc sẽ dạy được vợ hiền con hiếu thuận, vô phúc vợ phải Mẫu Dạ Xoa ngày nào cũng náo loạn gia đình không yên. Những việc như thế này chỉ có thể dựa vào số mệnh, mệnh nào cũng có, cưỡng cầu cũng vô dụng. Quách sư phụ lấy được người vợ không tệ lắm, tự mình cảm thấy vô cùng vừa ý. Người vợ họ Lưu, tên là Phương Tử, tính tình rất hiền lành, nhưng sức khỏe không được tốt lắm, thường chỉ ngồi trong nhà dán hộp giấy. Hai vợ chồng sống trong một gian nhà cấp bốn bé tẹo. Sở dĩ được gọi là ngõ miếu Đẩu Mẫu, chỉ vì nơi đây đã từng có một ngôi miếu cổ.

Sau giải phóng, với vai trò là đơn vị trực thuộc cục công an, cảnh sát đường thủy năm sông vẫn tiếp tục đảm nhiệm công việc khổ sai vớt xác trôi sông như cũ. Bất kể là thời đại có biến đổi như thế nào, công việc của đội vớt xác cũng không thể nào không có người thực thi. Chỉ có một điều khác biệt duy nhất so với chế độ cũ, đó là đội tuần sông đã được nhận lương cố định. Không còn kiếm được phụ thu từ công việc dán giấy tường hay lo liệu tang lễ, lại còn đã có vợ, Quách sư phụ không thể nào thanh nhàn bằng lúc còn một mình như trước kia. Thời gian trôi đi rất nhanh, mặc dù tình trạng chung của cả đất nước từ nam chí bắc đều là nghèo, càng nghèo càng quang vinh, không thể đếm xuể có bao nhiêu khó khăn, nhưng cuộc sống của rất nhiều hàng xóm láng giềng còn không bằng nhà vợ chồng họ. Ít ra ông ta vẫn có công việc khổ sai kia, vẫn có thể kiếm đủ cơm cho cả nhà lấp đầy bụng, nhìn lên mình chẳng bằng ai, nhìn xuống thấy còn khối người không bằng mình.

Về phần vụ án đuổi bắt yêu sông Liên Hóa Thanh mấy năm trước, Quách sư phụ rất hiếm khi nhắc tới, đồng thời cũng không ấy người Đinh Mão đề cập tới, bởi ông ta sợ người của cục công an phán xét mình có tư tưởng mê tín, mang danh hiệu Thần sông là điều khó ai mà chấp nhận nổi. Trước giải phóng còn có thể bắt yêu, nếu như không phải công việc vớt xác trôi sông không có ai tình nguyện làm, vậy thì ngay cả bắt cơm ông ta cũng không kiếm nổi mà ăn.

Nhưng vào năm 1953, ở Hải Hà đã liên tiếp xảy ra vài vụ án vô cùng ma quái, khiến cho điều tra viên của ngành công an cảm thấy bó tay hết cách, bắt buộc phải nhờ tới Quách sư phụ của đội vớt xác hỗ trợ.

Hai

Năm này qua năm khác, thời gian trôi qua rất nhanh, chớp mắt một cái đã đến tháng tám năm 1953.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Tiếng súng trên chiến trường kháng Mỹ viện Triều vẫn còn chưa ngừng hẳn, tất cả các tiết mục phát thanh trên radio đều liên quan đến vấn đề này. Đinh Mão vẫn còn trẻ nhưng lại khôn như chấy. Gã ở cách nhà Quách sư phụ không xa, ngày nào cũng ăn cùng mâm với nhà họ Quách, quần áo cũng do chị dâu giặt hộ. Vào một buổi tối, Quách sư phụ và Đinh Mão ngồi hóng mát trong ngõ hẻm. Nhờ ánh sáng của ngọn đèn đường, hai người vừa nói chuyện vừa dán hộp giấy.

Đám trẻ con trong ngõ hẻm quần lấy Quách sư phụ đòi kể chuyện ngày xưa. Đừng thấy Quách sư phụ không được học hành tử tế mà coi thường, trước kia ông ta lúc nào cũng thích xem kịch vui nghe Bình thư, mắt thấy sờ sờ khôn tường hận cũ, một bụng cổ kim man mác buồn, nhưng vào thời buổi xã hội mới lại đi kể lại chuyện xưa là không hợp thời. Suy đi tính lại, ông ta còn chưa tìm được chuyện gì hay để kể, Đinh Mão đã kể chuyện khoác lác cho bọn trẻ con nghe. Gã kể: “Hôm kia, chú đã ăn một cái bánh bao nhân thịt to ơi là to. Để làm ra cái bánh bao đó, người ta phải dùng một trăm cân bột mì, tám mươi cân thịt, hai mươi cân rau củ. Sau khi hấp chín, phải dùng tám cái bàn lớn mới tạm đủ diện tích để đặt nó. Hai mươi người bọn chú ngồi thành vòng tròn cùng nhau ăn, ăn cả một ngày một đêm mà chưa hết một nửa. Đang lúc ăn uống

từng bừng, bọn chú phát hiện ra có hai người biến đầu mắt, tìm kiếm khắp nơi mà không thấy, chợt nghe thấy bên trong nhân bánh có người đang nói chuyện. Sau khi xé rách bánh ra xem sao thì thấy hai người kia đang đào nhân bánh ở bên trong để ăn. Mọi người thử nói xem, cái bánh bao thịt này có to hay không?”

Quách sư phụ nói, cái bánh bao nhân thịt đó của sư đệ cậu vẫn chưa được coi là to. Năm xưa vi huynh đã từng ăn một cái bánh bao, hơn mười người ăn ròng rã ba ngày ba đêm mà chưa tới nhân thịt ở bên trong, trong lúc đang cầm đầu cầm cổ vào ăn thì gặp một tấm bia đá, trên tấm bia đá đó có khắc một hàng chữ: “Nơi này còn cách nhân bánh ba dặm nữa.”

Bình thường, bọn trẻ con trong ngõ thích nghe Quách sư phụ kể những câu chuyện ngắn. Một sự việc rất bình thường, qua lời kể của ông ta lại hấp dẫn đến mức rớt cả quai hàm, khiến cho người nghe không bao giờ thấy chán, đó gọi là biết ăn biết nói thì dở cũng thành hay – dù là chuyện tự biên tự diễn, khoe khoang khoác lác cũng vẫn hay. Lần đó, họ tụ tập kể chuyện tới hơn chín giờ tối mới giải tán.

Trong ngõ hẻm chỉ còn lại Quách sư phụ và Đinh Mão. Vào ban đêm, nhiều mây làm mờ ánh trăng. Mặc dù vẫn còn le lói, nhưng ánh trăng vô cùng mờ昧, thời tiết lại oi bức giống như đang ở trong lồng hấp. Nhìn thấy còn cả một đồng hộp giấy chưa dán xong, Quách sư phụ bèn bảo Đinh Mão: “Không còn sớm nữa, cậu về ngủ trước đi. Anh sẽ nhanh tay thêm một chút, dán nốt chỗ hộp giấy này rồi cũng vào nhà ngủ. Đến mai đưa cho chị dâu cậu đi giao cho hàng xén, buổi tối chúng ta làm một bữa cải thiện. . .”

Trong lúc hai anh em đang nói chuyện, có một người đạp xe đi vào trong ngõ. Hai người họ vừa liếc mắt đã nhận ra, người này là lão Lương, trưởng phòng điều tra của cục công an, khoảng bốn mươi tuổi, người Sơn Đông, chuyên đi một chiếc xe đạp nam, đã từng là một quân nhân cầm súng đánh giặc thời chiến.

Quách sư phụ và Đinh Mão cùng lên tiếng chào hỏi: “Trưởng phòng Lương, ngọn gió nào đã thổi ông tới đây?” Lão Lương nói: “Buổi tối hôm nay tôi tới chỗ hai người là để tìm hiểu một chút tình hình.” Nói xong, ông dựng xe đạp gọn vào một chỗ, đi vào trong ngõ ngồi xuống, rồi nói tiếp: “Lão Quách, Đinh Mão, vừa may cả hai người các vị đều ở đây. Tôi có cái gì thì sẽ nói cái đó, năm tháng các vị phụ trách công việc ở đội cảnh sát đường thủy năm sông cũng không ít nhỉ?”

Quách sư phụ đáp: “Đồng chí Lương, anh đừng có lầm tưởng đội vớt xác chúng tôi là lũ nha dịch trong nha môn thời phong kiến, chỉ biết bóc lột dân chúng. Vớt xác trôi sông trên dòng Hải Hà chỉ đơn thuần là công việc khổ sai kiếm sống qua ngày, căn bản không có tí chất béo nào cả. Anh cũng đừng có thấy chúng tôi ở nội thành mà nhảm. Thật ra, ở đây còn không rộng rãi bằng những người ở nông thôn như các vị. Nhà ở nơi này của chúng tôi được gọi là hồ sâu ba cấp. Ba cấp là những gì? Đường cái cao hơn sân, sân cao hơn nền phòng ở, chẳng phải là hồ sâu ba cấp hay sao? Chỉ cần mưa nhỏ, nước mưa đã ngập lưng phòng ở, còn sân đã biến thành sông rồi. Tôi biết bơi lội hoàn toàn là nhờ vào quá trình luyện tập tại nhà. Ở nơi này, không biết bơi sẽ bị chết đuối ngay. Ngay trước khi giải phóng ba ngày, trời mưa to, người ở ngõ miếu Đẩu Mẩu đã bị chết đuối mất hơn trăm.”

Ba

Đinh Mão tiếp lời: “Ai dám nói không phải, nếu như trong nhà có chút của ăn của để, thì làm sao còn phải dựa vào công việc vớt người chết đuối dưới sông kiếm cơm ăn đây? Công việc khổ sai này của đội tuần sông thật sự giống như là đeo guốc gậy gót để trình diễn múa – ngã dập mặt lúc nào không biết. Nếu nói đến khổ, có thể nói tôi khổ hơn nhị ca của mình nhiều. Nhà của chúng tôi chỉ là một gian phòng bé toén hoén, ngay cả giường màn chăn gối cũng không có đủ tiền mà mua. Vào tháng chạp lạnh giá rét mướt, cả nhà già trẻ cùng đắp một tấm ga giường để ngủ. Ông thử nói xem, liệu còn có ai có hoàn cảnh khó khăn hơn gia đình chúng tôi không?”

Lão Lương không tin. Thường nghe người ta nói “Kinh già đời, Vệ già mồm, Kinh già đời nói như khướu, Vệ già mồm cãi như phá, anh có nói cái gì, người ta cũng sẽ vặn lại được”. Những người như Quách Đắc Hữu và Đinh Mão đã lẫn lộn trong xã hội không chỉ một hai ngày, thường ngày miệng lưỡi trơn tru, nói chuyện cùng với họ thật sự thú vị, nhưng nếu không để ý sẽ rơi ngay vào bẫy của họ. Bởi vậy, ông không dám tiếp tục kéo dài chủ đề này, bèn nói: “Hai người các vị muốn đi đâu? Tôi cảm thấy các vị đã ăn chén cơm này đã được nhiều năm, quen thuộc từng chân tơ kẽ tóc các đường sông, cho nên tôi có chuyện muốn nhờ hai người hỗ trợ.”

Đến bảy giờ, Quách sư phụ và Đinh Mão mới hiểu được ý định của lão Lương, hai người nói: “Chỉ cần

trưởng phòng Lương ông tin tưởng chúng tôi, sau này hẳn có chỗ nào hai anh em chúng tôi giúp được thì chỉ cần nói một tiếng. Đến lúc đó, ông sẽ biết chúng tôi có đủ bản lĩnh hay không, nhất định là ‘mòn đũng quần ngồi ghế đầu – nhíp ra nhíp, phách ra phách’*.”

*Cách nói của người Tứ Xuyên, ảnh hưởng từ Xuyên kịch và kinh kịch, ý muốn nói làm việc có bài có bản, đầu ra đầy.

Nghe thấy thế, Lão Lương hết sức phấn khởi, gật đầu đáp: “Có những lời này của các vị là được rồi.” Kế tiếp, lão Lương kể rõ đầu đuôi nguyên nhân, tại sao lại phải tìm đến Quách sư phụ nhờ hỗ trợ. Kể ra cũng có phần rợn người, bởi vì trong khoảng thời gian gần đây, dưới dòng Hải Hà chợt xuất hiện ma chết đuối.

Hải Hà là dòng sông lớn nhất chảy qua nội thành Thiên Tân. Dọc theo dòng sông, tổng cộng có không dưới vài chục cây cầu, trong số đó bao gồm cả cầu đường sắt dành cho tàu hỏa. Thời kỳ chiến tranh kháng Mỹ viện Triều, nhằm trợ giúp cho quân tình nguyện chiến đấu ngoài tiền tuyến, toàn quốc tổng động viên hậu phương. Ngay sát cầu đường sắt có một nhà máy quân nhu chế tạo chân bông và dép cao su. Để mở rộng sản xuất, nhà máy đã tuyển dụng rất nhiều công nhân từ nông thôn, chẳng quản giờ giấc, tăng ca làm việc liên tục không ngơi nghỉ suốt ngày đêm. Chiến tranh Triều Tiên kéo dài đến tháng bảy năm 1953, cuối cùng hai bên đã ký kết hiệp định đình chiến, nhiệm vụ của nhà máy đột ngột cắt giảm, dây chuyền sản xuất bị ngừng mất vài cái, nhưng vẫn có một số công nhân tạm thời ở lại nhà tập thể chờ phân công. Sự việc hai người công nhân gặp ma chết đuối tại bờ sông đã phát sinh đúng vào thời điểm này.

Khi ấy, việc quản lý trong xưởng tương đối lỏng lẻo, lãnh đạo chỉ dặn dò không nên xuống sông bơi lội. Ngay sau nhà máy là dòng Hải Hà, mặt nước của khúc sông đó rộng mênh mông, nước lại sâu, đáy sông còn có nhiều bùn, xuống sông bơi lội rất dễ gặp phải nguy hiểm. Nhưng vào giữa Tam phục thiên, thời tiết vô cùng oi bức. Vào buổi tối, có mấy công nhân trẻ nóng nực đến mức không chịu nổi nữa, thừa dịp đêm khuya vắng người, chèo ra ngoài xuống sông tắm mát. Thời điểm họ đi ra ngoài đại khái là tầm hơn một giờ, vẫn chưa tới mười hai giờ đêm.

Hai người công nhân này là anh em ruột, tên đặc chất nông thôn, một người tên là Kim Hỉ một người tên là Ngân Hỉ, bình thường luôn an phận thủ thường, chỉ quanh quẩn ở trong xưởng cắm đầu vào làm, không bao giờ gây rắc rối hay làm phiền đến ai. Đêm hôm đó, khí trời ngột ngạt, nằm trên giường còn khó thở, sau lưng mọc rôm, toàn thân đổ mồ hôi đầm đìa, tinh thần khó chịu đến mức nào thì khỏi cần phải bàn. Lăn qua lăn lại không ngủ, hai người không hẹn mà đều có cùng một suy nghĩ, lúc này nếu như có thể xuống sông bơi đôi ba vòng thì mát mẻ đến cỡ nào? Bởi vậy, hai người vùng dậy, ra khỏi nhà tập thể, leo tường ra ngoài bờ sông. Đưa mắt nhìn lên, một vầng trăng sáng vành vạnh, mặc dù lúc này là đêm khuya, nhưng không cần đèn pin chiếu sáng vẫn có thể nhìn thấy rõ từng cành cây ngọn cỏ.

Thật ra, lúc ấy trời nóng ngột ngạt báo hiệu sắp có một trận mưa lớn, bầu trời u ám đầy mây, vầng trăng sáng cũng chỉ vừa mới lộ ra khỏi tầng mây, trong không khí không có lấy một cơn gió thoảng qua, bờ sông dưới gầm cầu đường sắt um tùm cỏ dại, khung cảnh hết sức tĩnh lặng, thỉnh thoảng vang lên vài tiếng ếch kêu. Đến bây giờ, nơi đó đã san sát nhà cửa, người chen chúc nhau mà sống. Nhưng vào đầu thập kỷ năm mươi, nơi đây vẫn còn thưa thớt vắng tanh người ở, ngay cả đèn đường ven sông cũng không có.

Ý vào lúc ở quê nhà thường xuyên xuống sông bơi lội, có thể coi là một nửa dân sông nước, Kim Hỉ và Ngân Hỉ tự cho rằng kỹ năng bơi lội của mình không kém. Khi thấy dòng sông nước chảy hiền hòa, hai người hoàn toàn yên tâm, nếu cần phải kiêng dè chắc cũng chỉ có quỷ mà thôi, thậm chí phải mau chóng nhảy xuống sông mát. Hai người chạy vào trong bụi cỏ rậm rạp bắt đầu cởi quần áo. Thực ra, vào những ngày giữa hè, trên người họ chỉ mặc một chiếc quần đùi rộng thùng thình và một cái áo sát nách. Bơi lội vào lúc bầu trời tối đen, quanh đó lại không có một bóng người, không phải lo lắng có ai bắt gặp. Họ quyết định trút sạch quần áo trước khi nhảy xuống nước. Dù sao trong nhà máy cũng có quy định không cho đám công nhân bọn họ xuống sông bơi lội, hai người lén lút trốn đi, đương nhiên không dám gây ra tiếng động. Trong khi đang rón ra rón rén cởi quần áo trong đám cỏ, Kim Hỉ vô tình ngẩng đầu lên, nhìn thấy bên bờ sông có một người toàn thân ướt sũng đang đứng.

Bốn

Hai anh em khẽ giật mình, sợ đó là ông lão trực ca ba trong xưởng đi tuần tra ban đêm, bèn trốn vào trong đám cỏ dại lặng lẽ quan sát. Nhưng lúc bình thường, ông lão tuần tra ban đêm chỉ đi lại quanh quẩn trong

nhà máy, rất hiếm khi đi tuần tra bên ngoài, đêm hôm khuya khoắt đến bờ sông làm cái gì? Nếu như không phải ông lão tuần tra ban đêm, làm gì có ai rồi hơi tới một nơi vắng vẻ như thế này?

Ánh trăng soi sáng thân hình của người đứng bên bờ sông, từ chân đến đầu đen thui, không thấy rõ mặt mũi ra sao, hình dáng giống như con người, đứng im không nhúc nhích. Lúc bấy giờ, hai anh em Kim Hỉ và Ngân Hỉ cảm thấy có điểm gì đó là lạ, nhưng hai người này đều còn trẻ bạo gan, cũng chẳng tin vào những lời đồn đại về ma quỷ, thậm chí còn chưa bao giờ từng có ý nghĩ về điều đó. Khi thấy ở phía đằng xa có người đứng bất động nhìn chằm chằm xuống dòng sông, họ nhận định đối phương có ý định nhảy sông tự vẫn. Họ vừa mới định lên tiếng khuyên can, người kia đã im hơi lặng tiếng lội ra chỗ nước ngập đến đùi. Nào có ai ngờ bờ sông dốc đứng, chỉ trong chớp mắt nước sông đã mấp mé đến cổ người nọ.

Hai người thấy tình huống khẩn cấp, vội vàng chạy tới cứu người, người trước kẻ sau nhảy xuống sông. Bơi tới gần, Kim Hỉ mới thoáng nhìn thấy người đang lội xuống sông nọ có gương mặt trắng bệch, đang thè cái lưỡi dài hơn nửa xích (~15 cm) ra. Lúc bấy giờ, trời chợt nổi lên một trận gió lớn. Chỉ trong thoáng chốc, mây đen đã bắt đầu vần vũ, che mất mặt trăng, cơn mưa nặng hạt to như hạt đậu nành đổ ập xuống. Trong lúc mưa to gió lớn, không thể nhìn thấy cái gì, Kim Hỉ sợ tới mức chết đi sống lại. Hắn cuống quýt lần mò quay trở lại bờ sông, sau khi lên bờ mới cất tiếng gọi người em. Thế nhưng, hắn gào rách cả cuống họng mà cũng không nghe thấy bất cứ câu trả lời nào.

Kim Hỉ có dự cảm không hay, bất chấp không mảnh vải che thân, đội mưa chạy về khu tập thể tìm người giúp đỡ. Khi nhìn thấy cảnh tượng Kim Hỉ cởi chuồng, cả người ướt sũng, chân không kịp đeo giày, thở hồng hộc, sắc mặt tái xanh chạy vào trong phòng, tất cả đám công nhân trong khu tập thể sợ hết hồn. May mắn là trong khu tập thể không có nữ công nhân. Đã quá nửa đêm hắn còn lần mò đi đâu vậy, chắc là lên ra ngoài ăn trộm bị người ta phát hiện nên chạy về đây hay sao? Trong nhất thời, mọi người mồm năm miệng mười bàn tán hỏi han không ngớt. Đến lúc hiểu rõ nguyên do, mọi người vội vàng khoác áo mưa cầm đèn pin, cùng nhau đi ra chỗ bờ sông tìm kiếm cả đêm, nhưng không những không tìm thấy xác người đã nhảy sông tự tử, ngay cả Ngân Hỉ nhảy xuống sông cứu người cũng không tìm ra. Kết quả, sống không tìm được người chết không tìm thấy xác.

Đến sáng sớm, khi trời đã tạnh mưa mới có người phát hiện ra một xác chết đàn ông trần như nhộng ở dưới hạ lưu. Nhận được tin tức, công an viên chạy đến, xuống sông mò xác chết lên. Sau khi nhận dạng, xác chết đó chính là Ngân Hỉ. Hai mắt xác chết mở trừng trừng, đến lúc chết vẫn không chịu nhắm lại. Kim Hỉ đấm ngực dậm chân phủ phục lên xác chết khóc rống lên. Cuối cùng, sau khi hắn kể lại cho công an viên nghe những gì đã xảy ra, mọi người không tìm được đưa mắt nhìn nhau khó hiểu. Tình trạng này giống như đúc câu chuyện đồn đại ma chết đuối tìm thể thân ngày trước. Dòng sông dưới cầu đường sắt thực sự có ma chết đuối hay sao? Trong lúc nhất thời, mọi người huyền não cảm thấy bất an không một ai là ngoại lệ. Lời đồn nổi lên khắp nơi, bảo là quỷ cũng có, nói là quái cũng có.

Cục công an khám nghiệm xác Ngân Hỉ, xác nhận trên thân thể có vài vết thương tự máu, giống như là bị chết sặc do người khác tóm chặt kéo xuống đáy nước. Kẻ nào có thể dìm chết một thanh niên cường tráng biết bơi ở dưới sông đây? Đầu tiên, không thể định tính đây là một vụ chết đuối ngoài ý muốn bình thường, mà là một vụ án mạng. Nếu như không phải do ma dưới sông làm ra, vậy thì phải truy bắt hung thủ đã hại chết Ngân Hỉ. Về phần Kim Hỉ, mặc dù có dấu hiệu tình nghi, nhưng người trong cục công an đâu phải là những kẻ bất tài. Sau khi đối mặt thẩm tra đối chiếu để lấy khẩu cung, có thể suy đoán ra không phải Kim Hỉ đã nhấn chìm ra tay. Bởi vậy, nhiệm vụ phá án đã rơi vào tay những điều tra viên của cục công an.

Lời phê công an viên phá án chỉ gói gọn trong tám chữ “Cần tìm hiểu thêm, chờ manh mối mới”. Lúc bấy giờ, điều tra viên của cục công an, phần lớn là bộ đội phục viên và chuyển nghề, khi tiếp nhận vụ án này thực sự cảm thấy không biết đầu mà lần, bởi vì hoàn toàn không có manh mối. Nếu như phải bắt một con ma chết đuối, chúng ta tới chỗ nào mà bắt? Hơn nữa, dưới dòng Hải Hà thực sự có ma chết đuối hay sao?

18. Chương 18

Năm

Toàn bộ điều tra viên bó tay hết cách, suy đi tính lại mà vẫn không tìm ra biện pháp, không thể không tìm đến công an đường thủy nhờ hỗ trợ. Vào thập niên năm mươi, người ta không còn gọi là đội cảnh sát đường

thủy năm sông mà đổi tên thành công an đường thủy. Trên thực tế, công an đường thủy nơi Quách sư phụ công tác hoàn toàn giống như đội tìm kiếm xác chết thời nhà Thanh hơn trăm năm trước. Chỉ có điều, sau giải phóng họ không còn quản lý nghĩa trang nữa, nhưng người địa phương vẫn gọi bọn họ là đội vớt xác theo thói quen. Họ chỉ phụ trách vớt xác chết trôi và tìm hung khí dưới sông, chưa bao giờ tham gia phá án, việc xảy ra trên bờ không đến lượt bọn họ nhúng tay vào. Nhưng trước giải phóng, Quách sư phụ dựa vào công việc đó mà kiếm cơm ăn, người bình thường không thể nào có được kinh nghiệm phong phú như vậy. Lần này, chỉ vì muốn phá vụ án quỷ nước hoành hành dưới sông, liên quan đến những điều quái lạ mà đến trong mơ cũng chưa từng thấy nên họ mới tìm tới ông ta.

Tháng tám năm 1953, quỷ nước dưới dòng Hải Hà còn chưa thấy đâu, gần cầu đường sắt lại xảy ra tai nạn chết người. Vào năm đó, nội thành Thiên Tân đã xảy ra vài vụ án khiến người ta nghe thấy mà kinh sợ, đầu tiên là trạm điện đài ngầm dưới sông, hai là bom người, tôi sẽ lần lượt nói đến từng vụ một.

Kể chuyện phải có đầu có cuối, trước tiên sẽ nói về trạm điện đài ngầm dưới sông. Nằm cách cầu đường sắt không xa là nhà ga Lão Long Đầu, còn được gọi là nhà ga phía đông, được khởi công xây dựng vào đời nhà Thanh, cùng một lúc với ba nhà ga tây nam bắc. Trong số đó, nhà ga phía đông là lớn nhất, là đầu mối giao thông quan trọng vận chuyển hàng hóa và hành khách. Nhà ga này có vài tuyến đường ray, một trong số đó chạy qua cầu đường sắt bắc qua dòng Hải Hà; Phía đông là kho hàng bị bỏ hoang của nhà ga cũ, phía tây là khu vực sau nhà máy quân nhu mà người công nhân trẻ đã chết đuối. Dưới gầm hai bên vai cầu cổ hoang mọc um tùm, mùa hè rất lắm muỗi, khu vực quanh đó không có người ở, cứ đến đêm là hầu như không còn ai đến nơi này.

Vai cầu là cách người địa phương gọi chỗ hai đầu cầu tiếp giáp với bờ sông. Trước kia, cây cầu đường sắt do người Bỉ chịu trách nhiệm thiết kế và thi công, đến khi quân Nhật chiếm giữ đã từng gia cố bằng xi-măng cốt thép, vô cùng chắc chắn. Nước sông dưới chân cầu rất sâu. Có một công nhân đường sắt trực ca đêm, người nhà đã sai đứa con mang cơm cho anh ta. Sau khi đưa cơm cho bố xong, đứa trẻ choai choai mười một hai tuổi đã tới khu đất trống đằng sau cái xưởng hàng bỏ hoang để bắt cóc chơi, nhưng nó có đi mà không có về. Ngày hôm sau, người đi đường phát hiện ra nó đã biến thành xác chết trôi sông, có lẽ là đêm hôm qua nó đã xuống sông tắm và chết đuối. Người nhà than trời trách đất kêu khóc, đứa nhỏ này không biết bơi, lại sợ nước, trời có nóng đến mấy cũng không có khả năng xuống sông bơi lội, vô duyên vô cớ tại làm sao lại chết đuối dưới sông?

Bởi vì cách đó vài ngày, cũng ngay tại chỗ đó đã có một công nhân nhà máy quân nhu bị chết đuối, cho nên đã rộ lên đủ các loại lời đồn, tất cả đều bảo rằng dưới con sông này có ma chết đuối bắt người thể thân, muôn hình vạn trạng đủ mọi cách nói. Cái hôm vớt thi thể lên, Quách sư phụ cũng có mặt ở đó. Lão Lương hỏi ông ta nhìn nhận thế nào. Quách sư phụ nói, đứa nhỏ này rõ ràng vẫn còn mặc quần áo trên người. Vào đêm hôm khuya khoắt, những thằng nhóc choai choai như nó xuống sông bơi lội thì đứa nào cũng sẽ cỏi chuồng. Nếu còn mặc nguyên quần áo, vậy thì rõ ràng nó không có ý định xuống nước, chắc là khi nó vừa đến bên bờ thì đã bị thứ gì đó kéo xuống sông mà chết đuối.

Sáu

Tối hôm đó, Quách sư phụ dẫn Đinh Mão bắt đầu ở bắt đầu ngồi lì ở dưới gầm vai cầu đường sắt để canh chừng. Ban đêm, họ trốn trong đám cỏ hoang um tùm mọc uối đốt, quả thực là cực hình mà không phải ai cũng chịu đựng được. Nhưng đến khi trời đã tối đen, ngay cả một bóng ma cũng không thấy, mà chỉ có muôn ngàn vì sao và ánh trăng phản chiếu lấp lóa trên dòng nước mênh mông, bốn phía yên lặng như tờ. Ban ngày hai người họ còn phải làm việc, khi đêm đến lại ngồi lì trong đám cỏ hoang rậm rạp. Khu đất hoang bao giờ cũng có nhiều muỗi, nhất là loại muỗi biển có độc. Chữ “Biển” ở đây cũng là thổ ngữ của người địa phương, mang hàm ý chín bỏ làm mười, muỗi biển chỉ có nghĩa là loại muỗi to ở những khu đất hoang mà thôi. Thân hình chúng có vằn đen trắng, cánh đỏ như nhuộm máu đào, cứ gặp người là đốt đến lúc chết mới thôi.

Ng.uồ.n .tù. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Bị chúng cắn một phát, sưng vài ngày không tan, họ đành phải mặc nhiều quần áo, che kín mặt mũi. Cũng còn may là khu đất hoang cạnh bờ sông cứ đến nửa đêm là rất mát mẻ, miễn cưỡng có thể kiên trì, đau khổ đợi đến hừng đông. Trên mặt sông vẫn luôn vắng lặng, không có bất cứ thứ gì xuất hiện. Nếu đổi lại là người khác, một ngày có lẽ cũng không chịu nổi, nhưng hai người Quách sư phụ vẫn cứ phải cắn răng tiếp tục. Sau khi kiên trì đến nửa đêm ngày thứ ba, họ đã thấy

thứ gì đó từ dưới sông nổi lên.

Ngày hôm đó trời mưa, hạt mưa rơi với mật độ rất dày. Sau khi tan ca, Quách sư phụ và Đinh Mão đợi đến lúc trời bắt đầu tối mới tiếp tục đến kho hàng ở cầu đường sắt để ngồi im như tượng canh chừng. Họ dựng ngược xe đạp lại, mặc thêm áo mưa ngồi lì trong đám cỏ hoang rậm rạp. Trời mưa nên không phải chịu khổ vì muỗi đốt, nhưng vào tam phục thiên lại còn trùm áo mưa vừa kín vừa dày hết sức bí bách, da toàn thân nổi mẩn, ngứa không tài nào chịu nổi, nhưng không dám gãi vì sợ lộ. Họ vừa phải trốn trong đám cỏ ngái mọc um tùm ướt sũng nước, lại vừa phải căng mắt ra mà nhìn chăm chăm vào mặt sông. Nếu có ánh trăng thì không nói làm gì, không may trời âm u, trong đêm khuya chỉ cách có một đoạn đã không còn nhìn thấy gì. Đã thế lại còn không dám hút thuốc cho đỡ buồn ngủ, họ cứ như vậy mà chịu đựng giống như chim ưng rình mồi.

Theo ý kiến của Đinh Mão, không cần thiết cả hai người phải cùng có mặt để cùng chịu cực hình, có thể thay phiên nhau mỗi người canh chừng một ngày. Nếu cứ tiếp tục căng mắt nhìn chăm chăm cả đêm, phơi mình ngoài bờ sông chịu cực hình oi bức muỗi đốt ẩm ướt, ban ngày lại phải đi trực ban, cứ như vậy thì không ai có thể chịu đựng được. Quách sư phụ lại không nghĩ như vậy. Dưới chân cầu đường sắt xảy ra sự việc thủy quái bắt người, liên tiếp lấy đi tính mạng của hai con người, lại toàn xảy ra giữa đêm hôm khuya khoắt, đã chứng tỏ có điều quái gở. Ông ta lo lắng một mình Đinh Mão ngồi canh chừng không ổn. Hai người cùng có mặt nhìn không rời mắt, có thể thay ca cho nhau một lát, tránh bỏ sót bất cứ động tĩnh gì trên mặt sông. Không may có chuyện gì xảy ra, hai anh em cũng có thể giúp đỡ lẫn nhau. Đừng thấy khổ cực như vậy mà lầm tưởng, ngay cả nửa câu oán hận ông ta cũng không có. Không phải bản thân có giác ngộ rất cao, mà là vì khi đó ông ta chỉ đau đầu một ý nghĩ trong đầu, nếu như trên dòng Hải Hà xảy ra án mạng, công an đường thủy đương nhiên phải có trách nhiệm. Ăn chén cơm công việc nào phải chịu khổ sai của công việc đó, chẳng phải là điều thiên kinh địa nghĩa hay sao?

Đợi đến lúc nửa đêm, mưa đã tạnh, bầu trời bắt đầu lờ mờ ánh trăng. Ngay sau đó, lũ muỗi bắt đầu hoạt động. Bên bờ sông muỗi nhiều không kể xiết, bởi vì chúng dễ trúng dưới nước, nếu như cầm đèn pin chiếu vào là có thể nhìn thấy vô số đám muỗi tụ thành từng đám mây đen lượn theo vòng tròn làm mờ cả ánh trăng. Toàn bộ đều là muỗi to sống trong vùng đất hoang, cắn vào người sẽ để lại một vết sưng tấy, chuyên truyền bệnh sốt rét và ký sinh trùng cho con người. Hai anh em đã có kinh nghiệm, một là che chắn kín mít, hai là mỗi người cầm theo một củ tỏi. Mỗi khi bị muỗi chích, lập tức dùng tỏi bôi lên chỗ ngứa, tuy chỉ phương thuốc dân gian nhưng lại có tác dụng cực tốt. Nhưng, dù đã làm như vậy họ vẫn không thoát khỏi cái vòi của lũ muỗi độc ác trong đám cỏ ven sông. Đến nửa đêm, thân thể Đinh Mão lạnh run từng cơn. Y bảo với Quách sư phụ là muốn đi ngoài. Lúc ấy, hai người họ đang trốn ở bờ sông chỗ vai cầu, từ trên cao nhìn chăm chăm xuống dòng Hải Hà. Nói xong, Đinh Mão vừa định đứng dậy thì nhìn thấy trên mặt sông có người. Kẻ đó chỉ lộ ra cái đầu, nhấp nhô trên mặt nước nguyên một chỗ, giống như là đang bơi lặn.

Thiên Tân vệ có bốn mùa rõ rệt, mùa đông lạnh chết cứng, mùa hè nóng chết bức. Tháng bảy tháng tám năm nào cũng có vô số người xuống dòng Hải Hà tắm sông, bắt chắp những nơi bơi lội tương đối an toàn không nhiều lắm, bởi vì đoạn sông này đa phần là có hồ ngầm dưới đáy, trong hồ toàn là bùn nhão rong rêu quần chân, lọt xuống đó là không ngoi lên nổi. Những khúc sông thực sự an toàn ọi người bơi lội thì chỉ có mấy chỗ mà thôi, bên dưới cầu đường sắt là nơi tuyệt đối không thích hợp. Nơi đây sông sâu nước xiết, rong rêu lại dày đặc, rất hiếm người đến chỗ này bơi lội, huống chi lại là nửa đêm khuya khoắt như thế này. Nhìn kỹ lại, người kia vẫn nhấp nhô theo sóng nước, nhưng thân thể vẫn ở nguyên một chỗ, không giống như đang bơi lội vào buổi tối, mà giống một xác chết trôi sông hơn.

Hai anh em đã làm bạn với xác chết trôi trên dòng Hải Hà hơn mười năm, từ lâu đã không còn giật mình khi nhìn thấy cảnh tượng đó nữa. Bụng Đinh Mão lập tức hết đau, gãi và Quách sư phụ lao ra khỏi bụi cỏ, nhảy ùm xuống sông túm lấy cái xác chết trôi đó. Bầu trời tối đen không nhìn thấy rõ, họ vừa chạm vào đã cảm thấy không đúng, đó chỉ là một cái đầu người, không có thân thể, trọng lượng lại quá nhẹ. Sờ nắn lại lần nữa mới ngó ra đó chỉ là nửa cái vỏ dưa hấu, trôi dạt trên sông giữa nửa đêm, mới nhìn qua thì thấy giống đầu người chết trôi. Đinh Mão buột miệng chửi không may, rồi tiện tay ném cái vỏ dưa hấu lên trên bờ sông. Hai anh em đang định bơi vào bờ thì nhìn thấy chỗ mặt nước ở sát chân cầu đột nhiên có một cái đầu to bự nổi lên, gương mặt hằn lên những vết xanh đỏ, rõ ràng là một xác chết trôi đã phân hủy dưới sông.

Bảy

Đang ở dưới sông, Quách sư phụ và Đinh Mão nhìn thấy một thứ như vậy, kinh hoàng không kêu được thành tiếng. Con ma chết đuối nổi lên mặt sông bất chợt thấy có người, cũng ngẩn ra như họ, rồi tức khắc lặn luôn xuống nước. Quách sư phụ và Đinh Mão thầm nghĩ: “Mùa hè đúng là vừa hết mưa đã oi bức được ngay, cho nên con ma chết đuối dưới dòng Hải Hà mới ngoi lên mặt nước đổi gió, chờ đã vài ngày mới gặp được cái giống này, không thể để nó chạy thoát được.” Hai người ra hiệu với nhau, rồi đồng thời cũng lặn xuống sông đuổi theo. Họ mang theo đèn pin không thắp nước theo người, bật lên chiếu sáng dưới nước. Vừa bật đèn lên đã thấy cái giống kia đang lặn sâu xuống đáy chạy trốn, đồng thời giữa đám bùn đen đầy rong rêu đen xì dưới đáy sông hình như còn có một cái cửa động.

Kỹ năng bơi lặn của Quách sư phụ và Đinh Mão, đương thời không tìm đâu ra người thứ ba có thể sánh vai với họ. Không cho con ma chết đuối kịp chui vào trong cái động dưới đáy sông, họ bắt nó lại lòi lên bờ sông xem xét. Hóa ra là một gã đàn ông nhỏ bé gầy gò, mặc đồ lặn, đeo mặt nạ quý, đã sặc nước đến mức nửa sống nửa chết. Công an viên chạy đến, vụ án ma chết đuối dưới dòng Hải Hà coi như được tuyên cáo đã bị phá. Thì ra bên trong cái trụ xi măng chính giữa cầu đường sắt có một gian phòng bí mật. Cây cầu này, lúc ban đầu là do người Bỉ phụ trách thiết kế và xây dựng, bắc ngang qua dòng Hải Hà. Đến khi quân Nhật xâm lược, nó đã được cải tạo lại. Họ khoét rỗng trụ cầu, lưu lại lỗ châu mai, tương đương với một cái lô-cốt, đóng vai trò là một cái công sự phòng ngự. Trước khi đầu hàng vô điều kiện, người Nhật Bản đã bịt kín cửa vào và lỗ châu mai của cái lô cốt trong trụ cầu này. Sau giải phóng, có một tên gián điệp phá một cái cửa động dưới đáy sông, lợi dụng căn phòng bí mật trong trụ cầu để đặt điện đài, chất nổ và vũ khí. Căn phòng bí mật đó nằm bên dưới mặt nước, cửa vào cũng ở tận dưới đáy sông, chỉ vịn vịn có hai cái ống sắt ngầm để thông khí. Không một ai có thể nghĩ ra có người lẩn trốn bên trong cây trụ cầu xi măng.

Tên gián điệp lợi dụng truyền thuyết dưới dòng Hải Hà có ma chết đuối, đeo một cái mặt nạ quý Vô Thường mà các gánh hát rong hát biểu diễn lưu động khắp nơi hay dùng, cứ cách vài ngày lại lặn vào trong trụ cầu để phát tin. Hai bên cầu đường sắt không có người ở, nếu chẳng may bị ai bắt gặp, hắn sẽ thè cái lưỡi dài nửa xích ra, quá nửa sẽ tưởng rằng hắn là ma chết đuối dưới dòng Hải Hà, nếu không sợ mất mật bỏ chạy thì cũng sẽ sợ tới mức mất đi năng lực phản ứng. Người công nhân trẻ xuống sông bơi lội vài ngày trước, kể cả đứa bé đưa cơm kia, bởi vì đã bắt gặp hắn lặn xuống sông phát tin, nên đã bị hắn kéo xuống sông chìm chết. Trong vòng vài ngày liên tiếp hại chết hai người, trong lòng hắn thừa hiểu, địa điểm này sẽ bị công an nhìn vào chăm chăm. Nhân lúc còn chưa có ai phát hiện ra căn phòng bí mật bên trong trụ cầu, hắn định tranh thủ gấp rút di chuyển điện đài và thuốc nổ đi nơi khác. Trời đổ mưa, hắn dự tính gần khu vực cầu đường sắt sẽ không có người, không ngờ không may mắn, vừa mới xuống sông thì đã bị công an đường thủy bắt được.

Vụ án điện đài ngầm dưới sông vừa bị phá, tin tức đã đến tai tất cả mọi người. Dân chúng còn nói, trước giải phóng Quách sư phụ đã là “Thần sông”, đến giờ vẫn còn lợi hại như vậy. Chỉ cần ông ta còn ở đây, không có án nào trên dòng Hải Hà là không phá được.

Nhưng Quách sư phụ lại không nghĩ như vậy. Ông ta đã nói với Đinh Mão: “Vị trí hai anh em ta ngồi canh chừng cũng không phải thuận lợi. Tên gián điệp xuống nước từ bên kia sông, phía dưới cây trụ cầu là góc chết, hoàn toàn không thể nhìn thấy hắn, chả hiểu sao lại dẫn như thế. May sao tình cờ có miếng vỏ dừa xuất hiện trên mặt sông mới khiến cho hai anh em ta lầm tưởng là xác chết trôi, vội vàng nhảy xuống sông vớt, vừa đúng lúc bắt gặp tên đặc vụ ló ra khỏi trụ cầu.”

Đinh Mão nói: “Nhị ca anh không nói thẳng em cũng không nghĩ ra. Anh nói là thẳng em hiểu ngay ra quả thực là dẫn, vận lưng đánh rắm – dẫn thối cả người luôn.”

Quách sư phụ triết lý: “Nói tóm lại, trên đời này không có việc gì là may cũng không có việc gì là không may.”

Khi những lời này đến tai đồng chí lão Lương, ông này rất mất hứng, không hề nể nang nói thẳng vào mặt: “Lão Quách, hiện giờ đã là xã hội mới rồi, làm sao còn giữ cái tư tưởng thủ cựu nhân quả báo ứng như thế. Theo như anh nói, cái vỏ dừa hầu là do người chết oan hiện hồn, giúp anh bắt được hung thủ phá án hay sao?”

Quách sư phụ trả lời: “Lương đại nhân, tôi đâu có nhắc đến ma quỷ gì, chỉ nói có một câu không có việc gì là may cũng không có việc gì là không may thôi mà.”

Lão Lương không sao hiểu nổi: “Không có việc gì là may cũng không có việc gì là không may? Nói vậy nghĩa là sao? Rốt cuộc là may hay là không may?”

Quách sư phụ nói: “Anh đấy, cứ thử ngẫm lại kỹ những việc này mà xem, không có gì là may mắn, cũng không có cái gì là không may mắn. Nói cho cùng, tất cả đều do mệnh.” Vụ án trạm điện đài ngầm dưới sông cầu đường sắt vừa mới phá được vài ngày, còn chưa kịp kết án thì trên dòng Hải Hà lại xảy ra một vụ án khác – bom người.

19. Chương 19

Một

Đầu những năm năm mươi, nước Trung Quốc mới vừa mới được thành lập không lâu, xã hội vẫn còn trong thời kỳ quá độ quân quản, công tác phụ trách an ninh do quân đội phụ trách. Mặc dù có cục công an, nhưng phần lớn công an viên điều tra viên đều xuất thân từ quân ngũ. Ví dụ như lão Lương chẳng hạn, ông này cũng trở thành cán bộ theo cách như vậy, cho nên không đủ quen thuộc tình hình pháp án và bắt giam trong nội thành. Khi loáng thoáng nghe thấy vài lời bình luận của người ta về Quách sư phụ, ông này cảm thấy vấn đề đó không hề nhỏ, rất rối rắm tìm Quách sư phụ để nói về chuyện này. Thế nhưng, cách nghĩ của hai người không giống nhau, có nói như thế nào cũng thống nhất được ý kiến.

Lão Lương là người cứng nhắc, liên tục nhấn mạnh, bản án trạm điện đài ngầm dưới sông được phá nhanh chóng như vậy, nguyên nhân tiên quyết là bởi tình hình trong nước sau cách mạng đã bước vào thời kỳ tốt đẹp, tiếp theo là cấp trên lãnh đạo chỉ huy có phương pháp, cuối cùng là cơ quan công an đã dốc hết khả năng làm việc, nhưng tuyệt đối không có một câu nào nhắc đến nguyên nhân mê tín nhân quả báo ứng, còn bảo cái biệt hiệu “Thần sông” này chẳng ra làm sao.

Quách sư phó đâu có muốn người khác gọi mình là “Thần sông”, bởi cứ mỗi lần nhắc tới danh hiệu này là y như rằng lại gặp vận rủi, cứ như là đã ăn vào số mệnh vậy, nhưng làm thế nào để bịt kín được hết miệng cả bàn dân thiên hạ. Không có biện pháp nào giải thích với lão Lương, ông ta đành phải nghe tai nọ lọt tai kia, thầm nhủ: “Ông nói cái gì tôi cũng nghe, đến khi ông nói xong việc tôi tôi làm.”

Khi lão Lương kết thúc bài thuyết giáo đã là hơn bảy giờ tối. Vào mùa hạ, trời tối rất muộn, lúc bảy giờ trời vẫn còn sáng, ăn cơm tối lúc đó là vừa hợp lý. Quách sư phó và Đinh Mão đã ngồi lý canh ở dưới cầu đường sắt liên tiếp vài ngày, đã phải chịu không ít cực hình bởi việc chẳng liên quan gì đến mình, vất vả lắm mới phá được án, định đi ăn một bữa dạ dày bụng coi như là khao thưởng, bởi vậy mới không đến căn tin ăn cơm tập thể. Cái món dạ dày bụng này được làm bằng dạ dày dê, là một món ăn vặt, dân chúng bình dân rất thích ăn, có thể ăn thay cơm. Người ta chế biến dạ dày dê thành các món “Bản đồ, đồ hồ lô, đồ tán đàn, đồ ma cô, đồ nhân”*....., ngoại trừ dạ dày dê tươi ngon, yếu tố quyết định độ ngon của món ăn chỉ dựa vào một chữ “bung”, nếu bung vừa đủ, đã thơm lại giòn. Những ai thưởng thức món dạ dày bụng cũng nên uống một hai lượng rượu.

*Bản đồ: dạ cỏ, Đồ hồ lô: dạ tổ ong, Đồ tán đàn: Dạ lá sách, Đồ ma cô: cuống dạ cỏ, Đồ nhân: vách ngăn.

Hai người họ đạp xe đạp về phía Nam Đại Tự, là một cái nhà thờ Hồi giáo. Sâu trong ngõ hẻm bên cạnh có một quán nhỏ sạch sẽ tới không ngờ, trước giải phóng chuyên bán dạ dày bung và đủ các loại quà vặt khác của người Hồi, ngay cửa ra vào có tấm biển bằng đồng ghi ‘Dạ dày bung họ Phùng’. Hồi đó, trong tiệm chỉ có năm cái bàn hình bán nguyệt, một sư phụ một tiểu nhị quản lý công việc buôn bán. Mặc dù chỉ là một quán ăn nhỏ xíu như vậy nhưng thực ra đã kinh doanh được cả trên trăm năm. Thời mới giải phóng, vật liệu thiếu thốn, đến khi mở cửa kinh doanh lại thì họ chỉ bán có một vài món. Sau khi ngồi xuống gọi hai đĩa dạ dày bung, Đinh Mão hỏi: “Ca ca, hôm nay lão Lương tìm anh nói chuyện gì mà muộn thế?” Quách sư phó đáp: “Những gì ông ấy nói anh chả hiểu một tí gì.” Đinh Mão bảo: “Vậy thì đừng suy nghĩ nhiều, món dạ dày bung hôm nay không tệ, xem ra đói là người ăn cái gì cũng ngon.” Quách sư phó nói: “Dạ dày bung họ Phùng ấy à, chính là cái món này này, năm xưa, người của phủ Khánh Vương ở thành Bắc Kinh lúc nào cũng đặc biệt thích dùng.” Đinh Mão không tin: “Vương gia mà lại đi ăn cái món như thế này?” Quách sư phó vặn lại: “Sao lại không ăn, vậy cậu cho rằng trong vương phủ người ta ăn cái gì?” Đinh Mão đáp: “Em làm gì có tí kiến thức nào về vấn đề này. Nhị ca, anh biết hay sao?” Quách sư phó nói: “Một láng giềng cũ của anh biết Thông Bối Quyền, đã từng làm bảo tiêu hộ viện ở Khánh Vương phủ. Anh đã

từng được anh ta kể cho nghe.” Đinh Mão hết sức tò mò về chủ đề này bèn hỏi: “Ca ca, anh nói cho thẳng em biết một chút, bữa ăn của Vương gia có những món gì?”

Quách sư phó nói: “Người anh em, người trong vương phủ và dân chúng chúng ta ăn uống khác hẳn nhau. Vương gia ăn một ngày năm bữa, sáng dậy trước tiên luyện một bài kiếm, luyện xong đi thay quần áo, đến thư phòng ăn điểm tâm, ví dụ như bánh nướng hình móng ngựa, trái cây muối, mứt trái cây, mì sợi xào giòn, cháo gạo tẻ, bánh bao trắng nhân đường phèn mỡ thịt da heo thái hạt lựu, có món mua ở ngoài, cũng có món trong phủ làm.”

Đinh Mão thốt lên: “Thì ra Vương gia sáng ăn điểm tâm những món này, giữa trưa thì ăn món gì?”

Quách sư phó nói tiếp: “Đến buổi trưa, người ta chỉ dùng bữa đơn giản với mì và cơm, nhưng đến bữa tối cùng ngày lại đổi sang món khác, không thể lặp lại bữa trước, sẽ dùng bữa với sáu đĩa tám chén hai canh, đây là món nóng, ngoài ra còn có bốn món ăn nguội, cật hầm nhân hạt thông, thịt dê bỏ muối tương gì đó, để làm món nhắm rượu. Nhưng cũng có khi chỉ ăn thịt luộc và canh rau thịt. Những khi trời lạnh thì ăn lẩu dê. Đúng bốn giờ chiều, Vương gia sẽ ngủ dậy, cần ăn lót dạ buổi chiều, gồm có chè bột mì, cháo bột, nước đậu xanh, bột nhào nước nóng chưng sủi cảo, cá xông khói, bánh cuộn gừng, bánh quế, bánh quai chèo bọc đường, bánh ga tô, bánh đúc đậu. Nếu không có chuyện gì, ăn vậy là được rồi. Nhưng nếu như trong phủ có bạn bè tình cờ đến chơi, bữa này sẽ phải chú trọng hơn nhiều, ít nhất là hai khô hai ngọt bốn mặn nguội, một chén lớn chè hạt sen đường phèn, bốn đĩa bánh trái theo thứ tự là quả phỉ rang tương, một tẻ nhục*, gà xé phay xào đậu hà lan, rau tam tiên, sau đó lấy bánh ngọt vàng** kẹp lại để ăn.”

*Là món ăn dân dã của Trung Quốc, được liệt vào tám món điển hình của Sơn Đông, được xào hỗn hợp bằng thịt lợn thái miếng, trứng gà và mộc nhĩ.

**Là bánh làm bằng bột kê vàng, xay nhỏ, trộn nước nặn thành hình tròn, hấp chín rồi quét một lớp dầu ăn mỏng bên ngoài.

Đinh Mão than: “Vương gia thực sành ăn! Bữa tối cùng ngày dùng với món gì?”

Quách sư phó nói: “Bữa tối cũng giống như bữa trưa, chỉ khác nhau ở món chính mà thôi. Tầm mười một giờ đêm sẽ ăn bữa ăn khuya, dùng tạm vài món lót dạ, mì hoành thánh, bánh bột mì, dạ dày bung, kẹo tam giác, những món mặn nguội được đặt trong thùng đá để bảo quản. Xong bữa này sẽ đến bữa ăn khuya, gia phó sẽ bưng lên một ly trà thơm ướp cánh hoa còn nóng bỏng, khê nhấp mấy ngụm, có bản tấu thì phê, không có thì đi ngủ. Ngoại trừ món bạo đồ họ Phùng, Khánh Vương gia còn thường xuyên tới quán thịt luộc nồi đất. Thời nhà Thanh, khi tế thần người ta dùng cả gia súc, cho cả con vào trong một cái nồi đất cực lớn để luộc, gọi là thịt tế thần. Vào thời Càn Long, bí quyết này đã truyền đến tay dân chúng. Ở chợ gạch ngói có một vị sư phụ sử dụng nồi đất lớn để luộc thịt. Bởi nồi đất có thể giữ nguyên mùi vị của thịt, hơn nữa, từ quan to hiển quý cho đến người buôn thúng bán mẹt, toàn bộ đều nhất trí cho rằng ăn được một miếng thịt tế thần là phúc khí cả ba đời; Cho nên, quán bán thịt luộc nồi đất này, mỗi ngày làm ra bao nhiêu là bán hết bấy nhiêu. Cả quán chỉ có một vị sư phụ cùng với hai tiểu nhị, ngày nào cũng vậy cứ đến nửa đêm là luộc thịt, sáng sớm mở cửa bán, chưa đến buổi trưa là đã bán sạch cả rồi. Vừa bán xong là lập tức hạ biển hiệu đóng cửa quán, cho nên người ta mới bảo biển hiệu của quán thịt luộc nồi đất là – quá hên không đợi.”

Từ khi toàn quốc giải phóng năm 1949 cho đến bây giờ, Quách sư phó và Đinh Mão đã buộc phải nghỉ làm vàng mã, công việc vớt xác trên dòng Hải Hà lại không có thưởng, cũng chẳng còn có đám tang rình rang nào để mà trà trộn vào thừa cơ ăn uống, hai người thêm ăn đến thất ruột. Vừa nói về cách ăn uống trong vương phủ, hai người vừa tưởng tượng món bạo đồ không thể bình dân hơn được nữa này thành tiệc tám đĩa bốn món mặn nguội. Như thế gọi là biết cách hưởng phúc trong mọi hoàn cảnh, cũng gọi là khổ vì ăn.

Hơn tám giờ tối, bên trong tiệm ăn nhỏ đã có không ít thực khách, nội dung câu chuyện của họ chỉ xoay quanh vụ “Bom người” lúc ấy đang được bàn tán xôn xao khắp đầu đường cuối ngõ.

Hai

Vào thời kỳ ấy, những tin đồn thất thiệt thế này nhiều không đếm xuể. Câu chuyện này đại khái nói thế này, có một cây cầu lớn trên dòng Trường Giang, đêm nào cũng có chiến sĩ giải phóng quân thay phiên canh gác. Có một ngày, vào giữa nửa đêm, một người đàn ông công phụ nữ đang mang thai vội vàng đi lên cầu,

bảo rằng vợ mình sắp sinh, phải mau chóng qua cầu đưa vào bệnh viện. Chiến sĩ giải phóng tốt bụng hỗ trợ, giúp người đàn ông đó công người vợ đang mang thai để nhanh chóng qua cầu. Nhưng chạy đến giữa cầu, anh ta cảm thấy người phụ nữ này không hiểu sao càng lúc càng nặng trình trịch, cũng chẳng hề nói chuyện hay hít thở, trên người lại còn ám mùi thuốc súng. Anh chiến sĩ giải phóng quân đột nhiên tỉnh ngộ, tên gián điệp đã nhét thuốc nổ vào trong bụng cái xác phụ nữ, rồi giả đưa phụ nữ có thai sang bờ bên kia, muốn phá hủy cây cầu lớn này. Thuốc nổ đã sắp nổ tung, anh chiến sĩ giải phóng quân lập tức ôm cái xác phụ nữ nhảy luôn từ trên cầu xuống sông, rớt cục vào lúc nghìn cân treo sợi tóc đã bảo vệ cây cầu an toàn.

Đinh Mão nghe thấy thế phì cười, quay sang bắt chuyện với những người đó: "Mấy vị này, tôi chưa từng thấy nên không biết cây cầu bắc qua sông Trường Giang lớn đến cỡ, nhưng có thể khẳng định Trường Giang rộng hơn dòng Hải Hà của chúng ta rất nhiều, chắc hẳn cây cầu kia cũng phải lớn tương ứng.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Trong bụng một cái xác phụ nữ thì có thể giấu được bao nhiêu thuốc nổ chứ, có thể phá hủy được cây cầu lớn đến thế được không? Hơn nữa, cái anh lính kia chán sống rồi hay sao, nếu phát hiện ra trong bụng xác người phụ nữ chứa đầy thuốc nổ thì cứ lẳng mẹ nó xuống sông là xong chuyện, hà cớ gì còn phải ôm cái xác đó nhảy xuống? Như thế chẳng phải là ngu hết phần người khác hay sao?"

Những người đang ăn dạp dày bung trong quán nhỏ đều đưa nhau tán thành, có một người thích hóng chuyện lên tiếng: "Đinh gia nói đúng điểm mấu chốt rồi, nghe kể chuyện này đã thấy là khoác lác rồi. Theo tôi được biết, vụ bom người căn bản không phải xảy ra trên cầu lớn ở sông Trường Giang, mà thực ra lại phát sinh ở công viên Bắc Hải. Ngày hôm đó vừa đúng dịp Tết, trong công viên có rất nhiều người. Có một cô gái xinh đẹp mặc đồ trắng ngồi trên ghế đá, tóc dài xõa vai, cúi đầu ngồi yên không nhúc nhích, giống như đang ngủ gật. Người qua lại đông như vậy, cô ta vẫn không bị đánh thức. Lúc ấy, có một đứa bé đá quả bóng da trúng đầu, nhưng cô ta vẫn không có phản ứng gì. Đúng lúc đó, có một công an viên trông thấy, cảm thấy có điều khác thường, bèn đi qua lay cô gái mặc đồ trắng đó thì phát hiện ra cô ta đã tắt thở từ bao giờ, trong bụng lại vọng ra tiếng đồng hồ kêu tích tắc. Thì ra nội tạng của xác chết này đã bị người ta moi sạch ra từ trước, sau đó nhồi đầy thuốc nổ mạnh, rồi đặt trong công viên với tư thế đang ngủ gật. May mắn là đã phát hiện kịp thời, bom hẹn giờ còn chưa bị kích nổ. Trong giây phút mảnh chỉ treo chuông, đồng chí công an nhanh trí dốc hết sức lực ném cái xác phụ nữ đó xuống hồ trong công viên, nếu không trong công viên nhiều người như vậy, hậu quả thiết tưởng không thể nào chịu đựng nổi."

Cả một đám đông lời qua tiếng lại, mồm năm miệng mười tranh nhau nói, kẻ nào cũng kể chuyện xoay quanh vấn đề "Bom người", nội dung không khác nhau là bao, đều chỉ là nhồi thuốc nổ vào trong bụng xác phụ nữ. Còn về phần dự định phá hủy cầu lớn hay là công viên, ai cũng gân cổ lên bảo mình đúng, cứ như là được tận mắt nhìn thấy vậy. Ở ngoài đường, những lời đồn đại nhắm nhí không có căn cứ như vậy đều được sinh ra như thế này, không cái nào là ngoại lệ. Quách sư phó nghe những người này kể chuyện tào lao giật gân cả một buổi, cũng coi như có cái để giải buồn. Sau khi nghe chán, ông ta và Đinh Mão đạp xe về nhà. Ông ta bảo Đinh Mão: "Sáng sớm ngày mai cậu phải đi trực, cứ về trước đi ngủ đi, anh vòng qua bên kia mua hai miếng lư đã cắn. Mấy ngày nay, thân thể chị dâu cậu không khỏe, không nuốt trôi được cái gì, anh mua cho cô ấy hai cái lư đã cắn để thay đổi khẩu vị." Đinh Mão nói: "Ca ca vẫn luôn là người thương chị dâu em nhất. Vậy em về trước đây, nửa đêm nửa hôm anh cẩn thận một chút."

Đến ngã tư, hai người tách ra, Quách sư phó đi mua lư đã cắn. Mặc dù tên của món này nghe quái lạ, nhưng thật ra chỉ là bánh bột đậu làm từ đậu nành, cái tên lư đã cắn xuất phát từ cách ví von rất hình tượng. Chính giữa cái bánh này có một cái nhân tròn bọc trong một lớp gạo dẻo, để chính thức thành thành phẩm phải lăn một lúc trên lớp bột đậu nành, giống như một con lừa ở vùng đồng nội lăn qua lăn lại làm bụi bốc mù mịt, cho nên mới có cái tên như vậy. Đến giờ, hầu hết mọi người chỉ quen gọi nó là lư đã cắn, đã quên mất hẳn cái tên nguyên bản bánh đậu xanh thập cẩm của nó. Vị sư phụ làm lư đã cắn bình thường vẫn qua lại với Quách sư phó. Ông ta đến tận nhà vị sư phụ này mua mấy cái bánh, buộc chặt lên ghi đông rồi đạp xe trở về. Nhưng không ai nói trước được thế nào là vô xảo vô bất xảo. Nếu ông ta không đi mua cái món lư đã cắn này thì sẽ không về nhà theo đường vòng; Nếu như không đi theo đường vòng để về nhà, ông ta cũng sẽ không gặp chuyện.

Lại nói tiếp. Buổi tối hôm ấy, tầm giữa mười giờ đến mười một giờ, Quách sư phó đi xe đạp đến cầu vĩnh cửu, nhìn thấy một người đẩy xe xích lô đi theo hướng ngược lại. Người đẩy xích lô tầm bốn mươi tuổi, bầu trời tối đen nên không nhìn rõ mặc quần áo ra sao. Khi còn cách Quách sư phó một quãng, người này

vẫn đều đều đẩy xe xích lô đi rất bình thường. Nhưng khi đến gần ông ta, người này lại đột nhiên lại biến thành găng hết sức lực, miệng mũi thì nhau thở hồng hộc. Quái lạ thật, một không lên dốc, hai không lọt hố, nhưng mặc cho hần gồ lưng căng rắng dồn sức, có bao nhiêu sức lực đều dốc ra cho bằng hết, làm cách nào cái xe xích lô cũng không chịu chuyển bánh. Nếu nói theo cách mê tín – lúc ấy giống như có quỷ ở đằng sau ghì chân.

Ba

Vào thời Ung Chính nhà Thanh, bên ngoài cửa Đông, trên dòng Hải Hà có một cây cầu tên là Đông Phù. Đến những năm cuối nhà Thanh, nó được xây dựng thành cầu rầm thép vĩnh cửu, trụ cầu được xây bằng xi-măng cốt thép, trên cầu còn có cả đường ray cho tàu điện chạy qua. Mỗi khi trên dòng Hải Hà có thuyền lớn chạy qua, cây cầu thép có khả năng chuyển động thông qua bộ phận truyền dẫn chạy bằng điện. Toàn bộ cây cầu chắc chắn vô cùng, phòng thủ kiên cố, được gọi là cầu vĩnh cửu. Năm 1947, gặp phải một trận hạn hán lớn nhất trong vòng cả vài chục năm, cả một đoạn sông Hải Hà dưới chân cầu vĩnh cửu đã trở ra tận đáy. Chính phủ tổ chức dân phu nạo vét bùn đất dưới lòng sông, kết quả đào lên hai cái thùng sắt tây. Khi người ta mở ra xem xét, bên trong thùng sắt có chứa xác chết. Thân thể nạn nhân đã bị cắt thành tám khúc, chia ra bỏ vào hai cái thùng sắt, nhấn chìm xuống đáy sông để hủy thi diệt tích. Cảnh sát lần theo manh mối là cái thùng sắt và quần áo của xác chết để truy tìm, đến cuối cùng đã phá được vụ án mạng xảy ra từ mười mấy năm trước. Nếu không có trận hạn hán nghiêm trọng trăm năm khó gặp khiến cho dòng Hải Hà trở tận đáy đó, thì vĩnh viễn không ai có thể phát hiện hai cái thùng vỏ sắt tây đựng xác người bị cắt khúc này. Ai cũng bảo, trời giáng đại hạn mới khiến cho oan tình của ma quỷ chết oan khuất dưới đáy sông có thể phơi bày ra ánh sáng như thế. Một bản án oan khuất đến ông trời cũng phải động lòng trắc ẩn như vậy, Quách sư phó đã từng được tận mắt chứng kiến. Mỗi lần đi ngang qua cây cầu vĩnh cửu, ông ta lại nhớ đến nó.

Đầu những năm năm mươi, không giống như bây giờ đèn đường thấp sáng cả đêm, cứ đến tầm mười một giờ đêm là đèn trên cây cầu vĩnh cửu đã tắt hết, ánh trăng mờ ảo cây cầu lại rộng. Người kia đẩy chiếc xích lô theo chiều ngược lại đến chính giữa cây cầu thì đột nhiên chiếc xe đứng khựng lại không sao đẩy đi được nữa.

Quách sư phó nhìn thấy đối phương đã cố hết sức mà không được, xuất phát từ lòng nhiệt tình thích xía mũi vào chuyện người khác, ông ta bèn lên tiếng hỏi: “Có cần giúp đỡ không?” Vừa nghe thấy ông ta cất tiếng hỏi, người nọ lập tức vứt xe xích lô lại bỏ chạy. Quách sư phó vừa mới định đuổi theo, chợt phát hiện ra trên chiếc xích lô có một đồng gì đó được phủ kín mít bằng chiếu, tỏa ra mùi máu tanh nồng nặc, kéo theo rất nhiều ruồi ong ong bay loạn.

Ông ta giật mình kinh hãi, suy đoán bên dưới cái chiếu là tử thi, bèn vạch ra xem xét thì lại hóa ra là xác mấy con chó. Ông ta thầm nghĩ, thế này có vấn đề gì đâu, dùng xe xích lô chở chó chết, sao lại phải sợ người khác bắt gặp? Ông ta vạch hần cái chiếu ra thì thấy bụng mấy con chó phình to, vừa sờ tay vào đã cảm thấy cứng ngắc, hiển nhiên là có thứ gì đó nhét chặt cứng ở bên trong. Ông ta lập tức nhớ tới chuyện bom người đã được nghe kể trong quán bạo đồ, thế này là định phá sập cây cầu hay sao?

Lúc ấy có bộ đội tuần tra đi ngang qua, Quách sư phó gọi số binh lính đó qua hỗ trợ, vội vàng di chuyển mấy cái xác chó có chứa chất nổ trong bụng đi chỗ khác. Nhưng rốt cục phát hiện ra trong bụng xác chó không có thuốc nổ, mà được nhồi chặt nhựa cây anh túc, dùng để làm thuốc phiện đen. Họ lần theo manh mối, phá được một vụ án. Trước giải phóng có một kẻ bán than, vào thời điểm giải phóng quân đánh Thiên Tân, thừa dịp pháo bắn dồn dập, hần cạy cửa một nhà thuốc ở trên phố. Vào trong lục soát không tìm được tiền, hần chỉ trộm được mấy rương nhựa anh túc. Mấy năm vừa qua, hần vẫn chôn chặt số nhựa đó ở đằng sau nhà mình rồi đến vùng nông thôn tìm người mua. Nhựa anh túc có thể làm giảm đau nhức, ví dụ như loại bệnh nan y ung thư xương chẳng hạn, người bệnh đau đến mức chỉ muốn chết ngay mà không được, cần nhựa anh túc để giảm đau đớn. Một vài lang trung ở nông thôn nghe nói tên bán than có hàng, đồng ý bỏ tiền ra mua. Nhưng nhựa anh túc là hàng cấm, khôn nổi không thể nào mang ra khỏi thành. Ngày hôm đó, tên bán than nghĩ ra một biện pháp. Hần đánh bầy mấy con chó hoang, siết cổ chúng rồi moi nội tạng ra, nhét nhựa anh túc vào trong bụng. Gã chất lên xích lô đẩy đi, giả dạng làm người đưa thịt chó cho nhà hàng, định nhân lúc trời tối đen đánh lén con đen vượt qua chốt kiểm tra chở về vùng nông thôn. Chẳng ngờ, khi qua cầu dây xích xe xích lô bị kẹt cứng, vừa nghe thấy Quách sư phó hỏi mình một câu có cần giúp hay không, người nọ tức thì chột dạ khiếp đảm, vứt xích lô lại bỏ chạy, nếu không thì đâu đến nỗi bị người

ta phát hiện ra. Nhưng tên bán than này không chỉ ăn trộm và vận chuyển nhựa anh túc, trên người không ngờ lại còn gánh cả án liên quan đến mạng người.

Khi công an viên đến sau nhà tên bán than để đào số nhựa anh túc còn lại lên, có hàng xóm ở bên cạnh chạy đến tố giác, bảo rằng cặp đôi bán than này sống trong một gian phòng nhỏ, căn phòng lại nằm trong một ngõ cụt rất vắng vẻ. Ở cái khu Niêm Ngự Oa này, cư dân đa phần là người làm việc tay chân dưới tầng chót của xã hội, do đó gia cảnh của tên bán than rất khốn khó, bởi nếu có tiền cũng chẳng cần phải kéo xe than đi bán làm gì, quần áo trên người vá chằng vá đụp, nhưng lại thường xuyên ăn thịt hầm cách thủy, cách cả nửa con hẻm cũng có thể ngửi thấy mùi thịt thơm lừng từ trong nhà bọn chúng bay ra.

Toàn bộ những gia đình trong khu vực đó đều là hộ dân nghèo, cùng quần đến nỗi ngay cả cháo loãng cũng không có mà húp. Nhà khá khẩm nhất trong khu Niêm Ngự Oa thì phải cũng đến ngày lễ ngày tết mới dành dụm đủ tiền mua một miếng thịt cỡ đầu ngón tay, hoặc là loại xương đã róc hết thịt rẻ như bèo. Mua về xong cả nhà ngồi làm một bữa sủi cảo, bởi vậy họ đặc biệt miễn cảm đối với mùi thơm của thịt hầm cách thủy. Mọi người ai cũng như có gai ở trong lòng, một kẻ bán sức kéo than bán, một tháng có thể kiếm được mấy hào, làm sao có đủ tiền ăn thịt hầm cách thủy, hơn nữa lại còn đến nửa đêm mới hầm?

Bốn

Hàng xóm láng giềng nghe nói tên bán than đá hay bầy chó hoang, nên vô đoán món hầm cách thủy đó được chế biến từ thịt chó, sợ họ bắt gặp đòi chia phần nên bọn họ mới lén lút như thế. Toàn bộ xóm láng quen thuộc vẫn canh cánh nghi vấn này trong lòng. Nhưng mãi cho đến khi công an viên đến nhà tên bán than đá thu hồi tang vật thuốc phiện sống, có mấy người hàng xóm tọc mạch mới nhảy ra tố giác. Công an cảm thấy việc này kỳ quặc, bèn trở về thẩm vấn cặp vợ chồng bán than đá. Vừa thẩm vấn cả hai đã khai báo toàn bộ.

Thì ra trước giải phóng, đôi vợ chồng này đã ăn thịt người. Khi ấy, công việc bán than đá vừa bán lại vừa nặng nhọc, có thể khiến cho người ta lao lực đến thổ huyết. “Kéo xe than, quấy mạch nha, xay đậu hũ” được gọi chung là Tam đại khổ, trong đó kéo xe than đi bán chiếm vị trí đầu tiên. Chỉ cần có công việc lao động chân tay khác, chẳng ai lại đi chọn cái nghề này, bởi không những phải kéo xe đi bán than đá, kéo đến chỗ mua còn phải công từng giỏ than một xếp gọn gàng vào tận nơi người ta chỉ định. Cả ngày ăn rau húp cháo, trong bụng làm gì có chất, chẳng biết một ngày nào đó tối sầm mặt mũi đầm đầu ngã sắp mặt xuống đất, coi như cái mạng đã ô hô ai tai. Có một năm xảy ra nạn đói khủng khiếp. Ở vùng nông thôn ngay cả vỏ cây cũng bị người ta gặm sạch sẽ, muốn bầy chó hoang cũng không còn con nào mà bầy, tên bán than đã đói đến mức vàng cả mắt. Có một hôm, hần đi ngang qua Chuyển Tử Phòng, cách Niêm Ngự Oa không xa, cả hai đều nằm trong vùng Khiêm Đắc Trang. Trước kia có một bài vè, lời của nó thế này “Khênh quan tài, nhật xỉ than, người nghèo thà gánh muối đi bán; Kéo bè mả, khiêng vật nặng, thà rằng khiêng Hà bá; Khiêm Đức Trang, dạo một vòng, đào đầu cũng có đồ ăn được; Niêm Ngự Oa, Chuyển Tử Phòng, ồ lưu manh mẹ mìn hại người; Bột bắp ngô, cao lương cứng, nuốt không trôi, dùng côn đâm; Muốn hút thuốc, có mặt cưa, muốn uống nước, có sông thối”.

Lời bài vè miêu tả rất sinh động, đủ để tưởng tượng ra cảnh tượng cùng khổ của cả khu vực Niêm Ngự Oa và Chuyển Tử Phòng, nhất là khu Chuyển Tử Phòng. Khu đó chỉ có vài con hẻm nhỏ khép kín, phòng ốc quá nửa là thấp bé đơn sơ. Riêng cái khu được gọi là ổ lừa đảo trộm bắt cóc hại người thì cư dân của nó đều là dân giang hồ, có rất nhiều kẻ buôn người cũng sống ở nơi đó. Thường ngày, bọn chúng đi khắp nơi bắt cóc người mang về đây. Trẻ em thì bán cho gánh hát, phụ nữ thì bán vào kỹ viện, tất cả các vụ mua bán đều giao dịch ở Chuyển Tử Phòng. Khi đi ngang qua khu đó, tên bán than đá gặp một phụ nữ vùng nông thôn đang định bán con của mình. Đứa nhỏ này thanh tú khác thường, cũng rất trắng trẻo sạch sẽ. Gặp phải năm mất mùa đói kém đến mức không còn đường mà sống, cô ta mới định bẻ con vào trong nội thành bán ột một gánh hát nổi danh học diễn kịch. Như vậy không những có đường sống, có khi sau này có lẽ còn có cơ hội ngoi lên. Người phụ nữ nông thôn đó chưa từng vào nội thành, nghe người ta bảo muốn bán con thì phải đến Chuyển Tử Phòng. Chị ta vừa đi vừa hỏi đường lần mò đến. Khi gần đến nơi, chị ta đói lả người không đi được nữa, ngồi tạm ở ven đường nghỉ chân. Tên bán than đá nảy sinh ý đồ đen tối, hần làm ra vẻ hảo tâm, bảo là thấy đứa bé đáng thương, muốn dẫn nó đi ăn chút gì đó. Chị nông dân cứ tưởng là thật, mới để cho đứa bé đi cùng với hần. Tên bán than đá dẫn đứa bé đến một chỗ vắng vẻ, quơ lấy cái cuốc đào than, vung lên thẳng tay hạ gục đứa bé kia. Sau đó, hần bọc kín thi thể ném lên chiếc xe xích lô chở than đá, lại còn dùng vụn than đá vùi kín mít. Kéo xe về đến nhà, hần bảo với vợ là mình đã

nhặt được xác một đứa bé ở giữa đường. Sau đó, hắn rửa sạch tro than trên người đứa trẻ, chặt đầu và tay chân vứt đi, nửa đêm nhóm bếp, dùng da thịt xương cốt nội tạng làm món hầm cách thủy. Vợ tên bán than đứng bên cạnh xem, sợ tới mức không còn hồn vía, đói chết cũng không dám ăn thịt người. Nhưng đến khi ngửi thấy mùi thịt, ả chẳng còn thấy sợ hãi gì nữa, không ngờ tới thịt người lại thơm như vậy. Đêm hôm đó, hai kẻ này đã ăn sạch sẽ thịt đứa bé, cứ tưởng lúc ấy hàng xóm láng giềng đã đi ngủ cả rồi, làm sao biết được mùi thịt lại bay ra xa như vậy, những người sống xung quanh người nào người nấy đều ngửi thấy không sót một ai. Nghe người ta kể lại, người phụ nữ nông thôn kia ít kiến thức, khi phát hiện ra con mình đã bị kẻ khác bắt cóc, nhưng một phụ nữ ở nông thôn thì đâu biết cái gì, cũng không biết đường mà kêu oan báo án, nhất thời nghĩ quẩn, nhảy cầu biến thành xác trôi sông.

Cái gì cũng vậy, đã có lần đầu tiên sẽ có lần thứ hai. Kể từ sau khi thực hiện hành động man rợ đó một lần, về sau cứ đến khi đói đến mức không chịu đựng nổi, cặp vợ chồng tên bán than đã lại đi ra ngoài bắt cóc trẻ em, nhưng không dám gây án ở gần, mà chỉ hoạt động ở vùng ngoại thành. Chúng ăn thịt người riết nghiện thành bệnh, không phải năm xảy ra nạn đói cũng cảm thấy bứt rứt khi không được ăn thịt người. Chúng dùng chiếc xe xích lô che mắt mọi người để chở trẻ con về nhà ăn thịt. Những năm vừa qua, chẳng thể nào biết cặp đôi này đã ăn thịt bao nhiêu đứa trẻ. Toàn bộ đầu tóc quần áo được chúng chôn ngay dưới nền phòng. Công an đào nền đất lên là tìm thấy ngay. Những người sống ở khu vực này không ai là không kinh sợ, không ngờ tới lại khai ra một vụ trọng án nghe rợn cả người đến như thế. Về sau, cặp vợ chồng tên bán than đã đều bị phán tử hình bằng hình thức xử bắn, ả cũng là hình phạt thích đáng dành cho hai kẻ này.

Vụ án bị phá vào năm 1953, tình tiết thực sự trên cơ bản là như vậy. Nhưng cũng giống như mọi chuyện khác, cứ truyền từ người nọ sang người kia là tam sao thất bản, chưa được vài ngày đã bị thổi phồng lên quá đáng rồi. Đầu đường cuối ngõ đâu đâu cũng bàn tán Quách sư phụ đã phá vụ án bom người, nói rằng bên trên chiếc xe xích lô có giấu mấy cái xác trẻ con, bên trong cái nào cũng chứa đầy thuốc nổ định phá sập chiếc cầu lớn trên dòng Hải Hà, nhưng đã bị ông ta bắt ngay tại trận. Sau giải phóng, vốn dĩ đã không còn người nào nhắc đến hai từ “Thần sông” nữa rồi, nhưng chỉ trong vòng vài ngày, ông ta đã phá liền hai vụ trọng án trạm điện đài ngầm dưới sông và bom người. Bởi vậy, biệt hiệu “Thần sông” lại truyền đi khắp nơi. Quách sư phụ tự biết trong lòng là không hay, bản thân lại sắp gặp phải vận rủi.

Năm

Về phần vấn đề tại sao khi ở trên cầu vĩnh cửu vào cái đêm ngày hôm đó, xe xích lô lại đột nhiên lại không sao đẩy đi nổi, cho tới tận bây giờ cũng không có lời giải thích hợp lý cho chuyện gì đã xảy ra. Đa phần dân chúng đều có cùng một cách nhìn nhận, chiếc xe xích lô của tên bán than đã đã lén lút chôn giấu quá nhiều trẻ con chết oan, đến ngay cả ông trời cũng thấy chướng mắt, chắc hẳn là đã sai quấy nín xe lại, nhờ Thần sông Quách Đắc Hữu thay cho người chết oan khuất giải oan báo thù. Nếu không phải như vậy, tại sao người khác lại không gặp phải những việc như thế này, mà cứ khơi khơi dồn hết cả vào ông ta? Mặc dù công an đương thủy rất hiếm khi tham gia phá án, nhưng công việc phá án và bắt giam mấy vụ án vào mùa hè năm 1953, hoặc nhiều hoặc ít đều có liên quan đến Quách sư phụ.

Hai vụ trọng án trạm điện đài ngầm dưới sông và bom người bị phá chưa được bao lâu, Quách sư phụ lại cứu được vài người ngã xuống sông Hải Hà. Vài ngày sau, lão Lương đến nhà nói chuyện, với ý định giúp ông ta lĩnh công.

Quách sư phụ tự hiểu có một số câu không thể nói ra, đề phòng nói dai thành nói đại, cho nên ngay từ ban đầu lão Lương hỏi một câu ông ta mới trả lời một câu. Nhưng về sau, lão Lương nêu một câu hỏi khiến cho ông ta không sao trốn tránh được. Ông này hỏi một câu vì sao dân chúng lại luôn tặng biệt hiệu cho đội trưởng đội tuần sông là “Thần sông” ?

Quách sư phụ không còn cách từ chối, đành phải trả lời: “Những năm về trước, những vị sư phó của đội tuần sông sẽ xem thuốc lá để xác định có chết oan không. Mỗi khi vớt được xác chết trôi, trước tiên họ sẽ ở bên bờ sông châm một điếu thuốc, không cần xem tử thi, chỉ nhìn điếu thuốc đó cháy như thế nào là có thể biết được có oan tình gì hay không. Nguyên nhân nạn nhân chết là do đột tử hay là chết oan, toàn bộ có thể biết được khi nhìn vào khói và tàn thuốc. Phương pháp xem thuốc lá rất thần bí, năm xưa đã không có mấy người biết xem, đến giờ thì đã chẳng còn ai biết nữa rồi. Trước kia, vị sư phụ già trong đội tuần sông còn biết cả gọi hồn. Ví dụ như có người ngã xuống sông chết đuối, nhưng tử thi vẫn không nổi lên, đội vớt xác lặn xuống tìm kiếm cũng thấy đâu. Đến nước đó thì phải tìm đến người nhà của nạn nhân, nhờ họ

cung cấp nạn nhân tên gì ngày sinh tháng đẻ ra sao cảm tình con gì, rồi ghi hết toàn bộ thông tin lên một tờ giấy vàng, sau đó mời sư phụ đội vớt xác tới gọi hồn cầu siêu, vừa gọi hồn vừa phải hoá vàng mã. Nghe nói, khi nghe thấy hô hoán, tử thi chìm dưới đáy sông sẽ tự trôi lên mặt nước. Những phương thuật lâu đời này được dân chúng tôn sùng hết mức, cho nên thủ lĩnh đội vớt xác thường có danh xưng Thần sông là bởi vậy.”

Nghe xong, Lão Lương lắc đầu nguầy nguậy: “Những cách làm như xem thuốc biết oan trái gọi hồn nơi bờ sông như thế này có lẽ là quá mê tín rồi, đến giờ mà anh vẫn còn tin vào những việc thế này hay sao?”

Quách sư phụ trả lời: “Không hẳn là mê tín, phương pháp phá án của xã hội xưa có hạn. Trước kia, đội vớt xác quả thật có áp dụng một vài biện pháp kỳ dị để phá án, dân thường không hiểu ra sao, một đồn năm năm đồn mười, cuối cùng ai cũng cho rằng biện pháp đó rất linh. Nếu thật sự không đúng, phương pháp dân gian mà bao nhiêu thế hệ tích lũy kinh nghiệm từng chút một để sáng tạo ra không có ý nghĩa gì hay sao.”

Lão Lương nói: “Chỉ giỏi bao biện, khu vực hạ lưu chín sông có đủ các loại vũng hồ rãnh mương ngập đầy nước nhiều không đếm xuể, đội vớt xác đã vớt xác chết trôi ở khu vực này hai trăm năm có thừa, nhất định đã truyền lại rất nhiều kinh nghiệm. Lão Quách, anh thử nói cho tôi nghe xem, xem thuốc biết oan trái cục là như thế nào? Hút một miếng thuốc là có thể đoán được oan tình sao?”

Quách sư phụ không muốn nói thật, bèn đưa đẩy: “Tôi cũng chỉ nghe kể lại, trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần thực hành.”

Lão Lương truy vấn không thu được kết quả, mới bảo rằng: “Tôi khuyên anh một câu, bây giờ dù sao cũng chuyển sang xã hội mới rồi, đội vớt xác cũng đã đổi tên thành công an đường thủy, không còn thích hợp nhắc lại những chuyện ma quỷ đặt điều mê tín nữa. Vốn dĩ định giúp anh báo công, nhưng cách gọi Thần sông như thế này có ảnh hưởng rất xấu, cơ quan công an chúng ta đâu có phải là bến nước Lương Sơn, muốn phong danh hiệu thế nào thì được thế ấy hay sao?”

Quách sư phụ cũng tự hiểu, không thể mang trên người danh hiệu Thần sông được, cứ nhắc đến là lại gặp chuyện không may, người thường không thể gánh nổi cách xưng hô như thế này. Ví như lần này chẳng hạn, chẳng phải thượng cấp chỉ cần nói một câu là đã xóa sạch toàn bộ công lao phá án của ông ta hay sao. Nhưng điều này cũng không đáng sợ, đáng sợ nhất là có kẻ gở mồm, hễ cứ nhắc đến danh hiệu đó là ông ta lại cực kỳ dễ gặp phải những thứ mà bình thường không bao giờ nhìn thấy.

20. Chương 20

Một

Câu chuyện về Thần sông Quách Đắc Hữu trải qua thêm mắm dặm muối, được đồn đại nhanh chóng như vết dầu loang, sau giải phóng lại bắt đầu được lan truyền chóng mặt, lại khiến một vật mà không ai có thể tưởng tượng ra nổi đã tìm tới tận cửa. Quay lại chuyện ngày hôm đó, nghe lão Lương thuyết giáo xong, Quách sư phụ rời cục công an đạp xe về nhà. Kể từ sau khi nghĩa trang miếu Hà Long bị dỡ bỏ, ông ta đã chuyển đến ở con hẻm miếu Đẩu Mẫu*. Nơi đó cũng là một khu nhà cấp bốn san sát, mãi đến thập niên ba bốn mươi mới được cải tạo lại, nhưng vẫn giữ nguyên tên gọi cũ, bởi trước kia có một ngôi miếu Đẩu Mẫu, cho nên mới được gọi là con hẻm miếu Đẩu Mẫu.

*Đẩu Mẫu là nữ thần tám tay trong Đạo giáo Trung Quốc, là mẹ của chúng tinh trong chòm sao Bắc Đẩu, có địa vị ngang hàng với Tây Vương Mẫu.

Trước giải phóng, trong ngõ hẻm vẫn còn lại phế tích của ngôi miếu này. Ở Thiên Tân vệ, chùa chiến am miếu giáo đường nhiều vô kể, miếu Đẩu Mẫu là một trong số đó, còn được gọi là cung Thái Bình, tên đầy đủ là cung Hộ Quốc Thái Bình Bàn Đào. Vào thời nhà Minh, xuất hiện loại miếu Tài Thần. Người ta gọi Ngũ Lộ Tài Thần là để chỉ năm vị huynh đệ kết nghĩa, dù họ khác nhau nhưng trong tên đều có chữ ‘Hiên’. Khi còn sống, họ có rất nhiều tiền tài, thường xuyên giúp đỡ những người cùng khổ, âm thầm tặng nguyên bảo cho những gia đình nghèo khó. Sau khi chết, họ được phong là Ngũ Lộ Tài Thần. Xưa kia người ta còn có một tập tục, cứ đến mừng hai tết là lại đến miếu Ngũ Lộ Tài Thần để dâng hương mượn nguyên bảo. Bởi vậy cứ đến khi mở cửa miếu vào mừng hai tháng giêng hàng năm, là lại phải tổ chức lễ hội.

Nhưng đến thời Minh mạt Thanh sơ, miếu Ngũ Lộ Tài Thần đã bị lũ lụt làm đổ sập, triều đình hạ lệnh sửa chữa và cải tạo ngôi miếu thành miếu thờ phụng Tây Vương Mẫu và Đẩu Mẫu tám tay. Miếu Đẩu Mẫu miếu nằm trên một cái gò đất, tiền điện thờ tượng Vương Mẫu nương nương, hậu điện phụng Đẩu Mẫu nương nương ba mắt bốn đầu tám tay. Chính giữa chánh điện còn đắp một ngọn Ngao Sơn, dựng cảnh tượng chúng tiên cười mây tử bốn phương tám hướng đến tham bái Tây Vương Mẫu trong nội cung. Mặc dù ngôi miếu không lớn, nhưng hương khói quanh năm không ngớt, thiện nam tín nữ thấp hương cầu con trai nối dõi đua nhau đến.

Theo truyền thuyết, mừng ba tháng ba âm lịch hàng năm là ngày Tây Vương Mẫu ra đời. Mỗi năm, cứ đến ngày đó là lại phải tổ chức lễ hội. Thời điểm chính hội là vào cuối mùa xuân đầu mùa hè, khí hậu dễ chịu, bởi vậy người tham gia đông như kiến cỏ. Trước cửa miếu Đẩu Mẫu tám tay, ngựa xe như nước áo quần như nêm, du khách rồng rắn nối đuôi nhau mà đi. Hai bên đường, hàng quán mọc lên san sát như cây rừng, riêng rao bán kẹo viên, bánh bột lọc kiều mạch ồn ào náo động không bao giờ dứt, cách đó cả hai dặm vẫn còn có thể nghe thấy. Có lẽ vì thấp hương quá nhiều, năm Tân Hợi (1911) ngôi miếu bùng cháy dữ dội, toàn bộ cung Đẩu Mẫu đã biến thành một khu phế tích, chỉ còn lại một con sư tử bằng đá canh cửa cung cho Vương Mẫu nương nương. Thập niên ba mươi bắt đầu lác đác có nhà dân mọc lên, con sư tử bằng đá nằm ở ngay đầu ngõ hẻm miếu Đẩu Mẫu. Con sư tử bằng đá không còn nguyên vẹn này nằm án ngữ ngay trước cửa ra vào căn nhà cấp bốn bé tẹo của hai vợ chồng Quách sư phụ, giống như linh vật trấn cửa, đáng tiếc là không đủ một đôi.

Trước đây, hầu như trước cửa nhà nào cũng có linh vật trấn cửa được điêu khắc bằng đá. Chúng được bày đối xứng ở hai bên, còn được gọi là Môn Chấm hoặc Môn Cổ, thậm chí còn có nơi gọi là Bào Cổ Thạch, có tác dụng bảo hộ hai bên cửa và trấn chỗ ở. Linh vật trấn cửa thường thấy nhất là sư tử, bởi vì sư tử là vua của muôn thú. Sư đồng âm với “Thế, tự, sự”, bốn con sư tử gọi là tứ đại đồng đường, hai con là mọi chuyện như ý, nếu sư tử có đeo trang sức thì gọi là chuyện may không dứt, sư tử lớn giẫm lên sư tử con ám chỉ dòng dõi hưng thịnh, đủ mọi cách nói khác nhau. Quách sư phụ rất yêu thích con sư tử đá trước cửa nhà mình, mặc dù không còn nguyên vẹn nhưng nó đích thực là đồ cổ từ ngày xưa để lại, ngay từ khi mới bắt đầu dựng miếu Đẩu Mẫu tám tay thì con sư tử đá này đã có mặt ở đó rồi. Nếu ông nội Quách sư phụ còn sống, tuổi đời có khi còn kém con sư tử đá này mấy năm. Vào mùa hè, cứ mỗi khi ngồi hóng mát trong ngõ hẻm, ông ta lại ngồi trên lưng con sư tử đá bởi nó có độ cao vừa phải. Đồng thời, nó cũng là tượng thú trấn trạch coi giữ nhà. Có nó giữ cửa, cả đêm đều ngủ ngon giấc. Nhưng cái ngày hôm đó, khi về đến cửa thì không còn thấy con sư tử đá đâu, trong lòng ông ta chợt sinh ra buồn bực: “Con sư tử ở cửa ra vào tự chạy đi được hay sao?”

Hai

Trước tiên, Quách sư phụ quăng chiếc xe đạp vào trong nhà. Vào thời kỳ đó, xe đạp là thứ đáng giá nhất trong nhà, do đơn vị cấp phát, mất là xong, cho nên không dám để bữa ở ngoài cửa. Đẩy xe vào nhà xong, ông ta hỏi vợ: “Con sư tử trước cửa nhà ta chạy đi đâu rồi?”

Người vợ đáp: “Ban ngày sửa đường ở đầu hẻm, đám công nhân đã được lệnh mang đi lấp hố làm đường rồi.”

Quách sư phụ thốt lên: “Ai đời lại có kiểu phá hủy như vậy? Con sư tử đó còn nhiều tuổi hơn cả sư phụ của sư phụ của sư phụ tôi, bọn họ dựa vào cái gì mà dám mang đi lấp hố làm đường?”

Người vợ bảo: “Nó đâu có thuộc quyền sở hữu của chúng ta, sao mà quản được.”

Quách sư phụ nói: “Đáng tiếc, một ngày nào đó tôi sẽ đào nó lên.”

Người vợ lại bảo: “Lão Quách, ông đừng có lảm chuyện có được không, cẩn thận không lọt vào tai người khác lại bị người ta mượn cớ tố cáo. Mau rửa mặt mũi rồi ăn cơm đi đã. Hôm nào rảnh rồi, ông nhổ cái cây lựu trong ngõ đi mới là việc cần làm ngay.”

Con hẻm miếu Đẩu Mẫu có một cây lựu, nhưng đã mục rữa, từ lâu đã không còn ra quả. Người Thiên Tân rất mê tín, kiêng kỵ trước cửa nhà mình trồng cây lựu. Khi kết trái, bên trong toàn là múi con, nên còn được gọi là bách tử quả (quả trăm con), từ ‘bách’ đồng âm với từ ‘bại’, do đó bách tử cũng chính là bại tử, có nghĩa là không có con cái.

Quách sư phụ cho rằng các bà vợ lúc nào chả mê tén, nên không buồn để ở trong lòng.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Ông ta rửa mặt ăn cơm, nhưng trong đầu lúc nào cũng nghĩ, không biết khi không còn con sư tử đá ở trước cửa nữa, đêm đến liệu có con vật gì len vào nhà tìm mình hay không.

Buổi tối hôm đó, ông ta ăn cơm ở nhà, người vợ nấu cháo lá sen. Ngày trước, cứ vào mùa hè là dân chúng rất thích nấu loại cháo này. Trước tiên nấu gạo đến khi nở bung thành cháo hoa, nước cháo trắng tinh đặc quánh lại, sau đó bẻ lá sen phủ lên trên nồi cháo. Chỉ một lát sau, món cháo hoa nóng hôi hổi đã biến thành màu lục nhạt. Đến khi mùi hương lá sen tỏa ra thì tắt bếp bắc nồi ra, úp kín vung để mùi hương lá sen ngấm toàn bộ vào trong cháo. Riêng cái mùi hương tinh khiết chỉ loại cháo này mới có, ai đã nếm qua một thìa, vĩnh viễn cũng sẽ không bao giờ quên. Khi dùng món này phải cho thêm sợi củ cải trắng trộn dấm chua ớt chiên, rồi ăn kèm với bánh bột ngô. Khi ấy, những người dân còn ăn món này thường xuyên hơn cả cơm rau dưa. Lúc ăn cơm, Quách sư phụ nhận thấy, sau khi mưa liên mấy ngày khí hậu ẩm ướt, vách tường trong nhà đã tróc ra vài chỗ, định bụng hôm nào rảnh rồi sẽ dán lại. Nghĩ vậy, ông ta không kìm được than thở với vợ vài câu rằng, đáng tiếc cái tay nghề dán vách gấp giấy ngày trước, giờ chỉ còn dùng vào việc dán tường với hộp giấy; sau đó chuyển sang chủ đề tối ngày mai ăn cơm với cái gì. Người vợ định làm món mì tương vùng, nên mới bảo ngày mai sau khi tan ca, trên đường về ông ta nhân tiện mua hộ hai cân mì sợi, nếu không có thì mua bánh ngô xốp Du Thụ Tiền cũng được. Quách sư phụ bảo: “Thân thể bà không tốt, nói chung không thể nào ăn những thứ như vậy, hãy ăn vài món ngon để bồi bổ, sau này còn trông cậy vào bà sinh con đẻ cái, trai hay là gái đều được cả. Có con rồi, sau khi chúng ta chết, đến thanh minh còn có người đến tảo mộ.”

Hai vợ chồng thảo luận những vấn đề sinh hoạt vật vãn trong nhà, quên phứt chuyện con sư tử đá từ lúc nào. Cơm nước xong xuôi, người vợ thu dọn bát đĩa, ngoài trời mưa dầm dề không ngớt, Quách sư phụ ngồi ở phòng trước dán hộp giấy, bảo với vợ ngày mai sẽ mua một ít bạch thủy dương đầu** về nhà ăn bữa tối. Quách sư phụ biết một người làm món bạch thủy dương đầu tên là Mã Hồi Hồi, làm nghề gia truyền đã sáu đời. Anh ta bán thịt dê lưu động bằng xe đẩy, tay nghề quả thực là hạng nhất. Khi làm món bạch thủy dương đầu, anh ta cắt thịt mỏng như giấy, rắc một ít muối tiêu lên trên, có thể nói thơm ngon vô cùng, mùa hè cho vào ướp lạnh, chưa cần nêm đến hương vị, chỉ cần nghe thấy tiếng rao là đã đủ làm cho linh hồn nhỏ bé bay bổng rồi. Quách sư phụ thích ăn biết ăn và sành ăn, chỉ thiếu mỗi tiền mà thôi, có thể bình luận món ăn đầu ra đấy. Đến mai, ông ta sẽ đợi lúc người ta chuẩn bị dọn quán bán nốt chỗ bạch thủy dương đầu thì mới mua, đến lúc ấy giá không chỉ rất rẻ, mà hương vị cũng vẫn chưa đến mức biến đổi. Hai vợ chồng nói chuyện được dăm ba câu thì Quách sư phụ lại giục vợ vào trong buồng ngủ trước đi, ông ta định dán thêm vài cái hộp giấy nữa. Mải làm, đến nửa đêm lúc nào không hay, nghe thấy ngoài trời mưa đã ngừng rơi, Quách sư phụ ngáp một cái. Vẫn còn mười cái hộp giấy chưa dán, nhưng giờ thật sự đã không mở mắt ra được nữa rồi rồi, xương sống thắt lưng cánh tay đều mỏi dừ, nhìn cái gì cũng mờ mờ ảo ảo, ông ta định bụng để lại đến sáng ngày mai mới dán nốt. Đúng lúc này, ông ta nghe thấy cánh cửa phòng khẽ cọt kẹt, giống như có người đang đẩy cửa một cách nhẹ nhàng để đi vào, nếu không phải là nửa đêm còn thức thì chắc không tài nào nghe thấy được. Ông ta thầm nghĩ: “Đêm khuya vào nhà, không phải gian xảo tức là đạo chính. Đêm hôm khuya khoắt thế này, ai còn gõ cửa nhà chúng ta chứ?”

**Bạch thủy dương đầu: Một món ăn cầu kỳ của người Trung Quốc làm từ thịt đầu dê, thái mỏng thành miếng lớn, có màu trắng tinh, khi ăn chấm với muối tiêu đặc chế

Ba

Đêm đã khuya, lúc này tuyệt đối không thể nào là hàng xóm láng giềng sang chơi nhà, mà cho dù là có đến chơi, họ cũng sẽ gõ cửa chứ không phải len lút đẩy cửa thế này. Con hẻm miếu Đầu Mẩu quang đãng sạch sẽ, trước kia là nơi thấp hương thờ thần, hơn trăm năm không có mồ mả, bởi vậy có thể khẳng định không phải là ma quỷ. Trước kia có một tên trộm được mệnh danh là trùng cửa, chuyên môn lợi dụng lúc đêm khuya người vắng gà không kêu chó không sủa ngủ chết mê chết mệt, âm thầm đẩy cửa nhà người ta. Nhà ai ngủ quên không cài cửa, tên trộm này sẽ len vào, lợi dụng bóng đêm rón ra rón rén lục lọi, trộm không chứa cái gì, sờ thấy cái gì là lấy cái đó. Có khi hắn còn dùng dao lách qua khe cửa gẩy chốt ra, mở cửa len vào trong còn đóng lại cẩn thận. Trước kia, người già trong nhà luôn không quên dặn đi dặn lại con cháu: “Ban đêm đi ngủ phải hết sức chú ý đến cửa nẻo, đừng để cho tên trùng cửa có cơ hội vào nhà!” Mất của chỉ là việc nhỏ, không may lũ trộm cắp dùng dao chọc ột nhất, cả nhà toàn bộ già trẻ đang ngủ sâu giấc,

đến lúc đó chết cũng không biết mình chết như thế nào.

Quách sư phụ dù sao cũng là công an, công an đường thủy cũng là công an, đương nhiên không sợ “Trùng cửa”. Khi nghe thấy bên ngoài cửa phòng khê phát ra tiếng động, ông ta tự nhủ: “Câu ‘Gan ăn cắp lớn tày trời’ quả thực là chính xác, lá gan tên trộm này đích xác không nhỏ. Đèn trong phòng nhà ta vẫn còn sáng mà hắn cũng dám đẩy cửa, có còn coi ai ra gì nữa không?” Tuy nhiên cánh cửa không những được cài chốt, mà còn cài đòn ngang, đẩy từ bên ngoài không thể nào mở ra được. Ông ta tiện tay vớ lấy cây gậy gác trên đỉnh đầu, đứng dậy mở chốt đẩy cửa ra, rồi cầm theo cây gậy ra bên ngoài xem xét. Những gia đình khác trong con hẻm đã ngủ từ lâu, lúc bấy giờ đèn đường đã tắt hết, bên ngoài tối om, không có lấy một bóng người.

Quách sư phụ nhủ thầm: “Quái lạ thật, nếu như là trộm nghe thấy tiếng mở cửa bỏ chạy thì cũng không thể nào không có tiếng bước chân, ở trên gác hay sao?” Nghĩ vậy, ông ta ngược nhìn lên trên gác. Trời tối quá, nhìn một lúc lâu mà chẳng thấy cái gì, ông ta cũng cảm giác không thấy có gì khác lạ cả, trong lòng tự dừng lại chuốc phải bức bối. Vừa mới định đẩy cửa quay vào nhà ngủ thì ông ta nghe thấy đối diện vang lên tiếng “Chít chít”. Mặc dù tiếng kêu không lớn lắm, nhưng vào đêm khuya lại nghe thấy rõ mồn một. Trong ngõ hẻm tối lửa tắt đèn, mặc dù chỗ đó cách không xa, nhưng ông ta chẳng nhìn rõ con vật gì đang kêu ở bên đó.

Trước cửa phòng có cây đèn chiếu sáng ngoài hiên, Quách sư phụ tháo dây thừng lấy cây đèn xuống. Đến khi nhìn ra đó là cái gì, ông ta lập tức cảm thấy quái dị. Trước cửa nhà có một con chuột to, già đến mức lông ở sống lưng đã chuyển sang màu trắng, có lẽ đã sống rất lâu. Hai con mắt xanh lục âm u, trông thấy người nó lại không chịu chạy, mà ngồi chồm hổm tại chỗ nhìn ông ta. Trong lòng thầm hiểu là con chuột già này vừa mới đẩy cửa phòng, Quách sư phụ xua đuổi: “Cút đi! Trong nhà không có cái gì ày ăn đâu.”

Quách sư phụ đuổi mấy lần, nhưng thấy con chuột đó luẩn quẩn không chịu đi, giống như muốn làm điều gì đó. Nhưng hỏi cũng không có cách nào mà hỏi, suy đoán cũng chẳng ra, khiến trong lòng ông ta cực kỳ buồn bực. Ông ta chợt nhớ ra, nghe nói năm xưa cung Vương Mẫu của miếu Đẩu Mẫu hương khói rất thịnh, hậu điện thờ phụng Đẩu Mẫu nương nương tám tay, mỗi lần tổ chức lễ hội kéo dài tới mấy ngày, trước bức tượng kim thân Đẩu Mẫu nương nương phải thắp tới cả trăm chén đèn dầu. Khi ấy có rất nhiều chuột chạy vào trong miếu, chuyên lén lút ăn dầu vừng trong đèn trên điện, còn gặm cả nến làm bằng mỡ trâu. Bầy chuột đó giống như có linh tính, chưa bao giờ dám vào qua cửa chính, luôn đào lỗ ở chân tường sau điện chui vào, khi chưa khai hội thì đám chuột này không hiện thân. Tất cả thiện nam tín nữ đều thống nhất cho rằng chuột cũng là thần tiên, vào miếu là để tham bái Tây Vương Mẫu và Đẩu Mẫu nương nương, vì vậy không nên làm hại chúng. Đối với hành động trộm dầu gặm sáp của chúng, họ thường mắt nhắm mắt mở coi như không thấy.

Quách sư phụ nghĩ thầm: “Bình thường chuột phải sợ người mới đúng, tại sao lại nửa đêm còn đến đẩy cửa? Thấy đèn cũng không trốn? Kỳ quái nhất là thường ngày không đến, đến hôm nay là ngày con sư tử đá canh giữ bị lấy đi lấp hố làm đường thì con chuột này mới đến, nó thực sự là chuột tiên năm xưa trộm dầu thắp đèn trong miếu hay sao?”

Bốn

Quách sư phụ chợt nhớ tới truyền thuyết chuột tiên ăn trộm dầu trong miếu Đẩu Mẫu năm xưa. Một con chuột lớn sống lâu đến mức lông trên sống lưng chuyển sang màu trắng như vậy thật sự là hiếm thấy, trong lòng ông ta cảm thấy kỳ lạ. Nhưng trong phòng đâu có đèn dầu vừng lẫn nến mỡ trâu, vừa rồi lại không có cả đồ ăn thừa để qua đêm, tại sao con chuột lại lẩn quẩn trước cửa không chịu đi?

Trong lúc ông ta đang khó hiểu, con chuột bỗng quay đầu men theo chân tường chạy đi mất. Quách sư phụ cho rằng mình nghĩ ngợi quá nhiều. Thấy con chuột bỏ đi, ông ta định quay về nhà ngủ, nhưng con chuột đó chạy đi được một đoạn thì dừng lại, ngoái đầu lại nhìn ông ta chằm chằm.

Quách sư phụ thầm nhủ: “Nó làm vậy là muốn bảo ta đi theo hay sao?” Ông ta vào trong nhà lấy đèn pin, sau đó đóng cửa thật chặt rồi bám theo sau con chuột, định thử đi xem rốt cục là có chuyện gì xảy ra.

Con hẻm miếu Đẩu Mẫu tám tay được coi như vùng bán ngoại thành, nằm ở một nơi rất vắng vẻ, ra khỏi đầu hẻm rẽ theo hướng bắc là tới một cái ao tro rất lớn, to bằng cả hai cái sân vận động cộng lại, xung quanh bờ không có người ở, thời ấy khắp nơi cỏ lau mọc um tùm. Khi xây dựng miếu Đẩu Mẫu, người ta

đã đốt cỏ lau để lấy đất, tạo thành một cái hồ lớn hình chữ nhật, chất đất dưới hồ không tốt, toàn là bùn nhão màu xám đen, cho nên mới được gọi là ao tro. Ngoài ra còn có một nơi được gọi là gò tro, cảnh tượng trái ngược hẳn so với ao tro. Mùa mưa trời oi bức, bên trong ao tro tích đầy nước, mùi hôi ngút trời, dưới lớp bùn nhão ở đáy ao có một loại cỏ ngải mọc lên dài bằng mấy lần chiều cao thân người, muỗi đua nhau sinh sôi. Trong nước không có một con cá nào, nhưng lại có không ít con giống cóc. Con giống cóc là cách gọi thông tục của người dân, thực ra nó chỉ là nòng nọc, sau này lớn lên sẽ biến thành cóc. Sau này có người dùng dây kẽm và vải màn làm thành vớt nhỏ, ngồi bên cạnh ao vớt con giống cóc để giải buồn, người lớn trẻ em đều có cả. Người nào vô ý trượt xuống ao, bị bùn nhão hút chặt không leo lên được vậy là chết đuối. Mỗi năm, ít nhất có vài ba người chết đuối dưới ao tro.

Quách sư phụ đi theo sau con chuột, khi đến bờ ao tro, ông ta tìm khắp nơi mà không nhìn thấy con chuột đó đâu nữa. Có lẽ có một cái hang quanh đâu đó, nó tiện đường chui vào trong đó mất rồi. Mắt thấy khắp bốn phía cỏ hoang cao lút đầu người, tối như mực không có ánh đèn dầu nào, đêm khuya vắng lặng, giữa vùng đất hoang vu ngay cả tiếng cóc kêu cũng không có, tự nhiên lạc vào khung cảnh như thế khiến cho ông ta cảm thấy tương đối khiếp đảm, vắng vắng đâu đây nghe thấy tiếng chuông trên lầu canh điểm canh ba.

Vào thời nhà Minh, ngay từ khi bắt đầu xây dựng thành Thiên Tân, khu nội thành cổ đã dựng gác chuông trên lầu canh, điểm chuông báo giờ theo quy luật Tiếng Chuông Buổi Sáng Tiếng Trống Hoàng Hôn, biến thành một truyền thống kéo dài tới mấy trăm năm, mãi đến những năm năm mươi của thế kỷ này mới dần bị hủy bỏ. Thời kỳ bấy giờ, rất hiếm người có đồng hồ đeo tay đắt tiền, toàn bộ dân chúng đều có thói quen nghe chuông cổ báo giờ. Khi ấy, nhà cấp bốn rất nhiều, không gian thoáng đãng, mỗi khi bên trên lầu canh gõ chuông cầm canh, tiếng chuông vang rất xa. Vào những năm vừa mới giải phóng, khi hỏi giờ mọi người không hỏi mấy giờ rồi, mà theo thói quen hỏi canh mấy rồi. Một đêm chia làm năm canh, mỗi canh là một thời thần, một thời thần tương đương với hai giờ. Chín giờ tối là canh một, canh ba là giữa mười một giờ đêm hôm trước đến một giờ sáng hôm sau. Từ canh hai đến canh năm, người ta điểm canh bằng gõ chuông mà không đánh trống, tiếng chuông thanh thúy vang xa, không quá ảnh hưởng tới giấc ngủ của dân chúng. Từ hừng đông trở đi thì trước trống sau chuông. Khi nghe hết tiếng điểm canh trong nội thành cổ, Quách sư phụ tự bảo với mình: “Đêm hôm khuya khoắt tự dừng lại theo con chuột chạy đến giữa nơi đồng không mông quạnh, bản thân ta chẳng phải là ăn no rồi việc hay sao?” Ngẫm lại cảm thấy buồn cười, ông ta định quay về nhà. Nhưng khi ánh đèn pin lướt qua mặt nước của ao tro, ông ta thoáng nhìn thấy một vật trắng phếu.

Vật đó nằm trong góc chết của ao tro, bình thường, người vớt cóc non cũng sẽ không bao giờ đến chỗ này. Đồng thời, nếu đổi là người khác, cho dù họ có nhìn thấy cũng sẽ không bận tâm, nhưng Quách sư phụ có cặp mắt của người trong nghề, vừa liếc qua đã nhận ra vật đang nổi trên mặt nước là một tử thi, mặt úp xuống lưng hướng lên trên nửa chìm nửa nổi trên mặt nước. Bên dưới ao tro toàn là thủy thảo bùn nhão đầy tanh tưởi, mặt nước ao lại phẳng lặng, sau khi người này bị chết thì cái xác vẫn ở yên một chỗ cho đến tận bây giờ, lấp ló trong đám cỏ ngải ngoi trên mặt ao, đã trương phình lên. Bấy giờ lại đang là giữa mùa nóng, trên thân thể người chết đã sinh ra giòi trắng.

Quách sư phụ bắt gặp một cái tử thi trong ao tro, trời nóng sinh ra giòi nhưng nhúc, trong đêm tối không có cách nào vớt lên, đành phải về nhà báo Đình Mão chạy đến cục công an đi tìm người. Đến lúc hừng đông, họ làm một cái thông lọng bằng dây thừng, kéo tử thi lên bờ. Trên người tử thi vẫn còn nguyên quần áo giày vớ. Những người vây quanh xem vớt xác đã khẳng định, người chết là một thanh niên sống ở Tiểu Vương trang cách ao tro không xa. Mấy ngày hôm trước, anh ta đã ra khỏi nhà nhưng vẫn chưa thấy về, tìm khắp nơi mà không thấy, có ai ngờ lại bị trượt chân ngã xuống ao tro chết đuối. Nơi này vắng vẻ như vậy, điều gì đã xui khiến Quách sư phụ tìm ra được?

Lão Lương cục công an cũng cảm thấy kỳ quái, bèn hỏi Quách sư phụ phát hiện ra người chết bằng cách nào? Quách sư phụ nói chỉ là do tình cờ thôi. Đêm ngày hôm qua, nhà tôi bị chuột đến quấy rầy, khi đuổi theo con chuột già đó đến chỗ này thì nhìn thấy dưới ao tro có xác chết đã nhưng nhúc giòi.

21. Chương 21

Năm

Những người già sống ở quanh đây bảo rằng: Việc này không phải là tình cờ, các vị có biết người chết là ai không? Tổ tiên của người thanh niên này chính là vị Tôn thiện nhân nổi danh ở vùng này. Ngày xưa, ông ấy mở một cái Tôn ký tạp phố (tiệm tạp hóa nhà họ Tôn), tạp phố chính là tạp hóa phố (tiệm tạp hóa), người Thiên Tân vệ hay nói tắt, khi nhắc đến Tôn ký tạp hóa phố đã lược bớt chữ ‘hóa’ đi. Lão chưởng quầy Tôn ký tạp phố cả đời chuyên môn tích đức làm việc thiện, quét rác không làm hại con sâu cái kiến, khi bắt được con rắn nào trên người cũng không đành lòng bóp chết, năm nào cũng đến Bàn Đào Cung trong miếu Đầu Mẩu tám tay để thắp hương. Khi ấy, hậu điện Bàn Đào Cung rất lắm chuột, hội chùa năm nào chúng cũng lên đến ăn dầu thắp đèn gặm sập nền. Người trông coi hương khói trong miếu không buông tha, có ý định diệt sạch đám chuột nhất đó. Biết được điều này, lão chưởng quầy Tôn ký tạp phố khuyên nhủ người trông coi hương khói tha cho những con chuột một đường sống. Chúng cắn hỏng bao nhiêu ngọn nến ăn vụng mất bao nhiêu dầu thắp, khoản thiệt hại này sẽ do lão chưởng quầy Tôn ký tạp phố hoàn trả gấp bội cho ông ta. Bởi vậy, đến giờ, khi con cháu của Tôn gia tạp phố chết dưới ao tro, có một con chuột già đã từng chịu ân năm xưa đã dẫn Thần sông Quách sư phụ tới tận nơi, nếu không thì ai có thể tìm ra tử thi ở một nơi khuất nẻo như thế này? Theo truyền thuyết dân gian, Hồ Hoàng Bạch Liễu Khôi là ngũ đại gia, chuột là Khôi gia trong số đó. Trên thực tế, chuột ở trong miếu quanh năm, ai dám nói chúng không một chút linh tính nào?

Khi nói xong, mọi người lại bắt đầu bàn tán lan sang thuyết mê tín nhân quả. Quách sư phụ đã tự mình biết thế nào là ăn trái đắng, nhìn thấy lão Lương xanh cả mặt, ông ta vội vàng bảo đám đông đừng nói đến chuyện này nữa. Nhưng, những người kia vẫn tiếp tục sôi nổi bàn luận không dứt, còn nói đến một vụ án trâu kêu oan xảy ra vào thời nhà Thanh. Có một nông dân do tranh chấp với người khác nên bị sát hại, hung thủ đã chôn xác anh ta ở một vùng đất hoang, hiếm người qua lại. Thủ phạm chắc mẩm thần không biết quỷ không hay, nhưng đâu ngờ, toàn bộ quá trình giết người vùi xác đều bị con trâu mà người nông dân dắt theo chứng kiến từ đầu đến cuối. Sau này, mỗi lần người nhà anh nông dân dắt con trâu đó đi cày ruộng, hễ đi qua chỗ chôn xác là nó lại quỳ xuống đất chảy nước mắt, quất mạnh thế nào cũng không chịu đi. Cảm thấy hành động đó của con trâu khác thường, mọi người đào đất lên thì tìm ra xác người bị sát hại, vì vậy báo án với quan. Khu vực gần miếu Đầu Mẩu tám tay, trước kia xác thực có chuyện trâu kêu oan, hiện giờ lại xảy ra chuyện như thế này cũng chẳng phải là điều gì kỳ lạ hiếm có cả.

Nghe xong, Lão Lương không vui ra mặt. Nhưng ông này không muốn tổn nước bọt với những người kia, nên gọi riêng Quách sư phụ ra một chỗ. Ông này bảo, theo dấu hiệu cho thấy, xác chết dưới ao tro rất có thể là do không may trượt chân rơi xuống, bị bùn hút chặt chân mà chết đuối. Thời tiết quá nóng, xác chết đã phân hủy cao độ, nguyên nhân cụ thể ra sao còn phải đợi tiến hành kiểm tra thi thể xong mới biết được, ít nhất ba ngày sau mới có kết quả. Đối với câu chuyện đội vớt xác hút thuốc đoán oan mà Quách sư phụ đã đề cập tới lúc trước, ông này vẫn cảm thấy khó có thể tin được, cho rằng tư tưởng mê tín đã bén rễ thâm căn cố đế trong đầu Quách sư phụ, làm sao có thể từ thuốc lá nhìn ra người chết có âm khí và oán khí được đây? Ông này yêu cầu Quách sư phụ thực hiện việc đốt thuốc đoán oan ngay tại đây một lần, thử xem phương pháp mê tín đã lưu truyền tại đội vớt xác mấy trăm năm đến cùng là ra làm sao. Nói như rồng leo, làm như mèo mửa, những kẻ chỉ biết khua môi múa mép nói cái gì mà chẳng một tác lên đến trời, chưa hẳn đã có bản lĩnh thật sự nào.

Lão Lương làm vậy là muốn bắt chẹt Quách sư phụ ngay tại trận. Ông này cho rằng xem thuốc đoán oan là việc hoàn toàn không có khả năng, bèn nảy ra ý định, đang lúc đông người như thế, nhân cơ hội ọi người tận mắt chứng kiến những điều như thế này chung quy lại chỉ là thủ đoạn mê tín của xã hội xưa.

Quách sư phụ làm sao không rõ ý định của đồng chí lão Lương. Bình thường, công an đường thủy chỉ có trách nhiệm tìm kiếm xác chết trôi, không bao giờ thắc mắc người đó chết như thế nào, nhưng sự việc hôm nay có liên quan đến bản thân một cách kỳ lạ, ông ta phải đứng ra lãnh trách nhiệm. Nghe thấy lão Lương nói như vậy, ông ta không có cách nào từ chối được nữa. Nhưng khi sờ đến túi áo mới nhớ ra không mang theo thuốc, ông ta đành quay sang xin lão Lương một liều.

Lão Lương có một bao Tiền Tiến, một loại thuốc lá rất phổ biến thời kỳ mới giải phóng. Ông này móc thuốc ra đưa cho Quách sư phụ rồi hỏi: “Lão Quách, loại thuốc này có được không?” Nhưng ý tứ trong câu hỏi của ông này thực ra lại là: “Đội lát nữa cái thủ đoạn mê tín đó của ông mất linh thì đừng có trách tôi đã đưa inh loại thuốc không tốt.”

Lúc trước, ông này đã nghe Quách sư phụ nhắc tới câu chuyện, mỗi khi vớt được một cái xác trôi sông đã

trương phình bốc mùi phân hủy, đội tuần sông chỉ cần hút một điều thuốc là có thể nhìn ra người này có oan tình hay không, bởi vì người chết có âm khí, nếu chết đuối dưới nước thì chính là đột tử, còn bị kẻ khác giết chết rồi mới vớt xác xuống sông là chết oan. Hai loại âm khí này khác nhau, âm khí nặng là có oan tình, khác nhau ở chỗ có phải chết dưới sông hay không. Lúc hút thuốc quan sát khói là có thể phân biệt được loại âm khí nào, đây dường như là điều quá thần kỳ, lão Lương kiên quyết không tin.

Quách sư phụ nhận lấy điều thuốc, trả lời: “Chẳng cần biết ngon hay không ngon, cứ thuốc lá là được.” Đánh diêm châm thuốc, sau đó ông ta ngồi xổm bên cạnh xác chết, hút hết hơi này đến hơi khác, mắt không một lần nhìn đến cái xác chết trôi đó.

Lão Lương nghĩ thầm, hút như thế và mình bình thường hút thuốc đâu có khác gì nhau, vậy mà nhìn được ra âm khí hay sao? Ông này bèn hỏi Quách sư phụ: “Thế nào rồi? Có nhìn ra cái gì không?”

Quách sư phụ không đáp lại một câu, chỉ liên tục rút thuốc. Sau khi hút hết điều thuốc đó, ông ta đứng lên bảo lão Lương: “Có oan khí, chuẩn xác là bị kẻ khác giết chết rồi mới vớt xác xuống ao.”

Những người đứng xem xung quanh lập tức xôn xao bàn tán ầm ĩ một trận. Ai cũng chỉ mới được nghe kể vị sư phụ già của đội tuần sông biết xem thuốc đoán oan, nhưng chưa một người nào được tận mắt nhìn thấy. Hôm nay được thấy Quách sư phụ chỉ ngồi xổm bên cạnh tử thi hút hết một điều thuốc, sau đó đứng lên phán rằng có oan tình, quả thực là thần kỳ.

Lão Lương kín đáo lắc đầu, trong lòng tự nhủ: “Giả thần giả quỷ, tôi đã nhìn chăm chăm vào ông ngồi bên cạnh tử thi hút thuốc, nhưng nào có thấy ở đâu có oan khí?”

Xác chết trôi vớt từ dưới ao lên nhanh chóng được đưa đi kiểm nghiệm. Sau đó, lão Lương quần lấy Quách sư phụ hỏi: “Vừa rồi thật sự là ông đã nói mò?”

Quách sư phụ bảo: “Tôi không hề lừa gạt một chút nào. Năm xưa, vị sư phụ già của đội tuần sông đã truyền lại phương pháp này, chuyên dùng để xem sông âm khí của xác chết trôi, mười trường hợp ít nhất có thể xem chuẩn đến chín. Chỉ có điều, nhà nước có luật lệ của riêng mình, phương pháp dân gian này của chúng không thể đưa ra công khai được, chỉ dành âm thầm tự công nhận trong lòng mà thôi.”

Lão Lương thốt lên: “Bây, nếu hút điều thuốc có thể phân biệt được người chết có oan khí hay không, thế thì còn cần đến công an và pháp y làm gì?”

Quách sư phụ nói: “Đội vớt xác năm sông của chúng tôi, hàng năm vớt được không biết cơ man nào là xác chết, những sự việc thế này đã thấy rất nhiều, qua thời gian dài đã tổng kết ra được một vài phương pháp dân gian, trên không nói cho cha mẹ, dưới không truyền cho con cái, ai cũng không thể dạy, chỉ có thể truyền từ sư phụ xuống đồ đệ, chỉ đời nọ tiếp nối đời kia truyền miệng ghi nhớ trong lòng.”

Lão Lương rất cố chấp: “Nếu ông không nói cho rõ ràng, rốt cục xem thuốc lá nhìn ra oan tình là như thế nào, tôi sẽ không thể nào tin ông được, đành phải phán xét ông làm vậy là hành nghề mê tín dị đoan.”

Tranh cãi đến đây, Quách sư phụ không còn biện pháp nào đối phó, bắt buộc dĩ đành phải nói rõ toàn bộ cách xem thuốc đoán oan cho lão Lương biết. Khi hút thuốc bên cạnh xác chết, không phải ông ta xem hình dạng khói thuốc ra làm sao, bởi dù có phun mây nhả khói cũng không thể nào nhìn thấy âm hồn.

Sáu

Lão Lương nói: “Ông coi, tôi đã bảo là hút thuốc bên cạnh xác chết cũng chẳng nhìn thấy cái gì, thế này không phải giả thần giả quỷ thì là cái gì?”

Quách sư phụ bảo, lúc hút thuốc thì đúng là không nhìn thấy được ma quỷ thật, nhưng vẫn có thể nhìn ra có oan tình hay không, chuyện gì đã xảy ra. Thiên Tân vệ là nơi chín con sông đổ vào biển, hồ ngầm phân bố dày đặc tại nơi các nhánh sông giao nhau. Xác chết trôi xuất hiện trên sông, nguyên nhân không chỉ riêng bởi chết đuối do bơi lặn mà chết kiểu gì cũng có. Từ thời Thanh mạt cho đến nay, xã hội đói kém loạn lạc, các lộ bang phái mọc lên san sát như cây rừng, trộm cướp như rươi, giết người ném xác xuống sông chẳng phải là điều xa lạ gì. Đội vớt xác thì cả ngày chẳng làm gì khác ngoài việc làm bạn với những cái xác trôi sông đó. Mặc dù không quan tâm đến việc phá án, nhưng họ nhìn thấy xác chết trôi sông quá nhiều, cho nên đã tổng kết ra không ít kinh nghiệm, ví dụ như xem thuốc đoán oan này chẳng hạn. Không nhất định phải cần đến khói cuốn, năm xưa còn cách đốt phù giấy vàng, chỉ cần là những vật cháy sinh ra tro

là được, hoặc là tàn thuốc, hoặc là tàn tro, hoặc là tàn hương, dùng chỗ tro đó vãi lên thân thể người chết, xem chúng bám vào được bao nhiêu, nếu bám vào nhiều là âm khí nặng, âm khí nặng chứng tỏ có oan tình.

Âm khí là thứ khó mà giải thích, cũng không thể nào miêu tả được, có lẽ chỉ có thể cảm nhận được, nhưng nhìn không thấy sờ không được. Đội vớt xác bảo âm khí nặng, là muốn nói xác chết trôi đương nhiên có oan. Còn nếu như chết rồi mới vớt xác xuống sông, lúc ấy hơi thở người đó đã tuyệt rồi, khác hẳn với người bị chết ngộp dưới nước. Tuy nhiên, thời điểm dưới sông xuất hiện xác chết trôi, đa phần là vào những ngày nóng, phát hiện ra sớm còn dễ phán đoán, phát hiện ra muộn thì xác chết đã phân hủy, không tài nào còn nhận diện được nữa. Vào thời nhà Thanh, quan phủ rất vô trách nhiệm, cứ vớt được xác chết trôi thì trước hết để mặc người của đội tuần sông đội xem qua một lượt, nếu nhìn ra có oan thì mới đi báo quan. Những vị sư phụ của đội tuần sông dần dần đã lần mò tổng kết ra được một vài kinh nghiệm, coi như là một anh khám nghiệm tử thi nửa mùa rồi. Họ lấy tàn thuốc tàn tro vãi lên thân thể xác chết trôi, từ đó có thể nhìn ra có oan hay không. Nói là có oan, thực ra là muốn nói người đó đã chết trước khi rơi xuống nước. Ngày xưa ai mà chẳng mê tín, nếu nói thẳng tuột là có oan hay không có oan thì chẳng có ai tin nổi, phải nói là âm khí nặng thì mọi người mới thật tâm tin tưởng.

Ng.uồn.n .tử. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Kể từ thời dân quốc trở đi, ngành tư pháp dần dần hoàn thiện, những phương pháp dân gian như thế này rất ít được dùng đến. Nguyên lý bên trong ra sao, Quách sư phụ không thể giải thích rõ ràng, bởi sư phụ chưa bao giờ giảng giải cho ông ta biết, nhưng biện pháp này đích thực là chuẩn xác.

Nghe Quách sư phụ nói xong, lão Lương rốt cục đã hiểu ra ngọn ngành, ông này bảo: “Sau này có lẽ ông nên thu lấy vài đồ đệ, rồi truyền lại những kinh nghiệm và phương pháp dân gian của đội vớt xác lại cho họ, như vậy sẽ có trợ giúp rất lớn đối với công việc phá án của chúng ta. Nhưng ông không thể tiếp tục nói âm khí oan tình này nọ nữa, tất cả những cái đó đều xuất phát từ thói mê tín thời phong kiến.”

Trao đổi xong câu chuyện về việc xem thuốc đoán oan, lão Lương lại cùng với Quách sư phụ đề cập tới cái xác đã nhung nhúc giời trắng dưới ao tro. Sau khi khám nghiệm tử thi xong, người ta đã phát hiện ra, nạn nhân chết do bị kẻ khác dùng một vật sắc bén nện vào gáy, sau khi cướp sạch tài sản trên người, hung thủ đã vớt xác xuống ao tro. Từ khi giải phóng đến nay, những vụ án mạng giống thế này đã xảy ra bảy tám lần, xét theo hung khí và thủ đoạn gây án, tất cả là do cùng một thủ phạm thực hiện. Hung khí là một vũ khí bằng sắt rất sắc bén, nhưng không phải búa, bởi búa bổ vào đầu người sẽ tạo ra vết thương theo chiều dọc, nhưng những vết thương này lại chạy theo chiều ngang. Người ta phán đoán, có lẽ hung khí là búa thợ mộc chuyên dụng. Vật dụng này giống hình cái búa, một đầu bị tán dẹt thành hình mỏ vịt, đầu bên kia giống như đầu búa, cán bằng gỗ. Từ trăm năm trước đã có những vụ án cướp bằng búa thợ mộc, bắt đầu xảy ra ở quan ngoại Hắc Long Giang. Bình thường, chỉ đến lúc nửa đêm hung đồ mới chọn những chỗ hoang vắng ít người để ra tay, nhân cơ hội người đi đường phía trước không để ý, nhanh chóng áp sát từ phía sau, vung búa thợ mộc nhè vào gáy người đó mà giáng. Thủ đoạn này vô cùng tàn nhẫn, còn được gọi là “Đóng tịt đỉnh”, so với đánh ngất người khác để cướp bóc thì nguy hiểm hơn nhiều, bởi vì búa thợ mộc vừa sắc bén vừa nặng, người bị nện vào đầu không chết cũng thành tàn phế, không kịp kêu lên một tiếng thì đã đổ gục xuống rồi. Những người đi lại một mình giữa đêm khuya chẳng một ai là người có tiền, hung thủ chỉ cướp đoạt được một vài vật đáng giá. Có khi trên người nạn nhân còn không có lấy một xu, chỉ vैन mang theo hai cái bánh nướng, nhưng không ngờ chỉ vì hai cái bánh nướng đó lại phải trả giá bằng tính mạng. Bởi vậy mới nói, kẻ cướp bằng búa thợ mộc bị người ta căm hận nhất, bắt được hung thủ thì dù có mang ra phanh thây xé xác vẫn chưa hả hết giận. Sau này do ảnh hưởng, thợ mộc càng ngày càng ít sử dụng loại búa này để làm việc, còn rất ít những vụ án liên quan đến hung khí này phát sinh, không ngờ sau giải phóng khơi khơi lại còn có kẻ cầm búa thợ mộc đi ăn cướp. Tuy rằng nhân viên công an đã nắm được manh mối về hung khí, nhưng vẫn không thể tìm ra xuất xứ của nó, bởi vậy vụ án này đã lâm vào ngõ cụt. Lão Lương biết Quách sư phụ quen thuộc với tình hình địa phương, cho nên lần này lại nhờ đến ông ta hỗ trợ.

Quách sư phụ đã từng nghe nói đến một vụ cướp bằng búa thợ mộc. Đó là câu chuyện đồn đại từ ngày xưa, người ta kể trước kia ở địa phương nọ phát sinh một vụ án liên quan đến búa thợ mộc, toàn bộ thợ mộc của vùng đó đều bị lấy ảnh hưởng xấu. Để tránh hiềm nghi, đám thợ mộc không dám tiếp tục dùng búa thợ mộc để làm việc nữa. Cho nên, cho tới bây giờ, búa thợ mộc đã là vật dụng rất hiếm gặp, nhưng nhìn chung không thể nào đi lục soát từng nhà một. Ông ta nhận lời lão Lương sẽ lưu tâm dò hỏi tìm kiếm. Trên

đời này không có vụ án mạng nào không tìm được hung thủ, bất kể là hán có lẫn trốn bao nhiêu lâu, cuối cùng vẫn sẽ tìm ra được. Giữa nửa đêm con chuột trong miếu Đẩu Mẫu đến gõ cửa, dẫn ông ta tới ao tro tìm được tử thi, ai dám nói đây không phải là âm hồn báo oan?

Bảy

Dù trong đầu có ý nghĩ này nhưng Quách sư phụ không dám nói với lão Lương, mà từ lúc đó trở đi chỉ bắt đầu lưu ý dò hỏi.

Ngài dừng thấy khoảng cách giữa Thiên Tân và Bắc Kinh gần như vậy mà lắm, phong tục của dân chúng hai nơi này khác xa nhau. Đơn cử một ví dụ, thành Bắc Kinh gọi đám người xã hội đen là gọi ‘ngoạn chủ’, còn Thiên Tân vệ gọi là ‘ngoạn nháo’. Mặc dù cùng bắt đầu bằng chữ ‘ngoạn’ để ám chỉ đám người dẫn thân vào lẫn lộn trong xã hội, nhưng chỉ khác nhau một chữ đã tạo ra sự chênh lệch rất lớn, đồng thời cũng đã thể hiện ra đặc điểm của cư dân hai địa phương. Những kẻ rồi việc âm ỉ tụ tập đi khắp nơi vớt con giống ở Thiên Tân vệ nhiều vô số kể. Bọn họ thích tham gia náo nhiệt, chỉ sợ thiên hạ không loạn. Mùa hè năm 1953, người ta tìm thấy một xác chết trương nhúch giò dưới ao tro. Theo phán đoán của cơ quan công an, người này kẻ cướp bị sát bằng búa thợ mộc. Sau khi Quách Đắc Hữu của công an đường thủy phát hiện ra, cơ quan công an đã phát động quần chúng cấp manh mối. Một sự việc rất đổi bình thường, sau khi bàn ra tán vào đã không còn như lúc ban đầu. Ai cũng bảo đây là vụ trọng án giết người bằng búa thợ mộc, bởi vậy không tránh khỏi thêm mắm thêm muối, miêu tả đến độ vô cùng máu tanh nghe rợn cả người. Thậm chí, họ còn đặt cho hung thủ gây án biệt danh là “Thợ mộc”, còn bảo nhau rằng, tên “thợ mộc” này tâm địa tàn nhẫn ra tay độc ác, hành tung xuất quỷ nhập thần, điều ra bao nhiêu công an cũng bắt không được hán, mãi đến khi chuột tiên trong miếu Đẩu Mẫu kêu oan, dẫn Thần sông Quách Đắc Hữu đến ao tro mới tìm ra tử thi. Quách Nhị gia là ai chứ, là “Thần sông” đấy, ông ta mà ra tay thì không có án nào không phá được, thời gian lộng hành của “Thợ mộc” coi như đã chấm dứt, sớm muộn gì cũng sẽ rơi vào tay Thần sông Quách Đắc Hữu.

Tại sao các loại hình khúc nghệ như bình thư tướng thanh (hát hài hước châm biếm) lại có đất diễn ở Thiên Tân như vậy? Nguyên nhân chỉ vì dân chúng bản địa luôn thích nghe những câu chuyện cũ đầy màu sắc truyền kỳ, bất kể là thật hay giả, cho dù đó chỉ là lời đồn, chỉ cần kể ra khiến người nghe kinh sợ là được. Thực ra lão Lương chỉ một lần nữa nhờ Quách sư phụ giúp đỡ thẩm tra những manh mối có liên quan, nhưng một đồn mười, mười đồn trăm, khắp nơi đâu đâu cũng bảo Quách sư phụ quyết tâm phá vụ án ăn cướp bằng búa thợ mộc. Lời đồn thật đáng sợ, nói cứ như là thật, khiến cho toàn bộ những vị sư phụ và phụ việc nghề mộc ai nấy đều cảm thấy bất an, nháo nhào tìm tới tận cửa, thanh minh với Quách sư phụ về sự trong sạch của mình. Toàn bộ gia đình cả già lẫn trẻ kéo nhau đến khóc lóc kể lể: “Thợ mộc chúng tôi có gây thù chuốc oán với ai đâu cơ chứ!”

Lại nói tiếp, bởi khắp nơi đồn đại Thần sông Quách Đắc Hữu quyết tâm phá vụ án ăn cướp bằng búa thợ mộc đã khiến cho hung thủ thực sự trở nên sợ hãi. Thượng hạ tây đông ở đâu mà không nhắc tới danh hiệu này, những người sống ở thập kỷ bốn mươi năm mươi có ai là không biết tới “Thần sông”?

Kẻ cướp bằng búa thợ mộc họ Bạch, sống ở gần nhà ga phía bắc, tầm ngoài ba mươi chưa đến bốn mươi, tên đầy đủ là Bạch Tứ Hổ. Trước kia hán làm đồ tể giết mổ lợn bò, nhưng đường sáng không chịu đi, lúc nào cũng nhắm nhăm đâm đầu vào nẻo đường tà. Cách đây vài năm, khi đi ngang qua khu chợ lậu bán đồ cũ, hán nhìn thấy trong một gánh hàng bày bán ở vỉa hè bán một cây búa đầu bẹt, người chủ hàng cũng không biết đó là cái gì. Bởi gia đình đã từng mở tiệm quan tài, thường đứng bên cạnh xem thợ mộc làm việc, cho nên hán mới nhận đó là búa thợ mộc. Đồng thời, hán cũng đã từng nghe nói đến, năm xưa ngoài quan ngoại có kẻ dùng búa thợ mộc đánh người cướp của. Cây búa bình thường bầm bở không tiện tay bằng búa thợ mộc, ‘đóng lút đỉnh’ là một phát ăn ngay không để lại người sống. Lúc ấy hán bèn bỏ tiền ra mua, nhét vào trong lồng ngực, nhân dịp trời còn chưa sáng, ra bờ sông đánh gục một người, cướp được một bó hàng da, còn xác thì đạp xuống cống ngầm. Thời bấy giờ đang là lúc chiến tranh, chẳng ai quan tâm đến việc này. Bạch Tứ Hổ nếm đến mùi ngon ngọt, thường xuyên đến vùng ngoại ô ‘đóng lút đỉnh’, lúc thì cướp được tiền, lúc thì cướp được một chút lương thực, nhưng cũng có lúc ra về với hai bàn tay trắng.

Cái tên Bạch Tứ Hổ này bình thường ăn không nên đợi nói không nên lời, không làm được cái gì ra hồn, khi ra ngoài không dám giao tiếp với ai. Tướng mạo hán xấu xí, có vẻ trung thực, nhưng tính cách rất hèn nhất, ai bắt nạt ai khi dễ thì chỉ biết ghi hận trong lòng, hiếu sát thành tính. Cứ mỗi lần giết heo mổ trâu,

trước tiên hắn thường tra tấn chúng cho đã tay rồi mới giết chết. Dù lần nào hắn cũng chọn thời điểm trời còn chưa sáng để ra tay giết mổ gia súc, nhưng căn phòng dùng để giết mổ heo luôn phát ra tiếng kêu thảm thiết cho đến tận hừng đông mới ngừng, khiến cho những người ở quanh đó lúc nào cũng giống như bị tra tấn tinh thần. Không ai dám mua thịt, hắn dần dần hết sạch tiền vốn. Không còn đường mưu sinh, hắn bèn dựa vào búa thợ mộc “đóng lút đinh” cướp bất cứ thứ gì để chống chọi qua ngày.

Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, nội thành thực thi chế độ quân quản. Quân quản ra tay đối phó với các phần tử làm nguy hại đến trật tự trị an, cần bắt sẽ bắt, cần xử bắn sẽ xử bắn. Toàn bộ các bang phái lưu manh, du côn đầu đường xó chợ, hút thuốc phiện và kỹ nữ hành nghề trước giải phóng đều phải đi cải tạo, tình trạng an ninh tốt hơn trước kia rất nhiều. Nhưng những đêm không trăng gió lớn, Bạch Tứ Hồ vẫn dám dắt búa thợ mộc vào người đi ra ngoài gây án. Mùa hè năm 1953, xác chết đang phân hủy mà Quách sư phụ tìm thấy dưới ao tro phía sau miếu Đẩu Mẫu, cũng là tác phẩm của kẻ này, nhưng hắn không cướp được cái gì của nạn nhân. Tên Bạch Tứ Hồ này là kẻ hung đồ lớn mật liều mạng, tâm địa tàn nhẫn ra tay độc ác, không coi công an ra cái gì, tự cho rằng mình gây án không theo quy luật, sẽ không bị bắt cứ ai tìm ra. Nhưng khi nghe thấy người ta đồn ầm lên Thần sông Quách Đắc Hữu quyết điều tra vụ cướp bằng búa thợ mộc, hơn nữa, trước giải phóng hắn đã được nghe kể lại Quách sư phụ lợi hại như thế nào, lại nhớ tới thuyết nhân quả báo ứng, trong lòng không tránh khỏi hốt hoảng sợ hãi. Đêm đến hắn không tài ngủ yên, lúc nào cũng có cảm giác như mình đang bị người khác theo dõi. Chỉ cần gió thổi cỏ lay quanh đầu dây, hắn đã giật mình cho rằng Thần sông Quách Đắc Hữu dẫn công an tìm tới tận cửa rồi.

Năm 1954 vừa đúng dịp vận động tiến hành quét sạch phản động, toàn thành lũng bắt với quy mô lớn. Hội quân quản, dân binh, đội tuần phòng, toàn bộ đều hành động. Trên đường cái, cứ cách mười bước lập một trạm năm bước lập một đồn, nhà nào cũng phải đăng ký hộ khẩu, bố cáo dán khắp nơi, tra xét nghiêm ngặt những thành phần khả nghi không rõ lai lịch, toàn bộ những việc đó chỉ là để nhằm truy bắt thủ phạm đã man ăn cướp bằng búa thợ mộc.

Nhưng xét theo tình hình lúc bấy giờ, công an làm mọi cách vẫn không thể nào truy tìm được Bạch Tứ Hồ. Kẻ này có tướng mạo xấu xí, là người rất dễ lẫn vào giữa đám đông, khi ra ngoài lại chẳng giao tiếp với ai, xưa nay chỉ biết nhịn nhục cho người ta bắt nạt, rặn cả ngày cũng không dám đánh một phát rắm. Một người như vậy, có ai dám nghĩ là hung thủ chuyên ăn cướp bằng búa thợ mộc? Quách sư phụ vẫn tiếp tục tiến hành công việc của đội vớt xác, ngày nào cũng tất bật chạy đi chạy lại giữa nhà và cơ quan, đâu còn thời gian mà bận tâm đến việc phá án. Nhưng chỉ riêng Bạch Tứ Hồ là có tật giật mình, hắn càng nghĩ càng thấy sợ, rồi từ sợ lại sinh ra hận, biến Quách sư phụ trở thành cái đinh trong mắt cái gai trong thịt, cả ngày chỉ ru rú ở trong nhà không dám tiếp tục đi gây án. Lại nói tiếp, năm 1954, ngày mùng bốn tháng năm âm lịch, trước tết Đoan Ngọ một ngày, nhà nào cũng gói bánh chưng, Bạch Tứ Hồ thật sự không chịu yên được nữa. Đêm khuya nằm trên giường trần trọc mãi mà không tài nào ngủ được, hắn thì thảo trao đổi với vợ: “Hai ngày nay tâm thần tôi bất an, chỉ sợ sắp gặp chuyện không may. Tôi nghĩ mình sẽ không chịu phó mặc cho họ Quách đến tận nhà bắt nữa, đã không làm thì thôi, nếu đã làm thì dứt điểm một lần cho xong, tôi sẽ đến tận nhà hắn giết chết hắn, sau này một nhà ba người chúng ta sẽ được yên ổn mà ngủ, bà thấy có được hay không?” Vợ hắn nằm bên cạnh không nói câu gì, Bạch Tứ Hồ lại hỏi: “Bà không nói gì có nghĩa là đã đồng ý với tôi rồi phải không?” Vợ hắn vẫn nằm im không hề nhúc nhích, cũng chẳng thể nào có thể mở miệng nói chuyện, bởi vì người phụ nữ này không phải là người sống.

Tám

Tên cướp bằng búa thợ mộc Bạch Tứ Hồ, trong nhà cũng có vợ có con, nhưng một nhà ba người chỉ có hắn là người còn sống, vợ hắn là người chết còn đứa con là yêu quái, ngoại trừ Bạch Tứ Hồ không ai có thể nhìn thấy đứa trẻ này.

Tôi sẽ nói qua một chút ngọn nguồn tại sao lại như vậy. Mấy năm trước, Bạch Tứ Hồ bắt gặp một cô gái ngoài đường, giữa đêm hôm khuya khoắt cô ta chỉ đi ra ngoài có một mình, trong lúc đang đi đường thì bị Bạch Tứ Hồ dùng búa thợ mộc đánh gục. Bạch Tứ Hồ càng nhìn càng thấy cô gái này vừa mắt, đâm ra hồi hận sao mình lại đập chết cô ta, nhất thời sinh ra ý niệm ma quỷ, cho xác cô ta lên xe đẩy về nhà. Nhà hắn ở nơi rất heo lánh, trời còn chưa sáng, những hộ gia đình quanh đó không thể nào phát hiện ra. Khi về đến nhà, hắn thấy gương mặt xác chết vẫn tươi tỉnh như lúc còn sống, phía sau gáy cũng không có máu chảy ra, giống như đang chìm vào giấc ngủ vậy. Bạch Tứ Hồ đã ngoài ba mươi, còn chưa lập gia đình, bèn coi đó là vợ leo lên giường gạch ôm người chết ngủ. Những lúc không ngủ, hắn nói chuyện giải buồn với xác chết.

Hàng ngày, hẩn hằm nước thịt đút cho xác chết, lau người, chăm sóc như vợ của mình. Nói ra kể cũng lạ, cô gái này rõ ràng đã chết rồi, thế nhưng không hề có mùi thối, lại còn có thể bón được nước hằm, dân gian gọi trường hợp này là ‘hoạt thi’. Qua mấy tháng sau, bụng hoạt thi càng ngày càng phình to ra, rõ ràng là đã có bầu, nhưng chưa đủ tháng đã sinh rồi, sinh ra một cái tử thai, nhưng bản thân hẩn thì ngày nào cũng đóng cửa ở trong nhà nựng nịu, còn đặt cho cái tên mụ là Tiểu Hồ, cứ như là thật sự có một đứa bé đang chạy khắp nhà vậy.

Nửa năm sau, trên người cô gái này bắt đầu có mùi, nước thịt hằm cuối cùng cũng không bón được nữa. Trước kia, gọi là “Hoạt tử nhân” bởi khi ấy người ta không biết đến khái niệm người sống thực vật là thế nào, cứ có sao nói vậy gọi theo cách này. Sau khi xác thực đã chết hẳn, Bạch Tứ Hồ vẫn không nỡ mang xác cô gái đi chôn. Nhưng mùi thối của xác chết không thể che dấu được, trời thì lại nóng, xác chết bốc mùi càng ngày càng nặng, chẳng được mấy ngày nữa, những gia đình ở xung quanh sẽ lũ lượt kéo đến. Trong lúc đang không biết làm cách nào, hẩn chợt nghĩ ra một kế sách. Hẩn đi mua một loạt túi muối lớn công về nhà, tiến hành ướp xác cô gái. Khi nhìn thấy, tất cả hàng xóm láng giềng chỉ nghĩ rằng Bạch Tứ Hồ thích ăn mặn. Thiên Tân vệ ở ngay cửa biển, từ xưa đã là cái nôi sản xuất muối nên chẳng có một ai cảm thấy kỳ quái. Ướp xong, tử thi đã không còn bốc mùi gì nữa, nhưng hẩn không thể tiếp tục thân mật được nữa, bởi vì quá mặn, mặn đến mức có thể hại chết người khác.

Bởi đầu óc không bình thường nên Bạch Tứ Hồ mới coi xác chết này như vợ của mình, lại còn tưởng tượng ra một đứa con. Một nhà ba người đóng cửa quây quần chung sống, hàng xóm xung quanh không một nhà nào có thể phát giác ra. Giữa nửa đêm, hẩn nổi lên ý định giết người, đến lúc hừng đông bảo với vợ: “Bà ở nhà trông con cẩn thận, tôi đi tìm họ Quách. Nếu không đục được một cái lỗ trên đầu của hẩn, sau này chúng ta sẽ sống không yên ổn. Đến lúc về tôi sẽ mua bánh chưng cho hai mẹ con ăn.”

Tự lẩm bẩm một mình xong, hẩn đứng dậy mặc quần áo vào, bắt đầu bận rộn làm việc nhà. Mùng năm tháng năm âm lịch tết Đoan Ngọ, thời ấy còn giữ nguyên tập tục xưa, bên cạnh cửa nhà nào cũng treo cỏ hao, bởi vì tiết trời dần dần nóng lên, treo cỏ hao với mục đích xua đuổi trùng độc. Dân chúng bện cỏ hao thành dây thừng, phơi khô rồi đốt lên, có thể xua muỗi trừ tà ma. Ngày xưa có câu nói rất phổ biến “Đoan ngọ không mang theo cỏ hao, chết biến thành yêu quái”.

Trước kia, mỗi khi đến tết Đoan ngọ, người ta còn ngâm rượu hùng hoàng, dùng rượu đó để vẽ hổ cho trẻ con. Người ta dùng rượu hùng hoàng làm mực, vẽ lên trán trẻ con một cái chữ Vương (王), hơn nữa còn khuyên tròn ở miệng mũi tai mắt, bởi nghe nói làm như vậy cũng có thể phòng ngừa côn trùng. Đồng thời cắt giấy đỏ thành hình năm loài vật độc, dán lên những chỗ như cửa sổ góc tường; Đó chính là ‘ngũ độc chỉ’, dân gian còn gọi là ‘trừ ngũ độc’. Năm loài vật độc bao gồm bò cạp, rết, rắn, cóc, thạch sùng. Tùy thuộc vào từng vùng, năm loài vật độc lại khác nhau. Ngoại trừ khoảng thời gian giữa thanh minh cốc vũ năm loài vật độc này sinh sôi nảy nở ra, nếu trong nhà có trẻ con, người ta phải nhờ những bà đồ già dùng tờ năm màu tết thành các loại như Tiểu tống tử (bánh chưng), Tiểu bễ tử (lược dày), Tiểu lão hổ rồi đeo lên cổ cho chúng. Bạch Tứ Hồ cũng làm theo tập tục của tết Đoan ngọ, dán giấy cắt hình năm loài vật độc trong nhà, thậm chí còn vẽ hổ cho cả đứa con hoàn toàn không có thật nữa. Đến xế chiều mới xong việc, hẩn nhét búa thợ mộc vào sau lưng rồi lập tức đi tìm Quách sư phụ.

Nhưng vừa đến đầu hẻm hẩn lại quay về nhà. Đứng thấy lúc trước Bạch Tứ Hồ tàn nhẫn thẳng tay ‘đóng lút đinh’ mà lẫm, lần này hẩn tuyệt không dám ra tay, trong lòng ngập tràn sợ hãi, ủ rũ quay trở về. Lúc ấy vừa mới xế chiều, trời vẫn chưa tối hẳn, nhưng cửa nhà đã đóng kín, cũng chẳng đốt đèn, trong phòng tối om om. Hẩn ngồi ở góc tường ôm đầu khóc ồ ồ, túm lấy tóc, thật lực dứt hết nhúm này đến nhúm khác, tràn ngập oán hận, vừa hận vừa sợ lại kèm cả uất ức, lồng ngực như sắp nổ tung. Chỉ cầu được sống yên ổn nhưng sao lại khó như vậy, không may bị tên họ Quách kia bắt được, vợ và con sẽ ra sao bây giờ?

Xác cô gái trên giường gạch đột nhiên mở miệng nói: “Đồ vô dụng, một việc cần con như vậy mà cũng không có gan!”

Chín

Giọng nói của xác cô gái rất nhỏ, có lẽ bởi vì rất nhiều năm không hoạt động, thanh quản và lưỡi cực kỳ cứng.

Bạch Tứ Hồ trợn mắt há hốc mồm, run rẩy sợ hãi rất lâu sau mới nói được thành lời: “Cuối cùng bà cũng

chịu nói chuyện với tôi rồi!”

Ngài sẽ cho rằng, đầu óc Bạch Tứ Hổ không bình thường, xác cô gái nói chuyện chỉ là do chính bản thân hắn tự tưởng tượng ra? Không phải, hắn thực sự nghe thấy trong phòng có người nói chuyện. Tôi và ngài là người ngoài càng nghe càng thấy sợ, nhưng Bạch Tứ Hổ lại không sợ những thứ đáng sợ. Khi nghe thấy câu nói đó, hắn ngồi ở trong góc nhà nhìn trừng trừng không chớp mắt, suy đi tính lại cân nhắc tới đủ mọi khả năng. Vì vợ con, cuối cùng hắn cũng hạ quyết tâm, dắt búa thợ mộc vào người ra khỏi nhà, chạy một mạch đi tìm Quách sư phụ. Trước giải phóng hắn đã nghe nói đến tên tuổi Quách sư phụ, nghe nhiều đến mức chai cả lỗ tai. Trước đó hắn đã nghe ngóng kỹ lưỡng, cũng đã nhìn tận mắt tận mũi đáng người. Đến khi Quách sư phụ đi ca đêm, hắn lặng lẽ không phát ra tiếng động bám sát phía sau, chờ đến lúc tới nơi vắng vẻ một búa hạ gục ông ta.

Quách sư phụ không hay biết gì về tình thế nguy hiểm của mình, tan tầm là đạp xe về nhà. Giữa tiết Đoan ngo, là thời gian năm loài vật độc cùng xuất hiện, đến khi trời tối chẳng còn mấy ai đi ngoài đường, bởi vậy ông ta không thể nào ngờ tới Bạch Tứ Hổ lại bám theo phía sau.

Bạch Tứ Hổ không lường trước được Quách sư phụ lại đi xe đạp. Hắn đành phải guồng hai chân mà chạy, cực kỳ chật vật đuổi theo. Được một lúc thì tới một con đường vắng vẻ, quanh đó không thấy một bóng người, đúng là cơ hội thuận lợi có thể ra tay, hắn thở hồng hộc chạy rướn lên, vung búa thợ mộc, nhằm thẳng vào gáy Quách sư phụ mà nện thẳng cánh. Thế nhưng, do hắn đuổi theo mệt đứt hơi, chân nặng như đeo đá, phát ra tiếng động bịch bịch.

Khi nghe thấy tiếng bước chân đuổi theo sau, Quách sư phụ cứ nghĩ là có người quen chạy tới tìm mình. Ông ta quay lại nhìn, hóa ra lại là một gã đàn ông mất to mày rậm, bên vành tai trái dường như có một vết thâm tím, tay đang giơ ột vật gì đó chạy bỏ từ phía sau tới. Nhìn thấy ông ta ngoái lại, người đó hoảng hốt quay đầu bỏ chạy. Quách sư phụ vẫn còn chưa hiểu nổi có chuyện gì xảy ra. Dưới ánh đèn đường mờ ảo, ông ta chỉ kịp nhìn thấy hình như đối phương đang cầm một cái búa thợ mộc. Trong lòng chợt giật đánh thót, ông ta suy đoán chắc kẻ này là nghi phạm cướp giết bằng búa thợ mộc, vội vàng đạp xe đuổi theo, nhưng đến lúc ấy chẳng biết người đó đã chạy đi đường nào.

Không đề cập tới Quách sư phụ nữa, giờ nói tới Bạch Tứ Hổ. Vào ngày tết Đoan Ngo, hắn bám theo sau Quách sư phụ, khi tới đoạn đường vắng định ra tay, đầu biết được đối phương đột nhiên quay đầu lại. Bởi đã mang sẵn tâm lý sợ hãi, đến khi bị Quách sư phụ nhìn thấy, hắn kinh sợ vội vàng bỏ chạy. Khi chạy về đến nhà, chốt then cửa xong, hắn tự cho rằng chỉ một hai ngày nữa nhất định sẽ có người tìm tới tận cửa bắt mình. Hắn hối hận đến mức ngẩn ngơ, nhưng lại không tự trách mình, mà đổ hết lỗi cho Quách sư phụ. Càng nghĩ càng hận, hắn ngồi phịch xuống đất ghè đầu bình bịch vào vách tường.

Nhà của Bạch Tứ Hổ là căn phòng cổ được thừa hưởng từ cha ông, có từ lâu lắm rồi, không dưới năm sáu mươi năm. Mặc dù chỉ là nhà dân chúng bình thường, nhưng nó lại được xây dựng rất bề thế, ba gian nhà một chính hai phụ, nếu bớt đi một gian phụ thì vừa khéo cân đối một phòng khách một buồng ngủ. Cửa vào nằm ở gian chính, hai gian buồng nằm hai bên cánh, nền phòng được lát bằng gạch xanh theo kiểu Hải mã. Nền những ngôi nhà cổ không lát xi-măng, toàn bộ đều được lát bằng gạch, nhưng không phải lát theo cách bình thường mà tất cả gạch lát nền đều dựng thẳng đứng, lát như vậy được gọi là Hải mã. Bởi vì gạch dựng thẳng đứng nên tiết diện nhỏ, diện tích chịu lực không đáng kể, khó mà lún xuống, hơn nữa cũng không sợ bị ngâm nước mưa, có thể bảo tồn được rất nhiều năm. Tuy vậy, lát theo kiểu Hải mã tốn gạch hơn rất nhiều so với cách bình thường. Mặc dù hai gian phòng của nhà Bạch Tứ Hổ không lớn, nhưng toàn bộ vật liệu đều đồng nhất, nền phòng và bốn vách tường được lát bằng cùng một loại “Ma chuyên”. Ma chuyên tức là gạch cổ, lúc trước chúng ta đã từng đề cập đến. Trước kia, Thiên Tân vệ có rất nhiều lò gạch, hơn nữa đa phần thuộc quyền quản lý của quan phủ, chuyên nung loại gạch lớn để xây thành. Năm 1900, liên quân tám nước đồng minh ép buộc triều đình nhà Thanh dỡ bỏ thành lâu tường thành Thiên Tân, có không ít người đã nhặt gạch dỡ ra từ tường thành, chất lên xe đẩy về nhà xây phòng ở. Lúc ấy, người ta coi gạch xây thành cổ như bảo bối, bởi vậy mới có câu nói cửa miệng – “Dùng gạch dỡ ra từ thành cổ xây tường, tường không đổ”. Đa phần mái nhà được lợp bằng ngói xanh, theo kiểu âm dương đan xen, còn dùng cả than chì quét lên lên trên.

Nghe nói, tổ tiên nhà Bạch Tứ Hổ mở tiệm bán quan tài được vài đời, đến lúc ấy đã tích cóp được ít tiền, cho nên khi xây nhà dựng cửa đã chia làm hai viện nội ngoại, còn xây cả tường ở cửa vào để làm bình phong,

ngoại viện quay ngang dài, nội viện thẳng hẹp, theo hướng bắc ngoảnh về nam, nhà giữa chỉ có ba gian. Bởi vì khi ấy vẫn còn chế độ phong kiến, phòng xá thứ dân chỉ giới hạn ba gian năm mái, không được phép dùng đầu củng* hay vẽ hoa văn, đó là những điều cấm kỵ của xã hội này.

* một loại kết cấu đặc biệt của kiến trúc Trung Hoa, gồm những thanh ngang từ trụ cột chĩa ra gọi là củng và những trụ kê hình vòng chèn giữa các củng gọi là đầu.

Hai bên nhà chính là nhĩ phòng, bố cục như vậy được gọi là “Cánh ô sa”, mang hàm nghĩa thăng quan phát tài. Khi truyền đến đời hần, tiệm quan tài đã tiết đường kinh doanh, nhà cửa chỉ còn lại vền vện hai gian nhà trệt nhỏ, tổng diện tích áng chừng hai mươi mét vuông, nằm ở phía bắc của một con hẻm nhỏ, còn tất cả những gian phòng cũ còn lại đã nhiều lần bị phá dỡ sửa lại, bố cục phòng ốc sân vườn trong ngõ nhỏ đã hoàn toàn biến đổi. Phòng ở của mấy người Bạch Tứ Hổ là một gian giường gạch choán hết nửa, xác cô gái được đặt trên giường gạch, phủ kín chắn. Giữa nửa đêm ngày tết Đoan Ngọ, hần ngồi phệt dưới đất một mình ở gian ngoài than khóc, đúng lúc ấy xác cô gái trên giường gạch đột nhiên mở miệng hỏi: “Họ Quách đã chết chưa?”

Nhiều năm nay, Bạch Tứ Hổ có một thói quen, ở bên ngoài không hé răng nói một câu, hễ về đến nhà có chuyện gì là sẽ tuôn ra hết với xác cô gái này. Nghe thấy thế, hần lập tức thở dài, bảo: “Đừng hỏi nữa, tôi đi theo tên họ Quách kia được một quãng, đang định thẳng tay nện cho hần một búa. Có ngờ đâu cái thằng đó rất cảnh giác, vừa nghe thấy tiếng bước chân của tôi là ngoái đầu lại nhìn tôi, tôi. . . tôi nhất thời khiếp đảm, không dám xuống tay, đã thế còn để hần nhìn thấy mặt. Ôi, có lẽ cuộc sống như hiện nay của chúng ta sắp chấm dứt, không tới hai ba ngày nữa, quan quân nhất định sẽ tìm tới tận cửa bắt tôi, tôi không nỡ lìa xa bà và con, tôi cũng không muốn dựa cột ăn kẹo đồng.”

Xác cô gái lại mở miệng ra bảo: “Ta chỉ cho người một cách, người cứ làm theo những gì ta nói, đảm bảo người sẽ bình an vô sự, lại còn thực sự có thể dồn cái tên họ Quách kia vào chỗ chết, người cứ làm như thế, . . .”

Kể cũng lạ, cô gái trong nhà Bạch Tứ Hổ đã chết tới năm sáu năm, tử thi được ướp bằng muối, mấy năm nay vẫn nằm im trên giường gạch không nhúc nhích, lúc bấy giờ lại đột nhiên mở miệng nói chuyện, thế chẳng phải là gặp quỷ hay sao? Á ta đã chỉ cho Bạch Tứ Hổ cách gì? Đây cũng là một nút thắt, chúng ta cứ đặt nó ở đây đã, để đến hồi sau phân giải.

22. Chương 22

Một

Không nói đến Bạch Tứ Hổ nữa, giờ chuyển hướng câu chuyện sang phía Quách sư phụ. Tết Đoan ngo năm 1945, mừng năm tháng năm âm lịch, đây là thời gian năm loài vật độc cùng xuất hiện, trên đường về nhà, Quách sư phụ bắt gặp một người cầm búa thợ mộc, lao từ phía sau lên định bổ vào đầu mình. Vừa mới ngoái lại thì kẻ đó đã bỏ chạy, ông ta vội chạy tới báo cho lão Lương biết.

Lão Lương không nghĩ như vậy, bảo: “Năm nay triển khai hành động quét sạch bọn phản động, toàn thành lòng bắt với qui mô lớn, hung thủ ăn cướp bằng búa thợ mộc ăn tìm gấu gan báo hay sao mà lúc này còn dám ra ngoài gây án? Lại còn rập tâm ra tay với ông nữa? Nào đâu có việc trùng hợp như vậy? Chắc là người quen đùa giỡn với ông mà thôi. Ông đấy, đừng có nghĩ ngợi nhiều nữa, mau mau về nhà ăn tết đi.”

Thấy lão Lương không coi trọng, Quách sư phụ đành nhịn không nói thêm một câu gì nữa, nhưng trong lòng vẫn chắc mẫm, kẻ vừa gặp giữa đường lúc này rất có thể là thủ phạm của những vụ cướp bằng búa thợ mộc. Ông ta đã nhớ nằm lòng hình dáng tướng mạo kẻ này, định bụng sau này sẽ chú ý điều tra, còn hôm nay cứ về nhà trước đã. Khi về đến nhà trời đã tối, bà vợ đã bọc kín bánh chưng để phần lại cho ông ta. Chợt nhớ ra tên lưu manh Đinh Mão không có bánh chưng ăn, ông ta giục vợ đi ngủ trước còn bản thân thì cầm theo mấy cái bánh chưng, rời nhà sang chỗ Đinh Mão. Hai người ở cách nhau không xa, chỉ cách có một con ngõ nhỏ.

Thập kỷ năm mươi, vùng ngoại ô vẫn còn nhiều cây dâu và cây hòe. Lúc ấy vừa đúng giữa mùa dâu, mỗi lần ăn dâu, chẳng cần biết nhiều hay ít, cứ phải đẩy một cái chậu rửa mặt, bởi loại quả này thực sự chẳng đáng bao nhiêu tiền. Đinh Mão cầm một chậu quả dâu, hai người ngồi ngay lẽ đường cùng ăn. Họ đang ăn

thì chợt thấy có một người đi vào đầu hẻm, anh chàng này thở hồng hộc nghiêng răng đập một chiếc xích lô, khi đến gần thì hóa ra là Trương Bán Tiên. Sau giải phóng, Trương Bán Tiên cũng dọn đến ở vùng này, ai ai cũng tất bật vội vàng, lo cho thân mình còn chưa xong, khó mà có cơ hội gặp nhau lấy một lần.

Quách sư phụ và Đinh Mão cùng đứng lên, cất tiếng chào hỏi Trương Bán Tiên: “Đây chẳng phải Trương tiên ư, thầy khỏe chứ?”

Thời xưa, người ta gọi thầy tướng số và người kể chuyện thuyết thư là tiên sinh, văn dốt cũng làm được thầy tướng số, võ nát cũng làm được lưu manh, nhưng chỉ vì muốn ăn được chén cơm này thì đành phải ta đây vắn vẻ. Cho dù những kiến thức chứa trong bụng chỉ là một mớ tạp nham, nhưng trên thực tế họ lại được tầng lớp dân chúng dưới đáy xã hội tôn kính. Quách sư phụ vẫn theo thói quen trước kia để gọi Trương Bán Tiên, vừa mở miệng ra đã gọi “Tiên sinh”, nhưng người Thiên Tân vệ nói nhanh như máy, chuyên môn lướt qua chữ. Bởi vậy, khi nói ra mồm, chữ ‘sinh’ trong ‘Trương tiên sinh’ đã bị lướt qua: “Trương tiên Trương tiên, đã lâu không gặp, dạo này pháp thuật của thầy tinh tiến chứ?”

Tuổi tác Trương Bán Tiên không lớn lắm, nhỏ hơn Quách sư phụ một chút, ngang ngửa với Đinh Mão, chẳng hiểu là Bán Tiên đời thứ bao nhiêu nữa, nhà anh ta bao đời nay xem phong thủy xem tướng theo phương pháp tổ truyền mà kiếm sống. Trước kia, thầy tướng số xem phong thủy còn có môn phái, ví như Long Môn, Ma Y, Âm Dương, Huyền Động, Thiên Nhân....., Trương gia theo đường lối tướng thuật của Liễu Trang, coi trọng “Nhìn mặt xem tướng”. Hai người vừa gặp mặt, chỉ cần nhìn qua ấn đường là đã đủ biết cát hung, phán định bao giờ cũng nghiệm, xưa nay không bao giờ dùng đến cách làm bầy quầy xem tướng. Những kẻ bầy quầy xem bói xem tướng đa phần là bọn bịp bợm giang hồ, đi đến đâu lừa gạt đến đó. Trương Bán Tiên là bằng hiệu do tổ tiên tạo dựng nên, chuyên môn xem phong thủy chọn nhị trạch âm dương (chỉ nhà ở và phần mộ) cho các quan to hiển quý. Nếu ai muốn mời Trương Bán Tiên tới xem nhà ở và phần mộ, trước tiên người đó phải đóng lễ kim tới cửa đưa thiếp, về phần có mời được hay không thì tính sau, nhưng đến thời đại này coi như đã hết đất diễn. Sau giải phóng, không thể nào tiếp tục kiếm cơm bằng nghề này nữa, anh ta đành phải đi khuôn vác đập xích lô kiếm cái bỏ vào miệng, luôn chân luôn tay đến tận nửa đêm mới về đến nhà. Nhớ lại năm xưa, nội thành ngoại ô ai mà chẳng phải trông vọng Trương Bán Tiên. Đến bây giờ đâu còn như ngày xưa, không thể nào tiếp tục chỉ dựa vào xem hai chỗ âm dương mà kiếm cơm được nữa rồi. Nhưng ngoại trừ việc đó ra, anh ta chẳng có năng lực gì nữa, cùng đường đành phải đập xích lô chuyên chở giấy vào thành qua cửa tây. Loại giấy đó là giấy bản to, trọng lượng rất nặng, chất hơn mười cuộn giấy đã chặt cứng xích lô, tổng cộng hơn một ngàn cân, có thể đè gãy cả trục xe. Đường bằng thì không nói làm gì, mỗi khi gặp phải dốc, chỉ còn cách đứng dưới chân trợn mắt lên mà nhìn. Quả thật là kêu trời trời chẳng biết, gọi đất đất không hay! Cả ngày làm việc cực nhọc đến kiệt sức, anh ta đã chịu đủ mọi khổ ải rồi, một bụng đầy uất ức, đang muốn tìm người để hoài niệm lại chuyện cũ.

Quách sư phụ mời Trương Bán Tiên vào trong phòng. Vừa hỏi anh ta đã bảo ngay là chưa ăn gì, ông ta vội vàng sai Đinh Mão nấu một ít mì sợi, ba người ngồi trong nhà nói chuyện phiếm.

Trương Bán Tiên ăn ngấu nghiến như người sắp chết đói hết hai bát mì mấy cái bánh chưng, rồi ngẩng mặt lên ợ một cái, nhấp trà Đinh Mão pha sẵn, cầm lấy thuốc lá Quách sư phụ đưa cho châm lên rít một hơi, cuối cùng cũng phần nào tìm lại được cảm giác năm xưa; Lúc này mới mở miệng: “Quách gia, Đinh gia, các vị là những người hiểu rõ Trương mỗ, đừng thấy tôi chỉ có hai tay hai chân như mọi người mà lầm tưởng, thực ra là chân nhân bất lộ tướng, năng lực ẩn sâu bên trong. Không phải tôi nói vậy cho sướng miệng đâu, tổ tiên nhà họ Trương thực sự có bản lãnh, danh tiếng đã lưu truyền được mấy đời, âm dương phán chuẩn, đi đến đâu mà chẳng được mời mâm cao cỗ đầy. Có ai ngờ đến đời tôi lại chuyển sang nghề đập xích lô gò lưng bán sức, thực sự đã làm cho tổ tiên mất mặt.”

Quách sư phụ và Đinh Mão chẳng biết nói cái gì, đành an ủi anh ta: “Những chuyện cũ vàng son không nên nhắc lại, giờ bán sức kiếm cơm cũng đâu phải là chuyện mất mặt.”

Trương Bán Tiên bảo: “Trước mặt người lạ tôi đâu có dám kêu khổ, nhưng khi gặp được hai vị, nếu không nói ra được đôi lời canh cánh trong lòng, chẳng phải bắt tôi uất ức khó chịu mà chết hay sao?” Anh ta luôn miệng cằn nhằn đến tận nửa đêm, rồi đột nhiên ngậm miệng không nói gì nữa, hai mắt mở trừng trừng, ngẩn người sững sờ nhìn chằm chằm vào mặt Quách sư phụ soi xét đến từng chân tơ kẽ tóc.

Thấy anh ta như vậy, Quách sư phụ giật mình đánh thót, hỏi: “Bán Tiên thầy nhìn gì thế? Trên mặt tôi có gì lạ hay sao?”

Trương Bán Tiên dụi mắt đi dụi mắt lại, quan sát kỹ thêm một lần rồi mới trả lời: “Quái lạ quái lạ thật, mới vừa rồi khí sắc Quách gia ông còn tạm được, nhưng bây giờ tôi nhìn đi nhìn lại vẫn thấy không hay. Ấn đường của ông đã biến thành màu đen, sắp gặp phải đen đui, vận xui hiện lên mặt rồi!”

Hai

“Vận xui hiện lên mặt” là cách nói của người địa phương, dùng để miêu tả một người đang gặp vận rủi. Vận khí không tốt, chỉ cần xem sắc mặt là có thể nhìn ra, cứ khi nào khí sắc không tốt là sẽ hiện ra ở trên mặt. ‘Hiện lên mặt’ là nói theo cách xem tướng, ấn đường tái đi, còn một cách nói nữa là “Treo trên mặt” .

Trương Bán Tiên gặp gỡ Quách sư phụ và Đinh Mão, ba người ngồi trong nhà ăn mì. Sau khi huyền thuyên một thôi một hồi, anh ta chuyển sang xem tướng.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Ánh mắt anh ta không giống người bình thường, vừa gặp mặt nhau anh ta đã xem mặt cho Quách sư phụ, chỉ phán là tạm được, không có gì khác so với trước kia. Tuy nhiên, ngay trước khi định chào ra về, vừa liếc mắt qua anh ta đã phát hiện khí sắc trên mặt Quách sư phụ không tốt, ấn đường u ám. Ấn đường là “Mệnh cung” quan trọng nhất trong phép xem tướng của thầy tướng số, nằm ở vị trí chính giữa hai lông mày. Người gặp vận may, ấn đường nhất định sẽ sáng bóng như gương; vận khí không tốt, trên ấn đường sẽ có vệt đen tối không sáng. Nhưng có lẽ anh ta chưa bao giờ thấy khí sắc một người có thể thay đổi đột ngột như thế, chỉ trong nháy mắt ấn đường đã biến thành màu đen, trước đó lại hoàn toàn không có dấu hiệu gì báo trước, giống y như bị quỷ không may ám vào thân. Sắc mặt của người sắp chết như thế nào thì của Quách sư phụ lúc đó cũng y như vậy.

Trương Bán Tiên hoảng hốt, bảo rằng: “Quách gia, chỉ trong một chốc một lát như vậy, tại sao khí sắc của ông lại trở nên trầm trọng như thế?”

Đinh Mão quan sát mặt Quách sư phụ, nhưng y đâu có biết xem tướng, chẳng thấy có gì khác lạ: “Bán Tiên thầy đừng có hù dọa người khác có được hay không, sư ca của tôi đang yên đang lành ở đâu nhảy ra khí sắc không tốt?”

Nhưng tâm trí Trương Bán Tiên đã lạc đi tận đàng nào, anh ta tự lẩm bẩm một mình: “Thực quái lạ, vừa mới yên lành như vậy, tại sao chỉ trong thoáng chốc ấn đường đã biến thành màu đen, mặt đầy sắc xui rủi. . .”

Đinh Mão hỏi: “Bán tiên thầy biết xem thời vận, tại sao lại không thấy trước được bản thân quần bách lâm vào tình trạng đạp xích lô chở giấy bản vậy?”

Trương Bán Tiên trả lời: “Đinh gia, cậu có chỗ không biết rồi, thầy tướng số chúng tôi, không một ai dám xem tướng cho bản thân. Cậu ngấm lại mà xem, nếu như tôi đoán trước được sau giải phóng chính mình sẽ phải đạp xích lô, cậu nói tôi còn có mặt mũi sống tới bây giờ được không?”

Quách sư phụ cho rằng Trương Bán Tiên chỉ muốn tìm lại cảm giác trước giải phòng, cho nên hùa theo hai người đùa vui một chút, cho nên không coi những lời nói đó là sự thật, bèn bảo giờ không còn sớm nữa, mọi người cũng nên về nhà nghỉ ngơi.

Trương Bán Tiên nghiêm mặt bảo: “Quách gia, tôi thực sự không có ý đùa vui với ông. Ông gặp vận rủi đến mức hiện cả lên mặt rồi, còn có tâm tư đi ngủ sao?”

Quách sư phụ đáp lại: “Bán Tiên thầy đừng làm tôi sợ, rốt cuộc là có chuyện gì?”

Trương Bán Tiên nói: “Tôi thấy có người đang muốn đối phó ông, ông phải cực kỳ cẩn thận. Sáng sớm ngày mai ông cứ chờ tôi, tôi chưa đến thì ông đừng có mà ra khỏi nhà.” Nói xong, anh ta không đợi Quách sư phụ trả lời, vội vàng đạp xích lô về nhà.

Quách sư phụ thấy Trương Bán Tiên nghiêm trọng như vậy, trong lòng không kìm được phải than thầm, lại suy nghĩ đã là phúc thì không phải là họa, đã là họa thì tránh không khỏi, nếu như số mệnh đã định sẵn, có muốn cũng không tránh khỏi.

Đêm hôm đó, khi về đến nhà, Quách sư phụ bảo với vợ, sáng ngày mai Trương Bán Tiên chắc chắn sẽ đến với cái bụng rỗng không, cần chuẩn bị thêm một phần ăn sáng. Hôm đó một mối cả ngày, ông ta vừa đặt

đầu xuống gối đã lăn ra ngủ. Sáng sớm ngày hôm sau, mí mắt ông ta vẫn còn nặng trĩu, Trương Bán Tiên đã đến.

Quách sư phụ hỏi: “Bán Tiên thầy thức dậy sớm nhỉ, ăn sáng chưa?”

Trương Bán Tiên nói: “Chưa ăn, chị dâu làm món ăn sáng gì thế?”

Vợ Quách sư phụ đã tự tay cán mì, còn có bánh nướng bánh quẩy. Sau khi bày hết lên trên bàn, bà ta vội vàng xách giỏ đi chợ mua thức ăn.

Quách sư phụ mặc quần áo rửa mặt mũi xong, mời Trương Bán Tiên cùng ăn điểm tâm.

Trương Bán Tiên vừa cho vào miệng đã cảm thấy mì sợi thật sự thơm, nấu ngon hơn nhiều so với gã lưu manh Đinh Mão, bánh quẩy rán cũng không tệ, thơm ngon đến tận miếng cuối cùng. Ăn bữa điểm tâm này tối thiểu có đủ dinh dưỡng cho cả ngày, nếu như thêm món tương cơm của Lục Tắt Cư vậy thì đúng là hết chỗ chê.

Quách sư phụ nói: “Đêm hôm qua mới biết được thầy sẽ tới, không có thời gian chuẩn bị sẵn mới thành ra thế này. Đợi chút nữa chuẩn bị đầy đủ sẽ mời thầy dùng tiếp.”

Trương Bán Tiên ngón ngấu một lúc đã ăn xong món mì sợi cán, đáp lại: “Quách gia, ông đừng có nghĩ đến ăn uống gì nữa, trước tiên hãy nói cho tôi biết, thực ra ông đã chọn đến ai?”

Quách sư phụ suy nghĩ rất lung, thật sự không nghĩ ra nổi bản thân đã gây thù chuốc oán với ai.

Trương Bán Tiên bảo: “Ông suy nghĩ thật kỹ lại đi, có người muốn đẩy ông vào chỗ chết cơ mà? Tần Cối còn có bằng hữu, Nhạc Phi cũng có oan gia, trong cuộc đời mình có ai mà chẳng đôi lần gây hấn với người khác đây?”

Quách sư phụ chợt nhớ tới tên hung đồ ăn cướp bằng búa thợ mộc. Ông ta bèn thuật lại toàn bộ cuộc chạm trán trên đường đi về nhà ngày hôm qua, đầu ra làm sao đuôi như thế nào, tuần tự theo đúng sự thực cho Trương Bán Tiên nghe một lần.

Trương Bán Tiên nói: “Đích thị là tên thợ mộc này đã tin vào những lời đồn đại. Ngoài đường người ta đang đồn ầm lên là ông muốn bắt hấn. Nửa đêm ngày hôm qua rõ ràng là có kẻ muốn hại ông rồi, thế này là cái kiểu ‘lưu manh đánh lưu manh, một trận lại một trận’*. Nếu ông không bắt được hấn, cả đời này ông đừng hòng thoát khỏi vận rủi.”

*Ý muốn nói việc này sẽ kéo dài mãi không bao giờ dứt

Quách sư phụ không tin lắm: “Số mệnh lúc thăng lúc trầm, không ai có khả năng mãi mãi bay cao, cũng chẳng tránh được có lúc rơi xuống đáy, trên đời này đào đâu ra phương pháp có thể giúp cho con người ta cả đời luôn may mắn?”

Trương Bán Tiên nói: “Người khác thì khó mà nói, nhưng với ông vận xui lại đến như cơm bữa. Tôi nói như vậy, ông có tin không?”

Quách sư phụ không hiểu: “Nếu tin thì phải giải thích thế nào? Không tin thì sao?”

Trương Bán Tiên nói: “Nếu không tin tôi, ông cứ tiếp tục sống bình thường như chẳng hề có chuyện gì, coi như lúc trước tôi chưa hề nói cái gì. Nhưng nếu tin lời tôi, ông phải nghe cho kỹ những gì tôi sắp nói ra đây, nhưng kể cả có nói ra ông cũng đừng sợ, ông có tai họa đổ máu.”

Ba

Quách sư phụ nói: “Thầy làm thế này chẳng phải là chặn họng tôi trước hay sao, có chuyện cứ nói thẳng đừng ngại, rốt cục là như thế nào?”

Trương Bán Tiên nói: “Thứ cho tôi nói thẳng, danh hiệu Thần sông Quách Đắc Hữu của ông không hay chút nào, quá phận mất rồi, con người có thể gánh được danh hiệu này sao? Mặc dù miệng là của người ta, muốn gọi thế nào thì gọi, nhưng ít nhất cũng làm cho phúc phận của ông mỏng đi. Ngày hôm qua tôi thấy khí sắc của ông thay đổi một chút, đích thị là do người khác đã lập bài vị của ông. Kẻ này đã khắc chữ Thần sông Quách Đắc Hữu lên một tấm thẻ gỗ rồi đặt lên bàn thờ nhà mình thắp hương, một ngày dập

đầu bái lạy ông mấy lần. Ông là người sống, ông thừa nhận nổi không? Ông không gặp xui thì còn ai gặp xui đây?”

Quách sư phụ nghe Trương Bán Tiên nói xong, sợ đến mức trán túa mồ hôi đầm đìa. Trước kia người ta tin vào những việc như thế này. Một kẻ phạm nhân ăn ngũ cốc hoa màu, có danh hiệu “Thần sông” đã là vượt quá phúc phận, huống chi còn bị lập bài vị tế sòng, làm như thế đã bớt đi bao nhiêu phúc giảm đi bao nhiêu tuổi thọ, không xui rủi mới là lạ, nên làm thế nào mới phải đây?

Trương Bán Tiên bảo: “Quách gia, hai ta là bằng hữu đồng đạo, những chuyện vương bận khác tôi không thể giúp, có gì cần nói sẽ không dấu giếm trong lòng, giờ phút này nhìn khí sắc ông càng thêm sa sút, chỉ sợ không qua được hôm nay, chẳng qua. . .”

Quách sư phụ cắt ngang: “Thầy đừng nói chuyện giạt cục nữa có được không được, chẳng qua cái gì vậy?”

Trương Bán Tiên nói tiếp: “Tôi cũng mới vừa nhìn ra thôi, mặc dù sinh mệnh trên cơ thể ông đang suy sụp, nhưng phong thủy bên trong nhà ông lại không tệ.”

Quách sư phụ biết rõ Trương Bán Tiên biết xem phong thủy nhà và mồ mả, sinh ra kỳ vọng vào khả năng xem xét của anh ta, bèn hỏi: “Căn phòng tối tăm này của tôi cũng có phong thủy? Ở chỗ nào thế?”

Người có năng lực thì hay khoe mẽ, chuyện gì cũng thường không nói ra miệng. Trương Bán Tiên cũng không nằm ngoại lệ, anh ta giơ một ngón tay chỉ vào cái bếp lò nhà Quách sư phụ.

Quách sư phụ cực kỳ buồn bực: “Như vậy là có ý gì? Muốn làm thêm một bát mì nữa sao?”

Nhà của Quách sư phụ là một căn phòng cấp bốn trong con hẻm ngõ miếu Đầu Mẩu, gồm có hai gian. Vào thời đó, toàn bộ nhà dân chỉ có diện tích tầm mười mét vuông, hai gian tức là hai mươi mét vuông, đằng trước hơi nổi ra một gian nhỏ dùng để nấu cơm và chất chứa những đồ vật linh tinh. Gian trong dùng để sinh hoạt, góc tường gian ngoài có một cái bếp lò cũ, thời đó được đắp bằng đất. Do nhiều năm không sử dụng đến, bếp lò đương nhiên nứt ra. Mỗi khi trời nóng, trong khe nứt thường xuyên có “Cùng ve” bò ra. Loài vật này rất thường thấy ở những hốc tường hoặc khe gạch của các căn phòng ở rách nát, ngoại hình nửa giống như con gián, nửa giống như con ve trên cây hồng bì, chân sau nhô đặc biệt dài, có khả năng nhảy rất cao. Bởi vì cùng quần, nhà của những người nghèo rất nhiều năm không tu sửa, đa phần đều cực kỳ ẩm thấp, bởi vậy mới sinh ra cách gọi “Cùng ve” như vậy. Trên một số đồ vật đồng thau thời Thương Chu được khai quật lên còn có hoa văn hình con ve, nhưng thật ra đó không phải là ve chân chính, mà là cùng ve. Qua đó có thể thấy được, từ cổ đến nay, cùng ve thường sống ở cạnh bếp lò. Bên trong cái bếp lò hồng của nhà Quách sư phụ có đôi khi lại có một vài con cùng ve nhảy ra, đào đầu ra địa thế phong thủy gì, ông ta cứ tưởng Trương Bán Tiên vẫn còn muốn ăn mì nước.

Trương Bán Tiên nói: “Nghĩ đi đâu vậy, ông thử nhìn bức tường phía sau bếp lò nhà mình mà xem.”

Phía sau bếp lò nhà Quách sư phụ có một bức tranh tết vẽ ông táo và bà táo, có lẽ là được dán lên từ trước khi giải phóng. Ông táo là thần cai quản bếp trong nhà, còn được gọi là Táo quân. Hai vợ chồng ông táo trong bức tranh mặc áo đỏ mũ cánh chuồn đỏ, béo tròn chắc nịch, mặt mũi phúc hậu. Theo tục lệ dân gian, cứ đến hai ba tháng chạp hàng năm là tết ông công ông táo, là thời gian ông táo lên châu trời. Vào ngày hôm đó, từ vương công cho tới dân chúng đều phải cúng ông táo, cung thỉnh ông táo lên trời tâu với Ngọc Hoàng đại đế những điều có lợi cho nhân gian. Trong ngày này kiêng kỵ nhất là cấm cãi nói những câu oán hận trước mặt Táo quân, bởi vậy khi cúng ông táo không cho phép đàn bà con gái được khấn vái. Nếu không, rắc tai với những câu miệng lưỡi của đám đàn bà, đến khi lên trời ông táo sẽ tâu với Ngọc Hoàng đại đế nhà này không tốt thế này, không hay thế kia, dâng lên một tờ trình đủ khiến cho con người ta giảm tuổi thọ, kẻ nặng giảm một kỷ, kẻ nhẹ bớt một toán, một kỷ là ba trăm ngày, một toán là một trăm ngày. Trước đây có rất nhiều điều kiêng kỵ, cho nên mới có câu ‘nam không bái nguyệt nữ không cúng ông táo’. Tết ông táo hai ba tháng chạp, người ta còn phải gỡ bức tranh trên bếp lò mang đi đốt, đến ngày ba mươi sẽ dán lên một bức mới. Nhưng từ thời dân quốc đến nay, người ta đã dần dần không còn quá để ý đến những tập tục như vậy nữa. Bức tranh ông táo ở căn bếp nhà Quách sư phụ đã dán sẵn ở đó từ lúc ông ta chuyển đến ở cho đến bây giờ. Trên tường bếp của nhà ở có bức tranh vẽ ông táo là chuyện quá mức bình thường, bạn cứ thử vào nhà người khác mà xem, mười nhà e rằng có tới tám chín là như thế, như vậy lấy đâu ra thế phong thủy gì chứ?

Trương Bán Tiên nói: “Không trong nghề sao biết được hay dở, ông không biết xem, đương nhiên sẽ không nhìn bí ẩn ở bên trong. Tôi bảo cho ông biết, nói ngắn gọn là thế này, bếp lò nhà ông cộng với bức tranh ông tảo đã ngẫu nhiên hình thành nên một thế, gọi là lò bát tiên trấn trạch, có thể tiêu tai miễn họa. Ông trăm nghìn lần phải ghi nhớ, đừng hủy cũng đừng sửa, như vậy sẽ chắc chắn không đến nỗi gặp chuyện không may, một khi sửa đổi, ông chắc chắn đi tong.”

Bốn

Truyền thuyết dân gian về nguồn gốc thân phận của ông tảo và bà tảo ở mỗi nơi mỗi khác. Vùng phía bắc Hoàng Hà cho rằng vợ chồng Trương Khuê là tảo quân, cặp đôi này là nhân vật ở bên trong truyện Phong Thần, lên trời tâu những chuyện tốt, lúc xuống hạ giới thì bảo vệ bình an.

Bức tranh tết Tảo quân trong nhà Quách sư phụ đã được dán từ nhiều năm trước, bếp lò bên dưới cũng không sử dụng đến một thời gian dài. Trương Bán Tiên bảo với ông ta, đó chính là lò bát tiên, có thể bảo vệ số mệnh bình an, nhưng nếu có ngày nào đó thế này biến đổi thì đại nạn của Quách sư phụ đã tới, trừ phi mau chóng bắt được hung phạm ăn cướp bằng búa thợ mộc, ngoài ra không còn phương pháp nào khác.

Trương Bán Tiên còn phải đạp xích lô đi giao giấy bản, những việc vướng bận khác anh ta không giúp được nữa, dứt lời vội vàng chạy đi.

Quách sư phụ thờ người một mình ngồi trong nhà suy nghĩ cho đến lúc vợ ông ta đi chợ về đến nhà. Nhìn thấy Quách sư phụ ngồi bất động, bà ta bèn hỏi: “Lão Quách, sao ông vẫn còn chưa đi làm?”

Quách sư phụ phục hồi tinh thần lại, bảo cái gì mà “Đau khắp mình mẩy, vầng đầu nhưc răng”, tóm lại là toàn thân chỗ nào cũng thấy khó chịu, xin nghỉ vài ngày an dưỡng ở nhà một chút, lại kiếm cố đẩy vợ về nhà mẹ đẻ ở mười bữa nửa tháng. Cùng ngày hôm đó, ông ta còn đi tìm Lý Đại Lăng và Đinh Mão, kể cả mấy người trước kia cùng lăn lộn ở đội tuần sông, rồi tuyên bố rõ nguyên do với tất cả bọn họ. Mặc dù ông ta đã từng đối mặt với tên cướp bằng búa thợ mộc khét tiếng, nhưng chỉ kịp nhận ra kẻ đó tầm ba mươi tuổi, chiều cao trung bình, tai trái có một vết bớt xanh. Thiên Tân vệ quá rộng, dân số lại nhiều, tìm một người như vậy chẳng khác gì tìm kim dưới đáy bể. Cũng còn may là có thể thu hẹp phạm vi tìm kiếm, bởi kẻ này dùng búa thợ mộc để ăn cướp, đương nhiên là đã từng làm nghề mộc, dù có thể sau này đã đổi sang nghề khác, nhưng khẳng định vẫn có liên quan đến thợ mộc. Những người làm nghề mộc ở nội thành ngoại thành đều không lạ gì nhau. Trước giải phóng, quê quán của phần lớn thợ mộc ở Thiên Tân là Sơn Đông. Bọn họ ra ngoài lang bạt đi kiếm tiền, đến tết âm lịch đa phần lại trở về quê ở Sơn Đông, nhưng vẫn có một phần nhỏ ở lại hẳn nơi này. Bởi vì ông tổ nghề mộc Lỗ Ban là người Sơn Đông, cho nên họ có một truyền thống, đó là đặc biệt đề cao tình nghĩa thầy trò. Hơn nữa, họ không tư lợi như con buôn, mỗi khi có việc, nếu một hai người thợ mộc làm không xuể, họ sẽ gọi thợ khác đến hỗ trợ. Do thường xuyên ghé chỗ này tạt chỗ kia, tần suất đi lại khá nhiều, cho nên họ biết hết về nhau, mặc dù trong đời chưa từng gặp mặt, nhưng hễ nhắc đến tên là có thể biết đang nói tới ai. Cứ chịu khó nghe ngóng từ miệng mấy vị sư phụ và thợ học nghề thợ mộc này, biết đâu lại có thể lần ra kẻ cướp đó.

Mấy ngày liên tiếp, nhóm người Quách sư phụ đi khắp nơi tìm thợ mộc kiếm manh mối, thậm chí ngay cả những người trước kia đã từng làm thợ mộc sau này đổi nghề không làm nữa cũng không bỏ qua. Nhưng trong số những người đó lại không có một ai đã từng ở Thiên Tân nhiều năm, tầm ba bốn mươi tuổi, tai trái có vết bớt xanh. Họ chạy đến rạc cả cổ, nhưng hỏi ai cũng chỉ nhận được câu trả lời là cái lắc đầu, toàn bộ đều bảo không có người thợ nào như vậy.

Chớp mắt đã trôi qua bảy tám ngày, một chút manh mối cũng không tìm được. Buổi chiều một ngày nọ, có một chàng trai ngã xuống con mương lớn ở cửa tây, Quách sư phụ đích thân lặn xuống cứu lên bờ, nhưng đến khi đó đã đã thấy người này tắt thở rồi. Năm nào cũng vậy, cứ đến tết Đoan Ngọ là lại thấy vô số người chết đuối dưới lạch ngòi ao chuôm, càng về sau càng xảy ra liên tục.

Đến khi lão Lương biết được Quách sư phụ đã xin nghỉ ốm mấy ngày hôm trước, hơn nữa còn có người nhìn thấy ông ta đưa vợ về nhà mẹ đẻ, điều đó đã làm cho ông này nổi giận đến phát khùng, cho rằng những người đã từng sống dưới xã hội cũ đều ăn vào máu tặc xấu vừa lười vừa tham ăn.

Quách sư phụ nhảy xuống con mương lớn cứu người, kéo lên một cái xác đầy bùn thối. Trong lúc chờ người thân đến nhận xác, ông ta tranh thủ giải thích với lão Lương, không còn tâm tư tiếp tục đi dò hỏi đám thợ mộc. Đến lúc chạng vạng tối, trên đường về nhà, ông ta nhìn thấy một cái xe đẩy bán dê thập cẩm. Món

dê thập cẩm đó được người ta làm rất sạch sẽ, không tanh không ngán, nấu rất ngon miệng, còn bán riêng từng món gan dê và móng dê. Vừa ngồi thấy mùi thơm, ông ta đã không cưỡng lại được, không đủ tiền mua gan dê, đành mua hai cái móng, ngồi ngay bên cạnh xe bán dê thập cẩm uống rượu giải sầu.

Người bán món dê thập cẩm đó họ Trang, nhà ông lão đã bán món này được tám đời, người ta bèn gọi ông lão là Trang Bát Bối Nhi (con cháu đời thứ tám nhà họ Trang), tầm hơn sáu mươi tuổi, ngày nào cũng đẩy một chiếc xe nhỏ bày quán bán hàng bên vỉa hè. Gầm xe được phá thủng ra để đặt bếp lò, đặt một cái chảo lên trên nấu món dê thập cẩm. Đằng trước xe đặt hai cái ghế dài, đủ chỗ cho bốn năm người ngồi. Có người mua mang về nhà ăn, cũng có người tranh thủ lúc còn nóng ngồi ăn ngay ở trước xe. Đến khi trời tối, ông lão treo một cái đèn bão nhỏ để chiếu sáng, đến quá nửa đêm mới thu quán. Vào ban đêm vắng khách không có ai khác, Quách sư phụ vừa uống rượu, vừa nói chuyện phiếm câu được câu chăng với Trang Bát Bối Nhi. Sau khi gặm sạch móng dê, ông ta vứt bữa sang bên cạnh. Đúng lúc ấy, chợt nghe ven đường có tiếng bước chân sần sật rõ mồn một, ông ta quay đầu nhìn sang, nhưng không thấy một bóng người.

23. Chương 23

Năm

Trang Bát Bối Nhi khởi đầu bán dê thập cẩm ở góc tây bắc, năm nay vừa mới chuyển đến khu cửa Tây. Khi đó đèn đường còn ít, đêm ngày hôm đó trời lại tối mịt mùng, không có lấy một ánh trăng sao, trên đường tối đen. Quách sư phụ nghe thấy ven đường vang lên tiếng loạt xoạt rõ mồn một, nếu nghe cho kỹ thậm chí còn giống như có ai đang khẽ nói chuyện, nhưng trên đường rõ ràng không có một bóng người. Trong lòng cảm thấy kỳ quái, ông ta tháo cây đèn bão xuống qua bên đó xem rốt cuộc là kẻ nào. Ông ta giơ đèn lên soi, hóa ra là mười người tí hon, mỗi người chỉ cao tầm năm sáu tấc (50-60 cm), đang lén lút nhặt xương dê người ta ném đi. Ông ta là người can đảm, tóm lấy que cời lò đâm thẳng vào một tên trong số đó. Người tí hon kia kêu thảm thiết một tiếng rồi ngã gục xuống, đám còn lại lập tức bỏ chạy tứ tán. Ông ta lại giơ đèn lên xem xét, có mấy con hồ ly đang ngậm xương xẩu trong miệng chạy trốn, con bị que cời lò đâm trúng trợn trắng mắt giả chết phát hiện ra ánh đèn chiếu tới, cũng vội nhảy dựng lên chạy theo.

Quách sư phụ cảm thấy kinh sợ, vội hỏi Trang Bát Bối Nhi bán dê thập cẩm: “Ông có nhìn thấy gì không?”

Trang Bát Bối Nhi đáp lại: “Hồ ly hay là sói vàng? Có gì đáng nói đâu, dạo này chúng thường đến ăn trộm xương dê mọi người ném đi.”

Quách sư phụ trầm nghĩ: “Thời vận con người suy thoái, dương khí trên cơ thể đương nhiên yếu đi, cho nên sẽ nhìn thấy những vật không nên thấy. Vận khí của ta thực sự đã tận hay sao?”

Nhìn thấy sắc mặt ông ta trắng thốt, Trang Bát Bối Nhi bèn bảo: “Có lẽ Quách gia cậu quá mệt mỏi nên đã hoa mắt rồi, nửa đêm nửa hôm rồi còn gì. Cậu đấy, cứ mắt nhắm mắt mở coi như chưa nhìn thấy cái gì, vậy là ổn cả rồi. Nghe nói cậu đi khắp nơi hỏi thăm đám thợ mộc, phải chăng là muốn truy nã tên cướp bằng búa thợ mộc?”

Quách sư phụ gật đầu, trầm nhủ: “Hay thật, việc này ngay cả người bán dê thập cẩm cũng biết hay sao?”

Trang Bát Bối Nhi nói: “Ngày hôm qua Đinh gia và Lý gia đến chỗ lão ăn dê thập cẩm, nhân tiện hỏi thăm về việc đó. Cậu đừng có tưởng lão chỉ là người bán dê thập cẩm không biết gì. Trước giải phóng, trong số những khách hàng quen thuộc của cái quán dê này của lão cũng có vài vị làm nghề mộc đấy.”

Quách sư phụ hỏi: “Vậy ông có biết người thợ mộc nào tầm ba mươi tuổi, bên tai trái có vết bớt màu xanh không?”

Trang Bát Bối Nhi đáp: “Vậy thì chưa từng nghe nói có ai như vậy, nhưng nếu thực sự muốn tìm một thợ mộc có vết bớt xanh bên tai trái như vậy thì không đến mức quá khó khăn.”

Quách sư phụ nghe thấy bảo ngày hôm qua Đinh Mạo đã tới đây hỏi thăm rồi, cho nên hỏi lại cũng là thừa hơi. Ông ta thở dài, đứng dậy định về nhà.

Ai ngờ Trang Bát Bối Nhi lại nói tiếp: “Ngày hôm qua Đinh gia đã hỏi lão, nhưng mãi đến khi về nhà cả nửa ngày lão mới nhớ ra, ngày trước có một lần hai vị sư phụ nghề mộc đến cái quán dê thập cẩm này, trong

lúc nói chuyện họ đã nhắc tới một sự việc rất khiếp sợ. . .”

Trong lòng máy động, Quách sư phụ vội dừng bước, hỏi: “Ông kể lại sơ qua giúp con, đó là việc gì thế?”

Trang Bát Bối Nhi kể lại cho Quách sư phụ, trước giải phóng ở cửa bắc có một tiệm bán quan tài nhà họ Bạch. Quan tài còn được gọi là áo quan, là loại đồ vật bán đi một cỗ mới làm tiếp một cỗ, không ai dám tích trữ sẵn nhiều, nguyên nhân nói ra thì rất khó nghe, bởi dù sao đi nữa phải đến lúc có người chết thì mới bán đi được. Ngoại trừ những gia đình đông con nhiều cháu, người già trong nhà đã nhiều tuổi, thì mới chuẩn bị sẵn quan tài, bởi vì gỗ tốt làm quan tài không phải lúc nào cũng sẵn có. Một khi gặp loại gỗ tốt, lập tức không tiếc tiền mua ngay, sau đó bỏ tiền ra mời sư phụ của tiệm quan tài đóng thành hòm áo quan. Công việc đầu tiên cần phải lưu ý là quét vài lớp sơn lót khắp mặt ngoài, phía trong lát một lớp gỗ mỏng, hai đầu mạ vàng vẽ chữ Phúc cùng với hoa văn hình hoa sen, cuối cùng bỏ áo liệm, mũ ông thọ và nguyên một bộ chăn nệm vào bên trong. Tuy nhiên, khi quan tài làm xong không thể khiêng về nhà, mà nó được lưu giữ trong tiệm bán quan tài, có khi được đặt ở đó tám mười năm cũng là chuyện rất bình thường. Nếu như nhà khác có người chết, không tìm được quan tài loại tốt ngay, con cháu nhà hiếu có thể thương lượng lại với nhà đã chuẩn bị sẵn quan tài, mượn tạm quan tài để an táng cha ông, sau đó chiếu theo nguyên dạng đóng một chiếc quan tài khác để trả lại. Đây là việc thiện tích đức, cho nên thông thường chủ nhà đã chuẩn bị sẵn quan tài sẽ đồng ý ngay. Về phần gia đình bình thường, mặc dù không đến mức bó chiếu mang đi chôn, nhưng thực sự không đủ tiền mua loại tốt nhất, phần lớn là sử dụng những tấm gỗ bách rẻ nhất để đóng quan tài, để mộc không quét sơn, hoặc chỉ quét một lớp nước sơn. Bởi phải hoàn thành công việc trong cùng ngày cho nên tiệm quan tài quanh năm phải có sẵn nhân công và vật liệu. Lão chủ tiệm quan tài nhà họ Bạch tự tay làm công việc nghề mộc, còn mượn hai vị sư phụ nghề mộc người Sơn Đông làm công ỳnh.

Mười năm trước, tiệm quan tài nhà họ Bạch đóng cửa. Buổi tối trước ngày trở về quê, hai vị sư phụ nghề mộc đến quán hàng của Trang Bát Bối Nhi uống rượu ăn dê thập cẩm. Lúc ấy, ông lão đã nghe thấy hai người này bảo ông chủ tiệm quan tài của mình đã gặp ma.

Sáu

Cửa tiệm quan tài ở cửa tây, ông chủ họ Bạch, bản thân biết làm mộc, thuê hai phụ việc, còn mượn thêm hai vị sư phụ nghề mộc. Cửa hiệu gồm ba gian mặt tiền liên tiếp, gian bên trái để quan tài, gian bên phải là phòng kế toán, gian chính giữa dùng để tiếp đãi khách hàng, kinh doanh tương đối lớn, nhưng tiệm quan tài đâu có phải hiệu ăn, không thể nào có những lúc đông như trẩy hội được. Tuy nhiên, bán quan tài có lợi nhuận cao, đặc biệt là khi có gia đình đông con nhiều cháu tới mua quan tài, khi ấy hét giá tiền bao nhiêu họ sẽ trả bấy nhiêu, chưa bao giờ trả giá. Tiệm quan tài có thể đóng cửa một tháng, nhưng chỉ cần mở cửa một lần là đủ ăn ba tháng. Sao khi lão chủ tiệm qua đời, con của ông ta là Bạch Tứ Hổ kế thừa gia sản, bao gồm một khu nhà cấp bốn, cộng thêm việc kinh doanh tiệm quan tài. Nhưng Bạch Tứ Hổ không biết đóng quan tài, chỉ biết đứng bên cạnh giám sát thợ mộc làm việc. Hắn là người không biết ăn biết nói, nhu nhược hèn nhát. Bởi vậy lợi dụng hắn không biết xem sổ sách, đảm phụ việc và sư phụ nghề mộc đã thông đồng với nhau bí mật bòn rút tiền, bán ra bao nhiêu quan tài cũng vẫn lỗ lã, việc buôn bán giảm sút đi từng ngày.

Bạch Tứ Hổ buộc phải lần lượt bán đi từng gian phòng của khu nhà cấp bốn, chỉ chừa lại hai gian phòng xiêu vẹo. Hàng ngày, hắn sinh hoạt cùng hai người phụ việc ở trong tiệm đằng trước, còn hai vị sư phụ ở gian phía sau. Vào buổi chiều một ngày, đến khi làm xong quan tài chờ người đến lấy thì trời đã tối đen. Mọi người trong tiệm quan tài chuẩn bị đi ngủ thì chợt nghe thấy bên ngoài có người đang đập cửa.

Đêm hôm khuya khoắt đập cửa rầm rầm, nếu là loại cửa hàng khác, phụ việc kiểu gì cũng sẽ nổi cáu, nhưng tiệm quan tài và tiệm bán thuốc có một quy định, dù khách hàng tới trễ đến mấy cũng không có vấn đề gì. Nửa đêm chạy đến tiệm quan tài và tiệm bán thuốc gõ cửa, trong nhà người đó chắc chắn có chuyện lớn liên quan đến sống chết. Cho nên khi nghe thấy tiếng gọi cửa, người phụ việc lập tức khoác tạm quần áo rồi giương.

Ng.uồn. từ. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Trên cửa có khoét một ô nhỏ, mục đích là để phòng ngừa đạo phỉ, không mở cửa chính, chỉ mở ô cửa nhỏ đó ra để nhìn ra bên ngoài. Vừa ngó ra người phụ việc đã thấy bên ngoài cửa tiệm quan tài có một người cầm đèn lồng trắng đang đứng chờ, bảo rằng trong nhà có người chết, nhờ tiệm mau chóng chuẩn bị quan tài, giờ đang giữa tam phục thiên, người chết không thể được

lâu, đang cần dùng gấp, ngày mai sẽ đến lấy ngay. Nói xong, người đó lẳng tiền đặt cọc vào trong rồi vội vàng chạy đến những nhà thân thích báo tang.

Những người trong tiệm quan tài vừa thấy có người đến mua, không ai còn được ngủ nữa, tất cả đều phải dậy làm việc. Sau khi thắp đèn trong tiệm, hai người thợ mộc lập tức chuẩn bị vật liệu để đóng quan tài, hai người phụ việc làm công việc phụ, tất cả cùng tất bật làm việc. Theo tục lệ xưa, nếu làm việc qua đêm, ông chủ phải cung cấp bữa điểm tâm, nhưng không phải là bữa điểm tâm bình thường mà phải có cá có thịt, cơm rượu để. Sau khi làm xong việc, thợ sẽ ăn no uống say rồi đi ngủ bù. Thấy mình chẳng có việc gì để làm, Bạch Tứ Hồ bèn đi chợ mua thức ăn. Lúc ấy đã qua canh bốn chưa đến canh năm, canh năm thì gà mới gáy, canh bốn là sau nửa đêm, trời vẫn còn chưa sáng.

Gần con mương lớn ngoài cửa tây có một cái chợ bán thức ăn. Vào đầu canh năm mới có nông dân đánh xe tới bán thức ăn, muốn mua đồ ăn sớm thì chỉ tới chỗ này mới có. Bạch Tứ Hồ ra khỏi nhà từ rất sớm, còn chưa đến chợ bán thức ăn thì trên trời đột nhiên nổi một tiếng sấm, mưa to như trút, khiến hắn ướt như chuột lột. Hắn vội vàng tìm chỗ tránh mưa. Vùng gần con mương lớn không có mấy gia đình ở, chỉ có vài căn phòng cổ từ đời nhà Thanh còn tồn tại đến bây giờ. Thấy cánh cửa gỗ một căn phòng xiêu vẹo bên đường bên cạnh chỉ được buộc tạm bằng dây thừng, trong phòng tối om không đèn đóm, chắc hẳn là phòng bỏ hoang, hắn lập tức cởi dây thừng, mở cửa chui vào bên trong, nhưng đến khi muốn đóng cửa thì không khép chặt lại được nữa.

Bên ngoài gió táp mưa sa, nước mưa tạt đầy vào vào trong phòng qua khung cửa hồng cánh. Trên cánh cửa đứng ra là có khóa bằng đồng, nhưng không biết kẻ nào đã nạy ra lấy đi mất, chỉ để lại hai lỗ thủng. Hắn xuyên dây thừng qua hai cái lỗ, buộc chặt cánh cửa lại. Nhờ ánh chớp lọt qua cửa sổ, hắn trông thấy trong nhà ngoài bốn bức vách thì chẳng còn cái gì, bụi đất phủ một lớp dày, chỉ có một cái giường đất. Hắn đành đặt mông ngồi xuống giường, nhắm mắt chờ ngớt mưa. Sau khoảng thời gian chùng ăn xong một bữa cơm, toàn thân hắn đột nhiên ớn lạnh, đồng thời hắn còn nghe thấy tiếng bước chân ai đó đang đi đi lại lại ở trong nhà. Hắn mở choàng mắt ra nhìn, giật mình nhìn thấy một người phụ nữ đang cúi gục đầu đi vòng quanh nhà.

Bạch Tứ Hồ sợ hết vía. Hắn ngồi co ro trên giường gạch, miệng há hốc mắt mở trừng trừng, ngây dại không dám động dậy. Người phụ nữ trong phòng đột nhiên đi tới trước mặt hắn, đập vào mắt hắn là một gương mặt trắng bệch như tờ giấy, tóc dài, há mồm lưỡi thè ra ngoài. Trong khi Bạch Tứ Hồ đang luống cuống chân tay, đầu lưỡi người phụ nữ đã nhanh chóng quết tới, hắn lập tức ngã sang bên cạnh né tránh, nhưng đầu lưỡi vẫn kịp liếm vào vành tai trái của hắn. Hắn rú lên kinh sợ bỏ chạy, nhảy xuống giường định mở cửa chạy ra ngoài. Nhưng chẳng biết tại sao dây thừng buộc cửa thấm nước mưa, càng cởi càng chặt. Trong lúc quần bách không mở được cửa, hắn nhắm mắt nhắm mũi húc thẳng đầu vào cửa sổ, ôm theo cả cánh cửa bổ nhào ra bên ngoài, rồi ngất lịm. Lúc ấy đã sang canh năm, có người đi ngang qua cứu hắn tỉnh lại, nhưng tai trái hắn đã biến thành một đồng bầy nhầy máu thịt. Sau ngày hắn mới biết, cách đó vài năm, có một người phụ nữ thất cổ chết trong căn nhà đó, căn phòng lụp xụp đã bị bỏ hoang từ lúc ấy, cho tới bây giờ, cũng chẳng có không ai dám dọn vào ở, đích thị là gặp quỷ thất cổ rồi. Sau lần bị kinh hãi đó, đầu óc Bạch Tứ Hồ bắt đầu trở nên cực kỳ không bình thường. Không lâu sau, tiệm quan tài phải đóng cửa, phụ việc lẫn thợ mộc của tiệm đường ai nấy đi. Nghe nói Bạch Tứ Hồ đã đổi sang làm nghề đồ tể, sau này không bao giờ còn mở lại tiệm quan tài nữa.

Mười mấy năm trước, trong lúc bán dê thập cẩm, Trang Bát Bối Nhi đã được hai người thợ mộc của tiệm quan tài nói cho biết, Bạch Tứ Hồ không biết làm nghề mộc, còn vết bớt bên tai trái cũng không có sẵn từ lúc mới sinh. Trang Bát Bối Nhi thích tán chuyện, có chuyện gì cũng kể ra tuốt tuốt, nhớ ra cái gì là mang ra tán dóc hết với Quách sư phụ. Ông lão còn nghe hai vị sư phụ thợ mộc đó nhắc đến, bên ngoài có lời đồn bảo rằng bên trong khu nhà cũ của tiệm quan tài cất giấu của cải. Sổ của cải đó do tổ tiên Bạch chôn xuống, nhấn lại với đời sau, kể cả có bị chết đói, cũng không được phép bán hai gian nhà giữa đó.

Tính toán theo thời gian, năm Canh Tý (1900) phá hủy thành Thiên Tân, nhà họ Bạch mót gạch cũ dựng nhà, như vậy hai gian nhà đó được xây vào thời ông nội của Bạch Tứ Hồ, cho tới năm 1954 bây giờ, cũng chỉ mới được khoảng năm mươi năm. Hơn nữa, khi chôn của cải lại tiến hành trong bí mật không để lại di chúc, cho nên không ai biết được sổ của cải đó là những gì, Bạch Tứ Hồ đương nhiên càng không thể biết được. Hắn đã từng đào nền nhà sâu ba thước đất, nhưng chẳng tìm thấy bất cứ thứ gì.

Bảy

Tiệm quan tài của Bạch Tứ Hổ bị ăn cắp từ bên trong, thua lỗ không sao tiếp tục kinh doanh được. Mặc dù dầu óc ngu dốt, nhưng hắn vẫn ghi nhớ lời căn dặn của tổ tiên nên không chịu bán hai gian nhà giữa. Tuy vậy, hắn đã lật tung cả nhà lên mà vẫn không thấy bất kỳ thứ gì. Hai gian phòng đó nằm ở ngõ hẻm kho lương, cách nhà ga phía bắc không xa. Dù sao trước giải phóng ông lão mới ở cái vùng đó. Còn sau này thế nào, Trang Bát Bối Nhi chẳng hay biết chút gì.

Người nói vô tâm, người nghe hữu ý, Quách sư phụ càng nghe càng cảm thấy Bạch Tứ Hổ chính là tên tội phạm mà ông ta đang truy tìm. Điểm thứ nhất, tuổi tác phù hợp; điểm thứ hai, tai trái có vết sẹo. Mặc dù kẻ này chưa từng làm thợ mộc, nhưng dù sao cũng đã từng mở một tiệm quan tài. Bởi vậy mới nói, giao thiệp rộng cũng là một loại tài nguyên. Nếu như không quen biết Trang Bát Bối Nhi, ông lão làm sao có thể thoải mái nhắc tới những câu chuyện cũ Trần Chi Ma Lạn Cốc Tử* với ông ta, làm sao ông ta có thể biết được vết xanh bên tai trái tên tội phạm không phải là cái bớt hay ngày trước hắn chưa bao giờ từng làm thợ mộc. Hóa ra trước kia họ đã đi nhầm hướng hoàn toàn, chẳng trách hỏi cái gì người ta cũng không biết.

*Chuyện không đầu không đuôi, chuyện phiếm lúc trà dư tửu hậu

Quách sư phụ cảm ơn Trang Bát Bối Nhi, đứng dậy ra về. Sáng sớm ngày hôm sau, ông ta và Đinh Mão đi về vùng lân cận phía bắc hỏi thăm một chút, thực sự có một kẻ Bạch Tứ Hổ như vậy. Hàng xóm xung quanh ai cũng bảo kẻ này là người trung thực, thường ngày rất ít khi ra khỏi nhà, ngoại trừ ăn mặn, mua rất nhiều muối thì không hề có hành động gì khác thường.

Sau khi xác minh xong, Quách sư phụ không muốn đánh rần động cỏ, trở về báo cáo với lão Lương, có một kẻ ở ngõ hẻm kho lương ở khu nhà ga phía bắc tên là Bạch Tứ Hổ, rất có thể là thủ phạm cướp của giết người bằng búa thợ mộc.

Tuy lão Lương tin tưởng Quách sư phụ, nhưng vấn đề này tương đối nan giải. Câu chuyện về “Kẻ cướp bằng búa thợ mộc” đã lưu truyền ở Thiên Tân về vài chục năm rồi, từ đầu đến cuối chỉ ít liên quan đến hai ba mươi mạng người, khiến cho lòng dân không yên, ngay cả những khu vực đông người trong thành cứ đến khi trời tối, gần những chỗ vắng vẻ là không ai dám tới. Nhưng tên thủ phạm tàn ác này gây án không có quy luật, cho tới bấy giờ nạn nhân của hắn không một ai sống sót, truy nã mười năm mà không có kết quả. Muốn bắt trộm cướp phải có tang chứng, nếu không có thì không thể nào xông bừa vào nhà bắt người được. Nếu ông không tìm ra hung khí búa thợ mộc dùng để đánh cướp, làm sao có thể nhận định là Bạch Tứ Hổ gây án?

Mặc dù vậy, nếu chính quyền muốn điều tra nhân thân thì chẳng có gì là khó, chỉ cần mượn lý do điều tra hộ khẩu tới gõ cửa nhà Bạch Tứ Hổ, trước tiên tra xét nhân thân kẻ này một chút. Trưa ngày hôm đó, chính quyền phái hai người tới nhà hắn, vừa gõ cửa còn chưa kịp hỏi han gì thì Bạch Tứ Hổ đã đột ngột xô dạt hai người ra rồi bỏ chạy. Công an viên được phái tới nhận định kẻ này làm vậy là bởi có tật giết mình, một người vội truy đuổi sát phía sau, còn một người ở lại xem xét bên trong nhà. Khi nhìn thấy bài vị của Thần sông Quách Đắc Hữu ở trong phòng, anh ta cảm thấy kỳ quái khó hiểu, mang theo tâm trạng buồn bực tiếp tục xem xét. Vừa liếc qua giường gạch, anh ta đã thấy có một người trắng tinh đang nằm trên đó, giống hệt như người tuyết, đến khi nhìn kỹ lại thì hóa ra là xác một phụ nữ ướp trong muối tinh.

Vụ án này có lẽ nghiêm trọng hơn dự tính, công an dân binh đội tuần phòng đều phải tham gia, điều động không dưới bảy tám trăm người, chia thành mấy đường đuổi bắt kẻ trốn chạy Bạch Tứ Hổ. Tên này hết đường chạy trốn, cuối cùng bị bắt tại một rãnh nước thải. Hơn hai mươi người lại lần mò dưới rãnh nước đó mất hai ngày mới tìm được cây búa thợ mộc mà Bạch Tứ Hổ đã ném xuống đó. Bằng chứng rành rành, hắn hết đường chối cãi, khai ra trước giải phóng nhìn thấy búa thợ mộc tại một hàng bán rong ở vỉa hè như thế nào, sinh ra ý tưởng đen tối ra sao, sau khi mua được cây búa đã giấu vào trong người, chọn những nơi nào để gây án. Có một lần đánh gục một phụ nữ ở tỉnh ngoài, hắn thấy cô gái này tương đối có nhan sắc, bèn nhân dịp lúc trời tối đen mang người chết về nhà, ngày nào cũng ăn nằm với các xác đó, sau một năm thì xác chết mang bầu. Kẻ đó xác chết bắt đầu xuất hiện dấu hiệu phân hủy, hắn sợ mùi xác chết bay ra sẽ khiến cho hàng xóm phát hiện, bèn dùng muối để bảo quản. Nghe bên ngoài đồn đại Quách sư phụ muốn bắt mình, trong lúc bản thân cảm thấy kinh hoàng không biết phải làm sao, xác cô gái đã bày cách cho, bảo

hắn làm một miếng gỗ hương, viết bài vị Quách sư phụ lên trên, bái vài ngày là người này chắc chắn phải chết, không ngờ tới chỉ vài ngày sau hắn đã bị bắt về kết án.

Lão Lương cho rằng lời khai đó vô cùng ma quái, có thể thấy được tư tưởng mê tín đã cắm rễ trong đầu Bạch Tứ Hổ, xác chết cô gái làm sao có thể sinh con, lại còn nghĩ kế cho hắn nữa? Hơn nữa, lập bài vị thấp hương khăn vải là có thể khiến người khác bị chết, trên đời này làm gì có chuyện như vậy? Bị Bạch Tứ Hổ bỏ vào gáy, chắc hẳn lúc ban đầu cô gái chỉ mới chết não còn trái tim vẫn còn đập, về sau cơ thể cô ta mang thai thai, rồi bắt đầu bốc mùi thì lúc ấy mới chết thực sự. Bởi vì Bạch Tứ Hổ không rõ chân tướng, cứ tưởng rằng trước khi mang về nhà thì cô gái này đã là một xác chết. Theo dân gian, người chết não được là ‘hoạt thi’, những gì hắn kể có lẽ là sự thực. Về phần Bạch Tứ Hổ bảo rằng mấy ngày hôm trước xác cô gái đột nhiên nói chuyện, nhất định là do chính bản thân hắn tưởng tượng ra. Cuối cùng vụ án đã được khép lại, phê duyệt hồ sơ thế nào, định án ra sao thì không nói đến nữa.

Về phần xác cô gái trong nhà Bạch Tứ Hổ, liệu có phải đã thực sự mở miệng nói chuyện vào ngày tết Đoan ngọ, bày cách cho Bạch Tứ Hổ lập bài vị thấp hương để khăn vải làm cho Quách sư phụ chết hay không?

Vậy tôi xin nói với ngài, xác cô gái bị muối tinh bao bọc kín mít, không thể nào mở miệng nói chuyện được, nhưng Bạch Tứ Hổ cũng không có nghe lầm. Ngài đừng có quên, trong ngôi nhà thừa kế lại ở ngõ hẻm kho lương của Bạch Tứ Hổ có cái gì, tại sao đã thử mọi biện pháp mà không tìm được. Trên thực tế, người đã nói chuyện với hắn không phải là cái xác cô gái mà là một kẻ hoàn toàn khác. Nếu như đây chỉ một câu truyện ngắn, vụ án “cướp bằng búa thợ mộc” tuyên cáo đã được phá, thủ phạm đã cúi đầu nhận tội và phải đền tội, thì đến đây câu chuyện của chúng ta coi như đã khép lại rồi. Nhưng câu chuyện về Thần sông lại mang tính dài kỳ, bên trong lại có tiền căn hậu quả của nó, phải đến phần nói về “Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương” mới có thể phá giải được nút thắt lúc trước.

Tám

Hai năm tiếp theo, đầu đường cuối ngõ bàn tán xôn xao, câu chuyện chỉ xoay quanh việc Quách sư phụ phá liên ba vụ án ly kỳ “Trạm điện đài ngầm dưới sông, bom người, đánh cướp bằng búa thợ mộc”, trong đó không thiếu những tình tiết nghe nhảm đồn bậy. Thí dụ như vụ án “Bom người”, thực ra chỉ là dùng xác chó để vận chuyển lậu nhựa anh túc, nhưng truyền qua miệng nhiều người, chẳng hiểu tại sao lại biến thành dấu thuốc nổ trong bụng xác trẻ con, quả thật là tam sao thất bản, người ta đồn đại càng ngày càng ly kỳ.

Bản thân vụ án “cướp bằng búa thợ mộc” đã kỳ quái rồi, Bạch Tứ Hổ ru rú trong nhà, tuyệt không một ai có thể nghĩ ra hung thủ lại là hắn. Nhưng chẳng hiểu do ma xui quỷ khiến thế nào hắn mới đi tìm Quách sư phụ, cho nên mới nói hắn đáng chết, chết không ai thương tiếc.

Tên Bạch Tứ Hổ này hành xử như ma quỷ, giết chết một cô gái từ tỉnh ngoài đến rồi mang xác về nhà coi như vợ của mình. Nghe nói, xác chết đó còn sinh cho hắn một đứa con. Câu chuyện về vợ cường thi con yêu quái trong căn nhà bị ma ám trong ngõ hẻm kho lương được dân chúng đồn ầm lên, hai gian phòng đó bị đóng cửa. Ai cũng bảo đó là căn nhà ma, các hộ gia đình quanh đó cứ nghĩ đến mấy năm nay ở cạnh một cái xác phụ nữ được bảo quản bằng rất nhiều muối, lâu ngày muối còn kết tinh thành kén trắng, có ai mà chẳng sợ hết hồn? Cho nên tất cả đều dọn nhà đi nơi khác. Số hộ gia đình sống ở ngõ hẻm kho lương vốn dĩ đã không nhiều lắm, sau vụ án kinh hoàng đó, đã không còn tới một nửa.

Trước đây, địa danh được đặt rất bừa bãi. Trước đó, ngõ hẻm kho lương từng có một kho lương thực của nhà nước, bởi vậy mới được gọi bằng cái tên này, tên đầy đủ của nó là ngõ hẻm kho chứa lương thực, nằm cạnh nhà ga phía bắc, liền kề với “Ninh viên”. Ninh viên là một khu vườn trồng cây được xây dựng vào những năm cuối triều Thanh, bên trong có hồ nhân tạo. Vào năm 1931 của thời kỳ hai mươi năm dân quốc, nó được đổi tên thành công viên Bắc Ninh. Đến tận thập kỷ năm mươi sáu mươi, mọi người vẫn quen gọi nó theo tên cũ là “Ninh viên”.

Nhà của Bạch Tứ Hổ nằm ở ngõ hẻm kho lương sát Ninh viên ở khu vực nhà ga phía bắc, sau khi hắn bị bắt rồi xử bắn, bất động sản bị sung công, trên cửa dán giấy niêm phong, những gia đình ở xung quanh cũng chẳng còn lại mấy hộ. Về sau, công viên Bắc Ninh mở rộng hồ, đã phá hủy khá nhiều những căn nhà cổ. Khi ấy, hai gian phòng của Bạch Tứ Hổ cũng bị dỡ bỏ. Chuyện này sẽ nói rõ ngọn ngành sau, tạm thời để đấy không nhắc tới.

Cô gái trong nhà Bạch Tứ Hổ đã chết không dưới mười năm trước. Trước giải phóng, người ở nơi khác chạy

nạn đến đó rất nhiều, chiến tranh loạn lạc, bởi vậy không điều tra ra được thân phận. Tử thi đưa đi hoá táng, căn nhà ở ngõ hẻm kho lương bị dán giấy niêm phong, vụ án này coi như đã đến hồi kết. Nhưng ngoài xã hội, rất nhiều người không rõ chân tướng, bởi vậy lời đồn tiếp tục nổi lên ở khắp nơi, mỗi người nói một kiểu.

Quách sư phụ không dám kể công, vụ án này thực sự không phải do một mình ông ta phá, mà cũng chẳng tới phiên ông ta lập công. Cuối tháng sáu năm 1954 xử bắn Bạch Tứ Hổ, trị an xã hội ngày càng đi vào nề nếp. Nhưng vận khí Quách sư phụ vẫn không thể bảo là tốt, cũng không thể đánh giá là xấu. Thời gian trôi qua ngày từng, chỉ trong chớp mắt đã đến năm 1957, trời mưa to mấy trận, mực nước Hải Hà đột ngột dâng cao. Tới mùa hè năm 1958, khí hậu biến đổi khác thường, liên tục mấy tháng không có mưa xuống. Cái nóng mùa hè oi bức, nhiều người nhảy xuống sông bơi lội, liên tiếp xảy ra chết đuối.

Có một ngày, Quách sư phụ phải vớt xác chết trôi trên sông, sau khi xong việc về đến nhà, do quá mệt mỏi nên ông ta lăn ra ngủ từ rất sớm. Nửa đêm nghe thấy gian ngoài có tiếng động, ông ta cho rằng có trộm vào nhà bèn đeo giày chạy ra xem sao. Gian ngoài không thấy có người, nhưng đến khi ông ta ngẩng đầu lên, nhìn đến bức tranh ông táo trên tường lò, ông ta chợt rùng mình đổ mồ hôi lạnh ngắt toàn thân. Khuôn mặt ông táo và bà táo trong bức tranh đã biến đổi.

Sờ sờ ra đó là hai gương mặt quái dị, bốn tròng mắt đen bóng đảo loạn xạ. Quách sư phụ cầm giấy lên ném thẳng vào, chợt thấy hai con vật lông xanh xám nhảy từ mặt bếp lò xuống đất, chui qua khe cửa bên dưới chạy mất. Thì ra là hai con hồ ly trưởng thành vừa trèo lên bếp lò ngồi.

Quách sư phụ xem xét bức tranh ông táo bị giấy ném vào, thấy lưu lại dấu vết, vội vàng xoa bàn tay lau vết giấy đi. Nào ngờ bức tranh đã dán trên tường nhiều năm, giấy đã mủn lắm rồi, ông ta vừa mới xoa một cái, bức tranh rách ra luôn, không còn khả năng khôi phục lại nguyên trạng.

Mấy năm trước, lúc ăn dê thập cẩm ở quán hàng của Trang Bát Bối Nhi, ông ta đã dùng que cời than đâm trúng một con hồ ly con. Rốt cục có phải bọn chúng đến trả thù hay không, thực sự không thể nào truy xét ra được. Nhưng dù thế nào thì thể phong thủy lò bát tiên cũng đã bị phá mất, chỉ sợ không phải là dấu hiệu báo điềm lành. Nhưng bất kể ra sao, ông ta cũng không tài nào đoán trước được, một vật trong “Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương” rục rịch muốn chui ra.

24. Chương 24

Một

Con sông được nhắc đến nhiều nhất trong “Hà thần” là Hải Hà, không được xếp vào hàng ngũ những con sông dài. Bắt đầu từ cầu Kim Cương cho đến khi đổ ra biển ở cửa Đại Cồ, toàn bộ con sông trải dài bảy mươi ba cây số, nhưng lưu vực của dòng Hải Hà lại rất rộng, bao gồm năm nhánh sông chính, theo thứ tự là “sông Bắc Tam, sông Vĩnh Định, sông Đại Thanh, sông Tử Nha và sông đào Chương Vệ Nam”. Năm nhánh sông chính lại chia ra thành hơn ba trăm con sông nhỏ, trải khắp toàn bộ vùng Hoa Bắc với hình thù giống như một cái quạt, Hải Hà của Thiên Tân về có thể coi là cán quạt, bởi đến khu vực này con sông đột ngột thu hẹp lại. Địa hình của khu vực này là tây bắc cao, đông nam thấp, bắc có Yên Sơn, tây có Thái Hành sơn, đông nam là bình nguyên rộng lớn. Con sông bắt nguồn từ cao nguyên, xói mòn đất bazan, cuốn theo một lượng lớn bùn cát chảy đến Hải Hà, khiến lòng sông đầy dần lên theo từng năm. Ứng theo đó, nước lũ không chảy xuôi xuống hạ du được, cho nên thường xuyên xảy ra lũ lụt.

Mỗi lần lũ định kỳ vào mùa hạ, nước sông cuộn cuộn chảy xiết, lần nào thế nước lũ tràn về cũng mãnh liệt đầy hung dữ. Căn cứ vào sách vở ghi lại, từ khi lập vệ dựng thành Thiên Tân vào triều Minh cho đến nay, lưu vực Hải Hà đã phát sinh ba trăm tám mươi bảy lần thiên tai lũ lụt nghiêm trọng, thành Thiên Tân đã bị nước lũ ngập lụt hơn bảy trăm lần, nhà cửa của quân dân bị hư hại vì hứng chịu nhiều trận lũ lụt. Sau giải phóng, Mao Chủ tịch từng đưa ra chỉ thị, nhất định phải trị tận gốc thủy tai của Hải Hà. Bởi vậy, mỗi lần đến thời hạn cố định, người ta phải nạo vét bùn đất cho dòng Hải Hà, đồng thời đào mương máng phân lũ.

Câu chuyện đã đến năm 1958. Năm đó, người chết đuối rất nhiều, bởi vì tình hình hạn hán nghiêm trọng, thời tiết nóng như thiêu như đốt, số người muốn tắm mát, xuống sông bơi lội nhiều hơn những năm trước

cả vài lần. Vào tháng nóng nhất của mùa hè, kể cả người không biết bơi cũng không chịu nổi phải nhảy xuống sông tắm. Bởi vì thiên tai hạn hán, mực nước xuống thấp đến mức lộ ra cả bùn đất và rong rêu dưới đáy sông. Người xuống sông tắm rất dễ bị bùn lầy hút chặt, hoặc bị rong rêu cuốn lấy, càng giãy càng bị cuốn chặt, dù bơi giỏi đến mấy cũng không thể thoát chết.

Bức họa ông tảo nhà Quách sư phụ bị hủy, theo cách nói của Trương Bán Tiên thì đó là phá phong thủy, sẽ phải hứng chịu vận rủi. Nhưng ông ta bận rộn cả ngày vớt xác trôi sông, lấy đâu ra thời gian mà lo với lắng.

Ngày hôm sau, lão Lương tìm tới Quách sư phụ, bảo rằng tất cả các ngành các chi đội đều phải cử người tham gia công việc trị thủy, nạo vét mương máng chống hạn phòng chống lũ lụt. Ông này quyết định cử Quách sư phụ và Đinh Mão đi tham gia lao động.

Từ lúc ấy trở đi, ngày nào hai người họ cũng phải đi nạo vét sông cái. Nạo vét sông là việc cực nhọc nhất, đặc biệt là vào mùa hạ trời oi bức không mưa, trời nắng như đổ lửa, mặt trời chói chang chiếu thẳng xuống đỉnh đầu. Khi nạo vét dưới mương máng, ánh nắng chiếu xuống, lớp bùn lầy biến thành màu xanh lục, thối không thở nổi. Quách sư phụ không những chỉ nạo vét con sông cái, mà đến lúc có người chết đuối dưới sông, ông ta còn phải đảm nhận công việc vớt tử thi cùng với Đinh Mão.

Công việc chống lũ chủ yếu là nhân lúc vào mùa nước cạn, nạo vét bùn lắng dưới đáy sông, khơi thông dòng chảy, để đến lúc gặp phải mưa to, lũ lụt không đến mức tràn thẳng vào nội thành. Đoạn sông mà Quách sư phụ và Đinh Mão nạo vét nằm ở vùng ngoại thành phía tây bắc. Nơi đó là một vùng xanh tươi, phủ đầy những vườn cây rộng lớn, không xa lắm về phía tây là “Đắc thắng khẩu”, ngày xưa gọi là Tiểu Sao Khẩu. Vào thời Hàm Phong nhà Thanh, Lâm Phụng Tường Lý Khai Phóng đã chỉ huy quân Thái Bình Thiên Quốc bắc phạt, đánh tới Tiểu sao khẩu, chuẩn bị qua sông thì đột nhiên bị dân đoàn* phục kích, thất bại tan tác, bởi vậy triều đình mới ban cho cái tên “Đắc thắng khẩu”.

*Tổ chức vũ trang ở địa phương của bọn cường hào địa chủ Trung Quốc thời xưa

Khí trời oi bức, hai nhóm người luân phiên nạo vét sông cái. Giữa trưa ngày hôm ấy, đến phiên Quách sư phụ nghỉ trưa, những công nhân trị thủy xúm lại vây quanh bắt ông ta kể chuyện yêu ma dưới sông và biển.

Quách sư phụ không dám kể chuyện liên quan đến quỷ thần, sợ lỡ lời nói sai cái gì, lại phải hứng chịu cơn giận của lão Lương. Ông ta chợt nhớ ra, đi về phía tây là “Đắc thắng khẩu”, lại nghe nói nơi đây có mộ của Hải Trương Ngũ, bèn kể về những tích chuyện ngắn về kẻ này. Vào những năm cuối nhà Thanh, Hải Trương Ngũ là tên trùm lưu manh khét tiếng của Thiên Tân vệ, xuất thân nghèo khổ, làm giàu bằng cách khống chế việc buôn bán muối. Thiên Tân làm ra muối, bởi vậy vào thời nhà Thanh, tất cả những người giàu có nhất trong nội thành đều là thương nhân buôn muối, từ đó có thể suy đoán ra, Hải Trương Ngũ phải giàu đến mức nứt đổ đổ vách. Vào cái năm quân Thái Bình bắc phạt đánh tới thành Thiên Tân, hắn đã bỏ tiền tổ chức lực lượng dân đoàn, mai phục tại Tiểu sao khẩu, dùng hỏa lực đồng loạt tấn công. Quân Thái Bình ngã rạp từng mảng dưới họng súng kíp của dân đoàn, binh bại như núi đổ, cuối cùng bị quân kỵ mã của Tăng Cách Lâm Thâm** tiêu diệt. Bởi vậy, Hải Trương Ngũ đã được triều đình khen thưởng, phong tặng cho hàm võ quan tam phẩm. Hải Trương Ngũ là tư thương buôn muối xuất thân từ lưu manh. Đừng thấy hắn có mũ miện lông công mà lầm, một chữ bẻ đôi cũng không biết, đòn gánh đặt ngang trên mặt đất cũng không đọc ra được là chữ nhất. Có lần, một vị khâm sai đại thần xuống thị sát, Hải Trương Ngũ đứng ra tiếp đãi, hàn huyên với vị khâm sai đại nhân. Sau khi thảo luận xong việc công, vì muốn xóa ngăn cách, kéo gần quan hệ giữa thượng cấp và hạ cấp, Hải Trương Ngũ hỏi khâm sai đại thần có mấy người con. Khâm sai đại thần bảo rằng có hai khuyến tử, nói xong quay sang hỏi chuyện nhà Hải Trương Ngũ. Hải Trương Ngũ trầm nghĩ: “Chức quan lớn như vậy mà khâm sai đại nhân còn gọi công tử trong nhà là khuyến tử, theo chức võ quan Tam phẩm của mình thì nên gọi như thế nào mới phải? Tóm lại, con cái của ta bất kể thế nào cũng không thể đánh đồng với công tử nhà khâm sai đại nhân được.” Nghĩ vậy, hắn lập tức cúi người đáp: “Khuyến đại nhân chê cười rồi, trong nhà hạ quan chỉ có một tinh trùng lên nào.”

**Tăng Cách Lâm Thâm (1811-1865), tiếng Mông Cổ: Sengge Rinchen, là người tộc Bạt Nhĩ Tế Cát Đặc của Mông Cổ, danh tướng cuối thời Mãn Thanh. Thời Hàm Phong và Thuận Trị, khi tham gia chiến đấu với quân Thái Bình Thiên Quốc và liên quân Anh Pháp, ông đã lập được nhiều công lớn.

Nghe kể xong, đám công nhân trị thủy con sông cái phá ra cười.

Ng.uồ.n .tù. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Đang định nài nỉ Quách sư phụ kể thêm một tích chuyện nữa, họ chợt nghe thấy những người đang nạo vét bùn dưới sông trở nên huyền ảo, bởi sau khi xúc hết lớp bùn, bên dưới đã xuất hiện quái vật.

Hai

Năm 1958, Thiên Tân vệ xảy ra hai sự kiện lớn, một là đua nhau luyện sắt thép theo phong trào, hai là nạo vét sông cái chống hạn phòng lũ, công việc chủ yếu là nạo vét hết lớp phù sa lắng đi. Khi ấy thực sự đã đào lên được không ít đồ vật, bởi vì lớp bùn lắng dưới sông đã tích tụ qua nhiều năm, đã chôn vùi những nghĩa địa hoặc thôn làng ở ven sông xuống dưới, bởi vậy mới đào được những đồ vật có niên đại vài trăm năm. Đến giờ, khi nhắc đến chuyện năm đó, một số ít người cao tuổi vẫn còn ấn tượng, cho dù không được tận mắt nhìn thấy thì cũng đã từng được nghe kể lại. Những sự việc thực sự đáng kinh ngạc đáng khiếp sợ, tổng cộng chỉ xảy ra bốn lần, sự việc mà Quách sư phó và Đinh Mão được chứng kiến là lần thứ tư.

Người ta tiến hành nạo vét phù sa ở kênh mương ngoài thành để phòng chống lũ lụt ở hơn mười nơi, bốn sự việc đó không đồng thời xảy ra ở cùng một địa điểm. Sự việc kỳ lạ đầu tiên xảy ra trên sông Tử Nha. Năm đó, khi nạo vét sông cái, người ta chỉ làm vào ban ngày, đào hết bùn lắng lên, xúc lên xe cút kít mang đi đổ. Bên bờ sông dựng một cái rạp lớn, những người công nhân trị thủy nhà ở xa sẽ ở lại qua đêm trong cái rạp đó. Mùa hè oi bức, rất nhiều muỗi, nhưng công việc nạo vét sông quá cực nhọc, toàn bộ đám công nhân trị thủy vừa nằm xuống đã lăn ra ngủ ngay. Đến lúc ấy, bên ngoài rạp bỗng xuất hiện sáu đứa bé mặt đỏ đen, độ tuổi xấp xỉ nhau. Chúng đẩy cửa rạp ra, sau đó nói một câu mà toàn bộ đám công nhân trị thủy không hiểu tí gì “Huynh đệ chúng ta vẫn luôn ở cùng một chỗ, đừng để họ tách chúng ta ra”. Lúc ấy không có ai hiểu được câu đó có ý gì, cũng chẳng biết sáu đứa bé đó từ đâu mà đến, đang định truy hỏi thì đã thấy cửa rạp đóng chặt lại rồi, không kịp nhìn thấy sáu đứa bé đi về phía nào. Những người công nhân trị thủy cứ ngỡ mình nằm mơ. Ngày hôm sau tiếp tục nạo vét khơi dòng, trong lúc tiến hành công việc họ đào được sáu con mèo đúc bằng sắt rất lớn dưới lớp bùn, đã han rỉ toàn bộ, không nhìn ra được hoa văn ra sao, hình dáng giống loài như mèo, không biết là vật chìm xuống sông thuộc về triều đại nào. Khi đó, hiến đồng hiến sắt cho quốc gia là việc quang vinh, khi đi trên đường nhặt được một cây đinh sắt cũng không quên nộp lên trên, bởi vậy sáu con mèo sắt bị mang đi nấu chảy ra. Những người công nhân trị thủy đa phần là người có xuất thân thấp hèn làm công việc chân tay, những người này rất mê tín, tin rằng sáu đứa bé ngày hôm đó là do sáu con mèo sắt ở đáy sông biến thành người. Đồ cổ đã sinh ra linh khí, nếu bị hủy sẽ mang lại tai họa, họ bèn âm thầm thấp hương cầu khẩn, nhưng từ đó về sau vẫn không hề có việc gì lạ phát sinh.

Lần thứ hai xảy ra bên ngoài cửa tây. Thời xưa, Thiên Tân vệ có bốn cửa thành, theo thứ tự là “Cung Bắc Môn, Trấn Đông Môn, An Tây Môn, Định Nam Môn”. Năm Canh Tý (1900) toàn bộ tường thành cửa thành đã bị phá dỡ, nhưng mọi người vẫn tiếp tục gọi theo tên cũ. Bên ngoài cửa tây có một con sông bảo vệ thành, có một thời đã từng là chiến hào. Khi người ta nạo vét bùn lắng ở đó đã đào được một ngôi mộ cổ, bên trong không có quan tài, chỉ có một cái huyệt rất chật hẹp. Bên dưới huyệt có một cái xác đã khô quắt, quần áo vẫn chưa hoàn toàn mục nát, kín mít từ đầu đến chân. Trong vài năm nạo vét sông khi ấy, số mộ mà người ta đã đào ra không dưới vào trăm, nhưng chỉ có ngôi mộ này là đáng sợ. Gương mặt của cái xác khô quắt đó lồm vào trong, cũng có thể nói là không có mặt, bởi phần mặt từ hàm dưới đến lông mày chỉ là một lỗ thủng bằng cỡ nắm tay. Nước tù đọng dưới ngôi mộ vàng úa, tanh hôi khó ngửi. Sau đó không ai biết cái xác ướp cổ đó đã bị mang đi đâu. Sự việc này đã làm dấy lên không ít lời đồn, nhưng tất cả đều không đáng tin.

Lần thứ ba là tại cầu nổi Diêu Oa. Khi còn là mặt đất bằng, vào thời nhà Thanh nơi đây đã từng là nha môn Tổng đốc Trực Lệ. Khi nạo vét phù sa, người ta đã đào ra được một con rắn kỳ dị dài hơn thước, to cỡ cẳng tay, toàn thân đỏ rực, trên đầu có một cái mào thịt. Điều kỳ quái nhất là con rắn này biết nói, há miệng ra là có thể phát ra tiếng người. Có một người công nhân trị thủy bạo gan, vùng xéng đập chết con rắn đó, máu nó văng vào người những người đứng xung quanh, vừa tiếp xúc đã làm da thịt thối rữa biến thành mủ, bởi vậy đã chết mất tầm hai ba người. Sau này xuất hiện lời đồn bảo rằng, con vật nửa rồng nửa rắn đó là mầm gây tai họa, phải ăn đào mới tránh được nạn, khiến ột đạo chay hàng không tìm đâu ra đào mà mua.

Lần thứ tư có sự có mặt của Quách sư phụ, xảy ra ngay tại nơi mà họ nạo vét con sông cái, lần đó là kỳ quái nhất. Khi nạo vét sông, họ đào được hai cái bàn đá xanh, mặt bàn lớn xấp xỉ với bàn bát tiên, dày đến vài thước, được mô phỏng theo hình dạng của một loại động vật nào đó, khắc chìm hoa văn hình sóng

nước. Nếu có phiến đá, phía dưới chắc chắn có thứ gì đó.

Khi nạo vét bùn ở đáy sông đã đào lên một phiến đá, mặt ngoài có khắc hình hoa văn bia đã bị mờ, hình như là ba chữ “Trương Cẩm Văn”, còn có đầy đủ cả năm nào tháng bao nhiêu. Lúc mới đầu, họ cứ tưởng đó là mộ Hải Trương Ngũ. Tên thật của Hải Trương Ngũ là Trương Cẩm Văn, là trùm buôn lậu muối xuất thân từ du côn lưu manh vào những năm cuối triều Thanh. Khi còn bé, hấn theo mẹ ăn xin mà sống, sau khi lang bạt qua Quan Đông, lúc trở lại Thiên Tân vệ đã trở thành kẻ bảo kê đường buôn muối. Người khác muốn vận chuyển muối phải trả phí bảo vệ cho hấn, không trả tiền là sẽ bị “đao trắng đi vào đao đỏ rút ra”, dựng nghiệp bằng hai bàn tay trắng không chế việc buôn muối, cứ thế mà phát tài. Vào thời Hàm Phong, Hải Trương Ngũ bỏ tiền tổ chức dân đoàn đánh quân Thái Bình lập công, triều đình phong cho hấn danh hiệu quan Tam phẩm. Ở Thiên Tân Vệ, thanh danh Hải Trương Ngũ cực kỳ xấu, nhất là không có công danh, là võ quan ít ra người cũng phải xuất thân từ võ cử thì mới được người kính trọng. Nói trắng ra, công danh chính là văn bằng. Thời xã hội phong kiến, người có công danh sẽ có đặc quyền cực lớn. Nếu ai có công danh, thân phận địa vị người đó đã thoát ra khỏi phạm trù dân chúng bình thường. Ví dụ như cùng phạm vào vương pháp, mặc dù cũng sẽ bị đưa lên công đường chịu thẩm vấn, nhưng nếu bản thân có công danh, phạm nhân gặp quan huyện không cần phải quỳ xuống, phạm tội cũng không bị đánh đòn. Muốn đánh đòn trước hết phải tước công danh đi đã. Hải Trương Ngũ là hạng người du côn vô lại ăn chùa cướp trắng không kiêng nể gì ai, nhưng lại làm quan đến chức to, bởi vậy ai cũng coi thường hấn. Hấn xuất thân bản hàn, hầu như là mù chữ, đầy mưu mô xảo quyệt, mỗi lần ghi sổ dâng triều đình là lại nhờ sự gia viết thay. Nhưng như vậy chưa đáng là cái gì, chủ yếu là vào năm Hàm Phong thứ tám, lúc liên quân Anh Pháp đến đánh chiếm, kẻ này đã từng làm tay sai cho liên quân. Từ lúc ấy thanh danh hấn không thể tồi tệ hơn được nữa, dân chúng không ai là không mắng chửi hấn. Nghe nói sau khi chết, Hải Trương Ngũ được chôn bên ngoài cửa tây.

Đám đông cảm thấy có khả năng đây là mộ Hải Trương Ngũ, đào cũng đã đào lên rồi, huống chi quan hàm của Hải Trương Ngũ không nhỏ, lại còn là tư thương buôn muối, trong nhà vàng bạc thực sự chất cao như núi, trong mộ có lẽ có vài đồ tốt, thừa dịp hỗn loạn lấy đi một hai thứ, chẳng phải là bỗng dưng kiếm được món hời hay sao. Bởi có cùng ý nghĩ này, người nào người nấy hùng hục đào bới, toàn thân lấm lem bùn đất. Có ai ngờ, khi đào phiến đá đầy bùn đất lên họ mới phát hiện ra, đó căn bản không phải huyết mộ. Hơn nữa, những vật chui từ trong ra còn khiến cho toàn bộ những người công nhân trị thủy kinh hồn bạt vía.

Ba

Đám công nhân trị thủy xúm vào nạy phiến đá ra, phát ra tiếng động vang vọng khắp bốn phía, những người nghỉ luân phiên gần đó cũng kéo hết đến xem, Quách sư phụ và Đinh Mão chen lên đằng trước. Ngay dưới phiến đá là một cái động lớn, vách động rắn như đá, tối om không biết sâu bao nhiêu, có nhiều khả năng là mộ Hải Trương Ngũ, bởi ngôi mộ này không giống với bất cứ ngôi mộ nào khác. Có hai công nhân trị thủy to gan lớn mật muốn đi xuống dưới, bảo người khác đi tìm dây thừng. Dây thừng còn chưa tìm được, mọi người chợt nghe thấy bên dưới có tiếng động vang lên, giống như tiếng một loạt thân cây cao lương bị bẻ gãy cùng một lúc.

Đám công nhân trị thủy người nào người nấy giật mình kinh hãi, hai người có ý định đi xuống dưới lúc này cũng rút vội lại. Âm thanh đó giống hệt như tiếng thủy triều đang lên, bắt đầu từ dưới sâu rồi càng lúc càng lên cao dần. Mọi người biến sắc mặt, cảm giác trong động có vật gì đó sắp đi ra, chợt nhớ tới ngày xưa có truyền thuyết nói rằng Long Ngũ Gia đã trói Hạng ma Đại tiên lại rồi ném xuống một cái giếng cổ, cái giếng đó cũng nằm ở bên ngoài cửa tây. Chẳng lẽ khi nạo vét sông cái đã moi ra được Hạng ma Đại tiên hay sao?

Đám công nhân trị thủy sợ hết hồn, tất cả đều không tự chủ được giật lùi về phía sau. Đinh Mão to gan lớn mật, vẫn còn muốn xông lên phía trước quan sát, nhưng đã bị Quách sư phụ túm chặt kéo lùi lại. Đúng lúc ấy, từ trong động có một bầy chuồn chuồn đuôi vàng chi chít bay ra, số lượng nhiều vô kể, vỗ cánh vù vù, giống như một đám mây vàng, rợp trời loạn xạ lượn vòng quanh. Những người đứng nhìn nổi da gà toàn thân. Hình dáng những con chuồn chuồn đuôi vàng đó rất quái lạ, chỉ có một cặp cánh, đầu to đuôi nhỏ, bay không cao lắm, chỉ trong chớp mắt đã tản ra khắp nơi, cầm đầu cầm đuôi rơi xuống đồng ruộng gần đó. Tất cả đám trẻ con đang chơi đùa gần đó lao tới bắt, còn mang cả chim tước tới mổ chuồn chuồn. Còn đám người nạo vét sông cái thì lại ngầy người ra cả một đám, cả đời họ chưa từng thấy nhiều chuồn chuồn đuôi

vàng như vậy. Cái động lớn dưới đáy bùn tại sao lại có chuồn chuồn?

Giữa trưa đào được một cái động lớn, buổi chiều có người đến tìm Quách sư phó và Đinh Mão. Có một cậu học trò xuống sông Tử Nha bơi bị bùn nhão rong rêu ở đáy sông hút chặt nên đã chết đuối, không tìm thấy xác, nhờ họ chạy sang đó hỗ trợ. Hai người vội vàng chạy đi. Không nói tới chuyện Quách sư phó tới sông Tử Nha tìm xác ra sao, giờ chỉ nói đến đám công nhân trị thủy. Họ đứng quây tròn xung quanh cái động bàn tán xôn xao. Có người mê tín bảo, chuồn chuồn là hóa thân của Hạng ma Đại tiên, người nào đụng tới sẽ chết, không cho bọn nhỏ bắt chúng, chẳng trách năm nay hạn hán lại khốc liệt như vậy, chẳng biết chừng Hạng ma Đại tiên còn sắp hiện thân cũng nên. Người khác lại bảo, long mạch của con sông biến chất, không phải là điềm tốt. Dù mọi cách nói khiến cho lòng người hoang mang. Đến khi chiều đến, trong động không còn chuồn chuồn bay ra nữa, nhưng không một ai dám đi xuống, công việc đình trệ cho đến lúc chạng vạng tối. Trời vừa tối không thể nào tiếp tục làm việc được nữa, bởi thực sự sợ gặp chuyện không may, đám công nhân trị thủy trước hết vội vã tản đi, nếu như ngày mai tiếp tục nạo vét, cửa động nhất định càng đào càng rộng, có trời mới biết bên trong còn có vật gì nữa.

Sắc trời dần tối, chỉ còn ba người ở lại cái rạp lớn để gác đêm, cuộc xẽng và xe cút kít dùng để phục vụ công việc nạo vét sông vút ngổn ngang khắp nơi, những người còn lại đều đã ra về. Mùa hạ trời sáng sớm, tối muộn. Lúc ấy đã là tầm tám giờ tối, ba người ở lại chẳng có việc gì để làm. Trước giải phóng, ba người họ đã lang bạt khắp nơi làm công việc chân tay, kết nghĩa làm anh em, gọi nhau là lão đại lão nhị và lão tam. Lão đại là người âm trầm lớn mật, lão nhị lắm mưu ma chước quỷ, lão tam tay chân không sạch sẽ, trộm cắp móc túi. Người hợp theo bầy, người tầm người mã tầm mã, ba người bọn chúng tào tợn ăn trộm ăn cướp chẳng khác gì đám lưu manh, không làm được việc gì tốt. Những công nhân trị thủy còn lại đã về hết, bọn chúng ăn cơm xong, ngồi canh chừng giữa vùng trũng hoang vắng. Chúng đốt giấy bản để đuổi muỗi, quanh đó không một bóng người, trong khung cảnh mây đen trắng mờ, chợt nảy sinh ý tưởng tham lam đen tối.

Lão đại lên tiếng: “Hai người các chú nói thử coi, dưới cái động lớn ở đáy sông có cái gì?”

Lão Tam nói: “Có lẽ nào là Hạng ma Đại tiên?”

Lão Nhị bảo: “Ngu dân nói hươu nói vượn, làm gì có chuyện như vậy. Trên tấm bia đá có khắc cái tên Trương Cẩm Văn, tôi thấy nhất định là mộ Hải Trương Ngũ.”

Lão đại tán đồng: “Lão Nhị nói rất đúng, phiến đá dưới lớp bùn là cửa mộ, phía dưới sẽ là quan tài của Hải Trương Ngũ.”

Lão Tam thắc mắc: “Nhưng tại sao bên trong mộ lại có nhiều chuồn chuồn bay ra như vậy?”

Lão Nhị gắt lên: “Chú đúng là một thùng cơm vô tích sự, đó là bảo khí trong mộ biến thành.”

Lão Tam nói: “Đại ca nhị ca, tôi hiểu rồi, theo ý trong cách nói chuyện của hai ông anh, là định. . .”

Lão đại cắt ngang: “Định làm cái gì, còn phải nói rõ ra nữa hay sao! Bản thân Hải Trương Ngũ là trùm buôn lậu muối, có công đánh bại quân Thái Bình, được phong làm mệnh quan triều đình, thứ có nhiều nhất chính là tiền, đồ tùy táng trong mộ của y toàn là đồ tốt.”

Lão Nhị nói: “Nếu ngày mai tiếp tục đào, số châu báu chôn cùng Hải Trương Ngũ tìm được sẽ bị hiến toàn bộ, nhưng bây giờ chỉ có ba người chúng ta, chẳng bằng xuống dưới lấy trước vài món, không tận dụng lần này sẽ không còn cơ hội nữa đâu.”

Lão đại và lão tam đồng loạt gật đầu: “Người không có thu nhập ngoài luồng không giàu, ngựa không ăn cỏ đêm không béo, có ai nguyện ý nghèo cả đời đâu, thời cơ đã tới trước mặt, nếu vẫn không có gan ra tay, vậy thì khôn cùng suốt kiếp cũng là đáng đời, có chết đói cũng chẳng ai thương tiếc.”

Toàn bộ dân chúng Thiên Tân vệ, ai ai cũng biết, trùm lưu manh Hải Trương Ngũ nhờ khống chế việc buôn bán muối mà giàu có. Xã hội xưa, thuế muối rất nặng, nhưng nhà nào mà chẳng phải ăn muối, có ai là ngoại lệ. Muối lại được lấy từ biển, buôn muối là hình thức mua bán không cần vốn. Đối với các ngành các nghề khác, khi thực hiện bất cứ vụ mua bán nào cũng là hình thức “bỏ vốn kiếm lời”, chỉ có thương nhân buôn muối là không phải bỏ vốn nhưng vẫn có lời, cho nên tất cả những người giàu nứt đổ vách thời Thanh mạt đều là thương nhân buôn muối, Hải Trương Ngũ lại là kẻ đứng đầu trong số đó. Vào năm quân Thái Bình Bắc phạt, thế như chẻ tre thẳng tiến, chẳng mấy chốc sẽ đánh tận tới Thiên Tân vệ. Tri huyện Tạ Tử

Trùng không có binh không có lương, quần bách đến độ muốn treo cổ tự vẫn, may nhờ có Hải Trương Ngũ bỏ tiền, chiêu mộ bốn ngàn quân không chính quy, mua thêm súng đạn, khi trận chiến ở Sao Trục Khẩu kết thúc, đã đánh tan quân Thái Bình. Hết quả thực còn lắm tiền hơn cả triều đình. Vàng bạc châu báu trong mộ của hắn, có ai mà không mở mắt động lòng?

Ba người bàn nhau kỹ càng, quyết định xuống dưới động khai quật quan tài của Hải Trương Ngũ. Bởi vậy bọn chúng lập tức chọn đồ mang theo, nhét đèn lồng không thấm nước vào lồng ngực, bó mấy cây đuốc, cầm theo cuốc xẻng nạo vét sông chuyên dụng và dây thừng. Nhân lúc trời không có trăng, chúng lần mò đến chỗ phiến đá dưới đáy sông, xem thời gian thì vừa đúng tầm giữa canh ba. Sau nửa đêm chính là thời gian thích hợp để đào trộm mộ.

25. Chương 25

Bốn

Trùm buôn lậu muối thời nhà Thanh Hải Trương Ngũ, tên thật là Trương Cẩm Văn, là con thứ năm trong gia đình, thuở bé bị mang cho Hải đại nhân quản lý ngành muối làm con nuôi, được triều đình phong thưởng. Ở trước mặt, mọi người tôn kính gọi hắn là Ngũ Gia, nhưng sau lưng thì khinh bỉ gọi là Hải Trương Ngũ*. Vào thời Hàm Phong, kẻ này dựng nghiệp bằng hai bàn tay trắng, đã từng đánh bại quân Thái Bình thủ vùng Đại Cô Khẩu, chết vào những năm cuối thời Quang Tự. Lần nạo vét sông với quy mô lớn vào năm 1958, cách lúc hắn chết chỉ tầm năm mươi năm. Vào những năm cuối nhà Thanh, xã hội loạn lạc, dân trộm mộ hoành hành ngang ngược, quan trộm dân trộm, cấm mãi vẫn tái diễn. Bản thân Hải Trương Ngũ giàu kếch xù, cho nên để phòng ngừa bị người ta trộm mộ sau khi chết, việc hạ táng được tiến hành trong bí mật. Cho đến bây giờ, vẫn không có ai biết rõ phần mộ Hải Trương Ngũ nằm ở đâu. Năm ấy, khi nạo vét sông cái ở ngoài cửa tây, người ta đã đào được một phiến đá có khắc tên Hải Trương Ngũ ở bên trên, chặn cửa cửa vào một cái động lớn dưới đáy sông, ba tên lưu manh nghèo kiết xác xuất thân từ đầu đường xó chợ cho rằng phía dưới có quan tài của Hải Trương Ngũ, trong đầu nảy sinh ý định đào trộm mộ.

*Người Trung Quốc ghép họ bố đẻ và bố nuôi của ông ta lại để gọi mang hàm ý khinh miệt giống như người Việt chúng ta hay chữ là ‘đồ năm cha ba mẹ’.

Gặp phải hạn hán nghiêm trọng, lòng sông cạn nước, trong những bãi cỏ hoang không có lấy một tiếng ếch hay côn trùng kêu, bốn bề tối đen như mực. Đáng lẽ ra, ít nhất phải có một người ở lại để tiếp viện, hai người còn lại xuống dưới khai quật quan tài chiếm đoạt báu vật. Nhưng ba kẻ này nghi ngờ lẫn nhau, vì tiền bạc anh em ruột thịt còn cạn tình hết nghĩa với nhau, huống chi chỉ là anh em kết nghĩa. Bởi vậy sau khi bàn bạc thống nhất, ba người bọn chúng quyết định cùng nhau xuống dưới, tìm được báu vật sẽ chia làm ba phần đều nhau, mỗi người được một phần. Lúc ban ngày, tảng đá lớn chắn cửa động đã bị đào lên một lần, bây giờ đẩy ra rất dễ dàng. Bọn chúng đã uống vài ngụm rượu để tăng thêm lòng dũng cảm, lão đại cầm bó đuốc chiếu sáng, đồng thời để phòng ngừa dưới đáy sông có rắn, lão nhị công theo bao tải đựng vật dụng, lão tam cầm xẻng chuyên dụng để nạo quan tài. Chúng tìm ba sợi dây thừng dài, một đầu buộc chặt vào gốc một cây lớn bên bờ sông, đầu kia thả xuống dưới động. Sau khi thả hết chiều dài sợi dây, hình như mới xấp xỉ chạm đáy, ba người cùng nhau bám dây thừng tụt xuống dưới. Rõ ràng là cái động lớn này dựng đứng, vừa sâu vừa rộng. Bên ngoài trời vô cùng oi bức, nhưng vào bên trong khí lạnh đã ập tới, bởi vậy khi vừa chui xuống, bọn chúng không hẹn mà chợt cùng nhau rung mình, toàn thân nổi hết cả gai ốc.

Cái động thẳng đứng dưới đáy sông, càng xuống sâu lòng động lại càng rộng. Nói ra kể cũng lạ, trong động có một cây cột đá đồ sộ, được chạm trổ tỉ mỉ, cao hơn hai trượng, chóp nhỏ đáy rộng. Trong động tối đen như mực, nhìn không thấy cuối cùng, chỉ có vô số trận gió lạnh âm u đập vào người, nên động vô cùng lầy lội. Bọn chúng phán đoán bên trong cây cột đá dưới đáy sông chứa thi thể Hải Trương Ngũ, chắc hẳn là một loại quái đản đục từ đá nguyên khối, lớn ngoài sức tưởng tượng. Chúng dùng tay xoa xạc lớp bùn đất bám bên ngoài, nhờ ánh đuốc để quan sát tìm hiểu một lúc lâu, nhưng nhìn thế nào cũng không giống một cái quan tài, mà có vẻ giống như một cái tháp bằng đá trắng được hạ táng dưới đáy sông. Cái tháp gồm năm tầng, được tạc bằng đá trắng nguyên khối, đặc ruột. Cái bệ tám cạnh dưới chân được khảm tám cái gương lớn bằng đồng lạnh như băng, sau khi lau sạch bùn đất, tám gương đồng vẫn có thể soi rõ mặt người, một nửa số gương đã rơi xuống bùn. Ba người bọn chúng, mỗi đứa theo đuổi một ý nghĩ của riêng

Trong khi chúng nói chuyện, chẳng biết có một trận gió âm u từ đâu quét qua, bó đuốc trên tay ba người đột ngột đồng loạt tắt ngấm.

Khi còn đuốc chiếu sáng bọn chúng vẫn còn giữ lại được phần nào gan ăn cắp. Ngay khi bó đuốc vụt tắt, trước mắt tối sầm nhìn không rõ bàn tay, chúng chợt cảm thấy lông tóc toàn thân dựng đứng. Lão đại vội vàng lần tìm diêm, đánh lên thắp lại bó đuốc. Cứ mỗi lần lửa vừa thắp sáng là trận gió âm u lại nổi lên, bó đuốc liên tục bị thổi tắt ngấm. Y liên tiếp châm đuốc mấy lần, nhưng cứ châm lần nào là tắt lần đó.

Năm

Trong lòng ba tên lưu manh phát lạnh. Tại sao cứ đốt đuốc lên là gió âm u lại thổi tới, còn gì ma quái hơn nữa?

Ba anh em bọn chúng hải hùng khiếp vía, chẳng còn nhớ gì tới việc cạy gương đồng ra nữa, chỉ muốn mau mau ra khỏi đây, thế nhưng trước mặt tối om, mò loạn cả lên mà không tìm thấy sợi dây thừng đâu.

Lão tam không tìm thấy dây thừng, vội la lên: “Đại ca, anh châm đuốc một lần nữa đi, có ánh sáng chúng ta mới leo lên được!”

Lão đại moi diêm ra, vừa chạm vào bao diêm trong lòng đã lạnh ngắt, chỉ còn lại một cây cuối cùng, nếu như đốt đuốc lên lại bị trận gió âm u kia thổi tắt thì biết phải làm sao?

Lão nhị bảo: “Đừng đốt đuốc vội, chẳng phải còn một cái đèn lồng không thấm nước ư, đèn lồng đó có thể thông khí, chỉ cần có một chút ánh sáng sẽ dễ dàng tìm thấy dây thừng.”

Lão đại nói: “Đúng vậy, chú thấy đấy, tôi đã hoảng sợ đến hồ đồ rồi, chẳng phải là có mang theo đèn lồng không thấm nước hay sao!” Y thò tay vào trong lồng ngực lấy cây đèn lồng không thấm nước ra, run rẩy cắm nến vào. Ba người xúm lại một chỗ, ngậm chặt miệng nín thở, khum tay che gió, trong đầu âm thầm niệm Phật, ngọn đèn lồng ngàn vạn lần đừng làm tắt. Hết Tây Thiên Phật tổ Thái Thượng Lão Quân Ngọc Hoàng Đại Đế lại đến Thổ Thần Long Vương, cứ nhớ tới vị thần phật nào là chúng lôi ra cầu khẩn cho bằng sạch.

Tay run lấy bẫy, lão đại lập cập đánh cây diêm cuối cùng, thắp sáng ngọn đèn lồng không thấm nước. Ngọn đèn lồng sáng lên không bị tắt ngấm ngay tức thì, ba người thở phào một hơi, vừa cầm đèn lồng quay người lại thì đã sợ tới mức lão đại thiếu chút nữa đã tuột tay ném văng cây đèn lồng đi.

Bó đuốc cứ châm lên là lập tức tắt ngấm, ba anh em bọn chúng quay sang đốt đèn lồng, lập tức làm sáng lên mấy khuôn mặt người trắng bệch như tờ giấy, chẳng thể hiểu nổi những người này đã đi ra từ chỗ nào. Đèn lồng không thấm nước thực ra là một loại đèn lồng đơn giản, được làm bằng cách dùng giấy nến dán lên ba thanh nan trúc uốn tròn, chính giữa cắm một ngọn nến, lúc treo ở nhà xí của cái rạp lớn giành cho công nhân trị thủy thì còn tạm đủ chiếu sáng vào ban đêm, bởi ánh sáng của nó rất yếu. Giờ ở giữa cái động đen kịt đáy sông này, tầm chiếu sáng của nó càng bị thu hẹp. Dưới ánh đèn lồng, y lơ mơ nhìn thấy trước mặt có mấy người, trong bóng tối hình như vẫn còn nữa. Tất cả những người đó đều ngây ngậy ngớ ngẩn, mặt trắng bệch không có một chút máu, quần áo tả tơi, có thậm chí có kẻ còn không mặc gì cả, cơ thể gầy đến mức chỉ còn da bọc xương, đủ mọi lứa tuổi, đa phần là đàn ông, người nhỏ tuổi nhất chỉ tầm mười mấy, đờ đẫn nhìn ba người bọn chúng chằm chằm, không nói một lời.

Tâm trí ba anh em bọn chúng chết lặng, dưới đáy sông sao lại có những người này? Xưa kia, có một cách nói mê tít, ma quỷ không có bóng dưới ánh đèn. Bọn chúng cố giơ đèn lồng phía trước để chiếu sáng rộng hơn, những gương mặt trắng bệch trước mắt vẫn không có biểu hiện gì, giống hệt như ảo ảnh, lại vừa giống như chỉ có mỗi cái đầu. Trong động tối đen, trợn mắt hết cỡ cũng không nhìn rõ lắm, nhưng bọn chúng khẳng định đó không phải là quỷ, bởi nếu thật sự là âm hồn chết oan, ba người đã chết từ lâu rồi. Lão đại lấy hết dũng cảm lên tiếng hỏi những những người kia từ đâu đến, tại sao lại sống ở dưới cái động dưới đáy sông?

Nhưng sắc mặt những người đó vẫn đờ đẫn, không ai hé răng phát ra một âm thanh nào. Khi nhìn thấy ánh đèn, họ càng lúc càng xúm lại gần, vắng vắng vang lên tiếng khóc thút thít ai oán.

Lão đại trầm nghĩ: “Trong động có nhiều người như vậy, có lẽ nào là những công nhân trị thủy ở nơi khác bị lạc dưới chỗ này, không có đèn nên không tìm thấy đường ra, định đi theo chúng ta ra ngoài? Xem ra đã

bị nhốt ở dưới đáy sông đã lâu lắm rồi, chắc là đã sống sót nhờ ăn cá chết?” Y chỉ hy vọng suy đoán này của mình là đúng. Trong lúc y vẫn chưa quyết định được nên làm thế nào, nhóm người kia đã tiến đến ngay trước mặt rồi. Ba tên lưu manh bọn chúng không có biện pháp gì, có thể đuổi người ta đi được hay sao?

Ba người người nhìn ta, ta nhìn người, cảm giác trận gió âm u vẫn luôn lượn lờ bên cạnh mình, mắt thấy đèn lồng chống thấm nước sắp tắt đến nơi, trong lòng giống như bị tảng đá nghìn cân đè nặng – tâm trạng bất ổn, không tự chủ lùi lại phía sau.

Lão đại cầm đèn lồng không thấm nước quay người, hoảng loạn tìm loạn sợi dây thừng bọn chúng đã thả xuống. Thật ra, sợi dây thừng ở ngay gần chúng, chỉ cần thò tay ra là có thể với tới. Nhưng do vừa rồi rơi vào cảnh tối lửa tắt đèn, trong lòng hốt hoảng không sao mò thấy được. Đã thấy cây cỏ cứu mạng, y vững tâm hơn phần nào, nhưng lão nhị và lão Tam ở bên cạnh lại cứ như đột nhiên bị rấn cản vậy, toàn thân run lấy bầy.

Lão đại là kẻ âm trầm lớn mật, người âm trầm thường bạo gan. Trong lòng y cảm thấy kỳ quái, hai người anh em này bị làm sao vậy, có sợ cũng nên sợ những người đang đứng đằng sau kia chứ, trước mặt chẳng phải chỉ có một tòa tháp hay sao, lẽ nào đã nhìn thấy cái gì? Y vừa đưa mắt nhìn vào gương đồng ở dưới chân tháp, tóc tai đã dựng đứng, hồn vía thiếu chút nữa đã lìa khỏi xác. Thì ra trong tấm gương đồng chỉ có ba anh em bọn chúng, còn những người bám theo phía sau, không có một kẻ nào hiện lên trên đó.

Ba anh em bọn chúng lập tức nhận ra, những kẻ ở sau lưng không phải là người, tất cả đều là cô hồn dã quỷ. Ba tên sợ tới mức mặt xanh nanh vàng, âm thầm tìm cách chạy trốn. Nào ngờ, đám quỷ đói ở sau lưng đã vươn tay ra, tóm chặt lấy bọn chúng kéo về phía sau. Lâm vào thời khắc sống chết, phận ai nấy lo, lão đại dốc hết sức bình sinh giãy giụa. Vừa với được một sợi dây thừng, hắn đã hoàn toàn bỏ mặc hai người anh em của mình. Y quăng cái đèn lồng không thấm nước đi, hai tay túm lấy dây thừng, hai chân đạp vào tòa tháp đá lấy đà, leo lên trên cửa động.

Ngày hôm sau, khi đám công nhân trị thủy đến làm việc thì nhìn thấy lão đại đang nằm giữa vũng bùn, chỉ khác với người chết là còn một hơi thở mong manh, vội vàng cứu tỉnh hỏi xem đã xảy ra chuyện gì, hai người gác đêm còn lại đã đi đâu rồi?

Sau khi trải qua cơn kinh hãi, hơn nữa còn có người mất mạng, lão đại không thể nào giấu diếm không khai báo, hai năm rõ mười khai ra sạch sành sanh. Y nói rằng, do lầm tưởng đây là mộ Hải Trương Ngũ, bản thân bèn cùng với hai người anh em xuống dưới định kiểm chác, nào ngờ dưới sông chỉ có Tháp trấn yêu.

Sáu

Năm 1958, khi nạo vét sông cái, người ta đã tìm được một cái Tháp trấn yêu, trả giá bằng tính mạng của hai người. Đương nhiên lời đồn ngoài đường nổi lên không phải là ít. Năm ấy, tình hình hạn hán nghiêm trọng, lúc đào sông đã phát hiện ra một cái động lớn, bên trong có mấy vạn con chuồn chuồn bay ra, mọi người đều thống nhất cho rằng, đó là dấu hiệu báo trước có thảm họa, lúc thì nói sẽ có động đất, lúc lại bảo sẽ xảy ra lũ lụt.

Ba tên công nhân trị thủy nổi lòng tham, nhân dịp lúc trời tối đen lên vào động tìm mộ Hải Trương Ngũ, kết quả có hai người xuống dưới không bao giờ lên nữa. Kể trốn được ra bảo rằng bên dưới có quỷ, hai người kia đã chết cả dưới động rồi, còn bảo rằng dưới đó có Tháp trấn yêu do Hải Trương Ngũ chôn xuống. Vào thời kỳ ấy, xảy ra chết người thực sự không phải là chuyện nhỏ, sống phải thấy người, chết phải thấy xác, nhưng làm gì có ai dám xuống dưới nữa. Không còn cách nào đành mời Quách sư phụ tới, nhờ ông ta dẫn người xuống dưới thám hiểm. Quách sư phụ là người kiếm cơm bằng công việc này, nên phải đứng ra lãnh trách nhiệm. Ông ta và mấy người Đinh Mão mang theo đèn pin, xuống dưới cái động lớn ở đáy sông. Sau khi xem xét thì đúng là có một tòa tháp, còn hai tên công nhân trị thủy thì nằm giữa vũng bùn, mặt mũi tím tái, giống như bị ngạt thở mà chết. Họ bèn buộc xác chúng vào dây thừng để kéo lên trên. Giữa ban ngày ban mặt, không phát hiện thấy quỷ. Quách sư phụ vớt xác trôi sông trông nghĩa trang, xưa nay chưa bao giờ biết sợ là gì, nhưng riêng lần này ông ta lại cảm thấy sợ hết cả gai ốc, tại sao vậy? Thì ra dưới vũng bùn ở đáy động có không ít tử thi, giống như được bọc trong một lớp kén trắng muốt. Mặc dù đã làm việc ở đội vớt xác nhiều năm như vậy, nhưng đây mới là lần đầu tiên Quách sư phụ và Đinh Mão nhìn thấy nhiều người chết đến thế. Dù đã đào lên được rất nhiều tử thi, nhưng lại không thể lập án, bởi vì những người đó chết từ ít nhất bảy tám chục năm trước. Thời gian dài như vậy, đã qua mấy đời người,

dù điều tra thế nào cũng không ra manh mối.

Nhà nước có luật lệ của riêng mình, căn cứ vào những hồ sơ cũ được lưu lại của đội tuần sông, chỗ đào sông đó xưa kia có một cái động lớn, thông với con sông ngầm bên dưới, là mắt sông trong truyền thuyết dân gian. Thật ra, mắt sông không đến mức kỳ kỳ như trong truyền thuyết, mà chỉ là một cái động tiếp nối giữa con sông trên mặt đất và con sông ngầm dưới lòng đất, nhưng cực kỳ nguy hiểm. Thông thường, mỗi khi dòng sông hình thành xoáy nước, người đã bị hút vào đó thì đừng có mong trở ra. Những người bơi lặn bị chết đuối cùng với những xác chết trôi từ trên thượng du xuống đều bị xoáy nước hút xuống dưới con sông ngầm. Vùng đất nơi này bị nhiễm mặn, muối hòa tan trong nước của dòng sông ngầm. Người và cá chết lọt vào trong động sẽ ngập trong bùn, bị muối hòa tan trong nước kết tinh lại bao phủ kín toàn thân, vĩnh viễn giữ nguyên dáng vẻ như vừa mới chết không lâu, bao nhiêu năm trôi qua cũng không thay đổi. Năm ấy xảy ra hạn hán nghiêm trọng, mạch nước ngầm khô kiệt, đám côn trùng bay từ cái động lớn dưới đáy sông ra rõ ràng là sinh vật phù du chuyên sống ở những huyết động ẩm ướt, hoàn toàn không phải là chuồn chuồn. Chuồn chuồn có hai đôi cánh, còn sinh vật phù du chỉ có một cặp cánh, đuôi dài. Ba tên công nhân trị thủy xuống dưới trộm mộ, trong động nồng nặc khí phân hủy, không đủ dưỡng khí cho nên cây đuốc cứ chাম lần nào là tắt lần đó. Hai trong số ba người đã ngạt thở vì khí phân hủy chết dưới động. Kẻ sống sót chỉ là bởi phước lớn mạng lớn, nhưng sau khi xuống động ngầm yếm khí dưới lòng đất, cũng bởi vì thiếu ôxi lên não, tâm thần trở nên hoảng hốt, hoa mắt tưởng rằng mình đã gặp quỷ. Người ta dùng các giải thích này để dẹp hết những lời đồn nhảm nhí, giúp ọi người không bị mê hoặc bởi những lời đồn đó.

Trước kia quan phủ thường dùng tượng thú bằng sắt hoặc phiến đá để chặn mắt sông. Trên tảng đá dưới đáy sông có khắc tên Hải Trương Ngũ, cho nên chắc chắn là kẻ này là người đã chôn cái tháp ở bên dưới. Bên trong ‘Địa phương chí’ ghi lại thông tin đầy đủ rõ ràng về những người trước kia tương đối có thân phận có địa vị nguyện ý tích đức làm việc thiện, sửa cầu làm đường, xây tháp dựng miếu, thu nhặt xác chết vô chủ. Họ được cả xã hội công nhận là người làm việc thiện. Đến khi đã có tiền đã có địa vị, thứ người con người ta khao khát nhất chính là danh vọng. Tiền và địa vị đã không dễ gì mà có được, danh vọng tốt lại càng khó mà có hơn. Loại người như Hải Trương Ngũ không có công danh, là lưu manh vô lại dựng nghiệp bằng hai bàn tay trắng, cho nên lúc nào cũng cảm thấy vô cùng tự ti, luôn muốn gây dựng lên danh vọng. Theo tương truyền, vào thời Hàm Phong, Hải Trương Ngũ đã tổ chức dân đoàn đánh bại quân Thái Bình, triều đình phong thưởng cho hần quan hàm Tam phẩm, nếu so sánh với hiện giờ thì tương đương với sĩ quan quân đội cấp trung đoàn. Ngay sau đó, đất Hà Nam Sơn Đông lại bị Niệp quân tàn phá, cách hai vùng Kinh Tân hai không xa, triều đình hạ chỉ ra lệnh phòng thủ thành phố vững vàng, phải tu sửa pháo đài, nhưng muốn tu sửa pháo đài thì phải có tiền mới làm được chứ. Mấy năm liên tục chiến tranh loạn lạc, quan phủ và dân chúng đều không có lấy một xu, thật sự không có màu mè gì mà kiểm chác. Từ quan viên cho tới dân chúng, nghe thấy phải bỏ tiền cá nhân làm việc công, toàn bộ đều bỏ trốn sạch. Nghe thấy có chỉ như vậy, riêng Hải Trương Ngũ lại chịu đứng ra đảm nhiệm, còn tuyên bố xanh rờn đó chỉ là chuyện nhỏ nhút, tình nguyện bỏ ra số tiền đó giúp triều đình phân ưu. Năm ấy đồng thời xảy ra lũ lụt, không chỉ tu sửa gia cố pháo đài phòng thủ thành phố, hần còn một công đôi việc dựng tháp lấp mắt sông. Số tiền đó thực sự không phải là ít, nhưng Hải Trương Ngũ là kẻ leo lên từ đáy xã hội, dù bạc chảy vào túi như nước, nhưng tuyệt sẽ không tự móc tiền túi. Hần không chế việc buôn muối, lấy cớ chiến tranh và lũ lụt tàn phá vận chuyển không tiện, khắp nơi cung không đủ cầu, tăng thuế muối lên gấp ba. Trong lòng hần thừa hiểu, thương nhân buôn muối kiếm được lợi nhuận rất cao, cho dù mình có sử dụng công phu sư tử ngoạm tăng thuế muối lên vài lần, đám thương nhân kia cũng không dám phản đối. Quả nhiên hần kiếm được một khoản tiền lớn, chỉ cần dùng non nửa số tiền đó đã đủ để tu sửa pháo đài gia cố tường thành, lại xin dựng một ngọn Tháp trấn yêu để trừ tà trấn yêu, chôn xuống đáy sông ngăn chặn mắt sông. Hơn phân nửa ngân lượng còn lại, toàn bộ đều chui vào túi tiền của Hải Trương Ngũ. Năm 1958, khi nạo vét phù sa phòng lụt, người ta đã đào lên được đúng ngọn tháp này. Đến giữa thập niên chín mươi, khoảng năm chín bảy chín tám gì đó, khi xây dựng nhà bên ngoài cửa tây, người ta đã tình cờ đào trúng phần mộ của Hải Trương Ngũ. Nghe nói, quan tài của hần hóa ra cũng không lớn lắm, tử thi bên trong vẫn chưa phân hủy. Người chết mặc trang phục và đeo giày quan lại rất giống cương thi thời nhà Thanh trong phim ảnh Hồng Kông. Trong hòm quan tài còn chôn theo cả chén đĩa bằng vàng. Những vật tùy táng đã bị dân công và quân chúng hiếu kỳ đến xem giành giật nhau lấy đi mất. Từ đó, chén đĩa bằng vàng đã bị thất lạc, không thể nộp hết lên trên. Đó là chuyện ngoài lề, cuốn sách này chỉ nói sơ qua, không đi sâu vào chi tiết.

Chúng ta đang nói đến vụ hạn hán khốc liệt năm 1958, khi nạo vét sông cái đã tìm được Tháp trấn yêu

chôn dưới đất, vật này hóa ra lại có liên quan đến ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương. Vào buổi chiều cái ngày tìm được thi thể hai công nhân trị thủy, Trương Bán Tiên vội tới chỗ Quách sư phụ bói cho ông ta một quẻ. Anh ta căn dặn Quách sư phụ phải cẩn thận hơn nữa, phong thủy lò bát tiên của nhà họ Quách đã bị phá, coi chừng gặp phải vận rủi, quẻ hung tại bắc, có lẽ căn nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương sẽ gây bất lợi cho Quách sư phụ. “Căn nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương” là tên gọi ngôi nhà của tên ăn cướp bằng búa thợ mộc Bạch Tứ Hổ. Sau khi Bạch Tứ Hổ bị xử bắn, hai gian phòng đó đã bị dán giấy niêm phong bỏ không nhiều năm. Căn phòng đó là do tổ tiên nhà họ Bạch xây dựng nên bằng những viên gạch cổ mót về khi phá thành Thiên Tân vào cuối thời nhà Thanh. Trong phòng chôn dấu vật gì đó. Một khi vậy này xuất hiện, chắc chắn mực nước Hải Hà sẽ tràn đê, khi đó Thiên Tân về chắc chắn gặp phải lũ lụt nghiêm trọng. Nghe nói, Bạch Tứ Hổ coi cái xác phụ nữ như vợ của mình, cả ngày trốn trong nhà tâm sự với người chết. Nhưng thật ra, không phải là đầu óc hần không bình thường, mà bởi trong căn nhà đó quả thật có vật gì đó biết nói. Tuy nhiên, vật đó không phải là xác người phụ nữ trên giường gạch, mà là vật tổ tiên Bạch Tứ Hổ đã dấu ở trong nhà. Mặc dầu vậy, rốt cục là bên trong ngôi nhà bị ma ám đó có vật gì, Trương Bán Tiên thật sự không suy tính ra.

Quách sư phụ nghĩ thầm: “Mấy năm trước truy bắt Bạch Tứ Hổ, ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương đã bị người ta lật tung lên không dưới mười mấy lần, hai gian phòng từ trên xuống dưới từ trong ra ngoài không bỏ sót một tấc nào, nhưng đâu có tìm ra cái gì?” Vì vậy, ông ta không tránh khỏi nghi ngờ, chẳng hiểu Trương Bán Tiên có phán chuẩn hay không. Năm 1958 phát sinh hạn hán nghiêm trọng, theo thường lệ, cứ một năm hạn thì đến năm sau quá nửa là sẽ phát sinh hồng thủy ứng lụt. Hạn hán nghiêm trọng như thế, hồng thủy năm sau e rằng không nhỏ. Mặc dù đã làm cho hai người mất mạng, nhưng công việc nạo vét sông phòng lụt không thể dừng lại, mà vẫn phải tiếp tục tiến hành. Sau khi nạo vét thêm nửa tháng nữa, mọi người đã sắp đào đến đáy cái động lớn ở đáy sông, nhưng đào đến khi đã làm một nửa ngọn Tháp trấn yêu lộ ra ngoài, công việc bắt buộc phải dừng lại.

Bởi vì lúc ấy đã xảy ra một sự việc kỳ lạ khiến người nghe phải kinh sợ, thậm chí tận đến hôm nay một số người cao tuổi vẫn còn nhớ như in. Nội dung câu chuyện mà họ kể lại đại khái như nhau, chi tiết bên trong không quá nhiều khác biệt. Nhưng bất kể nội dung như thế nào, mọi người đều nhắc đến “phần mộ số hai trăm linh chín”. Vào thập niên năm mươi sáu mươi, chỉ cần nhắc đến cụm từ “phần mộ số hai trăm linh chín” là có thể dọa cho trẻ con không dám khóc đêm. Qua đó có thể thấy được, câu chuyện này đáng sợ đến thế nào. Nếu như có đứa trẻ nào không nghe lời, người lớn thường đe nó: “Mày còn nghịch nữa, coi chừng tao ném xuống phần mộ số hai trăm lẻ chín!”. Bấy từ này nghiêm nhiên đã trở thành một danh từ làm cho con người ta sợ hết cả gai ốc. Sự việc đó vừa xảy ra, công việc nạo vét sông cái ở Thiên Tân về năm 1958 phải dừng hẳn lại.

26. Chương 26

Một

Trước khi nói đến “phần mộ số hai trăm linh chín”, phải nhắc đến câu chuyện “Hành Thủy Đan cướp đoạt bảo vật”, bởi vì câu chuyện này cũng có quan hệ đến ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương, hơn nữa còn xảy ra trước câu chuyện “phần mộ số hai trăm lẻ chín”. Lại nói tiếp đến trận hạn hán khủng khiếp năm 1958, kỳ lạ nhất là cả mùa hè không mưa, công việc nạo vét bùn đã lấy đi tính mạng của hai người. Cùng ngày hôm đó, Quách sư phụ tất bật làm xong công việc thì trời đã chạng vạng tối. Ông ta cùng với Đinh Mão đạp xe đi về nhà. Trên đường về, hai người nhắc đến chuyện buổi chiều gặp Trương Bán Tiên, nghe anh ta nói bên trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương có bảo vật do tổ tiên nhà họ Bạch chôn dấu. Nhưng hai gian phòng lụp xụp đó chỉ có bốn vách tường trống trơn, mấy năm trước, lúc đuổi bắt Bạch Tứ Hổ họ đã từng đào sâu ba thước đất, lục soát khắp mọi xó xỉnh, cũng không thấy có đồ vật thần kỳ nào, xem ra câu chuyện này không đáng tin.

Nói người nói vô tâm, người nghe hữu ý. Trong lúc vừa đạp xe vừa thảo luận về căn nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương, Quách sư phụ và Đinh Mão bỗng nhiên phát hiện ra có người bám theo sau. Hai người quay đầu lại, thấy người kia cũng đang đạp một chiếc xe đạp, là một người bán bánh hấp Dương Thôn.

Người bán rong bánh hấp Dương Thôn đó tà tà theo sát phía sau hai người họ. Thấy họ quay đầu lại, người này vội vàng lớn tiếng rao to: “Ai mua bánh hấp nóng hổi đây, bánh hấp Dương Thôn vừa mới ra lò đây.

Hai vị có mua bánh hấp không?”

Đinh Mão đã bận việc cả ngày, đói ngấu chưa có hột cơm nào vào bụng. Nghe thấy người bán hàng rong đó mời chào, gã lập tức dừng lại định mua mấy cái bánh hấp.

Quách sư phụ bảo: “Trời nóng thế này, lại không có nước uống, ăn bánh hấp làm gì. Chị dâu cậu đã làm mì sợi ở nhà, chúng ta về ăn cơm thôi.”

Đinh Mão nói: “Em đã đói đến mức da bụng đã dính vào lưng rồi, tốt nhất là cứ nhồi tạm hai cái bánh hấp đã.”

Thấy hai người họ dừng lại, người bán hàng rong vội vàng lấy bánh hấp ra, gói kỹ bằng lá sen rồi mới đưa cho họ.

Quách sư phụ vừa cầm vào tay đã cảm thấy không đúng, bèn hỏi người bán hàng rong: “Chẳng phải anh nói bánh hấp vừa mới ra lò sao, tại sao lại nguội lạnh thế này?”

Người bán hàng rong nói: “Bánh hấp nguội ăn cũng ngon mà, vào ngày nóng như đổ lửa thế này, làm gì có ai muốn ăn bánh hấp nóng chứ?”

Bánh hấp Dương Thôn là loại bánh đặc trưng của riêng Dương Thôn Thiên Tân. Trước kia, toàn bộ những người vào thành bán bánh hấp đều là dân Dương Thôn, phần lớn là nông dân trai tráng, ăn ngay nói thật, tác phong nhanh nhẹn, khiến cho người mua cảm thấy tin tưởng. Bánh hấp thường là loại nóng hổi vừa mới ra lò, bên trong có nhân đậu, rắc thêm mấy sợi tơ màu xanh đỏ. Mặc dù còn có cả loại bánh hấp nguội không nhân, nhưng tuyệt không có ai nhầm lẫn bánh nguội thành bánh nóng được. Giữa đường tình cờ gặp cái tên bán rong này, nghe giọng nói đã thấy không phải là người Dương Thôn, cách nói chuyện cũng thiếu trung thực.

Quách sư phụ và Đinh Mão là người ăn cơm công môn, mắt sắc tai thính, vừa nghe câu trả lời của hắn đã phát hiện ra kẻ này không phải người tốt, chỉ ít ra là không nói thật.

Người bán hàng rong nói: “Hai vị đừng quá đa nghi, tôi có thói quen rao lớn tiếng, hôm nay bán loại bánh hấp nguội, quen mồm cứ rao thành bánh hấp nóng.”

Quách sư phụ quan sát kỹ người bán rong bánh hấp Dương Thôn đó một lượt, rồi mới hỏi hắn: “Anh là người Dương Thôn?”

Người bán hàng rong đáp: “Tôi là người sinh ra và lớn lên ở Dương Thôn, nhà tôi bao nhiêu đời nay đều bán bánh hấp. Các vị cứ nếm thử sẽ biết tài nghệ của tôi, ăn một miếng có lẽ cả đời sẽ không quên ấy chứ.”

Quách sư phụ lại hỏi: “Anh họ Đỗ hả?”

Người bán hàng rong nói: “Rốt cục là các vị có mua bánh hấp hay không, tại sao lại cứ hỏi giống như là điều tra hộ khẩu thế?”

Quách sư phụ nói: “Anh cũng đừng quá đa nghi, nhà làm bánh hấp gia truyền chính tông ở Dương Thôn là nhà họ Đỗ, bánh của những nhà khác kém ngon hơn một chút, cho nên tôi mới hỏi anh họ gì. Hai anh em chúng tôi rất kén ăn, chỉ ăn mỗi bánh hấp Dương Thôn nhà họ Đỗ thôi.”

Nghe nói vậy, người bán hàng rong bình tĩnh lại, bảo: “Tôi họ Đỗ, là con cháu dòng chính của nhà họ Đỗ làm bánh hấp, hai người các vị mua mấy cái bánh hấp mang về chứ?”

Quách sư phụ đã nhận ra, kẻ bán bánh hấp này miệng lưỡi trơn tru, cứ mở miệng ra là nói dối như cháo chảy. Kẻ này tuyên bố mình là dòng chính của nhà họ Đỗ làm bánh hấp Dương Thôn, nói như vậy có lẽ sẽ lừa gạt được người khác, chứ không thể qua mặt được Quách sư phụ. Nói đến đây tôi lại phải nhắc tới đôi câu ngoài lề, nói thêm một chút thông tin về loại bánh hấp Dương Thôn này. Nghe nói, vào thời kỳ đầu nhà Minh, có một người tên Đỗ Thiệu Hưng đến phương bắc an cư lạc nghiệp, định cư tại Dương Thôn bán bánh hấp. Dương Thôn nằm ở ngay cạnh sông đào. Khi ấy, lương thực được vận chuyển từ phía nam lên phía bắc, số lượng dân phu làm công việc vận chuyển theo đường thủy lên đến mấy vạn người, lần vận chuyển nào cũng phải dừng chân nghỉ trọ tại Dương Thôn, bởi vậy quán cơm bình dân nhà hàng nhỏ ở nơi này mọc lên san sát. Hầu hết dân phu làm công việc vận chuyển đường thủy là người phương nam, thích ăn gạo. Để chiều theo khẩu vị của dân phu, Đỗ gia đã dùng gạo xay nhuyễn trộn với đường trắng hấp lên

thành bánh hấp, dần dần gây dựng nên thương hiệu bánh hấp Dương Thôn. Vào năm kênh đào Panama thông tàu thuyền, người ta đã tổ chức hội chợ ẩm thực quốc tế, giới thiệu các món ăn đặc trưng từng vùng miền của các quốc gia. Khi ấy, bánh hấp Dương Thôn được cử đi dự thi và đã giành được huy chương. Từ đó về sau, món ăn này đã vang danh bốn biển. Sau khi quân Nhật chiếm lĩnh Bình Tân, gạo trở thành quân lương, dân chúng chỉ được trồng mà không được ăn. Ai dám ăn gạo, không may bị bọn lính Nhật phát hiện ra, không cần nhiều lời, tặng ột nhất lưỡi lê. Nguyên liệu chính của Bánh hấp Dương Thôn là gạo xay nhuyễn, quân Nhật không cho dùng gạo, người ta không còn cách nào khác đành phải thay thế bằng bột ngô, coi như xứng với bốn chữ ‘hữu danh vô thực’. Sau giải phóng, người ta lại khôi phục phương pháp làm bánh truyền thống, chuyên dùng loại gạo Tiểu Trạch thượng đẳng, ngâm nước cho nở rồi hong khô, nghiền thành bột mịn, sàng lọc kỹ lưỡng, cho thêm đường vào nhào kỹ, dùng dao cắt thành từng miếng nhỏ, cho vào xửng hấp chín, vậy là ra thành phẩm bánh hấp. Bánh hấp mềm dẻo mịn, trong suốt ngon miệng. Sau này, không chỉ có bánh hấp nhà họ Đỗ, mà còn có cả bánh hấp Chi Lan Trai. Nhà họ Đỗ chuyên làm bánh hấp nóng nhân đậu, Chi Lan Trai thì chủ yếu làm bánh hấp nguội. Ở Thiên Tân vệ, bánh hấp Dương Thôn là món ăn vặt phổ biến, Quách sư phụ và Đinh Mão đã từng nếm thử, sao lại không phân biệt được hai loại bánh này. Tên bán hàng rong rõ ràng là bán bánh hấp Chi Lan Trai, nhưng lại bảo là bánh hấp nhà họ Đỗ, nhân dịp trời tối đen không nhìn rõ đánh lừa người khác, kẻ này làm vậy chẳng phải là muốn lừa đảo hay sao?

Hai

Tên bán bánh hấp Dương Thôn rong thực ra mang họ Ô, có một biệt hiệu là “Đại Ô Đậu”. Ô đậu không có nghĩa là đậu đen, mà là loại đặc sản đậu tằm của riêng Thiên Tân đã luộc chín. Sau khi đậu tằm được đun sôi, người ta không vội vớt ra khỏi nồi, mà dùng một cái nắp gỗ đã chuẩn bị sẵn úp kín một thời gian ngắn, ủ cho đậu tằm như tướp ngon miệng, xưa gọi là đậu ủ, người dân gốc Thiên Tân chuyên nói nhịu, bởi vậy phát âm thành đậu đen, nhưng thực tế là đậu tằm. Kẻ này có biệt danh là ô đậu, qua đó có thể thấy hẳn không phải là hạng đứng đắn lắm, tướng mạo trước gáo sau thìa*, trán dô hẳn ra đằng trước, gáy lõm sâu vào bên trong, mặt dài cằm vểnh, đầu có hình dạng y như hạt đậu đen, còn có một biệt hiệu khác là “Hành Thủy Đan”.

*Cách miêu tả tướng mạo của Thiên Tân, dùng để chỉ những người trán dô gáy hõm

Vào thời xã hội cũ, bến tàu thủy bộ Thiên Tân vệ hoạt động nhộn nhịp, phường hội mọc lên san sát như cây rừng, người bốn phương tám hướng đổ về, nuôi sống rất nhiều kẻ biếng nhác không chịu làm việc đàng hoàng, Đại Ô Đậu chính là một người trong số đó.

Ng.uồ.n .từ. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Hắn vừa tham ăn vừa lưỡi nhác, phương châm sống của hắn là: “Tham ăn do mệnh, lưỡi nhác tại số, không tham ăn không lưỡi nhác là không tốt số”, bởi vậy không chịu làm việc nặng nhọc, chỉ dựa vào miệng lưỡi trơn tru kiếm cơm. Gáy hắn lõm hẳn vào trong, nhưng không phải là dị tật bẩm sinh, mà nguyên nhân thực sự là do bị người khác đánh, bởi vì hắn bán “Hành Thủy Đan”. Thiên Tân vệ có không ít người bán Hành Thủy Đan, đó là những kẻ bịp bợm chuyên lừa đảo người khác. Nghe nói, trước kia có một đạo sĩ bán rong một loại thuốc nam, tự đặt cho nó một cái tên rất kêu là tiên dược Hành Thủy Đan. Tại sao lại gọi là Hành Thủy Đan? Chỉ cần ăn viên thuốc này của y là có thể đi lại trên mặt nước, vượt sông giống như đi trên đất bằng. Ban đầu không ai tin, đừng thấy mọi người hay nhắc đến thần ma đạo sĩ mà lầm, sờ sờ bày ra trước mặt cũng chưa chắc đã tin hẳn, ai cũng cho rằng đạo sĩ này khoác lác. Lấy đâu ra tiên đan thần dược có thể giúp cho con người ta qua sông như đi trên đất bằng? Đạo sĩ khẳng định như đinh đóng cột, lại còn dám viết giấy biên nhận, ăn xong Hành Thủy Đan của y, nếu trăm ngày sau không thể đi trên mặt sông như đi trên đất bằng, y chấp nhận bồi thường tiền gấp mười lần. Có kẻ hay chuyện vừa nghe thấy vậy, cảm thấy có chỗ tốt đại gì mà không chiếm, lập tức đồng ý bỏ tiền ra mua Hành Thủy Đan của y, nhưng vừa nghe thấy giá đã biết không móc đâu ra đủ tiền mà trả. Đạo sĩ bảo, tiên đan há có thể là vật tầm thường, một viên Hành Thủy Đan ra giá một trăm lượng bạc ròng, không phải ông chủ lớn thì không thể mua nổi. Câu chuyện này lan ra, có người thực sự có tiền tìm đến mua, mua được tiên đan là ăn vào luôn. Qua một trăm ngày, ông này vừa mới đến bờ sông thì đã vỡ lẽ ra mình bị lừa. Bởi vì sau một trăm ngày, trời chuyển rét đậm, mặt sông đã hoàn toàn đóng băng, thế này chẳng phải là như đi trên đất bằng sao? Tuy có giấy tờ làm chứng nhưng không thể cãi lý lại được, đành phải ngậm bồ hòn làm ngọt.

Trước đây, những kẻ sử dụng mảnh lời lừa tiền khiến cho người khác phải ngậm bồ hòn làm ngọt được gọi

là Hành Thủy Đan. Đại Ô Đậu dùng mảnh khốe này để kiếm cơm, hăm hại lừa gạt không có chuyện xấu gì là không làm. Trong vòng mấy năm đó, hắn đã bị người ta đánh không ít lần. Một trong những lần đó, gậy hắn bị người ta đập ột cú như trời giáng lồm hằn vào trong, thiếu chút nữa là đi đời nhà ma, đến nay vẫn không lần ra được là đòn đánh dã man của kẻ nào. Mụ vợ Đại Ô Đậu cũng chẳng phải kẻ tốt lành gì, há mồm ra là hót còn hay hơn cả hắn, trước kia chuyên môn đi mai mối hôn sự cho người ta, nhưng không chịu làm mai cho tử tế, mà lại gây ra không ít vụ lừa đảo thất đức. Ví dụ như nghe nói nhà phú hộ nào đó có một cô con gái đã sắp ba mươi rồi mà vẫn chưa gả được cho ai, Đại Ô Đậu nảy sinh ý định mờ ám, bảo vợ mình tới đó mai mối hôn nhân cho nhà đó kiếm mấy đồng tiêu xài. Ngài nên nhớ, vào thời ấy, phụ nữ ba mươi tuổi mà vẫn chưa xuất giá thì đã là gái lỡ thì rồi. Nhà mẹ đẻ cô nàng đó lại có tiền, nếu như không có duyên có gì, sao lại không thể tìm được một tấm chồng, bên trong nhất định là có khúc mắc. Nhưng kể cả cô gái đó có xấu đến ma chê quỷ hờn, qua lời giới thiệu của bà mai, cũng có thể biến thành Lâm Đại Ngọc. Người ta có câu “Chỉ cần qua mồm bà mối, sóng lặn tan cũng có thể biến thành sóng thần**”, câu này không sai một chút nào. Mụ vợ Đại Ô Đậu rất giỏi lừa gạt. Trước tiên, ả tìm một anh chàng gánh nước thuê, vào nhà người ta ngồi đằng hoàng, khách sáo mấy câu rồi mớm lời: “Chú em đâu còn ít tuổi nữa, tại sao vẫn chưa lập gia đình, hay là để bà chị dâu này đi mai mối ột cô vợ. Chú có yêu cầu gì không?”

**Một tác lên đến giới.

Anh chàng gánh nước thuê đáp: “Chị dâu à, dù tôi chỉ là người bán sức kiếm cơm nhưng yêu cầu lại rất cao, muốn kết hôn với một cô gái tốt, thà rằng cả đời làm lưu manh, cũng không muốn kết hôn với quả phụ, không phải hoàng hoa khuê nữ tôi nhất định không cưới.”

Mụ vợ Đại Ô Đậu lại bảo: “Chú thử ra ngoài hỏi thăm một chút, xem cách làm người của chị dâu chú ra sao, đã nói một là một, hai là hai, từ trước đến nay chưa từng có một câu điều ngoa gian dối nào, trăm phần trăm sẽ là hoàng hoa khuê nữ.”

Anh chàng gánh nước mừng rơn, vội hỏi: “Một cô nương cao sang hoàng hoa khuê nữ có thể nào để mắt đến một kẻ cu li nghèo kiết xác như tôi chứ? Không phải tệ đến mức chó chê mèo mửa đấy chứ? Tôi xin nhún mạnh trước, không đứng đắn chính chuyên tôi cũng sẽ không cưới.”

Mụ vợ Đại Ô Đậu nói: “Giờ bà chị dâu này xin cam đoan với chú, chú cứ yên một trăm hai mươi cái tâm đi. Thực sự là một hoàng hoa khuê nữ của một gia đình giàu có, tính tình đoan chính thế nào thì khỏi cần phải bàn, chỉ tiếc. . . chỉ tiếc là miệng không quá kín đáo. . .”

Nghe bảo cô gái đó không kín miệng, anh chàng gánh nước thuê không coi đó là khuyết điểm gì quá lớn. Phụ nữ ấy à, có mấy người không chua ngoa lắm lời cơ chứ. Bởi vậy anh chàng lập tức đồng ý, bỏ tiền nhờ mụ vợ Đại Ô Đậu đến nhà gái cầu hôn.

Mụ vợ Đại Ô Đậu là kẻ lừa gạt thành tinh. Bên phía anh chàng gánh nước thuê đã quyết định xong, mụ bèn đến nhà phú hộ bàn đến chuyện hôn nhân của con gái nhà người ta, bảo rằng có một chàng trai gánh nước thuê, tốt tính thế nào, tương mạo đường đường ra sao, chỉ đáng tiếc là dưới mắt thiếu thốn một chút. Phú hộ đã xiêu lòng trước lời rào đón của mụ vợ Đại Ô Đậu. Tuy rằng hai nhà một giàu một nghèo, môn không đăng hộ không đối, nhưng con gái mình đã lớn tuổi, không gả đi được nói chung cũng không phải việc hay ho gì. Nghe nói anh chàng kia dưới mắt thiếu thốn một chút, đương nhiên là muốn ám chỉ thiếu tiền rồi, việc đó thì dễ giải quyết thôi. Lão phú hộ đồng ý bỏ ra một khoản tiền giúp đỡ con rể tương lai cục mịch, mau chóng đưa con gái về nhà chồng, coi như giải quyết được một mối tâm sự đè nặng trong lòng. Bởi vậy hai bên đã quyết định đính hôn, chọn ngày hoàng đạo bái đường. Khi chú rể tân nương vào động phòng, chú rể vạch khăn cô dâu của tân nương tử ra, hai vợ chồng vừa mới nhìn thấy mặt nhau, cả hai đã trợn tròn mắt chết sững. Tại sao lại như vậy? Tân nương tử là người bị sút môi, theo cách nói bây giờ chính là hở hàm ếch, người ta thương tình thì bảo là “Miệng không kín”, nhìn đến ngũ quan của chú rể cũng chẳng tốt hơn là bao, thiếu hẳn cái mũi, nhưng dù thế nào cũng không thể bảo rằng “Dưới mắt thiếu thốn một chút” được. Người hai nhà lồi bà mối là mụ vợ Đại Ô Đậu ra chửi âm lên một chập, mắng tám đời nhà thị không có đức. Nhưng mụ vợ Đại Ô Đậu đâu có quan tâm gì đến hai vợ chồng đó sau này sống với nhau như thế nào, đã lừa tiền vào tay chạy mất dạng từ bao giờ. Sau đó ả hết qua bên đông lại sang bên tây làm mai mối hôn nhân. Trước giải phóng, hai vợ chồng bọn chúng họ đã sử dụng mảnh khốe lừa đảo này để kiếm ăn, cuộc sống có thể coi là không tệ, chỉ là bị người ta ghi hận.

Từ khi đất nước thành lập năm 1949 cho đến bây giờ, nghề mai mối hôn nhân coi như hết đường làm ăn,

Thiên Tân vệ cũng chẳng còn là bến tàu giang hồ như dưới thời xã hội cũ. Kỹ nữ hoàn lương, quán thuốc đóng cửa, rần rít địa phương và lưu manh vô lại hoành hành một thời, nếu không phải bị tổng giam thì cũng bị đưa đi cải tạo, trật tự trị an xã hội càng ngày càng ổn định. Đạo ấy không còn giống như lúc trước, không bỏ sức ra làm việc không được, ngay cả tên thầy bói Trương Bán Tiên cũng còn phải đi đập xích lô nữa là. Đôi vợ chồng Đại Ô Đậu đâu có biết làm cái gì, hơn nữa lại còn vừa tham ăn vừa lười nhác, thường ngày buộc phải thực hiện vài phi vụ trộm vặt móc túi. Có một ngày, Đại Ô Đậu trông thấy một người bán bánh hấp Dương Thôn để xe ở ven đường để đi vào nhà vệ sinh. Nhân cơ hội đó, hắn đẩy xe bánh hấp bỏ chạy. Thế nhưng, bánh hấp không thể mang về nhà, thỉnh thoảng ăn vài ba miếng còn thấy ngon, ăn nhiều quá ngán đến tận cổ. Nam ngọt bắc mặn đông cay tây chua, người phương bắc không quen ăn đồ ngọt. Vừa khéo giữa đường gặp Quách sư phụ và Đinh Mão, Đại Ô Đậu định nhân cơ hội trời tối đen, lớn tiếng rao bán số bánh hấp đã trộm được, kiểm vài đồng rồi về nhà. Nhưng hắn đâu có ngờ, Quách sư phụ là công an đường thủy, chỉ hỏi khó mấy câu đã làm hắn lòi đuôi. Đại Ô Đậu là kẻ cắp chuyên nghiệp, nói chuyện đến giữa chừng thì phát hiện ra tình hình không hay, thẳng tay vứt lại xe bánh hấp, cũng chẳng thèm quan sát chui ngay vào một con hẻm gần đó. Kết quả, hắn ngã xuống một khe nước lớn, đổ máu rách toạc da đầu, cũng còn may là trời tối đen không bị người ta đuổi kịp. Hắn thảm rửa: “Ngày hôm nay đúng là bị vận đen ám vào người, vất vả lắm mới trộm được một xe bánh hấp, ngờ đâu lại chạm trán với hai tên Tang môn thần***, may mà nhanh chân không thì đã bị người ta bắt được. Nhưng tay không trở về biết nói với vợ như thế nào đây?” Hắn chợt nhớ lại, trong lúc bàn chuyện về ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương trong khi đi đường, hai người kia có nói bên trong nhà đó có chôn bảo vật, đã nhiều năm trôi qua mà vẫn không ai có thể tìm ra được. Nghe nói, lúc trước, khi truy bắt kẻ cướp nguy hiểm chuyên dùng bữa thợ mộc, người ta đã phát hiện ra một cái xác phụ nữ trong căn nhà đó, rốt cuộc là ngôi nhà bị ma ám chôn dấu bảo vật, hay chỉ là câu chuyện hoang đường về ngôi nhà bị ma ám?

***Thần cai quản về tang sự

Ba

Thời xưa có quan niệm mê tín “Bảo vật nhận chủ”, bởi vậy Đại Ô Đậu thầm nghĩ: “Không có lửa làm sao có khói, ai cũng bảo ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương chôn dấu bảo vật, vậy nhất định trong ngôi nhà đó có nhiều của cải. Người khác không tìm thấy, chưa hẳn là ta cũng không thể tìm thấy, sao không đi thử thời vận một phen?” Hắn lại sợ trong ngôi nhà bị ma ám đó có quỷ, dâng cái mạng mình cho chúng chẳng phải là lỗ vốn hay sao. Trong lúc nhất thời, hắn phân vân không quyết định được. Huống hồ, cú ngã xuống khe nước vừa rồi không nhẹ, dường như đã bị vẹo cả xương sống rồi, hắn quyết định tới nhà Tô lang trung dán thuốc trước đã.

Thiên Tân vệ có hai danh y họ Tô. Mặc dù cùng một họ Tô, nhưng một người có danh tiếng, còn người kia lại có tai tiếng. Vị Tô đại phu có danh tiếng là người kế thừa gia tộc hành nghề trung y nhiều đời, chuyên trị thương tật do té ngã, đặc biệt là thuốc viên đặc trị trật khớp. Vào cuối thời nhà Thanh, cha ông này đã từng theo học khoa chỉnh hình của người Pháp, kỹ thuật nối xương cao siêu đến mức thần kỳ. Trật khớp thì dùng thuốc viên đặc trị, còn gãy xương thì sẽ dùng đến kỹ thuật kia. Hai tuyệt chiêu đó của nhà họ Tô gia chỉ đời đời truyền riêng cho con cháu trong nhà. Vào cuối thời nhà Thanh, Thiên Tân vệ đây rầy lưu manh ngoài đường. Mỗi khi lưu manh nổi máu yêng hùng, phạm án bị bắt giải lên công đường. Nhưng bất kể quan phủ dùng hình như thế nào, đám lưu manh cũng dám không rên lấy một tiếng, bởi một khi nhận tội, sau này sẽ không đường lẫn lộn nữa. Hình phạt nặng trên công đường há có phải trò đùa. Không cần nói đến hình phạt khác, chỉ riêng việc đánh bằng roi cũng đủ khả năng lấy mạng con người ta rồi. Năm mươi cây gậy gỗ nặng giáng xuống, tránh sao được da tróc thịt bong gãy xương đứt gân, toàn thân như xương mềm oặt, đặt lên cang vải mềm khênh đến nhà Tô đại phu, nhờ ông này nối lại từng đoạn xương đã bị gãy nát của toàn thân, đảm bảo xương cốt hình dạng của người trước khi nhận hình phạt trên công đường như thế nào, một trăm ngày sau sẽ vẫn là như thế. Tô đại phu người ta dám lớn tiếng tuyên bố đến thế, bởi vì ông này thực sự có bản lĩnh làm được điều đó. Bắt đầu từ thời Thanh mạt, nhà này bắt đầu gây dựng nên tên hiệu. Cho tới tận hôm nay, mỗi khi phải bó xương chỉnh hình, mọi người vẫn tranh nhau tới những bệnh xá treo biển hiệu Tô đại phu. Không cần biết đó có phải là đời sau của nhà họ Tô gia hay không, chỉ cần mang họ Tô, những người đó đã cảm thấy trình độ bệnh xá này nhất định sẽ tương xứng với cái tên đó. Về phần vị danh y tai tiếng kia, người này cũng nổi tiếng chả kém, nhắc đến tên y là ai cũng biết. Để cho dễ phân biệt, người ta gọi y là Tô lang trung. Tô lang trung là một người hành nghề y chuyên đi rong hoặc đến những hội chợ phiên bán thuốc nam. Trước giải phóng, y thường treo biển bày bàn bên lề đường, bán

miếng dán thuốc cao. Từ bong gân trật xương phong thấp cảm lạnh, cho đến đau đầu sốt cao thổ tả, bất kể là bệnh gì, cứ đến chỗ Tô lang trung là đều được trị bằng cách dán thuốc cao. Nhìn, nghe, hỏi, sờ***, bắt mạch, xem lưỡi, toàn bộ những phương pháp chẩn bệnh đó y không thông một môn nào, cũng chẳng thêm ghi đơn thuốc, cứ dán thuốc cao là xong chuyện.

***Bốn phương pháp chẩn bệnh của đông y

Thời ấy có một câu nói thế này: “Dán thuốc của Tô lang trung – tự chuốc lấy phiền phức”. Bởi vì thuốc cao dán của Tô lang trung không được nấu đủ lửa, do y không được chân truyền, nói chung khả năng nắm bắt và điều chỉnh thực sự không được tốt. Mặc dù không hẳn là non tay, nhưng thuốc dán của y không có đủ độ dính cần thiết. Trước giải phóng, có người bị xơ cứng cổ, đến chỗ y mua một miếng thuốc dán, bóc ra dán lên chỗ đốt sống cổ. Về đến nhà, đêm đang ngủ thì chợt giật mình tỉnh giấc, người này vừa mới sờ ra sau cổ thì tay đã dính đầy thuốc dán, vừa đen lại vừa nhớp nhúa, vậy là nổi giận dưng dưng chạy đến nhà Tô lang trung chất vấn. Tô lang trung cả vú lấp miệng em bảo rằng nhà người bệnh nặng, miếng thuốc dán hơi nhỏ không trị được hết bệnh, phải đổi thành miếng lớn hơn, khiến cho người nọ lại phải bỏ tiền mua một miếng khác, vẫn tiếp tục dán vào chỗ đốt sống cổ. Đến đêm người này lại giật mình tỉnh giấc, sờ vào chỗ thuốc dán thì đã không thấy đâu. Hóa ra miếng thuốc dán không đủ độ dính, đến đêm đã dịch chuyển, chạy từ cổ xuống mông, rửa mãi mà không sạch. Người nọ ôm đầy một bụng tức giận, lại tiếp tục tới nhà Tô lang trung, yêu cầu y trả lại tiền. Tô lang trung bảy lần không chịu, tám lần không cam lòng, một trăm hai mươi lần không muốn, bèn gân cổ lên bảo, vậy chẳng phải điều đó đã chứng tỏ nguồn gốc căn bệnh của người không phải ở cổ mà là ở mông hay sao? Thuốc dán nhà họ Tô của y có linh tính, có khả năng tự tìm được nguồn gốc căn bệnh, cho nên nó tự đã chạy xuống mông, có lý nào lại phải trả lại tiền? Chuyện này vỡ lở ra rồi trở thành một câu chuyện tiếu lâm, bởi vậy mới có câu nói châm biếm “Dán thuốc của Tô lang trung – tự chuốc lấy phiền phức” như ở trên. Sau này, câu nói đó đã trở thành câu cửa miệng để ám chỉ đến việc tự chuốc khổ vào thân hoặc tự mình làm bản thân phiền đầu.

Đại Ô Đậu leo lên bờ con mương, nhận thấy này cách nhà Tô lang trung không xa, bèn chạy đến đó gõ cửa mua thuốc dán. Tô lang trung là kẻ có tiếng không tốt lành gì, nhưng không hẳn đã là kẻ bất tài, bởi dẫu sao y cũng đã nấu cao dán cả nửa đời người. Cho dù không phải là linh đan diệu dược, nhưng ít nhiều cũng có một chút tác dụng. Y dán thuốc cao cho Đại Ô Đậu xong là ngửa tay đòi tiền. Đại Ô Đậu giở trò vô lại, phỉ tay trợn mắt, không chịu trả một xu. Trước kia, Tô lang trung cũng đã từng lặn lội ngoài giang hồ, hạng người lưu manh vô lại nào mà chưa từng gặp qua, không thể nào nuốt trôi cục tức này, không trả tiền đừng hòng mà đi được, một tay nắm chặt Đại Ô Đậu không chịu buông tha, một tay cởi giày đánh loạn xạ lên mặt hắn. Đại Ô Đậu có tật giật mình, chỉ sợ âm ỉ lên sẽ kéo người khác đến, cuống cuống xô Tô lang trung ra, tông cửa xông ra ngoài. Nào ngờ Thái Dương của Tô lang trung đập thẳng vào góc mặt bàn, ô hô ai tai ngay tức thì. Vị lang trung nấu cao dán bán thuốc dạo ngoài đường có ngờ đâu mình sẽ lăn đùng ra chết oan chết uổng thế này.

Đại Ô Đậu không hề hay biết, cú đẩy đó đã lấy mạng Tô lang trung. Vừa mới thấy đối phương vỡ đầu chảy máu, y vội vội vàng vàng đẩy tung cửa vọt ra bên ngoài, tai vẫn còn kịp nghe thấy trong nhà họ Tô vang lên tiếng vợ kêu con khóc. Y lo sợ bị người khác đuổi theo đánh mình, guồng chân hết tốc lực mà chạy. Lúc bấy giờ, lưng đã được dán thuốc cao, y chạy được một đoạn thì cảm thấy không còn đau nữa. Hắn là kẻ tham tiền ăn vào máu, trong đầu chợt thay đổi ý định, thế là chạy thẳng đến ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương. Ngõ hẻm đó nằm ở gần khu vực nhà ga phía bắc, nhà ga phía bắc lại ở ngay cạnh công viên Bắc Ninh. Cuối thời nhà Thanh, công viên này vẫn còn là một vùng nước thải, dân cư thưa thớt, Viên Thế Khải đã cho tiến hành đào hồ tạo công viên khởi công xây dựng nhà ga. Tới thập niên năm mươi, quanh đó đã có không ít cư dân. Nhà ga phía bắc là một cái ga tàu hỏa. Để thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa, đường cái trước mặt nhà ga đã được mở rộng thành thang, trải nhựa đường. Trước năm 1949, những gia đình ở khu vực nhà ga phía bắc, phần lớn là người nghèo sống nhờ vào ngành đường sắt. Người có sức khỏe thì đi bốc vác hàng lên tàu, trẻ con và đám đàn bà con gái thì đi dọc theo đường sắt nhặt than xỉ rơi từ đầu xe lửa xuống, còn một cách kiếm cơm nữa là bốc dỡ kho hàng. Nếu như có thể làm công nhân đường sắt, cả nhà già trẻ quanh năm suốt tháng được ăn ngũ cốc, coi như có nghề nghiệp ổn định. Thời bấy giờ, khắp nơi kết bè kéo cánh, lập đảng tạo phái, người không nằm trong tổ chức dưng có mong men lại gần. Cho dù chỉ nhặt than rơi trên đường tàu, không quen biết ai thì dưng hòng mà chen chân vào được. Tình trạng tẩy chay người ngoài rất nghiêm trọng, phát sinh vô số lần tranh giành. Kể từ lúc thành lập đất nước năm 1949 cho tới bây giờ, nhà ga phía bắc đồng thời đóng vai trò là nhà ga vận chuyển khách

lấn vận chuyển hàng hóa, không chỉ có những đoàn tàu chở khách ngược xuôi nam bắc, mà hàng ngày còn có những đoàn tàu vận chuyển hàng hóa ra vào. Trước cửa nhà ga đông nghịt người, giao thông nhộn nhịp. Câu chuyện của chúng ta đang nói đến mùa hè năm 1958. Vào giữa mùa hè, nắng nóng khô hạn. Ban ngày vừa oi bức vừa nóng, hầm hập như trong một cái nồi hơi. Cái hồ trong Ninh viên cũng cạn nước, chẳng còn mấy người chèo thuyền du ngoạn. Sau khi trời tối, cái nóng dịu đi một chút. Những người ở quanh đó ai mà chẳng muốn tìm chỗ mát mẻ, thế là người lớn lẫn trẻ con đổ xô ra vỉa hè hóng mát, vừa mát mẻ vừa tiết kiệm điện. Nhưng chẳng có ai dại gì đi tới ngõ hẻm kho lương cả, có chăng chỉ là những kẻ mù lòa.

27. Chương 27

Bốn

Ngôi nhà cổ nào mà chẳng từng có người chết, nhưng nguyên nhân chết của người đó phải là đột tử mới được gọi là nhà bị ma ám. Lúc mới giải phóng, cơ quan công an đã phá án và bắt giam hung thủ của vụ án ăn cướp bằng búa thợ mộc, trong nhà của kẻ cướp nguy hiểm Bạch Tứ Hổ đã tìm thấy một cái xác phụ nữ. Kể từ ngày hôm đó, câu chuyện về ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương đã lan truyền ra với tốc độ chóng mặt. Nhưng hộ gia đình quanh đó trước kia không biết thì không sao, nhưng sau khi phát hiện ra cái xác đó, họ càng nghĩ càng thấy sợ. Nhà nào có khả năng dọn đi được thì không chần chừ lấy một giây. Cộng thêm việc Ninh viên được mở rộng, người ta lại phá dỡ thêm một bộ phận nhà dân. Bởi vậy, đến năm 1958, trong ngõ hẻm này chẳng còn lại mấy hộ gia đình sinh sống. Ngôi nhà hai gian của Bạch Tứ Hổ là ngôi nhà mang số bảy mươi hai ngõ hẻm kho lương, nhìn về hướng tây, ngay sau lưng là cái hồ của công viên Bắc Ninh. Vào thập niên năm mươi sáu mươi, cái hồ trong Ninh viên không rộng lớn như hiện nay, trong công viên cũng chưa có ngọn tháp trắng. Cứ đến đêm là công viên tối om om, tương đối hoang vắng.

Đại Ô Đậu đã từng nghe người ta nói đến ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương từ lâu. Sau khi xử bắn Bạch Tứ Hổ, hai gian phòng đó bị dán giấy niêm phong, nhiều năm rồi mà vẫn không có người ở. Bởi dãi nắng dầm mưa, giấy niêm phong đã tróc ra từng mảng từ bao giờ. Tìm đến nơi là lên được vào trong nhà mà chẳng tốn mấy sức lực. Trong nhà, ngoài bốn bức vách thì chẳng còn cái gì, không có đèn chiếu sáng. Hắn đang ăn trộm, làm sao dám đốt đèn. Nhờ ánh trăng lọt qua cửa sổ mất cánh, hắn lờ mờ nhìn thấy mọi vật. Trong nhà, ngoại trừ tiếng tim đập thình thịch của chính hắn thì không có một tiếng động nào. Trước khi vào trong nhà, đầu óc hắn hoàn toàn bị ý nghĩ chiếm đoạt bảo vật phát tài chiếm cứ, nhưng đến khi đã vào trong đóng cửa phòng lại, chỉ có một mình trong bóng tối, lông tóc toàn thân bất chợt dựng đứng. Hắn bèn ư ử ngâm nga một đoạn dân ca để tăng thêm lòng dũng cảm để tiếp tục trộm cắp: “Ưông no gió đông tây nam bắc, đối đến mức ăn sạch cả rễ cỏ; phiêu bạt ngang qua một ngôi mộ, gặp quả phụ vừa mất hân; lồi lồi kéo kéo về đến nhà, quả phụ đưa cho hắn hai cái bánh nướng, ăn xong bánh nướng đứng ngay cả người. . .”

Vụ án Bạch Tứ Hổ hung hãn dùng búa thợ mộc ăn cướp năm ấy được bàn tán khắp đầu đường cuối ngõ. Mọi người kể rành rề Bạch Tứ Hổ mang cái xác cô gái về nhà coi như vợ, hàng ngày trốn biệt trong phòng tâm sự với người chết ra sao; Sợ lảng giềng lảng giềng phát hiện ra mùi thối, hắn đã còng công từng túi muối về nhà để ướp xác như thế nào. Bởi thế cho nên ngõ hẻm kho lương đặc biệt có nhiều dơi. Khi ấy, người ta cho rằng chuột ăn nhiều muối ăn là có thể biến thành dơi, toàn bộ dơi trong ngõ hẻm đều là chuột nhà Bạch Tứ Hổ biến hình, bởi vì trong nhà hắn muối chất đầy đến nóc. Quả thực là nghe cứ như chuyện thật vậy! Người nào người nấy nói cứ như mình tận mắt nhìn thấy. Nhưng những câu chuyện đồn thổi ngoài đường chỉ thoảng qua như một làn gió. Bản án đã bị phá năm 1945, đến năm 1958 thì đã chẳng còn mấy người nhắc đến nữa. Nghe Quách sư phụ và Đinh Mão nói chuyện trong ngôi nhà bị ma ám có chôn dấu bảo vật, Đại Ô Đậu nảy sinh lòng tham. Hắn ngâm nga vài câu để tăng thêm lòng dũng cảm, căn dặn kiên trì lực lợi khắp nơi trong nhà với tâm lý cầu may, hồng kiêu cho bằng được tiền của phi nghĩa.

Vào thời xã hội cũ, Thiên Tân về có một tác phong rất lệch lạc. Rất nhiều người ham ăn biếng làm, trong đầu lúc nào cũng chỉ quan tâm đến một từ ‘quay’, bản thân không có lý tưởng gì đã đành, đã thế còn coi thường những người trung thực dốc sức làm việc, coi việc đầu cơ trục lợi như một loại bản lĩnh. Đại Ô Đậu cũng không nằm ngoại lệ. Sau giải phóng, hắn vẫn theo tác phong lệch lạc của thời trước, không chịu ép vào mình vào khuôn khổ, vẫn cố tình đến ngôi nhà bị ma ám cướp đoạt bảo vật. Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương này, ban đầu là do lão chường quẩy của tiệm quan tài nhà họ Bạch nhặt gạch xây dựng lên

vào cuối thời nhà Thanh. Nghe nói, trong nhà cất giấu một vật gì đó. Thời xưa, những gia đình giàu có thường làm thế này, có tiền không chịu gửi trong các ngân hiệu*, không lúc nào yên tâm, mà thường thường sẽ bí mật đào hố trong nhà để chôn dấu vàng bạc hoặc một vài đồ quý giá, phòng khi sau này có việc cần dùng gấp. Cuộc đời ngắn ngủi, thời gian thấm thoát như thoi đưa, những ngôi nhà chôn dấu bảo vật đương nhiên đã qua vài lần đổi chủ. Kết quả, có một lần nào đó, người có phúc duyên đã vô tình đào được bảo tàng phát tài, hiện tượng giàu có chỉ sau một đêm như thế xảy ra không ít. Đại Ô Đậu lúc nào cũng mơ mộng hão huyền mình sẽ có lần được như vậy. Hy vọng của nửa phần đời còn lại của hắn hoàn toàn ký thác vào ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương. Giờ phút đó, chữ ‘tham’ đã choán hết tâm trí, chữ ‘sợ’ đã bị hắn ném lên tận chín tầng mây.

*Một loại hình thái sơ khai của ngân hàng

Hắn rón ra rón rén, sờ lần theo vách tường lục soát một lượt, còn cẩn thận tỉ mỉ hơn cả lúc bả hồ quét sơn lót. Hai gian phòng được xây hoàn toàn bằng gạch xây thành, mặt ngoài trát vữa. Có vài chỗ, vách tường đã tróc hẳn ra, vừa sờ tay vào đã cảm nhận được lớp gạch cổ lạnh như băng ở bên trong. Gõ tay vào là đã biết ngay bức tường không có khoảng trống bí mật ở bên giữa. Hắn hết sờ lần toàn bộ bốn vách tường, lại lần tìm trên mặt đất. Nền nhà được lát gạch theo kiểu Hải Mãn, có nhiều chỗ đã lung lay. Dưới lớp gạch là nền đất, chẳng có gì khác ngoài gạch vụn lẫn bùn đất. Mướt mồ hôi một phen, đến bát vỡ cũng không tìm thấy lấy một cái, hắn dựa lưng vào tường, mệt nhọc phù phù thở hổn hển. Vừa mới định há miệng chửi đổng để cho hả giận, hắn chợt nghe thấy trên đỉnh đầu vang lên tiếng “Lộp bộp”.

Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương được xây cùng một kiểu với đại đa số những ngôi nhà cổ khác, bốn bức tường gạch, trên mái có rầm nóc, diện tích không lớn, có xà không trụ, nóc nhà lợp ngói, trên cùng là tấm lợp che mưa. Nhưng nếu đứng nhìn từ bên dưới lên, người ta sẽ không nhìn thấy xà nhà, bởi vì những căn nhà được xây vào thời kỳ trước bắt buộc phải dán trần, nếu không dán thì ở không yên lành. Bốn vách tường quét vôi trắng, theo quan niệm ‘Tứ bạch lạc địa’ của các cụ, còn bắt buộc phải dán trần nhà bằng loại giấy dày để phòng ngừa tro bụi rơi xuống.

Ng.uồn.n .tù. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Chẳng tới nửa năm, lớp giấy dán trần nhà đã bị ẩm mốc ố vàng, đến lúc đó lại dán đè lên một lớp khác. Ngôi nhà của dân chúng bình thường nào cũng được trang trí theo cách này. Nhờ ánh trăng, Đại Ô Đậu ngẩng đầu lên quan sát, nghe tiếng động có vẻ giống như chuột chạy trên mái nhà. Khi ấy, chuột rất nhiều. Chúng thường chạy tới chạy lui trên xà nhà, thỉnh thoảng không may rơi xuống lớp giấy dán trần, mỗi lần như vậy phát ra tiếng động “Lộp bộp”. Ngã không chết, chúng lại vật lộn trở mình chạy tiếp. Mỗi khi đêm khuya thanh vắng, trong những ngôi nhà cấp bốn thường xuyên nghe thấy tiếng động như thế này. Đôi khi còn có hai con chuột đánh nhau, ngã lăn lộn trên trần nhà như muốn trêu ngươi, quấy phá đến mức con người ta không sao ngủ yên được. Thậm chí có cả những con chuột to đùng, hành động chậm chạp nặng nề, ngã xuống làm thủ cả lớp giấy dán trần, rơi tọt vào nồi canh đang đun sôi trên bếp. Việc này xảy ra thường xuyên không ai còn thấy lạ. Người nấu ăn nhìn thấy còn tốt, cùng lắm thì đổ đi không ăn nữa. Nếu không trông thấy, vậy thì cả nhà sẽ được thưởng thức món canh chuột rồi. Trước kia, rất hiếm khi con người không bị đám chuột quấy phá. Nghe thấy tiếng chuột náo loạn trên nóc nhà, Đại Ô Đậu không thèm để tới. Nhưng đột nhiên hắn ngẩn người ra một lúc. Hắn chợt có ý nghĩ, chẳng lẽ đồ vật được giấu trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương lại ở trên nóc nhà?

Năm

Giữa đêm khuya, ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương bị chuột quấy phá, phát ra tiếng động giống như hai con chuột đang đánh nhau. Một trong con ngã xuống lớp giấy dán trần, phát ra âm thanh “Lộp bộp”, đã đánh động suy nghĩ của Đại Ô Đậu. Hắn suy đoán, hai gian phòng này đã bị người ta xối tung lên rất nhiều lần rồi, kể cả đào sâu ba thước cũng không thể tìm thấy một cái gì, nhưng lại chẳng có mấy người hưởng ánh mắt lên nóc nhà. Theo lệ thường, mỗi khi những gia đình giàu có chôn dấu tiền tài bảo vật, phần lớn là sẽ bí mật chôn dưới đất. Nhưng, thật ra dấu chúng trên xà nhà mới xác thực là thần không biết quỷ không hay. Hắn khắp khởi mừng thầm. Các cụ xưa đã có câu, cuộc đời mỗi con người, giàu sang có số. Giàu nghèo sang quý, như mây trôi vô định, có lẽ thời vận của Đại Ô Đậu hắn đã đến, nếu không thì tại sao lại trùng hợp có con chuột rơi xuống trần nhà như vậy? Xem ra, trong số mệnh hắn đã định là sẽ có được số tiền của vô chủ này. Hắn cứ nghĩ rằng mình sắp phát tài, đâu có biết rằng “Tương lai mù mịt, không ai đoán trước được”, bởi vậy làm sao có thể nghĩ ra, trên nóc nhà có vật nào đó đang chờ mình sẵn.

Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương quay về hướng nam, hai gian phòng một khách một buồng, cửa chính nằm ở gian ngoài, trong góc là bếp lò, buồng trong có giường. Vào những năm năm mươi sáu mươi, những ngôi nhà cổ đã tồn tại nhiều năm mà ít khi được tu sửa lại. Sau khi Bạch Tứ Hồ bị xử bắn, nhà hần vẫn luôn bị bỏ hoang. Giấy dán trần nhà đã xuất hiện vô số chỗ mủn nát, màu sắc ố vàng, thậm chí có nhiều chỗ nấm mốc đã mọc tốt um, trần nhà đã bị thủng nhiều nơi. Tinh thần trở nên hưng phấn, hần trèo lên giường, kiễng chân với tay, nhưng chỉ có thể chạm đầu ngón tay tới lớp giấy dán trần. Không còn cách nào khác, hần đành chạy ra ngoài tìm thứ gì đó để kê chân. Khi mở rộng Ninh viên, người ta đã phá hủy đi gần nửa con hẻm nhỏ, gạch đá la liệt ở khắp nơi. Hần bê cả một chồng gạch vào trong nhà, xếp lên trên giường gạch. Đến lúc ấy, hần đã có thể thò đầu lên trên lớp giấy dán trần rồi. Hần chọc ngón tay vào lỗ thủng giắt tung một mảnh giấy dán trần ra. Tro bụi phủ một lớp dày bên trên cái trần nhà dán giấy, hần vừa đụng đến đã ào ào đổ xuống, vậy là Đại Ô Đậu thành kẻ gờ đầu chịu báng. Tro bụi ở những ngôi nhà cổ đã được tích lại qua không biết bao nhiêu năm tháng, đen sì dính dính, mùi vị bị đám tro bụi đó rơi vào miệng khó chịu thế nào thì khỏi cần phải bàn. Bụi bay mù mịt khiến mắt không sao mở ra được, lại còn cả chui vào lỗ mũi, khiến hần sặc sụa hắt hơi liên tục. Bởi sợ người khác nghe thấy, hần cố gắng hành động nhẹ nhàng không phát ra tiếng động lớn. Cuối cùng, sau khi tốn không ít công sức, hần cũng xé thủng lớp giấy dán trần ra một lỗ hổng vừa phải. Đa phần phần đỉnh mái nhà truyền thống của dân chúng được dựng theo kết cấu hình chữ kim (), khoan lỗ để bắt mộng rường nhà. Trước kia, mỗi khi làm mái nhà, người ta cần phải tuân thủ tục lệ không được dùng tới đinh sắt, toàn bộ những chỗ tiếp nối chỉ được gá bằng mộng. Người ta đồn rằng, nếu nhà dân và cung điện sử dụng đinh sắt để xây dựng sẽ có hại đến đường con cháu. Thời bấy giờ, quả thực có điều kiêng kỵ như vậy. Giữa nửa đêm, mặc dù trong phòng có ánh trăng, nhưng khi quan sát phần bên trên nóc nhà hần không thể nhìn thấy cái gì, chỉ có mùi ẩm mốc mục nát xộc vào mũi rồi xông thẳng lên não. Đại Ô Đậu nghiện thuốc lá nặng, ngày nào cũng phải hút, đi đến đâu hút đến đó, bởi vậy trên người lúc nào cũng thủ sẵn diêm. Hần đánh một cây diêm, hai tay khum lại để che ánh sáng. Vừa mới nhô đầu lên nóc nhà, một vật đã đập ngay vào mắt, hần lồm giọng thiếu chút nữa là há miệng nôn mửa.

Vô số mạng nhện đen xì, rủ từ xà ngang xuống, bụi bẩn tích tụ lại dày cở một đốt ngón tay. Nhưng cho dù không bị mạng nhện bám đầy bụi bẩn che chắn, tầm nhìn của hần cũng không thể vượt quá nửa thước. Trước mặt hần là một con chuột chết đang bốc mùi phân hủy, các loại côn trùng, gián, tường xuyên sống trong bóng tối bị kinh động, cầm đầu cầm cổ chạy loạn xạ. Trên nóc những ngôi nhà cũ phần lớn là như vậy, bình thường không nhìn thấy không biết ghé thăm đến thế nào, một khi nhìn thấy, không một ai có thể chịu đựng được. Đại Ô Đậu bụm miệng nôn khan một chặp, nhưng trong đầu thì lại đang có ý nghĩ, trong đêm nhìn thấy tường xuyên là dấu hiệu may mắn, sắp phát tài. Tường xuyên chính là con du diên, hình thù giống hệt như con rết, thường sống trên nóc nhà và trong hốc tường, dân chúng thường gọi chúng là “Tường xuyên”, còn một cách gọi khác là “Dây xâu tiền”, bởi vì tiền đồng ngày xưa được xỏ dây buộc thành từng xâu. Chữ xuyên chủ tài, nếu nhìn thấy tường xuyên trong nhà là sẽ có tài vận, nhưng không phải lúc nào nhìn thấy cũng là tốt. Tục ngữ có nói “Sớm xuyên phúc, muộn xuyên tài, không sớm không muộn xuyên tai”, ý muốn nói, buổi sáng trông thấy tường xuyên là có phúc vận, buổi tối trông thấy là tài vận, giữa trưa nhìn thấy chắc chắn là điềm xấu. Đến giờ không ai còn tin tưởng cách dùng tường xuyên định cát hung nữa, nhưng thời trước thực sự có người tin vào điều đó. Vào giữa nửa đêm, Đại Ô Đậu nhìn thấy tường xuyên trên nóc nhà, tự cho rằng hy vọng phát tài đã lớn hơn vài phần, chỉ cần có thể tìm được số tài bảo trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương này, một chút dơ bẩn đó có đáng là cái gì. Hần cố kìm chế cảm giác buồn nôn, đánh một cây diêm khác, mở mắt trừng trừng cố nhìn sâu vào bên trong. Đúng lúc đó, hần đột nhiên phát hiện ra trong bóng tối có một đôi mắt đầy thù địch đối chọi lại mình.

Đại Ô Đậu cứ đinh ninh là ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương chôn dấu bảo vật, có ngờ đâu nóc nhà lại có người đang lẩn trốn. Trần hai gian phòng này đã được dán từ vài chục năm trước, từ khi phá thành nhật gạch năm Canh Tý cho đến năm 1958, nó chưa từng bị động chạm đến. Mặc dù lớp giấy dán trần đã thủng vài lỗ, nhưng phải xé rách ra một lỗ hổng vừa đủ mới có thể chui đầu lên bên trên được, làm gì có người nào có khả năng trốn ở trên xà nhà tích tụ đầy bụi đất không đi xuống cả vài chục năm, trừ phi là thần tiên không cần ăn uống, hoặc là những vong hồn không tiêu tán trong ngôi nhà bị ma ám. Trường hợp này tám chín phần mười rơi vào khả năng thứ hai. Lại nói tiếp, trên nóc nhà đen kịt không có ánh sáng, hần chỉ có thể nhìn thấy ở phía đối diện hình như là hai con mắt, hai tròng mắt đen bóng to đến mức khó có người dám tin. Nếu gương mặt không to bằng cái khay trà, e rằng cũng không đủ cân xứng với hai con mắt này. Nhưng vấn đề là làm gì có ai có gương mặt to như khay trà? Nếu như mặt người này to cỡ

khay trà, vậy thân thể của y sẽ cao lớn đến mức nào? Đại Ô Đậu lập tức sợ gần chết, tay chân giống như đã không thuộc về mình nữa, miệng há hốc không khép lại được, lưỡi thè lè ra ngoài, cổ cứng đờ giống như đã hóa đá.

Sáu

Đại Ô Đậu vừa nhìn thấy vật trong ngôi nhà bị ma ám đã kinh sợ đến mức ba hồn bảy vía lìa khỏi xác, cút dài tự động xô đẩy trong đống quần. Đột nhiên có một trận gió nổi lên, quả thật là “Quét hết đất trước cửa địa ngục, thổi sạch bụi trên đỉnh Phong Đô”**, cây diêm đang cầm trên tay tắt ngấm, trước mặt tối sầm, hần chợt rùng mình run rẩy từ đầu đến chân, thân thể không tự chủ lùi lại phía sau, quên bằng mình đang đứng trên một chồng gạch. Hần hăng chân, thét lên một tiếng rồi ngã xuống cái giường gạch, bốn vó chổng lên trời, té cút té dài tông cửa chạy ra bên ngoài. Lúc đến như cười rống giá hổ, khi về giống như chó nhà có tang. Hần chạy trốn về đến nhà, còn chưa kịp chui đầu vào nhà thì đã bị người khác đè nghiêng xuống. Thì ra vợ Tô lang trung đã báo án, tố cáo Đại Ô Đậu đến dán thuốc cao, không những không trả tiền, mà còn đánh người gây tai nạn chết người. Nghe nói có người chết, cục công an lập tức vào cuộc. Không xảy ra án mạng chỉ là chuyện nhỏ, nếu xảy ra thì là việc lớn rồi, họ không trì hoãn một giây phút nào, lập tức tìm tới tận cửa, vừa đứng lúc bắt được hần.

**Phong Đô là vùng đất của linh hồn người chết. Câu này muốn nói trận gió đó âm u rùng rợn như thổi tới từ âm tào địa phủ

Đại Ô Đậu đã sợ đến bể mặt, vừa đến cục công an đã thú nhận tất cả, từ lúc hần bắt đầu ăn trộm, ngã xuống rãnh nước như thế nào, đi dán thuốc cao, nổi lên tranh chấp, không may đẩy Tô lang trung ngã gây ra án mạng ra sao, không dám giấu diếm một chút gì. Tiếp theo đó, hần lại khai báo, bởi nghe nói ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương có bảo vật, bản thân đã nổi lòng tham, định mượn gió bẻ măng, nhân cơ hội trời tối đen lên vào trong nhà, xé rách lớp giấy dán trần, thò đầu lên nhìn xem có vớ được cái gì không, nào ngờ trên xà nhà đó lại có quỷ.

Đại Ô Đậu ăn trộm bánh hấp Dương Thôn rồi phạm tội ngộ sát, coi như là việc ván đã đóng thuyền. Về phần lên vào nhà người khác ăn trộm vật báu, công an không có cách nào định tội hần được. Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương đã bị đóng cửa từ năm 1945 cho đến bây giờ, do mở rộng Ninh viên, ngôi nhà sẽ nhanh chóng bị phá hủy. Trong phòng có đầy chuột bọ còn trùng sinh sống, không có bất cứ đồ vật thần kỳ nào cả. Hần lên vào căn nhà rách nát bị bỏ hoang một chuyến, hoàn toàn không thể nào khép vào tội gì được. Mọi người cho rằng con vật mà Đại Ô Đậu nhìn thấy trên nóc nhà chỉ là chuột, nhưng dù có thế nào thì đầu chuột cũng không thể to bằng cái khay trà được. Đến sáng ngày, cơ quan công an phái người đến kiểm tra căn nhà, nhìn thấy lớp giấy dán trần đã bị xé thủng ra một lỗ hổng lớn, trên giường gạch có mấy cục gạch, hoàn toàn ăn khớp với lời khai của Đại Ô Đậu. Nhưng khoảng không gian trên xà nhà ngoại trừ bụi đất phủ đầy, thì xác thực không còn gì khác nữa. Trong lúc tối lửa tắt đèn, rõ ràng là Đại Ô Đậu đã nhìn nhầm mất rồi, không ai tin tưởng vào những gì hần nói. Nhưng kể từ đó về sau, Đại Ô Đậu sợ quá đâm ra ngớ ngẩn. Trong lúc bị giam chờ tái thẩm, hần bắt đầu mê sảng nói huyền thuyên những lời vô nghĩa. Về phần sau này hần bị phán xử như thế nào, tôi sẽ bỏ qua không nói đến nữa.

Quách sư phụ phát hiện ra Đại Ô Đậu đã trộm cắp bánh hấp Dương Thôn. Đêm hôm đó, ông ta và Đinh Mão đuổi theo sau hần rất lâu, nhưng không thể bắt được, nào có biết đêm ngày hôm đó tên trộm này lại đến ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương, hơn nữa còn khẳng định như đinh đóng cột là trong phòng có quỷ. Mặc dù cảm thấy nghi vấn, nhưng Quách sư phụ là công an đường thủy, không thể xen tay vào một vụ án như thế. Bởi vậy, ông ta không thắc mắc bất cứ câu gì, mà chỉ âm thầm ghi nhớ ở trong lòng, ban ngày vẫn tiếp tục xuống sông nạo vét bùn, công lương ra gánh đất chuyển đá. Bởi vì nhân lực có hạn, tiến độ công việc nạo vét sông rất chậm chạp. Dù đã qua Tam phục, trời vẫn khô hạn không chịu mưa xuống. Khoảng thời gian giữa Đại thử và Tiểu thử của âm lịch được gọi là tam phục***. Chẳng mấy chốc đã đến trung tuần tháng bảy âm lịch năm 1958, lúc ấy đã đào sâu ngang thân ngọn Tháp trần yêu của Hải Trường Ngũ, nửa phần trên của ngọn tháp trắng đã bị phá cắt, chỉ còn lại phần chân bằng đá nguyên khối. Trời vẫn không dịu nắng đi chút nào.

***Tiểu thử bắt đầu ngày 7 hoặc 8/7, đại thử kết thúc vào ngày 7 hoặc 8/8 dương lịch. Như vậy, Tam phục là khoảng thời gian 1 tháng từ 7 hoặc 8/7 đến 7 hoặc 8/8 dương lịch.

Tháng bảy âm lịch có hai cái tiết. Một là tiết “Khất Xảo” mừng bảy tháng bảy. Theo tương truyền, mỗi lần

đến mừng bảy tháng bảy, Ngưu Lang Chức Nữ sẽ gặp nhau tại sông Ngân Hà. Theo tục lệ xưa, đêm ngày hôm đó, các cô gái sẽ xỏ bảy cây kim bằng bảy loại chỉ màu khác nhau, bày biện đưa leo đã bỏ sẵn hướng lên trời tế bái, cầu khẩn được tài thêu thùa khéo léo như của Chức Nữ, có thể may được quần áo đẹp dễ, ngay cả đám phi tần cung nữ trong hoàng cung đại nội cũng không nằm ngoại lệ. Lớp người già vẫn thường nói, vào giữa trưa ngày tết “Khất Xảo”, nếu thả một cây châm vào trong bát nước, nó sẽ nổi trên mặt nước không chìm. Đám thanh thiếu nữ xem bóng châm để bói xem là giỏi hay vụng, dân gian gọi là “Bồng chủy châm”. Họ còn nhắn mạnh, tối ngày hôm đó, nếu ai đứng dưới giàn dưa là có thể nghe thấy tiếng Ngưu Lang Chức Nữ rủ rỉ nói chuyện ở trên trời. Mặc dù chỉ là truyền thuyết, nhưng đã đủ khiến cho người nghe phải kinh sợ, không có con cái nhà nào dám núp dưới bóng giàn dưa vào lúc nửa đêm nửa hôm. Qua tiết “Khất xảo” không được vài ngày là đã đến “Tiết vong linh” ngày mười lăm tháng bảy. Theo dân gian, vào ngày mười lăm âm lịch, Quỷ Môn quan mở rộng cửa, đó là thời gian thả đèn hoa đăng siêu độ vong linh.

Công việc nạo vét sông năm ấy đã kéo dài đến ngày tiết vong linh mười lăm tháng bảy âm lịch. Ngày hôm đó vẫn bình thường như mọi ngày, không có chuyện gì xảy ra, người đào bùn cứ đào, người chở đất cứ chở. Nhưng đến ngày mười sáu tháng bảy âm lịch, công việc nạo vét bắt buộc phải dừng lại, liên tiếp vài năm về sau vẫn không thể tiếp tục thực hiện được. Toàn bộ đám công nhân trị thủy đều lên lút bảo rằng: “Ông trời không cho làm việc này!”

Khi ấy, người ta bảo rằng công việc nạo vét sông cái không thể tiến hành được nữa, nguyên nhân chủ yếu là vì xảy ra sự việc “Phần mộ số hai trăm lẻ chín”, sự việc này phát sinh đúng vào đêm ngày mười lăm tháng bảy đó.

28. Chương 28

Một

Theo dân gian, mười lăm tháng bảy âm lịch là tiết vong linh, Đạo gia gọi là Tết Trung Nguyên, còn Phật giáo lại gọi là “Lễ Vu Lan”. Nhưng trên thực tế, trên thế gian này lấy đâu ra cái bồn theo đúng nghĩa bồn vu lan. Từ này bắt nguồn từ Phật giáo, trong tiếng Phạn đọc là vu lan bồn, nghĩa đen của nó là giải cứu treo ngược, còn hiểu rộng ra thì có nghĩa là giải cứu lũ quỷ đói dưới địa ngục khỏi nỗi thống khổ bị treo ngược. Vào ngày mười lăm tháng bảy âm lịch, các tín đồ mở đàn tràng, thả đèn hoa đăng, tôn vinh tăng chúng thập phương.

Đến thời cận đại (1), tiết vong linh đã bị đơn giản hóa, chỉ còn giữ lại nghi thức hoá vàng mã và thả đèn hoa đăng. Hoá vàng mã có nghĩa là đốt tiền vàng mã cho tổ tiên nhà mình, đồng thời còn đốt thêm một chút tiền giấy cho cô hồn dã quỷ. Còn thả đèn hoa đăng chủ yếu là để giải cứu đám cô hồn dã quỷ, là việc thiện có thể tích âm đức. Người ta gấp giấy thành hình hoa sen, dưới đáy bôi sáp chống thấm nước, bên trên cắm một ngọn nến. Đến đêm ngày mười lăm tháng bảy âm lịch, người ta đốt ngọn nến rồi thả cho đèn trôi xuôi theo dòng sông. Theo tương truyền, toàn bộ vong hồn đều có thể được đèn hoa đăng siêu độ, thoát khỏi bể khổ vô bờ. Tuy nhiên, nếu đèn hoa đăng do chính tay mình làm thì không có tác dụng gì, phải mua những cây đèn do hòa thượng ở trong các chùa miếu làm thì mới được. Khi thiện nam tín nữ bỏ tiền mua đèn hoa đăng cũng không thể nói là ‘mua’, mà phải nói là ‘quyên’. Không thiếu những người lăm tiền nhiều của cúng thẳng một khoản tiền vào trong chùa chiền, quy đổi thành số đèn hoa đăng nhất định, đến lúc cần thả đèn hoa đăng sẽ do tăng nhân thay mình thực hiện. Có nhiều tiền quyên nhiều, ít tiền quyên ít, bởi dầu sao mỗi một chiếc đèn hoa đăng cũng có thể siêu độ được một con quỷ đói. Bất kể là đèn nhiều hay ít, chỉ cần có lòng làm việc thiện là được, bởi vậy dân gian mới có câu “Người giàu vạn ngọn đèn, người nghèo một ngọn đèn”. Thời xưa, mỗi khi đến tiết vong linh, cứ nơi nào trong thành có nước là sẽ có vô số đèn hoa đăng, tạo thành cảnh tượng giống như muôn vì sao sáng. Người ta còn mời tăng ni đạo sĩ tụng kinh niệm chú, ném màn thầu cúng cô hồn, lại còn dựng đài Thí Cô (bồ thí cho trẻ mồ côi), mở đủ các loại pháp đàn trên bờ dưới nước, cực kỳ náo nhiệt. Nơi nào không có nước thì chỉ cúng cô hồn hoá tiền vàng mã. Những người nào không phải ra ngoài hoá vàng mã và thả đèn hoa đăng thì phần lớn sẽ về nhà sớm. Trời vừa mới chập choạng tối đã đóng cửa, không bước chân ra khỏi nhà, bởi dù sao vào ngày mười lăm tháng bảy âm lịch cũng chính là ngày cửa địa ngục mở toang. Những gia đình bình thường, nếu không có chuyện gì khẩn cấp không hoãn lại được thì chẳng ai dám ra khỏi nhà vào lúc nửa đêm.

(1) Từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1919.

Thời trước, cứ đến ngày mười lăm tháng bảy âm lịch, đội tuần sông lại phải đi hoá vàng mã dưới chân từng cây cầu một. Từ năm 1949 trở về sau, phong tục đã thay đổi, hoá vàng mã thả đèn hoa đăng bị liệt vào phong tục cổ hủ mê tín còn rơi rớt lại từ thời phong kiến, người ta cấm tuyệt đối. Thậm chí, Tết âm lịch năm 1945 còn không cho đốt pháo nổ, bảo rằng làm vậy là để phòng ngừa có phần tử phản động lợi dụng tiếng pháo nổ để nổ mìn tiến hành phá hoại, đúng là suy nghĩ thiển cận. Nhưng quan niệm và phong tục đã kéo dài cả trăm ngàn năm thì không thể nào chuyển biến chỉ trong một chốc một lát. Buổi tối ba mươi Tết năm ấy thành ra im lìm vắng lặng, không có lấy một chút không khí mừng năm mới. Nhưng đến mười hai giờ đêm, chẳng biết nhà nào đã mở đầu, đột nhiên tiếng pháo nổ ùng ùng tạch tạch nổi lên. Đã có nhà dám phá vỡ lệnh cấm, những nhà khác lập tức đua nhau đốt theo, sau đó toàn thành đều đốt, không khí của lễ mừng năm mới lập tức sống dậy. Sang năm sau, lệnh cấm đốt pháo đã trở thành thùng rỗng kêu to. Nhưng những tục lệ mê tín như hoá vàng mã, thả đèn hoa đăng, mở đàn tràng, vào thập niên năm mươi sáu mươi quả thật là không thấy diễn ra trong nội thành.

Dù trong nội thành không thể hoá vàng mã, nhưng ở nông thôn và vùng ngoại thành hoang vu thì lại chẳng có mấy ai ngó ngàng tới. Nông thôn vẫn chôn cất theo hình thức thổ táng, cứ đến thanh minh đông chí là người đi tảo mộ hoá vàng vẫn nườm nượp như xưa. Ngay cả những người sống trong nội thành cũng đến vùng ngoại thành hoá vàng mã. Chúng ta đang nói về ngày mười lăm tháng bảy âm lịch năm 1958. Lúc bấy giờ có một chàng trai tên là Vương Khổ Oa(2), tầm hai mươi bảy hai mươi tám tuổi, con nhà cùng khổ. Nông dân không được đặt tên, anh ta họ Vương, tên mẹ là Khổ Oa, bởi vậy lúc đăng ký hộ khẩu đã khai đại là Vương Khổ Oa, quê quán ở Quan Trung, trước đó vài năm đã chạy đến Thiên Tân bốc vác than đá kiếm miếng ăn. Khi ấy có không ít người ở nhà tăng, mùa đông phải đốt than đá để sưởi ấm. Những người bán than không những phải kéo xe chở than đá đến tận chân cầu thang, mà còn phải chất than vào giỏ rồi công từng giỏ một lên trên tầng. Công đến cửa nhà người ta, lại phải xếp gọn vào một chỗ ở ngoài hành lang. Kiếm sống bằng công việc này vừa bẩn vừa cực nhọc, không dễ chịu một chút nào. Mẹ Vương Khổ Oa theo đạo Phật, ăn chay trường, chú trọng tích đức làm việc thiện, bởi vì đi lại không tiện, rằm tháng bảy năm nào cũng sai Vương Khổ Oa thay mặt bà ta đi hoá vàng mã, siêu độ cô hồn dã quỷ, làm như vậy là để tích âm đức. Năm ấy cũng không ngoại lệ, bà ta lại sai Vương Khổ Oa đi hoá vàng mã.

(2)Khổ Oa: đứa trẻ mệnh khổ

Vương Khổ Oa cực kỳ bối rối. Từ khi giải phóng đến bấy giờ, người ta đã không cho hoá vàng mã nữa rồi. Năm ngoái, khi đi hoá vàng mã, thiếu chút nữa là anh ta đã bị tóm sống, năm nay sao còn dám đi tiếp? Nhưng mẹ anh ta là một bà lão nông dân mê tín đến u mê, nhất định bắt anh ta phải đi, tiền vàng đã chuẩn bị sẵn cả rồi. Anh ta không thể nào thoái thác, đến nửa đêm ngày mười lăm tháng bảy âm lịch không thể không ra khỏi nhà đi hoá vàng mã. Anh ta lo canh cánh bị người khác nhìn thấy sẽ đi tố cáo, nên định tìm đến một nơi vắng vẻ. Anh ta sống ở gần khu vực nhà ga phía bắc và Ninh Viên. Lúc bấy giờ, phía bắc Ninh Viên còn có một con kênh phân lũ, là một con kênh nhân tạo được đào vào thời nhà Thanh. Trời khô hạn không có nước, cỏ dại mọc um tùm dưới lòng sông, qua con sông nhân tạo này là đến một vùng đất hoang, xa hơn nữa là đất bị nhiễm mặn và rừng cỏ lau, xét theo địa hình thì chỗ đó là một góc chết. Vào thời Đạo Quang nhà Thanh vẫn còn có mấy hộ gia đình cư trú ở nơi này trồng cao lương. Sau này, họ đã dọn đi hết. Vắng khời thiếu rơm(3), khu vực này thường xuyên có hồ ly và nhúm hoạt động, cho dù ban ngày cũng không có lấy một bóng người. Anh ta là một kẻ đầu óc đơn giản sức khỏe có thừa, không biết sợ là cái gì, một mình ôm bọc vàng mã lội qua sông nhân tạo, đi sang vùng đất hoang vu bên bờ bên kia, định hoá vàng mã ở bên đó. Anh ta là người ở nơi khác đến, chỉ nghe nói ở khu vực này có người sinh sống có nhà cửa, nhưng do đất bị nhiễm mặn, không trồng được hoa màu, nên vào thời Quang Tự, toàn bộ các gia đình đó đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Còn những chuyện khác, anh ta không hay biết gì. Giữa nửa đêm ngày mười lăm, trăng sáng vàng vạc, anh ta chợt thấy một ngôi miếu đồ nát thấp thoáng trong đám cỏ hoang, một bên mái miếu đã bị sập. Gió hiu hiu thổi, cỏ dại mọc trên mái hiên đung đưa dưới ánh trăng. Trên tấm bia đá bên cạnh miếu có ba chữ rất lớn nhưng anh ta chỉ đọc được chữ ‘tam’. Sau miếu là một cái hũng, quan tài nằm ngổn ngang lộn xộn khắp nơi.

(3)Ý muốn nói không có người sinh sống và trồng trọt

Hai

Trước mỗi quan tài có một viên gạch cổ được đánh số. Lúc mới giải phóng, nông dân hoàn toàn mù chữ, Vương Khổ Oa chỉ nhận biết được số không biết chữ, nhưng như vậy đã là khá lắm rồi, bởi vì lúc giao than

phải xem biển số nhà, không đọc được số sẽ không giao đúng nhà. Anh ta nhìn thấy trong cái miếu đồ nát thờ phụng ba pho tượng thần, nhưng không phải là Tam Tinh Phúc Lộc Thọ, cũng không phải là Tam Thanh Đạo giáo(4). Vị tướng quân ngồi bệ vệ ngay chính giữa có tướng mạo hiền lành, mang khí thế vương giả, lưng đeo song kiếm. Một tướng quân mặt đen và một tướng quân mặt đỏ chia nhau đứng hai bên, vẻ mặt hung dữ rất đáng sợ. Tướng quân mặt đen cầm xà mâu, tướng quân mặt đỏ cầm Yển Nguyệt Dao. Vậy là đã rõ, đây là một ngôi miếu Tam Nghĩa, chuyên thờ phụng ba vị anh hùng kết nghĩa vườn đào Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi. Mặc dù nông dân mù chữ, nhưng nhắc tới Lưu Quan Trương thì không ai là không biết. Bên dưới cái hũng lớn sau ngôi miếu Tam Nghĩa cỏ hoang mọc um tùm, quan tài nằm bừa bãi khắp mọi nơi.

(4) Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn và Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn cũng chính là Thái Thượng Lão Quân.

Dưới cái hũng lớn có rất nhiều huyệt mộ đã bị đào bới, dây nọ nối tiếp dây kia. Trong mỗi huyệt mộ đều có một hoặc hai cái quan tài, nhưng chẳng có cái nào thuộc loại tốt, tất cả đều là những chiếc quan tài mỏng sơ sài bằng gỗ bách, thời gian hạ táng cũng không giống nhau, phần lớn đều nhỏ hẹp. Do dài nắng dầm mưa quá lâu, thành quan tài hầu như đã mục nát, thậm chí còn có cả lỗ thủng, nhờ ánh trăng có thể nhìn thấy xương trắng ở bên trong. Còn có hai con chó hoang đang chầu chực ở đằng xa. Vương Khổ Oa đã sợ đến mức không còn thấy sợ nữa, thậm chí trong lòng còn rất bức bối, rõ ràng sau miếu là một khu nghĩa địa, tại sao quan tài lại bị đào bới hết lên rồi bỏ mặc ở nơi này không có ai quan tâm tới? Kỳ quái nhất là trước mộ phần không có bia, chỉ cắm một viên gạch xanh theo chiều thẳng đứng đằng trước quan tài, một nửa viên gạch chôn dưới đất, nửa bên trên được viết số bằng sơn, giống như cổ tình đánh số thứ tự cho quan tài vậy.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Là người có đầu óc đơn giản, anh ta thấy nơi đó là một nghĩa trang, bèn có ý nghĩ hoá vàng mã mà chẳng là đốt, chẳng bằng đốt luôn cho cô hồn đã quỷ dưới khu mộ trũng này, tranh thủ lúc không có người đốt cho nhanh, đốt xong còn về nhà ngủ.

Vương Khổ Oa không hiểu tại sao dưới khu mộ trũng này lại có rất nhiều quan tài, nhưng thì lại được kể cho nghe rõ ngọn ngành. Muốn biết rõ đầu đuôi, chúng ta phải quay lại thời kỳ trước giải phóng. Trước đây, Thiên Tân vệ có hai Lý, là hai vị có tiền có thế cùng mang họ Lý. Mặc dù cùng một họ, nhưng hai người lại không có bất cứ quan hệ gì, bởi người họ Lý đầu có ít, Trương Vương Lý Triệu nơi đâu mà chẳng có, Lý lại là đệ nhất thế gia vọng tộc. Một trong hai Lý của Thiên Tân vệ là Đốc Quân Lý Thuần, chính là người đã phá vương phủ xây từ đường nhà họ Lý, phần đầu truyện đã đề cập đến chuyện của ông này. Lý còn lại tên là Lý Diên Chương, là nhân vật trong Thanh Bang, trước kia cũng đã từng là một phu khuân vác thuê, giúp người ta khuân đồ lên thuyền kiếm miếng cơm manh áo. Có một lần, có một ông khách người Sơn Tây ra tỉnh ngoài buôn bán, bốn ba vắt vả kinh doanh nhiều năm, tích cóp đây một cặp da vàng bạc đồ quý. Trên đường mang tiền của về nhà, ông khách này đã lên thuyền của Lý Diên Chương, đến lúc xuống thuyền thì không tìm thấy chiếc cặp da đâu nữa. Bởi vì đã nhận ra chiếc cặp da có chứa vàng bạc đồ quý ở bên trong, Lý Diên Chương chẳng khác gì ruồi nhặng ngửi thấy mùi máu. Nhân cơ hội ông khách kia mất cảnh giác, hắn ta đã âm thầm đánh cắp chiếc cặp da rồi giấu biệt. Đến lúc về gần đến nơi, ông khách người Sơn Tây mới phát hiện ra chiếc cặp đã bị mất cắp, lập tức lửa giận công tâm, há mồm phun ra máu tươi. Ông khách đó báo quan không đường, xin giúp đỡ không cửa, nhất thời phần uất tìm đến cái chết, nhảy cầu tự vẫn.

Bởi đánh cắp được số vật báu trong cặp da của ông khách Sơn Tây, từ đó về sau Lý Diên Chương phất lên nhanh chóng. Hắn ta mua một giấy phép “Long Phiếu” để hành nghề khuân vác thuê, tiến hành bóc lột sức lao động của phu khuân vác trên sông đào bằng rất nhiều con đường. Bởi hắn có trong tay Long Phiếu là loại giấy phép hành nghề khuân vác thuê do chính quyền phát hành, cũng có nghĩa là được quyền thay mặt triều đình quản lý, bởi vậy không cần phải tranh giành công việc đến đâu rơi máu đổ. Nói theo ngôn ngữ của dân Thanh Bang, như vậy gọi là “Lăn lộn trong nước sạch”. Toàn bộ việc bóc lột bên bờ bắc của con sông đào đều nằm trong tay quân cứu vãn của hắn ta. Về sau hắn đến huyện Ninh Hà mua danh bán tước, bỏ ra tiền mua chức Huyện thái gia, Ninh Hà là tên một huyện thuộc Thiên Tân. Thời ấy có câu nói “Kim Bảo Đế, ngân Võ Thanh, không nhiều bằng một lần năm canh của Ninh Hà”, câu này thật ra không phải muốn ám chỉ vào lúc canh năm tối trời có thể đào được bảo vật ở huyện Ninh Hà, mà có nghĩa là cho dù huyện Bảo Đế huyện Võ Thanh có tốt đến mấy, quản lý đến cả trăm ngàn cái thôn, làm quan huyện ở hai nơi này cũng có thể coi là chức vụ béo bở, nhưng vẫn không thể kiếm nhiều tiền bằng làm quan huyện ở huyện Ninh Hà một ngày. Nguyên nhân chính là bởi vì Ninh Hà làm ra muối, khắp nơi nơi đâu cũng là

tiền. Làm quan huyện ở Ninh Hà béo đến mức chảy mỡ, chỉ riêng tiền hối lộ của đám thương nhân đã thu mỗi tay. Để thu phục nhân tâm, vị quan tiền nhiệm của Lý Diên Chương đã thấp thỏm trong miếu, tuyên bố nhất định sẽ làm quan thanh liêm, tuyệt không tham ô nhận hối lộ, tay trái nhận tiền sẽ thối rữa tay trái, tay phải nhận tiền sẽ thối rữa tay phải. Nhưng đến khi nhậm chức, kẻ này đã sinh ra hối hận, nhớ tới lời thề độc địa đã phát ra, không thể dùng đưa tay ra nhận tiền, nhưng không có tiền thì còn khó chịu hơn cả bị rữa nát bàn tay. Bởi vậy, kẻ này bèn dùng khay trà để nhận tiền, nếu có thối rữa thì chỉ cái khay trà phải chịu. Thời trước, hần ta là kẻ nghèo cùng quẫn, loại người này một khi đắc thế sẽ vợ vét tiền của phi nghĩa, quá nửa là sẽ trở nên vi phú bất nhân (làm giàu thì thường không có nhân đức), càng nhiều tiền càng thấy thiếu, dùng hết mọi thủ đoạn để vợ vét của cải, bị người ta đặt cho biệt danh là Quát Địa Hồ(5). Sau khi đến huyện Ninh Hà, hần ta giàu có đến mức nứt đổ đổ vách, có tiền rồi đương nhiên là muốn mua sắm của cải phòng ốc đất đai. Hần ta nghe nói ở Hà Đông có một nơi gọi là lầu Lý Công(6). Trên thực tế, vị Lý Công đó chẳng có quan hệ dây mơ rễ má gì với hần ta. Hần ta bắt đầu lập nghiệp bằng nghề khuân vác thuê, hề nhắc tới là thấy khó nghe, dù có tiền vẫn bị người khác coi thường, cho nên lúc nào cũng muốn thếp vàng lên mặt chính mình. Hần ta cảm thấy cách xưng hô Lý Công này rất kêu, coi như thuận thể bỏ lên trên, cho nên cũng muốn làm Lý Công.

(5) Ý muốn chữ là loài cầm thú ăn tục, không chừa bất cứ cái gì

(6) Người Trung Quốc thêm Công vào sau họ người nào đó để tỏ ý kính trọng

Lý Công được tôn vinh ở lầu Lý Công là một vị quan viên quản lý đường thủy thời nhà Thanh. Ông này có công tìm được một tòa lầu nhỏ có phong thủy đẹp, bởi vậy tòa lầu đó mới có tên gọi như vậy, đến nay vẫn được gọi là lầu Lý Công. Vào cuối thời nhà Thanh, những thương gia buôn bán giàu có của Thiên Tân vệ đều xây dựng nhà tứ hợp viện ở khu vực lầu Lý Công để ở. Buôn bán quan trọng nhất là dĩ hòa vi quý phát tài, thường xuyên quyên tặng bố thí, bởi vậy nơi đó đã trở thành vùng đứng đầu về làm việc thiện. Lý Diên Chương cho rằng chỉ cần đến ở khu lầu Lý Công là mình có biến thành Lý Công. Nhà giàu mới nổi nào cũng có tâm lý tự ti như vậy. Hần ta bỏ tiền mua lại toàn bộ vùng đất đó, những vẫn lo chưa đủ lớn bởi vậy mấy cái thôn cạnh đó cũng bị hần ta mua luôn. Nói là mua, nhưng thực ra là cướp đoạt bằng mọi thủ đoạn, bởi vậy hần ta cũng chẳng phải bỏ ra bao nhiêu tiền. Giữa khu vực đó có vài khu nghĩa địa, toàn bộ mộ phần ở những nghĩa địa đó đều là mộ cổ từ mấy trăm năm trước, chủ nhân của những ngôi mộ này đa phần là người nghèo. Bởi vì thời gian đã quá lâu, hầu như không thể xác định được con cháu của họ là ai, mộ phần đã biến thành mộ hoang vô chủ, ngay cả dân trộm mộ cũng không thêm ngó ngang gì đến, bởi vì trong quan tài chỉ có xương cốt người chết, may mắn lắm thì mới vớ được một hai đồng tiền cổ áp mắt người chết (7), thật sự chẳng có chút béo bở nào. Theo ý định ban đầu của Lý Diên Chương, cứ vứt bừa quan tài xuống những cái hũng ở nơi hoang vắng là xong chuyện, thế nhưng lại sợ việc đó làm hỏng danh tiếng của mình, khiến cho người ta có cơ chửi bới sau lưng, không thể nào rước lấy tai tiếng đó được. Nhưng hần lại không muốn tốn nhiều tiền, làm cách nào bây giờ? Con người đảo một vòng, Quát Địa Hồ nảy ra một ý hay. Phía sau miếu Tam Nghĩa là một cái hũng chuyên vứt xác vô chủ, chứa rất nhiều thi thể của những người chết ven đường không ai thu nhặt. Hần ta sai người di chuyển toàn bộ quan tài dưới những ngôi mộ cổ đến cái hũng ở sau ngôi miếu, rồi dùng gạch có ghi số bên trên để đánh dấu phần mộ của nhà nào ra nhà đấy, tổng cộng có hơn hai trăm chiếc quan tài. Hần bảo rằng đợi đến khi nào tìm được một nơi có phong thủy tốt sẽ chôn lại, nhưng trên thực tế thì cứ bỏ mặc như vậy. Lý Diên Chương làm như vậy đã bị tổn hại rất nhiều âm đức, đương nhiên là sẽ không có kết cục tốt lành. Sau khi di dời mộ không lâu, khi hần ta đi ngang qua bến tàu kênh đào, trong lúc người ta đang cầu hàng hóa, một chiếc hòm gỗ đang được cầu giữa không trung đột nhiên rơi xuống, tức khắc đập Lý Diên Chương nát thành muôn vụn đá hoa máu đỏ rực, đầu nát bét, dù có mời nghệ nhân đóng giày cao tay đến cũng không thể chấp lại được như cũ. Cuối cùng, đến khi đóng nắp quan tài để hạ táng, bên trong quan tài là một thi thể không đầu, dùng gỗ trầm hương đeo thành đầu người để thay thế.

(7) Theo quan niệm mê tín của Trung Quốc, người ta đặt hai đồng tiền lên mắt người chết để người này trả tiền cho người chèo đò khi qua sông Nại Hà.

Sau khi Lý Diên Chương chết, cái hũng sau miếu Tam Nghĩa được quan phủ lấp đất qua loa. Nơi này vắng vẻ, hiếm khi có người xuất hiện, mọi người hầu như đã quên bằng đẳng sau miếu Tam Nghĩa còn có một cái hũng chôn người lớn như vậy. Trải qua vài chục năm dầm mưa dãi nắng, đất phủ trên quan tài càng ngày càng lún xuống, khiến cho đám quan tài dưới hố chôn người sau miếu Tam Nghĩa chồi lên mặt đất nằm bừa

bãi ngổn ngang.

Ba

Anh chàng giao than Vương Khổ Oa nào có biết hồ chôn xác sau miếu Tam Nghĩa đã từng xảy ra chuyện gì. Anh ta chỉ muốn tìm một nơi vắng người để hoá vàng mã. Thời trước, cứ đến ngày rằm tháng bảy là trên đường không có một bóng người, toàn bộ cửa tiệm đóng cửa cài then từ sớm, nghiêm cấm trẻ con ra khỏi nhà, để nhường hẳn đường lại cho cô hồn đã quỷ đến nhận bố thí, toàn bộ những người ra khỏi nhà hoá vàng mã đều là thiện nam tín nữ. Không giống như tiết thanh minh vào đông chí, người ta đốt quần áo rét hóa vàng mã lúc tảo mộ là để gửi cho gia tiên nhà mình, tiết vong linh tương đối mang nặng sắc thái đạo phật. Dù vào thập niên năm mươi sáu mươi không còn nhiều kiêng kỵ như thời trước đó, nhưng đến khi ra ngoài để hoá vàng mã người ta vẫn sợ bị người khác nhìn thấy, phải đợi đến lúc nửa đêm mới ra khỏi nhà. Họ không thể đi tới những ngõ hẻm và đường phố đông đúc người qua lại, cũng không thể tới công viên Bắc Ninh. Bởi mặc dù đến tối là công viên sẽ đóng cửa, nhưng vẫn có một ông lão gác đêm. Do rảnh rỗi đến phát chán, cho nên tính cảnh giác của ông lão này rất cao. Chỉ cần gió khẽ thổi cỏ khẽ lay, ông lão đã lập tức bật đèn pin chạy xộc tới xem xét, cho nên anh ta không thể không vượt qua công viên Bắc Ninh tới tận vùng đất hoang phía sau. Bởi chưa từng tới đó bao giờ, anh ta không ngờ nơi đó còn có một ngôi miếu đổ nát, còn cái hồ chôn người sau miếu lại đầy rẫy quan tài. Nhưng anh ta không hề thấy sợ, tự đánh giá chưa từng làm ra bất cứ việc gì trái với lương tâm, một thanh niên khỏe như vâm tam trí đơn giản can đảm thì có gì phải sợ. Anh ta vào trong miếu dập đầu bái lạy Lưu Quan Trương, tìm một chỗ kín gió trong góc tường để hóa sạch số vàng mã mẹ mình đã đưa. Đánh diêm châm lửa, lập tức tro tàn bay lượn lơ. Trước kia do mê tín, người ta cho rằng hiện tượng đó là ma quỷ đến lấy tiền vàng, nhưng thật ra là lúc hoá vàng mã đã làm khí nóng bốc lên cuốn theo tro tàn. Anh ta nhặt một cành cây khô còi đốt tro, bởi khi hoá vàng mã người ta kiêng kỵ đốt còn sót, phải làm mọi cách để giấy cháy hoàn toàn thành tro, hơn nữa miệng còn phải lẩm bẩm khấn vài câu: “Hoá vàng mã hơ lửa tay, đánh bài thắng một đấu; hoá vàng mã hơ lửa chân, ngã sấp mặt nhặt được cục nguyên bảo to; hoá vàng mã hơ lửa mặt, phúc lộc thọ hỉ tất cả đều đến; hoá vàng mã hơ lửa mông, quanh năm suốt tháng không mắc bệnh.”

Ngày xưa, khi đến rằm tháng bảy, dân chúng sẽ rải bánh mìn thêu ra đất gọi là cúng cô hồn, tức là tiến hành bố thí cho quỷ đói ở khắp nơi. Nhưng trên thực tế, bánh mìn thêu ném khắp mặt đất thì chẳng có ma quỷ nào đến ăn, mà chỉ lát sau đã bị chó hoang tha đi bằng sạch, làm vậy chẳng khác gì là biến tướng cho chó ăn. Đồng thời, cũng không phải ai cũng rải mìn thêu loại ngon. Vào thời kỳ đói kém mất mùa, lương thực cho người sống còn không đủ, lấy đâu ra dư thừa mà a quỷ ăn? Bởi vậy có nhiều vùng dùng cách hoá tiền vàng mã để thay thế. Trong một năm có mấy cái tiết vong linh, phong tục vào rằm tháng bảy trong dân gian đã nhiều lại còn hỗn tạp, mỗi nơi một kiểu, ví dụ như “đài Thí Cô, cờ Chiêu Hồn, bày hương án, hoá tiền vàng mã, rải mìn thêu, thả đèn hoa đăng”. Nhưng dù làm theo hình thức nào, mục đích cũng chỉ có một, tất cả đều nhằm bố thí cho cô hồn đã quỷ không nơi nương tựa. Hòa thượng đạo sĩ nhân cơ hội đó làm pháp sự bán đèn hoa đăng, tranh thủ kiếm mấy đồng tiền.

Năm nào Vương Khổ Oa cũng đi ra ngoài hoá tiền vàng mã. Bản thân anh ta không thể khẳng định được là mình tín, cũng không dám phủ nhận là mình không tín. Anh ta nghĩ: “Nếu như tích đức làm việc thiện thực sự được báo đáp, tại sao chân mẹ ta không thấy khá hơn, còn ta cũng chỉ có thể công than đá kiếm miếng cơm, ngày nào cũng đầm đìa mồ hôi như tắm, lần hồi sống qua ngày, chẳng lẽ là kiếp trước đã không làm được chuyện gì tốt? Nhưng vấn đề là ai có thể nhớ rõ kiếp trước đã làm cái gì, dù có nợ tiền kiếp đi nữa, cũng không nên báo ứng lên đầu ta. . .” Những việc liên quan đến nhân quả, anh ta vừa nghĩ đến đã cảm thấy nhức đầu, không muốn nghĩ ngợi nhiều, mẹ nói lúc nào cũng đúng: “Trong đời mình, người ta chỉ cần sẵn lòng giúp đỡ kẻ khác, không cần biết sau này ra sao, trong lòng không cảm thấy hổ thẹn đã là có phúc rồi.”

Mỗi lần anh ta hoá vàng mã, trong đầu luôn luôn quanh quẩn những ý nghĩ này. Đốt xong tiền giấy đã là tầm mười giờ đêm, anh ta thu dọn sơ qua đám tro tàn trên mặt đất, vừa mới định đi về nhà thì đột nhiên gió nổi trắng lặn, bầu trời tối đen đến mức không còn nhìn thấy đường đi lối lại nữa. Đang lo không biết làm sao về nhà được, anh ta chợt nghe thấy tiếng cọt két do nắp một chiếc quan tài ở sau miếu lay động phát ra. Bên đó là một hũng trùng phủ kín cỏ dại, giữa đêm tối nghe thấy ván gỗ phát ra tiếng động, chẳng phải bên trong quan tài xảy ra chuyện gì đó thì còn có thể là cái gì? Tuy rằng bản thân to gan lớn mật, nhưng một mình giữa đêm tối trong ngôi miếu đổ nát không một ánh đèn, chợt nghe thấy nắp quan tài phát

ra tiếng động, anh ta cũng không tránh khỏi tóc tai dựng đứng, toàn bộ lỗ chân lông trên người nổi gai.

Lúc ấy trời chợt nổi gió, ánh trăng xuyên qua tầng mây chiếu sáng mờ ảo, anh ta lại có thể nhìn thấy cảnh vật trước mặt, thầm nghĩ: “Trong quan tài chỉ có thi thể xương cốt người chết, làm sao có thể gây ra tiếng động, có lẽ nào là đám chó hoang đang cạy nắp quan tài?”

Thời xưa, ở những vùng hoang vu có rất nhiều chó hoang, thậm chí có cả loại đầu lớn bằng cái đầu. Ban ngày chúng ẩn khuất quanh đầu đó, quan sát người ta chôn cất trong nghĩa địa, đợi đến lúc nửa đêm mới chạy đến đào bới mộ, phá tung nắp quan tài, lôi tử thi ở bên trong ra ăn nội tạng. Vào thời chiến tranh loạn lạc, mộ chôn sơ sài, xác chết được chôn trong quan tài bằng gỗ mỏng, còn nếu là người nghèo thì chỉ được bó bằng chiếu, sau khi chôn xuống tám chín phần mười là làm mồi cho chó hoang, xương thịt bầy nhầy, tình trạng thê thảm khó có thể miêu tả bằng lời. Vương Khổ Oa là người có tâm địa đơn giản, nghĩ đến đó, anh ta bèn nhặt một cây gậy đi ra ngoài, thầm nhủ: “Nếu như là chó hoang bới xác người chết, há có thể khoanh tay đứng nhìn, đến lúc ta xông ra đuổi sạch đám chó hoang, coi như đã làm được một việc tích âm đức.”

Lúc bấy giờ, nắp một chiếc quan tài dưới một cái huyết đột nhiên mở tung, nhưng không thấy chó hoang đầu cả, mà giống như là người chết trong quan tài đã đẩy ra vậy. Anh ta vội vàng rút bàn chân đã sắp bước ra ngoài ngôi miếu đổ nát trở về, nắp sau tường mở to mắt quan sát, chợt thấy từ trong quan tài có một bàn tay thò ra, tiếp theo là cái đầu nhô lên. Ánh trăng mờ ảo, đứng cách xa khó nhìn thấy rõ, anh ta chỉ loáng thoáng thấy được một kẻ nửa giống như người nửa giống thú, toàn thể có một lớp lông trắng dài hơn tấc, hai mắt sáng quắc, hai tay giống như vuốt chim ưng, bò từ trong quan tài ra, xoay người cúi lạy. Nói ra kể cũng lạ, nắp quan tài vậy mà tự động khép lại như cũ. Sương đêm mù mịt, con vật kia lắc người một cái, đẩy vệt đất cỏ dại ra, nhằm về hướng tây mà đi, chỉ trong chớp lát đã biến mất.

Bốn

Trốn ở trong ngôi miếu đổ nát quan sát, Vương Khổ Oa ngây người ra, chẳng khác gì một bức tượng gỗ. Anh ta đã không ít lần được nghe câu chuyện đánh Hạng Bạt ở vùng nông thôn. Con vật chui từ trong quan tài ở miếu Tam Nghĩa ra, nhìn thế nào cũng thấy giống cương thi biến thành Hạng Bạt. Theo tương truyền, tử thi chôn dưới phần mộ hút sạch mây đen, khiến cho cả một vùng phát sinh nạn hạn hán. Thời xưa, tình hình hạn hán rất nghiêm trọng, hoa màu trong phạm vi vài trăm dặm héo rũ. Đến lúc ấy thì phải cúng tế Long vương gia. Tất cả các hộ gia đình phải dán bùa cầu mưa ở cửa chính, sau đó mời thầy phong thủy đến xem khí, tìm ra cái mộ nào sinh ra Hạng Bạt là lập tức đồng loạt khuya chiêng gõ trống, tụ tập dân chúng lại, chạy đến ngôi mộ đó đánh Hạng Bạt. Con nào mới trăm năm thì có thể moi lên quất roi rồi đốt cháy. Nhưng nếu là Hạng Bạt hơn ngàn năm, hơi thở và máu của nó có thể truyền ôn dịch, chém không chết đốt cũng không xong, chỉ có thể trói lại dùng tháp giam giữ. Tục lệ này bắt nguồn từ Quan Trung. Khí hậu Quan Trung khắc nghiệt, dưới lớp đất khô cằn có nhiều xác khô, cứ xuất hiện hạn hán là người ta sẽ đổ cho xác khô đã hút hết mây đen. Quê quán ở Quan Trung nên Vương Khổ Oa đã từng mấy lần được xem đánh Hạng Bạt. Anh ta tin tưởng vào sự việc này không mấy may nghi ngờ. Chẳng trách cả mùa hè năm 1958, Thiên Tân vệ lại không có mưa, rõ ràng là nghĩa địa ở miếu Tam Nghĩa đã sinh ra Hạng Bạt.

Anh ta định đi tìm người giúp, nhưng lại lo ngại mình đã nhìn nhầm, nếu loan tin ra, không may con vật vừa rồi ở miếu Tam Nghĩa không phải là Hạng Bạt, chẳng phải là tự rước lấy phiền toái hay sao? Có lẽ chỉ là dân trộm mộ chuyên ăn cắp tiền áp lên mắt người chết, anh ta nghĩ thầm: “Nếu thật sự là Hạng Bạt, hiển nhiên là nó sẽ quay lại, bởi vì ban ngày quái vật này phải trốn trong quan tài. Trước hết ta sẽ không vội, cứ trốn kỹ ở trong ngôi miếu đổ nát này xem rốt cục là thế nào. Đến khi nhìn thấy hai năm rõ mười, ta mới can dự vào cũng không muộn.” Xưa nay anh ta luôn là người lớn gan tò mò, cho rằng chỉ cần không xuất hiện, nhìn thêm một lần nữa cũng không có vấn đề gì. Nếu chính xác không phải là Hạng Bạt, mà chỉ là kẻ cắp đến trộm mộ thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Bức tường sau miếu Tam Nghĩa đã bị thủng một lỗ lớn, sau khi trốn ra sau bức tường đó, anh ta ngậm tăm không nói một câu, tập trung tinh thần canh gác khu nghĩa địa. Mây mù dày đặc cỏ dầm sương, khung cảnh vắng lặng không một bóng người. Cành cây khô bị gió đêm lay động, đung đưa dưới ánh trăng mờ hồ giống như là ma quỷ giữa núi rừng đang giương nanh múa vuốt. Dù sao Vương Khổ Oa cũng là kẻ bạo gan lòng dạ đơn giản, nếu đổi thành người nhát gan thì đã kinh sợ bỏ chạy từ lâu. Đợi đến quá nửa đêm, vầng trăng đã lặn về phía tây, nhưng vẫn không thấy có chuyện gì xảy ra, Vương Khổ Oa thầm nghĩ trong lòng: “Chắc là đã nhìn nhầm rồi, đó chỉ là một kẻ nạy quan tài ăn trộm mà thôi, nếu không phải vậy tại sao kẻ đó lại phải cúi lạy quan tài? Làm ta mất công

ngồi đợi ở đây cả nửa đêm, đào đâu ra Hạng Bạt cơ chứ? Nhưng mà. . . bên trong đám quan tài mục nát dưới khu mộ hoang, ngoại trừ mấy đồng tiền cổ áp lên mắt người chết thì làm gì có cái quái gì giá trị mà ăn trộm?”

Trong lòng nghĩ ngợi lung tung, anh ta đợi lâu quá, không chống đỡ được bắt đầu ngủ gật. Đột nhiên có một cơn gió lạnh quét qua người, anh ta rùng mình một cái, lập tức cơn buồn ngủ bay đi mất. Anh ta vừa mở bừng mắt ra quan sát thì đã thấy đám cỏ dại trong khu mộ lay động dữ dội, xác chết trong quan tài đã quay trở về. Vương Khổ Oa ngồi lì trong ngôi miếu đổ nát cả nửa đêm, hai chân đã tê rần. Anh ta vừa vịn tay vào tường, thì chạm vào một con vật lạnh như băng di chuyển cực kỳ mau lẹ, trong bóng tối không nhìn rõ là con gì, có khả năng là thạch sùng sống trong hốc tường, đến đêm chui ra ngoài bắt muỗi ăn. Nó đâm sâu vào tay Vương Khổ Oa, dù không cắn người cũng có thể khiến người ta hoảng sợ nhảy dựng lên. Vương Khổ Oa vội vàng rút tay lại, không may do không khống chế được tay vung quá đà về phía sau, khuỷu tay đập vào bàn thờ trong miếu, nghe đánh chát một tiếng, theo đó trái tim anh ta cũng thót lại. Mặc dù tiếng động không lớn, nhưng giữa đêm hôm khuya khoắt, lại nghe rõ mồn một. Trong lòng thầm than không hay, anh ta vừa ngẩng đầu lên thì đã nhìn thấy cách bức tường đổ nát ngoài một trượng có một con quái vật da thô ráp như cây chết khô, hai mắt như hai ngọn đèn nhỏ, phản chiếu ánh trăng phát ra màu xanh.

Vương Khổ Oa thấy mình đã làm kinh động đến Hạng Bạt, chân tay trở nên luống cuống, thét lên một tiếng sợ hãi, mắt thẳng bằng rồi ngã nhào xuống đất. Anh ta bò dậy chạy ra chỗ cửa miếu. Có ngờ đâu xác chết biến thành quái vật kia có khả năng di lại nhanh như gió, đã vòng từ sau bức tường ra trước cửa từ lúc nào, đuổi thẳng hai cánh tay ra chỉ chực vỗ. May sao Vương Khổ Oa kịp hãm chân lại, mới không đâm sâu vào xác chết biến thành quái vật, đành phải lui lại phía sau, trốn sau lưng bức tượng thần Lưu Quan Trương. Khi đến trước cửa miếu, con quái vật đột nhiên dừng lại bất động, miệng phát ra tiếng rít chói tai. Vương Khổ Oa cực kỳ khó hiểu, thở hổn hển quan sát xung quanh một lượt, thầm nghĩ: “Hóa ra cái thứ này không dám vào miếu, đích thị là sợ hãi tượng thần ở bên trong, trong số Tam Nghĩa dù sao cũng có Quan Công. . .” Còn chưa kịp dứt ý nghĩ, anh ta chợt nghe thấy chỗ cửa miếu vang lên một tiếng rắc khô khốc. Cửa miếu vốn dĩ đã sập sệ, đến lúc đó lại hứng chịu cú đâm va của Hạng Bạt, lập tức bắn văng lên trời, xé gió rít lên chói tai, va đánh sâu vào đỉnh điện, ván cửa văng ngược trở lại mặt đất, còn đỉnh điện bị nó phá ra một lỗ thủng, gạch ngói lập tức đua nhau rơi rụng mất một mảng lớn, tượng Lưu Quan Trương cũng ngấp trong bụi đất, ba bức tượng thần phủ đầy bụi đất giống như tượng nặn bằng đất vậy, hoàn toàn không còn nhìn rõ mặt mũi.

Vương Khổ Oa kinh hãi, thầm nghĩ: “Hoàn toàn dựa vào Tam Nghĩa hiển linh bảo hộ, vừa rồi mới may mắn thoát chết, nếu để bụi đất phủ kín thì tượng thần có khác gì là tượng đất tầm thường?” Anh ta vội vàng nhảy lên điện thờ dùng ống tay áo lau tượng. Có ngờ đâu, miếu Tam Nghĩa đã được xây dựng từ mấy trăm năm trước, đã bị hủy hoại do bị bỏ hoang nhiều năm, lâu không được hương khói, lớp sơn son trên mặt tượng đã bị hanh khô trở nên giòn, vừa mới đụng vào đã tróc ra thành từng mảnh. Con quái vật dĩ nhiên là nhảy vào trong miếu, giơ cánh tay ra vỗ, một người một quái chạy vòng quanh ba bức tượng phủ đầy bụi đất. Chạy được hai ba vòng, hai chân Vương Khổ Oa gần như đã nhũn ra. Anh ta thở hổn hển như sắp đứt hơi. Khoảng cách giữa hai bên càng lúc càng gần, Vương Khổ Oa thấy rõ mình đã lâm vào đường cùng, chỉ sợ khó mà giữ được tính mạng. Bị ép đến nước này, đến chót cùng cũng phải rút giấu người ngu cũng phải khôn ra, vừa liếc mắt qua lỗ thủng trên đỉnh điện, anh ta chợt nghĩ ra một cách: “Đến chót còn biết đánh rắm cứu mạng, cũng chỉ còn cách như vậy mà thôi!”

29. Chương 29

Năm

Thấy Hạng Bạt hành động không linh hoạt, Vương Khổ Oa cái khó ló cái khôn, dùng cả tay lẫn chân leo lên vách tường phía sau, trèo lên đỉnh mái hiên đã đổ nát của ngôi miếu để tránh né. Anh ta còn chưa kịp thở lấy hơi, đột nhiên có một trận gió lạnh ngất nổi lên, mây đen che khuất ánh trăng, cỏ dại lay động dữ dội. Hạng Bạt vừa nhảy dựng lên vừa vươn tay ra đánh thẳng về phía Vương Khổ Oa, nhưng vẫn còn cách đỉnh miếu gần nửa thước. Nó đánh trượt rồi rơi thẳng xuống đất, miệng phát ra tiếng kêu chói tai. Ngay sau đó, nó lại tiếp tục nhảy lên tấn công. Vương Khổ Oa thấy Hạng Bạt nhảy lên mỗi lần một cao, chỉ ba lần nữa là

sẽ lên đến đỉnh miếu, anh ta vội vàng đỡ ngói trên mái ra, dùng hết sức bình sinh đập thẳng vào nó. Miếng ngói khảm hoa văn dày cộp đánh trúng đầu Hạng Bạt rồi nát vụn.

Hạng Bạt lên không lên được, Vương Khổ Oa xuống không xong. Hai bên giằng co không biết bao lâu, chợt vang lên tiếng gà gáy vắng vắng đầu dây, phía đông sáng dần lên, bên dưới trở nên im ắng. Vượt qua cơn kinh hồn, anh ta đã sức cùng lực kiệt, vừa ngó xuống dưới quan sát thì đã thấy Hạng Bạt đang nằm bất động trên mặt đất. Mặc dù vậy, anh ta vẫn không dám xuống dưới. Không lâu sau có người tìm đến nơi. Thì ra mẹ Vương Khổ Oa bảo anh ta đi hoá vàng mã rồi một mình vừa ngồi may vá ở nhà, vừa chờ con. Nhưng thằng con Vương Khổ Oa ra khỏi nhà là mất tích giống như đá ném xuống biển, như điều đứt dây.

Bà mẹ ngồi nhà đợi mãi mà không thấy anh ta trở về, đến quá nửa đêm vẫn không thấy bóng dáng đâu. Bà mẹ lo lắng nửa đêm nửa hôm anh ta gặp phải chuyện gì không may, năn nỉ hàng xóm giúp đỡ đi tìm. Theo mọi người suy đoán, Vương Khổ Oa lén lút ra khỏi nhà hoá vàng mã, nhất định là sẽ đến nơi vắng người, nhưng chắc hẳn sẽ không đi quá xa, nhưng ngẫm đi nghĩ lại quanh đó không có nơi nào như vậy. Mặc dù nhà ga phía bắc nhộn nhịp kẻ đến người đi, nhưng ngõ hẻm kho lương lại vắng tanh, thực sự không có mấy người cư trú. Công viên Bắc Ninh lại có một ông lão chuyên canh cổng gác đêm, vậy công viên đó không phải là nơi thích hợp để hoá vàng mã. Trong khi đó, phía sau Ninh viên có một ngôi miếu Tam Nghĩa. Ngôi miếu này đã đổ nát nhiều năm, trước không có lối, sau không có đường, ngăn cách với Ninh Viên bởi con kênh đào. Năm xưa Lý Diên Chương đã tiến hành di chuyển mộ phần, để lại một cái hũng sâu chứa đầy quan tài, thỉnh thoảng lại có chó hoang qua lại. Vương Khổ Oa tám chín phần mười là đã đến ngôi miếu đổ nát đó để hoá vàng mã. Đến hừng đông, khi mọi người tìm đến nơi, họ nhìn thấy Vương Khổ Oa đang trốn trên đỉnh mái hiên đổ nát của ngôi miếu, mặt cắt không còn một hột máu, dưới chân tường có một xác chết. Nhìn thấy thế, mọi người đều kinh hãi không thốt lên lời. Đến khi Vương Khổ Oa trèo xuống dưới, nghe anh ta kể lại rõ ràng những gì mình đã trải qua, họ lại càng thêm hoảng sợ.

Đối với câu chuyện Vương Khổ Oa kể lại, những người có mặt ở đó nửa tin nửa ngờ. Họ tin là có Hạng Bạt, nhưng lại ngờ rằng Vương Khổ Oa đã đào cái xác đó lên để trộm mộ. Nhưng trong đám quan tài ở miếu Tam Nghĩa chỉ có xương trắng xác khô, đến một mảnh áo rách cũng khó mà tìm thấy, không có vật tùy táng nào đáng giá cả, chẳng lẽ lại có người ăn no rồi việc đến mức đêm hôm khuya khoắt đi đào mộ mở tung quan tài ra giải sầu? Thảo luận một lúc lâu nhưng không ai nghĩ ra chân tướng sự việc. Mọi người bèn báo cáo lên trên, nhưng không dám nhắc đến hai chữ Hạng Bạt. Dù sao đi nữa, xác những người nằm trong quan tài ở miếu Tam Nghĩa đã được chôn xuống khi tiến hành di dời nghĩa trang từ rất nhiều năm trước rồi, không thể nào do Vương Khổ Oa ra tay giết hại được. Vương Khổ Oa đi hoá vàng mã vào tiết vong linh chỉ đáng quy vào tệ đoan mê tín ngu muội, rốt cục chẳng phải là việc gì đáng kể, cùng lắm là phải nghe một bài giảng giải giáo dục để anh ta lần sau đừng có tiếp tục hoá vàng mã nữa. Xác chết được mang tới lò hỏa thiêu để đốt, sự việc được người ta tìm mọi cách để hạ tầm ảnh hưởng xuống mức thấp nhất, chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không. Nhưng lời đồn ngoài xã hội không dễ dẹp tan được như vậy, mọi người lén lút truyền tai nhau rằng, trận hạn hán năm 1958 đó, nguyên nhân có lẽ là do Hạng Bạt ở miếu Tam Nghĩa tác quái, nhưng đa phần nghiêng về phía giả thiết “phần mộ số hai trăm lẻ chín” mới chính là nguyên nhân chủ yếu.

Việc Vương Khổ Oa đến miếu Tam Nghĩa hoá vàng mã vào nửa đêm rằm tháng bảy năm 1958 và sự việc “phần mộ số hai trăm lẻ chín” đã nhắc đến lúc trước, cả hai phát sinh trong cùng một ngày, cũng vào tối mười lăm âm lịch đó. Tuy nhiên, nói chuyện phải có trước có sau, xong câu chuyện miếu Tam Nghĩa, giờ chúng ta sẽ nói tiếp đến sự việc “phần mộ số hai trăm lẻ chín”.

Sáu

“Phần mộ số hai trăm lẻ chín” mà chúng ta đang nói đến nằm ở vị trí không xa nhà ga phía bắc Ninh Viên lắm, chỗ đó được gọi là Vương Xuyên Tràng. Nghe nói, trước kia nơi đây có một sân đập lúa, người chủ tên là Vương Xuyên, người ta gọi gộp lại là “Sân đập lúa Vương Xuyên”, nghe tên quá dài bèn gọi tắt lại là Vương Xuyên Tràng. Vào cuối thời nhà Thanh, nơi này đã bắt đầu có không ít nhà dân mọc lên, có vài con hẻm nhỏ. Ngôi nhà số hai trăm lẻ chín là một trong số đó, chủ nhà tên Triệu Giáp, đã ngoài ba mươi mà vẫn còn lặn lội, trước kia từ tỉnh ngoài di cư đến, đã từng học theo người ta buôn bán, lặn lội kiếm sống đi sớm về tối, vất vả lắm mới kiếm đủ tiền mua lại căn nhà cấp bốn bé tẹo này. Sau giải phóng, y bán bánh quẩy ở một cửa hàng quốc doanh chuyên phục vụ ăn sáng ở đối diện nhà ga. Đồ ăn sáng chủ yếu là bánh quẩy, còn được gọi là bồng chùy hoặc bánh rán, còn có cả bánh rán nhân trứng gà. Cửa hàng này còn

bán cả sữa đậu nành, cháo quẩy, mì hoành thánh, bánh bao, sáng sớm mở cửa, buổi chiều mới đóng. Triệu Giáp chuyên trách bán bánh quẩy, trời lạnh thì không nói làm gì, nhưng vào mùa hè, đứng cạnh nồi mỡ sôi sùng sục, toàn thân quện đầy mỡ lẫn với mồ hôi, chẳng khác gì bị tra tấn.

Trong lứa anh em họ hàng, Triệu Giáp thân nhau với một đứa em tên Triệu Ất, nhỏ hơn y mười mấy tuổi.

Ng.uồ.n .từ. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Năm ấy cậu ta tới chỗ người anh nường nhờ, định xin vào làm ở một nhà máy nào đó, tạm thời ở tạm nhà của anh mình là Triệu Giáp. Hai anh em ở cùng một căn phòng. Khi ấy, diện tích nhà dân như nhau, tầm hơn một trượng vuông, tức là xấp xỉ trên dưới mười mét vuông, hai bên đặt hai tấm ván lát, Triệu Giáp ngủ bên trái, Triệu Ất ngủ bên phải. Ở chưa được vài ngày, Triệu Ất đã phát hiện ra căn phòng này có điều gì đó bất thường. Khi ở đây, cậu ta luôn khát nước, uống bao nhiêu nước cũng không thấy đủ.

Ngay từ lúc ban đầu, Triệu Giáp đã bảo với Triệu Ất: “Em này, hiện giờ công việc ở nhà máy đang bị người ta tranh giành nhau, chỉ dựa vào sức lực là không đủ, phải có phương pháp. Có câu ‘Thứ nhất là tự có cửa, thứ hai là đi tìm cửa, thứ ba là không có cửa’, anh và em thì ngay cả thứ tư cũng còn không tới. Nói cho dễ hiểu, không cửa không đường chẳng biết lối nào mà lần, không phải cứ muốn là có thể tìm được. Theo anh thấy, trước tiên em cứ ở lại đây chơi vài ngày, sau đó quay về quê nhà đi thôi.”

Triệu Ất nghe nói vậy không thấy lọt tai, hỏi: “Có phải là anh ghét bỏ thằng em này hay không?”

Triệu Giáp bảo: “Nghĩ đi đâu vậy, em là em họ của anh, sao anh lại ghét bỏ cho được.”

Triệu Ất lại hỏi: “Vậy tại sao anh lại muốn đuổi em về? Có phải khó chịu vì em ở đây làm phiền anh không?”

Triệu Giáp nói: “Em không hiểu đâu, căn nhà này của anh không sạch sẽ, trước kia là một ngôi mộ.”

Triệu Ất nghi ngờ: “Thực sự là dựng nhà trên mồ mả hay sao?”

Triệu Giáp đáp: “Anh lừa em làm gì, nếu không phải là một căn nhà như thế, một kẻ chỉ bán đồ ăn sáng như anh đủ tiền mua được sao?”

Triệu Ất bảo: “Như thế là mê tín, nếu anh đã dám ở, em đây cũng chẳng sợ.”

Triệu Giáp nói: “Em ở lại đây cũng được, nhưng không được lục lọi lung tung trong nhà của anh.”

Triệu Ất không tin những gì người anh cậu ta nói, cứ nghĩ rằng ông anh mình đang tích góp tiền cưới vợ rồi giấu ở trong nhà. Anh mình chỉ là một người bán đồ ăn sáng, ngoại trừ việc đó ra chẳng lẽ còn có việc gì khác hay sao? Tại sao lại cảnh giác với em mình cứ như đề phòng kẻ trộm như thế?

Kể từ đó, Triệu Ất trú tạm tại căn nhà số hai trăm lẻ chín. Sớm tinh mơ mỗi ngày, chuông vừa điểm năm tiếng là Triệu Giáp đã đi tới cửa hàng bán ăn sáng bắc xoong chảo rán bánh, khi đó Triệu Ất vẫn còn đang chìm trong giấc ngủ. Mãi không tìm được việc làm, cả ngày cậu ta vô công rồi nghề, cũng chẳng cảm thấy căn nhà có chỗ nào không yên lành, ngoại trừ thường xuyên khát nước thì không còn có bất kỳ chỗ nào khác thường. Bởi vậy, cậu ta càng khẳng định những câu hù dọa của Triệu Giáp lúc trước chỉ là bịa đặt vô căn cứ. Đêm hôm ấy, cậu ta ngủ chập chờn, cứ có cảm giác là có người đang đứng trước mặt. Khi đó trời đã tảng sáng, trong phòng không đến mức quá tối, cậu ta vừa hé mắt định xem kẻ đó là ai thì đã nhận ra Triệu Giáp đang đứng giữa nhà, im hơi lặng tiếng, không nháy mắt nhìn chằm chằm vào mình. Triệu Ất giật mình nhận ra người đó là Triệu Giáp, nhưng đã thừa biết là anh mình thức dậy sớm để kịp đến cửa hàng ăn uống nhóm lửa rán bánh, ngày nào mà chẳng như vậy, bởi vậy cậu ta không để ý gì nữa, cứ thế nằm yên không nhúc nhích. Nhưng cậu ta không thể tưởng tượng nổi, sự việc xảy ra tiếp theo lại kỳ quái đầy khó hiểu.

Bảy

Triệu Giáp đứng giữa nhà không nhúc nhích, nhìn chằm chằm vào Triệu Ất, rất lâu sau y mới đi tới đầu giường của cậu ta thò tay lục lọi dưới gầm, giống như đang lần mò tìm cái gì đó. Đến khi cầm được vật đó vào tay xác nhận là nó vẫn còn ở đó, dường như y đã thở phào nhẹ nhõm, sau đó giấu vật đó trở lại chỗ cũ, xong xuôi mới chịu đi ra khỏi nhà, tới cửa hàng bán ăn sáng để bán bánh quẩy.

Triệu Ất cực kỳ khó hiểu: “Chả hiểu ông anh giấu cái gì đầu giường của mình, đã thế lại còn lo lắng bất an, phải nhìn thấy vật kia vẫn còn thì mới an tâm, chẳng lẽ sợ ta nhìn thấy hay sao?” Cậu ta hết sức hiếu kỳ, lập tức ngồi dậy xem xét, thò tay xuống mò được một tấm phù đã cũ nát ố vàng, thuộc về loại phù chú trừ tà trước giải phóng. Cậu ta thầm nghĩ: “Anh em thân thích mà thế này ư, đuổi đi không được lại định dọa cho ta sợ phải bỏ đi, anh cứ chống mắt mà xem tôi đốt cái của nợ viết như gà bới này đi!” Hôm ấy, trong lúc tức giận, cậu ta đã đốt tấm phù ố vàng đó thành tro, rồi giận dỗi lượn lờ ngoài đường cả ngày, đến nhà đồng hương kiếm bữa cơm. Sau khi ăn uống no nê, mãi đến khi trời tối mịt, Triệu Ất mới nhớ đến về nhà.

Đúng vào ngày rằm tháng bảy năm 1958. Sau khi trời tối, trên đường không còn ai qua lại, muỗi và dơi dường như cũng ít hơn so với mọi ngày. Triệu Ất nhát gan, chợt nhớ ra hôm đó là tiết vong linh, tinh thần trở nên hoảng hốt, một bụng tức giận lúc sáng đã tiêu tan sạch sẽ. Ngẫm lại cho kỹ, có khi ông anh không ghét bỏ mình như vậy, tóm lại dù có đánh sứt đầu mẻ trán thì cũng vẫn là hai anh em ruột thịt như tay chân liền với thân cơ mà, có lẽ mình đã trách oan anh ấy mất rồi. Càng nghĩ cậu ta càng cảm thấy hổ thẹn, vội vàng chạy về nhà. Bởi khi ấy không có ống nước dẫn đến từng căn nhà, muốn dùng nước thì đến vòi nước công cộng chung cho cả ngõ hẻm, hoặc là dùng nước giếng. Bởi vậy, khi về đến chỗ vòi nước ở đầu hẻm, cậu ta đến bên vòi nước rửa sơ qua mặt mũi, kỳ cọ chân tay, há miệng uống một bụng nước lạnh bởi chưa bao giờ biết tiêu chảy là cái gì. Chẳng hiểu vì sao cậu ta luôn khát nước, uống bao nhiêu nước cũng không đã, có khả năng là do thời tiết quá nóng, oi bức ra nhiều mồ hôi khát nước là chuyện bình thường. Cậu ta chưa bao giờ nghĩ ngợi quá nhiều về hiện tượng này, uống xong nước là mở cửa vào nhà.

Do công việc hàng ngày của bản thân cực kỳ mệt nhọc, Triệu Giáp thức dậy cũng sớm mà đi ngủ cũng sớm. Còn Triệu Ất cứ lượn lờ nay đây mai đó, chẳng biết lúc nào mới về nhà, cho nên y để ngõ cửa cho em mình, không chốt chặt ở bên trong, tránh cho nó về đến nhà còn phải gõ cửa, còn đồ ăn để phần thì đặt trên mặt bàn úp lồng bàn.

Vẫn như mọi ngày, Triệu Ất đẩy cửa vào nhà, nghe tiếng ngáy phát ra là đủ biết Triệu Giáp đã ngủ say. Sợ đánh thức anh mình, có gì cần nói ngày mai nói sau cũng không muộn, cho nên cậu ta không đốt đèn lên. Căn phòng chỉ có diện tích tầm mười mét vuông, nhắm tịt hai mắt cũng có thể mò lên giường được. Cậu ta với tay cài chặt chốt cửa, miệng lẩm bẩm nói “Phá nhà đèn bạc triệu”. Sau nửa đêm phải đặc biệt đề phòng trộm cướp, tục ngữ có câu trộm không về tay không, không may có kẻ trộm vật móc túi lên vào nhà, nhìn thấy cái gì trộm cái đó, ngay cả chổi cùn rế rách cũng không tha, nhưng đáng hận nhất chính là những kẻ ăn trộm giày dép quần áo. Mặc dù quần áo giày dép không đáng giá mấy đồng tiền, nhưng chúng lại là đồ vật thiết yếu, dù có thế nào cũng không thể nào trần trụi trực đi chân đất ra ngoài đường được. Thiên Tân vệ có tập quán, trời có nóng đến mấy cũng không được đi chân trần ra ngoài đường, nếu không quần xà cạp thì chỉ ít cũng phải đeo một đôi giày vải, giày tốt hay xấu thì không cần biết, chỉ có lũ người quê mùa mới đi chân trần ra đường. Ai không tuân theo tập quán đó sẽ bị người khác coi thường, bởi vậy mới có câu châm ngôn – dưới chân không có giày, quá nửa là kẻ quê mùa.

Nhập gia phải tùy tục, Triệu Giáp thực sự không muốn đi chân đất khiến người khác coi thường, vì thế năm lần bảy lượt dặn dò Triệu Ất, bảo cậu ta mỗi lần vào nhà nhớ chốt chặt cửa phòng, đề phòng trộm lên vào ăn trộm giày. Lúc trước Triệu Ất chỉ nghe tai nọ xọ tai kia, nhưng ngày hôm ấy chả hiểu sao lại nhớ ra, vào nhà xong cậu ta chốt chặt cửa phòng, sau đó lên ván nằm ngủ, chỉ chốc lát sau đã chìm vào cơn mơ. Đến nửa đêm, Triệu Ất phát hiện trên người mình có thứ gì đó, nhưng mí mắt nặng trĩu không sao mở ra được, trong phòng lại tối đen, chẳng nhìn thấy rõ bất cứ cái gì. Cậu ta mơ mơ màng màng nhấc tay lên sờ lên, ngón tay chợt chạm vào một lớp da thịt trơn nhẵn lạnh như băng, hóa ra là tay của một cô gái.

Tám

Dù đầu óc tỉnh táo nhưng Triệu Ất không sao mở mắt ra được, cũng không thể ngồi dậy được, chỉ cảm nhận được cô gái kia từ từ bò qua người mình, ngay sau đó nghe thấy chiếc giường bằng ván lát bên kia dồn dập vang lên tiếng “Ken két ken két”. Cậu ta thật sự buồn ngủ díp cả mắt, xoay nghiêng người rồi lại chìm vào giấc ngủ.

Cậu ta đánh một giấc đến tận lúc trời đã sáng hửng mới dậy, vừa nhìn sang bên kia thì thấy Triệu Giáp vẫn còn nằm lì ở đó. Mọi ngày, vào giờ này y đã đi bán bánh quẩy từ lâu rồi, hôm nay có chuyện gì không biết? Cậu ta vội vàng nhảy xuống giường, nhưng vừa mới qua bên đó xem xét đã phát hiện có chuyện xảy ra. Anh

cậu ta nằm thẳng thuôn, mặt xanh tím, thân thể lạnh ngắt, đã phơi thây trong phòng từ bao giờ. Lúc cậu ta về đến nhà ngày hôm qua, Triệu Giáp vẫn còn cất tiếng ngáy, tại sao ngủ dậy đã biến thành người chết rồi? Có lẽ nào trộm cắp đã lên vào lúc nửa đêm, nhưng nhìn đến chốt cửa phòng vẫn thấy còn chốt chặt, không có khả năng có người lên vào. Mà dù cho có người vào nhà đi nữa, lúc ra khỏi nhà cũng không thể nào buộc chặt chốt cửa từ bên ngoài. Đột nhiên nhớ ra, dường như đêm hôm qua trong phòng còn có một cô gái, cậu ta hoảng sợ, hét to trong nhà có ma rồi ba chân bốn cẳng chạy ra khỏi nhà cầu cứu người khác.

Nghe nói nhà số hai trăm lẻ chín xảy ra án mạng, toàn bộ hàng xóm láng giềng đều chạy sang xem, có người nhanh chân chạy đi báo án. Đến khi xem xét cơ thể Triệu Giáp thì không thấy có vết thương ngoài da nào, chắc chắn là đã đột tử trong đêm mà không phải là án mạng. Triệu Ất không đồng ý, cậu ta khẳng khái bảo rằng trong phòng có nữ quỷ, nữ quỷ đó đã bóp cổ chết anh mình. Nhưng chẳng có ai tin lời cậu ta. Cậu ta bất chấp tất cả, xông vào trong nhà lật ván lát lên, nhìn thấy gạch bên dưới có nhiều viên đã lung lay, rõ ràng là chúng bị thường xuyên động chạm đến. Cậu ta nhấc hai viên gạch lên làm lộ ra một cái xác đã khô quắt tóc dài.

Sau khi nhận dạng, cái xác khô đó là của một quả phụ còn trẻ đã mất tích trước giải phóng. Bởi thế, sự việc đã trở nên nghiêm trọng rồi. Chúng ta sẽ nói ngắn gọn chi tiết những gì đã xảy ra. Nhà số hai trăm lẻ chín đã từng là một ngôi mộ cổ, khi di dời mộ để xây phòng, người ta đã đào ra được một cái xác khô quắt. Ở nơi này rất hiếm khi có xác khô, một khi xảy ra thì cái xác khô đó tức là Hạng Bạt, bởi vậy không có ai còn muốn sống ở nơi này. Trước giải phóng, Triệu Giáp tham rẻ nên đã mua ngôi nhà số hai trăm lẻ chín, nhưng nguyên nhân chủ yếu có lẽ là vì y động lòng với người quả phụ còn trẻ ở bên cạnh. Có một đêm, y mượn cơ lừa quả phụ trẻ đó vào nhà mình, cưỡng hiếp không thành nên đã lấy mạng cô ta. Bên ngoài nhiều người qua lại, y không có biện pháp nào phi tang xác chết, đành phải chôn dưới tấm ván lát. Y cũng biết, trước kia nhà số hai trăm lẻ chín là một ngôi mộ, phong thủy không tốt, bởi vậy đã mời một đạo sĩ “Thiên quan áp quỷ”, dán lá bùa vào đầu giường. Quả phụ trẻ tứ cố vô thân, đột nhiên mất tích không còn bóng dáng, mọi người đều cho rằng cô nàng đã chạy trốn theo tình nhân. Bởi lúc ấy xã hội cực kỳ loạn lạc, chẳng ai thèm để ý đến việc này, cho nên y tự cho rằng thần cũng không biết quỷ cũng không hay, có ngờ đâu đến ngày rằm tháng bảy năm 1958 ấy, Triệu Ất giận dữ anh mình nên đã lén đốt mất lá bùa, cho nên Triệu Giáp mới chết bất đắc kỳ tử trong phòng vào lúc đêm khuya. Sau này, bởi vì hung thủ là Triệu Giáp đã chết, vụ án đó không cần phải tiến hành điều tra nữa.

Nhưng suy nghĩ của mọi người vẫn thiên hẳn về cách giải thích của Triệu Ất hơn. Theo những gì cậu ta nói, giữa đêm nữ quỷ dưới ván lát đã chui ra, bóp cổ anh trai mình là Triệu Giáp chết tươi. Nhà số hai trăm lẻ chín trước kia là một ngôi mộ cổ, đã từng sinh ra Hạng Bạt, Triệu Giáp giết người chôn xác trong phòng, cô gái đó cũng biến thành Hạng Bạt, nếu không phải vậy tại sao người ở khu vực này luôn khát nước, cây cối trong ngõ hẻm khô héo, giếng đào sâu bao nhiêu cũng không có nước. Câu chuyện phần mộ số hai trăm lẻ chín chỉ trong nháy mắt đã lan ra khắp nơi, cho tới nay vẫn còn có người nhắc tới. Tuy nhiên, đại bộ phận những câu chuyện đồn thổi đó không thống nhất về mặt nội dung, đã bị thêm thắt rất tình tiết thần bí ly kỳ quái dị. Nhưng trên thực tế chỉ là hai anh em ở chung một phòng, người anh chẳng hiểu tại sao giữa đêm đột tử, người em báo án bảo rằng trong phòng có quỷ, sau đó đào lên được một cái xác khô. Vụ án này chính là tích truyện về phần mộ số hai trăm lẻ chín.

Tóm lại, vào cùng một ngày, không hơn kém nhau vài giờ, ở hai nơi là miếu Tam Nghĩa và phần mộ số hai trăm lẻ chín cùng phát hiện ra xác khô, tuy nhiên cơ quan nhà nước không công nhận đó là Hạng Bạt. Nhưng không tin cũng không được, gần trưa ngày hôm đó, từ phía tây bắc mây đen ùn ùn kéo đến, sấm chớp ầm ầm, một trận mưa dữ dội đổ ập xuống, nước bắt đầu dâng lên dưới lòng sông khô cạn. Đám công nhân trị thủy vừa mới đào đến cửa động có chứa ngôi tháp của Hải Trương Ngưu thì trời mưa nước dâng, không thể nào tiếp tục đào sâu xuống nữa, từ đó về sau công việc nạo vét tạm dừng vô thời hạn.

Câu chuyện xin được tiếp tục. Buổi chiều ngày mười sáu tháng bảy âm lịch, thời tiết đột nhiên biến đổi, mây đen vẫn vũ vang lên tiếng sấm rền, công việc nạo vét sông cái bắt buộc phải ngừng lại. Quách sư phụ đứng bên bờ sông nhìn thấy thời tiết thay đổi, vừa định tìm một chỗ tránh thì đột nhiên nhìn thấy một luồng khí đen bốc từ mặt đất lên tận trời cao, giống như một con rắn đang hóa rồng. Trời càng lúc càng tối, bắt đầu lất phất mưa, luồng khí đen đó nhanh chóng bị mây đen che khuất, cuối cùng không thể nhìn thấy được nữa. Xưa kia, người ta cho rằng mây mù bốc lên trời là hiện tượng rắn hóa rồng. Khi phát hiện ra phương hướng đám mây mù xảy ra quá trình rắn hóa rồng đó ứng vào ngõ hẻm kho lương ở cạnh công

viên Bắc Ninh, Quách sư phụ mới chợt nhớ ra Trương Bán Tiên đã từng nói bên trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương thực sự có vật gì đó. Hơn nữa, một khi vật này hiện thân, nhất định sẽ nhấn Thiên Tân về chìm trong biển nước, xảy ra lũ lụt nghiêm trọng.

30. Chương 30

Một

Khi việc nạo vét sông cái phòng lụt năm 1958 tiến hành đến ngày rằm tháng bảy, tại miếu Tam Nghĩa và Vương Xuyên Trảng liên tiếp phát hiện hai cái xác khô quắt. Khí hậu vùng đất hai bên bờ Hải Hà không quá khắc nghiệt, rất hiếm khi có xác khô. Ngoài đường đồn âm lên là đã phát hiện ra Hạng Bạt, chẳng cần biết lời đồn là thật hay là giả, dù sao sau đó mưa to cũng đổ ập xuống, liên tục hai ngày hai đêm mới tạnh, nước sông dâng cao.

Trước khi trời đất biến đổi, Quách sư phụ đã nhìn thấy một luồng khí đen xuất hiện ở đằng xa, nhờ vậy mới chợt nhận ra lời đồn ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương có chôn dấu bảo vật là không ngoa. Thứ đó sắp gây họa tới nơi, nếu không suy nghĩ ra biện pháp đối phó, sớm muộn gì cũng sẽ có ngày nước tràn đê Hải Hà, nhấn chìm Thiên Tân về. Chợt nhớ tới một câu chuyện cũ đã từng được nghe, nhưng muốn nói rõ được toàn bộ tiền căn hậu quả của nó, chúng ta phải quay về thời gian trước nữa. Câu chuyện này xảy ra vào cuối thời nhà Thanh.

Lúc ấy, Đại Thanh thù trong giặc ngoài, quả thật là bốn bể rung chuyển, thiên hạ đại loạn. Vào thời đó, Thiên Tân về xuất hiện một vị kỳ nhân, tên là Thôi Lão Đạo Thành chuyên bày quầy xem bói tại cửa Nam, được mọi người gọi là Thôi lão đạo, dựa vào xem bói kể chuyện thuyết thư kiếm sống. Mặc dù không thể coi là phán lúc nào cũng chuẩn, nhưng cũng đủ khả năng làm cho những người ở tỉnh ngoài đến tin sái cổ. Dân bản xứ thì ai cũng thừa biết, Thôi lão đạo xem bói “Mười quỷ chín không được”. Nhưng Thôi lão đạo lại biết diễn tích cổ, có thể kể thao thao bất tuyệt cả bộ Nhạc Phi truyện theo đúng nguyên bản. Nhạc Phi chính là Kim Sí Đại Bàng Địch bị Phật Tổ Như Lai thu vào vầng hào quang trên đỉnh đầu của mình. Chỉ vì lúc nghe Phật Tổ giảng kinh không may phớt rắm, Nữ Thổ Bức đã khiến cho Kim Sí Đại Bàng Minh Vương nổi giận, mổ chết tươi. Bởi vậy, Kim Sí Đại Bàng Minh Vương bị giáng xuống hạ giới, nửa đường lại mổ chết Thiệt Bối Cầu Long, sau đó đầu thai gửi hồn vào con người trở thành Nhạc Phi kháng Kim bảo vệ Tống. Nữ Thổ Bức và Thiệt Bối Cầu Long cũng đi đầu thai rồi đến tìm Nhạc Phi báo thù. Bởi có những tình tiết nhân quả báo ứng liên quan cả đến thần tiên ma quái Phật Đạo, cộng thêm tình tiết Nhạc Gia quân đánh quân Kim ra sao, bày trận và phá trận như thế nào, cho nên càng kể càng ly kỳ kích thích trí tò mò của con người. Khi ấy, mọi người đặc biệt thích nghe những câu chuyện như thế này. Thôi lão đạo không những chỉ biết kể chuyện, mà còn có thể tự biên tự diễn thêm, trên giang hồ tương đối được lòng người khác. Thời ấy, được lòng người khác cũng có nghĩa là có được cơm ăn. Dựa vào xem bói và kể chuyện thuyết thư, ông này tạm kiếm đủ miếng cơm.

Thấy Thôi lão đạo kiếm sống được không được khá giả lắm mọi người rất dễ làm tương, nghe nói ông này thực sự có bản lĩnh, thủ đoạn không hề tầm thường, chỉ đáng tiếc là bị mệnh kim hãm, có năng lực cũng không dám dùng, cho nên cuộc sống rất túng quẫn. Ông này cũng không phải là đạo sĩ thật sự, mà cũng có nhà có người thân, chuyên mặc một chiếc đạo bào rách rưới để làm chiêu bài bày bán.

Có một năm, nhiều tỉnh đồng thời bị mất mùa, lúc đầu nước sông Hoàng Hà khô kiệt, sau nạn châu chấu lại hứng chịu nạn hạn hán, đồng ruộng không thể gieo trồng được, đất khô cằn cả ngàn dặm. Trong nội thành còn sống tạm được qua ngày, nhưng ở ngoại thành thì người chết đói khắp nơi, mọi người đói vàng cả mắt, có ai còn muốn xem bói nghe kể chuyện? Gia cảnh nhà Thôi lão đạo nghèo rớt mồng tơi, đành phải đi phục vụ tang lễ. Lúc bấy giờ, ông lão chủ nhà của một gia đình giàu có bị chết, thiếu người chấp sự. Chấp sự là người đứng trước linh đường, khi các tăng nhân siêu độ xong, người này có trách nhiệm đọc văn tế. Ngoài ra, nếu có người đến viếng, khi họ được người phụ việc dẫn vào chánh đường qua cửa chính, chấp sự phải lập tức hô lớn: “Nhất bái, nhị bái, tam bái, gia đình nhà hiếu hoàn lễ.” Những người đến phúng viếng và toàn bộ gia đình nhà hiếu đều phải làm theo lời hô của chấp sự, bảo quỳ xuống là phải quỳ xuống, bảo dập đầu là phải dập đầu, tương đương với người lãnh đạo có quyền lớn nhất trong linh đường, người ta thường gọi là “Đại Liễu”.

Ông lão chủ nhà giàu này qua đời, khi tổ chức việc tang lễ, vừa vặn thiếu mất một vị chấp sự, Thôi lão đạo lấp vào vị trí đó. Phục vụ tang lễ nhìn thì có vẻ dễ dàng, nhưng không phải ai cũng có thể làm. Xã hội xưa có rất nhiều điều kiêng kỵ mê tín, nhưng nếu nói đến người thông thạo những chuyện kỳ lạ hiếm có, hiểu biết chữ nghĩa thì không ai sánh bằng Thôi lão đạo. Ông này tuyên bố xanh rờn “Mưu thắng Trương Lương, trí vượt Gia Cát”, tào ông tào bà, Long Vương năm châu bốn biển, tiền hậu địa chủ tài thần, không vị nào là mình không biết. Ông này thậm chí tính toán “Việc này không tệ, chỉ cần khéo nói là xong chuyện, dù có nhắm cả hai mắt cũng không làm sai chuyện gì được. Bao ăn bao uống còn kèm theo phần thưởng, so với bày quây ở cửa Nam uống gió thì tốt hơn rất nhiều. Từ lúc liệm cho đến lúc đưa tang, tổng cộng là bảy ngày. Trong vòng bảy ngày tới coi như không phải phát rầu vì phải tìm nơi kiếm miếng cơm rồi, sau này ra sao thì để tính sau”, nhưng không lường trước được ý nghĩ đó đã gây ra họa lớn.

Hai

Đêm ngày hôm đó, gia đình nhà hiếu thuê công nhân dựng rạp kín cả con phố để ngày hôm sau bắt đầu phúng viếng. Thôi lão đạo đồng ý làm một chân phục vụ tang lễ, lĩnh trước một phần tiền đặt cọc rồi về nhà chuẩn bị. Vừa mới sớm tỉnh mơ, ông này đã ăn mặc chỉnh tề ra khỏi nhà. Vài ngày trước không có gì ăn, ông ta đói đến mức da bụng dính vào sau lưng. Lúc ban đầu, ông này định ăn cơm do nhà hiếu cung cấp, nhưng theo như tiền lệ thì phải bắt tay ngay vào việc, đến buổi trưa mới được ăn cơm. Ông ta thậm chí nhủ: “Trong bụng không có cái gì thì lấy đâu ra sức mà lớn tiếng hô với hét, vừa mới ngày đầu tiên cũng đừng có làm hỏng chuyện nhà người ta chứ, cứ tìm chỗ nào ăn sáng rồi mới tới đó sau.” Vừa lúc ấy đi qua một cửa tiệm “Cơm cháy Đại Phúc Lai”, ông ta vừa vào tới cửa là đã gọi ngay hai cái bánh nướng một chén cơm cháy.

Cơm cháy là món ăn sáng chỉ riêng Thiên Tân vệ mới có, giá rất rẻ, chỉ hai đồng một chén. Thường ngày, Thôi lão đạo nghiện ăn món này, nhưng năm ấy mất mùa đói kém, nếu không phải nhận trước tiền đặt cọc phục vụ tang lễ, ông này cũng không dám ăn.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Khi tiểu nhị bưng món cơm cháy lên, Thôi lão đạo còn ngẩn ngía xem có đúng là cơm cháy Đại Phúc Lai hay không. Gia vị phải đầy đủ, miếng cháy phải mỏng, như vậy mới đúng là món của nhà này.

Đại Phúc Lai là cửa tiệm lâu đời trên trăm năm, chủ tiệm họ Trương, theo tương truyền đã được hoàng thượng phong thưởng. Trước lúc ấy, dù tiệm này không có tiếng tăm gì, mọi người không biết tới, nhưng nhà này vẫn tuyệt tối nghiêm ngặt sử dụng đúng đủ nguyên liệu. Đậu xanh xay nhuyễn, tráng thành bánh, để nguội hần rồi cắt thành lát mỏng. Tương vừng trộn với nhiều loại gia vị chế thành nước chấm. Khi ăn, cho cơm cháy đã cắt sẵn thành miếng nhỏ vào chén đầy đến tận miệng, giội tương vừng, muối tiêu, đậu chao, tương ớt, cuối cùng rắc thêm một chút rau thơm lên trên, cách mấy con phố vẫn có thể ngửi thấy được mùi thơm mát đó, hình thức cũng rất ngon miệng. Có một ngày, một ông lão tôn quý dẫn theo mấy người tùy tùng tới, sau ăn xong món cơm cháy của nhà này đã khen ngợi không tiếc lời. Ngày hôm sau, một vị Ngự tiền thị vệ tìm đến cửa, bảo với chủ quầy: “Chúc mừng chúc mừng, hồng phúc của người đã đến.” Chủ quầy không hiểu đầu đuôi ra sao: “Nhà tiểu nhân chỉ làm buôn bán nhỏ thì lấy đâu ra hồng phúc?” Ngự tiền thị vệ bèn giải thích cho chủ quầy: “Ngày hôm qua, Hoàng Thượng đã cải trang vi hành đến tiệm của người, sau khi ăn xong món cơm cháy ở đây cảm thấy rất ngon, muốn phong thưởng cho người.” Từ đó về sau, món cơm cháy nhà này vang danh thiên hạ, thực khách nghe danh nối đuôi nhau không ngừng kéo đến. Nhà này mở thêm hơn mười chi nhánh, chủ quầy đổi tên tiệm thành “Đại Phúc Lai”*.

*Hồng phúc đến

Lâu rồi Thôi lão đạo không có nổi vài đồng, hai ba tháng nay chưa từng được thưởng thức món này. Hôm ấy ngon miệng không cưỡng lại được, ông này liền tiếp ăn hết ba chén cơm cháy. Được nhà hiếu ứng trước tiền làm việc tang lễ, ông này cầm đầu vào ăn sạch ba chén cơm cháy rồi mới chịu tới chỗ đám tang. Bên đó người ta đã dựng xong rạp trước cổng chính, hai người phụ việc một phụ trách khu vực bên trong cửa chính, một phụ trách bên ngoài. Linh đường được đặt tại phòng khách, hòa thượng đạo sĩ đến siêu độ tụng kinh sắp đồ đầy cả gian phòng. Bởi ông cụ chủ nhà qua đời, con trai và con dâu phải mặc đồ tang đốt vàng mã, toàn bộ người thân họ hàng và thân bằng cố hữu gần xa thì châu chực ở bên ngoài linh đường. Thôi lão đạo vừa đến nơi thì cũng là lúc bắt đầu tụng kinh niệm chú, ông ta vội vàng chỉnh trang lại quần áo rồi đứng vào vị trí trước linh đường. Đứng bên cạnh là một trợ thủ tên là Ngô Đại Bảo, là đồ đệ trên danh nghĩa của

Không phải tất cả hòa thượng đạo sĩ đang siêu độ vong hồn trong rạp đều là người xuất gia, có những người tu tại nhà nhưng vẫn biết niệm kinh, đó cũng là một loại khả năng. Bảy ngày đầu tiên là tuần đầu, kéo dài từ lúc người đó chết đến lúc đưa đi hạ táng mới chấm dứt. Trong bảy ngày đó, ngày nào cũng phải niệm kinh năm lần, buổi sáng hai lần buổi chiều hai lần, đến đêm là lần dài nhất. Trong thời gian đó, chấp sự có trách nhiệm đọc văn tế, nhắc nhở con cháu nhà hiếu và người đến phúng viếng lúc nào cần bái lạy, công việc của Thôi lão đạo chính là việc này. Sau khi nghe thấy tiếng tụng kinh tắt hẳn, có nghĩa là lần niệm thứ nhất đã xong rồi, ông ta bắt đầu đọc văn tế. Bởi quanh năm suốt tháng kể chuyện thuyết thư xem bói ở cửa Nam, ông này biết cách ăn nói, làm bộ làm tịch sao cho hợp với tình huống, giọng nói cũng đầy tình cảm. Nghe thấy bên dưới linh đường đồng loạt dậy lên tiếng than khóc, đọc xong văn tế rồi hô to dập đầu bái lạy, Thôi lão đạo chợt thấy chóng mặt, thâm hô: “Hồng hết cả việc rồi!”

Thì ra mấy ngày hôm ấy, Thôi lão đạo không có gì để mà ăn, trong bụng không có lấy một hột cơm, buổi sáng ăn liền ba chén cơm cháy, đầy bụng không tiêu, lúc đọc văn tế chỉ trực xả xú uế ra, khẩn cấp phải đi nhà xí. Thế nhưng, lúc ấy còn hơn chục người đến phúng viếng đang xếp hàng ngoài linh đường, chỉ chờ chấp sự hô lên là sẽ bước lên dập đầu, không thể nào bỏ mặc nhiều người đứng chờ như vậy, giờ nên làm thế nào cho phải?

Ngô Đại Bảo không biết chữ, văn tế không biết đọc, nhưng hô dập đầu thì y nghe suốt đến thuộc lòng, chẳng có gì là khó cả, bèn bảo với Thôi lão đạo: “Sư phụ yên tâm, việc này cứ giao cho con, người mau đi đi, đã có giấy chùi chưa?”

Ngô Đại Bảo buông ấm trà xuống, tay cầm văn tế, bắt đầu dẫn dắt việc phúng viếng, hô lên một câu ‘hiếu tử quy’. Con cháu trong xếp thành một hàng, ai trước ai sau phải tuân theo thứ tự nhất định, như vậy người chấp sự mới không gọi sai. Người con kia nghe thấy chấp sự gọi mình, lập tức bước lên trước linh đường quỳ rap xuống đất, khóc âm lên.

Người con kia là kẻ sinh ra trong nhà giàu có, không hiểu biết gì về đạo đời nhân xử thế, cũng chưa từng tham gia một buổi tang lễ nào, đây mới chỉ là lần đầu tiên. Lúc trước có người nhắc nhở anh ta, khi ở trên linh đường thì nhất nhất phải nghe theo chấp sự, chấp sự bảo anh làm cái gì thì anh phải làm cái đó, bảo dập đầu thì phải dập đầu, bảo khóc thì phải khóc hết nước mắt, nếu không người ta chắc chắn sẽ đánh giá anh là người bất hiếu. Bởi trong đầu lúc nào nghĩ đến lời nhắc này, cho nên khi nghe thấy chấp sự hô lên “Lộn đầu”, anh ta ngơ ngác không hiểu ra sao, “Lộn đầu” là nghĩa làm sao? Lộn nhào? Anh ta sợ không gánh nổi tội danh bất hiếu, nên cho dù không biết lộn nhào cũng phải lộn, thôi thì cứ cắn răng mà làm cho xong. Anh ta gồng người lên, hai tay ôm chặt lấy đầu, chống hông lên lộn một vòng rồi té lăn chiêng linh đường. Mọi người đứng bên dưới nhìn lên hoa mắt choáng váng, thế này là thế nào?

166

biết chắc là không thể trốn tránh, ai có thể gánh nổi tội danh bất hiếu? Nhưng cô ta thật sự không thể lộn nhào được, bèn van xin: “Tôi nằm dài xuống đất rồi lăn tròn thầy thấy có được hay không?”

Đến nước này mọi người đến phúng viếng ở bên dưới không nhìn được nữa, nào đâu có cái trò bắt con cháu nhà hiếu phải lộn nhào trên linh đường? Chấp sự trên linh đường chẳng phải là Thôi lão đạo ư, sao lại thay bằng Ngô Đại Bảo rồi? Bền quy kết là Ngô Đại Bảo đã nhận được lệnh của Thôi lão đạo, cố ý quấy rối linh đường, cái trò này còn đáng hận hơn cả đào mộ tổ tiên nhà người ta. Những người thâm giao với gia đình nhà hiếu đều là kẻ có quyền thế, những người này không có một ai là kẻ dễ trêu, nhờ bừa một sợi lông trên đùi cũng to hơn eo Ngô Đại Bảo và Thôi lão đạo. Lúc bấy giờ, họ bèn gọi một đám gia đình hùng hổ như sói như hổ tới, đè nghiêng Ngô Đại Bảo xuống, dùng côn đập loạn ột trận thừa sống thiếu chết, sau đó tiếp tục nổi giận dùng đòn đi tìm chủ nợ là Thôi lão đạo để tính toán.

Vừa mới bước ra khỏi nhà xí, Thôi lão đạo đã phong thanh nhận thấy có chuyện không hay, có nhảy xuống Hoàng Hà cũng không rửa sạch tội, người khôn phải biết nặng nhẹ, lập tức vắt chân lên cổ chuồn ra ngoài thành, nhất thời không dám trở về. Nhưng trên người lại không có bao nhiêu tiền, ông này quyết định về nông thôn né tránh chờ mọi việc lắng xuống rồi tính sau, bèn lấy số tiền đặt cọc cho việc phục vụ tang lễ đi mua lương khô đủ cho vài ngày ăn, gói ghém qua loa rồi một đường thẳng tiến vượt qua vùng đất trũng phía nam. Sau khi ra khỏi thành, ông này lại chỉ thấy cảnh tượng hoa màu mất mùa ở khắp nơi. Trên đường nghe được tin tức, ở Hà Nam có rất nhiều dân gặp nạn nổi loạn, triều đình cử quân đội đóng tại Trục Lệ tới trấn áp, thẳng tay tàn sát. Dọc đường ông ta chỉ gặp dân đói rách và quân nổi loạn chạy lên phía bắc, bỏ cả nhà cửa vườn tược lại đằng sau. Đi sâu xuống phía nam, ngay cả dân đói rách cũng không còn nhìn thấy nữa, mọi người đã chết đói cả rồi, khắp nơi la liệt xác chết, trong lòng ông này trở nên nặng trĩu, đau buồn thui thui một mình cất bước. Khi đi ngang qua một khu nghĩa địa, ông này chợt thấy đầu một con chó đen lộ ra sau một ngôi mộ. Cái đầu con chó đó chắc phải to hơn cả đầu con nghé, miệng ngậm một đứa bé, trợn trừng đôi mắt đỏ rực lên, nhe răng khê gầm gừ với Thôi lão đạo.

Bốn

Thôi lão đạo tay không tác sát, chắc mẩm lần này mình sẽ biến thành thức ăn trong miệng chó trong cái nghĩa địa này, nhưng mệnh chưa đến lúc tuyệt, đột nhiên một con chó dữ khác nhảy vọt ra, nhe răng há mồm muốn đoạt xác đứa bé trong miệng con chó đen. Nhân lúc hai con chó hoang tranh giành nhau, Thôi lão đạo tận dụng cơ hội chạy trốn chết. Toàn bộ vùng đất trũng không có con đường mòn nào, ông ta lúc thì rẽ bên trái, khi thì ngoặt sang phải, rụng rời cả hai chân mà không biết đến khi nào mới thoát khỏi nơi này. Chạy được tầm hơn hai dặm, ông ta đột nhiên dừng phắt lại. Kể ra đôi mắt của ông ta cũng đục, đã phát hiện ra mặt đất bên đường có điểm không thích hợp. Cỏ dại trên mặt đất úa vàng héo rũ, nhưng màu sắc và tính chất của đất ở chỗ đó lại không có gì khác với khu vực xung quanh, vậy là đã chứng tỏ bên dưới mặt đất chắc chắn có mộ cổ. Dù không nhìn thấy tạo hình của ngôi mộ, cũng không thấy con thú công bia đá trước mộ, nhưng đại loại là một ngôi mộ cổ mà phần mặt ngoài được phủ một lớp cao lanh, bởi vậy cỏ trên mặt đất rất khó mọc được. Ông này bước qua bên đó nhổ một ngọn cỏ lên để quan sát rễ của nó, quả nhiên có ám âm khí của mộ cổ. Ngôi mộ bên trong lớp cao lanh này chỉ ít ra cũng phải là một của một vị Vương Hầu nào đó. Nếu là ngày trước, Thôi lão đạo chưa chắc đã có ý định đào trộm ngôi mộ này, nhưng khi chạy nạn đến nơi xa lạ, trên người không có tiền rất khó xoay sở, khắp nơi lại gặp thiên tai nhân họa liên tục, có ai còn tâm tư xem bói với đoán quẻ. Giờ giữa đường gặp một ngôi mộ cổ, chẳng phải là tiền tài do trời ban hay sao?

Thôi lão đạo nghĩ thầm không làm thì thôi, đã làm thì làm cho chót, nếu phải làm chuyện xấu thà rằng đi trộm mộ cổ còn hơn, lấy được vàng ngọc đồ quý là sẽ xa chạy cao bay. Dù đã thông tư tưởng, nhưng ông này lại không phải là kẻ chuyên sống bằng cái nghề thất đức này. Mặc dù biết xem phong thủy tìm âm trạch dương trạch, nhưng ông này lại không có tay nghề đào đất khoét tường khai quật động tiên, một thân một mình trộm mộ cướp đoạt bảo vật là việc nằm ngoài khả năng của bản thân. Cũng may nơi này là vùng đất hoang vu làng xóm tiêu điều, phạm vi hơn mười dặm quanh đó không thấy một bóng người, chỉ cần có nước có lương khô, tìm một gian phòng đủ che nắng mưa trong những thôn hoang vắng gần đây trú tạm mấy ngày cho đến lúc đào được bảo vật, như vậy coi như đã tốt lắm rồi. Ông này hạ quyết tâm, trước tiên cần chuẩn bị đầy đủ nước uống và lương thực, còn phải kiểm thêm hai dụng cụ đào bới phần mộ, nếu không thì chẳng có cách nào mà ra tay. Lúc bấy giờ, mặt trời đỏ ối đã lặn về tây, Thôi lão đạo đang lo sợ lại gặp phải chó hoang thì chợt nhìn thấy có một con đường cách ngôi mộ cổ không xa. Đó là một ngã tư,

bên cạnh lại có một lối rẽ khuất nẻo, cỏ mọc tốt um cao quá đầu người, bụi gai rậm rịt, giống như rất nhiều năm rồi không có người qua lại.

Thôi lão đạo đã xông pha giang hồ nhiều năm, trong lòng tự hiểu con đường nhỏ đó không dễ đi, sài lang thổ phỉ thứ nào cũng nên tránh, bèn đi thẳng theo đường cái. Nhưng vừa đi được không bao xa, ông này đã bắt gặp một con lừa, có lẽ là do dân chạy nạn bỏ sót. Con lừa này cũng có thể coi là mạng lớn, không bị đám dân chạy nạn làm thịt. Thôi lão đạo mừng như điên, trong lòng hào hứng nghĩ: “Thật sự là ước cái gì được cái đó, con lừa này vừa khéo có thể giúp lão đạo ta chuyên chở đồ vật.” Ông này bước lại gần tóm lấy dây cương, trèo lên lưng lừa. Nhưng đến lúc bấy giờ, bởi không dừng kiếm được món hời, ông này lại không dám đi theo đường cái nữa, sợ chạm mặt với người đã bỏ quên con lừa, vội vàng rẽ vào con đường nhỏ. Có con lừa ít nhất không cần phải sợ chó hoang nữa, lừa mà nổi nóng lên là sẽ đá hậu. Cho dù hung tàn đến mấy, đám chó hoang cũng không dám trêu vào một loại gia súc lớn như lừa.

Ngoài ra còn có quan niệm mê tín, cho rằng cương thi sợ tiếng hí của lừa. Thôi lão đạo vớ được một con lừa, gan trộm mộ dường như đã lớn hơn trước nhiều. Ông này cỡi lừa đi xuôi theo con đường nhỏ. Con đường gập ghềnh, rất hoang vu. Bởi tính tình bướng bỉnh, con lừa cứ đi ba bước lại lùi hai bước. Đi được tầm hơn hai dặm, ông này chợt nhìn thấy một thôn làng hoang vắng nằm ven đường. Công việc đào trộm mộ cổ không thể nào chỉ trong vòng ngày một ngày hai là có thể hoàn thành, phải tìm một chỗ qua đêm. Ông này thầm tính toán, cái thôn này cách ngôi mộ cổ không xa, hay là cứ vào trong thôn tìm một ngôi nhà đủ che gió che mưa ở tạm, buổi tối ngủ, còn ban ngày đào mộ. Bởi vậy, ông này đánh lừa rẽ vào thôn. Giữa đám ruộng bỏ hoang có một cái cuốc, ông này tiện đường nhặt lên đặt ngang lưng lừa, chờ đến lúc đào mộ sẽ mang ra sử dụng. Khi đến cửa thôn, trong sương chiều bao la mù mịt, ông ta nhìn thấy trên tấm bia đá ở bên đường có khắc ba chữ “Thôn Huyền Đăng”.

Thôi lão đạo tự lẩm bẩm: “Tên thôn quái dị thật! Huyền mà chả là hắc, thôn Huyền Đăng thì có khác gì là thôn Hắc Đăng đâu? Chẳng lẽ vào buổi tối không nhà nào đốt đèn hay sao?”

31. Chương 31

Năm

Thôi lão đạo đã đi lại trong giang hồ nhiều năm, không ngại ngần gì nếu phải một mình qua đêm ở một cái thôn vắng nhà hoang như thế này. Hiển nhiên “thôn Huyền Đăng” là một cái thôn bị bỏ hoang không có người ở, có khả năng người trong thôn đã chạy nạn hết cả rồi, nhưng ông này vẫn không hiểu tại sao người ta lại đặt tên thôn quái dị như thế, không thể không đề cao cảnh giác. Ông này giục lừa đi vào thôn. Rõ ràng là bố cục của thôn này hết sức kỳ lạ, phòng ốc xây quây lại thành một vòng, toàn bộ cửa sổ đều mở toang cánh khép vào bên trong, khác hẳn nhà bình thường. Chính giữa thôn là một khoảng đất trống, ở giữa khoảng đất này có một cái đền đá to đùng, kiểu dáng rất cổ xưa, ít nhất cũng phải có từ mấy trăm năm trước. Đến khi vào trong, ông này mới phát hiện ra, nơi đây không hẳn là một thôn bị bỏ hoang không có người, nhưng cũng chỉ có mỗi một căn nhà là có người ở. Trong nhà có một ông lão ngoài sáu mươi tuổi, da mặt đầy vết sạm, bên cạnh ông lão còn có một thanh niên vụng về, cả hai đều đặc chất nông dân, nhìn bề ngoài dường như là hai cha con.

Thôi lão đạo thấy trong thôn có người còn ở lại, do vậy không dám tự tiện chọn một căn nhà để ở. Ông này bước lại gần chấp tay, bảo với ông lão đó mình là một đạo nhân bán thuốc nam, đang hái thảo dược ở khu vực gần đó, định vào thôn tìm một gian phòng ở tạm vài ngày, lương khô nước uống thì tự mình đã chuẩn bị sẵn cả rồi, mong ông lão tạo điều kiện.

Ông lão đáp: “Tạo điều kiện cho người cũng chính là tạo điều kiện cho chính mình. Huống chi, quanh đây ngoại trừ cái thôn Huyền Đăng này ra, không còn nơi nào có thể ngủ nhờ được nữa, trước không có thôn sau không có nhà trọ, không ở lại nơi này thì còn có thể ở đâu nữa? Tuy nhiên, nhà cửa trong thôn đa phần là cũ nát lắm rồi, tường xiêu vách nát, gió lùa mưa tạt, chỉ sợ không xứng với đạo trưởng.”

Thôi lão đạo nói: “Tôi là người thường lang bạt, tiện đâu ngủ đó, không quá kén chọn, chỉ cần một gian phòng nát một cái giường đất là được, dù sao cũng tốt hơn là ngủ ngoài trời nơi hoang dã.”

Nhận thấy đạo sĩ này đã quyết tâm tá túc trong thôn mình, ông lão bèn chỉ tay vào gian nhà bên cạnh, bảo: “Nếu đạo trưởng không chê, có thể vào ở gian phòng bên kia hai ngày.”

Thôi lão đạo rồi rít cảm ơn rồi hỏi ông lão: “Tại sao trong thôn chỉ còn hai người lão tượng và con trai, những người cùng thôn còn lại đã chuyển đi chỗ rồi khác hay sao? Hơn nữa vì sao lại gọi là thôn Huyền Đăng, chắc hẳn là buổi tối không thể thắp đèn phải không?”

Ông lão lắc đầu trả lời: “Đạo này khó khăn, người trong thôn đã chạy nạn đi nơi khác cả rồi, chỉ còn một mình tôi và đứa con trai vụng về này là còn ở lại nhặt ve chai kiếm củi lần hồi sống qua ngày. Còn những việc khác ấy ư, đạo trưởng ngài đừng có hỏi nhiều, bởi thấy ngài không có nơi ngủ qua đêm, cho nên tôi mới thương tình cho ngài ở lại. Ngài ở lại cái thôn này cũng không có vấn đề gì, chỉ cần đồng ý với tôi ba điều kiện.”

Mặc dù trong lòng Thôi lão đạo thầm nghĩ: “Rừng sâu núi thẳm mà còn lắm quy định như vậy”, nhưng ngoài miệng lại nói: “Không vấn đề gì không vấn đề gì, không hiểu ba điều kiện đó là gì, kính mong lão tượng chỉ bảo.”

Ông lão nói: “Thứ nhất, ban đêm đạo trưởng đốt đèn cũng được, nhưng sau khi trời tối, bất kể có nghe thấy nhìn thấy bên ngoài có chuyện gì xảy ra, ngàn vạn lần không nên tò mò, hơn nữa còn tuyệt đối không được bước chân ra khỏi phòng.”

Thôi lão đạo âm thầm kinh ngạc, buổi tối không được ra khỏi phòng? Chẳng lẽ trong thôn có vật gì không tiện cho người khác nhìn thấy? Cũng may là ban ngày ông này còn phải đào trộm mộ, điều kiện này có thể tuân theo.

Ông lão nói tiếp: “Thứ hai, không cần biết là lúc nào, đạo trưởng tuyệt đối không thể bước vào nhà của hai cha con chúng tôi.”

Lúc bấy giờ trời đã tối đen, Thôi lão đạo đứng ngoài cửa, còn ông lão kia và người con vụng về thì đứng ở trong nhà. Dù không nhìn thấy trong phòng ra sao, nhưng chỉ là một căn nhà ở vùng thôn quê thì có thể có thứ gì đáng giá cơ chứ, sao lại phải cảnh giác với người lạ cứ như đề phòng kẻ cướp thế? Chẳng hiểu trong thôn vì sao lại có quy định này nữa?

Ông lão lại bảo: “Đạo trưởng đừng quá đa nghi, tôi làm vậy chỉ vì muốn tốt cho ngài, chỉ có điều là không tiện nói rõ ràng. Ngài còn phải đồng ý với tôi điều thứ ba nữa, đó chính là đừng có hỏi bất cứ câu nào. Nếu như có thể tuân theo thì ngài cứ ở lại, giả như không đồng ý, vậy cứ đi nơi khác mà tìm chỗ ngủ trọ cho sớm.”

Thôi lão đạo vội nói: “Bần đạo là khách từ bên ngoài đến, nếu chủ nhân đã căn dặn, làm sao dám không vâng lời.”

Mặc dù ngoài miệng nói một đằng, nhưng trong lòng lại nghĩ một nẻo, ông này chắc mẩm trong thôn này có bí mật không thể cho ai biết. Nhưng vì mục đích trộm mộ cướp đoạt bảo vật, ông này thực sự chẳng cần tìm hiểu thêm cho rạch việc, chỉ mong có một chỗ để qua đêm, sau khi khai quật được mộ cổ là sẽ lập tức xa chạy cao bay, bởi vậy đồng ý ngay tức thì. Sau khi trời tối, ông này đóng cửa không bước ra khỏi cửa, ăn lương khô cho đỡ đói rồi nằm ngủ trong phòng. Ngày hôm đó coi như trôi qua êm đẹp, ông này mặc nguyên quần áo nằm chết dí trên giường, ôn lại những lời căn dặn lúc trước của ông lão kia một lượt, trong lòng tự hiểu đến đêm nhất định có chuyện gì đó, dù ngủ cũng phải mở to một con mắt.

Sáu

Đang nằm trên giường gạch Thôi lão đạo bỗng cảm thấy khát nước. Lúc ăn lương khô ông này không uống nước, đến đêm cổ họng khô khốc, hối tiếc vì đã không tới chỗ ông lão xin chén nước uống. Lúc bấy giờ trời đã tối rồi, trong ba điều kiện mà ông lão nêu ra, điều đầu tiên là ban đêm không thể ra khỏi phòng. Ông này thầm nghĩ, dù trời đã tối đen, nhưng mới chỉ mới tối không lâu, chắc là chưa tới nửa đêm, tốt nhất là nên tranh thủ lúc này đi uống hớp nước sôi, có lẽ ông lão kia sẽ không trách móc. Ông ta lập tức bước ra khỏi nhà, nhìn thấy bên ngoài có ánh trăng, nhưng cửa ngõ nhà hai cha con ông lão đã đóng chặt, bên trong lại không đốt đèn. Ông này qua bên đó định gõ cửa thì chợt nghe thấy trong phòng vang lên tiếng thút thút nỉ non, giống như có hai người phụ nữ đang khẽ than thở.

Thôi lão đạo cảm thấy hết sức kỳ lạ: “Ông lão đã khẳng định trong thôn chỉ có mỗi hai cha con mình, vì sao lại có tiếng của phụ nữ?” Lại suy đoán: “Chẳng trách ông lão lại không ình ra khỏi nhà vào ban đêm, nguyên nhân là bọn họ dự định làm việc bất chính như thế này, chắc là bắt cóc người ở nơi khác về, để ta xem rốt cục là. . .”

Ông này nằm dán sát người xuống đất, ngó qua khe cửa để quan sát tình hình trong nhà. Lúc ấy ánh trăng mờ ảo, chỉ lờ mờ nhìn thấy hình dáng hai cha con đang ở trong nhà. Hai người nằm nghiêng, một người quay đầu về phía đông, người kia quay về phía tây, quay lưng vào nhau, nằm lộn đầu đuôi trên giường gạch, dường như đã ngủ lâu rồi. Căn phòng một trượng vuông (~10m²) nhìn một cái là thấy toàn bộ, nhưng nào có thấy người phụ nữ nào?

Thôi lão đạo cảm thấy kinh hãi, toàn thân nổi hết da gà, rõ ràng không hề nghe lầm, nhưng ông này tự nhắc nhở chính mình thêm một chuyện không bằng bớt một chuyện. Một mình chạy nạn tới nơi xa lạ, chưa đủ thời gian làm quen với cuộc sống ở nơi đó, lại chẳng quen biết ai để có thể tìm hiểu được tin tức, cũng chỉ còn cách nhìn trước quên sau, trước mắt đào trộm mộ kiếm bảo vật vẫn là quan trọng hơn, không thể vì bên cạnh phát sinh chuyện lật vật mà tự rước lấy phiền toái. Sau khi trải qua một hồi kinh sợ, ông này không còn thấy khát nước nữa, lặng lẽ trở về căn phòng sát vách ở bên cạnh, cài chặt thanh chặn cửa rồi nằm xuống ngủ.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Nhưng đến nửa khuya, tầm khoảng giữa canh ba, ông này chợt nghe thấy bên ngoài vang lên tiếng bước chân. Không nhìn cho rõ thì không thể nào yên tâm, ông này nhắm nước bọt vào đầu ngón tay chọc thủng một lỗ trên cửa sổ, nín thở, lặng lẽ nhìn trộm ra bên ngoài. Đập vào mắt là một đám đông xếp thành một hàng, đang đi từ khu đất trống chính giữa ra bên ngoài thôn. Nam nữ già trẻ gà vịt mèo chó đều có cả, còn có người cưỡi ngựa ruổi lùa. Lúc ấy mây đen che khuất ánh trăng, khi đứng trong phòng nhìn ra ngoài, ông ta chỉ có thể nhìn thấy những bóng hình mờ mờ ảo ảo. Những người đó quá nửa đêm đi ra ngoài, đi một lát rồi lại quay trở về, cứ đi đi lại lại cho tận đến tầm canh bốn rồi đột ngột biến mất không còn bóng dáng.

Thôi lão đạo rung mình toát mồ hôi. Trốn trong phòng nhìn không rời mắt cả nửa đêm, ông này cảm thấy vừa sợ vừa ngờ vực, thầm nghĩ: “Chẳng lẽ là những người trong thôn đã chết rồi biến thành quỷ? Vì sao linh hồn những người này không tan? Cặp cha con sống trong này rốt cục là đang che giấu cái gì?” Mặc dù thừa biết nếu mình ở lại cái thôn này thì có thể sẽ gặp nguy hiểm, nhưng ông này vẫn luyến tiếc ngôi mộ cổ, có thể nào trơ mắt đứng nhìn “con vịt” đã sắp đến miệng lại bay mất. Bởi lòng tham lấn át lý trí, cuối cùng Thôi lão đạo không nỡ bỏ đi. Đến lúc hừng đông, ông này làm ra vẻ như không có chuyện gì xảy ra, bảo với ông lão mình đi hái thảo dược rồi vác cuốc cưỡi lừa ra khỏi thôn. Trước đó đã ghi nhớ đường đến mộ cổ, cho nên ông này chẳng mất bao nhiêu thời gian đã đến nơi. Sau khi ngẩng đầu nhìn mặt trời để xác định hướng của quan tài, dùng bước chân tính toán xong, ông này mới ra tay đào bới. Bình thường, việc trộm mộ phải tiến hành vào ban đêm, bởi bản thân công việc này thực sự có một vài kiêng kỵ mê tín, nhưng chủ yếu vẫn là sợ bị người khác bắt gặp.

Vùng đất hoang vắng không một bóng người, coi như đã trút bỏ được phần nào gánh nặng đó. Mặt khác, vào ban ngày dương khí thịnh, một sẽ không có ma quỷ lộng hành, hai sẽ không có cương thi, không cần phải quá mức căng thẳng sợ bóng sợ gió. Mặc dù không phải là người chuyên kiếm cơm bằng cái nghề trộm mộ này, nhưng Thôi lão đạo thường xuyên tiếp xúc với âm dương trạch, dưới mồ mả tổ tiên hay mộ cổ có đồ vật gì, có thứ nào mà ông này chưa từng nhìn thấy. Nhưng đồ vật ở trong ngôi mộ cổ trước mặt lại nằm ngoài tầm hiểu biết của ông này.

Bấy

Lại nói tiếp, Thôi lão đạo một mình đào bới, cật lực làm việc cả một ngày mới đào sâu ngang thân ngôi mộ cổ. Lúc ngẩng đầu lên thì mặt trời đã ngã về tây, ông này vội vàng thu thập dọn cuốc thuổng, cưỡi lừa ra về. Trời sẩm tối mới về đến thôn Huyền Đằng, đến đêm lại đóng cửa ngủ trong nhà. Chúng ta sẽ chỉ nói đến ý chính. Ông này liên tục ở lại thôn Huyền Đằng ba ngày. Nửa đêm hôm nào cũng vậy, có rất nhiều người cứ liên tục ra khỏi thôn rồi lại đi vào. Thôi lão đạo đã lẳng lặng nhìn trộm mấy lần, lần nào cũng gặp tiết trời u ám, trong thôn không có lấy một ánh đèn, tối om om không thể nhìn rõ được là người hay là ma quỷ. Ông này đã thử tìm cách moi từ trong miệng ông lão và đứa con vụng về ở bên cạnh xem có lộ ra cái gì không, nhưng đáng tiếc là hai cha con nhà đó ít nói kiếm lời, hỏi chán cũng không nhận được một câu trả

lời có tác dụng nào. Hơn nữa, thấy đã sắp mở được mộ cổ đến nơi, Thôi lão đạo bèn tự nhắc nhở bản thân đừng có vẽ thêm chuyện làm gì, đến mai cùng lắm chỉ cần một buổi là có thể khai quật được phần mộ, lấy hết những thứ đáng giá rồi bỏ đi trong ngày luôn, không muốn ở lại cái thôn không có chỗ nào là không kỳ quái này dù chỉ một ngày. Ông này tính toán rất hay, nhưng đến ngày hôm sau muốn đi cũng không thể đi được.

Sáng sớm tinh mơ, Thôi lão đạo nuốt vội mấy miếng lương khô rồi nhanh chóng đi đào mộ. Sau khi phá thùng lớp cao lanh trong cùng, ông này nhìn thấy một cái huyệt xây bằng gạch cổ, chính giữa có một chiếc quan tài bằng đá. Thôi lão đạo không có kinh nghiệm khai quật, bởi vậy lúc cạy gạch đá lẫn mở nắp chiếc quan tài đó quả thực đã làm ông này mất không ít thời gian và sức lực. Nhưng sau khi cạy được nắp ra, ông này chỉ nhìn thấy bên trong chiếc quan tài bằng đá có mỗi bộ xương.

Thôi lão đạo thất vọng, không ngờ người chết trong ngôi mộ này chỉ được mai táng theo cách đơn giản nhất. Chắc là lúc còn sống, chủ nhân của ngôi mộ lo sợ sau này kẻ trộm sẽ đào mộ mình lên, bởi vậy dù bản thân có tôn quý đến cỡ nào, lúc chết cũng chỉ dùng quần áo rẻ tiền, quan tài bằng đá để chôn cất, không mang theo một mẩu vàng bạc hay một miếng ngọc. Thôi lão đạo dậm chân thở dài: “Đúng là toi công mất vài ngày! Xem ra, mình không có cái phúc phận đó, ngay cả một đồng tiền rơi rớt cũng không được hưởng. . .”

Trong lúc đang than thân trách phận, ông này chợt nhìn thấy trong quan tài đá có một vật duy nhất chôn cùng người chết. Đó là một cái hồ lô to khác thường, chắc hẳn là một đồ cổ hơn ngàn năm, có dây buộc bằng da trâu để có thể treo bên hông, nặng trĩu giống như bên trong có chứa rất nhiều thứ. Nhưng đến khi mở nắp dốc lên dốc xuống, bên trong lại chẳng có cái gì rơi ra. Thôi lão đạo suy đoán: “Cái hồ lô lớn này nhất định là vật mà lúc còn sống chủ nhân ngôi mộ vô cùng quý trọng, nếu không thì đã chẳng chôn cùng trong quan tài đá, ta cứ mang về nhờ người khác xem hộ một chút.” Nghĩ vậy, ông này vải lạy bộ xương trong quan tài đá: “Quý đài* thăng tiên đã lâu, giữ lại vật ngoài thân này cũng chẳng có tác dụng gì, chi bằng lại để cho bản đạo mang đi, dù sao cũng tốt hơn là để nó mai một trong đất vàng.” Nói xong, Thôi lão đạo đóng nắp quan tài đá lại, chèn gạch đá và lấp đất lại, sau đó nhét hồ lô vào bao tải, cười lừa định đi khỏi nơi này ngay. Thế nhưng sắc trời đã tối, ông này đành phải ở lại “thôn Huyền Đăng” thêm một tối.

*Đài: cách xưng hô tôn kính của người xưa

Thôi lão đạo về thôn chui vào nhà, cài then cửa chính đóng chặt cửa sổ. Nằm trên giường thao thức mãi mà không ngủ được, ông này bèn đứng dậy thắp nến, xem xét kỹ lưỡng cái hồ lô, thầm nghĩ: “Mặc dù đồ vật trong mộ này không đáng giá một xu, nhưng dù sao cũng là một đồ cổ đúng chất. Lúc ra ngoài đi lại, cứ mang theo nó bên người, chắc chắn người ta sẽ cho rằng trong cái hồ lô này của lão đạo ta chứa đan dược thần diệu nào đó. . .” Quá hưng phấn với ý tưởng đó, ông này vừa khoác chiếc hồ lô lên lưng thử xem sao, bất chợt nhớ ra một việc, thất thanh thốt lên: “Không hay!”

Đêm hôm khuya khoắt, Thôi lão đạo chột nhớ ra, hôm ấy sau khi trở về đã quên buộc con lừa lại. Ông này vẫn nuôi ý định cưỡi con lừa đó đến chợ để bán, kiểm lấy vài đồng coi như có cái để mà xoay sở, nếu không thì trên người không một xu dính túi, làm thế nào mà đi lại ở bên ngoài? Ông này tức thời sốt ruột, giầy cũng không kịp đeo, lập tức tông cửa phòng chạy ra ngoài, chỉ mong sao con lừa kia dù không bị buộc nhưng cũng đừng có chạy đi đâu. Ông này vừa mới lộ mặt ra ngoài xem xét, đúng lúc những hồn ma đen thui trong thôn đi ngang qua trước mặt.

Tám

Lúc bấy giờ trời sáng trắng, mặt đất phủ đầy sương trắng, Thôi lão đạo chợt nhận ra, những kẻ trước mặt mình hoàn toàn không phải là hồn ma của người dân trong thôn, bởi chúng ăn mặc quần áo mũ mào theo lối xưa, hoặc mặc giáp cầm đao, hoặc áo bào đai ngọc, hoặc áo rồng mũ phượng, trong số đó cũng không thiếu quái vật mặt xanh nanh vàng, tư thế đi lại cứng đờ đầy quái dị, tay chân đều trắng tắp, cách ăn mặc giống như những nhân vật trong các buổi diễn hí kịch của đoàn hát rong. Đang quây tròn xung quanh chiếc đèn đá giữa thôn, vừa nhìn thấy có người trong phòng đi ra, những kẻ này lập tới lao tới.

Thôi lão đạo rung mình lạnh buốt toàn thân, thấy không ổn, vội vàng lui về trong phòng, quên mất dưới chân còn có bậu cửa, vậy là ngã ngựa xuống đất. Nhưng ứng với câu nói “sống chết có số”, đáy cái hồ lô thu được dưới mộ cổ treo ở bên hông đập xuống đất, từ bên trong đột ngột bắn ra một quả cầu lửa. Lúc ấy, đám người ăn mặc quan phục thời xưa đã xúm lại gần sát ông này rồi, sau khi bị quả cầu lửa bắn trúng

chính diện, toàn bộ bắt lửa bốc cháy phừng phừng, phát ra tiếng gào thảm thiết. Lửa cháy càng lúc càng mạnh, chỉ trong nháy mắt bọn chúng đã biến thành tro bụi. Cả khu vực nồng nặc mùi thối xác chết, rất lâu sau vẫn không chịu tan.

Thôi lão đạo giật mình tỉnh ngộ, bên trong cái hồ lô ở bên cạnh bộ xương có lấp đặt cơ quan bằng lò xo, nhét đầy đất dẫn lửa của Tây Vực, đập mạnh để phát động, có khả năng phun ra Thiên Lô Địa Hỏa. Nghe nói xưa kia nước Liêu đã từng có một vị Hỏa Hồ Lô Vương, còn khu vực này lại thuộc về địa phận của nước Liêu, bởi vậy bộ xương trong ngôi mộ cổ quá nửa là của người này. Lúc bấy giờ ông này vẫn chưa hết kinh sợ, nhưng vẫn kịp nhận ra con lừa đã chạy mất rồi. Nhờ có con lừa bị buộc ở cửa mấy ngày vừa rồi, do tiếng lừa hí có thể trừ tà, cho nên ma quỷ trong thôn dám bước vào cửa. Hôm ấy ông này quên không buộc dây, con lừa đã chạy đi mất, nếu không phải lúc đào trộm mộ thu được cái hồ lô Thiên Lô Địa Hỏa thì sợ rằng khó thoát khỏi cái chết. Ông này chỉ muốn mau chóng rời khỏi nơi ma quái này, lão đảo đứng dậy, chợt nhớ ra lương khô vẫn để trong phòng. Bên ngoài loạn lạc, người chết đói la liệt khắp nơi, dù có chạy trốn giữ mạng cũng phải vào lấy lương khô rồi mới chạy. Ông này đẩy cửa vào trong nhà định lấy lương khô, thế nhưng do tâm trí hoảng loạn, trong lúc vội vàng không kịp định hướng, vừa đẩy cửa ra đã phát hiện mình đã vào nhầm phòng, căn phòng đó là của hai cha con nhà họ.

Dù bên ngoài ánh trăng sáng như gương, nhưng trong phòng vẫn tối đen. Đẩy cửa phòng ra, Thôi lão đạo vừa ngó vào đã lơ mơ nhìn thấy hai người phụ nữ. Ông này ngẩn người ra, dụi mắt nhìn kỹ lại. Ông lão và người con ngớ ngẩn đứng như trời trồng trong phòng, trong đầu ông này tự hiểu có chuyện không hay, nhưng còn chưa kịp nghĩ ra rốt cục là có chuyện gì xảy ra thì đã thấy hai cha con nhà họ đột ngột xoay người lại. Sau khi quay lại, hai người đã hoàn toàn biến thành phụ nữ, phát ra tiếng thút thít nỉ non, gương mặt kỳ dị, nhìn thế nào cũng không thấy giống người còn sống.

Thôi lão đạo chợt nhận ra, sau lưng ông lão và người con ngớ ngẩn có một vật thể giống như con rối bằng da người bám chặt vào, chúng cũng chẳng khác gì đám ma quỷ bên ngoài kia, tất cả đều là con rối bằng da người thành tinh. Ông này định thả Thiên Lô Địa Hỏa trong hồ lô ra để thiêu hủy hai con rối bằng da người đó, nhưng lại sợ làm hại đến hai cha con nhà họ. Cái khó ló cái khôn, ông này rút một cây châm thép trong lòng ngực ra, đâm vào hai con rối bằng da người mỗi con một phát. Chợt vang lên hai tiếng thét chói tai, ông lão và đứa con ngớ ngẩn ngã gục xuống đất, hai con rối bằng da người lão đảo định chạy trốn. Nhìn thấy thế, Thôi lão đạo vội vã vào đẩy hồ lô, Thiên Lô Địa Hỏa phụt thẳng vào hai con rối bằng da người, chúng lập tức bị đốt thành tro bụi.

Hai cha con nhà họ dần tỉnh lại, quỳ rạp xuống đất dập đầu bình bình cảm ơn ân cứu mạng của Thôi lão đạo. Thì ra thôn Huyền Đăng là nơi sống tập trung của những nghệ nhân diễn kịch bóng. Kịch bóng còn được gọi là hí kịch đèn chiếu hoặc hí kịch chiếu bóng. Nhà nào trong thôn cũng có tay nghề gia truyền. Họ dùng da dê làm thành con rối, sau khi trời tối căng một tấm vải trắng trước cây đèn chiếu sáng, nghệ nhân trốn phía sau, miệng hát theo câu chuyện, tay điều khiển con rối. Trên tấm vải trắng sẽ hiện lên hình ảnh có màu sắc. Người trong thôn túm năm tụm ba hợp nhau lại thành gánh hát, đi ra ngoài diễn hí kịch đèn chiếu để mưu sinh. Toàn bộ nam nữ già trẻ ai ai cũng biết diễn, trình độ làm con rối có thể nói là cao tuyệt. Mỗi khi đến dịp tế tổ hàng năm, họ phải căng vải trắng vây tròn xung quanh cây đèn đá trong thôn rồi diễn hí kịch đèn chiếu dưới ánh trăng.

Đời này qua đời khác đều bám vào nghề này để kiếm sống, tình trạng này đã kéo dài cả mấy trăm năm. Nhưng chén cơm này không dễ nuốt trôi, bởi vì công việc này luôn đi đôi với tình trạng cạnh tranh gay gắt, đối thủ quá nhiều. Nếu muốn kiếm được tiền thì phải có tuyệt chiêu đặc biệt không giống ai, bởi vậy có người dân trong thôn đã giết người rồi lột da nạn nhân ra để làm con rối. Khi biểu diễn bằng loại con rối bằng da người, có khả năng biến giả thành thật, hình ảnh chẳng khác bao nhiêu so với người sống. Kể từ đó, nhà nào cũng đua nhau làm việc này. Những người đi ngang qua vào thôn Huyền Đăng tìm nơi ngủ trọ, thông thường sẽ bị người trong thôn giết hại để làm con rối bằng da người. Mặc dù tiền kiếm được không ít, nhưng có ai ngờ âm khí của con rối bằng da người rất nặng. Sau khi để trong hòm gỗ trên trăm năm, chúng sẽ biến thành yêu tinh hình người. Có một năm, sau khi diễn xong hí kịch đèn chiếu, họ đã nhất thời sơ sẩy quên không đóng kín rương, con rối bằng da người chui ra tác quái, ăn sống nuốt tươi toàn bộ người trong thôn, sau đó tản ra khắp nơi quây phá, cứ đến tối mới quay hết cả về đây. Toàn bộ cư dân của thôn Huyền Đăng chỉ còn lại ông lão và đứa con là may mắn sống sót, nhưng hai người bị con rối bằng da người bám chặt sau lưng. Những năm qua, hai người vẫn bị cầm chân ở trong thôn, may nhờ có Thôi lão đạo hóa

thiêu con rối bằng da người, yêu quái sau lưng họ tức thì bị diệt.

Chín

Ông lão kể lại ngọn ngành câu chuyện cho Thôi lão đạo, chỉ hận kiết xác không một xu dính túi, không biết báo ân bằng cách nào. Sau khi lục tung cả nhà, ông lão tìm được mấy cây đinh dài ba tấc, là loại đinh thuyền dùng để đóng quan tài, đưa chúng cho Thôi lão đạo, bảo rằng đây là thứ dùng để khóa chặt rương ngày trước.

Bởi đào được hồ lô Thiên Lô Địa Hỏa trong ngôi mộ cổ ở ngoài vùng hoang vu đã là tốt lắm rồi, cho nên Thôi lão đạo không còn đòi hỏi gì hơn. Thấy ông lão đưa ấy cây đinh đóng tài đình, ông này nghĩ mãi mà không hiểu ông lão có dụng ý gì. Những người biểu diễn hát rong ngoài đường rất kiêng kỵ đình, bởi vì dụng phải đình tức là điềm báo bị đập vỡ nồi cơm. Ông này suy đoán, vào nửa đêm nửa hôm chắc con lừa sẽ không chạy đi quá xa, có lẽ ở ngay ngoài rìa thôn, tìm được nó còn có thể bán lấy tiền, bởi vậy không còn tâm tư nói thêm vài câu với ông lão nữa, giữa đêm chạy ra ngoài tìm lừa. Nhưng nói thì dễ làm thì khó, con lừa chẳng biết đã chạy đi đâu từ bao giờ, ông này lùng sục khắp cả vùng đất hoang cho đến lúc hừng đông, nhưng ngay cả lông lừa cũng còn chẳng tìm thấy được một cọng. Bởi vậy, trời vừa tảng sáng là ông này lại quay về thôn Huyền Đăng, trong lòng cực kỳ chán chường, định chào từ biệt ông lão. Thế nhưng, trong phòng không có người nào, chỉ có hai bức tượng đất chôn chơ trên mặt đất, hình dáng tướng mạo có đôi nét tương tự như hai cha con nhà họ. Thôi lão đạo chấn động, lúc bấy giờ mới biết, do được cúng bái đã nhiều năm, bức tượng tổ sư của thôn Huyền Đăng đã sinh ra linh, vội vàng nhặt mấy cây đinh đóng quan tài dưới nền nhà lên, khi cầm đến tay thấy nặng trĩu, gõ vào nhau vang phát ra tiếng lanh lảnh. Thôi lão đạo có mắt nhìn hàng, trong lòng tự hiểu mấy cây đinh đóng quan tài đó không phải là vật tầm thường.

Thôi lão đạo ngẫm nghĩ: “Năm xưa, người dân thôn Huyền Đăng dùng con rối bằng da người để biểu diễn hí kịch đèn chiếu, chắc là để phòng người lũ rối tác quái, chẳng hiểu họ đã tìm được ở đâu mấy cây đinh đóng quan tài rồi thả vào rương chứa bọn chúng. Sau này, vì chủ quan nên đã quên khóa rương, tạo cơ hội cho lũ con rối bằng da người chui ra tác quái, toàn bộ người trong thôn đã không thoát được kiếp nạn đó. Đến hôm nay, mấy cái đinh đóng quan tài này rơi vào tay lão đạo ta, chẳng biết chừng sau này sẽ có tác dụng trọng yếu.” Bèn nhét số đinh đóng quan tài vào trong người, khoác hồ lô Thiên Lô Địa Hỏa lên lưng, chôn nén lại hai bức tượng đất vài cái rồi tìm đường ra khỏi “thôn Huyền Đăng”. Nghe nói Hà Nam xảy ra nạn đói chiến tranh loạn lạc, quan binh và nghĩa quân tàn sát nhau ở khắp nơi, qua bên đó là cứu tử nhất sinh, ông này đành chuyển hướng đi về phía Quan Đông. Sau này, Thôi lão đạo vượt qua được hiểm nguy rồi quay trở về Thiên Tân vệ, lại bày quày xem bói kể chuyện thuyết thư như trước. Lúc hỏa thiêu con rối bằng da người, hồ lô Thiên Lô Địa Hỏa của ông ta đã bị sử dụng hết công năng, đất dẫn lửa lưu huỳnh diêm tiêu cũng không đào đâu ra được, chiếc hồ lô rỗng đã không còn tác dụng gì.

Thôi lão đạo quen biết vị sư phụ già của đội tuần sông. Ông này từng bảo, khu vực hạ lưu chín sông của Thiên Tân vệ có thể phục long, xưa nay lũ lụt khó trừ, khi nào nhìn thấy mây đen trên trời xảy ra hiện tượng rắn hóa rồng, chắc chắn chỉ trong vòng vài năm nữa là sẽ xảy ra đại hồng thủy, đến lúc đó nước sẽ nhấn chìm Thiên Tân vệ, cả người lẫn động vật chết đuối vô số kể. Nếu như có thể tìm ra chỗ phát ra yêu khí sớm, có lẽ còn có khả năng trừ được kiếp nạn này, đến lúc đó sẽ cần phải dùng đến mấy cây đinh đóng quan tài kia. Kể từ đó, ông này đã chôn số đinh đóng quan tài trong nghĩa trang miếu Hà Long. Từ cuối thời nhà Thanh cho đến năm 1958, cách nhau bởi thời kỳ dân quốc, chớp mắt đã vài chục năm trôi qua, chỉ còn Quách sư phụ là còn nhớ rõ việc này. Muốn đối phó vật ở trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương, không có mấy cây đinh Thôi lão đạo đã lưu lại chỉ sợ không làm nổi.

Lúc dỡ bỏ nghĩa trang miếu Hà Long vào thời kỳ mới giải phóng, Quách sư phụ đã moi số đinh đóng quan tài đó lên, bọc kín bằng vải dầu, mấy năm qua vẫn chôn chặt dưới gầm giường gạch của nhà mình. Nhưng vấn đề là vật ở trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương đã trốn ở chỗ nào? Tại sao nhiều người tìm kiếm bao nhiêu lần như vậy mà vẫn không thể tìm ra? Truyền thuyết về ngôi nhà bị ma ám của phường quây tiếm quan tài nhà họ Bạch có chôn dấu bảo vật, thực ra bảo vật đó là thứ gì? Ông ta tự hiểu, một mình không thể làm được việc này, phải gọi mấy người anh em đáng tin tưởng đến giúp đỡ. Bởi vậy, ông ta bèn bảo Đinh Mão đi gọi Lý Đại Lăng và Trương Bán Tiên đến để bàn bạc cách đối phó yêu ma trong “Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương”.

32. Chương 32

Một

Năm 1958, trời vẫn cứ khô hạn, mấy tháng liền không thấy một hạt mưa, Hải Hà đã sắp cạn thấy đáy. Việc không hay thì lại đồng thời xảy ra, đến đúng ngày mười sáu tháng bảy âm lịch, tại miếu Tam Nghĩa và Vương Xuyên Tràng lần lượt phát hiện hai cái xác khô, chẳng biết có phải là Hạng Bạt hay không nữa, nhưng dù sao trời cũng đổ mưa to, công việc nạo vét phòng chống lũ định kỳ phải ngừng hẳn lại. Quách sư phụ bảo Đinh Mão đi tìm Trương Bán Tiên và Lý Đại Lăng. Đúng lúc vợ không có nhà, ông ta làm văn thẩn chuẩn bị rượu, đợi ba người anh em tới rồi cùng nhau ăn sủi cảo uống rượu, đồng thời bàn tính về sự việc liên quan đến ngôi nhà bị ma ám.

Từ lúc hồ ly lén vào nhà, bức tranh tết trên bếp lò đã hủy, trong lòng Quách sư phụ cảm thấy không yên. Hai ngày trước, ông ta đã nhờ người ta vẽ một bức tranh tảo quân mới, làm sủi cảo cúng rồi dán tranh lên trên tường bếp. Nhưng thực ra, ông ta làm việc đó không phải do mê tín tin vào phong thủy, mà bởi trong nhà không có tranh tết tảo quân, cứ cảm giác thiếu mất cái gì đó.

Nghe nói có sủi cảo ăn, Trương Bán Tiên lập tức đến ngay. Hai người ngồi trước bếp lò nói chuyện phiếm.

Quách sư phụ không hề nói năng gì tới ngôi nhà bị ma ám ở kho lương, định đợi tới lúc Đinh Mão và Lý Đại Lăng đến thì mới đề cập đến. Ông ta định xong món sủi cảo rồi mới vào chuyện chính.

Vừa mới liếc qua bức tranh tết tảo quân, Trương Bán Tiên đã giật mình kinh hãi, trên trán lấm tấm mồ hôi lạnh ngắt, quay sang hỏi Quách sư phụ: “Tảo quân sao lại biến dạng như thế này?”

Quách sư phụ đáp: “Không phải tranh lúc trước đâu, bức lúc trước đã dán ở đó nhiều năm nên đã rách mất rồi, tôi vừa mới thay đổi bằng bức khác, có gì đáng ngạc nhiên đâu.”

Trương Bán Tiên lại hỏi: “Quách gia, ông cũng biết là hai ba tháng chạp hàng năm tảo quân lên châu trời, nhưng cả đi và về tổng cộng là bao nhiêu ngày?”

Quách sư phụ đáp: “Thầy hỏi thế để kiểm tra kiến thức tôi đấy hả, trên bếp lò của căn nhà cấp bốn nào mà chẳng dán tranh tết, không bên trên thì ở dưới. Chuyện về tảo quân thì tôi cũng thuộc lòng, cứ đến hai ba tháng chạp hàng năm là ông ta lên châu trời, ba mươi lại quay về nhà, cả đi và về khoảng bảy tám ngày. Không xác định rõ là bảy hay là tám ngày là bởi vì tháng chạp có tháng thiếu có tháng đủ, tháng thiếu đi mất bảy ngày, tháng đủ đi mất tám ngày.”

Trương Bán Tiên bảo: “Ông chỉ biết một mà không biết hai, không phải lúc nào cũng dán tranh ông tảo lên được đâu, nếu chưa đến ba mươi tết mà đã dán thì sẽ phạm vào điều kiêng kị, bát cơm của ông chắc chắn sẽ bể.”

Quách sư phụ nói: “Tôi chẳng qua chỉ là một kẻ vớt xác trôi sông, cả ngày làm bạn với xác chết, bát cơm như vậy bị đập bể cũng không đáng tiếc.”

Trương Bán Tiên lại nói: “Bát cơm bị đập bể thì không nói làm gì, không đáng vì điều đó mà phát sầu, nhưng còn một điều phạm hủ kỵ khác nghiêm trọng hơn nhiều. Quách gia, tôi lại hỏi ông, khi tảo quân lên châu trời đi theo cửa trước hay là cửa sau?”

Quách sư phụ đáp: “Bán Tiên thầy hỏi đi đâu thế, hỏi vậy ngang với đánh đổ tôi rồi. Tôi nào có biết tảo quân đi theo cửa trước hay là cửa sau.”

Trương Bán Tiên nói: “Tôi không hỏi đánh đổ đâu, có nguồn cơn cả đấy.”

Quách sư phụ ngạc nhiên: “Như thế mà cũng có nguồn cơn sao? Vậy thầy thử nói xem, tảo quân lên châu trời bằng cửa trước hay cửa sau?”

Trương Bán Tiên nói: “Tảo quân chẳng đi theo cửa nào cả, bởi vì cửa nào cũng có thần canh cửa. Cửa trước là Tần Quỳnh Tần Thúc Bảo ôm song giản, cửa sau là Uất Trì Kính Đức cầm roi đồng, nếu cửa trước của sau đều có thần coi giữ, vậy thì cả hai đều không phải là lối đi của tảo quân. Tảo quân sẽ chui vào trong lòng bếp, thổi lửa tạo ra khói xanh, rồi theo làn khói đó lên trời.”

Quách sư phụ thử hình dung lại: “Đúng là có chuyện như vậy thật!. Những chi tiết vụn vặt như thế này, không ai có thể tinh thông hơn Trương Bán Tiên, nhưng vấn đề táo quân đi theo cửa nào thì có liên quan gì đến tôi?”

Trương Bán Tiên bảo: “Táo quân theo khói bay lên trời, cho nên hình vẽ của ngài trong bức tranh phải ứng với chiều khói bay lên, ông lại dán bức tranh tết bị lệch đi, thế chẳng phải là chặn đường ông táo hay sao?”

Nghe Trương Bán Tiên nói vậy, Quách sư phụ nhìn lại bức vẽ, quả thật là hơi lệch, dù nghĩ nát óc cũng không hiểu trong đó bao hàm vấn đề gì, nhưng nhất định không phải điềm may.

Vừa rồi Trương Bán Tiên đã nhìn ra điềm xấu, lại hỏi Quách sư phụ dán bức tranh tết lên vào giờ nào. Chân đứng theo bát quái, tính toán chính xác phương vị, anh ta nhắm mắt lại bấm ngón tay suy tính, đột nhiên lớn tiếng hô “Hồng rồi!!!”.

Hai

Quách sư phụ và Trương Bán Tiên đang nói chuyện về bức tranh tết dán không cân xứng, hễ là điều gì vượt quá lẽ thường thì luôn luôn là điềm gở.

Âm vang câu nói còn chưa dứt, Đinh Mão đã xộc vào bảo Quách sư phụ: “Lý Đại Lăng đã xảy ra chuyện!”

Sau giải phóng, ban đầu Lý Đại Lăng đến nhà ga làm bốc vác, năm ngoại lại đi làm muối ở Ninh Hà. Công việc không những nhàn nhả mà còn kiếm được không ít. Sau khi muối kết tinh thành hạt thì cho vào bao tải, chất lên xe ngựa để chở đi. Khu vực sản xuất ra muối đương nhiên là đất nhiễm mặn, không mưa thì còn đỡ, nếu gặp phải mưa to, bùn đất quánh lại như mạch nha, cứ giẫm chân xuống là bị lún chặt. Ngày hôm đó có một xe ngựa chở bao tải muối bị kẹt chặt dưới bùn, Lý Đại Lăng và năm sáu người khác đẩy xe ở phía sau, nhưng dù họ đã dốc hết sức lực, bánh xe vẫn không chịu nhúc nhích. Trong lúc mọi người đang loay hoay tìm cách đẩy xe ngựa ra khỏi vũng bùn, nào ngờ trục xe đột ngột gãy đôi, chiếc xe trôi dần về phía sau.

Ng.uồ.n .tù. s.it.e .Tr.uy.en.Gi.Cu.ng.Co..c.om. Thấy không ổn, Lý Đại Lăng định né tránh, nhưng hai chân dính chặt dưới bùn không sao nhấc lên được, bị bánh xe cán thẳng qua người, mất mạng ngay tại chỗ.

Người ta thường nói “Gió mưa dễ đoán, sống chết khó lường”. Nghe kể lại việc đó, Quách sư phụ và Trương Bán Tiên rất lâu sau vẫn còn chưa hồi phục lại. Những năm qua, mấy anh em vẫn luôn gắn bó với nhau, mối quan hệ rất mật thiết, Lý Đại Lăng đột ngột ra đi, ai có thể không đau lòng đây?

Ba người than thở khôn nguôi. Lý Đại Lăng là một kẻ lưu manh, không nhà không người thân, chỉ có thể lên lút đốt thêm cho gã ít tiền vàng mã vào tam tiết lương cung*.

*Còn gọi là tam tiết lương thọ. Tam tiết là tết Đoan ngo, Tết Trung thu và Tết Nguyên đán. Lương thọ là ngày sinh nhật của Khổng Tử và thầy dạy học của mình.

Vào ban đêm, ba người Quách sư phụ không còn tâm tư ăn sủi cảo, mỗi người ngồi riêng một góc lặng lẽ cúi đầu uống rượu giải sầu. Nhưng sự việc liên quan đến vật trong căn nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương thực sự không phải là chuyện nhỏ, dù bây giờ không còn Lý Đại Lăng, ba người họ vẫn bắt buộc phải làm.

Quách sư phụ bèn mượn rượu, nói ra đầu đuôi nguyên nhân hậu quả. Vào lúc phá hủy thành Thiên Tân, chướng quầy tiệm quan tài nhà họ Bạch đã nhặt thành gạch vể xây nhà. Nghe nói, trong nhà cất dấu một thứ rất giá trị. Nhưng sau khi trải qua vài chục năm, ngay cả con cháu nhà họ Bạch bao gồm cả Bạch Tứ Hổ, không một ai có thể tìm kiếm được vật đã được tổ tiên dấu trong nhà. Lục soát từ trên xuống dưới thậm chí đào sâu ba thước, dò xét không sót một phân bốn bức tường cũng không thấy vật thần kỳ nào cả. Bạch Tứ Hổ dùng búa thợ mộc ăn cướp, giết hại rất nhiều người, đến năm 1945 đã bị bắt rồi xử bắn. Người ta đã tìm thấy một cái xác cô gái trong nhà hấn, cái xác đó được ướp bằng muối, để ở trong nhà cả mười năm vậy mà vẫn không phân hủy bốc mùi. Kể từ đó, mọi người đều bảo rằng ngôi nhà đó bị ma ám. Thế nhưng, cái xác trong ngôi nhà bị ma ám đâu có phải do tổ tiên nhà họ Bạch để lại. Những năm vừa qua, kẻ đến ngôi nhà này ăn trộm bảo vật đâu có ít, nhưng không một kẻ nào được toại nguyện. Trước đó không lâu, có một kẻ không làm việc đảng hoàng là Đại Ô Đậu, kẻ này lòng tham vô đáy, đêm hôm khuya khoắt lên vào ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương một chuyến. Nhưng vì gánh tội giết người, hấn đã phải tay trắng trở về, vừa về đến nhà thì bị công an tóm sống, sau đó đã cung khai, trong ngôi nhà bị ma

ám ở ngõ hẻm kho lương hẳn đã nhìn thấy một đôi mắt, to bằng cỡ khay trà. Nhưng sau khi lục soát, trong phòng quả thực là không có một vật gì, hoặc là Đại Ô Đậu có tật giật mình nên đã hoa mắt, hoặc là hẳn vòng vo bịa chuyện, nói tóm lại là không một ai tin tưởng.

Nhưng cho tới hôm ấy, Quách sư phụ đã tin đó là sự thực, rất có thể vật tồn tại bao năm nay trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương là yêu quái, đã có đạo hạnh, sau này sẽ gây ra lũ lụt. Một câu chuyện ly kỳ như vậy, quan cũng được, mà dân cũng vậy, không một ai dám tin. Nếu vậy, ba người Quách sư phụ, Đinh Mão và Trương Bán Tiên cũng chỉ còn cách tự đi mà làm.

Trương Bán Tiên nói: “Quách gia, tôi không có ý làm ông nhụt chí, nhưng vật bên trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương nhiều khả năng là rắn đã hóa rồng, đạo hạnh không dưới vạn năm, chỉ bằng ba anh em chúng ta, làm thế nào có thể đối phó được nó?”

Quách sư phụ móc dưới gầm giường ra mấy cây đinh đóng quan tài lúc trước rồi bảo: “Khó nhất là không biết vật kia ở chỗ nào, chỉ cần tìm ra nó, tôi có thể làm cho nó trọn đời không thoát thân ra được.”

Sau khi trầm ngâm một lúc lâu, Trương Bán Tiên mới mở miệng: “Nếu Quách gia ông đã dám nói như vậy, tôi sẽ giúp ông tìm ra vật đang trốn ở trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương.”

Ba

Mưa dầm không ngớt, từ sáng sớm đến đêm khuya. Ba người mãi bàn chuyện, đến nửa đêm còn chưa ăn gì, bụng cả ba đều sôi lên sùng sục. Đinh Mão hâm nóng lại chỗ sưởi đã nguội ngắt, ba người ăn qua quýt mấy miếng cho xong bữa, sức lại tinh thần, tính toán làm cách nào tìm ra được vật đang trốn trong ngôi nhà bị ma ám.

Trương Bán Tiên nói: “Ngôi nhà bị ma ám ở kho lương chỉ có một điều kỳ quái, đó chính là dù xuất hiện lời đồn trong nhà chôn dấu bảo vật, thế nhưng lại không có một ai có thể tìm thấy. Nghe nói, kẻ ăn cướp bằng búa thợ mộc Bạch Tứ Hồ có đầu óc không bình thường. Tổ tiên nhà họ Bạch chôn dấu bảo vật bằng cách nào, đến đời Bạch Tứ Hồ thì đã thất truyền rồi, mà cũng có khả năng là chẳng truyền lại gì cho đời sau.”

Đinh Mão nói: “Cứ ngồi một chỗ mà nói suông thì có tác dụng gì, chi bằng để tôi tới ngõ hẻm kho lương một chuyến. Mắt tôi sắc bén, biết đâu có thể nhìn ra một vài dấu vết còn lưu lại, tìm hiểu đến tận gốc rễ xem thực ra là cái chết mẹ gì.”

Quách sư phụ lắc đầu bảo: “Ai mà chả muốn tới ngôi nhà bị ma ám cướp đoạt bảo vật. Thế nhưng, hai gian phòng ở ngõ hẻm kho lương đó chỉ thiếu mỗi phá trần đục tường nữa thôi, chỗ cần lục soát người ta đã lục soát cả rồi, chỗ cần tìm người ta cũng chẳng bỏ qua chỗ nào. Chúng ta không biết manh mối, dù có đi bao nhiêu chuyến cũng chỉ là uống công.”

Trương Bán Tiên nói: “Quách gia Đinh gia, các vị thử ngẫm lại xem, ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương là nơi ở của lão chủ trương quây tiệm quan tài nhà họ Bạch. Theo tôi thấy, mặc dù tiệm quan tài kinh doanh có lãi đến mấy thì cũng không thể nào giàu bằng Bát đại gia ngày trước. Hơn thế nữa, Bát đại gia của Thiên Tân về lại chẳng hề để lại cho con cháu vật gì quý báu cả, vậy một thương gia bán quan tài như ông ta thì có thể để lại vật gì đáng giá đây?”

Quách sư phụ tiếp lời: “Tiệm quan tài chỉ bán mỗi quan tài, cũng như mọi cửa tiệm khác mà thôi. Nếu gặp dịp có nhiều người chết, bán quan tài cũng có thể phát tài. Dù sao đi nữa, tiệm quan tài kiểu gì cũng lãi tiền, có bảo vật nào đó cũng chẳng biết chừng.”

Đinh Mão nói: “Năm Canh tý phá hủy thành Thiên Tân, chủ trương quây tiệm quan tài đã nhặt gạch xây thành về dựng nhà. Nghe lớp người già nói, gạch xây thành thực ra là bảo vật đấy.”

Trương Bán Tiên phản đối: “Không phải vậy đâu! Gạch xây thành vừa to vừa khó vỡ, nếu dùng để xây nhà thì tốt hơn rất nhiều so với gạch bình thường, gặp lũ lụt cũng không bị đổ, bởi vậy dân gian mới bảo gạch xây thành là bảo vật. Đó chẳng qua chỉ là cách nói ví von, sao có thể coi là đúng?”

Đinh Mão nói: “Tôi thật sự không nghĩ ra được cái gì. Nếu như là vật nhìn không thấy sờ không được, dù cho có phá sập toàn bộ nhà ở ngõ hẻm kho lương cũng chỉ là công cốc, tại sao lại có thể xảy ra sự việc bất thường như vậy?”

Trương Bán Tiên ngửa mặt đau đầu suy ngẫm, bụng bảo dạ: “Trong nhà lão chường quầy tiệm quan nhà họ Bạch có thể có bảo vật gì chứ? Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương trống không, nhưng vật kia lại chẳng ở nơi nào khác mà rõ ràng là ở trong ngôi nhà đó, thế nhưng dù có trợn mắt ra cùng không tìm thấy, nó thực ra cái thứ gì?”

Quách sư phụ là người điềm tĩnh già đời. Tuy là công an đường thủy, nhưng trong đời mình ông ta đã từng phá không ít những vụ án kỳ lạ, kinh nghiệm phong phú hơn người. Đinh Mão lành lợi lão luyện, xưa nay là trợ thủ đắc lực của Quách sư phụ. Cộng thêm một kẻ trong đầu chứa đầy kiến thức tạp nham, được người ta gọi Trương Bán Tiên không gì không biết. Ba người họ tập hợp thành một nhóm, coi như cũng vượt quá nửa một anh Gia Cát Lượng rồi. Nhưng từ nửa đêm đến tận hừng đông, dù họ có suy nghĩ theo lối nào thì cũng đều đi vào ngõ cụt. Quách sư phụ cảm thấy lời nói của Trương Bán Tiên còn ẩn giấu ý nghĩa khác. Ông ta thừa biết anh chàng này cái gì cũng khư khư giữ ở trong lòng, rõ ràng đã biết điều gì đó nhưng lại lo lắng sẽ tiết lộ Thiên Cơ, suy tính ra rồi nhưng vẫn ra vẻ hồ đồ. Nếu như Trương Bán Tiên không chịu phá vỡ bức tường tâm lý của mình, dù có bàn luận cả ngày cũng chẳng có tác dụng gì.

Quách sư phụ trầm nghĩ: “Trước khi xảy ra lũ lụt, phải tìm mọi cách tìm ra vật trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương. Năm nay đại hạn, qua rằm tháng bảy, thời kỳ lũ định kỳ cũng đã qua, tuy rằng sẽ có mưa, nhưng sẽ không đến mức xảy ra lũ lụt, vẫn còn nhiều thời gian, việc này không đến nỗi quá gấp.” Ông ta định qua mấy ngày nữa sẽ đi tìm Trương Bán Tiên hỏi cho ra nhẽ, nhưng lại quên rằng khi anh chàng này nhìn bức tranh tết ông táo đã nhìn ra điềm báo – sẽ mất chén cơm.

Bốn

Lúc bấy giờ có người tố cáo lên trên, bảo rằng ngoài đường có rất nhiều lời đồn vô căn cứ, toàn bộ đều xuất phát ra từ bản thân Quách sư phụ, ảnh hưởng vô cùng xấu. Rất may là lão Lương đã đứng ra nói đỡ cho ông ta, nhưng người ta không thể để Quách sư phụ và Đinh Mão tiếp tục làm công an đường thủy được nữa, Đinh Mão bị điều tới vùng trũng phía nam, Quách sư phụ thì lập tức bị phái đến Bàn Sơn canh đập chứa nước. Thực ra, công việc vớt xác trôi sông của công an đường thủy mang nặng tính bất ổn, không phải là công việc sung sướng gì cả. Xác chết ngâm lâu nước phân hủy, hôi thối không ngửi được, thời buổi này chẳng còn ai muốn làm công việc này. Mặc dù bảo rằng có thể tích âm đức, nhưng trên trần thế lại chỉ thấy người sống chịu cực hình, có ma quỷ nào gánh đỡ cho đâu?

So ra, gác đập chứa nước nhẹ nhõm hơn rất nhiều, mỗi tội là nơi đó vắng vẻ, điều kiện gian khổ, ăn uống được chẳng hay chớ. Khu vực quanh đập chứa nước giữa rừng sâu hiểm có người lui tới, muốn tới thôn gần nhất thì phải đi bằng qua ít nhất là hai mươi dặm đường rừng, mười ngày nửa tháng không thấy một bóng người. Công việc gác đập chứa nước chủ yếu là trông coi không cho người dân ở các thôn gần đó vào bắt cá. Quách sư phụ đã làm công an đường thủy nửa đời người, không ngờ bị người ta cho nghỉ việc, bắt vào đập chứa nước Bàn Sơn làm bảo vệ. Tuy nhiên, mọi việc trên đời này thường chẳng biết được là cát hay là hung, là phúc hay là họa. Nếu chỉ xét một cách đơn thuần, canh đập chứa nước Bàn Sơn không thể nào bằng làm công an đường thủy ở Thiên Tân vệ; Nhưng, nếu như xem xét theo chiều hướng lâu dài, năm 1959 bắt đầu bước vào thời kỳ ba năm khó khăn, toàn quốc thực hiện tiết kiệm lương thực nhịn đói, mọi người ăn không đủ no, lá cải đập nát rơi trên đường cũng bị người ta tranh nhau nhặt về ăn. Mấy năm đó, ông ta dựa vào đập chứa nước Bàn Sơn mà sống. Bên trong đập chứa nước có cá, trên núi có rất nhiều cây linh lăng, là một loại thực vật có thể ăn được. Bởi vậy, dù có nói như thế nào, ít nhất ông ta cũng không phải chịu đói. Quách sư phụ thừa biết mọi người đã đói vàng cả mắt, cho nên khi nhìn thấy người dân những thôn quanh đó đến đập chứa nước đánh trộm cá, ông ta chỉ mắt nhắm mắt mở cho qua, không đành lòng ngăn cấm, bởi thế đã phải gánh không ít tiếng xấu thay cho người khác. Sau một thời gian, cá bên trong đập chứa nước đã bị người ta ăn sạch.

Ban đầu, Quách sư phụ luôn canh cánh trong lòng về ngôi nhà ma ám ở ngõ hẻm kho lương. Nhưng vài năm tiếp theo, cơm cũng chẳng đủ no, ông ta lại phải trông coi đập chứa nước chết dí một chỗ. Hơn nữa, trời khô hạn nhiều mưa ít, không hề có dấu hiệu xảy ra lũ lụt, ông ta tự cho rằng mình đã quá cả nghĩ, trong căn nhà đó chẳng có cái gì sất, dần dần quên bằng chuyện này đi, cũng không hay biết về sau ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương có bị phá hủy hay không.

Chúng ta sẽ chỉ nói đến chuyện chính, lược bớt những gì không liên quan, giờ sẽ nói một cách ngắn gọn chi tiết. Sau thời kỳ vài năm tiết kiệm lương thực nhịn đói đó là bước vào năm 1963, đó là năm xảy ra lũ lụt.

Theo sách vở ghi lại, trận lũ lụt năm 1963 là một trong những vụ thiên tai nặng nề nhất trong vòng hai ba trăm năm trở lại đây. Mùa hè năm ấy, khí hậu biến đổi khác thường, vào tháng nóng nhất của mùa hè, nhiệt độ bình quân lên tới bốn mươi độ, dông tố xảy ra liên tục. Từ vùng Hà Nam, có một đàn châu chấu đông nghìn nghịt bay sang, kéo theo lũ chim sẻ che kín cả bầu trời. Châu chấu thật sự rất nhiều, cả bầu trời biến thành một màu vàng úa. Còn xuất hiện cả hiện tượng “Cá trắng ao”, trên mặt sông thường xuyên có cá chết phơi bụng trắng cả một vùng. Thời xưa, người ta cho rằng “Sông mù sương, cá trắng ao, gà gáy đêm, chó sủa mây”, hiểu theo đúng nghĩa là “Chó nhắm vào mây trên trời sủa ông ổng, gà trống gáy vang giữa đêm khuya, nước sông chẳng hiểu tại sao biến thành đục ngầu, cá chết hàng loạt nổi trên mặt nước”, tất cả đều là dấu hiệu báo trước có động đất, dù có tính khoa học nhất định, nhưng không phải lúc nào cũng tuyệt đối chuẩn xác. Ví như “Cá trắng ao” chẳng hạn, chưa chắc đã là dấu hiệu động đất, mà có lẽ là bởi nguyên nhân khác.

Năm 1963, trên đoạn Hải Hà chảy qua Thiên Tân về xuất hiện hiện tượng cá chết hàng loạt, bởi trước kia chưa từng xảy ra sự việc như thế này, nên điều đó đã khiến cho lòng người bàng hoàng. Cấp trên muốn tìm người giàu kinh nghiệm để nghiên cứu, rốt cục là đã xảy ra chuyện gì, bởi vậy Quách sư phụ đã bị triệu hồi trở về, lại tiếp tục đảm nhận công việc tạm thời ở công an đường thủy, nhà cửa người thân vẫn ở lại đập chứa nước Bàn Sơn. Quách sư phụ thăm mắng, các vị làm thế này rõ ràng là “Cần người thì ‘cách sông thì phải lụy đồ’, xong việc thì ‘qua sông đắm bồi vào sông’”. Nhưng trên dòng Hải Hà xuất hiện sự việc bất thường, ông ta không thể nào đứng bàng quan. Đột nhiên xuất hiện nhiều cá chết như vậy, một dòng sông không xảy ra biến động, hai không có người nổ mìn đánh cá, có thể suy đoán ra dưới sông đã xuất hiện vật trái với quy luật.

33. Chương 33

Năm

Năm 1963, trên dòng Hải Hà liên tục xuất hiện hiện tượng cá chết hàng loạt. Lúc còn ở đập nước Bàn Sơn, Quách sư phụ đã từng thấy vài lần tương tự, nhất định là cá lạ từ bên ngoài tới, nhưng Hải Hà dài vài chục km, nước sâu sông rộng, rất nhiều nhánh sông, cứ muốn là có thể tìm ngay ra được chân tướng hay sao?

Quách sư phụ chưa kịp buồn phiền vì chuyện đó, dưới chân cầu Giải Phóng lại có người chết đuối, ông ta vội vàng chạy qua bên đó. Năm ấy mưa to, mực nước của tất cả các con sông đều dâng cao. Trời thì nóng tới phát sốt, ngoài đường giống như một cái nồi hơi. Có một cậu choai choai tên Nhị Tử, tầm mười hai mười ba tuổi, đen như hòn than, tóc trên đầu cắt kiểu hai trái đào như của chú tể, năm nào cũng đi tắm sông dưới chân cầu Giải Phóng, kỹ năng bơi lội xuất chúng, kỹ năng nhảy cầu không một ai sánh bằng, cực kỳ quen thuộc dòng chảy dưới chân cầu. Khi cậu ta ra khỏi nhà đi bơi lội, người trong nhà chưa bao giờ phải bận tâm. Hôm ấy, chẳng hiểu tại sao nữa, sau khi đi học về, cậu bé và mấy người bạn học đi qua cầu Giải Phóng thì chợt nảy ra ý định xuống sông. Thời ấy, khi bơi lội, không ai mặc quần bơi, người lớn thì mặc đại một cái quần cộc rộng thùng thình, đám choai choai thì cởi truồng tất tẩn tật. Mấy cậu bé nhảy xuống sông, đang bơi lội thỏa thích thì chợt phát hiện ra Nhị Tử chơi với vùng vẫy. Lúc mới đầu, chúng cứ tưởng rằng là bạn mình đang diễn trò oái ồm nào đó, nhưng càng nhìn càng thấy không đúng. Chỉ một lát sau, cậu bé đã bất động úp mặt xuống nước nổi phập phều theo dòng nước. Mọi người sợ hết hồn, ba chân bốn cẳng lôi Nhị Tử lên bờ, đến khi nhìn lại thì cậu bé đã tắt thở từ lúc nào, bụng phình to, giống như hiện tượng bị chết đuối vậy.

Người nhà phủ phục lên xác cậu bé khóc như mưa. Những người thường bơi lội ở khu vực này kéo tới xem. Đa phần họ đều quen biết Nhị Tử, thừa biết kỹ năng bơi lội của cậu bé rất tốt, tại sao lại chết đuối kỳ lạ như vậy?

Đúng lúc ấy, Quách sư phụ cũng vừa đến nơi. Nhìn thấy cậu bé nằm thẳng tuồn trên mặt đất, phía sau lưng có vết máu, ông ta bèn đề hai tay lên bụng nó ấn mạnh một cái. Chết dịch ộc ra khỏi miệng tử thi, là nước sông trộn lẫn với máu. Sau khi ấn thêm vài cái, tử thi phun ra một con vật đen sì, nửa giống cá nửa giống rắn, toàn thân trơn tuột, quả thật to đến kinh người, nhưng ông ta vẫn không cứu sống được cậu bé choai choai đang nằm trên mặt đất. Quách sư phụ nhận ra loại cá đó, tên nó là Tước Thiện (Một loài lươn của Trung Quốc), là loài cá nước ngọt nổi danh hung dữ, xưa nay chưa từng thấy dưới Hải Hà có loài cá này. Năm ấy mưa nhiều, vài ngày trước nước đã vài lần tràn sang, có lẽ khi đó Tước Thiện đã bị cuốn vào

dòng Hải Hà. Cá dưới dòng sông này đã bị chúng cắn chết sạch. Nhị Tử xuống sông bơi lội, nên đã bị Tước Thiện chui vào bụng. Loài cá này chui luồn còn nhanh gấp mấy lần cá chạch, nháy mắt đã tọt vào trong bụng động vật sống, cho dù kỹ năng bơi lội có tốt đến mấy cũng khó mà giữ được mạng sống. Bắt một hai con e rằng không thể diệt trừ tận gốc, nhưng cũng còn may là loài cá này không sống qua được mùa đông, đến thời điểm này sang năm sẽ không còn con nào. Nhưng trước mắt, nếu muốn diệt trừ thì chỉ có cách thả lưới mắt nhỏ. Quách sư phụ chỉ vào mấy chỗ, bảo mọi người giăng kín lưới mắt nhỏ. Dòng nước Hải Hà bị cá ngoại lai xâm lấn, trước giải phóng đã từng từng xảy ra, nhưng chưa đáng coi là tai họa, điều thực sự khiến ông ta cảm thấy lo ngại là mực nước con sông này dâng lên quá cao. Nếu như vẫn cứ tiếp tục mưa to, toàn bộ nhà cấp bốn trong khu nội thành sẽ bị nước lũ nhấn chìm. Quách sư phụ ngẩng đầu nhìn lên bầu trời, mây đen âm u chỉ chờ đợi mưa xối xả, chim chóc nháo nhác bay vụt qua đỉnh đầu. Lúc bấy giờ có tin tức truyền tới, bảo là bên trên đã gửi xuống thông báo khẩn cấp, yêu cầu các hộ gia đình hai bên bờ sông lập tức sơ tán.

Tháng tám năm 1963, trời mưa to không ngớt, mực nước năm nhánh sông chính của Hải Hà đồng loạt dâng cao, đã có vài lần nước lũ lớn tràn về, tất cả các đập chứa nước đã căng tràn, bên ngoài Thiên Tân vệ là một biển nước mênh mông, vô số thôn đã ngập chìm trong tai họa. Nước đã dâng cao tới vài mét, luồng nước lũ đầu tiên đã sắp đã tràn về đến nơi, cường độ vừa nhanh lại vừa mạnh, Thiên Tân thành lâm lâm vào tình thế nguy ngập như trứng trên đầu đũa, thị ủy ra mệnh lệnh tổng động viên toàn dân, lấy các cơ quan công an và dân binh của địa phương làm nòng cốt, mọi người không phân biệt nam nữ, cùng nhau lên mặt đê chính để chống lũ.

Sáu

Cùng ngày tuyên bố lệnh tổng động viên, trên đường cái nhanh chóng không còn một bóng người. Người già và trẻ con được đưa lên chỗ cao để tránh nạn, những người còn lại thì cứ hai người cầm theo đòn gánh và sọt, toàn bộ lao lên trên con đê, dựa theo kế hoạch gánh đất tôn ập đê. Con đê chính dài tới hơn ba trăm km, nếu để nước lũ phá ra một lỗ thủng, thành Thiên Tân coi như đã xong. Tuy rằng hàng năm được gia cố, nhưng trước kia chưa bao giờ gặp phải nguy cơ lũ lớn như vậy, quy mô vượt xa tất cả các lần khác trong quá khứ.

Thời điểm đó, toàn bộ công an đường thủy đều là học trò mà Quách sư phụ đã từng dẫn dắt. Họ đi theo dòng người lên mặt đê, nhìn thấy đầu người như thủy triều, người đông nghìn nghịt không nhìn thấy cuối, không tài nào ngờ lại có nhiều người tham gia như vậy, chỗ này không thể nào dưới mười vạn người được. Nhiều người như vậy, đơn vị nào cũng có, có những đơn vị toàn bộ nhân viên cùng có mặt. Những người đó, nữ có nam có, trẻ có già có, người mạnh kẻ yếu, có người nhanh chân chạy tới trước, có người chậm hơn còn chưa tới, cũng có người nghe thấy lệnh tổng động viên tự mình chạy tới, không biết nên nghe theo lời chỉ huy của ai. Đối mặt với thiên tai khủng khiếp như thế, người nào cũng cảm thấy hoảng sợ bất an.

N.g.u.ồ.n. .t.ừ. .s.i.t.e. .T.r.u.y.e.n.G.i.C.u.n.g.C.o...c.o.m. Trên mặt con đê, mọi người chen chúc nhau tạo thành một cảnh tượng hỗn loạn.

Rất nhiều người nhận ra Quách sư phụ, cùng đồng thanh nói: “Quách sư phụ là Thần sông, chúng ta đừng nao loạn nữa, tất cả hãy nghe theo sự chỉ huy của Quách sư phụ.”

Thấy đội ngũ quá lớn, Quách sư phụ tự biết mình không thể chỉ huy được. Nhưng bao nhiêu người đang trông chờ mình nhận lời như vậy, ông ta không thể nào từ chối. Cũng còn may là ông ta là người lẫn lộn ở đội tuần sông, đủ biết cần phải tôn tạo đê điều để chống lũ như thế nào. Bởi vậy ông ta bèn bảo, muốn ngăn được nước lũ thì đê càng cao càng tốt, chúng ta chia ra làm ba đội, đội thứ nhất đến chân đê lấy đất, đội thứ hai chuyển đất lên mặt đê, đội thứ ba tôn ập đê.

Mọi người liên thanh đồng ý, lập tức lao đầu vào công việc, bắt đầu dùng đất gia cố con đê. Tuy nhiên, con đê chính dài hơn ba trăm km, số lượng người tham gia không dưới mười vạn, Quách sư phụ chỉ chỉ huy được một khu vực nhỏ, các nơi khác vẫn rơi vào tình trạng rối loạn, trong khi đó trời lại đang mưa to. Mọi người bất chấp trời mưa như trút nước, khiến trên mặt con đê lầy lội lại càng thêm rối loạn mất trật tự. Trong lúc nguy cấp, mười vạn quân đồn trú rầm rập chạy tới. Quân đội được huấn luyện nghiêm khắc, có tổ chức có kỷ luật, dùng liên lạc đơn vị chia nhau tới các nơi giải nguy. Bộ đội vừa đến, đám người hỗn loạn lập tức đi vào khuôn phép, ổn định lại không còn hỗn loạn như trước, theo hướng dẫn của quân nhân

vận chuyển đất đá. Bầu trời cứ như là bị đột, mưa như trút nước ào ào đổ xuống không ngừng. Ban ngày mà lại tối như giữa đêm, hai người đối mặt nói chuyện với nhau cũng không thể nghe thấy gì.

Toàn thân mọi người ướt đầm, giày tuột chẳng buồn nhặt lại, quần áo và bả vai mặc cho đầu đòn gánh hành hạ, bất chấp tất cả mọi thứ, té ngã lại đứng lên. Rất nhiều người thoát lực ngất xỉu, được khiêng xuống dưới, một lát sau tỉnh lại, lại chạy về chỗ con đê tiếp tục công việc. Mưa gió bão bùng, bốn xung quanh tối như hũ nút, đột nhiên dòng nước bên bờ đê sủi bọt, vô số con chuột leo lên trên mặt đê, liều mạng lách qua chân mọi người chạy trốn chết, nhiều đến mức không còn chỗ trống mà đặt chân.

Quách sư phụ căng mắt nhìn lên thượng nguồn, thấy rõ ràng xa xa có một dải sóng trắng xóa, đang nhanh chóng lao tới gần con đê chống lũ, trong lòng thừa hiểu nước lũ đang ập tới, cường độ đã lên đến đỉnh, dải sóng trắng càng di chuyển càng rộng. Chỉ trong nháy mắt, sóng lớn đã trào tới, nước lũ quật mạnh vấp thân đê, mọi người cảm thấy dưới chân rung rinh như động đất, con đê lập tức bị lũ phá vỡ vài chỗ.

Sắc mặt tất cả mọi người đều trắng bệch, nhưng thấy nước lũ hung dữ kéo tới với cường độ mạnh, không một ai dám chân chừ, quân dân quên sống liều chết, ra sức hàn gắn những chỗ đê bị vỡ. Cho đến khi trời tối đen, cuối cùng con đê cũng đứng vững trước sức công phá của đợt lũ đầu tiên. Năm sáu mươi vạn mọi người mệt mỏi đứng còn không vững, quần vội áo mưa quanh người, vừa ngã lưng vào triền đê đã lặn ra ngủ. Chỉ chốc lát sau, tiếng gáy đã đồng loạt nổi lên. Có người ngủ mê mệt không biết trời đất gì nữa, có người tỉnh ngủ động tí lại giật mình. Trên mặt con đê chính, không chỉ có con người, mà còn có cơ man nào là chuột, ếch xanh, rắn. Xuất phát từ bản năng, những động vật này đã leo lên chỗ cao để trốn tránh trước khi nước lũ kịp ập tới đó. Bởi vậy, đã tạo nên cảnh tượng người rắn chuột ngủ chung hiểm thấy.

Bảy

Tháng tám năm 1963, một trận lũ lụt với cường độ mạnh hiếm có đã cô lập thành Thiên Tân. Hơn mười vạn quân dân quên mình, dốc sức liều mạng chặn đứng dòng nước lũ đầu tiên. Quách sư phụ và số quân dân còn lại trên mặt đê, liên tục một ngày một đêm phối hợp tiến hành gia cố con đê, sống chết không rời vị trí, đúng lúc ấy lại nhận được lệnh không thể rút lui ngay, bởi vì sắp có một đợt lũ thứ hai còn lớn hơn. Tình hình hư hại của con đê vô cùng nghiêm trọng. Cho dù đợt lũ thứ hai có cường độ như đợt thứ nhất đi nữa, con đê rạn nứt khắp nơi cũng khó có thể chống chọi được, huống chi là còn mạnh hơn nhiều. Kể cả có phá đê xả lũ trên thượng du cũng không tạo ra được tác dụng quá lớn. Tình thế cực kỳ nghiêm trọng.

Chạng vạng tối ngày hôm ấy, mưa to chợt tạnh, Quách sư phụ ăn vội phần cơm do công tác hậu cần cung cấp, ngồi trên mặt đê nghỉ ngơi lấy lại sức. Mặc dù mới chỉ năm sáu giờ chiều, nhưng sắc trời rõ ràng đã tối như hũ nút, có lẽ đợt lũ thứ hai sẽ tới vào sáng sớm ngày mai. Ông ta chợt nhớ tới sự việc ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương. Mấy cây đinh đóng quan tài, ông ta vẫn luôn dấu trong người mang theo, thầm nghĩ: “Vật trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương có liên quan đến hiện tượng rắn hóa rồng. Năm xưa, vị sư phụ trước của đội tuần sông đã nói trước một câu, nếu không diệt trừ được con quái vật này, chắc chắn sẽ dẫn tới cơn lũ lớn hơn nữa. Không tới ngôi nhà bị ma ám đó nhìn cho rõ ràng, tóm lại là vẫn không thể yên tâm.”

Tranh thủ lúc tạnh mưa, Quách sư phụ tìm học trò của mình mượn một chiếc xe đạp, không nói mình sẽ đi đâu, treo đèn pin lên ghi đông rồi xuống đê, đạp một mạch về phía công viên Bắc Ninh. Mặc dù con đê chính đã ngăn chặn được nước lũ, nhưng mương máng trong nội thành Thiên Tân đã ngập đầy nước. Những con đường nằm ở vùng thấp, nước đã ngập ngang eo, ông ta buộc phải xuống đất xe lội qua. Trên những con phố chính đã cắt điện, toàn bộ đèn đường đều đen ngòm, mọi người đã rút lên khu vực cao. Khi đến khu vực cạnh Ninh viên, ông ta thấy tất cả các căn nhà đã đóng chặt cửa, trong phòng không có ai, quả thực giống như đang ở giữa một tòa thành bỏ hoang.

Ông ta định trong đêm chạy đến ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương xem xét một lượt, trước khi hùng dũng lại chạy về chỗ con đê, tránh bị tiếng xấu chưa lâm trận đã bỏ chạy.

Mấy năm trước, công viên Bắc Ninh mở rộng hồ, dự định sẽ dỡ bỏ nhà dân ở ngõ hẻm kho lương. Nhưng mới phá dỡ được hơn phân nửa con hẻm thì bước vào thời kỳ nhịn ăn tiết kiệm lương thực, công việc mở rộng hồ bắt buộc phải dừng lại. Mặc dù ngõ hẻm kho lương đã bị phá hủy quá nửa số nhà cửa, nhưng ngôi nhà bị ma ám vẫn chưa bị động chạm đến. Ông ta tìm đến căn nhà hai gian của Bạch Tứ Hổ, trong ngõ hẻm không nhà nào có người ở cũng không có đèn, bầu trời đầy mây đen nặng trĩu như sắp sập xuống.

Cửa sổ hai gian phòng đồ nát đã bị mất cánh, phòng trong phòng ngoài tối đen như mực, không khí trong phòng nặng nề âm u, ngay cả muỗi cũng không có lấy một con.

Quách sư phụ bật đèn pin, cầm mấy cây đinh đóng quan tài trong tay, cất bước đi vào trong phòng. Vừa bước vào cửa, hơi ẩm xộc thẳng vào mũi. Quét đèn pin một vòng, lớp vữa ngoài mặt tường trong phòng đã bị tróc sạch, lộ ra lớp gạch thành cổ được xây theo hàng ngũ rất chỉnh tề. Trần nhà bị mưa dột, giấy dán trần đã mủn nát hết, ngẩng đầu lên là có thể nhìn thấy đòn nóc phủ đầy bụi đất và mạng nhện, bên trên nữa là mái nhà. Hai gian đồ nát chỉ có như vậy, ngoại trừ gạch là loại gạch cổ nhặt về khi phá thành năm Canh tý, những thứ còn lại chẳng có gì khác với những nhà dân bình thường khác. Loại gian nhà cấp bốn mười mét vuông như thế này, bất cứ ở đâu cũng có thể dễ dàng nhìn thấy. Ông ta chợt nhớ lại những gì Trương Bán Tiên đã từng nói: “Vật bên trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương có lẽ ẩn trốn ngay ở trước mắt mọi người, rõ ràng là nhìn thấy nhưng lại cho rằng trong phòng trống không, vậy thì nó là cái gì?”

Quách sư phụ sờ lần từng viên gạch một, rồi soi đi soi lại đèn pin vào những góc tối và trên nóc nhà mấy lần. Mặc dù không thấy có chỗ nào khác thường, nhưng ông ta vẫn có thể cảm nhận được, trong phòng có một luồng khí âm u lạnh lẽo, khiến cho lông tóc trên người dựng đứng. Nếu như chỉ là nhà ở bình thường, không thể nào có cảm giác như vậy, chẳng lẽ còn có điểm nào nằm ngoài tầm hiểu biết của con người? Ông ta không chịu từ bỏ ý định, gan quả thực lớn tày trời. Sau khi tắt đèn pin, ông ta ngồi cạnh chân tường nhắm mắt lại, ngẫm nghĩ kỹ lại toàn bộ từ đầu đến cuối: “Năm Canh tý, chương quầy tiệm quan tài nhà họ Bạch xây nhà chôn dấu bảo vật, nhà một người bán quan tài thì có nỗi bảo vật gì đây? Chẳng lẽ là căn phòng này. . .”

Vừa mới lần ra được đầu mối nào đó, Quách sư phụ chợt nghe thấy trong phòng có người rít qua kẽ răng cười lạnh lùng, trong lòng trở nên kinh hoàng, lập tức căng mắt lên nhìn, lập tức thấy một con rắn mối khổng lồ dài chừng hơn một trượng, đầu có sừng, thân hình ẩn hiện trong hơi nước, ngoằn ngoèo bò từ trên vách xuống, đang há cái miệng đỏ lỏm nhắm thẳng vào ông ta chực đớp.

Tám

Quách sư phụ giật bắn người, rắn mối khổng lồ có sừng trên đầu chẳng phải là ứng với rắn đã hóa rồng? Vật trốn trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương nhất định là con vật này, nhưng tại sao bình thường không ai có thể nhìn thấy nó? Rốt cục là nó trốn ở chỗ nào?

Lúc ấy không kịp nghĩ ngợi nhiều, con vật kia đang ngoác miệng bò đến gần, Quách sư phụ dùng luôn cây đinh quan tài đang cầm sẵn trên tay đâm thẳng vào nó. Đột nhiên một tiếng rít quái dị vang lên, ông ta lập tức ngồi bật dậy, trống ngực đánh thành thình. Trước mặt tối đen không có lấy một tia sáng, trong phòng không có hơi hám của sinh vật sống, hiển nhiên là không có bất cứ con vật gì. Ông ta vội lần tìm đèn pin, bật lên rồi quét xung quanh một lượt, rõ ràng là không thấy có gì khác lạ, trong lòng tự nhủ: “Có lẽ là mình đã mệt mỏi quá độ rồi, ngồi ngủ gật trong phòng lúc nào không hay, rồi chìm vào một cơn mơ như vậy, nhưng tại sao sao cảnh tượng trong mơ lại cứ như thật vậy?”

Phát hiện ra số đinh quan tài đã rơi khỏi bàn tay, Quách sư phụ bèn cúi xuống nhặt lên từng cái một, nhưng vẫn thiếu mất một cây, tìm khắp nơi mà không thấy. Trong lòng sinh ra lo sợ, ông ta lần mò khắp cả gian phòng với tâm lý phải tìm cho bằng được cây đinh quan tài đó, bởi đã biết rõ vật trong ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương là thứ gì rồi. Bốn vách tường mặt đất đều đã tìm mấy lần, nhưng vẫn không thấy cây đinh quan tài đâu cả, ông ta lại leo lên nóc nhà tìm tiếp. Đột nhiên, một tia sét giáng xuống, trời sáng bừng lên như giữa ban ngày, ông ta chợt nhìn thấy cây đinh quan tài đó đang cắm trên xà ngang. Sau khi phủi bụi đất và mạng nhện đi, ông ta thấy rõ thanh xà ngang là một đoạn gỗ lim nặng trĩu dài hơn trượng, bề mặt giăng kín vân gỗ giống như mai rùa, một mặt có hai lỗ thủng giống như đôi mắt. Vừa nhìn thấy, Quách sư phụ đã giật mình kinh hoàng không sao bình tĩnh lại được.

Đúng lúc ấy, từ phía tây bắc, vô số đám mây đen xì nối tiếp nhau kéo tới, tiếng sấm nổ đinh tai, mưa như trút nước, trong lòng ông ta đã đại khái hiểu ra chuyện gì xảy ra rồi. Chương quầy tiệm quan tài nhà họ Bạch không biết nhặt ở đâu về một tấm ván quan tài bằng gỗ lim vân vàng tối sẫm, mơ hồ có dấu hiệu hóa rồng. Vào năm Canh tý, lúc phá thành xây nhà, ông này đã dùng đoạn gỗ lim đó làm xà ngang, không cần hỏi cũng biết, nhất định là âm mưu mượn Long khí để thay đổi phong thủy, bởi vậy mới bảo con cháu không thể tự ý động chạm đến đồ vật trong ngôi nhà này. Không một ai có thể nghĩ ra, vật bên trong ngôi

nhà bị ma ám ở ngõ hẻm lương hóa ra lại là cây xà nhà bằng gỗ này. Thứ này đã thành tinh, rất may là đạo hạnh còn chưa đủ. Khi kẻ ăn cướp bằng búa thợ mộc Bạch Tứ Hổ cung khai, đã nói rằng đã từng nghe thấy trong phòng có người nói chuyện. Đại Ô Đậu tới đây ăn trộm bảo vật cũng khai rằng mình đã nhìn thấy nóc nhà có một cái đầu to cỡ khay trà. Toàn bộ những điều đó đều do cây xà nhà này tác quái.

Quách sư phụ đóng hết số đỉnh quan tài còn lại lên xà ngang, đến mãi hừng đông mới xong xuôi, chợt nhớ ra còn phải quay về con đê chính để chống lũ, vội vàng rời khỏi con hẻm kho lương. Không lâu sau, đợt lũ thứ hai đã kéo đến, lớn hơn nhiều so với đợt đầu. Hơn mười vạn người tử thủ con đê, nhưng vẫn không ngăn được cơn sóng dữ dưới dòng Hải Hà, dù trước kia đã đào sông phân lũ cũng không thể chống chọi được với đợt lũ lớn đến thế, thật sự không còn biện pháp gì nữa rồi. Trong lúc nghìn cân treo sợi tóc, bên trên hạ lệnh phá vỡ đê biển, nước lũ trong nội thành Thiên Tân chảy ra biển, cuối cùng cũng đứng vững trước trận lũ lụt mạnh hiếm thấy vào năm 1963. Sang năm sau, ngõ hẻm kho lương bị dỡ bỏ hoàn toàn. Quách sư phụ gọi Đinh Mão và Trương Bán Tiên đến giúp đỡ, bới cây gỗ lim từ trong đồng gạch ngói vụn ra, xỏ móc sắt xuyên qua, cột vào con sư tử đá đào lên được lúc di dời phần mộ, rồi ném cả hai xuống cái động lớn mà người ta đã phát hiện ra khi nạo vét sông cái.

Chỗ ấy thông nhau với con sông ngầm, tạo thành một xoáy nước, được trấn giữ bởi cái tháp trấn yêu của Hải Trương Ngũ, vật nào đã chìm xuống mắt sông thì vĩnh viễn đừng hòng mong thoát ra được. Từ đó về sau, công việc khống chế lũ lụt trên dòng Hải Hà đạt được hiệu quả, thành Thiên Tân địa ninh nhân hòa, nói chung không còn phát sinh ra trận lũ lụt nào quá lớn. Phần thứ nhất của câu chuyện về Thần sông là “Bắt yêu ở thôn Chó Dữ”, phát sinh vào trước thời kỳ giải phóng. Phần thứ hai là “Ngôi nhà bị ma ám ở ngõ hẻm kho lương”, toàn bộ sự việc diễn ra trong vòng hai thập niên năm mươi và sáu mươi, bắt đầu từ lúc truy bắt kẻ cướp bằng búa thợ mộc Bạch Tứ Hổ, kéo dài đến năm 1963, đến khi tám vạn quan tài bị đóng đinh chìm xuống đáy sông mới kết thúc. Câu chuyện coi như tuyên cáo đã được khép lại.

(Hết)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/ha-than-thuy-quai-duoi-cau>